



NIKOS KAZANTZAKI

ALEXIS ZORBA

con người
hoàn lạc



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki

Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com

Giới Thiệu

Zorba – Con người hoan lạc là một tác phẩm hết sức thú vị về chân dung một người đàn ông. Từ cuộc đời sống động của ông, Nikos Kazantzaki đã khái quát cả triết lý sống của riêng mình, hết sức sâu sắc mà không hề buồn tẻ.

Zorba, một người làm công bình thường, theo người kể chuyện đến khai thác than non trên đảo Crete (Hy Lạp). Tác phẩm xoay quanh cuộc sống tại đó, nơi hai người trở thành bạn thiết của nhau, và Zorba đã là nguồn cảm hứng của người kể chuyện. Tuy vậy, Zorba và người kể chuyện là một cặp tương phản thực sự. Và tất cả tác phẩm, thú vị thay, dùng chính cuộc đối thoại giữa họ để khắc họa nên một con người hoan lạc, với một thế giới đầy đủ tư tưởng, tôn giáo, triết lý, đam mê, tình yêu và tình dục.

Zorba là một lão già, nhưng tuổi già không hề khiến lão đánh mất niềm vui sống. Lão vẫn hằng say hưởng nhận mọi điều say mê ở đời, từ công việc trong công xưởng, từ sự hồi tưởng về những chuyến phiêu lưu cũ, từ những khinh khi với đám tu sĩ, cho đến cả lạc thú tình ái. Lão sống hoàn toàn bản năng, với tất cả những ham muốn hưởng thụ cuộc đời đến từng khoảnh khắc của mình. Ngọn lửa cháy bùng từ hết thấy vui buồn mà Zorba bao giờ cũng đồ hừng hực đó là niềm mơ ước của mọi người trong đời sống. Đó chính là sự bất hủ của nhân vật mà Nikos Kazantzaki đã tạo nên.

Để tô điểm thêm cho Zorba, người kể chuyện được xây dựng tương phản một cách hết sức lý thú. Đó là một chàng trai trẻ một sách, chỉ thích nghiên cứu giáo lý Phập giáo. Anh chàng yếu đuối đó không thiết tha với cuộc sống hiện thực, cho dù đó là tình ái chẳng nữa. Nhưng rồi, đến một khi, anh chàng ngỡ ngác nhận ra sự trống rỗng của những kinh kệ buồn tẻ, những đạo đức chỉ dẫn con người đến một chỗ bơ vơ, vô định, dẫn cuộc sống đến chỗ tĩnh tại, đúng hơn là một sự diệt vong.

Trên nền một thứ văn chương nồng nhiệt, thông minh, cuốn hút, *Zorba – con người hoan lạc* đã xây dựng được một điển hình, đã viết nên một triết lý sống. Và vì thế, xứng đáng là một kiệt tác.

Nhận định

“Một chuyến viễn du tuyệt diệu vào những xứ sở đầy nắng ấm của tinh thần con người... và bất hủ như South Wind, Candide hay The Odyssey...”

– *The New York Times*

“Với Alexis Zorba thì tất cả các nhân vật của văn học hiện đại đều là loại mắc chứng khó tiêu cả. Lão là Người và lão nói giọng Hy Lạp”

– *Time*

“Mỗi trang sách đều sống động với những ý tưởng, những hình ảnh với sự chính xác, tập trung và rung động của thơ ca.”

– *The New Yorker*

“Một cuốn tiểu thuyết lớn lao với lão nhân vật chính người Hy Lạp, vừa hùng hực vừa phóng túng, và thô ráp kiểu nông dân, Zorba cũng không khác gì Zarathustra, một vũ công thiên tài.”

– *SDM*

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki

Mục Lục

Giới Thiệu

Mục Lục

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Chương 12

Chương 13

Chương 14

Chương 15

Chương 16

Chương 17

Chương 18

Chương 19

Chương 20

Chương 21

Chương 22

Chương 23

Chương 24

Chương 25

Chương 26

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 1

Tôi gặp lão lần đầu tiên ở Piraeus. Tôi định đáp tàu đến Crete và tôi xuống bến cảng. Đã sắp rạng đông và trời đang mưa. Một ngọn gió xirôccô thổi mạnh, tạt bụi sóng vào đến tận cái tiệm cà phê nhỏ, cửa kính đóng chặt. Tiệm cà phê sực mùi rượu, ngải đắng, và hơi người làm các cửa sổ mờ mờ ướt vì khí lạnh bên ngoài. Năm sáu thủy thủ đã qua đêm ở đây, mình ủ kín trong những chiếc áo vét cài chéo bằng da dê thuộc màu nâu, đang uống cà phê hoặc rượu ngải đắng, phóng mắt qua cửa sổ mờ sương nhìn ra biển. Cá hoảng loạn vì những cơn sóng dồi lồng lộn đã trốn biệt xuống đáy sâu chờ đến khi nào mặt biển bên trên trở lại tĩnh lặng. Dân chài tụ tập đầy các tiệm cà phê cũng chờ cơn phong ba chấm dứt, bấy giờ lũ cá hoàn hồn sẽ ngoi lên mặt nước tìm mồi. Cá bơn, cá miêu và cá đuối đang từ cuộc tuần du đêm trở về. Trời đang rạng sáng.

T

Cánh cửa kính mở và một gã phu bến cảng người chắc nịch, lấm bết bùn, mặt dầu dãi phong sương, đầu trần, chân đất bước vào.

- Ê Kostandi! Một thủy thủ già vận áo choàng màu xanh da trời gọi to. Tình hình mà y ra sao?

Kostandi nhổ bọt.

- Chứ bác cho là thế nào? Anh ta bực dọc đáp. Sáng ra – chiều tiệm bar! Tối đến – về chỗ trọ! Ấy, tôi đang sống cách ấy. Chẳng có việc gì làm cả.

Một số bật cười, một số khác lắc đầu và chửi thề.

- Thế giới này là một cái án chung thân. Một người để ria mép nói, lượm lặt triết lý từ kịch Karagiozis ([1]).

Phải, một cái án chung thân. Quỷ tha ma bắt. Một ánh sáng xanh nhạt xuyên qua những ô kính cửa sổ nhớp bần của tiệm cà phê, chụp lấy những bàn tay, những cái mũi, những vầng trán, nhảy lên quầy bán hàng và làm những chai lọ lấp lánh. Ánh điện nhạt dần và chủ tiệm, gà gật buồn ngủ sau đêm thức trắng, vươn tay ra tắt điện.

Im lặng một lát. Mọi con mắt đều quay ra bầu trời nhớp nháp bên ngoài. Vang lên tiếng sóng gầm và tiếng ống điều lọc xọc trong tiệm cà phê.

Người thủy thủ già thở dài:

- Không biết chuyện gì đã xảy ra với thuyền trưởng Lamoni? Cầu Chúa phù hộ ông ta! Bác giật dử nhìn ra biển và làu bàu: Trời phạt mi về tội làm tan nát các gia đình!

Bác giật giật bộ ria hoa râm của mình.

Tôi ngồi trong một góc. Tôi lạnh và tôi gọi thêm một ly rượu ngải đắng thứ hai. Tôi muốn ngả lưng nhưng tôi cố chống lại cơn buồn ngủ, chống lại cái mệt và sự quạnh hiu của những giờ tinh mơ đầu ngày. Qua những cửa sổ ám hơi nước tôi ngắm bến cảng đang thức giấc, rộn rã tiếng còi tàu, tiếng í ới của đám phu kéo xe và thuyền chài. Và, trong khi tôi nhìn, một mạng lưới vô hình, dệt nên bằng biển cả, không khí và sự ra đi của tôi, cứ quần miết những mắt xích của nó quanh tim tôi.

Mắt tôi dán vào phần mũi đen ngòm của một con tàu lớn. Toàn bộ thân tàu còn lút trong bóng tối. Vẫn đang mưa và tôi thấy những tia mưa nổi lên bầu trời với bùn đất.

Tôi nhìn con tàu đen, nhìn những cái bóng, nhìn mưa, và nỗi buồn thành hình trong tôi. Hồi ức trở dậy.

Trong không khí ẩm ướt, cơn mưa và nỗi u sầu của tôi bỗng mang hình nét người bạn chí thiết của tôi. Tôi đã tới cũng cái bến cảng này để từ biệt anh ta vào hồi nào nhỉ? Năm ngoái? Trong tiền kiếp? Hay mới hôm qua? Tôi nhớ sáng hôm đó trời cũng mưa, cũng rét và cũng mới như ánh sớm mai. Đạo ấy, lòng tôi cũng nặng trĩu.

Cay đắng biết bao phải chia ly dần với bạn bè thân thiết! Thà tuyệt giao hẳn và ở lại trong cô đơn – cái môi trường tự nhiên cho con người – còn hơn nhiều. Vậy mà trong buổi bình minh mưa ấy, tôi không lòng nào xa rời bạn tôi (sau này tôi hiểu ra lý do tại sao, nhưng than ôi, đã quá muộn). Tôi đã lên tàu với anh và ngồi vào trong ca-bin của anh, giữa đống va-li ngổn ngang. Tôi da diết nhìn anh hồi lâu, trong khi anh chú mục tận đâu đâu, như muốn ghi tâm từng nét của anh – đôi mắt xanh lam biêng biếc rực sáng, khuôn mặt tròn trặn, trẻ trung, cái vẻ thông minh và khinh mạn và nhất là đôi bàn tay quý tộc với những ngón dài, thanh mảnh.

Đến một lúc, bất chợt thấy tôi đang dăm dăm nhìn anh bịn rịn, anh quay lại với cái vẻ giễu cợt anh thường phô ra khi muốn giấu tình cảm của mình. Anh nhìn tôi và anh hiểu. Và để tránh nỗi buồn ly biệt, anh hỏi với một nụ cười châm biếm:

- Bao lâu?

- Bao lâu cái gì?

- Cậu còn tiếp tục nhá giấy và bôi mực đầy người bao lâu nữa? Tại sao cậu không đi với mình? Xa kia, ở vùng Caucasus, có hàng ngàn đồng bào

ta đang trong cơn nguy hiểm. Ta hãy đi cứu họ – anh ta bắt đầu cười như thể chế nhạo kế hoạch cao cả của chính mình. Có thể chúng ta sẽ không cứu được họ. Chẳng phải cậu đã rao giảng: “Cách duy nhất để tự cứu mình là cố gắng cứu người khác” đó sao? ... Tốt, hãy tiến tới, ông thầy. Cậu rao giảng khá đấy. Tại sao cậu không đi với mình?

Tôi không trả lời. Tôi nghĩ đến mảnh đất thiêng liêng này của phương Đông, mẹ già của các thần linh, nghĩ đến tiếng la to của Prometheus bị cột chặt vào núi đá. Cũng bị cột chặt vào chính những tảng đá ấy, giống nòi chúng tôi đang thét gào. Giống nòi chúng tôi lại đang lâm nguy, đang kêu gọi đàn con cứu giúp. Và tôi đang thụ động nghe, như thể nỗi đau là một giấc chiêm bao và cuộc đời là một vở bi kịch hấp dẫn trong đó ngoại trừ kẻ què mùa hay đần độn, không ai muốn lao lên sân khấu, tham gia vào hành động.

Không chờ nghe trả lời, bạn tôi đứng lên. Tàu kéo còi lần thứ ba. Anh chìa tay cho tôi và lại giấu nỗi xúc động đằng sau sự châm chọc.

- Au revoir ([2]) con mọt sách!

Giọng anh run run. Anh biết không kiềm chế được tình cảm là điều đáng xấu hổ. Nước mắt, những lời âu yếm, những điệu bộ bối rối, những thói suồng sã tầm thường, mọi cái đó đối với anh dường như là những yếu đuối không xứng đáng với bậc nam nhi. Tuy rất yêu quý nhau, chúng tôi không bao giờ trao đổi một lời trù mến.

Chúng tôi giỡn nhau, chọc nhau như loài dã thú. Anh, con người văn minh, thông tuệ, hay châm biếm; tôi, kẻ man rợ mông muội. Anh ta luôn tự kiềm chế và ngọt ngào biểu lộ mọi tình cảm bằng một nụ cười. Tôi thường bất thần ré lên một tiếng cười lạc lõng và mông muội. Tôi cũng ráng thử ngụy trang những xúc động của mình bằng một lời răn rỏi. Nhưng tôi cảm thấy xấu hổ.

Không, không hẳn là xấu hổ, mà là không đủ sức làm thế.

Tôi túm lấy tay anh, nắm riết, không muốn rời. Anh nhìn, ngạc nhiên:

- Cậu xúc động đến thế kia à? Anh nói, cố mỉm cười.

- Ừ, tôi bình tĩnh đáp.

- Tại sao? Nay, ta đã nói với nhau như thế nào nhỉ? Chẳng phải ta đã nhất trí về điểm này từ bao năm nay rồi sao? Các chú Nhật Bản thân yêu của cậu nói sao nhỉ? Fudoshin! Ataraxia! Điềm đạm như thiên thần, sắc diện như một cái mặt nạ tươi cười, bất động. Còn như điều gì diễn ra đằng sau cái mặt nạ thì đó là việc của chúng ta.

- Ừ, tôi lại đáp, cố tránh nói câu dài để khỏi lộ nỗi xúc động. Tôi không dám chắc có thể làm chủ được giọng mình.

Tiếng cồng trên tàu vang lên, xua các khách đi tiến ra khỏi các ca-bin. Mưa nhẹ. Không khí rộn những câu già biệt lâm ly, những lời hứa hẹn, những cái hôn kéo dài và những lời căn dặn hỗn hển, vội vã. Mẹ chạy bổ tới con, vợ lao vào vòng tay chồng, bạn ôm chầm lấy bạn.

Như thế rời xa nhau mãi mãi. Như thế cuộc chia ly nhỏ này nhắc đến cuộc chia khác – cuộc chia ly lớn vĩnh viễn.

Và đột nhiên trong không khí ẩm ướt, tiếng cồng dội một vang âm nhẹ nhàng suốt từ cuối láy đèn đầu mũi như hồi chuông nguyện hồn người chết. Tôi rùng mình.

Bạn tôi cúi xuống.

- Nay, anh khẽ nói: cậu có linh cảm thấy điều gì không?

Tôi lại “ừ” một lần nữa.

- Cậu có tin những điều nhảm nhí ấy không?

- Không, tôi quá quyết trả lời.

- Vậy thì sao?

- Chả “sao giảng” gì hết. Tôi không tin nhưng tôi sợ.

Bạn tôi đưa tay trái khẽ chạm vào đầu gối tôi như anh thường làm thế những lúc tự buông thả. Chẳng hạn khi tôi thúc anh đi đến một quyết định, anh chống lại, bịt tai và khước từ, nhưng rồi cuối cùng chấp nhận; bấy giờ, anh bèn rờ đầu gối tôi như muốn nói: “Thôi được, vì tình bạn, tôi sẽ làm cái điều cậu nói...”. Anh chớp mắt liền hai ba cái, rồi lại dăm dăm nhìn tôi. Anh hiểu tôi đang nảo ruột và ngần ngại không muốn dùng đến những vũ khí thông thường của chúng tôi: cười lớn cười nụ và bỡn cợt.

- Được lắm, anh nói. Cậu đưa tay cho mình nào. Nếu có bao giờ một trong hai ta lâm tử nạn...

Anh dừng lại, như mắc cỡ. Chúng tôi, những kẻ bao năm nay vẫn giễu những trò “phiêu diêu siêu hình và bỏ tất cả nhưng kẻ ăn chay, các nhà duy linh học, thần trí học và chuyện ngoại chất vào cùng một giỏ.

- Sao? Tôi hỏi, cố đoán xem anh định nói gì.

- Chúng ta hãy coi đây như một trò chơi, anh nói đột ngột để rút ra khỏi câu nói nguy hiểm anh vừa dẫn vào. Nếu có bao giờ một trong hai ta lâm tử nạn thì người ấy hãy dồn hết trí lực nghĩ đến người kia để báo tin, bất kỳ chúng ta ở đâu... Được không?

Anh ráng cười thành tiếng, nhưng môi anh vẫn bất động, như thể đông cứng lại.

- Được, tôi nói.

Sợ là đã phô bày tình cảm quá lộ liễu, bạn tôi vội nói thêm:

- Xin nhớ là mình chẳng tin chuyện thần giao cách cảm và những thứ tương tự một chút nào.

- Không sao, tôi nói khề. Kệ...

- Tốt lắm, vậy thì cứ thế nhé. Đồng ý nhé?

- Đồng ý, tôi đáp.

Đó là những lời cuối cùng trao đổi giữa chúng tôi.

Chúng tôi lặng lẽ siết tay nhau, các ngón đan vào nhau nồng nhiệt, rồi đột ngột buông ra. Tôi bước đi thật nhanh không ngoái lại, như đang bị theo dõi. Tôi chợt cảm thấy một nỗi thôi thúc muốn quay nhìn bạn tôi một lần cuối, nhưng tôi cố nén lại. “Đừng ngoái nhìn!” Tôi tự ra lệnh cho mình “Thẳng tiến.”.

Tâm hồn con người thật nặng nề, vụng dại, nó bị mắc trong vũng lầy xác thịt. Mọi cảm thụ của nó còn thô sượng, cục mịch. Nó không thể dự cảm cái gì rõ ràng và chắc chắn. Nếu nó tiên đoán được thì cuộc chia tay này hẳn đã khác đi bao nhiêu!

Trời mỗi lúc một sáng. Hai buổi sớm hòa quyện vào nhau. Gương mặt thân yêu của bạn tôi, mà lúc này tôi có thể thấy rõ hơn, vẫn bất động và thể lương trong mưa và trong không khí bến cảng. Cửa tiệm cà phê mở, biển gào, một thủy thủ người chắc nịch, ria dài thõng, chân chạng ra, bước vào. Những tiếng reo lên vui thích:

- Hoan nghênh thuyền trưởng Lemoni!

Tôi rút vào trong góc, cố tập trung tư tưởng lần nữa.

Nhưng gương mặt bạn tôi đã hòa tan trong mưa.

Trời sáng rõ thêm. Thuyền trưởng Lemoni, khắc khổ và lẫm lẫm, rút chuỗi tràng hạt hổ phách ra và bắt đầu vừa lần vừa đọc bài kinh Rozer. Tôi ráng sức cưỡng lại không nhìn, không nghe, cố bám lấy thêm chút nữa cái hình ảnh đang tan đi. Giá tôi có thể sống lại cái lúc cơn giận dâng lên trong tôi khi bạn tôi gọi tôi là một sách! Lúc ấy tôi nhớ ra rằng tất cả nỗi ghê tởm của tôi với quãng đời mình đã sống được thể hiện trọn vẹn trong cái từ đó.

Làm sao tôi, một kẻ yêu đời mãnh liệt đến thế, lại có thể để mình mắc kẹt lâu như vậy trong đồng sách nhảm nhí và mớ giấy đen ngòm mực! Trong cái ngày chia ly ấy, bạn tôi đã giúp tôi nhìn thấy rõ. Tôi nhẹ hẳn người. Giờ đây, biết đích danh cái tai ách của mình, có thể tôi sẽ chiến thắng nó dễ dàng hơn. Nó không còn khó tóm bắt và vô hình vô thể nữa, nó đã mang một cái tên và hình khối, tôi sẽ dễ chọi với nó hơn.

Lời lẽ của bạn tôi hẳn đã lặng lẽ thấm trong tôi. Tôi kiếm có để từ bỏ mớ sách vở, tài liệu và lao mình vào một cuộc đời hành động. Tôi phần uất vì nỗi phải mang cái tạo vật khốn khổ ấy trên bảng tên mình. Một tháng trước đây cơ hội mong muốn đã đến. Tôi đã thuê một mỏ than linhhit bỏ hoang trên bờ đảo Crete, trông sang Libya và giờ đây, tôi sắp sống với những con người mộc mạc, những thợ thuyền và nông dân, xa hẳn cái giống một sách!

Tôi náo nức chuẩn bị lên đường, tựa hồ như cuộc hành trình này có một ý nghĩa bí ẩn. Tôi đã quyết định thay đổi lối sống. “Cho tới nay”, tôi tự nhủ, “mi chỉ thấy cái bóng và bằng lòng với nó, giờ đây, ta sẽ dẫn mi đến với bản thể”.

Cuối cùng, tôi đã sẵn sàng. Buổi tối trước hôm lên đường trong khi lục lợi giấy tờ, tôi bắt gặp một bản thảo bỏ dở. Tôi cầm nó lên nhìn, phân vân. Từ hai năm nay, trong thăm sâu con người tôi, một khát vọng lớn, một hạt giống đã nhen lên. Tôi có thể luôn luôn cảm thấy nó trong ruột, nó lấy tôi làm chất dinh dưỡng mà chín dần.

Nó đang lớn lên, chuyển động và bắt đầu đập vào thành bụng để chui ra. Tôi không còn can đảm để hủy nó. Tôi không thể. Đã quá muộn để tiến hành một cuộc nạo thai tâm linh như vậy.

Đột nhiên, trong khi phân vân cầm tập bản thảo, tôi bỗng thấy nụ cười của bạn tôi hiện hiện trong không trung, một nụ cười pha trộn cả mỉa mai lẫn triu mến. ” Nhất định tôi sẽ mang nó đi?” Bị kích đến tận gan ruột, tôi nói. “Tôi sẽ mang theo, cậu không cần phải cười tùm!” Tôi bọc bản thảo lại cẩn thận như quấn tã cho một đứa bé và mang theo.

Cái giọng trầm, khàn khàn của thuyền trưởng Lemoni vang lên. Tôi dỏng tai nghe. Ông ta đang kể chuyện lũ thủy yêu trèo lên liếm cột buồm tàu ông trong cơn phong ba:

- Chúng vừa mềm vừa dính, ông nói. Túm bắt một loạt là tay mình đâm bắt lửa. Tôi đưa tay vuốt ria, thế là trong bóng tối, tôi lập lòe lên như quỷ sứ. Thế, nước biển tràn vào tàu, làm ướt sũng cả chuyến hàng than của tôi. Tàu bắt đầu chao nghiêng; nhưng giữa lúc đó, Thượng đế bèn nhúng tay vào, phóng một tia sét, làm bật tung các cửa hầm chứa hàng và biển bỗng đầy than. Tàu nhẹ đi, trở thẳng lại và bọn tôi thoát nạn. Thôi xin đủ.

Tôi rút trong túi ra một cuốn Dante khổ nhỏ – bạn đồng hành của tôi. Tôi châm một tẩu thuốc, dựa vào tường cho thoải mái. Tôi lưỡng lự một lát. Nên đắm mình vào đoạn thơ nào đây? Vào đoạn vạc dầu Địa Ngục hay đoạn lửa tẩy rửa của Lò Luyện Tội? Hay nên dẫn thẳng vào bình diện cao cả nhất của hy vọng con người?

Tôi có quyền lựa chọn cơ mà. Cầm trong tay cuốn Dante loại bỏ túi, tôi sung sướng với quyền tự do của mình.

Những câu thơ mà tôi sắp chọn vào lúc sớm tinh mơ này sẽ bắt nhịp cho cả ngày.

Tôi cúi mình trên sự hiện hình mãnh liệt đó để quyết định, song không đủ thời gian. Đột nhiên, tôi bối rối ngẩng đầu lên. Không hiểu sao tôi cảm thấy như có hai con mắt khoan vào đỉnh đầu mình. Tôi vội ngoái nhìn về phía cánh cửa kính. Một hy vọng cuồng điên lóe lên trong óc tôi: “Mình sắp gặp lại bạn”. Tôi chuẩn bị tinh thần đón phép lạ, nhưng phép lạ không xảy ra. Một người lạ mặt khoảng sáu mươi tuổi, rất cao và gầy nhom, mắt thao láo, dán mũi vào ô kính từ lúc nào và đang nhìn tôi Lão cắp ở nách một bọc nhỏ lép kẹp.

Điều gây ấn tượng mạnh nhất đối với tôi là cái nhìn hau háu của lão, đôi mắt giễu cợt và rực lửa của lão. Dù sao mặc lòng, đó cũng là cảm giác của tôi.

Bốn mắt vừa giao nhau – dường như lão muốn biết chắc tôi đúng là người lão đang tìm kiếm – người lạ mặt liền đưa tay quả quyết đẩy cửa. Lão đi qua giữa các bàn bằng bước chân thoăn thoắt, nhún nhảy và dừng lại trước mặt tôi.

- Đi du lịch hả? Lão hỏi. Đi đâu vậy? Phó mặc vào ý Trời ư?

- Tôi đi Crete. Bác hỏi làm gì?

- Cho tôi đi cùng nhé?

Tôi nhìn kỹ lão: má hóp, quai hàm răn rỏi, lưỡng quyền cao, tóc xoắn nhuộm bạc, mắt long lanh soi mói.

- Tại sao? Tôi có thể dùng bác vào việc gì?

Lão nhún vai.

- Tại sao? Tại sao? Lão kêu lên, vẻ khinh miệt. Chẳng lẽ một con người không thể làm gì bất cần biết tại sao ư? Vì hẳn ta muốn thế, có vậy thôi,

không được ư? Thì được, ông cứ lấy tôi làm đầu bếp, chẳng hạn. Tôi biết nấu những món xúp ông chưa từng thấy hoặc chưa hình dung tới bao giờ...

Tôi bật cười. Cung cách thẳng thừng và lời lẽ sắc bén của lão làm tôi thích. Cả món xúp, tôi cũng khoái. Mang theo cái tay phóng túng này đến miền bờ biển xa xôi, quanh hiu hỏ, kể cũng không phải là điều dở, tôi nghĩ thầm. Để lão nấu xúp và kể các thứ chuyện tiêu sầu... Xem vẻ như lão đã chu du năm châu, bốn biển khá nhiều, một loại Sinbad nhà Hàng Hải ([3])... Tôi thấy thích lão.

- Chú mình nghĩ gì vậy? Lão suồng sã hỏi tôi, lắc lắc cái đầu to tướng. Chú cũng cân nhắc hả? Chuyện gì cũng cân nhắc từng ly từng tí à? Thôi nào, quyết định đi, anh bạn. Liều một quán nào!

Cái lão cục mịch gầy và cao lêu đêu ấy đứng vọi vọi trước mặt tôi và tôi đâm mệt vì cứ phải ngược lên mà nói với lão. Tôi gập cuốn Dante lại.

- Ngồi xuống, tôi bảo lão. Làm một ly rượu ngải đắng nhé?

- Rượu ngải đắng? Lão thốt lên, khinh mạn. Này, bồi, một ly rum!

Lão uống ly rum từng hớp nhỏ, ngậm lâu trong miệng để tận hưởng vị thơm ngon, rồi chiêu từ từ cho ấm bụng. “Một cha hưởng lạc”, tôi nghĩ thầm. “Tay sành đây”.

- Chứ bác làm nghề gì? Tôi hỏi.

- Đủ loại nghề chân tay, đầu óc – tuốt mo. Nếu chọn việc mà làm thì ngán lắm!

- Gần đây nhất, bác làm ở đâu?

- Ở một khu mỏ. Tôi là một thợ mỏ cừ. Tôi có biết đôi chút về kim loại. Tôi biết cách tìm ra vỉa và mở đường hầm. Tôi vẫn xuống giếng mỏ, chẳng

sợ gì. Tôi làm việc tốt. Tôi đã từng làm đốc công và chẳng có gì phải phàn nàn cả. Nhưng rồi ma quỷ nhảy vào phá thói. Đêm thứ bảy tuần trước, đơn thuần vì hứng chí, tôi đột ngột nổi máu ngộ tím lấy lão chủ hôm ấy xuống thanh tra, nện cho một trận...

- Nhưng tại sao? Lão ta đã làm gì bác?

- Làm gì tôi ư? Chẳng làm gì sất, thật đấy! Đây là lần đầu tiên tôi thấy lão. Thậm chí lão quý tội nghiệp ấy còn phân phát thuốc lá cho bọn tôi là đằng khác.

- Thế à?

- Ồ chú mình cứ ngồi đấy mà hỏi hết câu nọ đến câu kia! Cái cơn ấy chợt đến với tôi, có thể thôi. Chú biết câu chuyện vợ lão chủ cối xay chứ? Ồ, chắc chú không ngờ là người ta có thể học chính tả từ mông đít mụ ta phải không? Mông đít vợ lão chủ cối xay, đó là lý trí con người.

Tôi đã đọc nhiều định nghĩa về lý trí con người. Cái định nghĩa này làm tôi ngạc nhiên hơn cả và tôi thích. Tôi nhìn người bạn mới của tôi với mỗi quan tâm sâu sắc.

Mặt lão hằn những nét nhăn sâu, dầu dãi phong sương, như tấm gỗ mọt. Mấy năm sau, một bộ mặt khác cũng cho tôi cái cảm giác về gỗ bị ăn mòn đục ruỗng như vậy: bộ mặt của Panait Istrati ([4]).

- Thế bác có gì trong bọc vậy? Lương thực? Quần áo? Hay dụng cụ?

Bạn đồng hành của tôi nhún vai, cười:

- Chú thứ lỗi, lão nói, chú có vẻ là hạng người rất khôn ngoan đấy.

Những ngón tay dài, răn ròi của lão vuốt ve cái bọc.

- Không, lão nói thêm, đây là một cây santuri ([5]).

- Một cây santuri? Bác chơi đàn santuri à?

- Khi nào nhẵn túi, tôi đi tua các quán, chơi đàn santuri, hát các làn điệu Kleptic cổ vùng Maccdonia. Rồi cầm mũ đi một vòng – chiếc mũ bạc này này – thoát cái là đây tiền.

- Tên bác là gì?

- Alexis Zorba. Đôi khi, người ta gọi là Xéng Lò Bánh vì tôi gày đét, cao ngẳng và đầu bẹt như cái bánh đa. Hoặc nữa, tôi còn được mệnh danh là Passa Tempo ([6]) vì có hồi tôi đi bán rong hạt bầu rang. Họ còn gọi tôi là Năm Mindiu vì, theo lời họ, đi đến đâu tôi cũng giở thủ đoạn. Mọi sự đều xuống dốc. Tôi còn nhiều biệt hiệu nữa, nhưng thôi để khi khác...

- Thế bác học chơi santuri như thế nào?

- Đạo ấy, tôi hai mươi tuổi. Tôi được nghe santuri lần đầu tiên vào một dịp hội làng – làng tôi ở dưới chân núi Olympus. Tôi nghe mà lặng người đi. Ba ngày liền tôi không ăn được gì cả. “Con làm sao thế?” Cha tôi hỏi – cầu cho hồn cụ siêu thoát. – “Con muốn học đàn santuri!” – “Mày không biết xấu hổ à? Mày có phải là dân di-gan không đấy? Mày muốn trở thành một thằng đánh đàn bập bung à?” “Con muốn học đàn santuri?” Tôi có để dành được ít tiền chuẩn bị cưới vợ. Đó là một ý định con nít, nhưng hồi ấy, tôi còn non nớt với bầu máu nóng. Tội nghiệp cái thằng tôi ngu xuẩn, tôi muốn lấy vợ! Dù sao đi nữa, tôi dốc hết số tiền mình có, ngoài ra còn bòn mót thêm nữa, để mua một cây đàn santuri. Cây đàn trước mắt chú đấy. Tôi trốn nhà, mang theo cây đàn tới Salonica và vợ được một người Thổ Nhĩ Kỳ tên là Retsep Effendi chuyên dạy đàn santuri. Tôi phủ phục xuống chân ông.

“Muốn gì, cậu bé vô đạo kia?” Ông hỏi – “Con muốn học đàn santuri – “Được thôi, nhưng tại sao lại phủ phục dưới chân ta?” “Vì con không có

tiền trả thầy”. – “Con thực sự thích đàn santuri đến mê cuồng chứ?” – “Vâng.” – “Thế thì con cứ ở lại. Ta không cần con trả tiền học”.

Tôi ở lại học ông một năm. Cầu Thượng để thánh hóa di hài của ông vì bây giờ hẳn ông đã mất rồi? Nếu Thượng để để cho chó vào Thiên đàng, xin người hãy mở cửa cho Retsep Effendi. Từ khi học chơi santuri, tôi đã trở thành một con người khác. Những khi túng quẫn hoặc cảm thấy ngã lòng, tôi lấy đàn ra chơi và phấn chấn lên. Khi tôi đang đàn, ai nói chuyện gì với tôi, tôi cũng không nghe thấy, hoặc nếu có nghe thấy cũng không đáp lời được. Tha hồ cố gắng, tôi cũng không thể thốt nên lời.

- Nhưng tại sao thế, Zorba?

-Ồ chú không hiểu ư? Một sự đam mê, thế đó?

Cửa mở. Tiếng biển ầm ì lại vào tiệm cà phê. Tay chân chúng tôi lạnh cóng. Tôi rúc sâu thêm vào trong góc và ủ mình trong chiếc áo khoác ngoài, tận hưởng niềm khoái cảm của giây phút này.

“Việc gì mình phải đi đâu?” Tôi nghĩ thầm. “Ở đây cũng ổn chán. Cầu sao giây phút này kéo dài vô tận”. Tôi nhìn con người kỳ dị ngồi trước mặt tôi. Mắt lão cắm vào mắt tôi. Đó là hai con mắt nhỏ, tròn, đồng tử đen nhánh và lòng trắng vẫn những tia đỏ. Tôi cảm thấy chúng xuyên thấu tôi, soi mói hoài không thỏa.

- Sao nữa? Tôi nói. Kể tiếp đi.

Zorba lại nhún đôi vai xương xẩu.

- Bỏ chuyện đó đi, lão nói. Cho tôi điều thuốc lá, được không?

Tôi đưa thuốc cho lão. Lão lấy trong túi ra một hòn đá lửa và một cái bấc đèn, châm thuốc và lim dim mắt ra chiều hài lòng.

- Có vợ chứ?

- Tôi không phải là một thằng đàn ông sao? Lão bực bội nói. Tôi không phải là một thằng đàn ông sao? Có nghĩa là mù quáng. Như tất cả những người khác đi trước tôi tôi đâm đầu xuống hố. Tôi lấy vợ. Tôi lao xuống dốc. Tôi trở thành chủ gia đình, tôi xây nhà, tôi có con – thế là lo lắng phiền muộn. Nhưng đội ơn Thượng đế đã cho tôi cây đàn santuri!

- Bác chơi đàn để quên những lo phiền phải không?

- Này, tôi thấy rành là chú chả chơi một thứ đàn nào cả. Chú đang nói chuyện gì vậy? Trong gia đình, có đủ mọi thứ lo. Nào vợ, nào con, nào cái ăn, cái mặc, nào mai sau sẽ ra sao... Quý tha ma bắt. Không, muốn chơi đàn santuri, tinh thần phải phấn khởi, lòng dạ phải trong sáng. Nếu vợ tôi quá nhiều lời, làm sao tôi có thể có hứng để chơi santuri? Nếu con cái đói và gào ăn, cứ thử chơi xem có được không? Muốn chơi santuri, thì phải dốc hết mình vào đó, quên mọi sự, chú hiểu không?

Phải. Tôi hiểu. Zorba là con người tôi đã hoài công tìm kiếm bao lâu. Một trái tim đầy sức sống, một cái miệng to phàm ăn, một tâm hồn lớn thô mộc chưa bị tách rời khỏi mẹ đất.

Với tôi các từ: nghệ thuật, tình yêu, sự trong sáng, đam mê, tất cả đều được người lao động này làm rõ nghĩa bằng những chữ mộc mạc nhất của tiếng người.

Tôi nhìn hai bàn tay lão, hai bàn tay có thể sử dụng cả cuộc lẫn đàn santuri – đầy chai sạn, nứt nẻ, biến dạng và chằng chịt gân. Rất thận trọng và âu yếm như giải y một người đàn bà, đôi bàn tay ấy mở chiếc bọc, lấy ra một cây đàn santuri cũ, năm tháng đã mài bóng. Đàn có nhiều dây, trang trí bằng những mảng đồng, ngà và một ngù tua bằng lụa đỏ. Những ngón tay chuối mắn vuốt toàn thân cây đàn, chậm rãi, say đắm như vuốt ve một

người đàn bà, rồi lại cho vào bọc như mặc quần áo cho tấm thân ngọc ngà yêu dấu để khỏi bị nhiễm lạnh vậy.

- Cây đàn santuri của tôi đó! Lão thì thầm trong khi thận trọng đặt nó lên một chiếc ghế.

Lúc này, đám thủy thủ đang chạm cốc và cười rộ.

Tay thủy thủ già thân ái vỗ vỗ vào lưng thuyền trưởng Lemoni.

- Ông được một mẻ hú vía phải không, thuyền trưởng? Có chúa biết ông đã hứa thắp bao nhiêu ngọn nến tạ ơn thánh Nicholas.

Thuyền trưởng nhú cặp lông mày rậm như chổi xể.

- Không, tớ xin thề với các đấng ấy là khi nhìn thấy thần chết trước mắt, tớ không hề nghĩ đến Đức bà Đồng Trinh cũng như Thánh Nicholas gì hết! Tớ chỉ quay về hướng Salamis. Tớ nghĩ đến vợ tớ và tớ kêu lên: “Ôi, Katherina em, giá lúc này anh đang nằm trên giường với em”.

Một lần nữa, đám thủy thủ lại phá lên cười và thuyền trưởng Lemoni cũng cười theo.

- Con người quả là một giống vật kỳ lạ, ông nói.

Thần chết đang lăm lăm giơ lưỡi hái trên đầu, vậy mà tâm trí hẳn lại cố định vào cái chỗ í, chỉ độc chỗ í thôi, chứ không nghĩ đến gì khác. Quỷ bắt đồ dê cụ đi!

Ông ta vỗ tay gọi:

- Một chén rượu cho tất cả anh em.

Zorba dỏng đôi tai to tướng chăm chú nghe. Lão quay lại nhìn đám thủy thủ, rồi nhìn tôi.

- Chỗ í chỗ nào? Lão hỏi. Cha nội ấy kể chuyện gì vậy?

Nhưng lão chợt hiểu ra và giật mình.

- Hoan hô, anh bạn! Lão kêu lên thán phục. Cái dân thủy thủ này nắm được bí quyết. Có lẽ vì ngày đêm, họ đụng đầu với cái chết.

Lão vung nắm đấm to đùng lên không.

- Phải! Lão nói. Đó là vấn đề khác. Ta hãy quay lại chuyện của ta. Tôi ở lại hay đi theo chú? Quyết định đi.

- Zorba, tôi nói và tôi phải ráng tự kiềm chế để khỏi ôm chầm lấy lão, đồng ý! Bác sẽ cùng đi với tôi. Tôi có mỏ than linhít ở Crete. Bác có thể làm giám thị cai quản thợ thuyền. Tối tối, chúng ta sẽ nằm dài trên bãi cát – tôi chẳng có vợ con hoặc chó mèo gì trên đời này – chúng ta sẽ cùng nhau ăn nhậu. Rồi bác sẽ chơi santuri!

- Nếu tôi có hứng, chú nghe rõ không? Nếu tôi thấy hứng thú chú thích bao nhiêu tôi sẽ làm việc cho chú chừng ấy. Về mặt ấy, tôi là người làm của chú. Nhưng về chuyện chơi santuri, cái đó lại khác. Nó là một loại dã thú, nó cần được tự do. Nếu tôi có hứng, tôi sẽ đàn.

Thậm chí tôi sẽ hát nữa. Và tôi sẽ nhảy điệu Zéimbékikô ([7]), điệu Đồ tể, điệu Penozáli ([8]) – nhưng, tôi xin nói thẳng thừng với chú từ đầu, tôi phải có hứng đã mới được. Ta hãy rành mạch về điểm ấy. Nếu chú ép tôi là phăng-teo đấy. Về những cái đó, chú phải hiểu rằng tôi là một con người.

- Một con người? Ý bác định nói gì?

- À nghĩa là tự do chứ sao nữa!

Tôi gọi một ly rum nữa.

- Cho hai ly! Zorba kêu. Chú phải làm một ly để chúng ta chạm cốc mừng chứ. Rượu ngải đắng và rum không đi với nhau được. Chú cũng phải uống một ly rum cho giao ước của chúng ta bền vững chứ!

Chúng tôi cụng ly. Lúc này trời đã sáng hẳn. Tàu rúc còi Người phu tàu ban nầy mang hành lý của tôi lên tàu, ra hiệu cho tôi.

- Cầu Thượng đế phù hộ chúng ta, tôi vừa nói vừa đứng dậy. Ta đi thôi!

- Thượng đế và ma quỷ chứ, Zorba bình thản bổ sung.

Lão cúi xuống cặp chiếc santuri vào vách, mở cửa và đi ra trước.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 2

Biển cả, cái êm ả mùa thu, những hải đảo chan hòa ánh sáng, cơn mưa nhẹ hạt dăng một tấm màn trong mờ lên sự lỏa lồ bất hủ của Hy Lạp. Sung sướng thay kẻ nào trước khi chết còn được cái may mắn phiêu du trên biển Aegea.

B

Lạc thú trên cõi đời này kể cũng lắm – nào đàn bà, nào hoa trái, nào ý tưởng. Nhưng theo tôi, rẽ sóng lướt trên vùng biển này trong mùa thu dịu êm, miêng thăm thì gọi tên từng cù lao nhỏ, đích thị là niềm vui màu nhiệm nhất khả dĩ đưa tâm hồn người vào cõi Thiên đàng. Không ở nơi nào khác, người ta có thể chuyển từ thực tế vào mộng mơ dễ dàng và yên ả như thế. Những đường biên co lại và từ những cột buồm của những con tàu cổ xưa nhất, nẩy ra cành lá hoa trái. Y như thế tại đây, ở Hy Lạp, sự cần thiết là mẹ đẻ của những phép màu.

Vào khoảng trưa, mưa tạnh. Mặt trời rẽ mây hiện ra, dịu dàng, nồn nà, sạch bong và tươi mát, gửi những tia nắng xuống mơn man sóng nước cùng những dải đất thân yêu. Tôi đứng ở đẳng mũi, thả mình say sưa ngây ngất với phép lạ được phơi bày đến tận cuối tầm mắt.

Trên tàu có những gã Hy Lạp yêu ma quỷ quái, mắt cú vọ, đầu óc như thứ hàng rơm hào nhoáng của các chủ hiệu tạp hóa, giật dây người khác và

gây lộn; một cái piano sai dây; những phụ nữ nanh nọc mà trung thực.

Tự trung, người ta cảm thấy thôi thúc muốn nắm lấy hai đầu con tàu, dìm nó xuống biển, lắc đến kỳ cùng để trút hết mọi sinh vật làm ô nhiễm nó – người, chuột, rệp – rồi lại thả nó nổi trên mặt nước, gột rửa tinh tươm, không còn gì trong ruột.

Nhưng đôi khi, tôi bỗng thấy thương cảm. Một nỗi thương cảm của nhà Phật, lạnh lùng như kết luận của một tam đoạn luận siêu hình. Một nỗi thương cảm không những đối với con người, mà đối với toàn bộ cuộc sống đang vật lộn, kêu khóc, hy vọng, mà không thấy rằng mọi sự chỉ là ảo cảnh của hư không. Thương những người Hy Lạp, thương mỏ than bùn, thương bản thảo dở dang của tôi về Đức Phật, thương tất cả những kết hợp hào huyền của ánh sáng và bóng tối nọ đột nhiên làm xáo động và ô nhiễm bầu không khí trong lành.

Tôi nhìn bộ mặt dài thượt và vàng như sáp của Zorba. Lão đang ngồi trên một cuộn dây thừng ở đằng mũi vừa hít hít một quả chanh, vừa dỏng đôi tai to tướng nghe một số hành khách cãi nhau, người tranh luận về đức vua, kẻ về Venizelos ([9]). Lão lắc đầu và nhổ nước bọt.

- Chuyện tào lao? Lão lẩm bẩm, miệt thị. Họ không biết xấu hổ!

- Bác bảo cái gì là chuyện tào lao, Zorba?

- À, tất cả những cái đó, vua chúa, dân chủ, trưng cầu dân ý, dân biểu, ba láp hết.

Zorba đã bỏ xa những sự kiện đương đại tới mức chúng chỉ còn là những chuyện nhảm nhí lỗi thời. Chắc chắn đối với lão, điện tín, tàu thủy và đầu máy xe lửa, đạo đức và tôn giáo hiện hành, hẳn cũng tương tự như những cây súng trường han gỉ. Tâm trí lão tiến bộ nhanh hơn thế giới nhiều.

Những dây chèo kèn kẹt trên cột buồm, những bờ biển như nhảy múa và đám phụ nữ trên tàu đâm nhọn nhạt, mặt vàng vọt hơn vỏ chanh. Họ đã buông vũ khí: son phấn, áo lót, cặp tóc, lược. Mũi tái đi, móng tay xanh lét. Những nụ mồm loa mép giải như những con chim ác là rơi rụng mất bộ lông mượn: ruy-băng, lông mi giả, nốt ruồi giả, xu-chiên – và nom thấy họ sắp sửa nôn ọe thật vừa tởm vừa rất đáng thương.

Zorba cũng mặt xanh nanh vàng. Đôi mắt long lanh của lão đờ đẫn đi. Mãi đến chiều, mắt lão mới sáng trở lại. Lão chỉ hai con cá heo nhảy vọt lên khỏi mặt nước, dọc theo sườn tàu.

- Cá heo! Lão vui vẻ reo lên.

Lần đầu tiên tôi nhận thấy bàn tay trái của lão mất gần nửa ngón trỏ. Tôi giật mình và cảm thấy nôn nao.

- Ngón tay bác làm sao thế, Zorba? Tôi kêu lên.

- Chả sao cả, lão đáp, phật ý thấy tôi không tỏ ra thích thú hơn với đôi với cá heo.

- Có phải bị máy nghiền không? Tôi gặng hỏi.

- Máy với móc quái gì! Tự tôi chặt nó đi đấy.

- Tự bác ư? Tại sao thế?

- Sếp không thể hiểu được đâu, sếp ạ! Lão nhún vai nói. Tôi đã nói với sếp là tôi đã làm đủ mọi nghề mà. Có dạo tôi làm thợ gốm. Tôi mê nghề này như điên. Sếp có hiểu nổi ý nghĩa của việc lấy một cục bùn nặn thành bất kỳ cái gì mình thích, là thế nào không? Chà, anh quay cái bàn xoay và cục bùn đảo tròn như bị ma làm trong khi anh đứng cúi mình trên nó và nói: ta sẽ làm một cái bình, ta sẽ làm một cái đĩa, ta sẽ làm một cây đèn và

những gì nữa có quý biết! Đó chính là điều mà ta có thể gọi là cái sự làm một con người: tự do.

Lão đã quên phắt cả biển, lão không nhai chanh nữa, mắt lão trở lại trong sáng.

- Thế à? Tôi hỏi. Còn ngón tay bác thì sao?

- Ồ, nó làm vướng tôi trong khi sử dụng bàn xoay. Nó luôn luôn ngay đuồn đuối giữa lúc đang làm việc và làm đảo lộn các dự định của tôi. Cho nên một hôm, tôi vợ lấy cái rìu...

- Bác có đau không?

- Sếp nói gì vậy? Tôi đâu phải gỗ đá, tôi là một con người. Cố nhiên là đau chứ. Nhưng nó làm tôi vướng víu khi sử dụng bàn xoay cho nên tôi chặt nó đi.

Mặt trời xuống và biển lặng dần, mây tan, sao hôm lấp lánh. Tôi nhìn biển, nhìn trời và bắt đầu suy nghĩ...Say mê đến mức ấy, vợ lấy rìu mà chặt ngón tay mình, chịu đau... Nhưng tôi không để lộ cảm xúc của mình.

- Biện pháp ấy thật tệ hại. Zorba. Tôi mỉm cười nói. Nó làm tôi nhớ đến ông thầy tu khổ hạnh trong Thánh Tích, có lần thấy một phụ nữ làm ông động xuân tình, bèn lấy rìu...

- Cho ông ta đi với quý! Zorba cắt ngang, đoán trước tôi sắp nói gì. Ai lại chặt cái của ấy đi bao giờ. Quý bắt cái đồ ngu ấy! Đồ ngây thơ u mê đáng thương, cái ấy không bao giờ là trở ngại cả!

- Nhưng nó có thể là một trở ngại rất lớn, tôi cãi cố.

- Trở ngại cho cái gì?

- Cho việc nhập Thiên đàng.

Zorba liếc nhìn tôi, vẻ giễu cợt và nói:

- Nhưng sắp thật ngốc, đó chính là chìa khóa mở cửa Thiên đàng.

Lão ngẩng đầu lên, nhìn tôi thật kỹ như muốn thấy những ý nghĩ đang triển diễn trong óc tôi: kiếp sau, Thiên đàng, đàn bà, thầy tu. Nhưng xem chừng lão không nắm được mấy. Lão kín đáo lắc cái đầu nhuộm bạc to tướng:

- Những kẻ khuyết tật không vào được Thiên đàng, lão nói rồi im bặt.

Tôi vào ca-bin nằm và lấy một quyển sách ra đọc.

Đức Phật vẫn còn chiếm lĩnh tâm trí tôi. Tôi đọc Đối thoại giữa Đức Phật và người mục đồng, câu chuyện đã làm cho lòng tôi yên ổn và thanh thản trong mấy năm nay.

MỤC ĐỒNG: Bữa ăn đã dọn, tôi đã vắt sữa bầy cừu. Cửa lều tôi đã cài then, lửa đang cháy bùng bùng. Tha hồ cho trời muốn mưa bao nhiêu tùy thích!

ĐỨC PHẬT: Ta không còn cần đến lương thực hoặc sữa nữa. Gió là chốn nương náu của ta, lửa ta đã tắt. Tha hồ cho trời muốn mưa bao nhiêu tùy thích!

MỤC ĐỒNG: Tôi có cả bò đực lẫn bò cái. Tôi có những đồng cỏ của cha tôi, có một con bò mộng để phủ lũ bò cái. Tha hồ cho trời muốn mưa bao nhiêu tùy thích!

ĐỨC PHẬT: Ta không có bò đực cũng chẳng có bò cái. Ta không có đồng cỏ. Ta chẳng có gì. Ta chẳng sợ gì. Tha hồ cho trời muốn mưa bao nhiêu tùy thích!

MỤC ĐỒNG: Tôi có một nữ đồng mục ngoan ngoãn và trung thành. Hàng bao năm nay, nàng là vợ tôi, tôi cảm thấy hạnh phúc những khi vui chơi với nàng ban đêm. Tha hồ cho trời muốn mưa bao nhiêu tùy thích!

ĐỨC PHẬT: Ta có một linh hồn tự do và ngoan ngoãn. Bao năm nay ta đã rèn luyện nó và dạy nó vui chơi với ta. Tha hồ cho trời muốn mưa bao nhiêu tùy thích!

Hai tiếng nói đó vẫn còn vang lên khi giấc ngủ chập xuống tôi. Gió lại nổi và sóng xô vào khuôn cửa kính dày ở thành tàu. Tôi bỗng bênh như một làn khói giữa ngủ và thức. Một trận bão lớn nổ ra, những cánh đồng cỏ biển mất giữa làn nước, bò cái và cả con bò mộng nọ chìm ngấm. Gió cuốn đi mái lều, lửa tắt ngấm, người đàn bà thét lên và chết gục trong bùn, và người mục đồng bắt đầu than khóc. Tôi không nghe thấy gã nói gì những gã kêu rõ to và tôi chìm sâu thêm vào giấc ngủ, truội đi như con cá lặn xuống đáy nước.

Rạng sáng, tôi tỉnh dậy và kia, bên phải chúng tôi, trái dài hòn đảo kiêu sang và hoang dã. Rặng núi hồng nhạt đang mỉm cười qua màn sương dưới mặt trời mùa thu. Quanh con tàu của chúng tôi, biển xanh một màu xanh chàm vẫn còn sôi sục chưa nguôi.

Ủ mình trong tấm mền nâu, Zorba hau háu nhìn đảo Crete. Luồng mắt lão nhanh chóng chuyển từ núi sang đồng bằng, lướt theo thám sát bờ biển như thể toàn bộ vùng duyên hải và đất này vốn quen thuộc với lão và lão sung sướng lại được lang thang ở đó trong trí tưởng tượng của mình.

Tôi tới bên lão, đặt tay lên vai và nói:

- Zorba, chắc chắn đây không phải lần đầu bác đến Crete! Bác nhìn nó đăm đăm như nhìn một người bạn cũ vậy.

Zorba ngáp như chán ngấy. Tôi cảm thấy lão không muốn nói chuyện tí nào.

Tôi mỉm cười:

- Bác ớn trò chuyện rồi, phải không, Zorba?
- Không hẳn thế sếp ạ, lão đáp. Có điều là trò chuyện lúc này thật khó.
- Khó ư? Tại sao?

Lão không trả lời ngay. Mắt lão lại liêu phiêu dọc theo bờ biển. Lão đã ngủ ngay trên boong: mái tóc hoa râm loăn xoăn của lão đẫm sương đêm. Mặt trời vừa mọc chiếu thẳng vào những vết nhăn sâu hằn trên má, cằm và cổ lão. Cuối cùng lão mấp má môi, đôi môi dày và trễ xuống như môi dê.

- Buổi sáng, tôi thấy khó mở miệng. Rất khó. Xin lỗi. Lão lại ngụp vào im lặng và một lần nữa lại dán cặp mắt tròn nhỏ vào đảo Crete.

Chuông rung, báo giờ điểm tâm. Những bộ mặt vàng ợt, rúm ró bắt đầu ló ra khỏi các ca-bin. Những phụ nữ đầu tóc xõa xược, lão đảo lết từ bàn này sang bàn kia, họ sực mùi ói mưa lẫn mùi nước thơm Cologne và mắt họ u ám, sợ hãi và đờ dại.

Ngồi trước mặt tôi, Zorba hít hít tách cà phê của mình với vẻ hưởng lạc rất Đông phương. Lão phết bơ với mật ong lên lát bánh mì và ăn ngon lành. Mặt lão dần dà trở nên sáng hơn, bình thản hơn, nét miệng dịu hơn. Tôi bí mật quan sát lão từ từ thoát ra khỏi cơn ngái ngủ và thấy mắt lão mỗi lúc một thêm long lanh.

Lão châm một điếu thuốc lá, khoan khoái rít và thở khói xanh qua hai lỗ mũi đầy lông. Lão gập cẳng chân phải dưới thân, ngồi xếp bằng thoải mái theo kiểu phương Đông. Bây giờ, lão có thể nói chuyện được rồi.

- Đây có phải là lần đầu tiên tôi tới Crete không ư?

Lão mào đầu (lão lim dim mắt nhìn cửa sổ thành tàu về phía ngọn núi lửa đang khuất xa dần sau lưng chúng tôi). Không, đây không phải lần đầu. Năm 1896 tôi đã thành người lớn hẳn hoi. Ria và tóc tôi đã thật màu đen như mun. Tôi đã có đủ ba mươi hai răng và những khi say, tôi chén các món nguội khai vị trước rồi mới đá đến món ăn chính. Phải, tôi cứ hưởng thụ hoài hoài. Nhưng bỗng nhiên, ma quỷ nhúng tay can thiệp vào thế sự. Một cuộc cách mạng mới nổ ra trên đảo Crete.

“Đạo ấy, tôi là một gã bán rong. Tôi đi từ làng này sang làng khác ở Macedonia, bán đồ kim chỉ. Tôi không nhận tiền mà thường đổi lấy phómát, len, bơ, thỏ và ngô, sau đó bán tất cả những thứ đó, lãi gấp đôi. Đến làng nào vào chập tối, tôi cũng biết kiếm ra nơi ngủ đở. Làng nào chả có một nàng góa có trái tim dễ xúc động, cầu Chúa phù hộ cho họ? Tôi cho nàng một cuộn chỉ, hay một cái lược, hay một chiếc khăn quàng – cố nhiên là khăn đen, vì đức ông chồng quá cố mà, thế là tôi ngủ với nàng. Tôi chả tốn là mấy!

“Không sếp ạ, tôi chả tốn kém bao nhiêu vào những vui thú đã được hưởng. Song như tôi vừa nói, ma quỷ đã dây vào chuyện đời và Crete lại cầm vũ khí. Chao, tôi những muốn nói, cho lửa hỏa ngục thiêu cháy vận mệnh cái đảo Crete chết bầm chết vằm này đi, nó không bao giờ để ta yên chẳng? Tôi dẹp kim chỉ gương lược lại, cầm súng và lên đường, nhập bọn với quân phiến loạn ở Crete.”

Zorba ngừng lại. Lúc này, tàu chúng tôi đang men theo cái dải cong của một vịnh có bờ cát bình lặng. Sóng ở đây không xô ào mà trải ra nhẹ nhàng, chỉ để lại một vệt bọt mỏng ven bờ. Mây đã tan, mặt trời lấp lánh và những đường viền lô xô của đảo Crete trở nên thanh bình.

Zorba quay lại nhìn tôi, giễu cợt:

- Và bây giờ, tôi chắc sếp đang nghĩ rằng tôi sắp kể cho sếp nghe tôi đã chặt đầu bao nhiêu tên Thổ Nhĩ Kỳ và ngâm rượu bao nhiêu cái tai của

chúng – tục lệ ở Crete là thế mà. Này, tôi sẽ không kể đâu! Tôi không thích thế, tôi xấu hổ. Cái cơn điên khủng nào ộp vào ta vậy? Giờ đây tôi điềm đạm hơn chút ít và tôi tự vấn: cái cơn điên khủng nào đã ộp vào ta, khiến ta bổ nhào vào một kẻ chẳng làm gì mình hết mà cắn xé, cắt mũi, cắt tai, mổ bụng moi ruột hẳn... trong khi không ngừng cầu Thượng đế toàn năng phù trợ? Phải chăng thế có nghĩa là ta muốn Thượng đế cắt mũi, xẻo tai và phanh thây mọi người?

Nhưng hồi đó, sắp thấy đấy, tôi còn đầy một bầu nhiệt huyết! Làm sao tôi có thể dừng lại mà xem xét mọi thứ nguyên cơ, lý do này nọ? Muốn suy xét sự việc cho đúng đắn, công bằng, phải chờ đến lúc về già, rụng hết răng và bình tĩnh lại. Khi anh là một lão khòm chẳng còn một cái răng, anh có thể dễ dàng nói: “Mẹ kiếp, các chú nhỏ, đừng có cắn!”. Nhưng khi anh còn nguyên ba mươi hai cái răng thì... Con người khi trẻ, là một con thú man rợ, phải, sắp ạ, một con dã thú ăn thịt người!

Lão lắc đầu.

- Ờ, hẳn cũng ăn cả cừu, lợn, gà nữa, song nếu chưa ăn thịt người thì hẳn chưa thỏa mãn cái bụng.

Vừa giụi mẩu thuốc lá vào chiếc đĩa đựng tách cà phê, lão vừa nói thêm:

- Phải, hẳn chưa thỏa mãn cái bụng. Thế đấy, con người đạo mạo có ý kiến gì về điều đó, hả?

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 3

Lão không chờ tôi trả lời.

L

- Tôi tự hỏi không biết các hạ có thể nói gì về điều đó? Lão nói tiếp, vẻ như đánh giá tôi. Trong chừng mực tôi có thể nhìn nhận thấy là các hạ chưa bao giờ đói, chưa bao giờ chết chóc, chưa bao giờ trộm cắp, chưa bao giờ phạm tội ngoại tình. Vậy các hạ biết quái gì về thế sự? Đầu óc các hạ ngây thơ, da thịt thậm chí chưa bao giờ biết mùi nắng..., lão lăm bằm, coi khinh ra mặt.

Tôi đâm xấu hổ với đôi bàn tay thanh tú, bộ mặt xanh xao của mình, với cuộc đời chưa từng vấy bùn và máu của mình.

- Thôi được! Zorba nói, quét bàn tay nặng nề trên mặt bàn, như thể lau nó bằng một miếng bọt biển. Thôi được! Tuy nhiên, có một điều tôi muốn hỏi sếp, sếp hẳn đã đọc thiên kinh vạn quyển, có lẽ sếp biết.

- Nói đi, Zorba, điều gì?

- Có một thử phép lạ xảy ra ở đây, sếp ạ. Một thử phép lạ kỳ cục khiến tôi không hiểu ra sao nữa. Toàn bộ vụ việc đó, những thủ đoạn bẩn thỉu, trộm cắp, tàn sát của chúng tôi, tức là bọn phiến loạn chúng tôi ấy – toàn bộ vụ việc đó đã dẫn tới việc hoàng tử George đến Crete. Tự do!

Lão nhìn tôi với cặp mắt gương to vì ngạc nhiên.

- Thật là bí ẩn, lão thâm thì, một điều bí ẩn hết sức! Vậy ra nếu muốn có tự do trên cái thế giới tồi tệ này, thì phải giở mọi trò tàn sát ấy, mọi thủ đoạn bẩn thiu ấy ư? Xin nói để sếp biết, nếu tôi kể mọi chuyện hung ác gớm ghiếc và mọi cuộc giết chóc bọn tôi đã tiến hành thì sếp cứ gọi là dựng tóc gáy lên. Ấy thế mà kết quả của tất cả những cái đó là gì? Tự do! Thay vì giáng sét xuống diệt sạch bọn tôi, Thượng đế lại cho chúng tôi tự do! Thật tôi chẳng còn hiểu ra sao nữa! - Sếp có hiểu không? Lão đau đớn hỏi tôi.

Hiểu gì mới được chứ? Nói gì với lão đây? Hoặc khẳng định rằng cái mà ta gọi là Thượng đế không hề tồn tại hoặc bảo rằng cái mà ta gọi là giết chóc và hung bạo là cần thiết cho cuộc đấu tranh và cho việc giải phóng thế giới...

Tôi cố hết sức tìm cho Zorba một cách giải thích khác đơn giản hơn.

- Làm thế nào mà một cái cây đâm chồi và nở hoa trên phân, rác? Zorba ạ, hãy tự nhủ rằng phân, rác là con người và hoa là tự do.

- Nhưng còn hạt giống? Zorba kêu lên, tay dấm bàn. Muốn nảy mầm cây thì phải có hạt chứ. Ai đã gieo một cái hạt giống như vậy vào lòng chúng ta? Và tại sao cái hạt đó không trở hoa từ sự tử tế và lương thiện? Tại sao nó lại cần có máu cùng rác rưởi?

Tôi lắc đầu.

- Tôi không biết. Tôi nói.

- Vậy ai biết?

- Chẳng ai biết cả.

- Nhưng nếu vậy thì sếp muốn tôi làm gì với tất cả những thứ tàu thuyền, máy móc, cà-vạt cổ cồng này?

Zorba tuyệt vọng kêu lên, cặp mắt man dại đảo nhìn xung quanh.

Đôi ba hành khách đã bị biển quàn cho thất điên bát đảo giờ đang uống cà phê ở một bàn bên, chợt linh hoạt lên: họ cảm thấy một cuộc cãi lộn và vênh tai lên nghe.

Điều đó làm Zorba phát ón. Lão hạ giọng:

- Nói chuyện khác đi, lão nói. Cứ nghĩ đến chuyện đó là tôi muốn đập phá bất cứ cái gì trong tầm tay – một cái ghế, một cây đèn, hoặc giả đâm đầu vào tường. Nhưng thế thì ích gì? Chỉ tổ phải bồi thường những đồ bị đập vỡ và đến bác sĩ băng đầu lại. Và nếu có Chúa thì lại còn tệ hại hơn nhiều: thôi thế là đi đứt! Từ trên trời cao kia, hỡi Người đang ngó tôi, ôm bụng mà cười.

Đột nhiên lão khua tay như để xua một con ruồi phiền nhiễu.

- Thôi đừng bận tâm! Lão nói, vẻ luyên tiết. Tôi chỉ muốn nói với sếp thế này. Khi vương thuyền trang hoàng đầy cờ đến đây, người ta bắt đầu nổ những loạt đại bác chào mừng và hoàng tử đặt chân lên đất Crete, ... Sếp đã bao giờ mục kích cả một dân tộc cuồng lên vì thấy mình được tự do chưa? Chưa à? Chà, sếp, vậy thì, sinh ra đã mù, sếp sẽ mù đến khi xuống lỗ. Cho dù tôi có sống đến nghìn năm, ngay cả nếu lúc đó tôi chỉ còn là một mẩu thịt sống, tôi cũng sẽ không bao giờ quên những gì tôi đã thấy trong ngày hôm ấy! Và nếu mỗi một chúng ta có quyền chọn Thiên đàng của mình trên trời theo sở thích riêng – mà đáng ra phải như thế, đó mới chính là cái tôi gọi bằng Thiên đàng – thì tôi sẽ thưa với Đấng Toàn năng:

“Lạy Chúa, xin hãy cho Thiên đàng của tôi là một cái đảo Crete giăng đầy cờ, hoa và để cho cái giây phút hoàng tử George đặt chân lên đất Crete kéo dài hàng thế kỷ!” Thế là hợp ý tôi.

Zorba lại im lặng. Lão vuốt bộ ria cho vênh lên, rót nước đá đầy đến miệng cốc và nuốt ực một hơi.

- Điều gì đã xảy ra ở Crete, Zorba, kể cho tôi nghe nào.

- Ta có cần phải khoa trương đại ngôn không? Lão khó chịu nói. Này, tôi nói cho sếp nghe, tôi... cái thế giới này là một bí ẩn và con người chỉ là thú dữ.

“Vừa là thú dữ vừa là thánh thần. Một tên phiến loạn đê tiện từ Macedonia cùng đến với tôi – người ta gọi hắn là Yorga, phải, một tên đầu trộm đuôi cướp đáng treo cổ, một con lợn thực sự, sếp ạ – ờ, hắn khóc sướt mướt. “Tại sao mày khóc, Yorga, đồ chó ngao?” Tôi hỏi, nước mắt cũng trào ra. “Tại sao mày khóc, con lợn già?” Nhưng hắn chỉ ôm choàng lấy cổ tôi mà thốn thức như một đứa trẻ. Thế rồi cái thằng con hoang keo kiệt rút túi tiền ra, dốc vào lòng những đồng tiền vàng hắn đã cướp của dân Thổ và vốc từng vốc tung lên trán. Sếp thấy không, tự do là như thế đấy?”

Tôi đứng dậy và lên boong, phơi mình hàng ngọn gió biển rét buốt.

Tự do là như thế đấy, tôi nghĩ. Ôm ấp một đam mê, cốp nhật hàng đồng tiền vàng, rồi dùng một cái, dẹp nổi đam mê ấy và tung hê kho vàng cho gió cuốn đi bốn phương.

Tự giải phóng mình khỏi một nỗi đam mê để rồi bị thống ngự bởi một đam mê khác cao cả hơn. Nhưng phải chăng cả cái đó cũng là một hình thức nô lệ? Hy sinh cho một ý tưởng, cho một giống nòi, cho Thượng đế? Hay phải chăng điều đó có nghĩa là mẫu mực càng cao, dây buộc của vòng nô lệ càng được thả dài ra? Như vậy chúng ta có thể thích thú vui chơi, đủ đờn trong một phạm vi rộng hơn và đến khi chết vẫn chưa vận dụng hết tâm của dây buộc. Vậy phải chăng cái đó ta gọi là tự do?

Về cuối chiều, chúng tôi bỏ neo bên bờ biển và nhìn thấy cát trắng mịn cùng mấy loại cây: nào trúc đào còn đang nở hoa, nào sung, nào vả, nào

minh quyết, và xa hơn nữa về phía bên phải là một ngọn đồi trọc thấp, xám xám, nom giống như mặt một người đàn bà ngủ, mà dưới cằm, dọc theo cổ, vẫn lên những mạch via nâu sẫm của mỏ than bùn linhít.

Một ngọn gió thu đang thổi, những đám mây xơ xác từ từ trôi qua bên trên mặt đất, đổ bóng xuống làm dịu các đường nét. Những đám mây khác đang dâng lên, đầy đe dọa, trên bầu trời. Mặt trời lúc ẩn lúc hiện và mặt đất lúc sáng bừng, lúc tối sầm lại như một gương mặt sống động và xao xuyên.

Tôi dừng một lát trên bãi cát và ngắm nhìn. Một vẻ cô quạnh thiêng liêng trải ra trước mắt tôi, khủng khiếp mà mê hoặc như bãi sa mạc. Bài ca Phật giáo dâng lên từ chính lòng đất và thấm sâu vào đầy lòng tôi. “Bao giờ, chung cục, ta sẽ rút vào cô đơn, trơ trọi một mình, không bạn đồng hành, không vui mà cũng chẳng buồn, chỉ còn độc một niềm xác tín thiêng liêng rằng tất cả chỉ là một giấc mộng? Bao giờ, quần áo tả tơi, hết mọi dục vọng, ta sẽ mãn nguyện rút về ở ẩn trong núi? Bao giờ, thấy thân xác mình chỉ là bệnh tật và tội ác, tuổi già và cái chết đến gần, ta sẽ rút vào rừng, không sợ gì nữa hết, tự do và ngắt ngậy hạnh phúc? Bao giờ, ôi bao giờ?” Cây đàn santuri cặp ở vách, Zorba tiến về phía tôi, chân bước còn chệnh choạng.

- Mỏ than bùn kia! Tôi nói để giấu nỗi xúc động và vươn cánh tay về phía ngọn đồi giống mặt người đàn bà.

Zorba cau mày không ngoái lại nhìn.

- Để sau hẵng. Bây giờ chưa phải lúc đâu, sắp ọ, lão nói. Phải đợi cho trái đất đứng yên đã. Quỷ tha ma bắt nó, nó vẫn còn chòng chà chòng chành như cái boong tàu. Ta hãy đi vào làng đã.

Nói rồi, lão dẫn những bước dài, quả quyết, cố gỡ thể diện.

Hai đứa trẻ chân đất, đen như củ súng, chạy tới, đỡ lấy hành lý. Một nhân viên thuế quan to như hộ pháp hút một ống điếu trong trụ sở thuế

quan. Đôi mắt xanh của y kín đáo soi dõi chúng tôi, uể oải liếc nhìn các bọc hành lý và trong một thoáng, y ngo nguậy trên ghế như sắp sửa đứng dậy. Song, đó là một cố gắng quá lớn đối với thân hình y. Chậm rãi giơ cái ống điếu lên và nói bằng một giọng ngái ngủ: “Xin chào!” Một trong hai đứa trẻ đi đến bên tôi. Nó nháy đôi mắt màu đen ô-liu và nói, giọng nhạo báng.

- Lão ấy không phải dân Crete. Lười như quý ấy.

- Chẳng phải dân Crete cũng lười nhác đó sao?

- Phải... phải, họ cũng lười nhác, thằng bé người đảo Crete đáp, nhưng lười cách khác.

- Làng có xa không?

- Từ đây đến đó, khoảng một tầm đạn. Kia kia, đằng sau những khu vườn, trong khe ấy! Một ngôi làng đẹp, ông ạ. Có đủ thứ, thứ gì cũng ê hề – minh quyết, đậu, thóc lúa, dầu, rượu. Còn ở bãi cát đằng kia, nào dưa chuột và dưa hấu, nào cá và cà chua đều đơm hoa kết trái sớm nhất ở Crete. Chính nhờ gió từ Phi Châu nên cây trái mới tốt tươi như vậy. Ban đêm trong vườn, có thể nghe thấy chúng chuyển mình rặng rặc, lớn lên.

Zorba tiếp tục đi trước, đầu vẫn còn choáng váng.

Lão nhổ bọt.

- Cát cao đầu lên, Zorba! Tôi gọi với. Chúng ta đã tai qua nạn khỏi. Không còn gì mà sợ nữa!

Chúng tôi rảo bước. Đất lẫn với cát và vỏ trai, sò, ốc. Đây đó mọc lên một cây thánh liêu, một cây vả dại, một bụi lau, vài cây thảo bản hoa vàng. Thời tiết ngọt ngào, mây mỗi lúc một sà xuống thấp, gió tắt dần.

Chúng tôi đi qua một cây vả lớn thân kép cong queo đã bắt đầu rụng ruột vì già cỗi. Một trong hai đứa bé dừng lại, hất hàm chỉ cây cổ thụ.

- Cây Vả Tình Nương, nó nói.

Tôi giật mình. Trên đất Crete này, mỗi hòn đá, mỗi cái cây đều có lịch sử bi thảm của nó.

- Tình Nương? Tại sao lại có cái tên ấy?

- Thời ông nội cháu, có con gái một điền chủ phải lòng một anh mục đồng. Người cha không chịu. Cô gái la khóc, van nài, song ông già vẫn một mực không thay đổi ý kiến! Một đêm, đôi trai gái biến mất. Người ta cho lòng sục khắp vùng quê, nhưng một ngày, hai ngày, ba ngày, rồi một tuần, vẫn chẳng thấy tăm hơi. Sau đó, bắt đầu có mùi, nên người ta lần theo mùi hôi thối, tìm thấy xác họ thối rữa dưới gốc cây vả này, vẫn ôm ghì lấy nhau. Ông thấy đấy, nhờ mùi hôi thối mà người ta tìm thấy họ.

Thằng bé phá lên cười. Đã nghe thấy tiếng xô xao trong làng. Chó bắt đầu sủa, đàn bà léo nhéo, gà gáy báo hiệu chuyển thời tiết. Trong không khí, phảng phất mùi nho từ những thùng cất rượu rum.

- Làng đấy! Hai thằng nhỏ kêu to và lao vút đi.

Chúng tôi vừa quanh ngọn đồi cát, ngôi làng nhỏ đã hiện ra, nom như leo ngược sườn khe núi. Những cụm nhà quét vôi trắng, đắp nền cao, túm tụm vào nhau. Với những cửa sổ mờ làm thành những mảng đen, nom chúng giống những sọ người trắng phếch kẹt giữa những tảng đá.

Tôi đi lên ngang Zorba.

- Bác chú ý cư xử cho đúng mực nhé, chúng ta sắp vào làng rồi, tôi bảo lão. Chớ để họ bắt thóp được ta. Chúng ta hãy hành động như những nhà kinh doanh nghiêm chỉnh. Tôi là giám đốc, còn bác là đốc công. Dân Crete

không coi nhẹ điều gì đâu. Vừa để mắt tới mình là họ nhắm ngay vào bất kỳ nét dị dạng nào và đặt luôn cho mình một cái biệt hiệu. Sau đó thì đừng hòng rút bỏ, đi đâu cũng dính chặt với nó như con chó với cái xoong cột vào đuôi vậy.

Zorba đưa tay lên nắm chặt bộ ria, trầm ngâm suy nghĩ. Cuối cùng, lão nói:

- Sếp này, nếu ở đây có một bà góa thì sếp khỏi phải lo Bằng không...

Đúng lúc ấy, vào tới cổng làng, một mục ăn mày quần áo rách rưới chạy tới chúng tôi, chìa tay ra. Mục đen đúa, bẩn thỉu và có một hàng ria mép nhỏ đen và cứng.

- Này, người anh em, mục suồng sã gọi Zorba. Này người anh em có linh hồn không đấy?

Zorba dừng lại.

- Có chứ, lão nghiêm trang đáp.

- Vậy thì người anh em hãy cho đây năm drachma ([10]) đi!

Zorba rút trong túi ra một cái ví da rách bươm.

- Đây, lão nói, và một nụ cười làm dị cặp môi còn hằn vẻ chua chát.

Lão nhìn quanh và nói với tôi:

- Xem ra ở vùng này, linh hồn thật là rẻ, sếp ạ. Có năm drachma một linh hồn!

Lũ chó trong làng xô về phía chúng tôi, cánh phụ nữ cúi mình trên gờ mái bằng nhòm chúng tôi, trẻ con chạy theo la hét, đứa kêu ăng ẳng, đứa

bím bom làm còi ô tô, lại có đũa chạy lên trước, ngoái cổ lại nhìn chúng tôi mắt thao láo kinh ngạc.

Chúng tôi tới bãi rộng giữa làng. Ở đây, có hai cây bạch dương lớn, xung quanh đặt những thân cây đẽo thô sơ làm ghế ngồi. Đối diện là tiệm cà phê có treo tấm biển lớn lợt màu: Tiệm cà phê và Hàng thịt Khiêm Tốn.

- Tại sao sếp cười? Zorba hỏi.

Nhưng tôi không kịp trả lời. Từ cửa tiệm cà phê và hàng thịt, năm sáu gã hộ pháp vận quần xanh sẫm, thắt lưng đỏ, chạy ra kêu lớn: “Chào các bạn! Vào đây làm một ly rum vừa trong thùng ra, còn nóng sốt”.

Zorba chép lời nói:

- Thế nào, sếp? Lão quay lại nháy tôi. Ta làm một ly chẳng?

Chúng tôi uống mỗi người một ly, nóng ran cả ruột. Chủ tiệm cà phê kiêm hàng thịt, một ông già lanh lợi mạnh mẽ, còn giữ được thân hình tráng kiện, mang ghế ra cho chúng tôi.

Tôi hỏi chúng tôi có thể trọ ở đâu.

- Đến quán Mađam Hortense ấy, có người lớn tiếng mách.

- Một phụ nữ Pháp ở đây ư? Tôi ngạc nhiên thốt lên.

- Có quý mới biết mẹ ta từ đâu tới, mẹ đã ở khắp vùng này. Mẹ đã xoay sở tránh được mọi gian truân trên đời và giờ mẹ bám lấy cái bến cuối cùng này, mở một quán trọ làm ăn.

- Bà ấy bán cả kẹo nữa, một đũa bé xen vào.

- Tô sơn trát phấn lòn loẹt, một đũa khác nói. Quán ruy băng quanh cổ... Lại có cả một con vẹt nữa.

- Góa chồng à? Zorba hỏi. Bà ta có góa chồng không?

Lão chủ tiệm cà phê năm bộ râu nhuộm bạc.

- Ông bạn thử đếm xem chỗ này có bao nhiêu sợi râu? Bao nhiêu? Ấy, bà ta đã góa ngần nấy đời chồng đó. Hiểu chứ?

- Hiểu, Zorba đáp, liếm môi thèm thường.

- Bà ta cũng có thể biến ông thành lão góa nữa đấy!

- Liệu chừng đấy, ông bạn! Một lão già nói lớn và tất cả cười phá.

Người ta đãi chúng tôi một một chén rượu nữa và chủ tiệm bưng ra trên một cái khay cùng với ổ bánh lúa mạch, phó-mát dê và mấy trái lê.

- Thôi, để các vị ấy yên. Khỏi phải đến quán Mađam! Hai vị ấy sẽ nghỉ lại ngay tại đây đêm nay!

- Họ sẽ là khách của tôi, Kondomanolio! Lão già kia nói. Nhà tôi rộng, không có trẻ con, tha hồ nhiều chỗ.

- Xin lỗi, bác Anagnosti, chủ tiệm cà phê hét vào tai lão già. Tôi nhận trước rồi.

- Bác nhận một, lão Anagnosti nói. Người kia phần tôi, cái tay già ấy.

- Tay già nào? Zorba chạm nọc, vắn lại.

- Chúng tôi gán bó keo sơn với nhau, tôi nói và ra hiệu cho Zorba đừng bực bội. Chúng tôi gán bó với nhau và chúng tôi sẽ đến quán Mađam Hortense...

- Hoan nghênh? Hoan nghênh quý khách!

Một phụ nữ béo, lùn bè bè, tóc màu gai đã lợt, hiện ra dưới hàng bạch dương, lạch bạch trên đôi chân vòng kiềng. Cằm bà ta điểm một nốt ruồi tua tủa mấy sợi lông cứng như lông lợn. Bà ta quấn một dải ruy-băng bằng nhung đỏ quanh cổ, đôi má héo úa trát bụi phấn màu hoa cà. Một lọn tóc nhỏ nhún nhảy vui tươi trên trán khiến bà ta có phần nào tựa tựa như Sarah Bernhardt ([11]) về già đóng trong Đại bàng con ([12]).

- Hân hạnh được gặp bà, Mađam Hortense! Tôi đáp, chuẩn bị hôn tay bà ta, cuốn theo một tâm trạng hoan hỉ đột ngột.

Đùng một cái, cuộc đời chợt hiện ra như một câu chuyện thần tiên hay màn giáo đầu của vở Bão Táp ([13]). Chúng tôi vừa đặt chân lên đảo, ướm thấu xương sau một tai nạn đắm tàu tưởng tượng. Chúng tôi đang thám hiểm miền bờ biển kỳ diệu và trịnh trọng chào mừng cư dân địa phương. Người đàn bà này, Hortense, đối với tôi, dường như là nữ chúa của đảo, một loại hải cẩu tóc vàng, mình bóng nhẫy bị xô dạt lên bờ cát này. Đằng sau bà ta, hiện ra bao bộ mặt lông lá, bản thủ, tỏa ngời niềm hân hoan chung của dân chúng – hay của Caliban ([14]) – đăm đăm nhìn nữ chúa, vừa tự hào vừa giễu cợt.

Zorba, vị hoàng tử cải trang, cũng chăm chú nhìn nữ chúa, như thể đó là một cố chiến hữu, một chiến thuyền xưa đã từng chinh chiến ở những vùng biển xa xôi từng nếm mùi chiến thắng và chiến bại, với những cửa hầm tàu giập nát, những cột buồm gãy, cánh buồm tơi tả và giờ đây, mặt hần những luống nhăn sâu cổ trát đi bằng kem, phấn, mụ rút lui về bờ biển này, chờ đợi. Rành là mụ chờ Zorba, người thuyền trưởng mang ngàn vết sẹo. Và tôi thích thú thấy hai diễn viên ấy, rút cục, gặp nhau trong một cảnh trí ở Crete được vẽ và thể hiện rất đơn giản bằng mấy nét bút khoáng đạt.

- Hai giường, thưa Mađam Hortense, tôi nói và nghiêng mình trước bậc chuyên gia lão luyện trong nghệ thuật diễn những màn tình ái. Hai giường không rệp.

- Không rệp! Làm gì có được! Mụ kêu lên, phóng vào tôi một cái nhìn khiêu khích.

-Ồ bậy! Những cái miệng nhọn báng của Caliban gào.

- Không có! Không có? Mụ quặc lại, bàn chân béo mập giậm trên phiến đá. Mụ đi tất dày màu xanh da trời, xỏ trong một đôi giày cao gót rúm ró với những cái nơ lụa cầu kỳ.

- Đi đi đào nhất! Ma bắt mụ đi! Caliban lại hú lên lần nữa.

Nhưng rất trịnh trọng, Mađam Hortense đã cất bước đi lên trước dẫn đường. Mụ sực mùi phấn và xà phòng rẻ tiền.

Zorba đi theo, mắt hau háu nhìn mụ.

- Nhìn kỹ kìa, sếp, lão thâm thì. Nom mụ ta đánh hông kìa, nhóp nhép! Nhóp nhép! Như con cừu lắc cái đuôi núc ních mỡ ấy!

Hai ba hạt mưa lớn rơi xuống, trời tối sầm. Những làn chớp xanh lóe lên trên ngọn núi. Những cô gái, choàng áo da dê trắng, hối hả lừa dê, cừu từ đồng cỏ về. Các bà chủ gia đình, ngồi xếp trước lò sưởi. đang nhóm lửa ban chiều.

Zorba nhắm nhắm đầu rìa, vẻ nôn nóng, mắt không rời đôi móng núng nính của người đàn bà.

- Hừm! Đột nhiên lão thở dài lẩm bẫm. Mẹ kiếp con đĩ đời. Nó không thôi chơi khăm mình!

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 4

Rạng sáng, tôi mở mắt và thấy Zorba ngồi đối diện với tôi ở cuối giường lão, hai chân co lên; lão đang hút thuốc và trầm ngâm suy nghĩ. Cặp mắt tròn nhỏ của lão dán vào ô bán nguyệt trở trên cửa ra vào trước mặt lão, mà ánh ban mai đã nhuộm một màu trắng đục lờ. Mắt lão húp híp và cái cổ trần khăng khiu, dài quá khổ vươn ra như cổ một con chim săn mồi.

R

Tối hôm trước tôi đã rút sớm, để một mình lão với nàng tiên già.

- Tôi đi đây, tôi nói. Hãy vui thú Zorba và chúc bác may mắn!

- Chúc sếp ngủ ngon, Zorba trả lời. Để bọn tôi giải quyết công việc con con của mình. Xin chào sếp và chúc ngon giấc.

Có vẻ họ đã giải quyết ổn công việc con con của họ, vì trong khi mơ màng ngủ, hình như tôi nghe thấy những tiếng rủ rì khe khẽ và có một lúc buồng bên lắc lư rung chuyển. Rồi tôi lại ngủ thiếp đi. Hồi lâu sau nửa đêm, Zorba đi chân không vào và nằm lên giường rất nhẹ nhàng để khỏi làm tôi thức giấc.

Trong ánh ban mai kia, lão ngồi đó, đôi mắt lờ đờ nhìn vào cõi xa xăm. Có thể thấy là lão vẫn còn đắm trong một thứ hôn mê, đầu óc vẫn chưa hết ngái ngủ. Bình tĩnh, âu yếm, lão thả mình trôi trên một dòng chảy râm mát,

đặc quánh như mật ong. Vạn vật, đất, nước, tư tưởng, con người – đang chậm chậm trôi về một vùng biển xa và Zorba cũng sung sướng trôi theo, không cưỡng lại, không thắc mắc.

Làng bắt đầu thức giấc – lao xao tiếng gà, lợn, lừa, ngựa lẫn với tiếng người. Tôi muốn chồm dậy nhảy khỏi giường và kêu: “Ê! Zorba! Hôm nay, chúng ta phải làm việc đấy!” Nhưng tôi cũng cảm thấy dạt dào sung sướng trong việc lặng lẽ buông thả mình vào ánh hồng biến hóa của bình minh. Vào những giây phút thần diệu này, toàn bộ sự sống dường như nhẹ lâng lâng tựa ánh rạng đông.

Trái đất không ngừng thay hình đổi dạng như một đám mây xấp bồng bênh.

Tôi vươn tay ra, tôi cũng thấy thèm hút thuốc, tôi cầm lấy chiếc tẩu, xúc động nhìn nó. Đó là một chiếc tẩu quý cỡ bự “made in England” (chế tạo tại Anh), quà tặng của bạn tôi – người bạn có cặp mắt xanh xám và những ngón tay thon thả ấy. Chuyện ấy xảy ra ở nước ngoài, cách đây mấy năm. Bạn tôi hoàn thành đợt du học và chiều hôm ấy, lên đường về Hy Lạp. “Đừng hút thuốc điếu nữa”, anh ta bảo tôi, “Châm điếu thuốc, hút có một nửa rồi quẳng đi, cuộc tình kéo dài có một phút. Thật xấu hổ. Thà cậu dùng một cái tẩu. Nó như người vợ trung thành. Khi cậu về nhà, đã có nó ở đó, lặng lẽ chờ đợi cậu. Cậu sẽ châm tẩu, ngấm làn khói bay lên và cậu nhớ đến mình.”

Lúc đó là buổi trưa. Chúng tôi rời Viện Bảo tàng Berlin, nơi anh ta đến ngắm lần cuối bức tranh ưa thích – bức Chiến binh của Rembrand đội mũ đồng, đôi má hốc hác, vẻ mặt đau đớn và kiên cường. “Đời mình nếu có bao giờ làm được một hành động đáng mặt nam nhi thì đó chính là nhờ nhân vật này”, anh thì thầm trong khi đắm đắm nhìn người chiến binh sắt đá và tuyệt vọng.

Chúng tôi đứng tựa lưng vào một cột trụ trong sân bảo tàng. Trước mắt chúng tôi là bức tượng đồng một nữ kỹ sĩ khóa thân trên lưng một con ngựa rùng trong một tư thế duyên dáng khôn tả xiết. Một con chim chìa vôi nhỏ màu xám đậu một lát trên đầu nàng kỹ sĩ, quay về phía chúng tôi, vênh đuôi hót lên vài ba tiếng nhạo báng, rồi bay đi.

Tôi rùng mình, nhìn bạn tôi và hỏi:

- Cậu có nghe thấy con chim ấy không? Như thế nó nói gì với chúng ta rồi bay đi vậy.

Bạn tôi mỉm cười:

- Nó là chim, vậy thì để nó hót; nó là chim, vậy thì để nó nói, anh ta dẫn một bài batlát dân gian của chúng tôi.

Làm sao mà vào lúc này, khi trời vừa rạng, trên bờ biển Crete, kỷ niệm đó lại hiện trong óc tôi cùng với câu thơ chung thủy nọ, khiến lòng tôi đầy chua xót?

Tôi chậm rãi nhồi thuốc vào tẩu và châm lửa. Mọi thứ trên thế gian này đều có một ý nghĩa tàng ẩn, tôi nghĩ thầm: Con người, thú vật, cây cối, trăng sao, tất cả đều là chữ tượng hình; bất hạnh cho kẻ nào bắt đầu đọc ra những chữ ấy và đoán được ý nghĩa của chúng... Khi mới thấy ta đâu có hiểu. Ta tưởng đó quả thật là con người, thú vật, cây cối trăng sao. Mãi đến nhiều năm sau, ta mới hiểu thì đã quá muộn...

Người chiến binh đội mũ đồng, bạn tôi đứng tựa cột, con chim chìa vôi và những điều nó líu lo với chúng tôi, câu thơ trong bài batlát buồn ấy, tất cả những cái đó hôm nay tôi nghĩ – có thể giấu một ý nghĩa tàng ẩn nào đó – nhưng ý nghĩa gì, nào ai biết? Tôi khẽ thở dài. Như thể tiếng thở dài ấy đã đưa tôi trở về thực tại, tôi nhìn quanh và trông thấy căn lều gỗ tồi tàn và một tấm gương nhỏ treo trên vách lấp lánh những tia nắng đầu tiên vừa rọi vào. Trước mặt tôi, Zorba ngồi quay lưng lại trên nệm, hút thuốc.

Những sự việc ngẫu nhiên bi hài của ngày hôm trước vụt lóe lên trong óc tôi. Mùi nước hoa viôlét ai ả – viôlét, “ô-đờ Côlônher”, xạ hương và hoắc hương; một con vẹt, một sinh vật gần như là người biến thành một con vẹt đập cánh vào nan lồng sắt gọi tên một người tình cũ; và một con thuyền buồm nhỏ, tàn dư duy nhất của cả một hạm đội, kể lại những trận thủy chiến xưa...

Nghe thấy tôi thở dài, Zorba lắc đầu, quay lại.

- Chúng ta đã cư xử tồi tệ, lão lẩm bầm. Chúng ta đã cư xử tồi tệ, sếp ạ. Sếp cười cợt tôi cũng cười cợt để mụ nhìn thấy. Và cái cách sếp bỏ đi không nói một lời ưu nhã, làm như mụ đã già khòm ngoài trăm tuổi vậy. Thật đáng xấu hổ! Chẳng lịch sự tí nào, sếp ạ. Xin nói với sếp, đó không phải là cách cư xử của một người đàn ông. Dù sao đi nữa, đó cũng là một phụ nữ, phải không nào? Một sinh vật yếu đuối dễ xúc động. May mà tôi ở lại để an ủi mụ.

- Nhưng bác định nói gì vậy, Zorba? Tôi đáp. Phải chăng bác thực sự nghĩ rằng tất cả phụ nữ đều chỉ có cái ấy ở trong đầu?

- Phải, sếp ạ, họ chả có cái gì khác ngoài cái ấy trong đầu. Nghe tôi này... Tôi đã thấy đủ mọi thứ, tôi đã làm đủ mọi việc... Người đàn bà không nhằm cái gì khác. Đó là một sinh vật bệnh hoạn, tôi xin thưa với sếp, và dễ bị kích động. Hễ mình không bảo mình yêu và thèm muốn họ là họ khóc liền. Có thể họ chẳng cần gì mình, có thể họ ghê tởm mình, có thể họ khước từ mình, đó là chuyện khác. Song đã là đàn ông, hễ thấy họ là phải thèm muốn họ. Tội nghiệp cái giống ấy, họ muốn thế cơ, cho nên mình phải cố mà chiều họ! Tôi có người bà, phải đến tám mươi tuổi ấy. Cuộc đời bà lão là cả một câu chuyện ly kỳ! Nhưng đây không kể chuyện ấy... Phải, hồi ấy, bà phải tới bát tuần không ai buồn ngó ngang đến và trước cửa nhà chúng tôi, có một cô gái trẻ tươi như hoa. Tên nàng là Krystallo. Chiều thứ bảy nào bọn trai làng choai choai thích ăn diện cũng tụ tập nhậu nhẹt và rượu làm chúng tôi bốc máu. Chúng tôi gài một nhánh hoắc hương ở tai,

một gã bà con với tôi xách đàn ghita theo và chúng đến hát ve trước nhà nàng. Ôi, xiết bao tình tứ! Xiết bao đam mê! Chúng tôi rống lên như bò. Cả bọn đứa nào cũng thèm muốn nàng và thứ bảy nào chúng tôi cũng kéo cả bầy đến cho nàng lựa chọn.

“Chà, liệu sếp có tin không? Thật là một điều bí ẩn! Đàn bà có loại thương tích không bao giờ lành được. Mọi vết thương đều có thể khỏi, trừ loại thương tích này. Sếp đừng có tin đồng sách vở của sếp – loại thương tích này không bao giờ lành đâu. Nếu người đàn bà đã tám mươi tuổi thì sao? Cũng thế thôi, vết thương vẫn hoác miệng.

“Thế, mỗi chiều thứ bảy, bà già lại kéo cái nệm lên chỗ cửa sổ, lấy mảnh gương con ra và chải mấy sợi tóc lơ thơ còn sót lại, nắn nót rẽ đường ngôi. Bà lén nhìn quanh sợ có ai trông thấy. Nếu có ai lại gần, bà lại rụt vào, ra bộ đoan trang, giả vờ ngủ gà ngủ gật. Nhưng làm sao mà bà ngủ được? Bà đang chờ nghe chúng tôi hát ve. Tám mươi tuổi còn thế! Sếp thấy đàn bà khó hiểu chưa? Bây giờ thì điều đó làm tôi xúc động muốn khóc. Nhưng hồi đó, tôi khinh suất, tôi không hiểu và chuyện đó chỉ làm tôi buồn cười. Một hôm tôi đâm bực với bà. Bà xỉ vả tôi về chuyện chạy theo ve gái, cho nên tôi nói toẹt tim đen của bà ra: “Tại sao thứ bảy nào bà cũng lấy lá hồ đào trát lên môi và rẽ đầu ngôi? Chắc bà nghĩ bọn tôi đến hát ve bà hẳn? Không, bọn tôi chạy theo Krystallo kia. Bà chỉ là một cái xác già khòm đã bốc mùi thối!”

“Sếp có tin được không? Ngày hôm đó, lần đầu tiên tôi hiểu thế nào là một người đàn bà. Hai giọt lệ trào dâng lên mắt bà tôi. Bà cuộn mình như một con chó, cầm bà run lên. “Krystallo!” tôi sáp lại gần hét cho bà nghe rõ hơn. “Krystallo!”. Đám trẻ là lũ ác thú tàn nhẫn, vô nhân đạo, không biết thông cảm. Bà tôi giơ hai cánh tay chỉ còn da bọc xương lên trời. “Tao nguyện rửa mày từ đáy lòng!” Bà la to. Ngay ngày hôm ấy, bà bắt đầu suy sụp. Bà héo hon mòn mỏi và hai tháng sau, cái chết đã gần kề. Rồi khi sắp thở hắt ra, bà trông thấy tôi. Bà rít lên như con rắn và vươn những ngón tay

quắt queo định tóm lấy tôi. “Chính mày đã kết liễu đời tao. Cầu trời trừng phạt mày, Alexis, và bắt mày phải chịu tất cả những gì tao đã chịu!”.

Zorba tùm tùm cười.

- Chà, lời nguyện rủa của mục phù thủy già ấy quả đã ứng nghiệm! Lão vừa nói vừa vuốt ria. Năm nay, đâu như tôi đã sáu mươi lăm, nhưng dù tôi có sống đến trăm tuổi, tôi cũng không chừa. Tôi sẽ vẫn luôn giữ mảnh gương con trong túi và vẫn chạy theo ve vãn giống cái như thường.

Lão lại tùm tùm, vứt mẫu thuốc lá qua ô cửa sổ bán nguyệt, vươn vai nói:

- Tôi còn khối tật xấu. Nhưng đây mới chính là cái thói tật sẽ giết tôi. Lão bật đứng dậy khỏi giường.

- Thôi, chuyện ấy nói vậy đủ rồi. Không huyền thuyên nữa. Hôm nay, ta phải làm việc.

Trong nháy mắt, lão mặc quần áo, đi giày xong xuôi và bước ra ngoài.

Đầu cúi gục, tôi ngẫm nghĩ về những lời của Zorba và bỗng nhiên nhớ đến một thành phố xa xôi phủ đầy tuyết. Tôi đang ở trong một phòng triển lãm tác phẩm của Rodin ([19]) và tôi dừng lại ngắm một bàn tay đồng kếp sù “Bàn tay Thượng đế”. Bàn tay ấy nửa khép nửa mở và mang trong lòng một người nam và một người nữ đang ngây ngất ôm ghì lấy nhau, vù vù vẩy.

Một cô gái tiến tới và dừng lại bên cạnh tôi. Cô cũng ngẫm và xúc động trước hình ảnh đôi nam nữ quyện vào nhau trong vòng tay ôm vĩnh cửu làm nôn nao lòng ấy.

Cô mảnh dẻ, ăn vận trang nhã, tóc dày vàng rực, cằm răn rỏi, môi mỏng. Ở cô, toát ra một vẻ cương quyết và hùng dũng. Bình thường, tôi vốn ghét

gợi chuyện, song lúc này không hiểu cái gì xui tôi quay sang hỏi cô:

- Cô đang nghĩ gì vậy?

- Giá con người ta có thể trốn thoát được! Cô hậm hực nói nhỏ.

- Trốn đi đâu? Bàn tay Thượng đế ở khắp nơi: Chả làm gì có sự cứu chuộc. Cô có lấy làm phiền không?

- Không. Tình yêu có thể là niềm vui mãnh liệt nhất trên thế gian này. Có thể thế. Nhưng giờ đây, nhìn thấy bàn tay đồng kia, tôi những muốn trốn thoát.

- Cô ưng tự do hơn?

- Vâng.

- Nhưng giả sử chỉ khi nào ta tuân thủ bàn tay đồng kia, ta mới được tự do. Giả sử từ “Thượng đế” không có cái nghĩa tiện lợi mà quảng đại quần chúng gán cho nó.

Cô khắc khoải nhìn tôi. Mắt cô xám màu thép, môi cô khô se lại, vẻ chua chát.

- Tôi không hiểu, cô nói và lảng ra.

Cô biến mất. Từ đó đến nay, tôi không bao giờ nghĩ đến cô nữa. Tuy nhiên hẳn cô vẫn tiếp tục sống ở tận đáy tim tôi và hôm nay, trên bờ biển vắng này, từ nơi sâu thẳm tiềm thức tôi, cô lại xuất hiện, xanh xao và rầu rĩ.

Phải, tôi đã ứng xử tồi. Zorba nói đúng. Cái bàn tay đồng ấy là một cố chính đáng. Tiếp xúc đầu tiên đã thành công, những lời êm ái đầu tiên đã qua lại đổi trao và lẽ ra dần dần, chúng tôi đã có thể ngã vào vòng tay nhau lúc nào không biết và gắn bó yên ổn trong tay của Thượng đế. Nhưng đừng

một cái, tôi đã bỏ nhào từ đất lên trời và người đàn bà đã hoảng hốt, chạy trốn.

Trong sân quán trọ của mađam Hortense, con gà trống già lên tiếng gáy. Ánh ngày trắng trong rọi vào qua khung cửa sổ. Tôi vùng dậy ra khỏi giường.

Thợ thuyền đã bắt đầu đến, vai vác cuốc bàn, cuốc chim, xà beng. Tôi nghe thấy tiếng Zorba ra lệnh. Lão đã lao thẳng vào công việc. Người ta cảm thấy lão là một người biết cách chỉ huy và thích gánh vác. Tôi thò đầu ra ngoài ô cửa sổ bán nguyệt và trông thấy lão đang như một gã hộ pháp hậu đậu giữa hơn ba mươi người gày gò nhỏ con, thô kệch và đầu dài phong sương. Tay lão dang ra hống hách, lời lẽ lão ngắn gọn và chính xác. Có lúc lão tóm gáy một gã thanh niên vì gã trù trừ và lâu bầu trong miệng.

- Muốn nói gì, hả? Zorba quát. Thế thì hãy nói to lên! Ta không ưa cái thói lảm bảm. Bọn bay đã làm việc thì phải hào hứng. Bằng không thì cút về quán rượu cho rồi.

Giữa lúc đó, mađam Hortense xuất hiện, đầu tóc bù rối, má xệ ra. Mụ chưa trang điểm và mặc một chiếc áo thun bần và chân xỏ một đôi dép lê vệt gót. Mụ ho khàn khàn kiểu ho của những ả ca sĩ già, như tiếng lừa kêu. Mụ dừng lại và hãnh diện nhìn Zorba, mắt trở nên mơ màng.

Mụ lại ho để đánh tiếng cho lão để ý đến mình và qua sát bên lão, đung đưa và đánh mông. Ống tay áo rộng của mụ gần chạm vào lão, nhưng thậm chí lão không buồn quay lại nhìn. Lão lấy một mẫu bánh lúa và một nắm ô-liu từ tay một người thợ và nói to:

- Nào, các bạn, nhân danh Chúa, hãy làm dấu thánh giá!

Và sải bước, lão dẫn đầu đoàn người thành một hàng dọc hướng về phía núi.

Ở đây tôi sẽ không mô tả công việc trong mỏ. Điều đó đòi hỏi phải kiên nhẫn, mà tôi lại không có cái đức tính ấy. Chúng tôi lấy tre, mây và những can xăng dựng một căn lều ở cạnh biển. Zorba thường dậy vào lúc rạng đông, vớ lấy cuốc đi đến mỏ trước đám thợ, khai một đường hầm rồi bỏ đấy, phát hiện thấy một vỉa than lóng lánh và nhảy quở lên vì vui thích.

Nhưng sau mấy ngày, lão lạc mất vỉa và lăn đùng ra đất chống bốn vó lên và hoa chân múa tay báng bổ trời. Lão đã say mê công việc. Thậm chí lão không hỏi ý kiến tôi nữa. Ngay từ những ngày đầu, mọi lo toan và trách nhiệm đã chuyển từ tay tôi sang tay lão. Nhiệm vụ của lão là ra quyết định và thực thi những quyết định ấy. Còn tôi thì chịu mọi chi phí. Gia dĩ sự sắp xếp này rất phù hợp với tôi. Vì tôi cảm thấy những ngày tháng này sẽ là thời kỳ hạnh phúc nhất trong đời tôi. Hơn nữa, xét cho cùng, tôi cảm thấy mình đang mua được hạnh phúc với giá hời.

Ông ngoại tôi, người đã từng sống trong một làng khá lớn ở Crete, thường có lệ chiều chiều xách chiếc đèn lồng đi quanh các ngã đường làng để xem ngộ nhờ có người khách lạ nào đến chãng.

Nếu có, cụ đưa khách về nhà, đãi ăn uống no say, sau đó, cụ ngồi lên đi-văng, châm cái ống điếu dài Thổ Nhĩ Kỳ, gọi là tsibúc, và quay sang người khách – đã đến lúc người này phải đáp lại thịnh tình của cụ – nói bằng một giọng như ra lệnh:

- Nói chuyện đi!

- Nói chuyện gì, bố già Monstoyorgi?

- Chú là gì, chú là ai, chú từ đâu đến, chú đã được thấy những thành phố nào, những làng nào – tất tậ cả, hãy kể ta nghe tất cả. Nào, nói đi! Thế là người khách bắt đầu nói chuyện linh tinh, tiện gì kể nấy, cả thật lẫn giả, trong khi ông tôi bình thản ngồi trên đi-văng, vừa hút chiếc ống điếu tsibúc vừa chăm chú lắng nghe và theo dõi những chuyến du lịch của người khách

lạ. Và nếu cụ khoái, cụ sẽ bảo: – Chú ở lại đây ngày mai nữa. Chú chưa đi được đâu. Chú còn ồi chuyện để kể.

Ông tôi không bao giờ rời khỏi làng, thậm chí chưa từng đến Candia hoặc Canea.

- Việc gì phải đến đó? Cụ thường nói. Có ồi người Candia và Canea đi ngang qua đây – cầu trời cho họ bình an – Candia và Canea đã đến ta thì hà chi ta cần đến đó nữa?

Trên bờ biển Crete bây giờ, tôi đang tiếp tục cái tật ấy của ông ngoại tôi. Tôi cũng tìm được một người khách nhờ ánh sáng cây đèn lồng của mình. Tôi không để cho y đi khỏi. Tôi tốn kém với y hơn một bữa ăn, nhưng cũng bõ bèn. Chiều chiều, sau giờ làm việc tôi đợi y, tôi bắt y ngồi đối diện với tôi và chúng tôi cùng ăn.

Đến lúc y phải trả nợ miệng, tôi bảo: “Nói chuyện đi!”.

Tôi châm tẩu hút và tôi lắng nghe. Người khách này của tôi đã thám hiểm khắp trái đất cũng như tâm hồn con người. Tôi nghe lão không bao giờ biết chán.

- Kể chuyện đi, Zorba, kể đi! Khi lão cất lời là lập tức toàn bộ vùng Macedonia bày ra trước mắt tôi, trải gọn ghẽ trong cái khoảng không gian bé nhỏ giữa Zorba và bản thân tôi, với tất cả núi rừng, suối khe của nó, với những comitadji ([20]), với những phụ nữ lam làm cùng những người đàn ông to lớn, vạm vỡ. Và cả ngọn núi Athos với hai mươi một tu viện, với những binh công xưởng và bọn ăn không ngồi rồi đít to bằng cái thúng.

Mỗi khi kể xong những mẩu chuyện về các tu sĩ, Zorba thường lắc đầu và cười váng lên:

“Cầu Chúa tránh cho sếp khỏi gặp đít la và đầu thầy tu!”.

Mỗi tối Zorba đưa tôi phiêu du qua Hy Lạp, Bulgari và Constantinople. Tôi nhắm mắt lại và thấy những nơi đó hiện ra. Lão đã đi khắp các vùng Balkans xác xơ, hỗn loạn và quan sát mọi điều bằng đôi mắt điều hâu luôn luôn mở to ngỡ ngàng. Những điều ta đã quen tới mức coi dửng dưng, lại dựng sững trước mặt Zorba như câu đố dễ sợ. Thấy một người đàn bà đi qua, lão khựng lại bàng hoàng.

- Cái điều kỳ bí này là gì vậy? Lão hỏi. Một người đàn bà là gì mà lại khiến đầu óc ta quay cuồng? Xin hỏi sếp nói cho tôi nghe thế là nghĩa lý gì?

Lão tự vấn mình cũng với sự ngỡ ngàng như thế khi thấy một người đàn ông, một cái cây ra hoa, một cốc nước lạnh. Ngày nào Zorba nhìn mọi sự cũng như mới thấy lần đầu. Hôm qua, chúng tôi ngồi trước cửa lều. Uống xong một ly rượu vang lão quay lại tôi, hoảng hốt:

- Này, cái thứ nước đỏ này là cái quái gì vậy, sếp thử nói tôi nghe xem! Một gốc cây già đâm nhánh, mới đầu chỉ có một chùm trái chua loét lủng la lủng lẳng. Ngày lại ngày, nắng làm trái chín trở nên ngọt như mật ong, rồi được gọi là nho. Ta hái về giằm nát ra, chắt lấy nước ngọt đem chứa trong thùng, nước ngọt này tự nó lên men, đến ngày lễ Thánh John Tửu Đồ ([21]) ta đổ ra, thế là thành rượu vang! Thật là thần kỳ! Anh uống cái thứ nước ngọt đỏ đỏ này và xem kìa, rốn anh nở to ra, to quá cỡ đối với cái thân xác già của anh, nó thách đấu với cả Trời. Sếp nói tôi nghe nào, làm sao lại hóa ra như thế? Tôi không trả lời.

Trong khi nghe Zorba nói, tôi có cảm giác như thế giới đang khôi phục lại sự tươi mát thuở ban sơ. Tất cả mọi sự vật thường nhật bị làm mờ đục bỗng lại sáng ngời như trong buổi ban đầu khi con người vừa sinh ra từ bàn tay Thượng đế. Nước, đàn bà, trăng sao, bánh mì thấy đều trở về cội nguồn nguyên thủy, huyền bí và cơn lốc thần thánh, một lần nữa, lại bùng lên trong không trung. Chính vì thế mà chiều nào cũng vậy, nằm dài trên lớp đá sỏi tôi nôn nóng chờ Zorba. Tôi thường thấy lão đột nhiên chui ra từ lòng

đất và lắc lư người, sai bước lại gần. Bằng vào tư thế của lão, bằng vào cách lão vung vẩy tay, cất cao hay cúi thấp đầu, ngay từ xa, tôi đã có thể biết công việc ngày hôm ấy tiến triển ra sao. Mới đầu, tôi cũng đi làm với lão. Tôi quan sát thợ thuyền. Tôi cố gắng sống theo một kiểu khác, chú tâm vào công việc thực tiễn, ráng tìm hiểu và yêu mến cái chất liệu – người rơi vào tay tôi, cảm thụ cái niềm vui từ lâu khao khát là không còn phải giao tiếp với chữ nghĩa đơn thuần mà với những con người sống thật. Và tôi đề ra nhưng kế hoạch lãng mạn: nếu việc khai thác than bùn thành công, sẽ tổ chức một thứ cộng đồng trong đó mọi thứ đều được chia sẻ – ăn chung, mặc chung như anh em cùng một mẹ. Tôi tạo ra trong đầu một trật tự tôn giáo mới, chất men của một cuộc sống mới...

Nhưng tôi chưa quyết định nói cho Zorba biết dự định của tôi. Lão bực mình với việc tôi cứ đi đi lại lại giữa đám thợ thuyền, hỏi han, can thiệp vào mọi chuyện và bao giờ cũng đứng vào phe đám thợ. Zorba thường măm môi nói:

– Sao sếp không ra ngoài đi dạo một vòng? Ngắm trời ngắm biển cho vui. Thoạt đầu, tôi khăng khăng, không chịu đi. Tôi thăm hỏi, trò chuyện và đi đến chỗ biết lai lịch từng người – nào là họ phải nuôi bao nhiêu con, có bao nhiêu em gái phải lo cưới gả, có bao nhiêu bà con già nua đơn côi phải giúp đỡ, nào là những bản khoán lo lắng, phiền muộn, những lúc ốm đau bệnh tật.

- Đừng có đi sâu vào lý lịch của họ như vậy, sếp, Zorba thường cau có nói. Với trái tim dễ thương cảm, sếp sẽ bị lừa phỉnh, sếp sẽ ưa thích họ quá mức, không có lợi cho bản thân họ hoặc cho công việc của chúng ta. Họ làm bất cứ cái gì, sếp cũng tìm ra lý do bào chữa cho họ. Thế rồi, họ sẽ làm việc bôi bác, được chăng hay chớ! Sếp nên hiểu như vậy. Chủ mà cứng rắn, thợ mới kính nể, mới chịu làm việc. Chủ mà nhu nhược, họ bỏ mặc mọi chuyện cho chủ mà rong chơi thoải mái. Sếp hiểu chứ?

Một tối khác, sau khi làm việc, lão quẳng cuốc vào lán và quát lên, mất hết kiên nhẫn:

– Này sếp, thôi đi đừng có nhúng mũi vào nữa. Tôi xây đến đâu sếp phá đến đấy. Những điều sếp nói với họ hôm nay là cái quái gì thế? Chủ nghĩa xã hội và những chuyện nhảm nhí. Sếp là một nhà truyền giáo hay một nhà tư bản? Phải dứt khoát đi chứ! Nhưng làm sao tôi có thể lựa chọn được? Tôi đang bị thiêu đốt bởi ước muốn ngây thơ là liên kết hai điều đó, tìm ra một tổng hợp trong đó những đối kháng quyết liệt sẽ trở nên thân thiện và đạt được cả đời sống trần thế lẫn cõi thiên giới. Ước muốn ấy đã kéo dài bao năm nay, từ thời tôi còn nhỏ. Hồi còn đi học, tôi đã cùng các bạn thân cận nhất tổ chức một Hội Ái Hữu ([22]) bí mật – chúng tôi đặt tên cho hội như thế – và trong phòng ngủ khóa chặt của tôi, bọn tôi thề suốt đời hiến mình cho cuộc đấu tranh xóa bỏ bất công. Những giọt nước mắt to tướng chảy giàn giụa trên mặt chúng tôi khi tay đặt lên ngực mé trái tim, chúng tôi cất tiếng thề. Ôi những lý tưởng con nít! Nhưng cầu sao tai họa hãy giáng xuống đầu kẻ nào dám cười nhạo khi nghe những điều đó! Khi tôi thấy các hội viên Hội Ái Hữu trở thành hạng người như thế nào – lang băm, thầy cãi quèn, chủ hiệu tạp hóa, chính trị gia thò lò sáu mặt, nhà báo viết thuê – lòng tôi đau như xé.

Khí hậu của thế gian này xem ra khắc nghiệt và dữ dằn. Những hạt giống quý nhất không nảy mầm được hoặc bị các bụi rậm và cây tầm ma đè nghẹt. Về phần tôi, giờ đây tôi có thể thấy rất rõ rằng mình không đến nỗi bị ngạt vì lý trí, đội ơn Chúa! Tôi vẫn còn cảm thấy sẵn sàng lao vào những cuộc phiêu lưu kiểu Đôn Kihôtê. Chủ nhật nào, cả hai chúng tôi cũng tắm rửa thật cẩn thận như những chàng trai đang kiếm vợ. Chúng tôi cạo râu, mặc những chiếc sơ mi trắng bộp và vào khoảng cuối chiều cùng nhau đến thăm mađam Hortense. Mỗi chủ nhật, mẹ thịch một con trong đàn gia cầm đãi chúng tôi; cả ba chúng tôi lại ngồi cùng ăn, cùng uống; đôi tay dài của Zorba lại vươn tới chiếm hữu bộ ngực niêm nở hiếu khách của người đàn bà tốt bụng.

Đêm xuống, khi quay trở về phần bờ biển của mình, chúng tôi thấy cuộc đời có vẻ giản dị, đầy những thiện ý, tuy già cỗi nhưng rất dễ chịu và hồ hởi – như mađam Hortense vậy. Vào một trong những ngày chủ nhật đó, trên đường về sau một bữa tiệc thịnh soạn, tôi quyết định nói cho Zorba biết những dự định của tôi. Miệng há hốc, lão cố gắng kiên nhẫn lắng nghe. Nhưng chốc chốc lão lại giận dữ lắc cái đầu to tướng. Những lời đầu tiên của tôi làm lão tỉnh rượu, hơi men bốc khỏi đầu óc. Khi tôi nói xong, lão bực bội nhổ hai ba sợi ria mép:

– Sếp ạ, tôi nói thế này mong sếp đừng chấp, tôi nghĩ rằng óc sếp chưa thành hình. Năm nay, sếp bao nhiêu tuổi rồi?

- Ba mươi lăm.

– Thế thì óc sếp sẽ không bao giờ thành hình đâu. Nói rồi, lão phá lên cười. Tôi bị châm chích nhói đến tận gan ruột.

- Bác không tin ở con người ư? Tôi vặc lại.

- Thôi đừng nổi nóng, sếp. Không, tôi không tin ở cái gì hết. Nếu tôi tin con người, tôi sẽ phải tin Chúa và phải tin ma quỷ nữa. Và cái đó là cả một vấn đề. Mọi sự rồi sẽ bi bét, sếp ạ, và sẽ gây cho tôi biết bao rắc rối phức tạp. Lão im lặng, bỏ mũ bê-rê ra, gãi đầu như điên và lại giựt giựt bộ ria như muốn vặt trụi đi. Lão định nói điều gì nhưng rồi lại kìm lại. Lão liếc mắt về phía tôi lại nhìn thêm lần nữa và quyết định nói:

– Con người là đồ súc sinh, lão nói, lấy chiếc gậy đập xuống lớp sỏi. Đại súc sinh. Điều đó, đức ông không ý thức được. Dường như mọi sự đã quá dễ dàng đối với đức ông, nhưng theo ý kiến tôi, con người là đồ súc sinh, xin thưa với đức ông như vậy! Nếu ta tàn bạo với nó, nó sẽ kính trọng và sợ ta. Nếu ta tốt với nó, nó sẽ móc mắt ta ra.

“Hãy giữ một khoảng cách, sếp ạ. Đừng làm cho thợ thuyền quá mạnh dạn, đừng có nói với họ rằng chúng ta bình bằng, chúng ta có những quyền

như nhau, kéo họ sẽ thắng thường giày xéo lên những quyền của sếp đó; họ sẽ cướp đoạt phần bánh mì của sếp và để sếp chết đói. Hãy giữ khoảng cách sếp ạ, bằng vào mọi điều tốt đẹp tôi cầu chúc cho sếp!”

– Nhưng bác không tin vào cái gì ư? Tôi cáu tiết kêu lên.

– Phải, tôi chẳng tin vào cái gì hết. Tôi còn phải nói vậy với sếp bao nhiêu lần nữa. Tôi chẳng tin vào cái gì, chẳng tin vào ai, tôi chỉ tin vào Zorba. Không phải vì Zorba tốt hơn những người khác, hoàn toàn không phải thế, không phải một chút nào! Hẳn cũng là súc sinh như tất cả. Nhưng tôi tin vào Zorba vì hẳn là kẻ duy nhất nằm trong phạm vi quyền lực của tôi, là kẻ duy nhất tôi hiểu biết. Còn tất cả mọi người khác đều là những bóng ma. Tôi nhìn thấy bằng đôi mắt này, tôi nghe thấy bằng đôi tai này, tôi tiêu hóa bằng bộ lòng ruột này. Tất cả mọi người khác đều là bóng ma, xin nói với sếp vậy. Khi tôi chết, tất cả mọi thứ sẽ chết. Toàn bộ thế giới Zorba sẽ chìm xuống đến tận đáy!

– Thật ích kỷ! Tôi nói mịa.

- Biết làm thế nào, sếp! Sự thế là như thế. Ăn gì nói nấy. Tôi là Zorba, tôi nói giọng Zorba.

Tôi không nói gì. Những lời của Zorba làm tôi đau điếng như bị roi quất. Tôi thán phục lão vì lão mạnh mẽ đến thế, khinh người đến mức ấy mà đồng thời vẫn muốn sống và làm việc với họ. Tôi thì hoặc trở thành nhà tu khổ hạnh, hoặc phải tô điểm cho con người một bộ mã lông chim để có thể chịu đựng được họ. Zorba quay lại nhìn tôi. Dưới ánh sao, tôi có thể thấy lão cười ngoác đến tận mang tai.

– Tôi làm sếp phật ý phải không? Lão nói, bất thần dừng lại. Chúng tôi đã tới lều. Zorba nhìn tôi, trùi mền và ngượng ngập. Tôi không đáp. Tôi cảm thấy lý trí mình tán thành Zorba, nhưng con tim thì cưỡng lại, nó muốn vọt ra, thoát khỏi tên súc sinh để đi con đường riêng của mình.

- Tối nay, tôi không buồn ngủ, Zorba ạ, tôi nói.

Bác cứ đi nằm đi. Sao lấp lánh, biển thở dài, liếm láp những vỏ sò vỏ trai, một con đom đóm thấp lè dò dưới bụng ngọn đèn nhỏ gợi tình. Đêm xoa mái tóc rờn rờn sương. Tôi nằm úp mặt, chìm đắm trong im lặng, không nghĩ ngợi chi cả. Lúc này, tôi hòa nhập làm một với đêm và biển; tâm trí tôi tựa như con đom đóm đã thấp dóm đèn nhỏ của nó và đậu trên nền đất đen ẩm, đợi chờ. Sao chuyển vần, giờ khắc trôi – và khi đứng dậy, không rõ bằng cách nào, tôi đã ghi khắc trong tâm trí hai nhiệm vụ phải hoàn thành trên vùng bờ biển này:

- Thoát khỏi ảnh hưởng Đức Phật, rũ bỏ bằng ngôn từ mọi ưu tư siêu hình và giải phóng tâm trí khỏi nỗi lo âu vô ích.

– Tiếp xúc trực tiếp và vững bền với mọi người, bắt đầu ngay từ giờ phút này. Tôi tự nhủ: “Có lẽ chưa đến nỗi quá muộn”.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 5

“B ô làng Anagnosti gửi lời chào các ông và mời các ông quá bộ tới tệ xá dùng bữa. Hôm nay, gã thợ thiến về làng hoạn lợn. Đây là dịp đặc biệt, “hạt ngọc” quả là một thứ cao lương mỹ vị. Vợ lão, Kyria Maroulia, sẽ đích thân nấu nướng món này hầu các vị. Hôm nay cũng là sinh nhật thằng cháu nội Minas, nhị vị có thể nhân dịp này chúc mừng nó luôn thể.”

“B

Vào nhà một nông dân đảo Crete là một điều rất thú vị. Mọi thứ xung quanh đều nhuộm màu gia trưởng: bếp sưởi, cây đèn dầu, những hũ đất xếp dọc theo vách, mấy cái ghế, một cái bàn và phía bên trái theo chiều vào nhà, một bình nước mát đặt trong một hốc vách. Từ xà nhà, rủ xuống hàng dây hạt lựu, hạt mộc qua và hạt các loại cây hương liệu: ngải đắng, bạc hà, hồ tiêu đỏ, hương thảo và rau thơm.

Đầu đằng kia phòng, một cái thang hay mấy bậc gỗ dẫn lên một cái bục có kê một giường mẽ; bên trên là những tượng thánh trong ánh đèn thường trực. Nhà có vẻ trống tuênh trống toàng, nhưng chứa đủ mọi thứ cần dùng, vì thật ra những nhu yếu thực sự của con người có là bao.

Đó là một ngày đẹp trời lại rất dịu nhờ nắng thu.

Chúng tôi ngồi trước nhà, trong mảnh vườn nhỏ, dưới một cây ô-liu trĩu quả. Thấp thoáng qua vòm lá bạc, biển lấp lánh đằng xa, hoàn toàn tĩnh

lặng. Những đám mây mờ liên tục trôi ngang qua mặt trời, làm cho mặt đất lúc âm thầm lúc tươi vui như thể đang thở vậy.

Cuối mảnh vườn nhỏ, trong một khoảnh rào, con lợn bị thiến rống lên vì đau, điếc cả tai. Mùi nấu nướng của bà Kyria Maroulia trên than bếp thoảng đến mũi chúng tôi.

Chuyện trò chỉ xoay quanh những đầu đề muôn thuở: ngũ cốc, nho, nắng mưa. Chúng tôi cứ phải hét to vì ông lão nặng tai. Ông bảo tai ông “kiêu kỳ”. Cuộc đời của ông già đảo Crete này thẳng băng và bình yên như đời một cái cây trong một khe núi khuất. Ông sinh ra, lớn lên, thành gia thất, sinh con đẻ cái và đủ thọ để thấy đàn cháu nội ngoại. Có một số đã chết, nhưng nhiều người còn sống: việc nối dõi tông đường được đảm bảo.

Ông già đảo Crete này còn nhớ những ngày xa xưa, ách thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ, những giáo huấn của cha, những phép lạ xảy ra trong thời kỳ ấy vì phụ nữ bấy giờ còn biết sợ Thượng đế và nặng lòng tín ngưỡng.

- Này, cứ xem lão đây, bô làng Anagnosti, người đang nói chuyện với các ông đây! Ngay việc lão ra đời cũng là một phép lạ. Chà, thề trên linh hồn lão, đúng là một phép lạ! Khi lão kể các vị nghe chuyện ấy xảy ra như thế nào, các vị sẽ phải kinh ngạc. Các vị sẽ thốt ra: “Cầu Chúa thương xót chúng con!”, và đến tu viện Đức Bà Mary Đồng Trinh để thắp nến lễ Người.

Ông làm dấu thánh giá và bắt đầu dụi dàng kể chuyện, giọng nhỏ nhẹ:

- Hồi ấy, ở làng chúng tôi có một mục nhà giàu người Thổ Nhĩ Kỳ – cầu trời đầy hồn mục xuống địa ngục đời đời. Một hôm, mục khốn kiếp thụ thai và rồi đến kỳ mục ở cữ. Người ta đặt mục lên giường và mục cứ nằm đó kêu như bò rống suốt ba ngày đêm mà không đẻ được. Cho nên một người bạn của mục – trời đầy cả mục này nữa! – bèn khuyên mục như sau: “Tzafer Hamum, chị nên cầu xin Mẹ Mary cứu giúp!” Dân Thổ gọi Đức Bà Đồng

Trinh là thế mà. Lớn thay quyền năng của Người? “Để làm gì?” cái mù điểm Tzafer rống lên. “Cầu xin bà ta ư? Tôi thà chết còn hơn!” Nhưng cơn đau mỗi lúc một dữ dội. Lại một ngày một đêm nữa trôi qua. Mù vẫn rống lên và vẫn không để được. Làm thế nào đây! Mù không đủ sức chịu đau lâu hơn nữa. Thế là mù lấy hết sức gào lên: “Mẹ Mary? Mẹ Mary!” Nhưng vô ích, cơn đau vẫn không dứt và cái thai vẫn không chịu ra. Và mù bạn thân bèn bảo: “Có lẽ Người không hiểu tiếng Thổ!” Thế là mù điểm nọ lại gào: “Trinh Nữ của dân Roumis! Trinh Nữ của dân Roumis!” ([23]). Roumis cái mà cha nó? Cơn đau càng tăng. “Chị không gọi đúng cách”, mù bạn nói. “Chị không gọi đúng cách, vì thế nên Người không đến”. Thế là mù điểm vô đạo ấy thấy chết đến đít, bèn gào đến vỡ phổi: “Nữ Thánh Đồng Trinh!” Và lập tức đưa bé chuôi từ tử cung mù ra như con lươn toài ra khỏi bùn.

“Chuyện đó xảy ra vào một ngày chủ nhật và chủ nhật sau đến lượt mẹ tôi lên cơn đau. Bà cũng phải chịu đau đớn như vậy, tội nghiệp bà mẹ khổ khổ của tôi, bà cũng trải qua nông nỗi ấy và bà la hét: “Nữ Thánh Đồng Trinh! Nữ Thánh Đồng Trinh!”. Nhưng vẫn không sao để được. Cha tôi ngồi bệt xuống đất ngay giữa sân, không ăn uống gì được vì thương vợ đau. Ông bất mãn với Nữ Thánh Đồng Trinh. Các vị thấy đấy, lần trước khi cái con đĩ Tzafer lên tiếng gọi, Nữ Thánh Đồng Trinh đã cầm đầu cầm cổ chạy đến giải thoát cho nó. Thế mà bây giờ... Đến ngày thứ tư, cha tôi không tự kiểm chế được nữa. Không do dự một giây, ông xách chiếc chìa đi thẳng đến tu viện Nữ Thánh Đồng Trinh Khổ Nạn. Cầu xin Người cứu giúp chúng ta! Ông tới đó, bước vào nhà thờ không buồn làm dấu thánh giá vì đang tức điên lên, ông đóng cửa cài then lại sau lưng và tiến thẳng đến tượng Người. “Hỡi Nữ Thánh Đồng Trinh”, ông quát lên, “vợ tôi, Krinio, bà biết cô ấy chứ... bà ắt phải biết chứ, thứ bầy nào cô ấy chả mang đầu đến cho bà và thắp đèn lễ bà... đấy, vợ tôi đau đẻ suốt ba ngày đêm nay và kêu cầu bà hoài. Bà không nghe thấy sao? Nếu bà không nghe thấy thì chắc bà điếc đặc rồi! Dĩ nhiên, nếu đó là một con đĩ Tzafer nào đó hoặc một con điểm Thổ Nhĩ Kỳ thì bà đã cầm cổ chạy đến rồi đấy. Nhưng vợ tôi, Krinio,

chỉ là một tén đồ Thiên Chúa Giáo, nên bà giả điếc làm ngơ! Bà phải biết nếu bà không phải là Nữ Thánh Đồng Trinh thì tôi đã cho bà một bài học bằng cán cái chìa cò này rồi!” Và không làm ầm ĩ gì thêm, cũng chẳng thềm cúi đầu khẩn lạy, cha tôi quay lưng toan bỏ đi. Nhưng Chúa mới vĩ đại làm sao. Đúng lúc ấy tượng Thánh bỗng kêu rảng rặc như thể muốn nứt toác ra. Nếu các vị chưa nghe nói thì xin thưa rằng, khi nào tượng Thánh kêu như vậy là đang ban phép lạ đấy. Cha tôi hiểu ngay lập tức. Ông liền quay lại, quỳ xuống và làm dấu Thánh giá. “Con đã mắc tội với Người, Nữ Thánh Đồng Trinh”, ông kêu lên, “Con đã nói nhiều điều quá đáng, nhưng xin Người đại xá”.

“Cha tôi vừa về đến làng là được báo tin mừng ngay – Cầu cho thằng bé sống lâu, ông Kostandi, vợ ông sinh con trai rồi đó! Ấy là tôi, già Anagnosti đây. Nhưng tôi sinh ra đã nghễnh ngãng. Các vị thấy đấy, cha tôi đã báng bố mà, ông đã bảo Đức Bà Đồng Trinh điếc. “À, thế hở?” chắc Đức Bà Đồng Trinh nói thế. “Được, đợi đấy, ta sẽ làm cho con trai người điếc để dạy cho người chừa cái tội báng bố!”.” Và già Anagnosti làm dấu Thánh giá.

Nhưng thế cũng chẳng sao, ông nói. Đội ơn Chúa!

Đức Mẹ có thể đã làm cho tôi mù, hoặc thành thằng ngậy, gù lưng, hoặc thậm chí – xin Thượng đế tha cho làm phúc! – Đức Mẹ có thể đã biến tôi thành con gái. Điếc cũng chẳng sao, tôi vẫn khẩn đầu tạ ơn Thánh Mẫu.

Ông rót rượu đầy các ly.

- Xin Đức Mẹ cứu trợ chúng ta dài lâu, ông nâng ly, nói.

- Chúc sức khỏe của bác, bác Anagnosti. Chúc bác sống lâu trăm tuổi để nhìn thấy đầy đàn chặt chút chút!

Ông già nốc một hơi cạn ly rượu nho và chùi ria.

- Không đâu, con ạ, ông nói. Thế là đòi hỏi quá mức. Lão đã được nhìn thấy các cháu nội, ngoại. Thế là đủ rồi. Không nên đòi hỏi quá mức. Lão đã hết thời rồi. Lão già rồi, các bạn ạ, thân lão cạn kiệt, lão không thể – lực bất tòng tâm mà – lão không thể gieo giống ra cho đời thêm những tí nhau nữa. Vậy thì ta còn sống để làm gì?

Ông lại rút đầy các ly, rút ở thắt lưng ra mấy quả hồ đào và vả khô gói trong lá nguyệt quế, chia cho chúng tôi. Tất cả những gì lão có, lão đã cho con cái, ông nói.

Gia cảnh lão đã trở nên nghèo túng, phải, nghèo túng, nhưng lão đâu có phàn nàn. Thượng đế có mọi thứ cần thiết!

- Thượng đế có thể có mọi thứ cần thiết, thưa bác Anagnosti, Zorba hét vào tai ông già. Thượng đế có chứ thúng ta đâu có. Lão già keo kiệt ấy chẳng cho chúng ta cái gì sốt!

Nhưng vị bô làng cau này.

- Đừng nói thế! Ông nghiêm khắc chính. Đừng trách cứ Người! Tội nghiệp, Người cũng trông cậy vào chúng ta, chú cũng biết đấy! Vừa lúc đó, cụ bà Anagnosti lặng lẽ bước vào, cung cúc bưng món cao lương mỹ vị trứ danh đựng trong một chiếc đĩa sành cùng một hũ rượu nho lớn. Bà đặt cả lên bàn và đứng đó chấp tay, mắt sụp xuống.

Tôi cảm thấy ngại ngại không muốn thưởng thức món khai vị này, nhưng mặt khác, tôi không đủ can đảm để khước từ Zorba liếc mắt quan sát tôi và có vẻ khoái sự lúng túng của tôi.

- Đây là món ngon nhất sếp có thể mơ ước, lão khẳng định. Đừng có khó tính.

Già Anagnosti cười khẽ.

- Đó là sự thật, đúng vậy đấy, ông thử xem rồi sẽ thấy. Cho vào miệng cứ là tan ra ngay. Khi hoàng tử George – cầu trời phù hộ ngài – đến thăm tu viện của chúng tôi ở tận trên núi kia, các tu sĩ chuẩn bị một bữa tiệc vương giả đón ngài. Họ dọn thịt mời tất cả mọi người, riêng hoàng tử chỉ có một đĩa xúp. Hoàng tử cầm thìa khuấy xúp. “Cái gì đây? Đậu à?” Ngài ngạc nhiên hỏi: “Có phải hạt đậu trắng không?” – “Xin điện hạ nếm thử coi, vị cha già tu viện trưởng thưa. “Điện hạ nếm thử rồi ta sẽ nói chuyện sau”. Hoàng tử húp một thìa, hai thìa, ba thìa, chén cạn đĩa rồi liếm môi. “Cái món tuyệt diệu này là gì vậy?” ngài hỏi. “Đậu gì mà ngon thế? Ngon như óc lợn vậy!” – “Trình điện hạ, đó không phải là đậu”, cha tu viện trưởng cười đáp. “Không phải là đậu? Chúng tôi đã hiến tất cả gà trống ở trong vùng để nấu món đó!”

Ông già cười ha hả, lấy đĩa xiên một miếng nữa.

- Một món tiến vua, ông nói. Há mồm ra.

Tôi há miệng và ông dứt tọt miếng “của quý” vào.

Ông lại rót rượu đầy các ly và chúng tôi uống chúc mừng cháu ông. Mắt ông già lấp lánh.

- Bác muốn cháu nội bác sau này làm gì, bác Anagnosti? Tôi hỏi. Xin bác cho biết để chúng tôi chúc.

- Lão có thể cầu ước gì được, hả con? Ồ, mong rằng nó theo con đường đúng, trở thành một người tốt, đứng đầu một gia đình; mong rằng nó cũng lấy vợ, sinh con, sinh cháu. Và cầu cho một đứa trong lũ con nó giống lão để cho lớp người già phải thốt lên: “Kìa, nom nó giống lão Anagnosti không kia chứ – cầu Chúa cho linh hồn lão hiền Thánh! Bình sinh, lão thật là một con người nhân hậu! “

- Maroulia! ông gọi, không buồn nhìn vợ, Maroulia, thêm rượu, đầy một hũ nữa!

Đúng lúc đó, cánh cửa mây của khoang rào bị con lợn húc thật mạnh, bật tung và nó xổng ra vườn, rống ầm ỹ.

- Tội nghiệp con vật, nó đau, Zorba chép miệng thương hại.

- Cố nhiên là nó đau! ông già đảo Crete cười nói. Giả dụ họ làm chú thế, chú có đau không?

Zorba ngọ nguậy trên ghế.

- Phi phui cái lưỡi bác, ông già điếc lòi tổng nhĩ!

Zorba khiếp hãi lằm bằm.

Con lợn chạy quanh trước mặt chúng tôi, mắt nhìn trừng trừng giận dữ.

- Lão chắc nó biết chúng ta đang ăn dái nó! Già Anagnosti nói, bốc lên vì mấy ly rượu vừa uống cạn.

Còn chúng tôi, tựa lữ ăn thịt người, chúng tôi bình tĩnh và thỏa mãn tiếp tục ăn món cao lương mỹ vị và uống rượu vang đỏ, đồng thời phóng mắt qua những cành ô-liu bạc trắng nhìn ra biển đã nhuộm hồng trong ánh dương tà.

*

Sẩm tối, chúng tôi rời nhà ông già. Zorba, lúc này cũng cao hứng, muốn nói chuyện cho đã.

- Hôm kia, mình nói chuyện gì, sếp hả? Sếp bảo sếp muốn mở mắt cho mọi người. Được thôi, sếp cứ thử đi mà mở mắt cho bác già Anagnosti xem! Sếp đã thấy bà vợ lão phải cung kính trước mặt lão như thế nào, chờ lệnh lão như con chó xin ăn đó. Cứ thử đi dạy họ rằng phụ nữ có các quyền bình đẳng với nam giới; rằng xẻo miếng thịt một con lợn mà ăn, trong khi nó đang còn sống rên xiết trước mặt mình, là tàn ác, rằng tạ ơn Thượng đế

vì Thượng đế có đủ mọi thứ trong khi mình sắp chết đói, là điên rồ loạn trí! Thử hỏi cái lão quỷ già Anagnosti đáng thương sẽ rút được lợi lộc gì từ những lời giải trình bịp bợm của sếp? Sếp sẽ chỉ gây cho lão một lô những bản khoản lo phiền thôi. Và bà lão Anagnosti tội nghiệp được lợi lộc gì? Mỡ đã đổ vào chảo rồi, còn làm sao thay đổi được; gia đình sẽ bắt đầu lục đục, gà mái muốn giành ngôi gà trống, hai bên sẽ mổ nhau toi bời, lông bay loạn xạ...! Cứ để mọi người yên, sếp ạ, đừng mở mắt cho họ làm gì. Và giả sử sếp làm được điều đó, họ sẽ nhìn thấy gì? Thấy sự khốn cùng của họ! Cứ để cho họ nhắm, sếp ạ, và để cho họ tiếp tục mơ màng!

Lão im lặng một lúc và gãi đầu. Lão đang ngẫm nghĩ.

- Trừ phi, cuối cùng lão nói, trừ phi...

- Trừ phi làm sao? Nói nghe nào!

- Trừ phi khi họ mở mắt, sếp có thể chỉ cho họ một thế giới tốt đẹp hơn cái bóng tối trong đó họ đang quanh quẩn... Sếp có thể làm thế được không?

Tôi không biết trả lời ra sao. Tôi hoàn toàn ý thức được cái gì cần được triệt phá, nhưng tôi không biết cái gì sẽ được xây từ đổ nát ấy. Theo tôi, không ai có thể biết chắc điều đó. Thế giới cũ là sờ mó được, vững chãi, chúng ta sống trong lòng nó và đang đấu tranh với nó từng giây từng phút – nó tồn tại. Thế giới của tương lai chưa ra đời, nó chuội đi như nước, không nắm được, nó được cấu tạo bởi cái thứ ánh sáng thường dẹt nên những giấc mơ, nó là một đám mây bị xô đẩy bởi những cơn gió mạnh – yêu thương, căm ghét, tưởng tượng, may rủi, Thượng đế... Nhà tiên tri vĩ đại nhất trên trái đất chỉ có thể ban cho con người một khẩu hiệu thôi, không hơn, và khẩu hiệu ấy càng mơ hồ bao nhiêu, nhà tiên tri càng vĩ đại bấy nhiêu.

Zorba nhìn tôi với một nụ cười nhạo làm tôi phật ý.

- Tôi có thể chỉ cho họ một thế giới tốt đẹp hơn! Tôi đáp.

- Thật ư? Tốt, sếp nói nghe nào!

- Tôi không thể nói được. Bác không hiểu đâu.

- Có nghĩa là sếp chẳng có thể chỉ ra được một thế giới nào hết, Zorba lắc đầu nói: Đừng có coi tôi là một thằng ngốc, sếp ạ. Nếu có ai đã bảo với sếp rằng tôi là một thằng ngu, thì người đó lầm. Tôi có thể chẳng có học vấn gì hơn lão Anagnosti, nhưng còn lâu tôi mới dần độn! Ờ, nếu tôi mà còn không hiểu, thì liệu sếp trông mong gì ở cái lão đáng thương ấy và mẹ vợ dốt đặc cán mai của lão? Và còn tất cả các lão Anagnosti khác trên thế giới? Phải chăng sếp sẽ chỉ tổ làm cho họ thấy tầm tối hơn? Cho đến nay, họ đã xoay xử được kha khá; họ có con cái, thậm chí có cả cháu nội cháu ngoại. Thượng đế làm cho họ vừa mù vừa điếc, thế mà họ vẫn nói: “Tạ ơn Thượng đế”. Họ cảm thấy thoải mái trong sự khốn cùng của mình. Vậy cứ để mặc họ và đừng có nói gì.

Tôi lặng thinh. Chúng tôi đang đi qua trước vườn mẹ góa. Zorba dừng lại một lát và thở dài nhưng không nói gì. Chắc ban nãy vừa có trận mưa rào. Có một mùi đất ẩm mát rượi trong không khí. Những ngôi sao đầu tiên xuất hiện. Trăng non ngời ngời một vàng mơn mớn vàng xanh. Bầu trời tràn đầy dịu êm.

Con người này không hề cấp sách đến trường, tôi nghĩ thầm, và đầu óc lão không bị làm hỏng. Lão đã trải mọi chuyện đời, đủ vành đủ vẻ; tâm trí lão mở rộng và trái tim lão lớn lên mà không mất đi máy may tính táo bạo ban sơ. Tất cả các vấn đề ta thấy là phức tạp hoặc không thể giải quyết được, lão xử trí đánh xoẹt như lia một nhát gươm, kiểu Đại đế Alexandre chém phẳng cái nút của vua Gordius ([24]) Thật khó mà khiến lão trật đích, bởi lẽ hai chân lão trụ vững vàng trên mặt đất bằng trọng lượng của cả thân hình. Những người mộng muội ở châu Phi thờ rần vì toàn thân nó tiếp xúc với mặt đất và do đó, hẳn nó biết tất cả những bí ẩn của trái đất thông qua bụng, đuôi và đầu nó. Nó luôn luôn tiếp xúc hoặc hòa làm một với Mẹ Đất.

Zorba cũng vậy. Còn chúng ta, những người có học vấn, chỉ là những con chim đầu óc rỗng tuếch bay trên không.

Trên trời, sao mỗi lúc một đông bội lên, tất thảy đều gay gắt, hung dữ, khinh mạn và tàn nhẫn đối với con người.

Chúng tôi không nói gì nữa, cả hai cùng kinh hãi nhìn trời đăm đăm. Mỗi giây đều thấy những ngôi sao mới bật sáng ở đằng đông, mở rộng thêm đám cháy.

Chúng tôi về tới lều. Chẳng muốn ăn uống gì nữa, tôi ngồi xuống một tảng đá bên bờ biển. Zorba nhóm lửa, ăn, rồi định đến ngồi cạnh tôi song lại đổi ý, nằm dài trên nệm và quay ra ngủ.

Biển lặng tờ. Dưới hàng chùm sao sa, mặt đất cũng nằm bất động và im ắng. Không một tiếng chó sủa, không một tiếng chim đêm kêu. Một tịch lặng hoàn toàn, thâm lén, nguy hiểm, tạo thành bởi hàng ngàn tiếng kêu xa tít hoặc từ thẳm sâu trong ta đến nỗi ta không sao nghe thấy được. Tôi chỉ nhận thấy mạch đập của máu rần rật hai bên thái dương và trong những tĩnh mạch cổ.

Hồ ca? Tôi nghĩ thầm và rùng mình.

Ở Ấn Độ, vào lúc đêm xuống, một bài hát buồn đơn điệu cất lên bằng một giọng nhỏ nhẹ, một bài hát chậm chậm, man dại như tiếng ngáp xa xa của một con thú dữ, gọi là hồ ca. Tâm hồn con người xao xuyến tìm một lối thoát trong nỗi chờ đợi căng thẳng.

Trong khi nghĩ đến bài ca dễ sợ ấy, khoảng trống trong lồng ngực tôi dần dần được lấp đầy. Tai tôi hồi tỉnh, im lặng trở thành tiếng thét. Y như thể chính linh hồn được cấu tạo bằng bài ca ấy và đang thoát ra ngoài thể xác để lắng nghe.

Tôi cúi xuống, lấy tay vốc nước biển vã vào trán và hai thái dương. Tôi cảm thấy tươi tỉnh lại. Tận tâm cùng con người tôi, những tiếng kêu dội vang, hăm dọa, hỗn độn, nôn nóng – con hổ đang ở trong tôi và đang gầm thét.

Thình lình tôi nghe rành rọt một giọng nói. Đó là giọng nói của Đức Phật.

Tôi bắt đầu bước rảo dọc theo mép nước như muốn chạy trốn. Thời gian gần đây, những lúc đơn độc trong đêm và im lặng bao trùm, tôi thường nghe thấy tiếng Người – thoát đầu buồn bã, than vãn như một khúc điệu ca, rồi trở nên giận dữ, quở trách và như ra lệnh. Nó vù vù vẫy trong lồng ngực tôi như cái thai nhi đến lúc rời khỏi tử cung.

Hắn đã đến nửa đêm. Mây đen cụm lại trên bầu trời, mấy giọt mưa lớn rơi trên tay tôi. Nhưng tôi không buồn để ý. Tôi ngập chìm trong một không khí nóng bỏng; tôi cảm thấy như có một ngọn lửa bập bùng ở cả hai bên thái dương.

Đã đến lúc rồi, tôi rùng mình nghĩ thầm. Bánh xe Phật giáo đang cuốn tôi đi, đã đến lúc tôi phải tự giải phóng khỏi cái gánh nặng thần kỳ này. Tôi vội quay về lều và thắp đèn lên. Khi ánh sáng rọi lên Zorba, mí mắt lão chớp chớp rồi mở ra nhìn tôi cúi trên tập giấy bắt đầu viết. Lão lậ bậ điều gì tôi không nghe ra, quay phắt mặt vào vách rồi lại ngủ thiếp đi.

Tôi viết lia lịa, vội vã. Truyện Đức Phật đã sắp sẵn đâu vào đó trong tôi và tôi có thể thấy nó tuôn ra từ óc tôi như một dải ru-băng xanh đầy ký hiệu biểu tượng. Nó tuôn ra rất nhanh và tôi cố sống cố chết ghi cho kịp. Tôi viết, tất cả đã trở nên đơn giản, rất đơn giản. Mà đâu phải tôi viết, tôi chỉ chép lại thôi. Cả một thế giới đang hiện ra trước mắt tôi, tạo nên bởi tình thương, hi xả và hư không: những lâu đài của Đức Phật, những cung tần mỹ nữ, cỗ xe bằng vàng, và cuộc gặp gỡ tiền định với lão, bệnh, tử, cuộc bỏ trốn, cuộc sống khổ hạnh, sự giải thoát lời phát thệ cứu độ chúng sinh. Mặt

đất đầy hoa vàng; hành khất và vua đều mặc áo dài màu nghệ; đá, cây cối và xác thịt trở nên lằng lằng. Linh hồn thành hơi, hơi thành tinh thần và tinh thần thành hư không... Tay tôi bắt đầu mỏi, nhưng tôi không muốn, không thể ngừng ghi.

Những hình ảnh vun vút qua và biến mất, tôi phải ráng theo cho kịp.

Sáng ra, Zorba thấy tôi ngủ, gối lên chồng bản thảo.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 6

Khi tôi thức giấc, mặt trời đã lên cao.

K

Những khớp ngón tay phải tôi còn cứng đờ vì cầm bút quá lâu, không nắm lại được. Con đông Phật giáo đã sập xuống tôi, đè tôi mệt phờ và trống rỗng.

Tôi cúi xuống nhặt những trang bản thảo vương vãi trên sàn. Tôi không còn sức mà cũng chẳng muốn xem lại. Cứ như thế tất cả cơn cảm hứng ào ạt ấy chỉ là một giấc mơ mà tôi hết muốn để nó bị cầm tù trong những lời chữ làm nó thành sàm tục.

Mưa nhẹ, thâm lặng. Trước khi đi, Zorba đã đốt lò và cả buổi sáng, tôi cứ cuộn mình thu lu trước đồng lửa, hơ tay, không ăn uống, không động cựa, chỉ lắng nghe cơn mưa đầu mùa êm đềm rơi.

Tôi chẳng nghĩ ngợi gì. Cuộn tròn như con chuột chũi trong đất ẩm, óc tôi ngơ ngẩn. Tôi nghe thấy cả những thoáng chuyển động nhẹ, xào xạc và lở tử của đất, tiếng mưa rơi và tiếng mầm hạt nở. Tôi cảm thấy trời và đất giao hợp như trong thuở ban sơ khi âm dương phủ nhau tựa đàn ông với đàn bà và sinh con đẻ cái. Tôi nghe thấy suốt dọc bờ, trước mặt tôi, biển gầm gào như một con thú dữ và thè lưỡi liếm cho dịu cơn khát.

Tôi sung sướng và tôi biết thế. Trong khi hưởng hạnh phúc, ta khó mà ý thức được điều đó. Chỉ khi hạnh phúc qua rồi và ta nhìn lại, ta mới đột nhiên – đôi khi ngỡ ngàng nữa – nhận ra rằng ta đã hạnh phúc biết bao nhiêu. Nhưng trên bờ biển đảo Crete này, tôi đang hạnh phúc và biết mình hạnh phúc.

Vùng biển xanh thẳm, mênh mông khát vọng này trải tới tận bờ Phi Châu. Một ngọn gió nam rất nóng gọi là Livas luôn thổi từ những miền cát cháy xa xôi. Buổi sáng, biển tỏa một thứ hương thơm như mùi dưa hấu; đến trưa thì mù sương và bình lặng với những gợn sóng nhỏ tựa bộ ngực non mới nhú: về chiều, lại thở dài và chuyển sang các màu của hoa hồng, của cà tím, của rượu vang, và xanh thẳm.

Quá trưa, tôi tiêu khiển bằng cách bốc cát mịn vàng và để nó chảy chuội nóng nóng, êm êm qua các kẽ ngón tay. Bàn tay – một cái đồng hồ cát qua đó cuộc đời chúng ta chảy chuội đi và mất tiêu. Nó đang tự mất tiêu. Tôi nhìn biển, lắng tiếng Zorba và cảm thấy hai thái dương rần rật hạnh phúc như muốn nổ tung.

Tôi nhớ lại một hôm đứng trước năm mới, Alka, đứa cháu gái bốn tuổi của tôi, trong lúc hai chú cháu đang nhìn vào một cửa hàng đồ chơi, quay lại nói với tôi nhận xét kỳ lạ này: “Chú Ogre, cháu sướng đến nỗi muốn mọc sừng ra!” Tôi sửng sốt. Cuộc đời thật là kỳ diệu, và mọi tâm hồn, khi đâm rễ sâu xuống, gặp gỡ nhau và hòa làm một, thì sao mà giống nhau đến thế! Vì tôi chợt nhớ ngay đến một hình Đức Phật khắc trên gỗ mun mà tôi đã thấy ở một viện bảo tàng xa xôi. Sáu bảy năm đau đớn khắc khoải Đức Phật đã tự giải thoát và tắm trong niềm vui. Gân xanh hai bên trán căng phồng đến mức trời khỏi da, biến thành cặp sừng mạnh mẽ xoắn lại như hai chiếc lò xo thép.

Về cuối chiều, cơn mưa nhẹ tạnh hẳn, bầu trời trở nên trong sáng. Tôi thấy đói và vui thích thấy mình đói vì giờ đây Zorba sắp về, nhóm lửa và bắt tay vào nấu nướng như một nghi thức thường nhật.

- Lại một chuyện không bao giờ để ta yên, Zorba thường nói vậy khi đặt nôi lên bếp. Đâu phải chỉ có đàn bà – mẹ kiếp, đó là chuyện bất tận – lại còn chuyện ăn nữa chứ!

Trên bờ biển này, lần đầu tiên tôi cảm thấy có một bữa ăn là điều thú vị biết bao. Chiều đến, Zorba nhóm bếp giữa hai hòn đá và nấu nướng. Chúng tôi bắt đầu ăn uống, chuyện trò trở nên rộn rã. Cuối cùng, tôi nhận chân ra ăn uống là một chức năng tâm linh và thịt, bánh mì, cùng rượu vang là những nguyên liệu tạo thành trí tuệ.

Sau ngày làm việc vất vả, trước khi ăn uống, Zorba thường ỉu xìu, mở miệng là gắt, lắm lúc tôi phải gặng mãi lão mới nói, cử động thì lờ phờ, lóng ngóng. Nhưng vừa “đốt nóng máy”, theo cách nói của lão, là cả cỗ máy mệt mỏi kéo kẹt của thân thể lão lại hồi dậy một lần nữa, lấy đà và bắt đầu chạy. Cặp mắt lão sáng lên, tâm trí tràn đầy hồi ức, hai chân mọc cánh và lão nhảy múa. Hãy nói cho tôi nghe anh làm gì với những thực phẩm anh ăn, tôi sẽ nói anh là người như thế nào. Có kẻ biến đồ ăn thành mỡ, thành phân, kẻ biến thành công việc và tâm trạng vui tươi, lại có một số khác, theo như tôi được nghe nói, biến nó thành Thượng đế. Vậy là phải có ba loại người. Tôi không thuộc loại tồi tệ nhất, sếp ạ, cũng chẳng thuộc loại ưu tú nhất. Tôi ở đâu đó giữa hai loại ấy. Tôi biến những gì mình ăn thành công việc và tâm trạng vui tươi. Xét cho cùng, thế cũng không đến nỗi quá tệ!

Lão nhìn tôi, tinh quái và cất tiếng cười.

- Còn sếp, lão nói, sếp ạ, tôi nghĩ sếp thành thực ráng hết sức biến những gì sếp ăn thành Thượng đế. Nhưng sếp không thành công và điều đó làm sếp đau đớn. Điều xảy đến với sếp cũng giống như điều xảy đến với con quạ.

- Cái gì đã xảy đến với con quạ, Zorba?

- À, sếp thấy đấy, trước kia nó thường đi đứng bệ vệ đúng cách... Ở đúng như một con quạ vậy. Nhưng một hôm, nó bỗng nảy ra ý muốn thử đi điệu đàn như bồ câu. Và từ đó trở đi, suốt đời nó, con chim khốn khổ không sao nhớ lại được dáng đi của chính mình nữa. Nó đánh lộn nhào hết, sếp thấy không. Nó chỉ còn biết tập tà tập tễnh thôi.

*

Tôi ngẩng đầu lên. Tôi đã nghe thấy tiếng chân Zorba từ lúc lão lên khỏi đường hầm. lát sau, tôi thấy lão lại gần, mặt chảy dài cau có, hai cánh tay thông hai bên sườn.

- Chào sếp, lão nói, không chút sinh khí.

- Chào Zorba. Công việc hôm nay ra sao?

Lão không trả lời.

- Tôi đi nhóm bếp, chuẩn bị bữa ăn đây, lão nói.

Lão lấy một ôm củi trong góc, đi ra ngoài, khéo léo xếp các thanh củi thành một đồng giữa hai hòn đá và nhóm lửa. Lão đặt cái nồi đất lên trên, đổ ít nước vào, bỏ hành, cà chua và gạo. rồi bắt đầu nấu. Trong khi đó, tôi trải khăn lên một cái bàn tròn thấp, cắt bánh mì thành những lát dày và rót rượu từ hũ ra quả bầu trang trí đầy họa tiết mà ông già Anagnosti đã tặng chúng tôi ít lâu sau khi chúng tôi tới. Zorba quỳ trước cái nồi, nhìn trân trân vào ngọn lửa và lặng thinh.

- Bác có con không, Zorba? Tôi đột ngột hỏi.

Lão ngoái lại nhìn tôi.

- Cháu lấy chồng chưa?

Zorba bật cười.

- Tại sao bác cười, Zorba?

- Hỏi gì mà lạ vậy! Lão nói. Cố nhiên là nó có chồng rồi. Nó đâu phải đứn ngu đần. Hồi ấy, tôi đang làm ở một mỏ đồng gần Pravishta thuộc miền Chaleidice. Một hôm, tôi nhận được thư của Yanni, em trai tôi. À phải, tôi quên không nói với sếp là tôi có một em trai, một thằng cha khôn ngoan, chỉ ngồi nhà cho vay nợ lãi, một thằng đạo đức giả chăm chỉ đi lễ nhà thờ, một trụ cột của xã hội. Nó là chủ một hiệu tạp hóa ở Salonica. “Anh Alexis thân yêu”, nó viết cho tôi, “Phrosso con gái anh đã lầm đường lạc lối; nó đã làm ô danh gia đình ta. Nó có một thằng nhân tình và đã có con với nó. Nhà ta bại hoại thanh danh rồi. Tôi sẽ về làng cắt cổ nó.”

- Thế bác đã làm gì, Zorba?

Zorba nhún vai.

- “Ôi chao, đàn bà!” Tôi nói vậy và xé tan bức thư.

Lão gế côm, bỏ chút muối vào và nhả răng cười.

- Nhưng khoan đã, sếp chưa thấy khía cạnh tức cười của câu chuyện này. Hai ba tháng sau tôi lại nhận được bức thư thứ hai của thằng em. “Chúc anh sức khỏe và hạnh phúc, anh thân yêu”, thằng rồ ấy viết cho tôi. “Thanh danh nhà ta vẫn toàn vẹn, anh lại có thể cất cao đầu. Cái thằng cha ấy đã cưới Phrosso”. Zorba quay lại nhìn tôi. Qua đống lửa lập lòe của điều thuốc lão đang hút, tôi thấy mắt lão long lanh. Lão lại nhún vai.

- Ôi chao, đàn ông! Lão nói với vẻ miệt thị khôn tả.

Lát sau, lão nói tiếp:

- Liệu ta có thể chờ mong gì ở đàn bà, lão nói, ngoài một điều là đi theo thằng đàn ông đầu tiên nào đến với họ và có con với hắn? Liệu ta có thể chờ đợi gì ở đàn ông, ngoài một điều là rơi vào cái bẫy ấy? Xin hãy nhớ lấy

lời tôi sắp ạ. Lão bắc nôi khỏi bếp và chúng tôi bắt đầu bữa ăn tối. Zorba lại trầm ngâm suy nghĩ.

Có điều gì đang làm lão băn khoăn. Lão nhìn tôi, toan nói rồi lại ngậm miệng lại. Dưới ánh sáng ngọn đèn dầu, tôi thấy vẻ bối rối lo âu trong mắt lão.

Nom lão như vậy, tôi không chịu nổi.

- Zorba, tôi nói, bác muốn nói với tôi điều gì đó. Vậy thì nói đi. Nào, hãy xõ ra cho nhẹ mình.

Zorba vẫn im lặng. Lão nhặt một hòn sỏi nhỏ, ném khá mạnh qua cửa sổ.

- Để yên mấy hòn sỏi đó! Nói đi!

Zorba vươn dài cái cổ nhăn nheo.

- Sếp có tin tôi không, sếp? Lão hỏi, lo lắng nhìn vào mắt tôi.

- Có chứ, Zorba, tôi đáp. Bác làm bất kỳ cái gì cũng không thể sai lầm, ngay cả nếu bác muốn sai cũng không được. Bác giống như con sư tử, tạm ví như thế, hay con sói. Cái loài thú này không bao giờ ứng xử như bọn cừu hay lừa; nó không bao giờ phản lại bản chất của mình. Bác cũng vậy, bác là Zorba triệt để đến tận đầu móng tay móng chân.

Zorba gật đầu:

- Nhưng tôi mù tịt không còn biết chúng ta đang đi đâu nữa! Lão nói.

- Tôi biết. Cái đó thì bác khỏi phải băn khoăn. Bác cứ việc thẳng tiến!

- Nói lại đi, sếp, cho tôi thêm can đảm nào? Lão kêu lên.

- Thăng tiến!

Mắt Zorba sáng lên.

- Bây giờ thì tôi có thể nói với sếp, lão nói, mấy ngày gần đây, tôi đang vạch một kế hoạch lớn trong đầu, một ý ngông cuồng. Có nên thực thi không?

- Bác cần gì phải hỏi tôi? Chính vì thế mà chúng ta đây: thực hiện các ý tưởng.

Zorba vươn cổ nhìn tôi, vui mừng pha lẫn sợ hãi.

- Nói rõ ra, sếp! Lão kêu lên, không phải chúng ta đây vì than chứ?

- Than chỉ là một cái cơ để ngăn dân địa phương tọc mạch, cốt sao họ coi mình là những chủ thầu đứng đắn và đừng ném cà chua vào chúng ta. Bác hiểu không, Zorba?

Zorba ngó ra. Lão cố hết sức để hiểu mà không dám tin vào một hạnh phúc như vậy. Thế rồi đột nhiên, lão tin. Lão bổ tới nắm lấy vai tôi.

- Sếp biết nhảy không? Lão sôi nổi hỏi. Sếp biết nhảy không?

- Không.

Lão sững sờ, buông thõng tay xuống. Lão nhảy vọt một cái, lao ra khỏi lều, trút bỏ giày, áo ngoài, áo vét, xắn quần lên đến đầu gối và bắt đầu nhảy. Mặt lão còn đen than, lòng trắng mắt long lanh.

Lão lao vào điệu nhảy, vỗ tay, vọt lên xoáy lộn trong không trung, buông mình quỳ xuống rồi lại vọt lên, hai căng co gập như thể người lão bằng cao su vậy. Đột nhiên, lão chồm lên không mạnh mẽ như thể muốn chinh phục những quy luật thiên nhiên mà bay đi. Người ta cảm thấy trong thân thể già nua của lão, có một linh hồn đang vùng vẫy cố mang phần xác

thịt đi và băng mình vào bóng tối như một thiên thạch. Nó lay chuyển thân thể đang rơi trở xuống vì không thể ở lâu trên không, nó lại lắc mạnh thân thể không thương xót, lần này bốc lên, cao hơn một chút, nhưng cái thân thể tội nghiệp lại rơi xuống, hỗn hển.

Zorba cau trán, mặt lão mang một vẻ nghiêm nghị dễ sợ. Lão thôi không la hét nữa. Nghiến răng lại, lão dốc hết sức đạt đến cái bất khả.

- Zorba! Zorba! Tôi quát lên. Thế là đủ rồi. Tôi sợ cái thân thể già nua của lão không chịu nổi ngần ấy bạo lực và có thể vỡ tan thành ngàn mảnh, để gió cuốn đi bốn hướng trời.

Nhưng tôi quát thì ăn thua gì? Làm sao Zorba nghe thấy tiếng tôi kêu từ dưới đất? Cơ thể lão đã trở nên giống như cơ thể loài chim.

Tôi lo âu theo dõi điệu nhảy man rợ và vô vọng ấy.

Hồi còn nhỏ, tôi thường thả lỏng cho trí tưởng tượng và kể cho tụi bạn nghe những chuyện bịa quá đáng mà sau đó chính tôi cũng tin là thật.

Một hôm, thằng bạn nhỏ học cùng trường hỏi tôi. “Ông nội mày chết như thế nào?”

Thế là tôi bịa ngay ra một huyền thoại và càng bịa tôi càng tin.

- Ông nội tao có chòm râu bạc trắng và thường đi giày cao su. Một hôm ông từ mái nhà nhảy xuống, nhưng khi chân vừa chạm đất, ông lại nảy bật lên như trái banh và càng lúc càng lên cao, cho đến khi mất hút vào trong mây. Ấy, ông nội tao đã chết như thế đấy.

Sau khi bịa ra câu chuyện huyền thoại ấy, mỗi lần vào ngôi nhà thờ nhỏ thờ Thánh Minas và trông thấy hình ảnh Chúa Kitô lên trời ở mé dưới tấm bình phong che bàn thờ, tôi lại chỉ vào, bảo tụi bạn:

- Kia, ông tao đi giày cao su đó!

Tối nay, sau bao nhiêu năm, thấy Zorba nhảy vọt lên không, tôi khiếp hãi sống lại câu chuyện trẻ con của mình, chỉ sợ Zorba mất hút vào trong mây.

- Zorba. Zorba! Tôi gào lên. Thế là đủ rồi!

Cuối cùng, Zorba phục xuống mặt đất, thở không ra hơi. Mặt lão rờ rờ hoan hỉ. Mái tóc hoa râm dính bết vào trán và mồ hôi quyện lẫn bụi than, ròn ròn chảy xuống Tôi lo lắng cúi trên người lão.

- Làm thế, tôi cảm thấy dễ chịu hơn, một phút sau lão nói, như là vừa được chích huyết vậy. Bây giờ tôi có thể nói chuyện được rồi.

Lão trở vào lều, ngồi trước bếp lửa và nhìn tôi với một vẻ rạng rỡ.

- Cái gì nhập vào làm bác nhảy múa như vậy.

- Tôi còn có thể làm gì khác, hả sếp? Niềm vui làm tôi nghẹn thở, tôi phải tìm cách khơi thông. Và khơi thông bằng cách nào? Bằng lời ư? Xì!

- Niềm vui nào?

Mặt lão sa sầm, môi bắt đầu run.

- Niềm vui nào ư? Thế điều sếp vừa nói với tôi ban nãy, vậy là nói... khơi khơi, nói suông thế thôi à? Chính bản thân sếp cũng không hiểu điều đó à? Chúng ta đến đây không phải vì than, sếp đã bảo tôi thế. Đó là điều sếp đã nói với tôi, phải không nào? Chúng ta đến đây để tiêu thì giờ và đánh lạc hướng dân địa phương để họ khỏi coi chúng ta là những thằng điên và ném cà chua vào chúng ta! Nhưng khi chỉ có hai ta với nhau không ai dòm ngó thì chúng ta có thể khoái trá, cười vui! Có đúng thế không? Tôi xin thề rằng tôi cũng muốn thế, song tôi đã không nhận thức đúng điều đó.

Đôi khi tôi nghĩ đến than, đôi khi đến mù Bouboulina, đôi khi đến sếp... thường xuyên trong tình trạng xáo lộn. Khi tôi đào được một đường hầm, tôi nói: “Cái ta muốn, chính là than!”. Và tôi trở thành than từ đầu đến chân. Nhưng sau đó, khi công việc xong xuôi, khi tôi đứ đờn với mù nái sẽ ấy – cầu cho mù may mắn! – tôi lại nói: quý tha ma bắt tất cả các bao than bùn và tất cả các sếp đi, đem treo cổ tất cả bằng dải băng nhỏ quanh cổ mù – kể cả Zorba nữa! Rồi khi tôi cô đơn một mình, chẳng có việc gì làm, tôi nghĩ đến sếp, sếp ạ, và tim tôi se lại. Nó đè nặng lên lương tâm tôi. “Thật ô nhục, Zorba ạ”, tôi thốt lên, “thật ô nhục cho mày đi lừa con người đôn hậu kia và ăn hết tiền của hắn. Bao giờ mày mới chấm dứt vai trò một thằng vô liêm sỉ, hờ Zorba? Tao chán mày lắm rồi đó!” Tôi xin nói với sếp trước đây tôi không biết mình đang ở đâu nữa. Ma quý kéo tôi về một đảng, Thượng đế lại lôi tôi về nẻo khác, và hai bên co kéo làm tôi tách đôi ra ở giữa. Bây giờ, sếp đã nói một điều thật lớn lao – Cầu chúa ban phước cho sếp – và tôi có thể thấy hoàn toàn sáng rõ. Tôi đã thấy, tôi đã hiểu! Chúng ta đã nhất trí! Ta hãy cho đổ vỡ đi! Sếp còn bao nhiêu tiền? Đưa đây! Ta đi ăn cho hết đi.

Zorba lau mồ hôi trán và nhìn quanh. Dư tàn của bữa ăn tối còn ngổn ngang trên chiếc bàn con. Lão vươn cánh tay dài nhạt nhạch:

- Xin phép sếp, lão nói. Tôi lại đói rồi.

Lão cầm lấy một lát bánh mì, một củ hành và một nắm ô-liu.

Lão ăn ngẫu nhiên, dốc ngược bầu rượu không để chạm môi và rượu vang đỏ chảy ừng ực xuống cổ họng lão. Zorba chép lưỡi, thỏa mãn.

- Dễ chịu hơn rồi, lão nói.

Lão nháy tôi và hỏi:

- Tại sao sếp không cười? Tại sao sếp nhìn tôi như vậy? Tôi vốn thế đó. Trong tôi có một con quỷ, nó hò hét, nó bảo gì tôi làm nấy. Khi nào tôi cảm thấy ghen ngào xúc động, nó liền bảo: “Nhảy đi” và tôi nhảy. Và tôi cảm

thấy dễ chịu! Có lần, khi thằng bé Dimitraki nhà tôi chết ở Chalvidice, tôi cũng đứng dậy mà nhảy như lúc này. Họ hàng, bạn bè trông thấy tôi nhảy múa trước xác con, liền bỏ tới ngăn tôi lại. “Zorba hóa dại rồi!” Họ kêu lên. “Zorba hóa dại rồi!” Nhưng nếu lúc ấy tôi không nhảy thì tôi phát điên thật... vì đau đớn. Bởi đó là đứa con trai đầu lòng của tôi, nó mới ba tuổi, mất nó tôi không sao chịu nổi. Sếp có hiểu những điều tôi đang nói không, sếp – hay là tôi nói tôi nghe thôi?

- Tôi hiểu, Zorba ạ, tôi hiểu; không phải bác nói bác lại nghe đâu.

- Một lần khác... hồi ấy, tôi ở bên Nga... Phải, tôi đã ở cả bên ấy nữa, cũng lại làm mỏ, lần này thì là mỏ đồng, gần Novo Rossisk... Tôi học được dăm sáu từ Nga, vừa đủ cho công việc: không, có, bánh mì, nước, anh yêu em, lại đây, bao nhiêu? Nhưng tôi đánh bạn với một người Nga, một tên Bôn-sê-vích triệt để từ đầu đến chân. Tối nào chúng tôi cũng đến một tiệm rượu ở cảng. Chúng tôi đánh đổ hàng bao nhiêu chai vodka và do đó phấn hứng lên. Đã bốc lên là muốn trò chuyện. Hắn muốn kể tôi nghe mọi điều đã xảy đến với hắn trong Cách mạng Nga và tôi thì muốn cho hắn biết tôi đã làm những trò về gì... Chúng tôi đã say sưa với nhau, sếp hiểu không và đã trở thành anh em.

“Bằng cách ra hiệu, chúng tôi cố hết sức đi đến một thỏa thuận. Hắn phải nói trước. Hễ tôi không nghe kịp thì phải kêu: “Stop!” Thế là hắn đứng lên và nhảy múa. Sếp hiểu chứ? Hắn nhảy để diễn đạt những điều hắn muốn nói với tôi. Và tôi cũng làm thế. Bất cứ điều gì không thể nói bằng miệng, chúng tôi đều nói bằng chân, bằng tay, bằng bụng hoặc bằng những tiếng la man dại. Hây! Hây! Hốp-la! Hây-hô?

“Gã người Nga bắt đầu nói: Nào là hắn cầm súng như thế nào, chiến tranh lan tràn ra làm sao, nào là họ tới Novo Rossisk thế nào. Khi tôi không theo dõi kịp nữa, tôi liền kêu: “Stop!” Lập tức, gã người Nga phốc lên và nhảy múa quay cuồng. Hắn nhảy như điên. Tôi quan sát tay, chân, ngực, mắt hắn và tôi hiểu hết họ vào Novo Rossisk như thế nào; cướp phá các cửa

hiệu ra sao; đột nhập các nhà và bắt đàn bà mang đi như thế nào. Thoạt đầu, các ả kêu khóc và tự cào mặt, cào cả bọn đàn ông bắt họ nữa, nhưng rồi họ thuần dần, họ nhắm mắt lại và sướng rên ư ử. Thì họ là đàn bà mà...

“Thế rồi sau đó, đến lượt tôi. Tôi mới thốt ra được mấy tiếng, có lẽ tại hân hơi đàn độn – đầu óc loạng quạng – là gã người Nga đã la: “Stop!” Tôi chỉ chờ có thế. Tôi chồm dậy, gạt bàn ghế ra và bắt đầu nhảy múa. Chao, bạn tội nghiệp của tôi ơi, con người đã sa đọa biết mấy, ma quỷ bắt họ đi! Họ đã để cho thân thể hóa cám, chỉ còn biết nói bằng mồm. Nhưng phỏng ta chờ đợi cái mồm nói điều gì? Nó có thể nói gì mới được chứ? Giá sếp có thể thấy gã người Nga ấy lắng nghe tôi từ đầu đến chân như thế nào và hân nắm bắt được mọi điều như thế nào!

Qua điệu nhảy, tôi đã thể hiện những bất hạnh, những chuyến phiêu du của tôi; bao nhiêu lần lấy vợ; các thứ nghề đã học: thợ đá, thợ mỏ, hàng xén lưu động, thợ gõm, comibadji ([25]), đánh đàn santuri, bán hạt bầu rang, thợ rèn, buôn lậu; bị bỏ tù như thế nào; vượt ngục như thế nào; làm sao đến được nước Nga...

“Mặc dầu đàn độn, hân vẫn hiểu được tất cả, tất cả. Tôi nói bằng chân, bằng tay, bằng cả tóc tai và quần áo nữa. Và bằng cả con dao lưng lẳng ở thắt lưng nữa. Khi tôi thãm dứt, anh chàng đại quích ấy ôm ghì lấy tôi; chúng tôi rót vodka đầy ly một lần nữa; chúng tôi khóc, chúng tôi cười trong vòng tay nhau. Tảng sáng, chúng tôi buông nhau ra và chệnh choạng về giường ngủ. Và đến chiều, chúng tôi lại gặp nhau.

“Sếp cười à? Phải chăng sếp không tin tôi? Chắc sếp đang tự bảo: cái lão Sinbad nhà Hàng Hải này đang huyền thuyên những chuyện tào lao gì đây? Có thể nào lại nói chuyện bằng nhảy múa được? Vậy mà tôi dám thề rằng thần thánh và ma quỷ hân phải nói chuyện với nhau bằng cách ấy đấy.

“Nhưng tôi thấy là sếp buồn ngủ rồi? Sếp yếu ớt quá chả có sức chịu đựng gì cả. Thôi, đi ngủ đi, mai ta sẽ lại tiếp tục câu chuyện này. Tôi có

một kế hoạch, một kế hoạch tuyệt vời. Mai tôi sẽ nói cho sếp biết. Giờ tôi sẽ hút thêm một điếu thuốc nữa. Thậm chí tôi có thể ra biển tắm một cái. Tôi đang hùng hực lửa, cần phải dập tắt đi. Chúc ngủ ngon!”

Mãi tôi mới ngủ được. Đời mình thật phí hoài, tôi nghĩ thầm. Giá tôi có thể lấy một mảnh vải chùi sạch mọi thứ tôi đã học được, mọi cái tôi đã nhìn thấy, nghe thấy, để đến thụ giáo Zorba và bắt đầu học hệ thống chữ cái lớn lao đích thực thì con đường tôi chọn theo hẳn đã khác biết bao! Lẽ ra tôi phải rèn luyện ngũ quan cho hoàn hảo và toàn bộ thân thể nữa để nó biết hưởng lạc và nhận thức. Lẽ ra tôi phải học chạy, đánh vật, bơi lội, cưỡi ngựa, chèo thuyền, lái xe hơi, bắn súng. Lẽ ra tôi phải lấy xác thịt đắp cho đầy linh hồn. Thực tế, lẽ ra rốt cuộc tôi phải dung hòa trong tôi hai yếu tố đối kháng muôn thuở.

Ngồi trên nệm, tôi ngẫm nghĩ về cuộc đời hoàn toàn phí hoài của mình. Qua khung cửa mở, ánh sao vừa đủ để tôi thấy Zorba. Lão đang khom khom trên một tảng đá như một con chim đêm. Tôi thèm được như lão. Chính lão là kẻ đã phát hiện ra chân lý, tôi nghĩ thầm. Con đường của lão là chính đạo.

Nếu ở những thời đại khác, sơ khai hơn và sáng tạo hơn, thì hẳn Zorba đã là một tù trưởng, đi trước, mở đường phát lối bằng một lưỡi rìu. Hoặc giả là một nhà thơ hát rong nổi tiếng đi thăm các lâu đài, và mọi người – các lãnh chúa, các phu nhân, tiểu thư cùng nô bộc – đều chăm chú hóng từng lời ca của lão... Ở cái thời đại bạc bẽo của chúng ta thì Zorba lang thang đói meo quanh các hàng rào như một con sói hoặc xuống tới mức trở thành thẳng hề cho một tay cạo giấy nào đó.

Tôi nhìn thấy Zorba đứng phắt dậy. Lão cởi quần áo ném xuống lớp sỏi và nhảy ùm xuống biển. Trong mấy phút, dưới ánh trăng bàng bạc, tôi thấy cái đầu to tướng của lão ẩn hiện. Thình thoảng, lão lại phát ra một tiếng kêu – sủa, hí, gáy như gà – trong cái đêm trống vắng này, tâm hồn lão bỗng thấy đồng điệu với thú vật.

*

Tôi nhẹ nhàng ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Hôm sau, trời vừa rạng, tôi đã thấy Zorba, tươi cười và khoan khoái sau giấc ngủ, đến kéo chân tôi.

- Dậy đi, sếp, lão nói, để tôi trình bày kế hoạch của tôi với sếp. Sếp sẵn sàng nghe chứ?

- Tôi nghe đây.

Lão ngồi xếp bằng trên mặt đất và bắt đầu cắt nghĩa lão dự định kéo một đường dây cáp từ đỉnh núi xuống bờ biển như thế nào, bằng cách ấy, chúng tôi có thể chuyển xuống số gỗ cần thiết để làm cọc chống lò, còn lại bao nhiêu bán làm gỗ dựng nhà. Trước đó, chúng tôi đã quyết định thuê một rừng thông thuộc sở hữu của tu viện, nhưng việc vận chuyển thì đắt, mà chúng tôi lại không kiếm đủ. Cho nên Zorba mới nghĩ ra việc lập tuyến chuyên chở bằng cáp lớn, cột tháp và ròng rọc.

- Đồng ý chứ? Lão hỏi tôi sau khi trình bày xong. Sếp chấp thuận nhé?

- Tôi chấp thuận, Zorba. Đồng ý!

Lão nhóm lửa, đặt ấm nước lên bếp, pha cà phê cho tôi, phủ một tấm mền lên chân tôi cho khỏi cảm lạnh và hài lòng đi ra.

- Hôm nay ta sẽ mở một đường hầm mới, lão nói. Tôi đã tìm ra một vỉa than rất đẹp! Đích thị kim cương đen!

Tôi giở bản thảo cuốn Đức Phật ra và tôi cũng tiến vào những đường hầm của mình. Tôi viết suốt ngày và càng tiến tới, tôi càng cảm thấy tự do hơn. Cảm giác của tôi pha trộn: nhẹ nhõm, tự hào, chán chường. Nhưng tôi dẫn mình vào công việc vì tôi biết khi nào tôi hoàn thành bản thảo, gói lại, niêm phong là tôi sẽ tự do.

Tôi thấy đói. Tôi ăn dăm quả nho khô, mấy trái hạnh đào và một miếng bánh mì. Tôi chờ Zorba trở về, mang theo tất cả những gì làm vui ấm lòng người: tiếng cười trong sáng, lời thân ái, món ăn ngon lành.

Chiều tối, lão xuất hiện và sửa soạn bữa ăn. Chúng tôi ăn nhưng tâm trí lão để đâu đâu. Lão quỳ xuống, cắm những mẫu gỗ nhỏ xuống đất, dăng một đoạn dây ở trên, treo một que diêm vào con ròng rọc nhỏ xíu, cố tìm độ nghiêng chính xác sao cho toàn bộ cái mớ sắp đặt ấy khỏi sập đổ.

- Nếu dốc quá thì hỏng, lão giải thích cho tôi. Ta phải tìm độ dốc chính xác. Và muốn thế, sếp ạ, cần phải có đầu óc và rượu.

- Rượu thì ta có vô khối, tôi cười nói, nhưng còn đầu óc thì...

Zorba cười phá.

- Có một số điều sếp hiểu sâu đáo để, sếp ạ, lão nói mắt nhìn tôi trìu mến.

Lão ngồi xuống nghỉ và châm một điếu thuốc lá.

Lão lại phấn hứng và trở nên ba hoa.

- Nếu đường dây này hoạt động tốt, lão nói, ta sẽ có thể chuyển gỗ của cả cánh rừng xuống. Ta có thể mở một nhà máy, xẻ ván, cột, dựng giàn giáo; chà, chúng ta sẽ nằm trên đồng bạc. Chúng ta sẽ làm một con tàu ba buồm, rồi khăn gói gió đưa, chu du vòng quanh thế giới!

Trước mắt Zorba, hiển hiện lên hình ảnh những phụ nữ ở những hải cảng xa xôi, những đô thị, ánh đèn rực rỡ, những tòa nhà đồ sộ, những con tàu.

- Đầu tôi đã bạc, răng đã lung lay, sếp ạ. Tôi đâu còn thì giờ để phí phạm. Sếp còn trẻ, sếp còn có thể kiên nhẫn được. Tôi thì không. Nhưng tôi

xin tuyên bố, càng già tôi càng ngông cuồng rõ đại. Đừng có ai nói với tôi là tuổi già làm người ta ổn định! Cũng đừng nói rằng khi thấy thần chết đến, con người vươn cổ ra mà rằng: Xin chặt đầu tôi đi cho tôi được lên Thiên đàng? Tôi càng sống lâu, càng nổi loạn. Tôi sẽ không nhượng bộ, tôi muốn chinh phục thế giới kia!

Lão đứng dậy và lấy cây santuri treo trên vách xuống.

- Lại đây nào, đồ quý, lão nói. Mà làm gì mà cứ lúng lẳng trên vách không nói một lời nào? Hát cho chúng ta nghe nào!

Nhìn Zorba mở túi đàn thận trọng từng li từng tí và xiết bao dịu dàng, tôi không bao giờ biết chán. Nom như lão đang bóc vỏ một quả vả chín sẫm hoặc giải y một người đàn bà vậy.

Lão đặt cây santuri lên lòng, cúi xuống, khẽ chạm vào dây – như thể lão đang hỏi ý kiến nó xem nên ca điệu gì, như thể lão đang van xin nó thức giấc, như thể lão đang cố dỗ dành nó chịu khó bầu bạn với tâm hồn lẳng tử phiêu bạt của lão giờ đây đang mệt mỏi vì cô đơn. Lão thử dạo một bài. Nó gượng gạo làm sao ấy; lão bỏ và chuyển sang một bài khác; dây đàn nghiêng ken két như đầu đống, không muốn lên tiếng. Zorba dựa vào vách, lau văng trán đột nhiên vã mồ hôi.

- Nó không muốn... lão lẩm bẩm, kinh sợ nhìn cây santuri, nó không muốn!

Lão lại bọc nó lại cẩn thận, như thể nó là một con thú dữ và lão sợ nó cắn vậy. Lão chậm rãi đứng dậy, treo nó lên vách.

- Nó không muốn... lão lại lẩm bẩm, nó không muốn, ta không nên ép nó!

Lão lại ngồi bệt xuống đất, vùi mấy hạt dẻ vào đống than và rót rượu vào ly. Lão uống, uống nữa, bóc một hạt dẻ đưa cho tôi.

- Sếp có hiểu nổi không? Lão hỏi tôi. Tôi chịu đấy. Mọi thứ đều như có một linh hồn – gỗ, đá, rượu vang ta uống và đất ta giẫm bước lên. Mọi vật, sếp ạ, tất cả mọi vật!

Lão nâng ly: “Chúc sức khỏe sếp!”

Lão uống cạn ly và lại rót đầy.

- Cuộc đời này thật là một con mụ tai quái! Lão lẩm bẫm. Một con mụ tai quái! Giống hệt mụ Bouboulina!

Tôi bật cười.

- Nghe này, sếp, đừng có cười. Cuộc đời thật y hệt mụ Bouboulina. Nó già rồi, phải không nào? Ô-kê, nhưng nó đâu có thiếu gia vị đậm đà. Mụ biết một vài khóe làm mình cứ là điên đầu lên. Nếu nhắm mắt lại, mình cứ tưởng như ôm trong tay một cô gái hai mươi. Mụ đúng là gái hai mươi, khi ta đang hành sự và tắt hết đèn lửa, tôi dám thề vậy.

“Tha hồ cho sếp nói với tôi rằng mụ đã hơi chín nẫu, rằng mụ đã sống một cuộc đời khá phóng đãng, chơi bời tung tẩy với đủ loại thủy sư đô đốc, lính thủy, lính bộ, nông dân, kếp hát rong, nhà truyền giáo, tăng lữ, cảnh sát, thầy giáo, thẩm phán tòa hòa giải, muốn nói gì cũng vô ích! Thế thì sao? Việc quái gì? Mụ vốn mau quên, cái đồ điếm già ấy. Mụ không nhớ nổi bất kỳ ai trong số tình nhân cũ. Mỗi lần chúng tôi gần gũi nhau – tôi không nói bông phèng đâu – mụ lại trở thành một con bồ câu dịu dàng bé nhỏ, một con thiên nga trắng muốt, một con chim câu mái còn đang bú mẹ, mụ đỏ bừng mặt e thẹn – phải, đúng thế đấy, mụ đỏ mặt e thẹn và run rẩy toàn thân như thể lần đầu biết chuyện ái ân! Đàn bà quả là điều bí ẩn, sếp ạ! Dù có sa ngã ngàn lần, họ vẫn ngàn lần đứng dậy nguyên vẹn trắng trong như một trinh nữ. Nhưng làm sao lại ra như thế, sếp biết không? Bởi vì họ không nhớ gì hết.”

- Thế nhưng con vẹt lại nhớ, Zorba à, tôi nói để chọc lão. Nó luôn luôn quang quác một cái tên không phải tên bác. Chẳng lẽ bác lại không bực mình khi nghe con vẹt ấy kêu rầm lên: “Canavarô! Canavarô!” mỗi lần bác đang sướng mê như bay bổng tới chín tầng trời? Bác không muốn túm cổ nó mà vặn ngoéo đi sao? Đã đến lúc bác phải dạy nó kêu: “Zorba! Zorba!” rồi đấy!

- Ồi dào, toàn chuyện vớ vẩn, tầm phào! Zorba kêu lên, đưa hai bàn tay to tướng lên bịt tai. Sếp bảo vặn cổ nó ư? Nhưng tôi lại thích nghe nó kêu cái tên ấy! Đêm đến, mụ gái già tội lỗi treo nó ở đầu giường, con quý con ấy có con mắt nhìn xuyên bóng tối và chúng tôi vừa bắt đầu tòm tem là nó kêu liên “Canavarô! Canavarô!” Và lập tức tôi thề với sếp đó – nhưng làm sao sếp hiểu nổi khi mà đầu óc sếp đã bị đóng sách chết tiệt nọ làm ô nhiễm? – tôi thề rằng tôi lập tức cảm thấy chân mình đang đi ủng da bóng loáng, đầu đội mũ cảm lông chim và cảm mượt mà một bộ râu thơm phức mùi hoắc hương. Buono Giorno! Buono sera! Mangiate mararoni! ([26]) Tôi thực sự trở thành Canavanô. Tôi leo lên cái soái hạm của tôi chỉ chút ngàn vết đạn và a-lê hấp... Nổi lửa nổi sup-ze lên! Loạt pháo bắt đầu!

Zorba cười hồ hởi. Lão nhắm mắt trái và nhìn tôi bằng mắt phải.

- Sếp thứ lỗi cho tôi, lão nói, nhưng tính tôi giống hệt ông nội tôi, Alexis – Cầu Thượng đế độ trì cho linh hồn cụ siêu thoát! Chiều chiều cụ thường ngồi ở trước cửa nhà – hồi ấy cụ đã một trăm tuổi – và liếc tình các thiếu nữ ra giếng gánh nước. Mắt kèm nhèm, cụ nhìn không được rõ lắm, nên cụ gọi các cô lại bên mình. “Này, cháu là đứa nào?” – “Xenio, con gái ông Mastrandoni, ạ” – “Thế lại gần đây cho ta rờ xem. Lại đây, đừng sợ!” Cô nàng cố giữ vẻ mặt trịnh trọng và đến bên cụ Thế rồi cụ giơ tay lên mặt cô ta, chậm rãi sờ soạng với vẻ đầy nhục cảm. Và ứa nước mắt “Tại sao ông lại khóc, hờ ông?” có lần tôi hỏi cụ. “Chao, cháu của ông, cháu tưởng ông không có gì đáng khóc ư, khi mà ta đang chết dần, để lại trên đời bao nhiêu gái đẹp?”

Zorba thở dài:

- Ôi, tội nghiệp ông tôi! Lão nói. Cháu thương ông biết mấy! Tôi thường hay nghĩ bụng: “Ôi, khổn khổ! Giá tất cả phụ nữ xinh đẹp chết cùng một lúc với mình!” Thế nhưng các mợ sẽ vẫn cứ tiếp tục sống, vẫn cứ vui thú như cũ, những thằng đàn ông vẫn sẽ ôm họ hôn hít, trong khi mình chỉ là bụi đất cho họ giẫm bước lên!

Lão gảy mấy hạt dẻ ra khỏi bếp, bóc vỏ và chúng tôi chạm cốc. Chúng tôi cứ ngồi vậy hồi lâu, uống rượu và chậm rãi nhai trệu trạo như hai con thỏ kéch xù. Vẳng đến tai chúng tôi tiếng biển gầm gào.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 7

Chúng tôi cứ ngồi im lặng bên bếp cho tới tận khuya. Một lần nữa, tôi cảm thấy hạnh phúc là một điều xiết bao đơn giản và thanh đạm: một ly rượu vang, một hạt dẻ nướng, một bếp lửa nhỏ tồi tàn, tiếng biển ì ầm. Ngoài ra chẳng có gì khác. Và để cảm thấy hiện tại là hạnh phúc, chỉ cần có một trái tim giản dị và thanh đạm.

C

- Bác đã lấy vợ mấy lần rồi, Zorba? Tôi hỏi.

Cả hai chúng tôi đều đang trong tâm trạng vui vẻ, không phải vì đã uống kha khá, mà chính vì niềm hạnh phúc khôn tả trong tâm hồn. Mỗi ngả theo cách riêng, chúng tôi ý thức sâu sắc rằng chúng tôi chỉ là hai con côn trùng nhỏ bé phù du bám chặt vào vỏ trái đất, rằng chúng tôi đã tìm được một góc tiện lợi bên bờ biển, đằng sau mấy khóm tre, dầm ván gỗ và mười can xăng rỗng không để tựa lại với nhau ở đó, và cuối cùng, chúng tôi có sẵn đồ ăn thức uống cùng một số điều thú vị trước mắt và sự thanh thản, an toàn và tình thương yêu trong lòng.

Zorba không nghe thấy tôi hỏi. Ai biết được tâm trí lão đang phiêu diêu tận những vùng đại dương nào ngoài tầm giọng tôi? Tôi với tay khẽ chạm đầu ngón vào lão.

- Bác đã lấy vợ mấy lần rồi, Zorba? Tôi nhắc lại.

Lão giật mình. Lần này thì lão nghe thấy. Khoa khoa bàn tay hộ pháp, lão đáp:

- Sếp định khai vào chuyện gì bây giờ đây? Sếp không cho tôi là một thằng đàn ông sao? Như tất cả mọi người khác, tôi đã phạm cái điều Điên Rồ Tột Đỉnh: tôi đã lấy vợ!

- Phải, nhưng bao nhiêu lần?

Zorba gãi đầu như điên.

- Bao nhiêu lần ư? Cuối cùng lão nói: chính thức thì có một lần, trước sau chỉ một lần. Bán chính thức: hai lần. Còn bất chính thì một ngàn, hai ngàn, ba ngàn lần cũng nên. Sếp tính, làm sao tôi đếm xuể?

- Hãy kể tôi nghe đôi chút về những cuộc hôn nhân của bác đi, Zorba. Mai là chủ nhật, chúng ta sẽ dạo rêu, vận bộ đồ đẹp nhất đến nhà mẹ Bouboulina để “giải sầu bên một ả ham vui” ([27]). Nào kể tôi nghe đi!

- Kể cái gì mới được chứ! Những chuyện ấy thực ra chả bỏ kể đâu, sếp ạ. Những cuộc hôn nhân nghiêm chỉnh đều nhạt nhẽo vô vị, một món ăn không có tiêu ớt. Kể cái gì mới được chứ! Khi mà từ các thánh tượng các vị thánh dòm xuống ban phước cho đôi vợ chồng hôn nhau trước bàn thờ, thì liệu có thể gọi đó là một cái hôn không? Làng chúng tôi có câu: “Thịt ăn trộm được mới ngon”. Vợ mình đâu phải thịt ăn trộm. Còn những cuộc kết hợp bất chính thì ai mà nhớ hết được. Có con trống nào ghi mọi cuộc gió giăng? Chắc chắn là không! Mà tại sao nó lại phải ghi. Hồi trẻ có một thời kỳ tôi luôn giữ một chiếc kéo trong người. Kể cả khi đi nhà thờ tôi cũng bỏ kéo trong túi. Nói cho cùng, chúng ta là đàn ông, làm sao biết được điều gì sẽ xảy ra, phải không nào? Thế, theo đà ấy tôi gom được cả một bộ sưu tập lợn tóc đàn bà – những nàng đã ăn nằm với tôi. Đủ loại: đen có, vàng rơm có, hoe hoe có, thậm chí cả bạc trắng nữa. Nhiều đến nỗi nhồi đầy một

chiếc gối. Tôi vẫn gối đầu lên đó mà ngủ – tuy nhiên chỉ mùa đông thôi, mùa hè thì quá nóng. Rồi sau đó ít lâu, tôi cũng đâm chán ngấy – sắp biết đấy, nó bắt đầu có mùi hôi, thế là tôi đốt bét đi.

Zorba phá lên cười.

- Đó là số ghi của tôi, sếp ạ, lão nói, và tôi đã đốt nó đi rồi. Nhưng tôi ngấy cái trò đó đến tận cổ rồi. Trước tôi tưởng không đến nỗi nhiều thế, nhưng rồi thấy cứ liên miên bất tận. Cho nên tôi bèn vứt kéo đi.

- Còn những vụ hôn nhân bán chính thức thì sao, Zorba?

- À, những vụ này cũng có phần mê ly, lão thở dài. Ôi các tiên nữ Xlavơ tuyệt vời, ước sao các nàng sống ngàn năm! Thật là tự do! Không hề có những câu hỏi: “Anh đi đâu về?” “Sao về muộn thế?” “Đêm qua anh ngủ đâu? Nàng không hỏi han vắn vẹo gì mình và mình cũng chẳng lục vấn nàng. Tự do!

Lão với lấy ly, nốc cạn và bóc một hạt dẻ, vừa nhai vừa nói:

- Một nàng tên là Sophinka, còn nàng kia là Noussa. Tôi gặp Sophinka ở một làng khá lớn gần Novo Rossisk. Dạo ấy vào mùa đông. Tuyết rơi. Tôi đi kiếm việc làm ở một khu mỏ và dừng chân ở làng ấy. Hôm đó là ngày phiên chợ và từ khắp các làng xung quanh, đàn ông đàn bà kéo đến mua bán. Một nạn đói khủng khiếp, trời rét như cắt, muốn mua bánh mì, người ta phải bán tất, có gì bán nấy, kể cả tượng thánh! Thế, tôi đang đi quanh chợ thì trông thấy một cô gái nông dân nhảy từ trên xe tải xuống, một mềng cao độ mét tám, mắt xanh như nước biển và đui với mông núng nính... bảo đảm với sếp, một con ngựa cái chính nòi! ... Tôi đứng sững, ngây ra. “Tội nghiệp Zorba, ôi Zorba khốn khổ, chết tiệt!” Tôi tự nhủ. Tôi bắt đầu theo nàng và nhìn ngắm... Tôi không sao rời mắt khỏi nàng được! Sếp phải thấy hai cái mông của nàng đung đưa như chuông nhà thờ ngày lễ Phục Sinh! “Việc quái gì phải đi tìm hầm với mỏ, đồ ngu si đàn độn khốn

khô?” Tôi tự nhủ. “Việc gì mà phung phí thì giờ quý báu ở đó cái đồ trời đánh thánh vật, xoay như chong chóng? Mỏ của mi đây này, hãy xông vào, mở đường hầm ở đó!” Cô gái dừng lại, bắt đầu mặc cả, mua mớ củi, nhắc lên – Jesus, đôi cánh tay mới nỡn nà làm sao! – và ném vào xe.

Nàng mua ít bánh mì và năm sáu con cá khô nữa. “Bao nhiêu tất cả?” nàng hỏi. “Nhiều thế...” Nàng tháo đôi hoa tai vàng để trả. Vì không có tiền, nàng sắp phải gán đôi hoa tai. Tôi bàng hoàng. Có tôi đây mà lại để một phụ nữ phải gán hoa tai, đồ nữ trang, xà phòng thơm, nước hoa... đi ư? ... Nếu người đàn bà từ bỏ tất cả những cái đó thì thế giới đi tong rồi! Như thế đem vật hết lông công vậy. Liệu sếp có nở vật lông một con công không? Không bao giờ! Không, chừng nào Zorba còn sống, tôi tự nhủ, điều đó sẽ không thể xảy ra, tôi mở ví và trả tiền. Đó là thời kỳ đồng rúp đã trở thành giấy lộn. Với một trăm drachma, anh có thể mua một con la, với mười drachma, một người đàn bà.

“Thế là tôi trả tiền. Cô gái quay lại liếc nhìn tôi một cái. Cô cầm lấy tay tôi định hôn. Nhưng tôi giật lại. Cô ả coi tôi là gì? Một lão già chẳng? “Xpaxiba! Xpaxiba!” Cô nàng thốt lên thế – có nghĩa là: cảm ơn, cảm ơn! Và nhảy lên xe, cầm cương và giơ roi. “Zorba”, tôi tự bảo, “nhìn kìa, anh bạn, nàng sắp sửa chuội khỏi tay cậu rồi đó”. Phốc một cái, tôi đã ở trên xe, bên cạnh nàng. Nàng chẳng nói gì. Thậm chí cũng không quay lại nhìn tôi. Một nhát roi quất, thế là xe chuyển bánh.

“Trên đường đi, rút cục nàng hiểu ra rằng tôi muốn nàng thuộc về tôi. Tôi bập bẹ được vài ba câu tiếng Nga, nhưng trong những chuyện này, đâu có cần nói nhiều. Chúng tôi nói với nhau bằng mắt, bằng tay, bằng đầu gối. Chẳng cần phải vòng vo lời thôi. Chúng tôi về tới làng và dừng lại trước căn nhà isba của nàng. Chúng tôi xuống xe. Nàng dùng vai đẩy cửa sập và chúng tôi bước vào. Chúng tôi dỡ củi xuống sân, lấy bánh mì và cá, rồi vào nhà. Một bà già nhỏ bé đang ngồi bên lò sưởi trống không. Bà run bần bật. Mình bà quần tùm lum cả giẻ cả bao tải lẫn da cừu mà vẫn run cầm cập.

Rét đến rụng móng tay, thật đấy. Tôi cúi xuống lấy một ôm củi bỏ vào lò sưởi và nhóm lửa. Bà lão nhìn tôi mỉm cười. Cô con gái đã nói gì đó với bà, nhưng tôi không hiểu. Tôi gầy cho lửa cháy to, bà già được lửa sưởi ấm, đã hồi lại một chút.

“Trong khi đó, cô gái bày bàn ăn. Nàng mang ra một ít vốt-ca và chúng tôi uống. Nàng châm cái ấm xamôvar và pha ít trà. Chúng tôi ăn và chia phần cho bà cụ.

Rồi nàng nhanh chóng dọn giường, trải “địa” sạch, thắp đèn trước tượng Đức Bà Đồng Trinh và làm dấu thánh giá ba lần. Đoạn nàng ra hiệu cho tôi; chúng tôi cùng quỳ trước mặt bà cụ và hôn tay bà. Bà mẹ đặt đôi bàn tay xương xẩu lên đầu chúng tôi và lầm rầm điều gì. Có lẽ bà ban phước cho chúng tôi. “Xpaxiba! Xpaxiba!” tôi thốt lên và tót một cái, tôi đã ở trên giường với cô em.”

Zorba ngừng lời. Lão ngẩng đầu lên và đăm đăm nhìn ra phía biển xa.

- Tên nàng là Sophinka... sau một lát lão nói rồi lại nín lặng.

- Rồi sao nữa? Tôi sốt ruột hỏi. Rồi sao?

- Chẳng có “rồi sao” gì hết! Sếp có cái tật đến là lạ, sếp ạ, lúc nào cũng “rồi sao” với “tại sao”! Hừ, ai lại đi nói những chuyện đó! Đàn bà là một con suối mát. Ta cúi xuống soi vào họ, thấy bóng mình và ta uống; uống đến khi xương cốt rùn ra. Rồi lại có thằng khác đến và hăn cũng khát, hăn cúi xuống soi vào đó, thấy bóng mình và hăn uống. Rồi một gã thứ ba... Một dòng suối mát, đàn bà là thế và nàng cũng là đàn bà...

- Sau đó, bác bỏ nàng ra đi?

- Thế sếp chờ đợi cái gì? Tôi đã bảo sếp nàng là một dòng suối và tôi là kẻ qua đường. Tôi trở lại dặm trường lưu lạc. Tôi đã lưu lại với nàng ba

tháng. Cầu Chúa phù hộ nàng, tôi chả có gì phải phàn nàn về nàng. Nhưng sau ba tháng, tôi chợt nhớ ra là mình đang đi tìm mỏ.

“Sophinka”, một buổi sáng, tôi bảo nàng, “anh có công việc anh phải đi thôi”. “Được”, Sophinka nói, “anh đi đi. Em sẽ đợi một tháng. Nếu trong một tháng anh không trở lại, là em được tự do. Anh cũng vậy. Cầu Thượng đế ban phước lành cho anh!” Thế là tôi đi.

- Và sau một tháng, bác trở lại...

- Sếp bỏ quá cho, sếp thật ngốc, sếp ạ, Zorba kêu lên. Trở lại! Cái bọn đàn bà có bao giờ để ta yên đâu! Mười ngày sau, ở Kuban, tôi gặp Noussa.

- Kể tôi nghe về cô ta nào! Kể đi!

- Để lần khác, sếp ạ. Ta không nên pha trộn các nàng với nhau, tội nghiệp! Chúc sức khỏe em, Sophinka.

Lão nốc cạn ly rượu vang, rồi dựa vào vách và nói:

- Thôi được! Bây giờ tôi sẽ kể cho sếp nghe về Noussa. Đêm nay, nước Nga chiếm lĩnh đầu óc tôi. Hạ cờ! Ta sẽ vét cạn các hầm tàu!

Lão chùi ria và chọc than.

- Thế, như tôi vừa nói, tôi gặp em này ở một làng vùng Kuban. Dạo ấy vào mùa hè. Dưa bở và dưa hấu chất như núi. Chốc chốc tôi lại nhặt một quả mà chẳng ai nói gì Tôi bổ đôi và úp mặt vào. Mọi thứ ở nước Nga đều ê hề, thứ gì cũng hàng đồng. Cứ xắn tay lên mà lựa chọn!

Không chỉ riêng dưa bở và dưa hấu, xin nói với sếp là cá, bở và đàn bà cũng vậy. Sếp đi ngang, thấy quả dưa hấu, sếp cứ lấy. Với đàn bà cũng rứa. Không như ở Hy Lạp ta đây sếp chỉ cần cầu một tí tẹo vỏ dưa bở là đủ bị lôi sênh sếch ra tòa và vừa đụng đến một phụ nữ là anh trai hay em trai ả

lao đến và rút dao ra sẵn sàng băm sếp ra làm xúc xích ngay! Chao! Ma quỷ bắt các người đi, lũ ăn mày cùi hủi! Thử sang Nga mà xem người ta có thể sống như lãnh chúa thế nào!

“Thế, tôi đi qua Kuban và tôi trông thấy một nàng trong một vườn rau. Tôi thấy nàng thật ưa nhìn. Sếp à, để tôi nói sếp hay, phụ nữ Xlavơ không giống những ả Hy Lạp gày đét, nhỏ con, tham lam, bán nhỏ giọt ái tình và tìm mọi cách đánh tráo lộn sòng để ăn bớt, cân điều lừa lọc ta. Không, sếp ạ, phụ nữ Xlavơ cân đong già lượng cho ta. Trong ngũ nghệ, ân ái, cũng như ăn uống. Họ có dây mơ rễ má gần gũi với thú vật ngoài đồng và với chính đất đai thổ nhượng. Họ cho phóng tay, ban phát rộng rãi, chứ không bủn xỉn như mấy ả Hy Lạp cò kè bớt một thêm hai. Tôi hỏi nàng: “Tên cô là gì?”. Sếp thấy đấy, thông qua phụ nữ, tôi đã học mót được chút ít tiếng Nga – “Noussa! Còn anh?” – “Alexis. Tôi thích cô lắm, Noussa.” Nàng nhìn kỹ tôi một lượt từ đầu đến chân như xem xét một con ngựa trước khi mua. “Anh cũng không phải loại ngựa còm”, nàng bảo. “Răng tốt, ria mép rậm, lưng rộng, hai cánh tay lực lưỡng. Tôi ưa anh đấy.” Hai đứa tôi không nói thêm gì nhiều nữa, chả cần thiết. Loáng cái, chúng tôi đi đến một thỏa thuận ngầm: Tối nay, tôi sẽ phải mặc bộ đồ diện nhất đến chỗ nàng. “Anh có áo choàng lót lông thú không?” Noussa hỏi tôi. – “Có, nhưng nóng thế này...” “Không sao. Anh cứ mang đến, nom cho oách.”

“Thế là tối hôm ấy, tôi diện súng sính như một chú rể, chiếc áo choàng vắt trên cánh tay. Tôi lấy cả chiếc can đầu bịt bạc và tôi xuất phát. Nơi nàng ở là một ngôi nhà nông thôn lớn, với nhiều nhà phụ, bò cái, máy ép nho, hai bếp lửa trong sân trên có bắc nồi, chảo. “Cái gì đang sôi đấy?, tôi hỏi. – “Nước dưa hấu.” “Còn đây?” – “Nước dưa gang.” “Thật là một xứ sở kỳ diệu, tôi tự bảo. “Nghe rõ không: nước dưa hấu và nước dưa gang! Đây là Miền Đất Hứa! Vĩnh biệt nghèo khổ”. Chúc mừng người, Zorba, người đã rơi trúng chỗ rồi. Chuột sa chĩnh gạo!”

“Tôi lên cầu thang. Một cái cầu thang gỗ lớn kêu cọt kẹt. Trên đầu cầu thang là bố mẹ Noussa. Hai ông bà mặc một kiểu quần ống túm màu lam, thắt dây lưng đỏ có núm tua lớn – quả thực, họ rất khá giả. Cặp vợ chồng mặt khỉ ấy dang rộng tay, ôm ghì lấy tôi, hôn hít, làm tôi thấm đẫm nước dãi. Họ nói với tôi liền thoảng. Tôi chẳng hiểu gì mấy, song cái đó có gì là quan trọng? Qua vẻ mặt họ, hiển nhiên là họ không hề có ác ý với tôi.

“Tôi bước vào phòng và tôi thấy gì nào? Những dãy bàn nạng trĩu đồ ăn thức uống như những con tàu lớn rẽ sóng ra khơi. Ai nấy đều đứng – họ hàng, đàn ông, đàn bà và trước mặt tôi là Noussa son phấn trong bộ đồ dạ hội, ngực phô ra như hình chạm ở mũi tàu. Nàng chói lọi, trẻ và đẹp. Nàng chít một chiếc khăn quàng đỏ trên đầu và ngực áo nàng có thêu búa liềm. “Zorba, tên tội lỗi thâm căn cố đế”, tôi thì thầm tự bảo, “miếng thịt dành cho mi đấy ư? Phải chẳng đó là tấm thân mi sắp ôm ấp trong tay đêm nay? Cầu Chúa tha thứ cho cha mẹ mi đã sinh ra mi trên cõi đời này!”

“Tất cả chúng tôi lao vào đánh chén thả cửa, nữ cũng như nam, chúng tôi nhậu nhẹt lu bù, ăn như lợn và uống như hũ chìm. Còn cha đạo thì sao? ” Tôi hỏi bố Noussa ngồi cạnh tôi, người bốc hơi ngùn ngụt vì chén đầy tể. “Cha đạo ban phước cho chúng tôi đâu?” - “Chẳng có cha đạo”, ông lấp bắp, “chẳng có cha đạo nào hết. Tôn giáo là thuốc phiện đối với quần chúng.”

“Nói đoạn, ông đứng dậy, ưỡn ngực, nới chiếc dây lưng đỏ và giơ tay ra hiệu cho mọi người im lặng. Ông cầm ly rượu đầy đến miệng và nhìn thẳng vào mắt tôi.

Rồi ông bắt đầu nói liên chi hồ điệp; ông diễn thuyết với tôi ông nói gì, có trời biết! Tôi đứng mệt cả người. Vả lại lúc ấy tôi cũng đã hơi say. Tôi ngồi xuống và áp đầu gối mình vào đầu gối Noussa. Nàng ngồi bên phải tôi.”

“Ông già vẫn không chịu ngưng lời, mồ hôi chảy ròng ròng. Thế là tất cả xô tới bao quanh, ôm ghì lấy ông để khiến ông thôi đi. Ông ngừng nói. Noussa ra hiệu cho tôi: “Bây giờ, anh phải nói đi”.

“Thế là đến lượt tôi đứng dậy và làm một bài đít- cua nửa Nga nửa Hy Lạp. Tôi đã nói gì? Xin thề độc là chính tôi cũng không biết. Tôi chỉ nhớ là cuối cùng, tôi lao vào mấy bài hát đạo tặc Klepht ([28]). Chẳng ăn nhập vào đâu tôi bắt đầu rống lên:

Bọn đạo tặc Klepht trên núi mò xuống Định ăn trộm ngựa!

Ngựa chẳng thác đâu Lại thấy Noussa!

“Sếp thấy đấy, tôi đổi lời đi cho hợp với hoàn cảnh.

Chúng rút đi, chúng rút đi (Mẹ ơi, chúng rút đi rồi. l)

Ôi Noussa của tôi!

Ôi Noussa của tôi!

Ôi!

“Và vừa rống lên: ” Ôi” tôi vừa lao tới Noussa và hôn nàng.

“Đó chính là điều mọi người đều muốn. Như thế tôi đã nổi cái hiệu lệnh mà họ chờ đợi và thực tế, họ chỉ chờ có thế – mấy gã to con râu đỏ xô tới tắt hết đèn đóm.

“Bọn đàn bà, con gái bắt đầu tru tréo, la lên rằng họ sợ. Nhưng gần như ngay lập tức, trong bóng tối, họ lại rúc rích: “Hí-hí-hí”. Họ thích được cù và họ cười vang.

“Điều gì đã xảy ra chỉ có Trời mới biết. Nhưng tôi nghĩ ngay cả Trời cũng chưa chắc đã biết, bởi vì nếu Người biết, hẳn Người đã giáng cho một

tiếng sét đốt cháy tất cả rồi. Ấy đấy, họ lộn nhào tất cả, đàn ông đàn bà, lăn lóc trên sàn. Tôi bắt đầu đi tìm Noussa, nhưng biết tìm đâu ra nàng? Tôi tìm thấy một mềng khác và hành sự với ả.

“Rạng sáng, tôi dậy để ra đi với cô nàng của tôi. Trời hãy còn tối, tôi nhìn không rõ. Tôi nắm một bàn chân, tôi kéo đại. Không, đó không phải chân Noussa. Tôi nắm một bàn chân khác. Không phải! Tôi lại kéo một bàn chân thứ ba cũng không phải! Tôi túm bàn chân thứ tư, thứ năm, và cuối cùng, sau không biết bao nhiêu lộn xộn, tôi tìm ra chân Noussa, kéo mạnh và gỡ nàng ra khỏi hai ba tên quỷ sứ to lớn đang lồm ngồm trên người cô gái tội nghiệp, và tôi đánh thức nàng dậy. “Noussa”, tôi nói, “ta đi thôi!” – “Đừng có quên cái áo choàng lông thú của anh đấy!, nàng nhắc. “Nào ta đi!” Và chúng tôi ra đi.”

- Rồi sao nữa? Tôi lại hỏi khi thấy Zorba im lặng.

- Đấy sắp lại “rồi sao”, “rồi sao”, Zorba nói, sốt ruột với những câu hỏi như vậy.

Lão thở dài.

- Tôi sống với nàng sáu tháng. Từ hôm ấy trở đi – có Chúa chứng giám – tôi chẳng sợ gì nữa. Chẳng sợ gì hết, xin nói vậy. Chẳng sợ gì, trừ một điều là ma quỷ, hoặc Thượng đế, xóa sạch sáu tháng đó khỏi ký ức tôi.

- Sếp hiểu không? Này, sếp phải nói: “Tôi hiểu”.

Zorba nhắm mắt lại. Lão có vẻ rất xúc động. Đây là lần đầu tiên tôi thấy lão bị một kỉ niệm xa xăm ập về tác động mạnh đến thế.

- Vậy ra bác yêu cô nàng Noussa ấy đến thế kia ư?

Lát sau tôi hỏi lão.

Lão mở mắt ra.

- Sếp còn trẻ, sếp ạ, lão nói, sếp đang còn trẻ, sếp không hiểu nổi đâu. Khi nào sếp bạc đầu như tôi, ta sẽ quay lại bàn chuyện này – cái chuyện muôn thuở này.

- Chuyện nào là chuyện muôn thuở?

- Dào, tất nhiên là đàn bà chứ còn gì! Tôi phải nói với sếp bao nhiêu lần rằng đàn bà là một chuyện muôn thuở. Hiện tại, sếp giống như một chú gà trống choai phủ vôi phủ vàng mấy con mái đánh nhoáng một cái, rồi ưỡn ngực, leo lên chốc đồng phân mà gáy và vây vo. Nó không nhìn những con mái mà nhìn mào của chúng! Hừ, nó làm sao biết được gì về tình yêu? Ma quỷ bắt nó đi!

Lão nhổ toẹt xuống đất, vẻ khinh bỉ, rồi quay đầu đi; lão không muốn nhìn tôi.

- Thôi được, Zorba, còn Noussa ra sao? Tôi lại hỏi.

Zorba đáp, mắt dôi ra xa, về phía biển.

- Một buổi tối, khi trở về nhà, tôi không thấy nàng đâu Nàng đã đi rồi. Một gã lính đẹp trai vừa mới đến làng và nàng đã bỏ trốn với hắn. Thế là hết! Nói thật tình với sếp tim tôi vỡ đôi. Nhưng đồ chó đẻ ấy chẳng bao lâu lại dính liền làm một. Sếp phải thấy những cánh buồm với những mảnh đỏ, đen, vàng vá víu vào nhau bằng sợi se to đùng, mà cả trong những cơn bão tố dữ dội nhất vẫn không rách. Ấy, tim tôi nó cũng như vậy đó. Không biết bao nhiêu lỗ thủng, không biết bao nhiêu mảnh vá: nó không còn biết sợ gì nữa!

- Thế bác không oán hận gì Noussa sao? Zorba?

- Tại sao? Muốn nói gì thì nói, đàn bà là một cái gì khác, sếp ạ. Một cái gì khác lắm; phi nhân. Vậy tại sao lại oán hận họ làm gì? Đàn bà là một cái gì không thể hiểu nổi và mọi luật lệ của Nhà nước, của tôn giáo đều làm về họ. Lẽ ra những luật lệ ấy không nên quy định như vậy đối với đàn bà. Những luật lệ ấy quá khắc nghiệt, sếp ạ, quá bất công. Nếu có bao giờ tôi được dịp làm luật, tôi sẽ không ra những luật chung cho cả đàn ông lẫn đàn bà. Mười, một trăm, một nghìn giới luật cho đàn ông. Dù sao đi nữa, đàn ông vẫn là đàn ông; họ có thể chịu đựng được. Nhưng không một luật nào với đàn bà. Bởi vì – tôi phải nói điều này với sếp bao nhiêu lần cho vừa, hở sếp?

- Đàn bà là một sinh vật không có chút sức mạnh nào. Ta hãy nâng cốc chúc Noussa, sếp! Và chúc đàn bà! ... Và xin Thượng đế hãy cho đàn ông chúng ta khôn ngoan hơn!

Lão uống, giơ cánh tay lên rồi hạ xuống thật mạnh như thể đang bóp rìu.

- Hoặc Người phải cho đàn ông chúng ta khôn ngoan hơn, lão nói, hoặc Người phải giải phẫu cái ấy của chúng ta đi. Nếu không, chúng ta đi đứt hết, hãy tin lời tôi.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 8

Hôm sau, lại mưa. Trời, đất hòa quyện vào nhau vô cùng âu yếm. Tôi nhớ đến một bức phù điêu Hindu trên đá màu xám đậm. Người đàn ông quàng tay ôm người đàn bà và gắn với nàng một cách dịu dàng và cam chịu đến nỗi ta có cảm giác – do mưa nắng, sương gió đã tác động và gần như ăn ruỗng vào đôi thân thể – như thấy hai con côn trùng lẹo nhau trên đó cơn mưa bụi đã bắt đầu rơi và làm ướt cánh chúng. Quấn quýt chặt chẽ với nhau như vậy, chúng đã bị mút trở vào cái miệng phàm ăn của đất.

H

Tôi ngồi ở cửa lều nhìn mặt đất đen sẫm lại và biến ánh sáng một màu xanh lân quang. Từ đầu ghềnh đến cuối bãi, không thấy một bóng người, một dáng buồm, một cánh chim. Chỉ có mùi đất phả vào qua cửa sổ.

Tôi đứng dậy và đưa tay ra hứng mưa như một kẻ ăn xin. Đột nhiên, tôi thấy muốn khóc. Một nỗi buồn đau nào đó, không phải của riêng tôi mà sâu sắc hơn, u tối hơn, đang dâng lên từ đất ẩm: cái nỗi kinh hoàng xâm chiếm một con vật đang bình yên gặm cỏ, bất chợt, ngẩng đầu lên, không trông thấy gì, nhưng đánh hơi trong không khí bao quanh, biết rằng mình đang mắc bẫy, không đường thoát.

Tôi muốn kêu lên một tiếng, biết rằng như vậy sẽ nhẹ bớt nỗi niềm, nhưng tôi ngượng không dám.

Mây mỗi lúc một sà xuống thấp. Tôi nhìn qua cửa sổ, tim tôi đập phồng nhè nhẹ.

Những giờ mưa nhẹ có thể cho ta tận hưởng nỗi đau buồn với một khoái cảm lạ lùng biết bao! Tất cả những hồi ức cay đắng náu kín tận đáy tâm thức bỗng nổi lên: bạn bè chia xa, những nụ cười đàn bà đã tàn phai, những hy vọng đã gãy cánh như những con bướm đêm, chỉ còn lại một con sâu – và con sâu đó đã bò vào cánh lá tim tôi và đang ăn ruỗng nó.

Hình ảnh bạn tôi lưu vong ở vùng Caucasus từ từ hiện ra qua màn mưa và đất sũng nước. Tôi lấy bút, cúi trên mảnh giấy và bắt đầu trò chuyện với anh nhằm xé toạc tấm lưới mảnh của mưa để có thể thở được.

“Bạn thân yêu, “Mình đang viết cho cậu từ một bờ biển hiu quạnh trên đảo Crete, nơi mà Định Mệnh và mình đã nhất trí với nhau là mình sẽ ở lại chơi mấy tháng – đóng vai một nhà tư bản. Nếu trò chơi của mình thành công, mình sẽ nói đó không phải là một trò chơi mà sẽ tuyên bố rằng mình đã làm một quyết định lớn và thay đổi lối sống.

“Chắc cậu còn nhớ khi ra đi, cậu đã gọi mình là một sách. Điều đó làm mình bực đến nỗi mình đã quyết định từ bỏ việc viết lách trong một thời gian – hay mãi mãi? – và dán mình vào một cuộc đời hành động. Mình đã thuê một sườn núi có chứa quặng than bùn; mình đã thuê thợ, mua cuốc xẻng, đèn đất, thùng giỏ, xe tải. Mình đã mở những đường hầm và chui vào đó. Làm thế cốt để chọc tức cậu đó. Bằng cách đào và tạo những hành lang trong lòng đất, con mọt sách đã trở thành con chuột chũi. Mình hy vọng cậu tán thành cuộc chuyển hóa này.

“Những niềm vui của mình ở đây thật lớn lao vì chúng rất đơn giản và xuất phát từ những yếu tố vĩnh cửu: không khí trong lành, ánh nắng, biển cả và bánh mì.

Tối đến, một tay Sinbad nhà Hàng Hải tuyệt diệu ngồi xếp bằng trước mặt mình và nói chuyện. Hễ lão cất tiếng nói là thế giới to rộng ra. Thi thoảng khi ngôn từ không đủ diễn tả, lão chồm dậy và nhảy múa. Và khi nhảy múa cũng không đủ nữa, lão đặt cây santuri lên lòng và bắt đầu chơi.

“Có lúc lão chơi một điệu man rợ thế là ta cảm thấy tức thờ vì chợt nhận ra đời mình thật vô vị, khốn khổ, không xứng đáng với kẻ nam nhi. Có lúc lão chơi một điệu đau đớn và ta cảm thấy đời mình mau qua như cát chuội qua kẽ ngón tay, không bề cứu chuộc.

“Tim mình cứ chao qua chao lại trong lồng ngực như con thoi của người dệt cửi. Nó dệt nên mấy tháng mình đang sống ở Crete đây và, lạy Chúa, mình tin rằng mình hạnh phúc.

“Đức Khổng Tử nói: nhiều kẻ tìm kiếm hạnh phúc cao hơn con người, kẻ khác nhằm thấp hơn. Nhưng hạnh phúc là cùng tầm cao với cho người. ” Đúng là thế. Cho nên phải có thứ hạnh phúc hợp với tầm vóc của mọi người. Đó là hạnh phúc của mình hôm nay, học trò và thầy thân mến của tôi ạ. Mình cứ bần khoăn đo đi đo lại hạnh phúc ấy để xem tầm vóc mình lúc này ra sao. Bởi lẽ điều này cậu thừa biết tầm vóc con người không phải bao giờ cũng thế.

“Tâm hồn con người biến hóa biết bao theo khí hậu, sự tịch lặng, cô liêu hoặc đám bạn bầu trong đó nó sống!

“Nhìn từ cái tâm trạng cô đơn của mình, con người hiện ra trước mắt mình không như bầy kiến, mà trái lại, tựa những con quái vật khổng lồ – những con khủng long, những con thằn lằn ngón cánh sống trong một khí quyển bão hòa a xít cacbôníc và dày đặc cây cỏ mục nát từ đó hình thành tạo vật. Một mớ hỗn độn phi lý không sao hiểu nổi. Những khái niệm “quốc gia” và “chủng tộc” mà cậu ưa thích, những khái niệm “siêu quốc gia” và “nhân loại” từng quyến rũ mình; ở đây cùng có giá trị như nhau dưới hơi thở toàn lực của hủy diệt. Chúng ta cảm thấy mình đã ngồi lên đế

thốt ra mấy âm tiết, đôi khi thậm chí không thành âm tiết mà chỉ là những tiếng ú ớ. Một tiếng “ôi”, một tiếng “ừ!” sau đó, chúng ta bị tiêu diệt. Và ngay cả những ý niệm cao cả nhất, nếu mỗ xê, cũng lộ rõ là không hơn gì những con búp bê nhồi cám và giấu trong cám là một cái lò-xo sắt.

“Cậu thừa hiểu mình để thấu rõ rằng những suy tưởng dữ dội ấy không hề làm mình trốn chạy, mà trái lại chúng còn là thứ bụi nhùi không thể thiếu để nhen nhóm ngọn lửa bên trong tâm hồn mình. Bởi vì, như sư phụ mình là Đức Phật truyền giảng: “Ta đã thấy “. Và vì mình đã thấy cũng như, trong nháy mắt, đã giao hảo với người đạo diễn vô hình vui vẻ và đồng bóng, từ nay trở đi mình có thể sắm vai của mình trên trái đất cho trọn vẹn, nghĩa là mạch lạc và không nản chí. Vì một khi đã thấy, mình cũng cộng tác trong tác phẩm mà mình đang diễn trên sân khấu của Thượng đế.

“Chính như thế mà khi bốt nhìn qua sân khấu vũ trụ, mình có thể thấy cậu ở nơi kia, trong những thành lũy huyền thoại của dãy núi Caucasus, cũng sắm vai của cậu; mình có thể thấy cậu đang chiến đấu để cứu hàng nghìn người thuộc giống giống chúng ta đang có nguy cơ bị tiêu diệt. Một Prometheus giả, thế nhưng lại phải chịu đựng những cực hình rất thực trong khi đấu tranh chống những lực lượng đen tối của đói rét bệnh tật và chết chóc. Nhưng, bản tính vốn kiêu hãnh, đôi khi cậu phải hoan hỉ vì những lực lượng đen tối của hủy diệt nhiều đến thế và không thể đánh bại; bởi như vậy, chủ đích của cậu: sống hầu như vô vọng, sẽ trở nên anh hùng hơn và tâm hồn cậu sẽ đạt được một tầm vĩ đại bi tráng hơn.

“Chắc chắn cậu phải coi cuộc đời cậu đang sống là một cuộc đời hạnh phúc. Và bởi cậu coi nó là thế, nó ắt là thế. Cậu cũng đã khớp hạnh phúc của cậu cho vừa tầm vóc cậu; và tầm vóc cậu bây giờ, đội ơn Chúa, lớn hơn tầm vóc mình. Người thầy tốt không mong muốn phần thưởng nào hơn điều này: đào tạo được một học trò vượt lên mình.

“Còn về phần mình, mình thường hay quên, mình tự gièm pha, mình lạc lối, lòng tin của mình là một mớ bắt tít cặp lẫn vào nhau. Đôi khi mình

cảm thấy muốn làm một cuộc đổi chác, đổi cả cuộc đời lấy một phút sống ngắn ngủi. Nhưng cậu thì luôn nắm chắc tay lái. Cậu không bao giờ quên, cả trong những giờ phút ngọt ngào nhất của kiếp nhân sinh này. Cậu cũng không bao giờ lãng mất cái đích cậu đã nhắm vườn với.

“Cậu còn nhớ cái ngày chúng mình xuyên qua Italia trên đường về Hy Lạp không? Hai chúng mình đã quyết định đi về vùng Pontus bây giờ đang lâm nguy. Chúng mình vội vã xuống tàu ở một thị xã nhỏ – chúng mình chỉ có một giờ để đáp chuyến tàu khác. Chúng mình đi vào một khu vườn lớn rậm rạp ở gần ga. Tại đó có những cây lá to bản, chuối mới trồng, tre màu kim khí thẫm, từng bầy ong sà đến một cành nở rộ hoa, những bông hoa run rẩy đón chúng hút nhụy mình.

“Chúng mình dạo bước, ngây ngất lặng lẽ như trong một giấc mơ. Bỗng nhiên, ở một góc quanh cửa con đường hoa, hiện ra hai cô gái vừa đi vừa đọc sách.

Mình không còn nhớ là các cô đẹp hay xấu. Mình chỉ nhớ một cô tóc vàng, cô kia tóc đen và cả hai đều vận xiêm mùa xuân.

“Với sự mạnh bạo thường có trong mơ, chúng mình sấn lại và cậu nói: “Bất kể các cô đang đọc sách gì, chúng tôi cũng xin tranh luận với các cô về cuốn đó “. Hai cô đang đọc Gorki. Thế rồi hồi hả vì quá ít thì giờ, chúng ta trò chuyện về cuộc đời, về nghèo đói, về sự nổi loạn của tâm hồn, về tình yêu...

“Mình sẽ không bao giờ quên nỗi hân hoan và sâu muộn của chúng ta. Tội mình và hai thiếu nữ không quen đó đã thành bạn cố tri, thành người tình cũ; tội mình đã mang trách nhiệm đối với tâm hồn và thể xác họ và tội mình vội vội vàng vàng vì chỉ mấy phút sau, tội mình sẽ lìa xa họ mãi mãi. Trong không khí, tội mình nom thấy sự say đắm và cái chết.

” Tàu đến và huyết còi. Chúng ta giật mình như tỉnh mộng. Chúng ta bắt tay nhau. Làm sao mình có thể quên được cái riết chặt tuyệt vọng của những ngón tay không muốn rời nhau. Hai cô em, một cô mặt tái nhợt, cô kia gượng cười, run rẩy.

“Và mình nhớ là bấy giờ mình bảo cậu: “Hy Lạp, Tổ Quốc, Bốn Phận, những cái ấy nghĩa là gì nhỉ? Chân lý đây này. Và cậu trả lời: ” Hy Lạp, Tổ Quốc, Bốn Phận chẳng có nghĩa gì hết. Tuy nhiên, vì cái vô nghĩa ấy, chúng ta sẵn sàng chuốc lấy hủy diệt.

“Nhưng tại sao mình lại viết những điều này cho cậu nhỉ? Để cho cậu thấy mình không quên một giây phút nào chúng ta đã sống với nhau. Và cũng để có dịp phát biểu cái điều mà vì thói quen tốt (hay xấu?) một mực kìm nén tình cảm của chúng ta, mình chưa bao giờ bộc lộ với cậu khi còn ở bên nhau.

“Giờ đây khi cậu không còn ở trước mặt mình, do đó không thể nhìn thấy mặt mình, khi mình không sợ tỏ ra ủy mị hay lỗ bịch, mình có thể nói với cậu rằng mình yêu cậu vô cùng.”

Tôi đã viết xong thư. Tôi đã trò chuyện với bạn tôi và tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Tôi gọi Zorba. Núp dưới một tảng đá cho khỏi bị ướt, lão đang thử mô hình tuyến chuyên chở của lão.

- Lại đây, Zorba, tôi gọi. Đứng dậy nào, chúng mình vào làng dạo chơi một cái.

- Sếp đang phấn hứng nhỉ. Trời đang mưa đấy. Sếp đi một mình không được sao?

- Tôi không muốn mất hứng. Nếu ta cùng đi thì không có nguy cơ đó. Đi với tôi đi.

Lão cười.

- Tôi rất mừng thấy sếp cần tôi, lão nói. Nào thì đi.

Lão mặc cái áo choàng len kiểu Crete có mũ chụp nhọn tôi đã cho lão và chúng tôi lồm bồm lội bùn tiến ra đường cái.

Trời đang mưa. Những đỉnh núi bị che kín. Không một hơi gió. Sỏi lấp lánh. Đồi than bùn chìm trong sương mù. Tựa hồ gương mặt phụ nữ của trái đồi bị liếm trong u sầu tựa hồ nàng đã giặt xiu trong mưa.

- Trái tim con người đau đớn khi trời mưa, Zorba nói. Sếp không nên hận thù nó làm gì. Tội nghiệp, nó cũng có một linh hồn.

Lão cúi xuống bên một hàng giậu và hái những bông hoa thủy tiên dại đầu mùa. Lão nhìn chúng hồi lâu tựa hồ không biết chán, như thể mới được thấy hoa thủy tiên lần đầu. Lão nhắm mắt, ghé mũi ngửi, thở dài rồi đưa hoa cho tôi.

- Sếp à, giá chúng ta biết được đá và mưa hoa nói gì Có thể chúng gọi... gọi ta... mà ta không nghe thấy.

Bao giờ tai con người mới chịu mở rộng để lắng nghe hờ sếp? Bao giờ chúng ta mở to mắt mà nhìn? Bao giờ chúng ta mới dang rộng tay ôm lấy tất cả – đất đá, mưa móc, hoa lá và con người? Sếp nghĩ thế nào về chuyện ấy, sếp? Và những cuốn sách của sếp nói sao về chuyện ấy?

- Ma quỷ bắt chúng đi! Tôi nói, lặp lại cái thành ngữ ưa thích của Zorba. Ma quỷ bắt chúng đi! Sách vở chỉ nói có thể, không hơn.

Zorba nắm lấy cánh tay tôi.

- Sếp này, tôi xin nói với sếp một ý này của tôi, nhưng sếp đừng có nổi giận mới được. Hãy chất đống tất cả sách vở của sếp, cho nó một mối lửa. Sau đó, biết đâu sếp lại chả hết khờ, sếp thành người hay ho... sếp có thể trở thành một cái gì!

“Lão có lý!” tôi thầm kêu. “Lão có lý, nhưng mình không thể làm thế”.

Zorba lưỡng lự và ngẫm ngợi. Rồi lão nói:

- Có một điều tôi thấy được.

- Điều gì? Nói ra đi!

- Tôi không biết, nhưng tôi nghĩ tôi có thể thấy điều ấy, thế thôi. Song nếu tôi cố nói ra với sếp, tôi sẽ làm rối tinh rối mù lên mất thôi. Để hôm nào phấn hứng, tôi sẽ nhảy múa để diễn tả điều đó sếp coi.

Mưa bắt đầu xối xả hơn. Chúng tôi tới làng. Những bé gái lùa cừu từ bãi cỏ về; những thợ cày tháo ách khố cổ bò và rời bỏ cánh đồng cày dở dang; những thiếu phụ chạy theo con trên đường làng nhỏ hẹp. Một cơn nháo nhác vui vẻ òa ra trong làng khi trận mưa rào ập xuống.

Phụ nữ kêu the thé, mắt cười lấp lánh, những hạt mưa lớn rung rinh trên những bộ râu cứng, những hàng ria vênh của cánh đàn ông. Một mùi hăng hắc bốc lên từ đất đá và cây cỏ.

Chúng tôi nhào vào tiệm Cà phê và Hàng thịt Khiêm tốn, ướt như chuột lột. Tiệm đông nghịt. Máy gã đàn ông đang chơi bài bôlốt, một số khác oang oang tranh luận, mở hết cỡ giọng như gọi nhau từ núi nọ qua núi kia.

Quanh một cái bàn nhỏ ở đầu đàn kia, các bô lão trong làng đang ngồi uy nghi: bác Anagnosti với chiếc sơ-mi trắng ống rộng. Mavradoni nghiêm nghị và lặng lẽ, hút chiếc ống điếu, mắt dán xuống sàn; ông giáo làng đứng tuổi gày gò và khá bệ vệ, tì trên chiếc can gộc và mỉm một nụ cười kẻ cả lắng nghe một gã hộ pháp tóc tai râu ria bù xù ở Candia về đang mô tả những điều kỳ diệu của thành phố lớn đó. Chủ tiệm đứng sau quầy vừa nghe chuyện vừa cười, trong khi vẫn để mắt trông những bình đun cà phê đặt thành một dãy trên lò.

Vừa trông thấy chúng tôi, bác Anagnosti liền đứng dậy.

- Đồng bào, lại đây ngồi với chúng tôi, ông già nói. Sfakianonikoli đang kể cho chúng tôi nghe mọi điều mắt thấy tai nghe ở Candia. Anh chàng đến là ngộ. Lại đây nào.

Ông quay lại chủ tiệm.

- Cho hai ly raki, Manolaki, ông nói.

Chúng tôi ngồi xuống. Gã chần cừ hoang dã thấy có người lạ, rút vào vỏ ốc và nín lặng.

- Này, sếp Nikoli, anh cũng đến cả nhà hát nữa ư? Ông giáo nói để gọi chuyện. Anh thấy thế nào?

Sfakianonikoli vươn bàn tay hộ pháp ra vớ lấy ly rượu vang, nốc một hơi để lấy can đảm.

- Sao lại không đến nhà hát? Gã la lên. Dĩ nhiên là có chứ lì! Ai cũng nói Kotopouli thế này, Kotopouli thế kia. Cho nên, một buổi tối, tôi mới làm dấu thánh giá và biểu: “Được rồi, tại sao mình không đến coi tận mắt cho biết? Xem cô ta là cái quái quỷ gì mà họ cứ nặng xì lên về Kotopouli ([29]).”

- Thế chú thấy gì, chú nhiều? Bác già Anagnosti hỏi. Như thế nào? Vì lòng kính Chúa, kể bọn ta nghe nào.

- Chà, thề trên linh hồn tôi, chả có gì ghê gớm cả. Cứ nghe họ nói về cái “nhà hát” í, đâm sốt ruột, bụng bảo dạ: “Mình phải đến xem có cái gì mới được”. Cơ mà, tôi xin nói, chỉ phí tiền. Nó là một chỗ giống như cái quán rượu lớn, cơ mà tròn xoay như cái sân đập lúa, đầy những ghế, những người và đèn. Tôi không còn biết là người ở đâu, đèn đóm làm tôi lóa mắt không trông thấy gì. “Ma quỷ”, tôi tự nhủ, “họ sắp sửa bỏ bùa cho mình

đây. Phải chuồn thôi”. Nhưng vừa lúc ấy, một cô ả, ngúng nga ngúng nguẩy như con chim chìa vôi, nắm lấy tay tôi. “Kìa, cô đưa tôi đi đâu thế này?” Tôi kêu lên nhưng ả cứ kéo tôi đi, cuối cùng, ả quay lại và bảo tôi ngồi xuống. Thế là tôi ngồi xuống. Chư vị thử nghĩ coi, toàn người là người, trước mặt sau lưng tôi, bên trái bên phải và lên tận trần nhà. “Mình sắp chết ngạt mất thôi,” tôi tự bảo. “Mình toi đến nơi rồi. Chẳng có tí không khí nào cả”. Rồi tôi quay sang người ngồi bên cạnh, hỏi: “Ông bạn có thể cho tôi biết những “đảo chính” ([30]) đi từ đâu ra không?” – “À, từ trong kia,” y nói, tay chỉ tấm màn. Và y nói đúng, vì tiếp đó có tiếng chuông rung, màn mở ra và kìa, cái cô ả Kotopouli, như họ gọi, đã đứng trước mặt mọi người, trên sân khấu. Cơ mà chư vị đừng có hỏi tôi tại sao họ lại gọi cô ả là gà tơ: cô ta là đàn bà rành rành, đủ cả các bộ phận từ đầu đến chân. Thế, cô ả cứ quay tròn và vẩy đuôi lia lịa và khi mọi người phát chán, họ bắt đầu vỗ tay và cô ả chạy mất.

Dân làng cười ngạt nghèo. Sfakianonikoli phật ý và có vẻ ngượng. Gã ngoảnh ra phía cửa.

- Nhìn kìa, trời đang mưa, gã nói lảng.

Mọi người nhìn theo. Đúng lúc ấy, một người đàn bà chạy qua, tóc xõa xuống vai, váy đen xắn lên tận đầu gối. Chị ta có vóc dáng đẹp, tròn trặn, quần áo dán vào người để lộ một thân hình rắn chắc, hấp dẫn.

Tôi giật mình. Loài thú săn mồi nào đây? Tôi nghĩ thầm. Tôi thấy chị ta có vẻ mềm mại và nguy hiểm, một con thú có thể ăn tươi nuốt sống đàn ông.

Người đàn bà quay đầu lại một thoáng và ném nhanh một tia nhìn chói lòa vào trong tiệm cà phê.

- Lạy Đức Mẹ Đồng Trinh! Một cậu choai choai, râu lún phún như lông tơ, ngồi bên cửa sổ, lăm lăm.

- Trời đánh con mụ mồi chài đàn ông, lão trương tuần Manolakas gầm gừ. Trời đánh mi, mi châm lửa thiêu cháy đàn ông!

Cậu chàng ngồi bên cửa sổ bắt đầu âm ư hát, mới đầu nhỏ nhẹ và do dự. Dần dần, giọng cậu khàn đi:

Chiếc gối sương phụ ngát thơm hương mộc qua Từ độ bén mùi chẳng đêm nào tôi ngủ được.

- Câm mồm! Mavrandoni quát, tay vung cái ống điếu. Cậu thanh niên im bặt. Một ông già cúi xuống nói với trương tuần Manolakas:

- Này, ông chú anh đang nổi giận đấy, ông thì thầm. Nếu mụ ta rơi vào tay lão, hẳn lão sẽ băm mụ ra làm trăm mảnh. Cầu Chúa rủ lòng thương mụ!

- A, già Androulio, Manolakas nói, tôi chắc bác cũng bám theo váy mụ góa ấy. Bác, một người cai quản giáo đường, bác không xấu hổ sao?

- Này, nghe đây. Cầu Chúa rủ lòng thương mụ! Lẽ nào anh không nhận thấy những trẻ mới sinh gần đây ở làng ta đẹp như thế nào? ... Cầu Chúa ban phước cho mụ góa, chính là nhờ mụ đấy! Có thể nói mụ là người tình của cả làng: anh tắt đèn, anh tưởng tượng là đang ôm mụ góa trong tay chứ không phải vợ mình. Và chính vì thế, xin anh nhớ cho, mà ngày nay làng ta cho ra đời những đứa bé khalat như vậy!

Sau một lát im lặng, già Androulio lẩm bẫm:

- Chúc những cặp đôi ôm ấp mụ nhiều may mắn! Ôi anh bạn, giá tôi mới hai mươi như thằng Pavli, con trai Mavrandoni!

- Thì chúng ta sẽ thấy mụ cặp đôi về nhà! Một người nào đó vừa cười vừa nói.

Tất cả mọi người quay về phía cửa. Mưa trút xuống như thác. Nước chạy ùng ục trên những phiến đá. Thịnh thoảng, chớp lóe trên bầu trời. Từ lúc nàng góa đi qua, Zorba cứ hào hển. Không thể kìm mình lâu hơn nữa, lão thở dài với tôi:

- Tạnh mưa rồi, sắp ạ, lão nói. Ta đi thôi.

Một thiếu niên đi đất, đầu bù tóc rối, mắt to man rợ, hiện ra ở cửa. Y hệt như các họa sĩ vẽ tượng thánh thường thể hiện St. John the Baptist – mắt mở to tướng vì đói và không ngừng cầu nguyện.

Hello, Mimiko! Mấy người vừa cười vừa gọi to.

Làng nào cũng có thằng ngây của mình và nếu không có thì phải tạo ra đề tiêu khiển. Mimiko là thằng ngây của làng này.

- Các bạn, Mimiko lấp bắp bằng cái giọng the thé như giọng nữ. Các bạn, mẹ góa Sourmelina mất con cừu cái. Ai tìm thấy sẽ được thưởng một galông rượu vang!

- Cút ra! ông già Mavrandoni quát. Cút xéo!

Khiếp hãi, Mimiko co rúm vào một góc gần cửa ra vào.

Ngồi xuống, Mimiko, làm một ly raki cho khỏi cảm lạnh, bác Anagnosti thương hại bảo. Làng ta sẽ ra sao nếu không có một thằng ngây?

Một thanh niên vẻ ốm yếu, mắt xanh lợt, hiện ra ở bậc cửa. Gã thờ không ra hơi và mớ tóc bết trên trán rùng rùng nước.

Chào Pavli! Manolakas kêu to. Chào người bà con. Mời ngồi.

Mavrandoni quay lại nhìn con trai, cau mày.

“Chẳng lẽ đó lại là con trai ta?” Lão lẩm bẩm một mình. “Cái thằng không ra hồn người ấy! Ma quỷ, không biết nó giống ai nhi? Ta những muốn túm gáy nó lên mà quật xuống đất như một con tuộc non!”

Zorba như ngồi trên trên đồng than hồng. Người đàn bà góa đã khiến các giác quan lão cháy lên rừng rực, lão hết chịu nổi cái nước phải ngồi yên trong bốn bức tường này.

- Ta đi thôi, sếp, đi thôi, chốc chốc lão lại rỉ tai tôi. Ở trong này, chúng ta sẽ nổ tung ra mất!

Dường như đối với lão, mây đã tan và mặt trời đã ló ra.

Lão quay sang chủ tiệm cà phê.

- Mụ góa ấy là ai vậy? Lão hỏi, giả bộ dửng dưng.

- Một con ngựa cái chính nòi đấy, Kondomanolio đáp. Y đưa ngón tay lên môi và liếc nhìn Mavrandoni một cái đầy ý nghĩa. Lão này, một lần nữa, lại cảm mắt xuống sàn.

- Một con ngựa cái, y nhắc lại. Thôi ta đừng nhắc đến mụ nữa, kéo lại mắc tội xuống địa ngục.

Mavrandoni đứng dậy và quần xe điếu quanh cổ cái điếu ống:

- Xin lỗi, lão nói, tôi về đây. Pavli, theo tao.

Hai cha con dẫn nhau đi qua trước mặt chúng tôi và lập tức biến vào trong mưa.

Manolakas cũng đứng dậy đi theo họ.

Kondomanolio ngồi vào ghế của Mavrandoni.

- Tội nghiệp ông già Mavrandoni! Y nói khê đến nỗi những bàn ngay cạnh cũng không nghe thấy. Ông ta sẽ tức uất mà chết. Thật là một bất hạnh lớn giáng xuống nhà ông. Mới hôm qua thôi, chính tai tôi nghe thấy Pavli nói với bố: “Nếu con không lấy được cô ấy, con sẽ tự tử!” Nhưng ở kia đâu có thềm gã. Á bảo gã vắt mũi chưa sạch.

- Ta đi thôi, Zorba nhắc lại. Mỗi một lời nói về người đàn bà góa lại khơi lửa lòng lão lên ngàn ngọn.

Gà bắt đầu gáy; mưa không dứt lắm nữa.

- Vậy thì đi, tôi đứng đây nói.

Mimiko từ trong góc vọt ra, chuồn theo sau chúng tôi.

Sỏi lấp lánh, những cánh cửa rờn rờn nước, nom đen nhánh, những bà già nhỏ bé xách giỏ ra bắt ốc sên.

Mimiko đuổi theo, khê chạm tay tôi.

- Cho điếu thuốc, thầy, gã nói. Thầy sẽ may mắn trong tình yêu.

Tôi cho gã điếu thuốc. Gã chìa ra một bàn tay gày guộc rám nắng.

- Cho tí lửa nữa!

Tôi bật lửa cho gã, gã hít khói sâu vào phổi và lim dim mắt, thở ra đặng mũi.

- Sướng như vua! Gã lẩm bẩm.

- Chú đi đâu?

Đến vườn nhà mụ góa. Mụ hứa sẽ cho ít thức ăn nếu tôi loan tin mụ mất cừu.

Chúng tôi rào bước. Mây đã hé sáng nhiều chỗ. Cả làng vừa được tắm mát, tươi rờ rờ.

- Chú có thích mù góa không, Mimiko? Zorba thở dài hỏi.

Mimiko khúc khích.

- Ông bạn, làm sao tôi lại không thích mù? Dễ thường tôi không từ trong cống chui ra như mọi người khác sao?

- Từ trong cống? Tôi kinh ngạc hỏi lại. Chú nói vậy nghĩa là thế nào, Mimiko?

- A, là từ trong lòng mẹ.

Tôi sững sờ. Chỉ có Shakespeare, vào những khoảnh khắc sáng tạo nhất, tôi nghĩ, mới có thể tìm ra được một cụm từ mang tính hiện thực thô mộc đến thế để mô tả cái bí ẩn tối tăm và nhớp nhúa của sự sinh nở.

Tôi nhìn Mimiko. Mắt gã mở to, ngây ngất và hơi lác.

- Ngày ngày, chú làm gì, Mimiko?

- Ông cho là thế nào? tôi sống như lãnh chúa! Buổi sáng, tôi thức dậy, tôi ăn một mẩu bánh mì khô. Rồi tôi làm linh tinh giúp mọi người bất kỳ ở đâu, bất kỳ việc gì, tôi chạy việc vặt, xe phân bón, đánh đồng phân ngựa, ngoài ra, tôi còn có cái cần câu. Tôi ở với bà cô, mẹ Lanio, chuyên nghề khóc mướn. Các thầy thế tất phải biết bà, ai cũng biết bà. Thậm chí, người ta còn chụp ảnh bà nữa. Chiều đến, tôi về nhà, ăn một bát xúp, và uống một chút rượu, nếu có. Nếu không, tôi uống đầy nước của Chúa Trời cho bụng căng như cái trống, rồi ngủ một mạch!

- Vậy chú không lấy vợ chứ, Mimiko?

- Sao, tôi ấy à? Tôi đâu có điên! Ông bạn đòi hỏi tôi cái gì vậy? Rằng tôi phải mang nợ vào thân sao? Đàn bà thì cần phải có giày dép. Tôi kiếm đâu ra? Nhìn xem, tôi đi chân đất đây này!

- Chú không có ủng à?

- Ông bạn coi tôi là gì vậy? Dĩ nhiên là tôi có chứ! Năm ngoái, có một người chết, bà cô Lenio lột ủng của hắn cho tôi. Ngày lễ Phục Sinh, tôi diện ủng đi đến nhà thờ, nhìn thẳng vào thầy tư tế. Đoạn tôi cởi ra, đeo lên cổ và về nhà.

- Chú thích cái gì nhất, Mimiko?

- Trước hết là bánh mì. Ôi, sao mà tôi thích cái món đó! Nóng giòn, nhất là nếu làm bằng bột mì trắng. Rồi đến rượu. Sau nữa là ngủ.

- Còn đàn bà thì sao?

- Xi! ăn, uống và ngủ, thế thôi. Còn mọi cái khác chỉ là phiền nhiễu.

- Thế còn mục góa?

- Ô, để mục cho ma quý, xin nói với ông thế, nếu ông biết thế nào là có lợi cho ông. Lùi lại đằng sau ta, Xa tăng!

Gã nhõ ba lần và làm dấu thánh giá.

- Chú có biết đọc không?

- Này, tôi đâu có ngu dại đến thế! Đạo bé, tôi bị lôi sênh sịch đến trường, nhưng may sao, tôi bị sốt phát ban và trở thành thẳng ngậy. Ấy, tôi thoát khỏi vòng như thế đó!

Zorba đã chán ngấy những câu hỏi của tôi. Lão không thể nghĩ đến điều gì khác ngoài người đàn bà góa.

- Sếp này, lão năm lấy cánh tay tôi nói. Rồi lão quay sang ra lệnh cho Mimiko đi lên trước. Chúng ta có chuyện cần bàn riêng.

- Sếp lão nói, đây chính là điều tôi chờ đợi ở sếp đấy. Này, đừng có làm ô danh giống nam nhi! Trời đất quý thần ban cho sếp miếng ngon lành này. Sếp có răng, tốt lắm, hãy cắn ngập vào đi. Vươn tay ra mà nắm lấy nàng! Tạo hóa cho chúng ta hai bàn tay để làm gì! Để nắm bắt! Vậy thì hãy nắm lấy. Đời tôi đã thấy biết bao nhiêu đàn bà. Nhưng cái mụ gái góa trời đánh này quả là loại làm đổ quán siêu đình!

- Tôi không muốn rắc rối! Tôi cúi kính đáp.

Tôi bực bội vì trong thâm tâm chính tôi cũng khao khát tấm thân đầy ma lực vừa đi qua bên tôi như một con thú rừng động đực, ngát mùi xạ.

- Sếp không muốn rắc rối? Zorba sừng sốt kêu lên. Vậy xin cho biết, sếp muốn gì?

Tôi không trả lời.

- Cuộc sống là rắc rối, Zorba nói tiếp. Chỉ có chết mới hết rắc rối. Sống – sếp có hiểu nghĩa là gì không? Là cời thắt lưng và tìm kiếm chuyện rắc rối!

Tôi vẫn không nói gì. Tôi biết Zorba có lý, tôi biết vậy, nhưng tôi không dám. Cuộc đời tôi đã đi chệch đường và sự giao tiếp của tôi với mọi người giờ đây đã trở thành một cuộc độc thoại đơn thuần. Tôi đã xuống cấp đến mức nếu phải chọn giữa việc phải lòng một người đàn bà và đọc một cuốn sách về tình yêu, chắc tôi sẽ chọn cuốn sách.

- Đừng có tính toán, sếp, Zorba nói tiếp. Mặc xác những con số, đập những cái bàn cân thổ tả đi, đóng cửa hiệu tạp hóa lại, tôi xin sếp. Bây giờ là lúc sếp sắp cứu rỗi hoặc để mất linh hồn mình. Nghe tôi đây, sếp, hãy lấy một cái mùi soa gói hai bảng Anh vào trong – tiền vàng ấy nhé, vì tiền giấy

không làm lóa mắt – và nhờ Mimiko chuyển đến cho nàng góa. Dạy nó học thuộc điều cần nói: “Ông chủ mở gửi đến bà những lời chúc mừng tốt đẹp nhất và chiếc khăn tay này. Ông ấy nói vật mọn nhưng tình sâu. Ông cũng nói bà khỏi phải lo vì chuyện con cừ; dù nó có mất, bà cũng đừng phiền lòng, có tôi đây, bà đừng sợ! Ông nói từ lúc thấy bà đi qua tiệm cà phê, ông đâm ốm tương tư và chỉ có bà mới chữa được cho ông”. Thế đó! Và ngay buổi tối, sếp đến gõ cửa. Phải làm ngay sốt sột kéo lỗ cơ hội. Bảo nàng là sếp bị lạc đường, trời tối mù mịt, sếp muốn mượn mụ chiếc đèn lồng. Hoặc giả sếp bất thần bị chóng mặt, cần một cốc nước. Hoặc tốt hơn nữa, sếp mua một con cừ khác mang đến cho nàng mà rằng: “Bà nhìn xem, đây là con cừ bà đã mất. Chính tôi đã tìm thấy cho bà!” Và nàng góa – nghe đây, sếp – nàng góa sẽ thưởng sếp và sếp sẽ đi vào... lạy Chúa Toàn năng, giá tôi có thể ngồi sau lưng sếp trên con ngựa cái – cam đoan với sếp, sếp sẽ đi vào Thiên đàng trên lưng ngựa. Nếu sếp tìm một Thiên đàng khác ngoài cái đó thì chẳng có đâu, người đồng loại tội nghiệp của tôi ạ. Đừng có nghe lời đám thầy tu nói, chẳng có Thiên đàng nào khác đâu!

Hắn chúng tôi đang đến gần vườn nhà sương phụ vì Mimiko thờ dài và bắt đầu cất giọng hát lên nổi u sầu của gã:

Hạt dẻ nhắm rượu, hồ đào ăn với mật ong
Trai cần có gái, gái cần có trai!

Zorba xoạc đôi cẳng dài rảo bước, đôi cánh mũi phập phồng. Lão đột ngột dừng lại, hít một hơi dài. Lão nhìn thẳng vào mắt tôi.

- Thế nào? Lão hỏi.

Và khắc khoải chờ.

- Chừng này đủ rồi! Tôi gay gắt đáp.

Và rảo bước thật nhanh.

Zorba lắc đầu và lầm bầm điều chi tôi không nghe. Khi chúng tôi về đến lều, lão ngồi khoanh chân, đặt cây santuri lên lòng và cúi đầu, trầm ngâm suy tưởng.

Như thế, đầu gục trên ngực, lão đang lắng nghe vô số bài ca và cố lựa lấy một bài đẹp nhất và tuyệt vọng nhất trong tất cả. Cuối cùng, lão chọn xong và bắt đầu chơi một điệu xé lòng, thỉnh thoảng, lão lại liếc mắt nhìn tôi.

Tôi cảm thấy những gì lão không thể hoặc không dám phát biểu bằng lời với tôi, lão đang nói lên bằng cây đàn santuri. Rằng tôi đang phí hoài đời tôi, rằng nàng sương phụ và tôi là hai con côn trùng chỉ sống một giây dưới ánh mặt trời để rồi chết đi vĩnh viễn. Không bao giờ nữa! Không bao giờ nữa!

Zorba đứng bật dậy. Lão chợt hiểu ra rằng lão chỉ nhọc công vô ích. Lão dựa người vào vách, châm một điếu thuốc và sau một lát, lão nói:

- Sếp à tôi sẽ cho sếp biết một điều bí mật mà có lần, một hodja ([31]) đã nói với tôi ở Salonica... Tôi sẽ thổ lộ với sếp, cho dù nó chẳng ích lợi gì. Hồi đó, tôi bán hàng rong ở Macedonia. Tôi vào các làng bán kim chỉ, truyện các thánh, cánh kiến trắng và hồ tiêu. Đạo ấy, tôi có một giọng ca hiếm, đích thực là một con họa mi. Sếp nên biết rằng một giọng ca cũng có thể chinh phục đàn bà. Mà các mợ ấy, có cái gì mà không đánh đổ họ! Có trời biết lòng dạ họ ra sao! Anh có thể xấu ma chê quỷ hờn, gù lưng hay khập khiễng, nhưng nếu anh có giọng hát êm ái, đàn bà sẽ mê tít. Tôi cũng bán hàng rong ở Salonica, thậm chí đi cả vào những khu Thổ Nhĩ Kỳ. Và loanh quanh thế nào một phụ nữ Hồi giáo giàu có, con gái một pasa ([32]), lại mê giọng tôi đến nỗi mất ăn mất ngủ. Nàng kêu một lão trượng hodja đến, biểu lão hai năm tiền Thổ và nói: "Aman! ([33]) Già hãy đến bảo tên Giaour ([34]) bán hàng rong lại đây. Aman! Tôi cần gặp hẳn, tôi không chịu nổi nữa!" Lão hodja đến tìm tôi: "Này, chàng trai Roumi", lão bảo tôi "Đi với ta". "Không", tôi trả lời. "Lão muốn đưa tôi đến đâu?", "Có người

con gái một viên pasa trong như nước suối đang chờ con trong khuê phòng. Đi thôi, chú bé Roumi!”

Nhưng tôi biết ban đêm, ở những khu Thổ, có những cuộc tàn sát dân dị giáo Cơ Đốc. “Không, tôi không đi”, tôi nói – “Con không sợ Thượng đế sao, Giaour? – “Tại sao tôi phải sợ?” – “Bởi vì, chú bé Roumi ơi, kẻ nào có điều kiện ngủ với một người đàn bà mà không làm thế, là phạm trọng tội. Con ạ, nếu một người đàn bà gọi con đến chung chăn sẻ gối mà con không đến; thì linh hồn con sẽ bị hủy diệt đó! Đến ngày phán xử cuối cùng, người đàn bà ấy sẽ thờ dài trước mặt Thượng đế và tiếng thờ dài ấy sẽ ném con xuống Địa Ngục, bất kể con là ai và bất kể mọi việc tốt con đã làm.

Zorba thờ dài:

- Nếu Địa Ngục có thật, lão nói, tôi sẽ bị đẩy xuống Địa Ngục chính vì lý do ấy. Không phải vì tôi đã trộm cướp, giết người hay phạm tội ngoại tình, không! Mọi cái đó chả là gì hết. Nhưng tôi sẽ bị đẩy xuống Địa Ngục bởi lẽ một đêm ở Salonica, một người đàn bà chờ đợi tôi trên giường nàng mà tôi không đến..

Lão đứng dậy, nhóm lửa và bắt đầu nấu nướng, chuẩn bị bữa ăn của chúng tôi. Lão liếc nhìn tôi và mỉm cười khinh bỉ.

- Gõ cửa một anh điếc thì muôn năm gã cũng không nghe thấy, lão lẩm bẩm.

Và cúi xuống, lão giận dữ thổi mớ củi ấm.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 9

Ngày ngắn dần, trời mau tối và mỗi ngày về cuối chiều, lòng người trở nên bứt rứt không yên. Một nỗi kinh hoàng ban sơ chụp lấy chúng tôi – nỗi kinh hoàng của tổ tiên ta khi thấy mặt trời mỗi ngày tắt một sớm hơn trong những tháng mùa đông. “Ngày mai, nó sẽ tắt vĩnh viễn”, hẳn các cụ tổ ta đã tuyệt vọng nghĩ thế và suốt đêm run rẩy hãi hùng trên núi thẳm đồi hoang.

N

Zorba cảm thấy nỗi lo âu ấy sâu sắc hơn và hoang sơ hơn tôi. Để trốn tránh nó, lão thường chỉ rời khỏi hầm mỏ khi sao đã lấp lánh trên bầu trời.

Lão đã bắt gặp một vỉa than bùn rất tốt, ít tro, không ẩm lăm và giàu nhiệt lượng. Lão hài lòng vì lão đã hình dung những lợi nhuận của chúng tôi biến thành bao điều tuyệt diệu: những chuyến đi, đàn bà và những cuộc phiêu lưu mới. Lão nôn nóng chờ cái ngày lão kiếm được một gia tài và đôi cánh của lão đủ lớn – lão gọi tiền là “cánh” – để bay đi. Do đó, lão thức trọn nhiều đêm hí hoáy thử nghiệm các hệ thống cáp chuyên chở mini, không ngừng tìm độ dốc chính xác cho các thân cây trôi xuống thật chậm – thật êm, thật êm như do tay thiên thần chuyên vận, lão nói.

Một hôm, lão lấy một tờ giấy lớn cùng mấy cây bút chì màu và vẽ núi, rừng, tuyến chuyên chở, những thân cây treo trên dây cáp trôi xuống, mỗi thân cây có hai cánh màu xanh da trời. Trong cái vịnh tròn nhỏ, lão vẽ

những con tàu đến cùng những thủy thủ tô xanh như những con vẹt và những thương thuyền chở đầy những thân cây màu vàng. Bốn góc có bốn tu sĩ miệng nhả ra những dải băng hồng trên ghi bằng chữ in hoa đen nhánh: “Vĩ đại thay Thượng đế và tuyệt diệu thay những công trình của Người!”

Mấy hôm nay, Zorba nhóm lửa, làm bữa ăn chiều khá vội vã, ăn xong là sắp ngựa chạy vào làng, rồi một lát sau, cau có trở về.

- Bác lại đi đâu đấy, Zorba? Tôi hỏi lão.

- Sếp khỏi quan tâm, lão đáp và chuyển sang chuyện khác. Một tối khi trở về, lão lo âu hỏi tôi:

- Liệu có Thượng đế không nhỉ – có hay không? Sếp nghĩ sao, sếp? Và nếu có – mọi sự đều có thể – sếp hình dung Người ra sao?

Tôi nhún vai.

- Tôi không đùa đâu, sếp ạ. Tôi hình dung Thượng đế y hệt như tôi đây. Có điều là to hơn, khỏe hơn, rõ dại hơn. Và ngoài ra, còn bất tử nữa. Người ngồi trên một chông da cừu êm ái và lều của Người là bầu trời. Nó không làm bằng những can xăng cũ như lều của chúng ta, mà bằng mây. Tay phải Người không cầm một con dao hay một cái cân – những dụng cụ chết tiệt ấy là dành cho bọn đồ tể và bọn chủ hiệu tạp hóa – không, Người cầm một miếng bọt biển dầm nước, tựa như một đám mây mưa. Bên phải Người là Thiên đàng, bên trái là Địa Ngục. Này đây, một linh hồn tới, nhỏ nhoi, tội nghiệp, trần như nhộng vì đã mất chiếc áo ngoài – tức là thân xác – và run rẩy. Thượng đế nhìn nó, cười thầm nhưng người sắm vai quỷ sứ. “Lại đây”, Người thét, tại đây, đồ khốn kiếp!” Và Người bắt đầu tra vấn. Cái linh hồn trần truồng phủ phục dưới chân thượng đế. “Xin rủ lòng thương”. Nó kêu, “con là kẻ có tội”. Và nó liến thoắng kể lẽ tội lỗi của mình, một thôi một xốc, bất tận. Thượng đế cho thế là quá đủ, Người ngáp. “Trời đất, thôi đi!”

Người quát “Ta nghe phát ngáy rồi!” Xoẹt! Oạp! Một nhát bột biển và Người rửa sạch tội lỗi. “Xéo đi cho khuất mắt ta, chạy sang Thiên đàng đi!” Người bảo linh hồn nọ. “Pierre, cho cả cái sinh linh bé bỏng tội nghiệp này vào nốt”. Bởi vì, sếp biết đó, Thượng đế là một đấng chúa tể vĩ đại và làm một chúa tể có nghĩa là tha thứ!

Tôi nhớ là tối hôm ấy tôi đã cười khi Zorba tuôn ra bài loạn ngôn sâu sắc của lão. Nhưng cái “tư chất chúa tể” của Thượng đế dần hình thành và chín muồi trong tôi, từ bi, đại lượng và toàn năng.

Một buổi tối khác, trời mưa, chúng tôi đang ngồi trong lều, cúi mình trên bếp lò nướng hạt dẻ, Zorba quay sang nhìn tôi hồi lâu như thể cố gỡ mỗi một điều bí ẩn lớn nào đó. Cuối cùng, không nén mình được nữa, lão nói:

- Sếp ạ, tôi muốn biết sếp có thể thấy cái quái gì ở tôi, tại sao sếp không xách tai tôi lẳng ra ngoài? Tôi đã kể với sếp rằng người ta gọi tôi là Năm Mildiu và đi đến đâu tôi cũng phá phách tan hoang... Công việc của sếp sẽ tiêu tan. Hãy tổng cổ tôi đi!

- Tôi thích bác, tôi đáp. Cứ biết thế thôi.

- Nhưng sếp, sếp không biết rằng óc tôi không đúng cân lượng sao? Có thể nó hơi quá nặng, hoặc hơi quá nhẹ, nhưng chắc chắn là không đúng trọng lượng cần phải có. Đây nhé, nói điều này thì sếp sẽ hiểu: bao ngày đêm nay, cái mục góa nọ không để cho tôi yên. Không, tôi không nhằm cho phần tôi, không, tôi xin thề không phải thế. Ma quỷ bắt mục đi, riêng phần tôi thì tôi nói vậy đó. Tôi sẽ không bao giờ đụng tới mục, đó là cái chắc. tôi không hợp “gu” mục... Nhưng tôi không muốn bỏ phí mục, không ai được hưởng. Tôi không muốn mục đêm đêm vò vố một mình. Như thế thật không phải, sếp ạ; tôi không chịu đựng nổi ý nghĩ đó. Cho nên, đêm đêm, tôi cứ tha thần quanh vườn mục – chính vì thế mà sếp thường thấy tôi biến mất và

sếp cứ hỏi tôi đi đâu. Nhưng sếp có biết tại sao không? Để xem có ai đến ngủ với mẹ thì đầu óc tôi mới thư thái được.

Tôi bật cười.

- Đang có cười, sếp! Nếu một người đàn bà phải ngủ lẻ loi một mình thì lỗi tại đàn ông chúng ta. Tất cả chúng ta sẽ phải phác trình vào ngày phán xử cuối cùng.

- Thượng đế sẽ tha thứ mọi tội lỗi như lần trước chúng ta đã từng nói – Người sẵn sàng lia một nhát bọ biển.

- Nhưng cái tội này thì Người sẽ không tha thứ đâu. Tai họa cho gã đàn ông nào có hoàn cảnh ngủ với một người đàn bà mà không làm thế! Tai họa cho người đàn bà nào có thể ngủ với một người đàn ông mà lại không làm thế! Hãy nhớ lấy những lời của lão hodja!

Lão im lặng một lát.

- Một người đã chết rồi có thể sống lại được không?

Lão đột ngột hỏi.

- Tôi nghĩ là không, Zorba ạ.

- Tôi cũng vậy. Nhưng nếu có, thì những kẻ tôi vừa nói tới, những kẻ không chịu phục vụ, những kẻ đào ngũ, sếp thử đoán xem chúng trở lại cõi trần dưới hình dạng gì? Dưới dạng những con la!

Lão lại im lặng và suy nghĩ. Hốt nhiên, mắt lão lấp lánh.

- Biết đâu, lão nói, phẫn khích với phát hiện mới, có thể tất cả những con la ta nhìn thấy trên thế giới ngày nay chính là những người đó, bọn phế nhân, bọn đào ngũ, kiếp trước là đàn ông và đàn bà, đồng thời lại không phải thế. Và chính vì thế mà chúng luôn luôn đá hậu. Sếp nghĩ sao?

- Rằng óc bác không đủ cân lượng, Zorba ạ, tôi cười đáp. Lấy cây santuri xuống đi.

- Nói sếp đừng giận, tối nay chẳng santuri gì hết. Nếu tôi tiếp tục nói, nói tào lao, sếp có biết tại sao không? Bởi vì tôi có biết bao điều lo nghĩ chong chát trong đầu. Cái đường hầm mới – ma quỷ bắt nó đi! – đang sắp làm tôi lộn tiết. Thế mà sếp lại bảo tôi chơi santuri.

Nói đoạn, lão cời những hạt dẻ ra khỏi đồng tro, đưa cho tôi một nắm và rót rượu raki đầy ly của chúng tôi.

- Cầu Thượng đế nghiêng bàn cân về bên phải, tôi nói và cụng ly.

- Về bên trán Zorba chữa lại, về bên trái! Cho đến nay, bên phải chả sản sinh ra cái gì tốt đẹp cả.

Lão nốc một hơi cạn ly lửa lỏng và nằm lên giường.

- Ngày mai, lão nói, tôi sẽ cần đến toàn bộ sức lực của mình. Tôi sẽ phải chiến đấu với cả ngàn tên quỷ dữ. Chúc ngủ ngon.

*

Hôm sau, từ tờ mờ sáng, Zorba đã biến xuống mỏ. Đám thợ đã tiến sâu thêm trong việc mở đường hầm theo vỉa than tốt. Nước rỉ qua trần hầm và họ lội bì bõm trong bùn.

Cách đây hai hôm, Zorba đã yêu cầu nhiều thân cây để chống lò, củng cố đường hầm. Nhưng lão vẫn không yên tâm. Những cột chống không lớn như yêu cầu và, với cái bản năng sâu sắc khiến lão cảm thấy mọi điều xảy ra trong thứ mê cung dưới đất này như chính trong thân thể mình, lão ngờ ngợ rằng những cột chống đó không lấy gì làm an toàn. Lão có thể nghe thấy những tiếng rảng rặc rất nhỏ mà những lỗ tai khác chưa tiếp nhận được – như thể những cột kèo chống đỡ trần đang rên xiết dưới sức nặng.

Một điều nữa làm tăng thêm nỗi bồn chồn của Zorba ngày hôm ấy. Đúng lúc lão sắp sửa xuống hầm thì cha Stephanos, thầy tư tế của làng cười la đi qua, hối hả phóng đến tu viện bên cạnh để làm lễ lâm chung cho một nữ tu sĩ đang hấp hối. May sao, trước khi cha đạo nói với lão, Zorba còn đủ thì giờ để nhổ xuống đất ba lần và tự véo mình.

- Chào cha! Lão nhăn nhó đáp lại lời chào của thầy tư tế, lão nói thêm, giọng hơi nhỏ hơn:

- Cầu sao lời nguyện rửa của nhà người nhắm vào ta!

Mùi than linhit và đất phèn bốc lên nồng nặc. Đám thợ đã khởi sự củng cố những xà rầm đỡ trần hầm. Zorba chào họ một cách cộc cằn, cáu kỉnh. Lão xắn tay áo lên, bắt tay vào việc.

Tuy nhiên, lão cảm thấy những sự phù phép xưa tà ma ấy vẫn chưa đủ, cho nên lão đi xuống đường hầm mới, lòng bứt rứt.

Khoảng mười hai người đang bắt đầu cuộc via mới và đánh đồng than dưới chân, những người khác lấy xẻng xúc lên những xe goòng nhỏ chở ra.

Đột nhiên, Zorba dừng lại, ra hiệu cho đám thợ dừng theo và đứng tai lên. Như người kỵ sĩ nhập làm một với con ngựa, thuyền trưởng với con tàu, Zorba cũng đã hòa đồng với mỏ. Lão có thể cảm thấy những phân nhánh của đường hầm như những mạch máu trong da thịt mình và những gì khối than đen không thể cảm thấy được, Zorba cảm thấy với sự sáng suốt hữu thức của con người.

Sau khi chăm chú lắng nghe bằng đôi tai to lông lá, lão ngó vào đường hầm. Đúng lúc đó, tôi tới. Tôi đã choàng tỉnh giấc như do một linh cảm nào đó, như có một bàn tay thúc đẩy. Tôi đã sắp sửa mặc quần áo rồi lao ra mà không hề biết tại sao mình lại hốt hơ hốt hải thế, cũng chẳng biết mình đi đâu. Nhưng, thân thể tôi đã không ngần ngại đi vào con đường dẫn tới mỏ. Tôi đến vào lúc Zorba đang lo âu lắng nghe và ngó nhìn.

- Không có gì, sau một lúc, lão nói. Có một lúc, tôi đã tưởng... Không sao. Làm việc đi, các cậu.

Lão quay lại, trông thấy tôi và liền mắ m môi:

- Sếp làm gì ở đây sớm thế?

Lão đến bên tôi.

- Sao sếp không lên trên kia hít thở chút không khí mát mẻ, sếp? Lão thì thào. Hôm khác, sếp hãy đến đây đi dạo.

- Có chuyện gì thế, Zorba?

- Chẳng có gì... Tôi hoang tưởng đấy thôi. Sáng nay ra ngõ, tôi đụng phải một ông thầy tu. Thôi, sếp đi đi.

- Nếu có gì nguy hiểm mà tôi lại bỏ đi thì thật xấu hổ.

- Phải, Zorba đáp.

- Bác có đi không?

- Không.

- Vậy thì sao tôi lại phải đi?

- Zorba phải làm gì, là một chuyện, lão bực bội đáp, những người khác phải làm gì, lại là chuyện khác! Nhưng nếu sếp cảm thấy bỏ đi là đáng xấu hổ thì sếp đừng đi. Hãy ở lại đây. Đó là việc riêng của sếp!

Lão cầm lấy một chiếc búa nặng và kiểng chân để đóng mấy cái đinh vào những xà đỡ trần. Tôi nhắc cây đèn đất ở một cái cột và đi tới đi lui trong bùn, nhìn vào vĩa than đen lấp lánh. Hẳn là hàng triệu năm trước đây, những khu rừng mênh mông đã bị nuốt chửng ở đây.

Trái đất tiêu hóa và biến đổi con cái của nó. Cây biến thành linhhit, linhhit thành than, Zorba đến...

Tôi treo trả lại cây đèn ở cái đình và quan sát Zorba làm việc: Lão hoàn toàn bị cuốn hút vào nhiệm vụ, không nghĩ đến bất cứ điều gì khác, lão hòa làm một với đất, với cây cuốc và với than. Lão liên kết với cây búa và đình trong cuộc đấu tranh với gỗ. Lão đau đớn với cái trần hầm vông xuống. Lão đấu với sườn núi để lấy than của nó bằng mưu trí và sức mạnh. Zorba có thể dò bắt trúng mạch than với một bản năng chắc chắn không thể lầm lẫn, và lão khôn khéo giáng đòn vào nhưng chỗ nó yếu nhất và có thể bị chinh phục. Và như cái bề ngoài của lão bấy giờ, mình trát đầy bùn đất, chỉ thấy hai lòng trắng con người long lanh, tôi thấy lão như ngụy trang bằng than, biến thành than để có thể tiếp cận kẻ địch bất ngờ và thâm nhập vào tuyến phòng thủ bên trong của nó.

- Hoan hô, Zorba! Tiến công đi! Tôi kêu lên, say mê trong một niềm thán phục hồn nhiên.

Nhưng thậm chí lão cũng không ngoái lại nhìn. Làm sao lúc đó lão có thể nói chuyện với một con mọt sách chỉ biết cầm trong tay một mẫu bút chì khốn khổ, thay vì quai búa? Lão đang bận, lão không muốn nói. “Đừng có nói với tôi khi tôi đang làm việc”, một buổi tối, lão bảo vậy, “tôi có thể gắt toáng lên đấy!” – “Gắt ư, Zorba? Tại sao?” “Đấy, sắp lại “tại sao” với “thế nào” rồi! Cứ như trẻ con ấy! Làm sao tôi có thể giải thích được? Tôi thường hoàn toàn bị công việc choán hết mình, căng thẳng từ đầu đến chân và gắn chặt vào đá, hay vào than, hay vào cây đàn santuri. Nếu sắp thành linh chạm vào tôi hay nói với tôi và tôi cố quay lại, tôi có thể cáu gắt. Đó, sắp hiểu chưa?”

Tôi nhìn đồng hồ. Mười giờ.

- Đã đến giờ nghỉ để ăn trưa, các bạn! Tôi mời. Các bạn làm việc quá giờ rồi.

Đám thợ lập tức ném dụng cụ vào một góc, lau mồ hôi trên mặt và chuẩn bị ra khỏi hầm. Hoàn toàn cuốn hút vào công việc, Zorba không nghe thấy gì. Ngay cả nếu có nghe thấy, lão cũng không nhúc nhích khỏi đó.

Một lần nữa, lão lại lo âu lắng nghe.

- Khoan một lát, tôi bảo đám thợ, hút thuốc đã.

Tôi lục túi trong khi anh em đứng xung quanh.

Đột nhiên, Zorba giật nảy mình. Lão dán tai vào vách ngăn của đường hầm. Dưới ánh sáng của nhiều ngọn đèn đất, tôi thấy miệng lão há hốc, rúm rỏ.

- Có chuyện gì đấy, Zorba?

Nhưng ngay lúc đó, toàn bộ trần hầm như rung lên trên đầu chúng tôi:

- Ra khỏi đây! Zorba hét, giọng khàn đi. Chạy đi!

Chúng tôi lao trở lại về phía cửa ra, nhưng chưa đến khung gỗ thứ nhất thì đã lại nghe thấy một tiếng rắc thứ hai to hơn ở trên đầu. Trong khi đó, Zorba nâng một thân cây lớn để chêm vào như một trụ chống lớp xà kép đang rạn xuống. Nếu lão nhanh tay làm kịp, cây chống có thể đỡ trần hầm thêm mấy giây nữa, cho chúng tôi đủ thì giờ chạy thoát.

- Chạy đi! Zorba lại la, những lần này giọng lão ghèn ghèn như thể phát ra từ lòng đất vậy.

Với sự nhát sợ thường xâm chiếm con người trong những lúc gay cấp, tất cả chúng tôi ào ra, quên phắt Zorba. Nhưng sau vài giây, tôi định thần lại và chạy trở vào đường hầm.

- Zorba! Tôi gào lên, Zorba!

Chỉ ít tôi cũng nghĩ là mình đã gào lên. Về sau, tôi hiểu ra rằng tiếng kêu đó không thoát ra khỏi cổ họng tôi. Cái sợ đã bóp nghẹt tiếng tôi.

Tôi xấu hổ chín người. Tôi dang hai tay nhảy bổ về phía lão. Zorba vừa dựng chắc cây trụ lớn và đang chạy trượt trên bùn về phía cửa ra. Bổ nhào bổ nhào trong bóng tối, lão va phải tôi và ngẫu nhiên chúng tôi ngã vào vòng tay nhau.

- Chúng ta phải ra khỏi đây! Lão hét lên. Chạy đi!

Chúng tôi ra tới chỗ ánh sáng. Đám thợ thất đảm đã tụ lại ở cửa hầm và đang ngó vào trong.

Chúng tôi nghe thấy một tiếng gậy vụn thứ ba to hơn, như cái cây bị đánh toác trong dông bão. Rồi thành linh một tiếng rầm ghê sợ như sấm nổ, làm rung cả sườn núi, và đường hầm sập xuống.

- Lạy Chúa toàn năng! Đám thợ thì ào, làm dấu thánh giá.

- Các người bỏ cả cuộc xêng trong đó rồi! Zorba giận dữ la.

Đám thợ nín thình. Tại sao các người không mang theo? Lão lại tức tối quát. Tôi dám chắc là các người đá ra quần! Mất toi cả đồng dụng cụ hớ?

- Ôi Zorba, đây không phải lúc buồn phiền vì mấy cái cuộc, tôi xen vào can. Ta hãy lấy làm sung sướng vì tất cả đều lành lặn nguyên vẹn! Cảm tạ bác, Zorba, vì tất cả chúng tôi chịu ơn bác cứu mạng.

- Tôi đang đói đây! Zorba nói. Đói rỗng cả ruột.

Lão lấy cái túi dết lão đã đặt trên một phiến đá, mở nắp và lấy ra một khúc bánh, ô-liu, hành, khoai tây luộc và một bầu rượu nhỏ.

- Nào, các cậu, ta ăn thôi, lão nói, miệng nhồm nhoàm.

Lão ngốn ngấu rất nhanh, như thể vừa đột ngột tiêu hao nhiều sức lực, giờ muốn bồi bổ lại.

Lão cúi đầu về phía trước mà ăn, chẳng nói chẳng rằng. Lão cầm lấy bầu rượu, ngửa cổ cho rượu chảy ừng ực xuống cuống họng khô cháy.

Đám thợ cũng lấy lại can đảm, mở túi dết và bắt đầu ăn. Họ ngồi xếp bằng quanh Zorba, vừa ăn vừa nhìn lão.

Họ muốn phủ phục dưới chân lão và hôn tay lão, nhưng họ biết lão vốn tính cộc cằn và kỳ lạ, nên không ai dám làm một cử chỉ gì.

Cuối cùng, Michelis, người lớn tuổi nhất có bộ ria rậm chớm bạc quyết định lên tiếng:

- Nếu không có thầy ở đây, thầy Alexis phúc hậu, chắc con cái chúng tôi giờ đây đã thành trẻ mồ côi.

- Im đi! Zorba nhồm nhoàm nói, và không ai dám ho he một lời nào nữa

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 10

“V ậy thì ai đã tạo ra cái mê cung ấy của phân vân do dự, cái điện thờ ấy của kiêu sa, cái bình chứa tội lỗi ấy, cái cánh đồng với muôn ngàn hạt giống lọc lừa, cái cống vào Địa Ngục, cái lãng quả đầy tràn xảo quyệt, cái thứ thuốc độc ngọt như mật ong, cái dây xích cột chặt chúng sinh vào cũi trần ai này: đàn bà?”

“V

Tôi ngồi trên mặt đất cạnh lò than, chậm rãi và lặng lẽ chép bài ca Phật giáo ấy. Tôi thử hết cách phù phép này đến cách phù phép khác, cố xua đuổi khỏi tâm trí hình ảnh một tấm thân đàn bà đắm nước mưa mà mùa thu này, đêm nào cũng đi qua đi lại trong không khí ẩm ướt trước mắt tôi với cặp mộng uốn éo. Từ khi sập hầm, hút chết, tôi cảm thấy nàng góa rạo rức trong mạch máu tôi. Nàng kêu gọi tôi như một con thú hoang, khẩn thiết và đầy trách móc.

- Đến đây! Đến đây! Nàng kêu. Cuộc đời qua mau như ánh chớp. Đến mau, mau lên, nào, kéo rồi lại quá muộn!

Tôi thừa biết đó là Mara, Đệ nhất Ác Quỷ, dưới dạng một phụ nữ đùi ngon, mộng mọng. Tôi cố chống lại. Tôi miệt mài viết cuốn Đức Phật như cách những người mộng muội trong hang lấy đá nhọn khắc hoặc dùng màu đỏ và trắng vẽ những con thú đói hung dữ rình mò quanh họ. Bằng cách

khắc và vẽ những con thú ấy, họ cũng gắng sức đóng đinh chúng thật chặt trên vách đá.

Nếu họ không làm thế, chúng sẽ nhảy tới vỗ họ.

Từ hôm tôi suýt bị đất đá đè chết, nàng sương phụ không ngừng qua lại trong không khí hùng hực bao trùm nỗi cô đơn của tôi, vẫy gọi tôi và đánh mông gọi tình.

Ban ngày, tôi mạnh, đầu óc linh lợi và tôi có thể đánh bật nàng ra. Tôi viết chuyện Ma Vương cải dạng hiện ra trước Đức Phật như thế nào, nó hóa thành đàn bà áp đôi vú rắn chắc vào đầu gối nhà tu khổ hạnh ra sao, làm thế nào Đức Phật thấy được hiểm nguy huy động tất cả năng lực và đánh bại Ma Vương.

Mỗi câu tôi viết đều khiến tôi thêm nhẹ nhõm, tôi can đảm lên, tôi cảm thấy Ma Vương đang rút lui, bị xua đuổi bởi phép màu trừ tà của ngôn ngữ. Ban ngày, tôi chiến đấu với tất cả sức lực mình, nhưng ban đêm, tâm trí tôi buông vũ khí, cửa lòng bỏ ngõ và sương phụ lên vào.

Sáng ra, tôi thức giấc, đại bại và kiệt lực. Và cuộc đấu tranh lại bắt đầu. Khi tôi ngẩng đầu lên khỏi tập giấy thì đã xế chiều, ánh sáng bị xua đi, bóng tối đột ngột chụp lấy tôi. Ngày ngắn dần. Sắp tới Noël. Với tất cả sức lực, tôi lao vào cuộc đấu. Tôi tự nhủ: ta không đơn độc. Một sức mạnh lớn, ánh sáng ban ngày, cũng chiến đấu, cũng có khi thất bại, khi chiến thắng. Nhưng nó không hề tuyệt vọng. Ta cùng tranh đấu và cùng hy vọng với ánh sáng!

Tôi thấy hình như – và ý nghĩ này khiến tôi thêm can đảm – trong khi chiến đấu chống lại nàng góa, tôi cũng tuân theo một nhịp điệu chung vĩ đại. Tôi nghĩ: vật chất xảo quyết đã chọn cái thân thể này để làm nguội dân và dập tắt ngọn lửa le lói trong tôi. Tôi tự nhủ: cái sức mạnh bất diệt biến vật chất thành tinh thần, là thuộc về thần thánh. Mỗi người mang trong

mình một yếu tố của cơn lốc thần thánh và vì thế, có thể chuyển hóa bánh mì, nước uống và thịt thành tư tưởng và hành động. Zorba có lý: “Cho tôi biết anh làm gì với cái anh ăn, tôi sẽ nói cho anh biết anh là người như thế nào”.

Và như thế, tôi lao tâm khổ tứ ra sức biến cái ham muốn nhục dục mãnh liệt ấy thành truyện Đức Phật.

- Sếp nghĩ gì vậy, sếp? Trông sếp như lạc thần trí, Zorba nói với tôi vậy vào đêm Noël. Lão tinh ý, biết tôi đang phải đấu với con quỷ nào.

Tôi giả bộ không nghe thấy. Nhưng Zorba đâu có bỏ cuộc dễ dàng thế.

- Sếp còn trẻ, sếp ạ, lão nói.

Rồi đột nhiên, giọng lão trở nên chua chát và giận dữ.

- Sếp còn trẻ và khá mạnh mẽ dẻo dai, sếp ăn uống tốt, hít thở không khí sáng khoái của biển và tích lũy năng lượng – nhưng thử hỏi sếp làm gì với tất cả những cái đó? Sếp ngủ một thân một mình, thật đáng tiếc cho những năng lượng ấy! Đêm nay, sếp đến đó đi – phải, đừng dẫn đo mất thì giờ nữa! Sếp ạ, mọi sự ở thế gian này đều đơn giản. Tôi phải nói với sếp bao nhiêu lần nữa? Cho nên đừng có làm phức tạp sự đời!

Bản thảo cuốn Đức Phật để mở trước mặt tôi và tôi lật từng trang trong khi nghe Zorba nói; tôi ý thức rằng những lời đó chỉ cho tôi một con đường đi đảm bảo, hấp dẫn và rất người. Lại là quỷ Mara, tên ma-cô xảo trá, lên tiếng gọi lần nữa.

Tôi lắng nghe, không nói một lời, và tiếp tục chậm rãi giở các trang bản thảo. Tôi huyết sáo để che giấu xúc động. Nhưng thấy tôi không nói, Zorba chột kêu toáng lên.

- Đêm nay là đêm Giáng Sinh, bạn ơi, mau lên, hãy đến trước khi nàng đi lễ nhà thờ. Đêm nay, Chúa Kitô ra đời, sếp ạ, sếp cũng phải đi mà ra tay làm phép lạ chứ!

Tôi bực mình đứng dậy.

- Đủ rồi, Zorba, tôi nói. Mỗi người đi theo khuynh hướng riêng của mình. Con người giống như một cái cây. Có bao giờ bác cãi lộn với cây và vì nó không ra quả anh đào không? Vậy thì chấm dứt nhé! Sắp nửa đêm rồi, ta hãy đến nhà thờ để chính mắt xem Chúa ra đời.

Zorba kéo chiếc mũ dày mùa đông lên đầu.

- Thôi được, lão nói, về khổ sở. Nào thì đi! Nhưng tôi muốn sếp nên biết rằng Chúa Trời sẽ hài lòng hơn nhiều nếu sếp đến nhà mẹ góa đêm nay như thượng đẳng thiên thần Gabriel. Nếu trước kia Chúa Trời cũng đi theo con đường như sếp thì Người ắt chẳng bao giờ tới được nhà Đức Mẹ Mary và Chúa Kitô ắt chẳng bao giờ giáng sinh. Nếu sếp hỏi tôi Đức Chúa Trời đã theo con đường nào, tôi xin thưa: con đường dẫn đến nhà Mary.

Mary chính là nàng góa đó.

Lão lặng lẽ và hoài công chờ tôi trả lời. Lão đẩy cửa bước ra ngoài. Lão giận dữ đập đầu chiếc can xuống sỏi.

- Phải, lão khẳng khẳng nhắc lại, Mary chính là nàng góa.

- Nào ta đi! Tôi nói. Đừng có lớn tiếng.

Chúng tôi sải bước nhanh trong đêm đông. Trời trong vắt, sao lơ lửng trên không trung, thấp và to như những quả cầu lửa. Trong khi chúng tôi đi dọc theo bờ biển, đêm giống như một con thú lớn đen sì nằm dài bên mé nước.

“Từ đêm nay”, tôi tự nhủ “ánh sáng mà mùa đông đã đẩy lùi sẽ bắt đầu chiến thắng. Như thế nó sinh ra đêm nay cùng với Chúa Hài Đồng”.

Tất cả dân làng chen chúc trong lòng nhà thờ ấm áp và thơm ngát. Đàn ông đứng đằng trước và đàn bà chấp tay đứng đằng sau. Thầy tư tế Stephanos cao lớn đang trong một tình trạng bực tức sau tuần chay bốn mươi ngày. Vận chiếc áo lễ nặng bằng vàng, ông sai căng chạy lăng xăng đây đó, vung vẩy chiếc bình hương, hát hết cỡ giọng và chỉ mong cho chóng đến lúc Chúa ra đời để về nhà chén món xúp đậm đặc, xúc xích thơm ngon và thịt sậy. Nếu Kinh Thánh viết: “Hôm nay, ánh sáng ra đời” trái tim con người ắt chẳng rộn ràng xúc động. Cái ý ấy ắt chẳng trở thành một huyền thoại và chinh phục thế giới. Nó chỉ mô tả một hiện tượng vật lý bình thường và ắt đã chẳng kích thích trí tưởng tượng của chúng ta – tôi muốn nói linh hồn chúng ta. Nhưng cái ánh sáng ra đời giữa mùa đông lại trở thành một hài nhi và hài nhi đó lại trở thành Chúa trời, và đã hai mươi thế kỷ nay, linh hồn chúng ta nuôi nấng nó...

Nghi thức thần bí chấm dứt sau nửa đêm một chút.

Chúa Khô đã giáng sinh. Dân làng, sung sướng nhưng đói mềm, chạy về nhà để ăn tiệc và cảm thấy tận đáy ruột cái huyền bí trong sự hiện thân của Chúa. Cái bụng là nền móng vững chắc; bánh mì, rượu, thịt là những thứ thiết yếu đầu tiên; chỉ bằng bánh mì, rượu và thịt, người ta mới tạo ra Chúa trời được.

Sao lấp lánh, to lớn như thiên thần, trên mái vòm màu trắng của nhà thờ. Dải Ngân Hà như một dòng sông vắt ngang bầu trời từ bên này sang bên kia. Một vì sao xanh biếc nhấp nháy trên đầu chúng tôi như một viên ngọc bích. Tôi thở dài, tràn ngập xúc động.

Zorba quay sang hỏi:

- Sếp này, sếp có tin thế không? Tin rằng Chúa Trời hiện thân thành người và ra đời trong một cái chuồng bò? Sếp có tin thế không, hay sếp chỉ giễu chúng tôi mà thôi?

- Thật khó nói, Zorba ạ, tôi đáp. Tôi không thể khẳng định là mình tin mà cũng không thể phủ định. Còn bác thì sao?

- Tôi cũng không thể nói là tôi tin. Dù chết tôi cũng không thể nói vậy. Sếp biết đấy, dạo bé nghe bà tôi kể truyện cổ tích tôi không tin một lời nào. Ấy thế mà tôi vẫn run lên vì xúc động, tôi cười và tôi khóc, y như thể tôi tin đó là thật. Khi cảm tôi mọc râu, tôi bỏ hẳn những truyện ấy, thậm chí còn hay cười giễu nữa; nhưng bây giờ về già – có lẽ tôi đâm ẻo ợt, phải không, sếp. – cách nào đó, tôi lại tin những truyện ấy... Con người thật không thể hiểu nổi!

Từ này chúng tôi đã đi theo con đường dẫn đến nhà mađam Hortense và lúc này chúng tôi bắt đầu phóng như hai chú ngựa đói đánh hơi thấy tàu ngựa.

- Những ông cha linh hồn thật lấu cá, sếp thấy không! Zorba nói. Họ nắm bao tử mình, vậy làm sao mình thoát được. Trong bốn mươi ngày, họ bảo, các con không được ăn thịt, không được uống rượu: chỉ ăn chay thôi. Tại sao? Để cho ta thèm rượu, thèm thịt đến héo hon mòn mõi. Ôi, những con lợn béo ị ấy, họ biết mọi ngón của trò chơi!

Lão càng đi nhanh hơn nữa.

- Mau lên, sếp, lão nói. Con gà tây hẳn vừa chín tới.

*

Khi chúng tôi tới phòng bà chủ tốt bụng của chúng tôi, căn phòng có cái giường lớn đầy cảm dỗ, chúng tôi thấy bàn ăn phủ một tấm khăn trắng và

trên đó là con gà tây bốc hơi nằm ngửa, hai chân giạng ra. Lò than tỏa ra một hơi nóng êm dịu.

Madam Hortense đã cuộn tóc xong, mũ mặc chiếc áo dài màu hồng lọt với ống tay thụng và đăng-ten đã sờn. Quanh cái cổ nhăn nheo là một dải ruy-băng màu vàng hoàng yến rộng khoảng hai ngón tay. Người mũ sức dầm nước hoa cam.

Mọi sự trên thế gian này sao mà tương hợp tới mức hoàn hảo, tôi nghĩ thầm. Sao mà thế gian xứng hợp đến thế với tâm hồn con người! Ngày đây, mũ ca kĩ già từng sống một cuộc đời hết sức phóng dăng và nay, trôi giạt đến bờ biển hiu quạnh này, mũ tập trung trong căn phòng khốn khổ này tất cả trữ lượng nồng ấm và ân cần thần thánh của chất nữ.

Bữa tiệc thịnh soạn và chuẩn bị chu đáo, lò than hồng, tấm thân trang điểm son phấn, mùi nước hoa cam – tất cả những lạc thú vật chất nhỏ bé và rất người ấy sao mà nhanh chóng và đơn giản biến thành một niềm vui tâm linh lớn!

Tim tôi bỗng nhiên đập rộn trong lồng ngực. Trong cái buổi tối long trọng này, tôi cảm thấy mình không hoàn toàn cô đơn Ở đây, trên dải bờ biển hoang vu này.

Một con người đầy nữ tính hiến dâng, dịu dàng và kiên nhẫn đang đi đến với tôi: nàng là mẹ, là chị gái, em gái, là vợ. Và tôi trước nay vốn nghĩ mình chẳng cần gì, chợt cảm thấy mình cần tất cả.

Zorba chắc cũng cùng chung một cảm xúc như vậy, vì chúng tôi vừa vào buồng là lão lao ngay tới mũ ca kĩ phấn son lòe loẹt và ôm ghì lấy mũ.

- Chúa Khô đã giáng sinh! Lão kêu lên. Xin chào nàng, giống cái!

Lão quay sang tôi, cười.

- Thấy không, sếp, đàn bà thật là một sinh vật ranh ma! Đến Thượng đế họ cũng có thể mơn trớn phỉnh phờ được!

Chúng tôi ngồi vào bàn và ngẫu nhiên ăn uống.

Thế xác chúng tôi thỏa mãn và linh hồn rạo rức khoái cảm. Zorba lại trở nên hoạt bát.

- Ăn uống đi, lão luôn miệng kêu lớn. Nhậ nhệ đi, sếp, và sôi nổi lên. Hát lên, sếp, ông bạn cũng phải hát như bọn mục đồng: “Vinh danh cái gì cao nhất... Vinh danh cái gì thấp nhất...” Chúa Kitô đã ra đời, đó là một điều ghê gớm, sếp biết đấy. Cất tiếng hát lên cho Chúa trời nghe thấy và hoan hỉ.

Lão đã hoàn toàn phấn chấn trở lại và không cách nào hãm được lão.

- Chúa Kitô đã ra đời, Solomon thông tuệ của tôi, nhà cạo giấy khôn khổ của tôi! Đừng có quá tử mẫn! Người có ra đời hay không? Tất nhiên là có, đừng có dở hơi. Nếu ta lấy một cái kính hiển vi soi vào nước ta uống – một hôm có tay kỹ sư bảo tôi thế – ta sẽ thấy, y nói, nước đầy những con bọ li ti mắt thường nhìn không thấy. Trông thấy bọ, sếp sẽ không dám uống. Không dám uống thì rồi chết khát. Đập nát cái kính hiển vi đi, sếp, lũ bọ li ti sẽ biến mất và sếp có thể uống cho đỡ khát.

Lão quay sang người bạn lòn lẹt của chúng tôi, nâng ly rượu đầy và nói:

- Bouboulina rất thân yêu của tôi, cựu chiến hữu của tôi, tôi xin nâng ly này chúc mừng em! Tôi đã từng thấy nhiều hình chạm ngư nữ trong đời, chúng được gắn ở những mũi tàu, tay ôm ngực, môi má sơn đỏ chót. Chúng lên đênh khắp các mặt biển, vào mọi hải cảng và khi tàu mục nát, chúng lên đất liền và cho đến mãn kiếp, nằm lì dựa vào tường một quán rượu dân chài, nơi các thuyền trưởng thường tới nhậu. Bouboulina của tôi, đêm nay, trên bờ biển này, khi bụng đã đầy những rượu ngon thịt béo và mắt mở to,

tôi thấy em giống như hình chạm ở mũi một con tàu lớn. Và tôi là hải cảng cuối cùng em ghé vào, tôi là quán rượu các thuyền trưởng viễn dương thường tới nhậu. Hãy lại đây, dựa vào tôi, hạ buồm xuống! Tôi uống ly rượu vang Crete này mừng em, nàng tiên cá của tôi!

Xúc động và khuất phục, madam Hortense ngả đầu vào vai Zorba, bắt đầu khóc.

- Sếp cứ xem đấy, Zorba thì thắm vào tai tôi, bài diễn từ hoa mỹ của tôi sắp gây rắc rối cho tôi. Đêm nay vợ sẽ không chịu thả cho tôi đi đâu. Nhưng, sếp biết đó, tôi vốn hay ái ngại cho những kẻ tội nghiệp, phải, tôi thương hại họ! Chúa Kitô đã ra đời! Lão hô to với nàng tiên cá của lão. Chúc sức khỏe chúng ta!

Lão luồn cánh tay xuống dưới cánh tay nữ chủ nhân của chúng tôi và họ nốc một hơi cạn ly, hai cánh tay quấn lấy nhau, mắt nhìn mắt say đắm.

Trời hửng đã gần sáng khi tôi để hai người lại căn phòng ngủ xinh xắn ấm áp với chiếc giường và lên đường trở về. Dân làng đã ăn uống no say và giờ đây, thôn làng ngủ yên, cửa đóng then cài dưới màn sao mùa đông.

Trời rét, sóng biển gầm, ngôi sao mai tinh nghịch nháy mắt ở đằng đông. Tôi men theo mé nước, đùa nghịch với sóng. Sóng ào lên định té ướt tôi và tôi chạy giạt né tránh. Tôi sung sướng và tôi tự nhủ: “Đây là hạnh phúc thực sự: không tham vọng gì hết mà vẫn làm việc như trâu ngựa, tựa hồ có mọi tham vọng. Sống xa mọi người, không cần đến họ, mà vẫn thương yêu họ. Tham gia các cuộc vui nhân lễ Giáng Sinh và sau khi ăn uống no say, trốn đi một mình, xa mọi cạm bẫy, có cả trời sao trên đầu, biển ở bên phải và đất liền bên trái, và đột nhiên, ý thức ra rằng trong tim ta, cuộc đời đã hoàn thành phép màu tối hậu của nó: nó đã trở thành một truyện thần tiên”.

Ngày lại ngày trôi qua. Tôi cố gắng làm ra vẻ kiên cường. Tôi hò hét và làm trò hề, nhưng trong thâm tâm, tôi biết mình buồn. Trong cả tuần lễ hội hè này, những hồi ức trời dậy và dâng đầy ngực tôi tiếng nhạc xa xưa cùng hình ảnh những người yêu dấu. Một lần nữa, tôi thấm thía cái chân lý của câu tục ngữ cổ: “Tim người là một con mương đầy máu”. Những người thân yêu quá cố lao mình xuống bờ con mương này để uống máu và nhờ đó lại hồi sinh; họ càng thân thiết với ta bao nhiêu họ càng uống máu ta nhiều bấy nhiêu.

Đêm cuối năm. Một bầy trẻ làng mang một con tàu giấy lớn đến kề chúng tôi và cất giọng lạnh lốt, vui vẻ hát khúc Kalanda ([35]).

Thánh Basil vĩ đại từ thành phố quê hương Caesarea đến...

Ngài đứng đây trên cái bãi nhỏ của đạo Crere này, bên biển một màu xanh chàm. Ngài tựa lên cây trượng và cây trượng đột nhiên đầy hoa lá. Bài hát năm mới vang lên.

Chúc các đạo hữu Cơ Đốc một năm mới hạnh phúc!

Gia chủ, cầu cho nhà ngài đầy lúa, dầu ô-liu và rượu vang;

Cầu sao phu nhân thành cây cột trụ bằng cẩm thạch chống đỡ mái nhà;
Cầu cho lệnh nữ lấy chồng, sinh chín trai một gái;

Cầu sao đàn trai ấy giải phóng Constantinople, kinh thành của các vua ta!

Zorba lắng nghe, mê say. Lão vợ lấy cái trống của lũ trẻ, đánh như điên.

Tôi lặng lẽ nhìn và nghe, không nói gì. Tôi cảm thấy một chiếc lá nữa rớt khỏi tim tôi; lại một năm trôi qua: Tôi tiến thêm một bước nữa về phía cái vực đen ngòm.

- Sếp làm sao thế? Zorba hỏi trong quầng ngừng giữa lúc nện trống và hát hết cỡ giọng cùng lũ trẻ. Làm sao thế, ông bạn? Nom sếp già đi đến mấy tuổi, mặt thì xám ngoét. Giữa lúc tôi lại trở thành một thằng bé con, tôi lại sinh ra lần nữa như Chúa Kitô. Chẳng phải mỗi năm Người lại sinh ra một lần đó sao? Tôi cũng thế!

Tôi nằm vào giường, nhắm mắt lại. Đêm nay, lòng tôi đang ở trong một trạng thái cuồng dại; tôi không muốn nói.

Tôi không ngủ được. Tôi cảm thấy tôi phải minh giải mọi hành động của mình ngay đêm nay. Tôi duyệt lại toàn bộ đời tôi, thấy nó nhạt nhẽo, không đâu vào đâu và phân vân như mộng tưởng. Tôi chiêm ngẫm nó một cách tuyệt vọng. Như một đám mây xốp bị gió trên cao thốc tới, đời tôi luôn luôn chuyển dạng. Nó tan rồi lại hợp, biến hình – nó lần lượt là một con thiên nga, một con chó, một con quý, một con bọ cạp, một con khi – và đám mây không ngừng bị xé tả tơi. Gió trời xô nó đi, quyen sắc, cầu vồng.

Rạng sáng. Tôi không mở mắt. Tôi đang ráng tập trung hết sức lực vào điều khao khát cháy bỏng là đột phá cái vỏ cứng của tâm trí để dẫn sâu vào dòng kênh tối tăm, nguy hiểm cuốn trôi từng giọt người ra hòa với đại dương. Tôi đang háo hức muốn xé toang tấm màn để xem năm mới sẽ mang đến cho tôi những gì.

- Chào sếp. Chúc năm mới hạnh phúc!

Tiếng Zorba kéo tôi về trái đất một cách thô bạo. Tôi mở mắt vừa đúng lúc để trông thấy Zorba ném qua cửa lều một quả lựu to tướng. Những hạt của nó trong như hồng ngọc bắn ra đến tận giường tôi. Tôi nhặt mấy hạt, ăn, thấy mát đến tận cổ họng.

- Tôi mong sao chúng ta hốt bạc cho các kiều nữ cướp đi! Zorba vui vẻ kêu lên. Lão đã tắm rửa, cạo râu nhẵn nhụi và mặc bộ đồ đẹp nhất – quần vải xanh lam và vét tông vải thô dệt lấy, ngoài khoác thêm một chiếc áo da

dê lớt một nửa. Lão đội chiếc mũ Nga chòm đầu bằng lông cừu caracun và vuốt ria vênh lên.

- Sếp này, lão nói, tôi sắp làm một cuộc ra mắt ở nhà thờ với tư cách là đại diện Công ty. Để họ nghĩ chúng ta là hội viên Hội Tam Điểm thì chẳng có lợi cho mỏ. Tôi sẽ chẳng mất gì, mà lại có trò tiêu khiển.

Lào cúi xuống và nháy mắt. Có thể tôi sẽ gặp mụ góa ở đó cũng nên, lão thì thầm.

Lạy Chúa, lợi ích của Công ty và sường phụ kết hợp hài hòa trong tâm trí Zorba. Tôi nghe thấy tiếng chân lão xa dần. Tôi vùng dậy. Bùa phép đã mất thiêng, hồn tôi lại bị nhốt trong nhà tù vỏ xác lần nữa.

Tôi mặc quần áo và đi xuống bờ nước. Tôi rảo bước. Tôi vui vẻ như vừa thoát khỏi một hiểm nguy hoặc một tội lỗi. Mong ước tọc mạch của tôi định đôi mắt tò mò tìm hiểu trước tương lai bỗng có vẻ như một tội phạm thánh.

Tôi nhớ lại một buổi sáng tôi phát hiện thấy một cái kén trong vỏ một thân cây, đúng lúc con bướm đục thủng màng bọc, sắp sửa chui ra. Tôi đợi một lúc, nhưng mãi không thấy nó xuất hiện và tôi đâm nôn nóng. Tôi bèn cúi xuống, hà hơi sưởi ấm nó. Tôi cố sưởi ấm nó thật nhanh và phép lạ bắt đầu diễn ra trước mắt tôi, nhanh hơn quy luật tự nhiên. Màng bọc mở, con bướm từ từ bò ra và mãi mãi tôi không thể quên được nỗi khiếp hãi của mình khi thấy đôi cánh nó rúm ró gập lại phía sau; con bướm khốn khổ run rẩy toàn thân cố mở cánh ra. Tôi cúi xuống ráng sức thổi nhằm trợ giúp nó. Vô ích. Nó cần phải nở từ từ trong kiên nhẫn và sự xòe mở đôi cánh phải là một quá trình tiệm tiến dưới ánh mặt trời. Hơi thở của tôi đã thúc bách con bướm xuất hiện hoàn toàn rúm ró, trước hạn kỳ. Nó giãy giữa tuyệt vọng và mấy giây sau, nó chết trong lòng bàn tay tôi.

Cái thi thể nhỏ xíu đó, tôi tin chắc thế, là điều đê nặng nhất trên lương tâm tôi. Vì giờ đây, tôi nhận chân ra rằng vi phạm những quy luật lớn của

tự nhiên là một trọng tội. Ta không nên vội vàng, ta không nên nôn nóng, mà phải tin thành tuân theo nhịp điệu vĩnh cửu.

Tôi ngồi trên một phiến đá để ngẫm nghĩ cái ý nghĩ đầu năm ấy. Ôi, giá con bướm nhỏ ấy có thể luôn luôn bay rập rờn trước mặt để chỉ lối cho tôi!

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 11

Tôi đứng lên, sung sướng như vừa nhận được quà năm mới. Gió lạnh, trời trong sáng, biển lấp lánh.

T

Tôi theo con đường vào làng. Lúc này, chắc lễ Mi sa đã xong. trong khi dẫn bước, tôi băn khoăn tự hỏi với một xúc động phi lý: ai sẽ là người đầu tiên – may mắn hay xúi quẩy – mình sắp gặp trong ngày đầu năm này?

Giá gặp được một cháu bé tay ôm đầy đồ chơi năm mới, tôi thầm ước, hay một ông già nằng nổ mặc sơmi trắng ống tay thêu, mãn nguyện và tự hào vì đã can đảm hoàn thành bốn phần trên cõi trần. Càng tiến thêm và càng gần tới làng, tôi càng thấy xao xuyến.

Thình lình, đầu gối tôi bủn rủn. Dưới hàng cây ô- liu, nhún nhảy bước đi trên đường làng, hiện ra cái dáng thon thả, kiêu diễm của sương phụ trong y phục màu đỏ với chiếc khăn đen chít trên đầu.

Dáng đi uyển chuyển của nàng đúng là dáng đi của một con báo đen và tôi có cảm giác như một mùi thơm hăng hắc của xạ hương đang nhẹ tỏa trong không khí. Giá tôi có thể trốn đâu được! Tôi cảm thấy con thú này lúc nổi giận sẽ hết sức tàn bạo và điều duy nhất nên làm là cao chạy xa bay. Nhưng bằng cách nào? Nàng góa đang đều bước tiến lại gần. Lốp sỏi như

đang lạo xạo cơ hồ có cả một đoàn quân diễu hành qua. Nàng trông thấy tôi, nguẩy đầu, chiếc khăn tụt xuống để lộ mái tóc đen óng như mun. Nàng gửi đến tôi một cái nhìn lơ lả và một nụ cười. Mắt nàng có một vẻ dịu dàng man dại. Nàng vội vàng sửa lại khăn, như thể xấu hổ vì đã để tôi nhìn thấy một trong những bí mật sâu thẳm nhất của đàn bà: mái tóc.

Tôi muốn nói với nàng, chúc nàng một năm mới tốt lành, nhưng cổ họng tôi tắc lại như cái hòm sập hầm, tính mạng tôi bị đe dọa. Lớp sậy bao quanh vườn nàng lay động trong gió, ánh nắng mùa đông rớt trên những trái cam và chanh vàng ối trong vòm lá tối sẫm. Cả khu vườn lộng lẫy tựa Thiên đàng.

Sương phụ dừng lại, vươn tay ra đẩy cổng. Đúng lúc ấy, tôi đi qua chỗ nàng. Nàng quay lại và nhướn cặp lông mày, đăm đăm nhìn tôi.

Nàng để ngõ cổng và tôi thấy nàng khuất sau rặng cam, vừa đi vừa đánh móng núng nính.

Vào qua cái cổng này, cài then lại, chạy theo ôm ngang eo nàng và lẳng lẳng nói chẳng rằng, kéo nàng tới cái giường góa phụ rộng mênh mông của nàng, ứng xử như vậy mới gọi là đáng mặt nam nhi! Đó là điều mà ông nội tôi ắt đã làm và tôi hy vọng cháu nội tôi cũng sẽ làm thế! Nhưng tôi cứ đứng đực ra đó như trời trồng, cân nhắc và suy nghĩ.

“Kiếp sau”, tôi lẩm bẩm với một nụ cười chua chát, “kiếp sau, ta sẽ ứng xử khá hơn thế này!”

Tôi đi sâu vào hẻm núi xanh, cảm thấy tâm hồn nặng trĩu như vừa phạm một trọng tội. Tôi lang thang đi lui đi tới. Trời rét và tôi run lẩy bẩy. Tôi hoài công xua đuổi khỏi ý nghĩ đôi móng đong đưa, nụ cười, ánh mắt và bộ ngực nàng góa, chúng vẫn trở lại làm tôi ngạt thở.

Cây cối chưa ra lá, nhưng những lộc non đã đầy nhựa, căng phồng đến độ muốn nứt ra. Người ta có thể cảm thấy ở mỗi lộc non sự hiện diện tập

trung của những mầm mới, hoa trái tương lai đang chờ đợi và sẵn sàng bùng nổ ra ánh sáng. Giữa mùa đông, ngày và đêm, phép lạ vĩ đại của mùa xuân đang được lặng lẽ và bí mật chuẩn bị dưới lớp vỏ cây khô.

Đột nhiên, tôi bật lên một tiếng reo vui. Trước mặt tôi, ở một chỗ trũng kín gió, một cây hạnh đào táo bạo đã nở rộ hoa ngay giữa mùa đông, tiên phong dẫn đường cho tất cả những cây khác và báo hiệu sắp sang xuân.

Cái cảm giác ngạt thở của tôi biến mất. Tôi hít thật sâu mùi hương hơi cay cay của nó. Tôi tới đường cái, đến ngòi dưới những cành nở hoa của nó.

Tôi ngồi lại đó hồi lâu, không nghĩ gì hết, thanh thoát và sung sướng. Đây là cõi vĩnh hằng và tôi đang ngồi dưới một gốc cây nơi Thiên đàng.

Chợt một giọng oang oang thô lỗ hất tôi trở về thực tại.

- Sếp làm cái gì mà ru rú ở trong đó, sếp? Tôi đi tìm sếp khắp nơi khắp chốn. Sắp đến mười hai giờ trưa rồi, đi thôi!

- Đi đâu?

- Đi đâu ư? Sếp còn phải hỏi tôi đi đâu ư? Cố nhiên là đến nhà mẹ Lợn Sữa! Sếp không đi sao? Con lợn sữa đã ra khỏi lò! Thơm ơi là thơm... làm cháy cả nước dãi! Đi nào.

Tôi đứng dậy, vuốt ve cái thân cứng của cây hạnh đào chứa biết bao điều bí ẩn và đã hoàn thành cái phép màu trở hoa này. Zorba đi trước, chân bước thoăn thoắt, bụng đói mà khoái hoạt. Những nhu cầu cơ bản của con người ăn, uống, đàn bà và nhảy múa – không bao giờ cạn hoặc lờn đi trong thân thể tráng kiện và cuồng nhiệt của lão.

Lão đang cầm trong tay một gói bệt bọc giấy hồng và buộc bằng một sợi dây vàng.

- Quà năm mới à? Tôi mỉm cười hỏi.

Zorba cười to, cố che giấu xúc động.

- À, cốt sao mục ấy không có lý do gì để phàn nàn thôi, tội nghiệp mục! Lão nói, không quay lại. Cho mục nhớ lại thời oanh liệt đã qua... Mục là đàn bà chúng ta chẳng thường hay nói thế là gì? – do đó, là một sinh vật luôn luôn than thân trách phận...

- Một tấm ảnh?

- Rồi sắp sẽ thấy... rồi sắp sẽ thấy; đừng có vội vàng quá như vậy! Cái này, tôi tự tay làm. Đi nào, ta nên nhanh chân lên.

Nắng trưa rực rỡ làm niềm vui thấm vào tận xương.

Biển cũng sung sướng sưởi ấm dưới mặt trời. Xa xa, hòn đảo nhỏ xíu không cư dân bao bọc trong làn sương mỏng, nom như nhô lên khỏi mặt biển và đang bập bênh trôi.

Chúng tôi gần đến làng và Zorba tiến lại sát bên tôi hạ giọng:

- Sếp biết đấy, lão nói, lúc này “đương sự” có ở nhà thờ. Tôi đang đứng trước, cạnh người điều khiển ban ca thì bỗng nhiên thấy các tượng thờ sáng rực lên. Chúa Khô, Đức Bà Đồng Trinh, Mười Hai Vị Thánh Tông Đồ, tất cả đều lấp lánh... “Chuyện gì xảy ra vậy?” Tôi vừa làm dấu vừa tự hỏi. “Có phải tại nắng không nhỉ?” Tôi quay lại – thì ra đó là nàng góa!

- Thôi, thôi, Zorba. Thế là đủ rồi, tôi vừa nói vừa rảo bước.

Nhưng Zorba chạy theo.

- Sếp ạ, tôi nhìn thấy mục ngay bên cạnh. Mục có một nốt ruồi trên má đủ làm ta phát cuồng lên. Lại thêm một điều bí ẩn: nốt ruồi trên má đàn bà!

Lão giương to mắt, vẻ sừng sốt.

- Sếp có để ý không? Da đang mịn màng, trơn mượt, dùng một cái mọc lên một chấm đen. Chà, chỉ cần chùng nấy thôi! Thế là người ta hóa rồ hóa dại! Sếp có hiểu được không? Sách vở nói gì về chuyện ấy?

- Thây kệ sách vở!

Zorba cười, đắc ý.

- Có thể chứ! Lão thốt lên. Có thể chứ. Sếp bắt đầu tỉnh ra đấy...

Chúng tôi không dừng lại ở quán cà phê mà rảo bước tiếp.

Nữ chủ nhân tốt bụng của chúng tôi đã quay một con lợn sữa trong lò để thết khách và đang chờ chúng tôi trên bậc cửa.

Một lần nữa, mụ lại quấn một dải băng màu hoàng yến quanh cổ và cứ trông thấy mụ như vậy – trát bụi phấn, môi đắp dày cộm một lớp son đỏ chói – cũng đủ làm mất tinh thần bất kỳ ai. Phải chăng mụ thực sự là một hình chạm ở mũi tàu? Vừa thấy hai chúng tôi, toàn bộ khối thịt nơi mụ dường như phớn phở rung rinh lên, cặp mắt nhỏ nhấp nháy ranh mãnh và dán chặt vào bộ ria vênh lên của Zorba.

Cửa ngoài vừa đóng lại, Zorba liền ôm lấy eo mụ.

- Chúc mừng năm mới, Bouboulina của tôi! Lão nói. Nhìn xem tôi mang đến cho em cái gì này!

Và lão hôn cái cổ mập nhéo của mụ.

Ngư nữ già cảm thấy nhồn nhột một lát nhưng vẫn tỉnh táo. Mắt mụ dán vào gói quà. Mụ chộp lấy tháo sợi dây vàng, nhìn vào trong và reo lên một tiếng vui thích.

Tôi cúi về phía trước để xem đó là cái gì: trên một miếng các tông dày, lão Zorba ranh ma đã vẽ bằng bốn màu đỏ, vàng, xám, đen bốn chiếc thuyền lớn giăng cờ lướt trên một mặt biển màu xanh chàm. Phía trước những chiến thuyền dập dềnh trên sóng, là một nàng tiên cá hoàn toàn khỏa thân, trắng ngần, tóc bay bay, ngực phơi ra, với một cái đuôi cá xoắn ốc: madam Hortense cổ quấn dải băng vàng! Mụ cầm bốn sợi dây, kéo theo sau bốn chiến thuyền treo cờ Anh, Nga, Pháp và Ý. Ở bốn góc của bức tranh phát phơ bốn bộ râu, một hoe vàng, một hung đỏ, một xám và một đen. Mụ ca kỹ già hiểu ngay lập tức.

- Tôi đây! Mụ nói, hãnh diện chỉ vào nàng tiên cá.

Mụ thở dài.

- Ôi, ngày xưa, tôi cũng đã từng là một Đại Cường Quốc!

Mụ chuyển một tấm gương tròn nhỏ trên đầu giường gần cái lồng vẹt ra chỗ khác và treo bức tranh của Zorba thế vào. Dưới lớp phấn dày, mặt mụ hẳn đã tái đi.

Trong khi đó, Zorba đã lên vào bếp. Lão đói. Lão bưng cái đĩa đựng con lợn sữa ra, đặt một chai rượu vang lên bàn ngay trước mặt mình và rót đầy ba ly.

- Nào, ăn, ăn, ăn đi thôi! Lão nói, vỗ hai tay vào nhau. Ta hãy bắt đầu từ cơ sở là cái bụng. Sau đó, cứng nhĩ, ta sẽ lo đến cái gì ở bên dưới.

Nhưng không khí bị những tiếng thở dài của ngư nữ làm xáo động. Mỗi lần sang năm mới, mụ cũng có một ngày Tận thế nhỏ bé của riêng mình... mụ điếm lại đời mình, cân nhắc đánh giá và thấy nó đầy thiếu hụt.

Trong cái đầu mỗi ngày tóc một thưa đi của mụ ca kỹ về già, những thành phố lớn, những người đàn ông, những chiếc áo váy lụa, những chai

sâm banh và những bộ râu xúc nước hoa thơm phức trối dậy từ nắm mồ ký ức mù vào tất cả những dịp long trọng.

- Tôi không thấy đói, mù thì thầ, yếu điệ. Không đói tí nào... không đói tí nào...

Mù quỳ gối trước lò, cời than, đôi má xệ phản chiếu ánh lửa. Một lợn tóc xoa khỏi trán, cháy quăn lại. Mùi tóc cháy khét đến buồn nôn tràn ngập căn phòng.

- Tôi không muốn ăn... không muốn ăn..., mù lại lăm bầm khi thấy chúng tôi không để ý gì đến mù.

Zorba suốt ruột nắm chặt tay. Lão phân vân một lát.

Lão có thể để mù cứ thả cửa làu bàu trong khi chúng tôi tiếp tục đả con lợn quay – hoặc có thể quỳ xuống, ôm lấy mù mà vỗ về bằng những lời ân cần. Tôi nhìn bộ mặt rám nắng của lão và thấy những lớp sóng rung động đối nghịch lướt qua những nét diện mạo dễ biến đổi của lão.

Đột nhiên, sắc diện lão cố định lại. Lão đã đi đến một quyết định. Lão quỳ xuống nắm lấy đầu gối mù.

- Nếu em không ăn, hỏi người bỏ bùa mê cho tôi, lão nói với những âm sắc não nề, thì mọi sự sẽ chấm dứt ở đây. Hãy thương hại con lợn khốn khổ, hỏi người đẹp, và hãy ăn cái chân giò nhỏ ngọt ngào này!

Và lão ấn vào miệng mù cái chân lợn giòn phết đầy bơ. Lão ôm mù trong tay, bế thốc lên và đặt vào ghế giữa hai chúng tôi.

- Ăn đi, lão nói, ăn đi, kho vàng của tôi, để cho Thánh Basil ([36]) đến làng ta. Nếu em không ăn, ngài sẽ không đến với chúng ta đâu, em biết đấy! Ngài sẽ trở về Caesarea, quê hương Ngài. Ngài sẽ lấy đi hết: giấy mực, bánh mừng Chúa Khô hiện ra trước ba thầy pháp vào Đêm Thứ Mười

Hai, các quà năm mới, đồ chơi trẻ con, thậm chí cả con lợn sữa xinh xẻo này nữa, tất cả sẽ biến mất! Cho nên hãy há cái miệng nhỏ xinh của em ra nào, Bouboulina của tôi, và ăn đi!

Lão thò hai ngón tay cù vào nách mẹ. Ngươi nữ già thích chí cười rúc rích, lau cặp mắt nhỏ đỏ hoe và bắt đầu gàu gáu nhai cái chân giò giòn tan...

Giữa lúc ấy, hai con mèo động tình cất lên tiếng gào trên mái nhà. Chúng gào bằng một giọng hờn oán khôn xiết tả, lúc lên lúc xuống, hung dữ. Thành linh, chúng tôi nghe thấy chúng lồng lộn điên cuồng, xông vào cắn xé nhau trên mái nhà.

- Meo... meo... Zorba nói, nháy mắt với ngươi nữ già.

Mẹ tùm tùm và bóp mạnh tay lão dưới gằm bàn. Cổ họng mẹ giãn ra và mẹ bắt đầu ăn ngon lành.

Mặt trời xoay tròn, xuyên qua khung cửa sổ nhỏ và rọi lấp lánh đôi chân nữ chủ nhân của chúng tôi. Chai rượu đã hết, Zorba xoắn cọng rìa lên như rìa mèo rừng và xích lại gần đại diện “giống cái”. Madame Hortense thu lu người rụt đầu rụt cổ, khẽ rùng mình khi cảm thấy hơi thở ấm, nồng mùi rượu của lão phả vào người.

- Đây lại một điều bí ẩn nữa, sếp à, Zorba quay lại tôi nói. Với tôi, mọi sự đều đi ngược dòng. Hồi nhóc, nom tôi giống một lão già bé quắt queo. Tôi đần độn, ít nói, mà lại có giọng người lớn. Người ta bảo tôi giống ông nội tôi! Nhưng tôi càng lớn càng trở nên liều lĩnh. Tôi bắt đầu làm những điều cuồng dại khi hai mươi tuổi: Ồ chẳng có gì là đặc biệt đâu, cũng như những người khác ở cái tuổi ấy thôi. Bốn mươi tuổi, tôi bắt đầu cảm thấy mình trẻ thực sự và lao vào những hành động phóng túng điên rồ nhất. Và giờ đây, ngoài sáu mươi tuổi – chính xác là sáu mươi lăm nhưng “bem”

đấy, sếp nhé – Ờ, bây giờ, ngoài sáu mươi rồi giải thích sao đây? Thành thật mà nói, thế giới đã trở nên quá nhỏ đối với tôi!

Lão nâng ly lên và quay lại phía người tình, vẻ hối tiếc – Chúc sức khỏe em, Bouboulia, lão trịnh trọng nói. Cầu Chúa làm sao cho em năm nay mọc thêm mấy cái răng, lông mày thêm thanh nhã và da thơm ngát như trái đào. Và vứt bỏ tất cả những dải băng quê kệch này đi! Và cầu sao có một cuộc cách mạng nữa ở Crete và bốn Đại Cường Quốc lại trở lại. Bouboulina, cưng ơi, với những hạm đội của họ... và mỗi hạm đội có thủy sư đô đốc của nó và mỗi thủy sư đô đốc có bộ râu xoắn xức nước hoa thơm phức của mình. Và chúc em, nàng tiên cá của tôi, một lần nữa lại từ mặt sóng nổi lên hát bài ca tuyệt vời của em. Và cầu sao các hạm đội ấy tan tành trên hai trái núi đá tròn trĩnh man dại này!

Vừa nói, lão vừa đặt hai bàn tay to lớn lên cặp vú nhẽo, chảy xệ xuống của nữ chủ nhân.

Zorba lại linh hoạt lên, giọng lão khàn đi vì thèm muốn. Tôi cất tiếng cười. Một hôm ở rạp chiếu bóng, tôi đã thấy một pasa Thổ Nhĩ Kỳ đú đờn trong một tửu điểm Paris. Ông ta bế một cô bán hàng trẻ măng tóc vàng trên lòng. Ngài pasa lên cơn hứng tình, búp tua trên mũ fez ([37]) từ từ ngóc lên, tạm ngừng khi nằm ngang, rồi đột ngột dựng đứng.

- Sếp cười cái gì vậy? Zorba hỏi.

Tuy nhiên, nữ chủ nhân còn đang mãi nghĩ về những điều Zorba vừa nói.

- Ôi, mụ nói, theo anh, điều đó có thể xảy ra không, Zorba? Nhưng tuổi trẻ qua đi không bao giờ trở lại...

Zorba xích lại gần hơn nữa; hai cái ghế giáp vào nhau.

- Nghe anh đây, cưng, lão nói, đồng thời cố cởi chiếc khuy thứ ba, chiếc khuy quyết định của áo lót bó sát người mù. Nghe đây, anh sẽ nói cho em về món quà thú vị anh đang chuẩn bị cho em. Có một tay bác sĩ mới tên là Voronoff; người ta nói rằng ông ta có thể làm nên những chuyện thần kỳ. Ông ta có một thứ thuốc nước hay thuốc bột gì đó, anh không biết đích xác; dùng thuốc đó trong nháy mắt, em sẽ lại là cô gái hai mươi tuổi, cùng lắm là hai mươi lăm! Đừng khóc, cưng, anh sẽ nhờ người bên châu u gửi về cho em...

Ngư nữ già giật mình. Lốp da đầu đo đỏ lấp lánh nhờ nhờ qua mái tóc đã bắt đầu thưa dần. Mụ quàng đôi cánh tay mập mập, nung núc thịt ôm lấy cổ Zorba.

- Nếu là thuốc nước, anh yêu của em, mù thì thắm, cọ người vào Zorba như một con mèo, anh hãy đặt mua cho em độ mười lít ([38]), anh nhé! Và nếu là thuốc bột...

- Thì một bao tải! Zorba nói, cởi nốt chiếc khuy thứ ba.

Đôi mèo đã im tiếng được một lúc lại bắt đầu gào, một giọng than van và kêu gọi, còn giọng kia thì giận dữ và đe dọa.

Nữ chủ nhân của chúng tôi ngáp, cặp mắt trở nên đăm đũi.

- Anh có nghe thấy những con mèo gớm ghiếc ấy không? Mụ thì thắm. Chúng thật không biết xấu hổ!

Và mù ngồi lên lòng Zorba, ngả đầu vào cổ lão và trút một tiếng thở dài sườn sượt. Mụ hơi quá chén, mắt mỗi lúc thêm một mơ màng.

- Em đang nghĩ gì vậy, Bouboulina của anh? Zorba hỏi, hai tay chụp lấy ngực mù.

- Alexandria... ngư nữ già, con người đã từng chu du năm châu bốn biển, thì thào. Alexandria... Beirut...Constantinople, dân Thổ Nhĩ Kỳ, dân Ả Rập, nước quả loãng ướp đá, những dép xăng đan mạ vàng, mũ fez đỏ...

Mụ thở dài.

- Mỗi lần Ali Bey ở lại nghỉ đêm với em – ôi, ria chàng, lông mày chàng, đôi cánh tay chàng mới tuyệt làm sao! – chàng đều gọi bọn đánh trống thổi kèn đến và tung tiền qua cửa sổ để bọn chúng chơi trong sân nhà em cho đến sáng. Hàng xóm láng giềng ghen tức đến tái xanh tái xám mặt “An Bey ở lại với ả!” họ thường lồng lộn lên như vậy... Sau đó, ở Constantinople, tổng trấn Suleiman thường bắt em cấm cung vào những ngày thứ sáu. Ông ta sợ vua Thổ, trên đường đến nhà thờ Hồi giáo, trông thấy em, rồi quáng mắt vì sắc đẹp của em, có thể sai bắt cóc em mất. Mỗi sáng, khi rời khỏi nhà, ông cắt ba tên da đen to lớn gác cổng để ngăn không cho gã đàn ông nào đến gần em... ôi, Suleiman yêu quý của tôi!

Mụ rút từ áo lót ra một chiếc khăn tay lớn kẻ ô và đưa lên miệng vừa ngậm vừa phun phì phì như một con rùa nước.

Zorba gỡ ra bằng cách đặt mụ lên chiếc ghế cạnh lão và đứng dậy, khó chịu. Lão đi đi lại lại một vài lần và cũng bắt đầu phun phì phì, căn phòng đột nhiên quá chật chội đối với lão. Lão nhặt cây gậy lên, chạy bổ ra sân và tôi trông thấy lão dựa cái thang vào tường, rồi giận dữ trèo lên, hai bậc một.

- Bác sắp nện ai đấy, Zorba? Tôi thét. Tổng trấn Suleiman hản?

- Những con mèo chết tiệt kia! Lão thét lại. Chúng không để bọn ta yên lấy một lát!

Và tót một cái, lão đã ở trên mái.

Madam Hortense, say mèm, đầu tóc xõa xược, giờ đã nhắm nghiền cặp mắt đỏ đục và một tiếng ngáy khe khẽ phát ra từ cái miệng móm của mụ.

Giấc ngủ đã nâng mù lên và chở mù về những kinh thành lớn của phương Đông – vào những khu vườn rào kín và những khuê phòng mờ tối của các pasa đa tình. Giấc ngủ đưa mù xuyên qua những bức tường và mang đến cho mù những mộng mơ. Mù thấy mình buông câu, mù quăng bốn sợi dây câu và kéo lên bốn chiến hạm lớn.

Vừa ngáy vừa thở ậm ạch, ngư nữ già sung sướng mỉm cười trong giấc điệp và dường như tươi tắn lại sau khi tắm biển.

Zorba trở lại, vung vẩy cây gậy.

- Ngủ hả? Lão nói khi trông thấy mù. Mù ta ngủ rồi à?

- Vâng, thưa ngài tổng trấn Zorba, tôi đáp. Nàng đã được bác sĩ Voronoff, người cải lão hoàn đồng – tức là giấc ngủ – mang đi rồi. Bây giờ, nàng mới có hai mươi cái xuân xanh và nàng đang dạo gót son ở Alexandria và Beirut.

- Ma quỷ bắt mù đi, đồ đĩ già? Zorba gầm gừ và nhổ xuống sàn. Nhìn mù nhăn nhó cười kìa! Không biết mù cười với ai, đồ đĩ mặt dày mà dạn? Nào, sếp, ta đi thôi!

Lão chụp mạnh cái mũ lên đầu và mở cửa.

- Mù không lẻ loi một mình đâu, Zorba nói lớn; mù đang ở bên tổng trấn Suleiman đấy. Sếp không thấy à? Mù đang bay bổng chín tầng mây, con bò cái bắn thiu! ... Thôi nào, ta chuồn đi!

*

Chúng tôi ra ngoài không khí lạnh. Trăng trôi ngang bầu trời tĩnh lặng.

- Đàn bà! Zorba nói, vẻ ghê tởm. Hừ! Tuy nhiên không phải lỗi tại họ, đó là tại cái bọn nông nổi khinh suất như Suleiman và Zorba!

Và sau một lát:

- Không, thậm chí cũng không phải lỗi tại chúng ta, lão giận dữ nói tiếp. Có một kẻ là nguyên nhân của tất cả cái đó và chỉ độc một kẻ mà thôi – tên Đại Nông Nỗ Khinh Suất, Đại Tổng Trấn Suleiman sếp thừa biết là ai đấy!

- Nếu như có kẻ ấy, tôi đáp. Nhưng nếu không có thì sao?

- Lạy Chúa Toàn năng, thì chúng ta đi đút!

Chúng tôi sai bước một lúc không nói không rằng.

Chắc chắn Zorba đang nghiền ngẫm vài ba ý điên khùng trong đầu vì chốc chốc lão lại lấy gậy quật vào những hòn sỏi và nhổ xuống đất.

Đột nhiên, lão quay sang tôi. Chúng tôi hối hả đi qua làng. Ánh trăng khéo làm lòng người xao động. Bạn thử tưởng tượng tâm trạng của mình khi uống rượu xong, ra ngoài đi dạo và thấy thế giới đột nhiên thay đổi. Đường sá biến thành những dòng sông sữa, những ổ gà và vệt lún bánh xe đầy vôi phấn, đồi núi phủ đầy tuyết. Mặt, cổ và tay bạn phát lân quang như đuôi con đom đóm. Và vầng trăng lủng lẳng trên ngực bạn như một tấm huân chương tròn kỳ dị.

Chúng tôi lạng lẽ bước thoăn thoắt. Say la đà vì cả ánh trăng lẫn vì rượu, chúng tôi hầu như không cảm thấy chân chạm đất. Đằng sau chúng tôi, thôn làng ngủ yên, chó trèo lên mái nhà sữa trắng. Và chúng tôi, vô có, cũng cảm thấy muốn vờn cổ về phía mặt trăng mà sữa...

Chúng tôi tới chỗ vườn nàng góa. Zorba dừng lại.

Rượu, thức ăn ngon lành và vầng trăng đã làm lão say sưa ngây ngất. Lão vờn cổ và bằng cái giọng như giọng lừa, hí lên vài câu dân tục mà trong cơn hứng, lão ứng khẩu.

- Á này cũng là một cặp sừng quý! Lão nói. Ta đi thôi, sắp!

Khi chúng tôi về tới lều thì trời sắp rạng. Tôi gieo mình xuống giường, mệt rũ. Zorba rửa ráy, nhóm lò và pha chút cà phê. Lão ngồi thu lu trên sàn, châm một điếu thuốc và bắt đầu hút, vẻ bình thản, mình thẳng đuồn bất động, mắt nhìn ra biển. Mặt lão trang nghiêm và tư lự.

Lão làm tôi nhớ đến một bức họa Nhật Bản mà tôi thích: một nhà tu khổ hạnh ngồi xếp bằng, mình choàng một chiếc áo cà sa màu da cam, mặt bóng như hình khắc trên gỗ cứng và sạm đen vì mưa, cổ rướn thẳng, miệng mỉm cười trong khi mắt nhìn đăm đăm vào đêm tối không chút sợ hãi.

Tôi nhìn Zorba trong ánh trăng, thân phục thái độ thông dong và giản dị của lão trong việc thích nghi với thế giới xung quanh, cái cách hồn và xác lão hợp thành một tổng thể hài hòa và tất cả mọi thứ – đàn bà, cơm nước, thịt thà, ngủ nghê – hòa quyện đẹp đẽ với xác thịt lão để trở thành Zorba. Xưa nay tôi chưa từng thấy một giao hòa thân thiện đến thế giữa một con người với vũ trụ.

Trăng lúc này sắp lặn, tròn và xanh xao. Một vẻ thanh bình khôn tả trải rộng trên mặt biển.

Zorba ném mẩu thuốc đi và với tay lấy một chiếc giỏ. Lão lục trong đó lôi ra ít dây rợ, mấy cái ròng rọc và năm mẩu gỗ nhỏ; lão thắp cây đèn dầu và một lần nữa lại thí nghiệm hệ thống đường sắt trên không.

Cúi mình trên các thứ đồ chơi cơ sở ấy, lão lăm nhăm làm những con tính hẳn là cực khó và phức tạp vì chốc chốc lão lại gãi đầu như điên và chửi thề.

Đột nhiên, lão đâm chán ngấy. Lão phóng chân nhằm cái mô hình và đập nó đổ lụn xuống đất.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 12

Tôi ngủ thiếp đi và khi thức giấc, Zorba đã đi khỏi. Trời rét và tôi không muốn dậy tí nào. Tôi với lên mấy cái giá sách trên đầu và lấy xuống một cuốn tôi đã mang theo và rất mê: thơ Mallarmé. Tôi đọc chậm rãi, vớ đoạn nào đọc đoạn ấy.

T

Tôi gấp sách rồi lại mở và cuối cùng ném xuống. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy cả tập thơ này như thiếu máu, vô vị hoàn toàn không có chất người. Những chữ xanh xao nhợt nhạt, rỗng tuếch trong một khoảng chân không.

Một thứ nước cất trong veo không có chút vi khuẩn, nhưng cũng chẳng có chất dinh dưỡng nào. Không có sự sống.

Trong những tôn giáo đã mất đi tia lửa sáng tạo, các thánh thần rút cục trở nên chẳng hơn gì những mô-típ thơ hoặc trang trí để điểm tô cho sự cô đơn của con người và cho những bức tường. Một cái gì tương tự đã xảy đến với loại thơ này. Những hoài bão cháy bỏng của con tim, mang nặng tình đất và hạt giống, đã trở thành một trò chơi trí tuệ hoàn hảo, một kiến trúc thông minh, lằng lằng và rậm rối. Tôi lại giở cuốn sách và lại đọc lần nữa. Tại sao những bài thơ này đã chinh phục tôi trong ngần ấy năm?

Thơ thuần túy! Cuộc sống đã biến thành một trò chơi trong suốt, sáng ngời, thậm chí không vẫn một giọt máu.

Tổ chất người vốn thô lỗ, cục mịch, vẫn đục – nó được tạo nên bởi tình yêu, nhục dục và một tiếng kêu khốn khổ. Hãy để nó thăng hoa thành một ý tưởng trừu tượng và trong lò lửa của tâm linh, qua những quá trình khác nhau của thuật giả kim, hãy để cho nó loãng đi và bốc thành hơi.

Tất cả những cái đó, trước kia từng mê hoặc tôi, sáng nay tỏ ra chỉ là trò nhào lộn trí tuệ và ngón bịp đã tinh chế mà thôi! Một nền văn minh, đến lúc tàn lụi, bao giờ cũng thế! Và nỗi khổ não của con người thường kết thúc như thế – bằng những ngón ảo thuật bậc thầy: thơ thuần túy, âm nhạc thuần túy, tư tưởng thuần túy. Con người cuối cùng – kẻ đã tự giải thoát khỏi mọi tín ngưỡng, mọi ảo tưởng và không còn chờ đợi hoặc sợ hãi gì – thấy cái tổ chất được dùng để lặn ra mình bị quy giản thành tinh thần và cái tinh thần đó chẳng còn đất để cắm rễ và hút nhựa.

Con người cuối cùng đã tự trút rỗng mình: chẳng còn mầm hạt, chẳng còn phân tử, chẳng còn máu. Sau khi biến mọi thứ thành ngôn từ, mọi cụm từ thành trò tung hứng âm nhạc, con người cuối cùng còn đi xa hơn nữa: ngồi trên tột đỉnh cô đơn, hân hoan tích âm nhạc đó thành những phương trình toán học câm lặng.

Tôi chột giật mình. “Đức Phật chính là con người cuối cùng đó!” tôi kêu lên. Đó là ý nghĩa bí ẩn và ghê gớm của Người. Đức Phật là cái linh hồn “thuần túy” đã tự trút rỗng mình. Bên trong Đức Phật là trống rỗng, Người chính là Trống Rỗng. Hãy trút rỗng thể xác, hãy trút rỗng tinh thần, hãy trút rỗng con tim!” Người kêu gọi: Người đặt chân tới đâu, ở đó nước ngừng trôi, cỏ không mọc nữa, trẻ con thôi không ra đời.

Mình phải huy động ngôn từ và khả năng chiêu hồn của chúng, tôi nghĩ thầm, cần viện đến nhưng tiết tấu yêu thuật; bao vây Đức Phật, yếm bùa

Người để trục Người ra khỏi lòng mình mới được! Mình phải quăng tấm lưới hình ảnh để bắt Người và tự giải thoát!

Trên thực tế, viết Đức Phật tức là chấm dứt làm bài tập văn chương. Đó là cuộc vật lộn sinh tử chống lại một sức mạnh hủy diệt to lớn rình rập trong tôi, một cuộc đấu tay đôi với một Khước Từ lớn đang làm hao mòn tim tôi và sự cứu rỗi linh hồn tôi tùy thuộc vào cuộc đấu này.

Một cách sôi nổi và quả quyết, tôi vớ lấy tập bản thảo. Tôi đã phát hiện ra mục tiêu của mình, giờ đây tôi biết phải đánh vào đâu! Đức Phật là con người cuối cùng.

Chúng ta mới ở bước khởi đầu: chúng ta chưa ăn uống, cũng chưa yêu thương cho đủ mức; chúng ta chưa sống. Ông già yếu ớt hết hơi ấy đã đến với chúng ta quá sớm.

Chúng ta phải trục xuất ông ta càng mau càng tốt!

Tôi tự nhủ như vậy và tôi bắt đầu viết. Mà không, đây không phải là viết. Đây là một cuộc chiến thực sự, một cuộc săn đuổi không thương xót, một cuộc vây hãm, một bùa chú để trục con quái vật ra khỏi nơi nó ẩn náu.

Thực tế, nghệ thuật là một cách niệm thần chú diệu kì.

Những lực lượng tăm tối giết người rình nấp trong lòng chúng ta, những xung lực giết chóc, hủy hoại, hằn thù, gây ô danh. Thế rồi nghệ thuật xuất hiện với tiếng sáo ngọt ngào và giải thoát chúng ta.

Tôi viết, truy đuổi, vật lộn suốt ngày hôm đó. Đến tối, tôi kiệt sức. Nhưng tôi cảm thấy mình đã tiến bộ, đã chiếm được một số đồn tiền tiêu của địch. Lúc này, tôi bồn chồn chờ Zorba về để ăn, ngủ và bồi bổ lại sức lực đang sáng sớm mai tiếp tục chiến đấu.

Khi Zorba bước vào lều thì trời đã tối mịt. Vẻ mặt lão rạn rỡ. Lão cũng đã tìm ra giải pháp cho một vấn đề gì, tôi thầm nghĩ. Và tôi đợi.

Tôi bắt đầu sốt ruột với lão và mới cách đây mấy ngày, tôi đã cúi kính bái:

- Zorba, vốn của chúng ta đã cạn dần. Cần làm cái gì thì làm nhanh lên! Hãy cho chạy hệ thống đường sắt treo đi. Nếu làm than không thành công thì ta hãy dốc toàn lực làm gỗ vậy. Nếu không thì thất bại đấy!

Zorba gãi đầu.

- Vốn đang cạn dần hả, sếp? Gay nhỉ! Lão nói.

- Còn gì nữa đâu, Zorba. Chúng ta đã ăn hết vốn.

Hãy làm một cái gì đi! Những thí nghiệm của bác ra sao rồi? Chưa có gì may mắn à?

Zorba rũ đầu xuống, không trả lời. Tối hôm ấy, lão đã cảm thấy xấu hổ.

- Cái độ dốc chết tiệt ấy! Lão cúi tiết nói. Tôi sẽ trị được nó!

Và giờ đây, lão trở về, mặt sáng ngời đặc trưng!

- Thành công rồi, sếp ạ! Lão reo lên. Tôi đã tìm ra góc độ thích hợp. Nó đã tuột khỏi tay tôi, cố chạy trốn, nhưng tôi túm lại được và ghì chặt xuống rồi, sếp ạ!

- Vậy thì mau mau cho chạy! Bắt đầu tiến hành đi! Bác còn cần gì nữa nào?

- Sáng sớm mai, tôi phải ra tỉnh mua dụng cụ: Một dây cáp lớn bằng thép, những con ròng rọc, cuxinê, đinh, móc. Sếp đừng lo, tôi sẽ về rất sớm, có khi trước cả khi sếp thấy tôi đi cũng nên!

Lát sau, lão nhóm lửa, sửa soạn bữa ăn và chúng tôi ăn uống rất ngon miệng. Hôm ấy, cả hai chúng tôi cùng làm được việc.

Sớm hôm sau, tôi đi với Zorba tới tận làng. Chúng tôi nói chuyện về việc làm than bùn như những người nghiêm túc và có đầu óc thực tiễn. Trong khi đi xuống một quãng dốc, Zorba đá phải một hòn đá, làm nó lăn lông lốc.

Lão dừng lại một lúc, kinh ngạc, tựa hồ lần đầu tiên trong đời lão thấy cảnh tượng kỳ lạ ấy. Lão quay sang nhìn tôi và trong cái nhìn ấy, tôi nhận ra một thoáng hãi hùng.

- Sếp có thấy điều đó không? Cuối cùng lão nói. Trên những đoạn dốc, đá sống động trở lại.

Tôi không nói gì, nhưng cảm thấy một niềm vui sâu xa. Ấy, tôi nghĩ, các bậc thâu thị vĩ đại và các nhà thơ lớn nhìn mọi vật như vậy đó – như thể mới thấy lần đầu vậy.

Mỗi buổi sáng, họ thấy một thế giới mới trước mắt; không phải họ nhìn thấy thật sự, mà là họ sáng tạo ra nó.

Đối với Zorba, cũng như đối với những người đầu tiên trên trái đất, vũ trụ là một hình ảnh có sức nặng và cường độ; những vì sao lướt trên mình lão, biến xô vào thái dương lão. Lão nghiệm sinh cả đất, nước, muông thú và thượng đế, không qua sự can thiệp bóp méo của lý trí.

Madam Hortense đã được báo trước và mụ đợi chúng tôi trên bậc cửa. Mụ trát bụi phấn và có vẻ lo lắng.

Mụ đã trang điểm như chuẩn bị một chợ phiên vui nhộn tối thứ bảy. Con la đứng trước cổng nhà; Zorba nhảy lên lưng nó và nắm dây cương.

Ngư nữ già rụt rè tiến tới và đặt bàn tay nhỏ mũm mĩm lên ức con vật như muốn ngăn không cho người tình ra đi.

- Zorba... mẹ thì thầm, kiễng chân lên. Zorba.

Zorba quay mặt đi. Lão ghét nghe những lời yêu đương dấm dớ kiêu này ở giữa đường giữa phố. Người đàn bà tội nghiệp thấy vẻ mặt của lão và sợ hãi. Nhưng tay mẹ vẫn áp chặt vào ức con la, đầy âu yếm van lơn.

- Cô muốn gì? Zorba giận dữ hỏi.

- Zorba, mẹ khẩn khoản, hãy tử tế... Đừng quên em, Zorba... Hãy tử tế...

Zorba giật cương, không trả lời. Con la cất bước.

- Chúc may mắn, Zorba! Tôi nói to. Ba ngày thôi, bác nghe thấy không? Đừng quá đấy!

Lão quay lại, vẫy bàn tay hộ pháp. Ngư nữ già khóc, nước mắt cày lóp phẩn trên mặt thành luống.

- Xin hứa với sếp! Zorba kêu với lại. Tạm biệt!

Và lão khuất dạng dưới rặng ô-liu. Mađam Hortense tiếp tục khóc, nhưng vẫn dán mắt vào cái đốm màu vui tươi tạo nên bởi tấm thảm đỏ mà mẹ đã đặt rất cẩn thận để người tình ngồi cho êm. Vệt đỏ ấy lúc ẩn lúc hiện qua vòm lá ánh bạc; chẳng mấy chốc, nó cũng biến mất.

Mađam Hortense nhìn quanh. Cả thế giới trở nên trống vắng.

Tôi không quay trở lại bãi biển. Tôi cảm thấy buồn và đi về phía núi. Tới chỗ đường mòn dẫn lên núi, tôi nghe thấy tiếng kèn trompette: người đưa thư báo hiệu mình tới làng.

- Ông chủ! Bác ta vẫy tay, gọi tôi.

Bác tiến lại, đưa tôi một bó báo, mấy số tạp chí văn học và hai bức thư, tôi bỏ ngay một bức vào túi để đọc vào buổi tối, khi ngày làm việc đã kết thúc và tinh thần an tĩnh. Tôi biết người viết bức thư ấy là ai và tôi muốn hoãn chậm niềm vui của mình để nó kéo dài được lâu hơn.

Bức thư kia, tôi nhận ra bằng nét chữ sắc, giật giật và những con tem ngoại quốc: đó là thư của một trong những bạn học cũ của tôi, Karayannis, gửi từ một vùng núi hoang dã ở châu Phi, gần Tanganyika.

Karayannis là một người kỳ lạ, tính khí bùng bột, da ngăm đen, răng rất trắng với một chiếc răng nanh chìa ra như răng lợn lòi. Hắn không bao giờ nói bình thường, mà mở miệng là la hét. Hắn không bao giờ tranh luận, mà động bàn đến chuyện gì là cãi lộn. Hắn đã rời đảo Crete quê hương, nơi hắn đã từng là giáo sư thần học và tu sĩ. Hắn đã giảng giáo với một cô sinh viên của mình và một hôm, hai anh ả bị bắt quả tang đang hôn nhau ngoài đồng và bị la ó. Ngay hôm ấy, tay giáo sư trẻ trút bỏ áo thầy tu và xuống tàu sang Châu Phi, tìm đến một ông chủ và bắt tay vào làm việc rất hăng say. Hắn mở một xưởng làm thông, hái ra tiền. Thịnh thoảng hắn viết thư mời tôi sang chơi và ở lại với hắn sáu tháng. Bất cứ lần nào mở một bức thư của hắn, trước cả khi đọc, tôi đều cảm thấy bốc lên từ những trang đặc chữ, bao giờ cũng được khâu lại với nhau, một luồng hơi mạnh làm tóc tôi dựng đứng lên. Lần nào tôi cũng quyết định sẽ sang Châu Phi thăm hắn, song chẳng bao giờ đi cả.

Tôi rời khỏi con đường mòn, tạt vào ngồi trên một phiến đá và bắt đầu đọc bức thư sau đây:

“Bao giờ thì cậu mới quyết định sang đây với mình, đồ con hà chết tiệt bám chặt vào những tảng đá của Hy Lạp. Cả cậu nữa cũng biến thành một tên Hy Lạp đê tiện điển hình, một kẻ chuyên lê la tửu điếm và đắm mình trong sinh hoạt của các tiệm cà phê. Bởi vì cậu không cần nghĩ chỉ những

tiệm cà phê mới là tiệm cà phê; cả sách vở, cả những thói quen và những hệ tư tưởng quý báu của cậu cũng là tiệm cà phê hết. Hôm nay là chủ nhật và mình chả có việc gì làm; mình đang ở điền trang và mình nghĩ đến cậu. Nắng như đổ lửa, không có lấy một giọt mưa. Ở đây khi trời đổ mưa vào tháng tư, tháng năm, tháng sáu, thì quả là một trận đại hồng thủy thật sự.

Mình sống mỗi một mình và mình thích thế. Ở đây có một lô một lốc những tên Hy Lạp đê tiện (có nơi nào mà cái lũ sâu bọ ấy không đến được không nhỉ), nhưng mình không muốn dây với chúng. Ngay cả nơi nào cái bọn lê la tửu điếm các cậu – ma quỷ bắt các cậu đi! – cũng gửi đến bệnh hủi cùng cái thói nói xấu sau lưng tệ hại của các cậu. Chính trị đó là cái đang làm cho nước Hy Lạp lụn bại. Tất nhiên, cũng còn có cả nạn cờ bạc, dốt nát và những tội lỗi về xác thịt nữa.

“Mình ghét dân Châu u, chính vì thế mà mình lang thang nơi đây quanh quần trong vùng núi Usumbara. Mình căm ghét dân Châu u, nhưng hơn hết, mình căm ghét bọn Hy Lạp đê tiện và tất cả những gì là Hy Lạp. Mình sẽ không bao giờ đặt chân trở lại Hy Lạp. Đây là nơi mình sẽ sống nốt những năm còn lại. Mình đã thuê xây mộ sẵn ngay trước lều mình, trên sườn núi hoang dại này. Thậm chí mình đã dựng cả bia đá và tự khắc lên dòng này bằng chữ hoa lớn:

NOI ĐY YÊN NGHĨ MỘT TÊN HY LẠP

CĂM GHÉT NGƯỜI HY LẠP

“Hễ lúc nào nghĩ đến Hy Lạp là mình lại phá lên cười, khạc nhổ, chửi thề và khóc. Để khỏi phải nhìn thấy người Hy Lạp và mọi cái gì là Hy Lạp, mình đã bỏ đất nước ra đi mãi mãi. Mình đến đây mang theo số phận mình – không phải là số phận mang mình đến: con người làm theo ý mình lựa chọn! – mình mang số phận mình đến đây, mình đã và vẫn đang làm việc quần quật như trâu ngựa. Mình đang đổ mồ hôi và sẽ tiếp tục đổ hàng thùng

mồ hôi. Mình chiến đấu với đất đai, với mưa gió và với thợ thuyền, những nô lệ đỏ và đen của mình.

“Mình chả có niềm vui thú nào. À mà có chứ, làm việc. Về thể xác và tinh thần, nhưng thiên về thể xác.

Mình thích làm đến kiệt sức, thích đổ mồ hôi. Thích nghe xương cốt mình kêu răng rắc. Một nửa số tiền bạc kiếm được, mình vứt đi, phung phí bằng bất cứ cách nào và ở bất cứ nơi nào mình muốn. Mình không phải là nô lệ của đồng tiền; tiền bạc là nô lệ của mình. Mình là nô lệ của công việc và mình lấy thể làm tự hào. Mình đốn cây, mình ký hợp đồng với bọn Anh; mình làm thừng, và bây giờ mình bắt đầu trồng cả bông nữa. Đêm qua, trong đám da đen của mình, hai bộ lạc Wá yao và Wá ngoni đã đánh nhau vì một người đàn bà – một con điếm. Chỉ vì tự ái thôi, cậu lạ gì. Y như bên Hy Lạp vậy. Chửi nhau, cãi lộn om xóm rồi rút gậy gộc ra. Họ choang vỡ đầu nhau vì ả. Giữa đêm bọn đàn bà chạy đến ôm mình, tru tréo đánh thức mình dậy để đến phân xử. Mình cáu tiết, đuổi tất cả xéo đi với ma quỷ, rồi bảo chúng đến cảnh sát Anh. Thế nhưng chúng cứ đứng ì trước cửa nhà mình gào suốt đêm. Sáng sớm, mình phải ra và làm trọng tài phân xử.

“Sớm mai, mình sẽ leo lên dãy núi Usumbara với những rừng rậm, suối mát và màu xanh vĩnh hằng của nó. Này cái đồ Hy Lạp đê tiện, đòi truy kia, bao giờ cậu mới rút bỏ được Châu u... “cái con đĩ thập thành ngòi vắt vẻo trên bao sông biển, từng phạm tội gian dâm với tất cả vua chúa trên trần...!” Bao giờ cậu mới đến để chúng mình có thể cùng nhau leo những trái núi hoang sơ và tinh khiết này?

” Mình có một đứa con với một phụ nữ da đen: một đứa con gái. Mình đã đuổi mẹ nó: mẹ đã công khai cắm sừng lên đầu mình giữa thanh thiên bạch nhật, dưới tất cả những cây xanh trong rừng. Mình đã ớn mẹ và tổng cổ mẹ ra khỏi nhà. Nhưng mình giữ con bé lại. Cháu lên hai. Nó đã biết đi và bắt đầu tập nói. Mình đang dạy nó tiếng Hy Lạp; câu đầu tiên mình dạy

nó là: ” Tao nhõ vào mặt bọn bay, đồ Hy Lạp đê tiện, tao nhõ vào mặt bọn bay, đồ Hy Lạp đê tiện!”

“Nó giống mình, con nhãi con ấy, chỉ có cái mũi to, bẹt là của mẹ thôi. Mình yêu nó, nhưng chỉ như yêu con chó, con mèo thôi. Cậu hãy đến đây, làm một thằng nhóc với một mẹ đàn bà Usumbara. Một ngày kia, ta sẽ cho hai đứa cưới nhau để mua vui cho bản thân chúng mình và cả chúng nó nữa!

” Thôi xin chào, chúc ma quỷ luôn đi với cậu và với mình, bạn thân mến!

KARAYANNIS, Servus diabolicus Dei ([39])”

Tôi để mở lá thư trên đầu gối: Một lần nữa, nỗi khao khát cháy bỏng muốn đi xa lại xâm chiếm tôi.

Không phải vì tôi muốn rời bỏ nơi đây – tôi ở trên bờ biển đảo Crete này hoàn toàn ổn, tôi cảm thấy sung sướng và tự do và tôi chẳng thiếu gì – mà vì tôi luôn luôn bị thiêu đốt bởi một nỗi khao khát: sờ thấy và nhìn thấy thật nhiều vùng đất và biển, tới mức tối đa có thể, trước khi nhắm mắt xuôi tay.

Tôi đứng dậy, thay đổi ý định và đáng lẽ tiếp tục leo lên núi thì lại hối hả đi về phía bãi biển. Tôi sờ nắn bức thư kia trong túi trên của chiếc áo khoác và không thể đợi thêm nữa. Cái tiền vị ngọt ngào đến độ không chịu nổi của niềm vui này kéo dài thế là đủ.

Tôi về tới lều, nhóm lửa, pha ít trà, ăn chút bánh mì với mật ong và cam. Tôi cởi quần áo ngoài, nằm dài lên giường và mở bức thư:

“Chào sư phụ và tín đồ mới!

“Mình có một công việc to lớn và khó khăn ở đây, đội ơn “Thượng đế” – mình phải nhốt cái tù nguy hiểm này trong ngoặc kép (như nhốt một con thú dữ vào cũi sắt) để cậu khỏi phấn khởi ngay khi mở thư của mình ra.

Phải, một công việc rất khó khăn, đội ơn “Thượng đế”!

Nửa triệu người Hy Lạp đang lâm nguy ở miền nam nước Nga và vùng Caucasus. Nhiều người trong số đó chỉ nói được tiếng Thổ hoặc tiếng Nga, nhưng trái tim họ nói tiếng Hy Lạp rất nhiệt thành. Họ thuộc nòi giống ta. Chỉ cần nhìn họ, cái cách mắt họ ánh lên hau háu, soi mói, cái vẻ ranh ma và nhục dục của cặp môi khi họ mỉm cười, những ngón xoay xở của họ để trở thành các ông chủ và khiến được bọn mujich làm việc cho họ trên lãnh thổ mênh mông này của nước Nga – thế cũng đủ để thuyết phục ta rằng – họ là con cháu Odysseus yêu dấu của ta. Thế là ta đi đến chỗ yêu thương họ và không thể để cho họ bị tiêu diệt.

“Bởi vì họ đang có nguy cơ bị tiêu diệt. Họ đã mất tất cả những gì họ có, họ đói rách, trần truồng. Họ bị hành cả hai phía – một đảng là bọn Bôlsêvích, đảng kia là bọn Kurd. Từ mọi ngả, dân tị nạn lũ lượt đổ về định cư ở tỉnh này tỉnh nọ thuộc Gruzia hoặc Ac-mê-ni. Lương thực, quần áo, thuốc men đều không có. Họ tụ tập ở các cảng, khắc khoải nhìn về phía chân trời. Họ mong có những con tàu Hy Lạp đến chở họ về đất mẹ Hy Lạp. Một bộ phận của nòi giống chúng ta – có nghĩa là một phần linh hồn chúng ta – đang trong cơn kinh hoàng.

“Nếu chúng ta bỏ mặc họ với số phận, họ sẽ bị tiêu diệt. Chúng ta cần có rất nhiều tình yêu thương, thông cảm, nhiệt tâm và đầu óc thực tiễn (những đức tính mà cậu rất muốn thấy liên kết lại) nếu chúng ta muốn cứu họ, mang họ trở về mảnh đất tự do của chúng ta, nơi họ sẽ đắc dụng nhất, nghĩa là trên biên giới Macedonia và, xa hơn nữa, trên biên giới Thrace. Đó là cách duy nhất để chúng ta cứu hàng chục vạn người Hy Lạp, đồng thời tự cứu chúng ta cùng với họ. Bởi vì ngay sau khi tới đây, mình liền vẽ một

vòng tròn theo cách cậu đã dạy mình và gọi vòng tròn đó là “bốn phần của mình “. Mình nói:

“Nếu ta cứu được toàn bộ vòng tròn này ta sẽ được cứu rồi. bằng không ta sẽ rời đời”. Vậy mà bên trong vòng tròn đó, là năm mươi vạn người Hy Lạp!

Mình đi về các tỉnh, các làng, tập hợp tác cả những người Hy Lạp, viết những bản tường trình, gửi điện tín, cố vận động các quan chức của chúng ta ở Athens gửi tàu thuyền, lương thực, quần áo, thuốc men và chuyển những con người khốn khổ ấy về Hy Lạp. Nếu như hăng hái và ngoan cường tranh đấu là hạnh phúc, thì mình đang hạnh phúc. Chẳng hiểu là mình có may cắt hạnh phúc theo vóc người của mình không – nói theo ngôn từ của cậu. Cầu trời là có, bởi vì nếu vậy mình ắt là một con người có tầm vóc lớn lao. Mình những muốn phát triển tầm vóc của mình tới mức có thể làm cho mình hạnh phúc, theo mình nghĩ; nghĩa là tới những đường biên giới xa nhất của Hy Lạp. Nhưng thôi, lý thuyết như thế là đủ rồi! Cậu đang nằm trên bãi biển Crete của cậu nghe tiếng biển và tiếng đàn santuri – cậu có thì giờ, còn mình thì không. Mình ngụp trong hành động và mình lấy thế làm vui thích. Hành động, sự phụ nằm ì của tôi, hành động, không có sự cứu chuộc nào khác đâu.

” Thực ra, đề tài suy tưởng của mình rất đơn giản và nhất phiến. Mình nghĩ những cư dân này của Pontus và Caucasus, những nông dân vùng Kars, các thương nhân lớn, nhỏ ở Tbilissi, Batum, Novo Rossisk, Rostov, Odessa và Crum đều là đồng bào ta, họ cùng một dòng máu với ta; đối với họ, cũng như đối với ta, thủ đô Hy Lạp là Constantinople. Tất cả chúng ta có chung một thủ lĩnh. Người gọi thủ lĩnh đó là Odysseus, kẻ gọi là Consantinos Palaeoiogos ([40]) không phải là người đã bị giết dưới chân thành Byzantium mà là người kia, nhân vật huyền thoại đã hóa thành đá cẩm thạch và vẫn còn đứng sừng sững đợi Thiên Thần Tự Do. Lỗi phép cậu, mình gọi vị thủ lĩnh đó là Acritas ([41]). Mình thích cái tên ấy hơn;

nghe nó khắc khổ hơn và hiếu chiến hơn. Hễ nghe thấy cái tên ấy là trong ta nổi dậy hình ảnh Hellene vĩnh cửu, vũ trang khắp mình, chiến đấu không ngừng không nghỉ trên bờ cõi biên giới. Trên mọi biên giới: quốc gia, trí tuệ và tâm tình. Và nếu thêm chữ Digenes vào, ta càng mô tả hoàn hảo hơn các sản phẩm tổng hợp tuyệt diệu của phương Đông và phương Tây là nòi giống chúng ta.

Hiện nay mình đang ở Kars, mình đến để tập hợp tất cả những người Hy Lạp ở các làng lân cận. Vào hôm mình tới đây bọn Kurd đã bắt một thầy giáo và một linh mục Hy Lạp trong vùng và đóng móng ngựa vào chân họ. Các kỳ mục kinh hãi, trốn vào ngôi nhà mình đang ở. Chúng tôi nghe thấy tiếng đại bác của bọn Kurd mỗi lúc một gần lại. Tất cả những người Hy Lạp ấy dán mắt vào mình như thể mình là người duy nhất đủ mạnh để cứu họ.

“Mình định ngày mai đi Tbillissi, nhưng giờ đây, trước nguy cơ này bỏ đi thì thật xấu hổ. Cho nên mình ở lại. Mình không nói là mình không sợ, mình sợ nhưng mình xấu hổ. Trong trường hợp tương tự, liệu Chiến Sĩ của Rembrandt, người Chiến Sĩ của mình, có làm như thế không nhỉ? Hẳn anh ta sẽ ở lại. Vậy cho nên mình cũng ở lại. Nếu bọn Kurd vào thành phố, lẽ đương nhiên mình sẽ là người đầu tiên bị đóng móng, mà thế cũng đúng thôi. Sự phụ ạ, chắc chắn người chẳng bao giờ nghĩ rằng học trò người lại đi đến một kết thúc như vậy.

“Sau một cuộc bàn cãi dài cơ hồ không bao giờ dứt theo truyền thống Hy Lạp, chúng mình quyết định là tối nay, tất cả sẽ tập trung với la, ngựa, bò, cừu cùng đàn bà, trẻ con và tảng sáng, sẽ cùng xuất phát đi lên phía Bắc.

Mình sẽ đi tiên phong giữ vai trò con cừu đực hướng dẫn cả đàn.

“Một cuộc di trú của một dân tộc do tộc trưởng lãnh đạo qua các dãy núi và đồng bằng mang những tên thần thoại! Và mình sẽ là một thứ Môixe mô

phông – dẫn giống nòi được chọn lựa tới Đất Hứa, như những người chất phác này thường gọi Hy Lạp. Dĩ nhiên, để thực sự xứng đáng với sứ mạng Môixê này và khỏi làm ô danh cậu, đáng lẽ mình phải thanh toán những cái xà cạp da thanh lịch mà cậu vẫn hay giểu và quần chân bằng da cừu mới đúng. Lẽ ra mình còn phải có một bộ râu dài lượn sóng, trơn nhẵn và nhất là mọc đôi tù và nữa. Nhưng rất tiếc, mình không thể làm cậu hài lòng về điểm này được. Bắt mình thay đổi tâm hồn còn dễ hơn thay đổi phục. Mình đi xà cạp, râu ria cạo nhẵn như đầu ông sư, và mình không có vợ.

“Sư phụ, đệ tử vọng người sẽ nhận được thư này vì đây có thể là thư cuối cùng. Chẳng ai biết được. Mình không tin ở những lực lượng bí mật tả xung hữu đột, không độc ác, không mục đích, giết bất kỳ ai ngăn đường chúng. Nếu mình từ bỏ trái đất này (mình nói “từ bỏ” để khỏi làm cậu hoặc chính mình sợ nếu mình dùng cái từ đích xác kia), vậy thế nếu mình từ bỏ trái đất này, mình mong cậu vẫn tiếp tục khỏe mạnh và sung sướng, sư phụ thân mến! Điều này nói ra, mình rất ngượng đấy, nhưng vẫn phải nói, cho nên xin cậu thứ lỗi: Mình cũng yêu cậu vô cùng.

” Ở bên dưới viết vội bằng bút chì, là đoạn tái bút này:

TB: Mình không quên cái thỏa thuận của chúng ta hôm mình ra đi. Nếu mình ‘từ bỏ’ trái đất này mình sẽ báo cho cậu, dù cậu ở đâu chẳng nữa, cậu nhớ nhé, và chớ vì thế mà sợ.”

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 13

Ba ngày, bốn ngày, năm ngày trôi qua và Zorba vẫn biệt tăm. Đến ngày thứ sáu, tôi nhận được một bức thư gửi từ Candia, một bức thư dài mấy trang toàn nói chuyện dông dài. Thư viết trên giấy hồng thơm phức, ở góc có hình trái tim bị mũi tên xuyên qua.

B

Tôi đã giữ bức thư rất cẩn thận, nay chép lại trung thành, để nguyên những cách diễn đạt chặt vật bắt gặp đây đó trong thư, chỉ sửa những lỗi chính tả dễ thương. Zorba cầm bút như cầm cuốc, hùng hục bổ lên giấy, vì vậy giấy bị thủng nhiều chỗ và đầy vết mực.

“Sếp Thân mến, ông Tư Bản!

” Tôi cầm bút hỏi thăm sếp có được mạnh giỏi không. Về phần chúng tôi đội ơn Chúa, cũng rất khỏe!

“Ít lâu nay tôi đã nhận chân rằng mình ra đời không phải để làm con trâu hay con ngựa. Chỉ có giống vật mới sống để mà ăn. Để tránh khỏi lời kết tội trên, ngày đêm tôi bày vẽ ra việc cho chính mình. Tôi liêu miếng ăn hàng ngày vì một ý tưởng, tôi đảo ngược câu phương ngôn và nói: “Thà làm con gà nước gầy bơi lội trên hồ còn hơn làm con sẻ béo bị nhốt trong lồng.”

“Ồi người thành nhà ái quốc mà chẳng tốn kém gì. Tôi không phải là nhà ái quốc và sẽ không bao giờ là thế, bất kể phải trả giá thế nào. Ổi người tin ở Thiên đàng và giữ một con lừa cột sẵn ở đó. Tôi chẳng có lừa nào cả, tôi tự do! Tôi không sợ địa ngục, ở đây con lừa của tôi hẳn sẽ tịch. Tôi cũng chẳng ao ước Thiên đàng, nơi lừa của tôi hẳn sẽ nhồi nhét đầy cỏ ba lá. Tôi là một thằng dốt đặc cán mai, tôi chẳng biết cách diễn đạt ra làm sao, nhưng chắc sếp cũng hiểu tôi, sếp nhỉ.

“Ồi kẻ sợ cái hào huyền của sự đời! Còn tôi đã vượt qua cái đó. Ổi người lao tâm khổ tứ nghĩ suy. Tôi chả cần suy nghĩ. Tôi không hờn hởi với cái tốt mà cũng chẳng tuyệt vọng vì cái xấu. Nếu tôi nghe tin người Hy Lạp chiếm Constantinople thì với tôi, cũng chẳng khác gì bọn Thổ chiếm Athens.

“Nếu bằng vào những điều nhăng nhít tôi vừa nói, sếp cho là tôi ám đầu thì xin hãy viết cho tôi hay. Ở đây tôi đến các cửa hiệu tỉnh Candia, tìm mua dây cáp và tôi cười cợt.

“Người ta cứ hỏi tôi: “Người anh em cười cái gì vậy?”, Nhưng làm sao tôi có thể giải thích cho họ được? Tôi cười là vì đúng lúc tôi giơ tay ra để xem dây cáp thép có cốt hay không, thì tôi lại nghĩ loài người là cái gì, tại sao con người lại ra đời và nó được việc gì... Chẳng được tích sự gì hết, nếu sếp hỏi tôi điều đó. Dù tôi có một mụ đàn bà hoặc là không có, dù tôi lương thiện hay bất lương, dù tôi là quan tổng trấn hay là gã phu khuân vác ngoài phố, thì cũng thế thôi. Điều duy nhất quan trọng là tôi còn sống hay đã chết. Dù ma quỷ hay Thượng đế gọi tôi về đất (mà sếp có biết sao không sếp? Tôi nghĩ ma quỷ với Thượng đế cũng chỉ là một), thì tôi cũng sẽ chết, sẽ trở thành một cái xác thối, đầu độc mọi người. Họ sẽ buộc phải chôn tôi xuống ít nhất là ba thước đất để khỏi bị chết ngạt.

“Nhân tiện, tôi xin hỏi sếp một điều khiến tôi hơi sợ – xin nhớ đây là điều duy nhất – ngày đêm nó không để cho tôi yên. Điều làm tôi sợ hãi, sếp ạ, đó là tuổi già! Cầu trời đừng bắt chúng ta phải già! Chết thì chẳng là cái

gì – phụt! một cái, ngọn nến tắt, thế là xong. Nhưng tuổi già thì thật là nhục.

“Tôi coi việc phải thừa nhận rằng mình đã cao niên là một điều vô cùng nhục nhã và tôi làm tất cả những gì có thể để ngăn mọi người khỏi thấy tôi già. Tôi tung tăng, nhảy múa, lưng tôi đau nhưng tôi vẫn nhảy. Tôi uống rượu, đầu vầng mắt hoa, mọi vật quay tít thò lò, nhưng tôi đâu có chịu ngồi xuống. tôi làm như thể mọi sự đều hoàn hảo. Tôi đổ mồ hôi, tôi nhảy ùm xuống biển tắm, đắm cảm lạnh và muốn ho – Khụ! Khụ! – cho nhẹ bớt, song lại xấu hổ, sếp ạ, và tôi cố nén cơn ho. Sếp có nghe thấy tôi ho bao giờ không? Không bao giờ! Và không phải (như sếp có thể nghĩ vậy) chỉ khi có mặt những người khác, mà cả những lúc chỉ có độc một mình tôi cũng vậy! Tôi cảm thấy xấu hổ trước mặt Zorba – sếp nghĩ thế nào về điều ấy hở sếp? Tôi xấu hổ trước mặt hẳn!

“Một hôm trên núi Athos – bởi vì tôi đã lên đó mà, ôi, thà tôi chặt bég bàn tay phải đi còn hơn – tôi gặp một tu sĩ, cha Lavrentio, què quán ở Chios. Tội nghiệp, ông ta tin rằng có một con quỷ bên trong ông, thậm chí ông đã đặt tên cho nó nữa: ông gọi nó là Hodja. ” Hodja muốn ăn thịt vào ngày thứ sáu tốt lành!” Cha Lavrentio tội nghiệp thường gào lên như vậy, đập đầu vào tường nhà thờ. ” Hodja muốn ngủ với đàn bà. Hodja muốn giết tu viện trưởng. Đó là Hodja, Hodja chứ không phải tôi.” Và ông đập đầu xuống thêm đá.

“Tôi cũng có một thứ ma quỷ trong tôi, sếp ạ, và tôi gọi nó là Zorba! Thằng cha Zorba bên trong, hẳn không muốn già, không muốn tí nào, và hẳn đã không già, sẽ không bao giờ già. Hẳn là một con yêu tinh, tóc hẳn đen như lông quạ, hẳn còn nguyên ba mươi hai (viết bằng số: 32) răng, một bông hoa cẩm chướng giắt ở tai. Nhưng cái tên Zorba bên ngoài, khốn khổ thân hẳn, bụng hẳn đã hơi phệ và tóc đã bạc khá nhiều. Hẳn đã quắt queo và nhăn nheo, răng rụng và cái tai to tướng nay đầy những lông trắng của tuổi già, những lông lừ dài!

“Hắn biết làm sao bây giờ, sếp? Hai tên Zorba ấy sẽ đấu nhau đến bao giờ? Tên nào sẽ thắng? Nếu tôi toi sớm thì sẽ ổn chuyện, tôi mách sợ. Nhưng nếu tôi tiếp tục sống một thời gian dài nữa thì hỏng kiểu. Hỏng kiểu, sếp ạ! Sẽ có ngày tôi bị nhục to. Tôi sẽ mất tự do, con dâu tôi, con gái tôi sẽ ra lệnh cho tôi giữ một đứa bé, một con quái vật nhỏ gớm ghiếc, hậu duệ của chúng, trông coi sao cho nó đừng bị bỏng, đừng té nhào, đừng nghịch bẩn. Vì nếu nó nghịch bẩn, úi chao! Chúng sẽ bắt tôi rửa ráy cho nó!

“Rồi sếp cũng sẽ phải qua cái cầu nhục nhã ấy sếp ạ, mặc dầu bây giờ sếp còn trẻ. Sếp hãy coi chừng. Sếp nghe tôi nói đây hãy đi theo con đường như tôi, khó có cách cứu rỗi nào khác đâu: chúng ta hãy lên núi, khai mỏ đồng, mỏ sắt, mỏ kẽm; chúng ta hãy làm ra hàng đồng tiền cho họ hàng kính nể, bạn bè liềm gót và tất cả bọn giàu có phải ngả mũ chào chúng ta. Nếu chúng ta không thành công, sếp ạ, thì nên cuốn gói đi, đưa đầu vào miệng hùm, sói hoặc bất kỳ con thú dữ nào ta gặp cho rồi – và cầu sao điều đó đem lại nhiều điều tốt lành cho chúng! Chính vì lẽ đó mà Thượng đế sai thú dữ xuống trần để kết liễu đời một số người như chúng ta để họ khỏi sa sút quá đáng.”

Đến đây, Zorba dùng bút chì màu vẽ một người cao, gày đang chạy trốn dưới mấy cây xanh với bảy con sói đỏ bám sát gót và bên trên hình đó là câu: “Zorba và Bảy Trọng Tội” viết bằng chữ lớn.

Rồi lão viết tiếp.

Qua bức thư này sếp hẳn thấy tôi là người bất hạnh như thế nào. Chỉ những lúc ở bên sếp, tôi mới có dịp trút: vơi bớt tâm trạng bệnh hoạn của mình qua những buổi trò chuyện với sếp. Bởi vì sếp cũng giống tôi, có điều sếp không nhận ra đấy thôi. Sếp cũng có một con quỷ trong người sếp, nhưng sếp chưa biết tên nó và vì sếp không biết, nên sếp có thể thờ được ([42]). Hãy đặt tên cho nó đi, sếp, sếp sẽ cảm thấy dễ chịu hơn.

” Tôi đã nói tôi bất hạnh biết mấy Tôi có thể thấy rõ rằng tất cả thông minh của tôi chỉ là ngu xuẩn, không hơn không kém. Tuy nhiên, có những thời kỳ hàng ngày liền, những tư tưởng lớn đến với tôi và nếu tôi có thể làm những điều mà cái thằng cha Zorba bên trong gợi ý thì thế giới sẽ phải kinh ngạc!

” Thấy mình không có điều khoản hạn định thời gian trong giao kèo với cuộc đời, tôi cứ nhả phanh khi xuống những con dốc nguy hiểm nhất. Đời người là một con đường hết lên đèo lại xuống dốc. Tất cả những kẻ khôn ngoan đều sử dụng phanh. Nhưng tôi – sếp ạ, đây có lẽ là chỗ tôi bộc lộ cốt cách của mình – tôi đã hoàn toàn vứt bỏ phanh từ lâu rồi. Vì tôi không hề sợ xóc. Khi máy trật đường ray bọn thợ máy chúng tôi gọi là “xóc”! Và có quý biết tôi có để ý đến những cú xóc tôi phải chịu đựng hay không! Ngày đêm, tôi phóng hết ga, chỉ làm những gì mình thích, thầy kệ nếu như tôi đổ rụn và tan thành từng mảnh. Tôi có cái gì mà mất? Chẳng có gì. Ngay cả nếu tôi cứ ung dung thư thả, liệu tôi có khỏi nhắm mắt xuôi tay không? Tất nhiên là không! Cho nên ta hãy cứ mở hết tốc lực!

” Tôi chắc chắn là lúc này sếp đang cười tôi, nhưng tôi cứ viết ra đây những lời ba hoa rỗng tuếch của tôi, hay nếu sếp thích, những suy nghĩ của tôi, hay những nhược điểm của tôi – ba cái đó thì có khác gì nhau? – quả là tôi không phân biệt nổi – tôi đang viết cho sếp và sếp hãy cười thoải mái nếu sếp không thấy ngán. Tôi cũng cười khi nghĩ là sếp đang cười và chính bởi thế cái cười không bao giờ dứt trên trái đất này. Mỗi người đều có cái điên rồ riêng, nhưng cái điên rồ lớn nhất, theo quan điểm của tôi, là không có cái điên rồ nào cả.

“Cho nên sếp có thể thấy là tôi đang phân loại sự điên rồ của tôi ở đây tại Candia và tôi xin bộc bạch tất cả với sếp vì tôi muốn thỉnh vấn sếp. Tất nhiên là sếp đang còn trẻ, nhưng sếp đã đọc sách thánh hiền cổ xưa và sếp đã – nói thế này sếp bỏ qua cho... sếp đã trở nên hơi cổ lỗ cho nên tôi muốn thỉnh vấn sếp.

“Phải, tôi nghĩ người nào cũng có hơi hướm riêng của mình. Ta ít để thấy nó, vì các thứ mùi lẫn lộn cả vào nhau và ta không thể khẳng định mùi nào là của anh, mùi nào là của tôi, thực thế. Ta chỉ biết là có một mùi hôi và cái đó ta gọi là “nhân loại” ... tôi muốn nói “mùi hôi người”. Có những kẻ hít lấy hít để cái đó như thể đó là hương hoa nhài vậy. Còn tôi thì nó làm tôi lộn mửa. Dù sao, ta cũng cho qua, đó là chuyện khác.

” Tôi muốn nói – tôi lại sắp thả phanh đấy – rằng đàn bà, các mục các ả ấy thính mũi như chó. Họ đánh hơi ra ngay thẳng đàn ông nào thèm muốn họ và thẳng nào không. Chính vì thế mà mọi thành phố tôi đặt chân tới, ngay cả bây giờ khi tôi đã già nua xấu xí như khi đột lại chẳng có quần áo diện, bao giờ tôi cũng có một hai mục đàn bà chạy theo. Họ đánh hơi ra tôi, đồ đi! Cầu Chúa ban phước cho họ!

“Dù sao mặc lòng, hôm đầu tiên tôi tới Candia an toàn, trời đã sẫm tối. Tôi cấp tập đến ngay các hiệu buôn, nhưng tất cả đều đóng cửa. Tôi vào một quán trọ, cho là ăn, tôi cũng ăn uống và tắm rửa sạch sẽ. Rồi tôi châm một điếu thuốc lá và đi dạo một vòng thăm dò. Tôi chẳng quen biết ai trong thành phố và cũng chẳng ma nào biết tôi, tôi hoàn toàn tự do. Tôi có thể huýt sáo vang trên đường phố, cười, nói một mình. Tôi mua ít hạt bầu rang muối, nhắm nháp, nhổ vỏ và lang thang thỏa thích.

Đường phố lên đèn, đàn ông uống rượu khai vị. đàn bà trở về nhà, không khí ngào ngạt mùi son phấn, xà phòng thơm, rượu hồi và souvlakia ([43]). Tôi tự bảo: “Này Zorba, liệu mày hy vọng còn được sống bao lâu nữa với hai cánh mũi phập phồng này? Mà chả còn mấy nả mà hít không khí nữa đâu. Dẫn tiếp đi, ban già hời, cố hít cho thật sâu hết mức vào!”

“Ấy, tôi đang tự nhủ thế trong khi đi ngang đi dọc cái quảng trường lớn mà sếp biết đó. Bỗng nhiên – đội ơn Chúa! – tôi nghe thấy tiếng hò reo, tiếng khiêu vũ, tiếng trống chơi mấy ca khúc Đông phương. Tôi dỏng tai lên và chạy đến chỗ phát ra những âm thanh rộn rã đó. Đó là một tiệm cà phê ca múa nhạc. Đúng là cái tôi đang cần.

Tôi bước vào. Tôi ngồi vào một bàn nhỏ ngay ở hàng đầu. Tại sao tôi lại phải rụt rè nhỉ? Như tôi đã nói, chẳng ai biết tôi, tôi hoàn toàn tự do.

“Mộc phụ nữ lóng ngóng, to đùng đang nhảy trên bục, váy vén cao, nhưng tôi không buồn chú ý đến. Tôi gọi một chai bia, rồi một cô nàng nhỏ nhỏ, dễ thương da ngăm ngăm, đến ngồi vào bàn tôi. Mặt ả bự phấn như thế trát bằng tay thợ nề.

- “Ông nội không phản đối chứ? Ồ vừa hỏi vừa cười khanh khách.

“Nghe vậy máu bốc lên đầu tôi. Con nhỏ hỗn xược! Tôi cảm thấy một thôi thúc ghê gớm muốn vặn cổ ả. Nhưng tôi nén giận, tôi ái ngại cho giống “cái”, cho nên tôi bèn gọi bồi:

” Bồi, hai chai sâm-banh!

“Sếp thứ lỗi cho! Tôi đã tiêu khá tiền của sếp, nhưng đây là một xúc phạm ghê gớm, tôi phải cứu vãn danh dự của chúng ta, danh dự của sếp cũng như của tôi. Tôi phải bắt con ranh con này quì gối trước chúng ta, đó thật sự là nhiệm vụ của tôi. Tôi biết sếp ắt không bao giờ để tôi không vũ khí tự vệ như thế trong một thời điểm gay go! Cho nên, “Bồi, hai chai sâm-banh!”

“Sâm-banh được mang đến và tôi gọi cả bánh ga-tô, rồi thêm chút sâm banh nữa. Một gã mang hoa nhài đến, tôi mua cả giỏ đút vào lòng con nhỏ dám lăng nhục chúng ta.

“Chúng tôi uống hoài uống hủy, nhưng thề với sếp tôi không hề cẩu vẹo ả. Tôi biết cái chất của mình chứ.

Khi còn trẻ. điều đầu tiên tôi làm với phụ nữ là cẩu vẹo, đùa giỡn. Bây giờ về già, điều đầu tiên tôi làm là chi tiền, chiều chuộng, đãi đằng xả láng. Đàn bà rất thích được đối đãi như vậy. Các mềng đâm chết mê mình; và dù mình có gù lưng, già cú đế, xấu như ma, họ cũng quên tiệt. Đồ đĩ rạc, họ

chẳng nhìn thấy gì khác ngoài bàn tay đổ tiền bạc như nước chảy. Cho nên, như tôi đã nói, tôi đã tiêu một đồng tiền – cầu Chúa ban phước lành cho sếp và đền bù lại cho sếp gấp trăm lần – và cô ả nói trên bám riết lấy tôi. ả xích lại mỗi lúc một gần, áp cái đầu gối xinh xẻo vào hai cẳng chân to tướng xương xẩu của tôi. Những tôi cứ lạnh như tảng băng, mặc dầu bên trong thì nóng bỏng, bồn chồn. Đó là cái làm đàn bà điên đầu, sếp nên biết thế, trong trường hợp sếp ở vào tình thế như vậy điều đó có thể giúp ích cho sếp: cứ để họ cảm thấy mình sôi sục bên trong mà vẫn không thềm đụng tới họ!

” Thế, nửa đêm qua, rồi sang giờ tý. Tiệm cà phê bắt đầu tắt đèn đóng cửa. Tôi rút ra một tập giắc bạc một nghìn drachma, trả tiền và cho gã bồi bàn một món puốc boa hậu hĩnh. Cô ả bám chặt lấy tôi.

“- Anh tên gì? ả hỏi tôi, giọng đầy sần muộn tương tư.

“- Ông nội, tôi đáp, vè tự ái.

“- Con dĩ trợ tráo véo tôi thật mạnh và thì thầm: ” – Đi với em... đi với em nào!”

” Tôi cầm bàn tay nhỏ nhắn, siết chặt ra vè hiểu ý và đáp:

“- Vậy thì đi, cô bé...

“Giọng tôi khản đi.

“Phần còn lại, chắc sếp có thể hình dung ra được. Chúng tôi mần trò của mình. Rồi chúng tôi lăn ra ngủ.

Khi thức giấc, ít ra cũng đã mười hai giờ. Tôi nhìn quanh và tôi thấy gì? Một căn phòng nhỏ dễ thương, mới toanh, những chiếc ghế bành, một lavabo, những bánh xà phòng, những lọ nước thơm, gương lớn, gương nhỏ, những chiếc áo váy màu sắc tươi vui treo trên tường, hàng lô ảnh chụp nào thủy thủ, sĩ quan, nào thuyền trưởng cảnh sát, nào vũ nữ, những ả mang độc

một thứ trên người: đôi dép, và trên giường, bên cạnh tôi, một mẫu giống cái – nòng ấm, thơm tho và lỏa xõa tóc!

“Ồi Zorba, tôi nhắm mắt lại tự nhủ, mà đang còn sống mà đã lọt vào Thiên đàng! Đây là một nơi trú ngụ tốt đừng có rời khỏi!

“Sếp à, trước đây đã có lần tôi nói với sếp rằng mỗi người có Thiên đàng riêng của mình. Với sếp. Thiên đàng chứa đầy sách cùng những chai mực lớn. Với kẻ khác, nó là một kho đầy những thùng rượu vang, rượu rum và brandi, với ai nữa lại là những đồng tiền. Với tôi, Thiên đàng là như thế này: một căn phòng nho nhỏ thơm phức với những chiếc áo váy màu sắc tươi vui trên tường, những bánh xà phòng thơm, một cái giường lò xo lớn và bên cạnh tôi, một con cái.

” Xưng tội là được tha thứ một nửa. Hôm ấy, tôi không thò mũi ra khỏi cửa. Thử hỏi tôi còn cần đi đâu và làm gì nữa? Chả cần! Tôi ở đây tốt chán rồi. Tôi cho người đến lữ quán số một của thành phố đặt họ mang tới cho chúng tôi một khay thức ăn toàn đồ bồi bổ hạng: caviar đen, thị sườn, cá, nước chanh ép, cadaif ([44])

Chúng tôi lại chăm lo việc riêng mần tình tí ti và ngủ thêm giấc nữa. Đến tối chúng tôi dậy, mặc quần áo và lại khoác tay nhau đến tiệm cà phê.

“Để nói vắn tắt và khỏi làm sếp ngộp trong những lời dông dài, cái chương trình ấy vẫn còn đang tiến hành. Nhưng sếp đừng lo sếp ạ, tôi cũng vẫn chăm lo công việc của sếp. Thỉnh thoảng, tôi vẫn đi ngó quanh các cửa hiệu. Tôi sẽ mua dây cáp và tất cả những thứ ta cần, sếp yên trí. Sớm một ngày hay chậm một ngày hoặc một tuần hoặc thậm chí một tháng đi nữa thì có hệ trọng gì? Như bọn tôi thường nói, mèo mẹ nóng vội sinh mèo con dị dạng.

Vì lợi ích của sếp, tôi đang đợi cho tai tôi nghe hết được mọi chuyện và đầu óc tôi sáng sủa ra để khỏi bị lừa. Tôi phải mua được dây cáp hạng nhất,

kéo chúng ta sẽ thất bại. Cho nên, hãy kiên nhẫn, sếp ạ, và hãy tin tôi.

“Nhất là sếp đừng lo cho sức khỏe của tôi. Những cuộc phiêu lưu là có ích cho tôi. Chỉ trong mấy ngày tôi đã trở lại tuổi đôi mươi. Xin cam đoan với sếp, tôi sung sướng đến nỗi sắp mọc một bộ răng mới. Khi tới đây lưng tôi hơi đau một chút những bây giờ lại khỏe như vâm. Mỗi sáng, tôi soi gương và cứ ngạc nhiên là qua đêm rồi mà sao tóc mình chưa đen lại như xi đánh giày.

” Nhưng chắc sếp sẽ hỏi tại sao tôi lại viết cho sếp như vậy? Ờ ... sếp cũng kể như một đấng cha nghe tôi xưng tội vậy và tôi chẳng hề xấu hổ thú nhận mọi tội lỗi với sếp. Sếp có biết tại sao không? Theo nhận thức của tôi, dù tôi làm phải hay làm bậy, sếp cũng bất cần. Giống như Thượng đế, sếp cầm một miếng bọt biển dầm nước và xoẹt xoẹt! Sếp lau sạch hết. Đó là điều thúc đẩy tôi nói hết mọi chuyện với sếp như vậy. Cho nên sếp hãy nghe nhé!

“Đầu óc tôi đang lộn tung bậy và tôi sắp sửa hoàn toàn mất trí. Xin sếp hãy vui lòng cầm bút viết cho tôi ngay sau khi nhận được thư này. Từ giờ đến lúc nhận được thư trả lời của sếp, tôi sẽ như ngồi trên đồng lửa. Tôi nghĩ là từ bao năm nay tên tôi đã bị gạch trong sổ của Thượng đế! Và cả trong sổ của Xa tăng nữa. Duy nhất chỉ có sổ của sếp là còn ghi tên tôi. Tôi nghĩ vậy cho nên tôi chả còn ai ngoài sếp tôi chí tôn chí kính để hướng về; cho nên xin lắng nghe điều tôi cần bộc bạch. Đầu đuôi là thế này:

” Hôm qua, ở một làng gần Candia, có mở hội – ma quỷ bắt tôi đi nếu tôi biết đó là hội mừng ông Thánh nào! Lola... à, đúng là tôi quên chưa giới thiệu với sếp tên nàng là Lola – phải, nàng bảo tôi:

” Ông Nội à! Nàng lại gọi tôi là ông nội, những bây giờ, đó là một cái tên âu yếm, sếp ạ. “Ông Nội”, nàng nói, ” em muốn đi hội.”

” -Vậy thì Bà Nội cứ đi đi, tôi bảo nàng.

” -Nhưng em muốn đi với anh cơ.

” -Anh không đi. Anh không thích các vị Thánh. Em đi một mình vậy”
Thôi được, em cũng chả đi nữa.

“Tôi trùng trùng nhìn nàng.

” – Em không đi ư? Tại sao? Em không muốn đi sao?

” – Nếu anh cùng đi thì em muốn. Nếu không thì em chả thiết.

“- Tại sao? Em là một người tự do cơ mà?

“- Không, em đâu phải là người tự do.

“- Em không muốn tự do ư?

“- Không, em không muốn.

” Tôi ngỡ mình nghe thấy những tiếng siêu phàm. Thật thế “

“- Em không muốn tự do? Tôi kêu lên.

” – Không, em không muốn! Em không muốn! Em không muốn!

“Sếp ạ, tôi đang viết thư này trong phòng của Lola, bằng giấy của Lola; vì lòng kính Chúa, xin sếp hãy nghe cho kỹ. Tôi nghĩ chỉ những ai muốn được tự do, mới là con người. Đàn bà không muốn tự do. Vậy đàn bà có phải là người không?

“Vì Chúa, xin sếp hãy trả lời thật sớm.

” Chúc mọi điều tốt lành nhất cho ông chủ tốt nhất trong các ông chủ.

Tôi, ALEXIS ZORBA”

Đọc xong thư của Zorba, tôi phân vân mất một lúc, do dự giữa hai bề – không, ba bề. Tôi không biết nên nổi giận hay nên cười, hay chỉ nên thán phục con người hoang sơ ấy đã đập vỡ bég cái vỏ ngoài cuộc sống – lô gích, đạo lý, lương thiện – để đi thẳng vào bản chất của nó. Tất cả những đức tính nho nhỏ, rất hữu ích, lão đều không có. Lão chỉ có độc một đức tính bần tiện, nguy hiểm, khó thỏa mãn, không ngừng thôi thúc lão với một sức mạnh không cưỡng nổi tiến tới những cực hạn, tới vực thẳm.

Khi viết, người lao động thất học này làm gãy bút trong xung khí mãnh liệt của lão. Như những con người đầu tiên trút bỏ lột khi, hoặc như những triết gia lớn, lão bị chi phối bởi những vấn đề cơ bản của nhân loại. Lão nghiệm sinh những vấn đề đó như thể chúng là những nhu cầu trực tiếp và cấp bách. Giống như trẻ thơ, lão thấy mọi vật lần đầu tiên. Lão không bao giờ hết ngạc nhiên và không ngừng tự hỏi: tại sao? Do đâu? Mọi sự đối với lão đều thần diệu và mỗi sớm mai mở mắt thấy cây cối, biển cả sỏi đá và chim muông, lão đều bàng hoàng ngây ngất.

- Phép thần kỳ gì đây? Lão kêu lên. Những sự huyền bí gọi là cây, đá, biển, chim kia, đó là gì nhỉ?

Tôi nhớ một hôm, đang đi về phía làng, chúng tôi gặp một ông già nhỏ bé cười một con la. Zorba trở mắt ra nhìn con vật. Cái nhìn của lão dữ dội đến nỗi ông già nông dân phát hoảng kêu lên.

- Lạy Chúa, người anh em, đừng nhìn nó như kiểu gieo tai họa thế! Và ông làm dấu thánh giá.

Tôi quay sang Zorba:

- Bác làm gì ông lão để ông ta kêu lên như vậy? Tôi hỏi lão.

- Tôi ấy à? Sếp cho là tôi làm gì? Tôi nhìn con la, có thể thôi! Sếp không thấy kỳ lạ sao?

- Cái gì kỳ lạ?

- À... lạ cái là làm sao lại có những thứ như con la trên đời này!

Một hôm khác, tôi đang nằm dài trên bãi biển đọc sách thì Zorba đến ngồi trước mặt tôi, đặt cây santuri lên đầu gối và bắt đầu chơi. Tôi ngước mắt lên nhìn lão. Nét mặt lão thay đổi dần và một niềm vui cuồng khấu xâm chiếm lão. Lão lắc lư cái cổ dài nhăn nheo và bắt đầu hát.

Những ca khúc Macedonia và Klepht, những tiếng hò man rợ, cổ hợng con người như trở lại thời tiền sử khi mà tiếng hét là một tổng hợp lớn chứa tất cả những gì ngày nay ta gọi là thơ, nhạc và tư tưởng. “Ăc-kh! Ăc-kh!” Tiếng kêu phát ra từ sâu thẳm tâm can Zorba và toàn bộ lớp vỏ mỏng của cái ta gọi là văn minh vỡ toác để cho con thú bất tử, vị thần lông lá, con đười ươi khủng khiếp, bước ra.

Than bùn linhít, lỗ lã, mađam Hortense và những kế hoạch cho tương lai, tất cả đều biến mất. Tiếng kêu chở tất cả đang trước nó; chúng tôi không cần gì khác. Bất động trên bờ biển cô liêu này của đảo Crete, cả hai chúng tôi đều giữ trong lồng ngực tất cả sự cay đắng và ngọt ngào của cuộc đời. Cay đắng và ngọt bùi đều không tồn tại nữa. Mặt trời lặn, đêm đến, chòm sao Đại Hùng Tinh nhảy nhót quanh cái trục bất động của bầu trời, trắng lên và kinh hãi nhìn hai con thú nhỏ xíu đang hát trên bãi cát, không sợ bất kỳ ai.

- À! con người là dã thú, Zorba đột ngột nói, quá kích động với những bài hát của mình. Bỏ mặc sách vở đấy! Sếp không xấu hổ sao? Con người là dã thú, mà dã thú thì không có đọc sách.

Lão im lặng một lúc, rồi cất tiếng cười.

- Sếp có biết Thượng đế tạo ra con người như thế nào không? Lão nói. Sếp có biết câu đầu tiên con vật ấy – tức là người – nói với Thượng đế là như thế nào không?

- Không. Làm sao tôi biết được? Tôi có ở đây đâu.

- Tôi có ở đây. Zorba kêu lên, hai mắt long lanh.

- Vậy thì kể tôi nghe nào.

Nửa xuất thần, nửa giễu cợt, lão bắt đầu bịa ra câu chuyện hoang đường về việc tạo ra con người.

- Được nghe đây, sếp! Một buổi sáng, Thượng đế thức dậy cảm thấy lòng buồn ngao ngán. “Thượng đế quái gì ta! Ta chẳng có thằng người nào thấp hương trầm khấn vái ta và nhân danh ta mà thề thốt để tiêu sầu! Ta đã chán sống thui thủi một mình như con cú già rồi. Xì!” Ngài nhổ vào hai bàn tay mình, xắn tay áo, đeo kính, lấy một nắm đất, nhổ lên làm thành bùn, nhào thật kỹ và nặn thành một thằng người nhỏ xíu cắm vào mặt trời.

“Bảy ngày sau, Ngài rút nó ra khỏi mặt trời. Nó đã được nung rắn như sành. Thượng đế nhìn nó và ôm bụng cười ngặt nghẽo.

“- Quý tha ma bắt, Ngài nói, đó là một con lợn đứng bằng hai chân sau! Hoàn toàn không phải cái ta muốn! Rành là ta đã làm hỏng bét!

“Thế là Ngài túm gáy nó xách lên và đá đít nó.

“- Thôi, xéo đi cho rành! Tất cả công việc của mi giờ đây là tạo ra những con lợn con khác; trái đất là của mi đó! Nào a-lê hấp, tới đó đi! Một, hai, một, hai! ... Bước mau, bước?

“Nhưng, sếp thấy đó, nó đâu phải là con lợn! Nó đội một cái mũ phớt, một cái áo vét-tông thêu đánh khoác lên vai, quần là xếp li phẳng phiu, chân đi dép lê Thổ Nhĩ Kỳ có búp tua đỏ. Và ở thắt lưng – hẳn đây là do ma quỷ cho – là một con dao găm nhọn có khắc dòng chữ: Ta sẽ hạ thủ mi!

“Đó là con người! Thượng đế giơ tay ra cho kẻ kia hôn, nhưng con người xoắn bộ ria mà rằng:

“- Xê ra, lão già, tránh đường cho ta qua!”

Đến đây, Zorba dừng lại khi thấy tôi phá lên cười.

Lão cau mày:

- Đừng có cười! Lão nói. Chuyện xảy ra đúng như thế đó.

- Làm sao bác biết được?

- Tôi cảm thấy nó diễn ra như vậy và nếu tôi ở vào địa vị Adam, ắt tôi đã làm thế. Tôi xin cuộc là nếu Adam làm khác thế thì cứ chặt đầu tôi đi. Và sếp đừng có tin những điều nói trong sách; tôi mới là người sếp nên tin cậy. Không chờ tôi trả lời, lão xòe bàn tay hộ pháp và lại tiếp tục chơi santuri.

Tôi vẫn còn cầm lá thư thơm phức có hình trái tim xuyên qua của Zorba và sống lại tất cả những ngày ấy, những ngày ảm đạm sự hiện diện rất người của Zorba, mà tôi đã trải qua bên lão. Trong sự bầu bạn với Zorba, thời gian đã đượm thêm một hương vị mới. Nó không còn là một chuỗi số học những sự kiện bên ngoài, cũng không còn là một vấn đề triết học nan giải bên trong. Nó là cát ấm rây từng hạt nhỏ và tôi cảm thấy nó êm ái lọt qua kẽ tay.

“Cầu Chúa ban phước lành cho Zorba!” Tôi thì thầm. “Lão đã đem lại một hình thể sống động, nồng ấm, yêu dấu cho mọi ý niệm trừu tượng run rẩy trong tôi. Khi lão không có đây, tôi lại bắt đầu run rẩy.”

Tôi lấy một tờ giấy, gọi một công nhân và gửi một bức điện khẩn: “Về ngay!”

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 14

Chiều thứ bảy, mồng một tháng Ba. Tôi dựa vào một tảng đá quay ra biển viết. Hôm ấy, tôi đã trông thấy con én đầu xuân và tôi sung sướng. Những lời phù chú nhằm xóa bỏ ảnh hưởng của Đức Phật tuôn ra không chút vướng vấp trên mặt giấy và cuộc đấu tranh của tôi với Ngài đã dịu đi, tôi không còn cuống quýt tuyệt vọng nữa và tôi tin chắc mình sẽ được giải thoát.

C

Đột nhiên, tôi nghe thấy tiếng chân bước trên sỏi.

Tôi ngược mắt lên và thấy ngư nữ già của chúng tôi lắc lư đi dọc theo bờ biển, trang sức đầy người. Mụn nóng ngọt, thở hỗn hển và có vẻ lo lắng điều gì.

- Có thư không? Mụn bồi hồi hỏi.

- Có! Tôi cười đáp và đứng dậy để đón mụn. Bác ấy gửi lời chào bà rất thăm thiết, nói là ngày đêm nghĩ đến bà, hầu như không ăn không uống được và thấy khó lòng chịu nổi sự xa cách này.

- Anh ấy chỉ nói thế thôi ư? Người đàn bà khỗ sở hỏi, thở không ra hơi. Tôi ái ngại cho mụn. Tôi móc túi lấy thư và đọc bìa. Ngư nữ già há cái miệng móm mém, cặp mắt nhỏ chớp chớp và nín thở nghe.

Tôi vờ đọc nhưng vì hơi lúng túng, tôi làm như phải chậ vật mới đọc ra chữ lão:

“Hôm qua, tôi vào ăn ở quán ăn rẻ tiền, sếp ạ. Tôi đói... Rồi tôi thấy một cô gái đẹp cực kỳ bước vào, một nữ thần thực sự... Lại chúa! Nàng giống hệt Bouboulina của tôi! Và lập tức nước mắt tôi tuôn ra như suối, cổ họng tôi nghẹn lại... Tôi không nuốt được nữa! Tôi đứng dậy trả tiền và bỏ đi. Và tôi đây, một kẻ xuân thu nhị kỳ mới nghĩ đến thần thánh, sếp ạ, tôi xúc động sâu sắc đến nỗi tôi chạy đến nhà thờ Thánh Minas và thắp một cầu nến dâng Ngài. Tôi cầu nguyện: ” Thánh Minas, xin cho con nhận được tin lành của thiên thần con yêu. Cho chúng con sớm được liền cánh bay sóng đôi!”.

- Ha! Ha! Madam Hortense cười, mặt ngời lên vui sướng.

- Bà cười gì vậy? Tôi hỏi, ngưng lại để lấy hơi và nghĩ thêm vài câu nói đối nữa. Bà cười gì? Chuyện này làm tôi muốn khóc thì đúng hơn.

- Giá ông biết... giá ông biết... mụ khúc khích rồi cười phá lên.

- Biết cái gì?

- Cánh... Anh ta gọi chân là thế. Cái anh nởm ấy. Khi có một mình hai chúng tôi với nhau, anh ấy vẫn gọi chân là cánh. Cầu cho chúng ta cánh liền cánh, anh ấy nói vậy Hí! Hí!

- Vậy bà nghe tiếp đoạn sau nhé. Bà sẽ thực sự sững sờ cho mà xem... Tôi giở qua trang và lại giả vờ đọc:

” Và hôm nay khi tôi đi ngang qua một hiệu cắt tóc, tay thợ cắt tóc đem đồ chậu nước xà phòng ra ngoài. Cả phố sực nức mùi thơm. Tôi lại nghĩ đến Bouboulina và bắt đầu khóc. Tôi không thể ở xa nàng lâu hơn nữa, sếp ạ Tôi đến điên đầu lên mất thôi... Sếp xem này thậm chí tôi còn làm thơ nữa kia. Cách đây hai đêm, tôi không ngủ được và tôi viết một bài thơ nhỏ

tặng nàng... Tôi hy vọng sắp sẽ đọc cho nàng nghe để nàng thấy tôi đau khổ biết nhường nào...

“Ôi! Giá chúng mình gặp được nhau trên một quãng đường “Đủ rộng để chứa vừa sâu tủi nhớ thương “Dù thân anh đâu có bị nghiền như cám “Xương nát tan vẫn đủ sức chạy theo em Mắt đờ đẫn lim dim, mađam Hortense sung sướng lắng nghe hết sức chăm chú. Thậm chí mụ còn tháo dải băng cho khỏi làm nghẹt cổ và cho những nếp nhăn được tự do một lúc. Mụ lặng thinh và mỉm cười. Sung sướng và hài lòng, tâm trí mụ như đang bồng bênh tận nơi nào xa tít.

Tháng Ba, cỏ non xanh chen hoa đỏ, vàng và tía, nước trong veo với những đàn thiên nga trắng và đen vừa phủ nhau vừa líu ríu hót. Những con cái trắng và những con đực đen, mỏ đỏ thắm hé mở. Những con cá chình xanh từ dưới nước nhô lên ánh ánh, quẩn quanh những con rắn to vàng ềnh. Mađam Hortense lại thành cô gái mười bốn nhảy múa trên những tấm thảm phương Đông ở Alexandria, Beirut, Smyrna, Constantinople, rồi vượt biển đến đảo Crete trên những boong tàu bóng lộn. Bây giờ, mụ không nhớ rõ ràng nữa. Mọi chi tiết nhòa lẫn, ngực mụ phập phồng, những bên bờ nứt toác. Và thành linh, trong khi mụ nhảy múa, biển bỗng đầy những con tàu mũi dát vàng. Trên boong, những lều bạt nhiều màu sắc và cờ đuôi nheo bằng lụa phấp phới. Cả một đoàn pasa chui ra từ các lều, búp tua vàng óng trên mũ fez, những thống đốc Thổ già giàu sụ đi hành hương mang đầy lễ vật sang trọng trên tay cùng với lũ con trai mặt mày buồn bã, cầm nhẫn thín của họ. Các thủy sư đô đốc cũng đến, mũ ba chành lấp lánh và những thủy thủ, cổ áo trắng bớp, quần rộng phấp phới. Theo sau là đám thanh niên Crete quần phồng ống túm bằng vải xanh nhạt, ủng vàng, tóc chít bằng mùi soa đen. Đi sau cùng, cách khá xa, là Zorba, đồ sộ, gày đi vì làm tình nhiều, ngón tay đeo một chiếc nhẫn đính hôn to đùng, một vòng hoa cam trên mái tóc nhuộm bạc...

Từ những con tàu, lũ lượt đến tất cả những người đàn ông mù đã quen biết trong cuộc đời phiêu lãng của mình, không thiếu một ai, kể cả lão lái đò hồng răng, gù lưng đã đưa mù đi chơi trên sông một đêm ở Constantinople. Đêm đã xuống, không ai nhìn rõ mặt họ. Tất cả đều ra sân khấu, tất cả bọn họ và trên phong cảnh, úi chà chà. Những bầy cá Chình, Rắn và Thiên Nga đang phủ nhau!

Đám đàn ông đến và gặp mù; họ họp thành từng cụm quần lầy nhau như bầy rắn động tình mùa xuân ngóc đầu lên chập thành một bó, riu rít. Và ở giữa, trắng ngần và trần truồng, bóng nhẫy mồ hôi, môi hé mở để lộ những chiếc răng nhọn xinh xinh, thân cứng cáp với nỗi khát khao khôn thỏa, vú dựng lên, một mađam Hortense mười bốn, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, sáu mươi cái xuân xanh, đang huýt gió.

Không có gì mất đi cả, chưa một người tình nào chết! Trong bộ ngực héo quắt của mù, tất cả bọn họ sống lại, xênh xang lễ phục. Như thế mađam Hortense là một chiến thuyền ba cột buồm uy nghi và tất cả các tình nhân mù đã trải bốn mươi lăm năm hành nghề – đều đáp trên mình mù, vào hầm tàu, lên mạn tàu, lên những dây chằng cột buồm, trong khi mù lướt tấm thân nát tươm đầy vết xăm trên ngọn sóng hướng về bến bờ lớn cuối cùng mà mù hằng khao khát mãnh liệt bấy lâu nay: hôn nhân. Và Zorba mang hàng ngàn khuôn mặt: Thổ Nhĩ Kỳ, u châu, Armenia, Ả Rập, Hy Lạp và khi ôm ghì lão, mađam Hortense ôm trọn cả đoàn bất tận những tình nhân đầy ơn phước...

Ngư nữ già bất chợt nhận ra rằng tôi đã ngừng đọc; ảo cảnh tan biến đột ngột và mù nhướn cặp mí mắt nặng trĩu.

- Anh ấy không nói thêm gì nữa sao? Mù hỏi, giọng trách móc, liếm môi thòm thèm.

- Bà còn muốn gì nữa, mađam Hortense? Bà không thấy là từ đầu đến đuôi bức thư chỉ nói về bà đó sao? Bà xem đây, cả bốn tờ đặc! Và ở góc

trang, lại có cả một trái tim nữa. Zorba bảo chính tay lão vẽ đấy. Nhìn xem, mũi tên tình yêu xuyên thủng tim và, xem này bên dưới, hai con bồ câu ôm ấp nhau và trên hai đôi cánh, hai cái tên lồng vào nhau: Hortense – Zorba, chữ nhỏ li ti viết bằng mực đỏ!

Bồ câu chẳng có mà tên cũng không, nhưng cặp mắt nhỏ của ngư nữ già đầy lệ nhòa và có thể nhìn ra bất cứ cái gì chúng muốn thấy.

- Không còn gì nữa? Không còn gì nữa? Mụ lại hỏi, vẫn chưa thỏa mãn.

Nào cánh, nào nước xà phòng của gã thợ cắt tóc, nào đôi bồ câu nhỏ-mọi cái đó đều rất hay ho, nhưng tất cả chỉ là một lô từ hoa mỹ, chỉ là hư không. Cái đầu óc phụ nữ thực tế của mụ cần một cái gì khác, một cái gì cụ thể hơn, chắc chắn hơn. Biết bao lần trong đời, mụ đã nghe cái loại chuyện tào lao ấy! Và nó có giúp ích gì cho mụ? Sau bao năm làm nghề vất vả, mụ đã bị bỏ lại mắc cạn trơ một mình.

- Không còn gì nữa? Mụ lại thì thầm, đầy trách móc. Không còn gì nữa sao?

Mụ nhìn tôi bằng cặp mắt giống như mắt con hươu cái bị dồn đến cùng đường. Tôi thấy thương hại mụ.

- Lão còn nói một điều rất quan trọng, mađam Hortense, tôi nói. Vì thế, tôi để dành đến cuối.

- Đó là cái gì...? Mụ thở dài nói.

- Lão viết rằng khi nào trở về, lão sẽ đến bà ngay, quỳ gối và rưng rưng nước mắt van xin bà lấy lão. Lão không thể đợi lâu hơn nữa. Lão muốn bà trở thành người vợ yêu dấu của lão, lão nói vậy mađam Hortense Zorba ạ, để hai người không bao giờ xa nhau nữa.

Lần này thì nước mắt trào ra thật. Đây là niềm vui tột đỉnh, là bến náu hăng ao ước thiết tha; đây là điều mà cho đến nay mù vẫn tiếc là đời mù không có được: Yên ổn và nằm trên một cái giường chính chuyên, thế thôi, không hơn!

Mụ đưa tay lên che mắt.

- Được, mù nói với vẻ hạ cố của một đại phu nhân, tôi chấp nhận. Nhưng xin ông nhắc với anh ấy hộ rằng ở đây trong làng này, không có vòng hoa cam. Anh ấy sẽ phải kiếm ở Candia mang về. Anh ấy cũng phải mang về hai cây nến trắng với những dải băng hồng và một ít kẹo hạnh đào thật ngon nữa. Rồi anh ấy phải mua cho tôi một cái áo cưới trắng, tất lụa và giày xa-tanh cao gót. Khăn trải giường thì có rồi, ông bảo anh ấy khỏi mang về. Giường cũng có rồi.

Mụ lên danh sách những hàng cần mua, ngay từ giờ đã biến chông thành kẻ chạy việc vặt. Mụ đứng dậy. Thoắt cái, mù đã khoác cái vè của một phụ nữ có chông đàn ông.

- Tôi có điều muốn hỏi ông, mù nói. Một điều nghiêm túc. Rồi mù chờ đợi, vẻ xúc động.

- Nói đi, mađam Hortense, tôi xin sẵn sàng hầu bà.

- Zorba và tôi rất quý mến ông. Ông rất tốt và ông sẽ không làm xấu mặt chúng tôi. Ông có vui lòng làm chứng cho chúng tôi không?

Tôi rùng mình. Trước đây, ở nhà cha mẹ tôi có một nữ gia nhân già tên là Diamandoula ngoài sáu mươi tuổi, một mù già có ria mép, dở điên dở dại vì không chông, hay cúi kính, quắt queo và ngực phẳng như tấm ván. Mụ ta phải lòng Mitso, con trai lão chủ hiệu tạp phẩm trong vùng, một thanh niên nông dân béo tốt, không có râu và dơ bẩn.

- Bao giờ thì anh lấy tôi? Chủ nhật nào mẹ cũng hỏi gã. Cưới tôi ngay đi! Làm sao anh có thể đợi lâu thế? Tôi không chịu nổi nữa!

- Tôi cũng thế! Gã con chủ hiệu tạp phẩm ranh mãnh lắm, lừa phỉnh mẹ để khỏi mất khách hàng. Tôi không thể kéo dài hơn nữa, Diamandoula ạ; nhưng dù sao đi nữa, chúng ta cũng không thể cưới trước khi tôi mọc một bộ ria mép như của bà...

Năm lại năm trôi qua như vậy và mẹ già Diamandoula vẫn đợi. Thần kinh mẹ dụi đi, mẹ ít đau đầu hơn, đôi môi chua chát không bao giờ được hôn, bắt đầu biết mỉm cười. Mẹ giặt quần áo cẩn thận hơn, ít đánh vỡ bát đĩa hơn và không bao giờ làm cháy món ăn nữa.

- Cậu chủ, cậu có vui lòng đến làm chứng cho chúng tôi không? Một buổi tối, mẹ len lén hỏi tôi.

- Nhất định tôi sẽ đến, Diamandoula ạ, tôi đáp, cố họng nghẹn lại vì thương hại mẹ.

Chỉ riêng đề nghị đó cũng đủ làm tôi thắt lòng; chính vì thế mà tôi rùng mình khi nghe thấy madam Hortense cũng yêu cầu như vậy.

- Nhất định là tôi vui lòng, tôi đáp. Đó là một vinh dự cho tôi, madam Hortense.

Mẹ đứng dậy, khẽ vỗ vào những lọn tóc nhỏ rủ xuống từ dưới chiếc mũ và liếm môi.

- Chúc ông ngủ ngon, mẹ nói. Chúc ông ngủ ngon. Và cầu sao anh ấy sớm trở về với chúng ta!

Tôi nhìn mẹ lạch bạch đi khỏi, lắc lư cái thân hình già nua với tất cả những điệu bộ ẻo lả của một thiếu nữ. Niềm vui chắp cánh cho mẹ và đôi giày cao gót cũ kỹ vẹo vọ hằn những vết sâu trên cát.

Mụ vừa mới quành chỗ mũi đất, đã thấy vang lên những tiếng kêu the thé và tiếng gào khóc dọc theo bờ biển.

Tôi chồm dậy và chạy về phía có tiếng huyên náo ấy. Trên mũi đất đối diện, những người đàn bà bù lu bù loa như hát một bài lâm khốc. Tôi leo lên một mỏm đá để xem cho rõ. Đàn ông, đàn bà từ trong làng chạy ra; đằng sau họ, chó sủa vang. Hai ba người cưỡi ngựa đi trước. Bụi bốc lên từ mặt đất thành một đám mây dày đặc “Chắc là có tai nạn gì rồi”, tôi nghĩ và chạy quành bờ vịnh. Tiếng ồn ào mỗi lúc một tăng. Hai ba áng mây mùa xuân đứng im sững trong ánh chiều tà. Cây Vả Tình Nương đây lá non xanh rờn. Đột nhiên, mađam Hortense lao đảo tiến về phía tôi. Mụ chạy trở lại, đầu tóc rũ rượi, thở không ra hơi, một chiếc giày tuột khỏi chân. Mụ cầm nó trong tay và vừa chạy vừa khóc.

- Lạy Chúa tôi. Lạy Chúa tôi... mụ nước nở khi trông thấy tôi. Mụ vấp suýt ngã.

Tôi nắm lấy mụ, đỡ cho khỏi té nhào.

- Sao bà khóc? Có chuyện gì xảy ra vậy?

Và tôi giúp mụ xỏ chân vào chiếc giày cũ mòn.

- Tôi sợ... tôi sợ...

- Sợ gì?

- Sợ chết.

Mụ đã khiếp đảm ngửi thấy mùi cái chết trong không trung.

Tôi nắm cánh tay mềm oặt của mụ định kéo đến chỗ có chuyện nhưng mụ co cái thân hình già nua run rẩy, cứng lại.

- Tôi không muốn... tôi không muốn... mụ kêu lên.

Mụ già khốn khổ tội nghiệp sợ phải lại gần một nơi có cái chết xuất hiện. Mụ không thể để Charon ([45]) trông thấy và nhớ mặt mình... Như tất cả những người già, ngư nữ đáng thương của chúng tôi cố giấu mình bằng cách mặc màu xanh cỏ hoặc màu đất để Charon không phân biệt được mụ với đất hay cỏ. Mụ rứt đầu rứt cổ vào đôi vai tròn mập và run bần bật.

Mụ lết đến một cây ô-liu, trái cái áo ngoài vá víu ra và gieo mình xuống đất.

- Xin ông đắp hộ cái này lên người tôi. Đắp hộ tôi và hãy tới đằng kia xem sao.

- Bà thấy lạnh ư?

- Vâng. ông đắp giúp tôi với.

Tôi cố đắp thật kín cho mụ để mụ lẩn với đất, rồi tôi đi. Tôi đến chỗ mũi đất và lúc này nghe rõ những bài điệu ca thảm thiết. Mimiko chạy qua tôi:

- Có chuyện gì thế, Mimiko? Tôi hỏi.

- Hẳn đâm đầu xuống biển tự vẫn! Tự vẫn? Gã la lên, không dừng lại.

- Ai kia?

- Pavli, con trai ông Mavrandoni.

Tại sao?

- Mụ góa...

Tiếng đó buông lơ lửng trong trời chiều, gợi lên tấm thân mềm mại và nguy hiểm của người đàn bà nọ.

Tôi tới chỗ những mỏm đá và thấy tất cả dân làng tụ tập ở đó. Đàn ông lặng thinh, đầu trần; đàn bà, khăn trùm đầu hất xuống vai, vừa bứt tóc vừa la chói tai. Một cái xác tím ngắt, trương phềnh sóng soài trên bãi sỏi. Ông già Mavrandoni đứng im sững cúi nhìn xác con, tay phải tì lên cây gậy, tay trái nắm chòm râu bạc loăn xoăn.

- Trời đánh thánh vật mày, con góa phụ, một giọng the thé chọi cất lên.

- Thượng đế sẽ trừng phạt mày về tội này!

Một phụ nữ chồm lên và quay về phía đám đàn ông.

- Làng này không có lấy một mống đàn ông nào dám dẫn nó xuống nằm ngang đùi mình mà cắt cổ nó như một con cừu sao? Hừ! Toàn đồ hèn nhát!

Và chị ta nhổ vào đám đàn ông đang lẳng lẳng nhìn chị.

Chủ tiệm cà phê, Kondomanolio, trả lời chị:

- Đừng có sỉ nhục bọn tôi, Katerina điên khùng ạ, lão quát lên, đừng sỉ nhục bọn tôi, làng chúng ta vẫn còn một số kẻ nam nhi, một số Palikaria ([46]), rồi nhà chị sẽ thấy!

Tôi không tự kiềm chế được nữa.

- Xấu hổ thay cho tất cả các người! Tôi kêu lên. Người đàn bà ấy có trách nhiệm gì về chuyện này? Đó là mệnh trời. Các người không sợ Thượng đế sao?

Nhưng không ai đáp.

Manolakas, anh họ gã trầm mình, cúi gập cái thân hình hộ pháp, bỗng tử thi lên tay và cất bước đầu tiên đi về làng.

Đám người phụ nữ la hét, tự cào mặt mình và vò đầu rút tóc. Thấy thi hài được mang đi, họ chạy theo định túm lại. Nhưng lão Mavrandoni vung gậy xua họ và đi lên dẫn đầu đoàn người, đám phụ nữ đi theo cất tiếng hát những khúc ai điếu. Bọn đàn ông lặng lẽ đi sau cùng.

Họ khuất vào trong bóng hoàng hôn nhập nhoạng.

Lại nghe thấy tiếng biển thở an bình. Tôi nhìn quanh. Chỉ còn độc mình tôi.

“Mình về nhà thôi”, tôi tự nhủ. “Ôi lạy Chúa, lại một ngày đầy sầu đau!”

Tôi trầm ngâm bước trên con đường nhỏ. Tôi khâm phục những con người ấy, họ nhiệt thành gắn chặt mình vào những nỗi đau nhân thế: mađam Hortense, Zorba, nàng góa, và gã Pavli xanh xao đã dùng cảm lao xuống biển để dim nỗi khổ não của mình, và Deli-katerina lớn tiếng đòi cắt cổ sương phụ như một con cừu và Mavrandoni không chịu khóc hoặc thậm chí cất lời trước mặt những người khác. Chỉ riêng mình tôi là bất lực và duy lý, máu tôi không sôi lên, tôi không yêu cũng chẳng ghét một cách cuồng nhiệt. Tôi vẫn còn muốn uốn nắn mọi sự cho chính, bằng cách hèn nhát đổ tất cả cho định mệnh.

Trong ánh tranh tối tranh sáng, tôi còn nhận ra được bác Anagnosti vẫn ngồi đó, trên một phiến đá, cầm tù trên cây gậy dài và mắt đăm đăm nhìn ra biển.

Tôi gọi nhưng ông lão không nghe thấy. Tôi bèn đi tới. Trông thấy tôi, ông lắc đầu.

- Nhân loại thật đáng thương! Ông lắm bầm. Phí một đời trai trẻ. Thằng bé tội nghiệp không mang nỗi nỗi đau khổ nên đâm đầu xuống biển, chết đuối. Bây giờ nó đã được cứu rồi.

- Cứu rồi?

- Cứu rồi, phải, con ạ, nó đã được cứu rồi. Thử hỏi nó có thể làm gì đời nó? Nếu nó lấy ả góa thì chẳng bao lâu sẽ xảy ra cãi lộn, thậm chí có thể là ô danh nữa kia. Ắ ta hết như một con ngựa cái giống, cái con đàn bà trơ trên ấy! Hễ thấy đàn ông là hí rầm lên ngay. Mà nếu thằng bé không lấy ả thì nó sẽ đau khổ suốt đời, vì nó đã định ninh trong đầu rằng nó đã để lỡ mất một hạnh phúc lớn! Trước mặt là hố sâu, sau lưng là vực thẳm!

Đừng nói vậy, bác Anagnosti, nghe bác thì ai cũng đâm tuyệt vọng mất.

- Thôi nào, đừng có hỡi thế! Không ai có thể nghe thấy lão nói, trừ con ra. Mà ngay cả nếu họ có nghe thấy thì liệu họ có tin lão không? Này, có người nào may mắn hơn lão không? Lão có đồng ruộng, có vườn nho, vườn ô liu và một ngôi nhà hai tầng. Lão giàu có, lại là kỳ mục trong làng. Lão chưa vợ được mục vợ đôn hậu, ngoan ngoãn để cho lão thuần con trai. Lão chưa bao giờ thấy mục ngược mắt lên nhìn lão thách thức và tất cả các con lão đều là người cha tốt. Lão chả có điều gì phải phàn nàn. Lão còn có một đàn cháu nội nữa. Lão còn cần gì nữa? Lão đã cảm rể khá sâu. Vậy mà nếu phải làm lại cuộc đời từ đầu, lão sẽ quàng một hòn đá vào cổ như Pavli và đâm đầu xuống biển. Cuộc đời quá là cơ cực, lạy Chúa, thật thế, ngay cả cuộc đời may mắn nhất cũng cơ cực, chém cha đời.

- Nhưng bác còn thiếu cái gì nữa, bác Anagnosti? Bác phàn nàn điều chi?

- Lão đã nói lão chẳng thiếu gì mà! Nhưng ai mà biết được lòng người!

Ông già im lặng một lát và lại nhìn ra biển đang sẫm tối dần.

- Ờ, Pavli, con làm thế là phải! Lão kêu lên, tay vung gậy. Cứ để cho bọn đàn bà la hét: họ là đàn bà, chả có đầu óc gì hết. Giờ đây, con đã được cứu rồi, Pavli – cha con biết vậy và vì thế, không thốt ra một tiếng!

Lão đưa mắt bao quát nhìn trời và núi đã trở lên mờ mịt.

- Đêm xuống rồi, lão nói. Ta nên về thôi.

Chợt lão ngừng bật. Có vẻ tiếc những lời buột miệng nói ra, như thể lão đã làm lộ một bí mật quan trọng và bây giờ muốn cứu vãn lại.

Lão đặt bàn tay héo quắt lên vai tôi.

- Con còn trẻ, lão mỉm cười nói với tôi, đừng có nghe bọn già. Nếu thế giới nghe theo bọn già, nó sẽ lao thẳng đến chỗ hủy diệt. Nếu con bắt gặp một quả phụ, hãy vỗ lấy ngực! Cưới luôn, rồi sinh con đẻ cái, đừng có do dự gì! Những chuyện phiền nhiễu nảy sinh là dành cho lớp trẻ!

*

Tôi về tới lều, nhóm lửa và chuẩn bị bữa trà tối. Vừa mệt vừa đói, tôi ăn ngẫu nhiên, tự buông thả hoàn toàn trong khoái cảm thú vật.

Đột nhiên, Mimiko thò cái đầu nhỏ bẹt qua cửa sổ, nhìn tôi đang ngồi thu lu ăn bên bếp lửa. Gã mỉm cười tinh quái.

- Cậu đến làm gì đấy, Mimiko?

- Tôi mang đến cho ông cái này, ông chủ... của chị góa gửi biếu... Một giỏ cam. Chị bảo đây là những trái cam cuối cùng trong vườn chị...

- Của chị góa ư? Tôi giật mình hỏi. Tại sao chị ta lại gửi biếu tôi?

- Vì ông đã nói những lời tốt đẹp bênh vực chị trước dân làng chiều nay, chị bảo thế.

- Những lời tốt đẹp nào?

- Làm sao tôi biết được? Tôi chỉ nhắc lại với ông những điều chị ấy nói, có thể thôi...

Gã trút những trái cam lên giường. Cả lều bỗng thơm phức.

Cậu nói giùm tôi cảm ơn chị ta đã cho quà và tôi khuyên chị ta nên cẩn thận nhé. Chị ta cần đề phòng, đừng xuất hiện ở trong làng vì bất cứ lý do gì, nghe rõ chứ? Chị ta nên ở trong nhà một thời gian, cho đến khi người ta quên câu chuyện bất hạnh này đi. Cậu có hiểu không Mimiko?

- Có thể thôi ư, ông chủ?

- Thế thôi. Cậu có thể đi được rồi đấy.

Mimiko nháy mắt với tôi:

- Có thể thôi ư?

- Đi đi!

Gã đi. Tôi bóc một quả cam, nó nhiều nước và ngọt như mật ong. Tôi nằm xuống, ngủ thiếp đi và suốt đêm ấy, tôi tha thẩn trong những vườn cam. Một ngọn gió ấm thổi, tôi phanh ngực đón gió và giắt một cọng húng quế ở mang tai. Tôi là một gã nông dân hai mươi tuổi và tôi lang thang trong vườn cam, vừa huýt sáo vừa đợi chờ. Chờ ai? Tôi cũng chẳng biết. Song tim tôi sẵn sàng nổ tung vì vui sướng. Tôi xoắn ria mép và lắng nghe suốt đêm tiếng biển thở dài như một người đàn bà sau rặng cam.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 15

Hôm ấy, có một luồng gió nam dữ dội nóng bỏng, thổi từ những sa mạc châu Phi qua Địa Trung Hải tới những đám cát mịn xoáy lộn và quay cuồng trên không, thốc vào cuống họng và phổi. Răng xào xạo, mắt cay xè, cửa ra vào và cửa sổ đều phải đóng chặt nếu muốn bảo đảm không phải ăn một miếng bánh mì rắc đầy cát.

H

Không khí ngột ngạt. Trong những ngày khó thở này, thời kỳ cây dăng nhựa, bản thân tôi cũng chìm ngập trong nỗi rạo rức của buổi xuân về. Một thoáng mệt mỏi, một cảm giác ngứa ran như kiến bò khắp người, một căng thẳng về cảm xúc trong lồng ngực, một ước muốn – hay một hồi ức – về một hạnh phúc đơn giản và lớn lao. Tôi đi bên con đường núi đầy sỏi. Một cơn hứng đột ngột thúc tôi đi thăm khu đô thị Mino mới chồi lên khỏi mặt đất sau ba, bốn ngàn năm bị vùi lấp và một lần nữa lại đang sưởi ấm dưới mặt trời đảo Crete thân yêu. Tôi nghĩ có lẽ sau khi cuộc bộ ba, bốn tiếng đồng hồ, sự mệt mỏi sẽ làm dịu nỗi bồi hồi do mùa xuân mang lại. Những phiến đá xám tro trụi, một vẻ trần truồng rực sáng, trái núi xù xì và hoang vắng mà tôi yêu. Một con cú, mắt tròn vàng hoe bị chói sáng, đậu trên một mỏm đá, nhìn trân trân, trang nghiêm, đẹp và đầy bí ẩn. Tôi bước nhẹ nhàng, nhưng tai nó rất thính, nó hốt hoảng, lạng lẽ bay lên giữa những lớp đá và biển mắt. Không khí đượm mùi cỏ xạ hương. Những bông hoa kim tước đầu tiên mơn mớn vàng đã lộ ra giữa đám gai. Khi tôi nhìn thấy cái đô

thị nhỏ đổ nát, tôi đứng ngây ra sửng sờ. Chắc đã vào quãng trưa, ánh nắng rọi thẳng đứng, tưới đẫm sáng từng lớp đá. Ở những đô thị cổ đổ nát, đây là một thời điểm nguy hiểm trong ngày, vì không gian đầy tiếng la hét và huyên náo của những vong hồn. Một cành cây răng rắc, một con thằn lằn vụt chạy, một đám mây trôi ngang trên đầu đổ bóng xuống, là đủ khiến ta kinh hoàng. Một tắc đất ta giẫm chân lên là một nắm mồ và ta nghe thấy những người chết rền rĩ. Mắt tôi quen dần với ánh sáng chói chang. Giờ đây giữa đổ nát tôi có thể thấy dấu vết của bàn tay con người: hai đường phố rộng lát đá bóng loáng. Bên trái, bên phải, ngoằn ngoèo những ngõ hẹp. Ở giữa là một agora ([47]) tròn hoặc nơi tụ họp công cộng, và sát cạnh đó, ra vẻ chiếu cố với một tinh thần hoàn toàn dân chủ, người ta đã đặt cung vua với những hàng cột song đôi, những cầu thang đá thênh thang và rất nhiều tòa nhà phụ. Ở trung tâm đô thị, bàn chân người đã giẫm mòn đá nhiều nhất và hẳn đây là nơi đã dựng Nội Điện thờ Đại Nữ Thần: tượng nàng còn đó với đôi vú đồ sộ cách xa nhau và hai cánh tay cuốn lại thành rắn.

Khắp nơi san sát những cửa hàng nhỏ, hiệu ép dầu, lò rèn, xưởng mộc và xưởng đồ gốm. Một tổ kiến xây chắc chắn và thông minh ở một chỗ khuất, nay trống rỗng vì kiến đã kéo đi khỏi từ mấy ngàn năm trước... Ở một chỗ, một thợ thủ công đã khắc một cái bình trong đá vân, nhưng không đủ thì giờ hoàn thành. Mấy nghìn năm sau, người ta lại tìm thấy chiếc đục rơi khỏi tay nghệ nhân, nằm cạnh tác phẩm nghệ thuật bỏ dở.

Những câu hỏi hão, ngớ ngẩn muôn thuở, tại sao? Để làm gì? Lại đến đầu độc tâm hồn ta. Chiếc bình dở dang, ở đó vụt tắt cảm hứng sung sướng và đầy tự tin của người nghệ sĩ, khiến lòng ta tràn đầy chua xót.

Chợt một gã mục đồng nhỏ bé, da rám nắng, một chiếc khăn tay viền tua chít quanh mái tóc loăn xoăn, đứng bật dậy trên một phiến đá cạnh cung điện đổ nát, phô hai đầu gối đen thui.

- Này, người anh em! Gã gọi to.

Tôi đang muốn được một mình nên giả vờ không nghe tiếng. Nhưng gã chặn cừu cất tiếng cười giễu cợt.

- Ha ha! Giả điếc hả? Có điếu thuốc lá nào không? tôi xin điếu! Ở cái xô quạnh vắng này, tôi chán đời quá. Gã kéo dài những tiếng cuối, nghe khổ sở đến nỗi tôi đâm ái ngại.

Tôi không có thuốc lá nên tôi biểu tiền gã. Nhưng gã chặn cừu bực mình.

- Tiền thì ném cho quý! Gã nói to. Tôi làm gì với tiền mới được chứ? Tôi đã bảo tôi chán ngấy mọi thứ rồi. Tôi chỉ cần một điếu thuốc lá.

- Tôi không có thuốc lá, tôi tuyệt vọng nói. Không có điếu nào...

- Không có thuốc lá ư? Gã cúi tiết đập cây gậy mục đồng xuống đất. Không có thuốc lá! Hừ, thế trong túi ông có gì mà phồng lên thế?

- Một cuốn sách, một chiếc mùi soa, giấy, bút chì, dao díp, tôi đập lần lượt lôi từng thứ trong túi ra. Chú có thích con dao díp này không?

- Tôi cũng có một con. Tôi có đủ thứ cần thiết: bánh mì, phó-mát, ô-liu, dao, dùi và da để đóng ủng, nước uống trong chai, đủ thứ... trừ một điếu thuốc lá! Thế là cứ như tôi chẳng có gì sắt! Còn ông thì tìm gì trong cái đồng hồ nát này mới được chứ?

- Tôi nghiên cứu thời cổ đại.

- Ông làm thế thì ích lợi gì?

- Chẳng ích lợi gì.

- Chẳng ích lợi gì. Tôi cũng thế. Ở đây, tất cả là chết chóc mà chúng ta thì đang sống. Ông nên đi mau đi thì hơn. Cầu chúa phù hộ cho ông.

- Tôi đi đây, tôi ngoan ngoan đáp.

Tôi đi trở lại con đường nhỏ, lòng có phần lo âu. Tôi ngoái nhìn một lát và thấy gã mục đồng cầm cánh cô liêu vẫn đứng trên phiến đá. Mái tóc quăn, xổ ra dưới chiếc khăn tay màu đen, phất phơ trong ngọn gió nam. Ánh sáng chan hòa trên người gã, từ đầu đến chân. Tôi cảm thấy như đang nhìn pho tượng một thanh niên bằng đồng hun. Gã đặt cây gậy ngang vai, miệng huýt sáo.

Tôi rẽ theo một con đường mòn khác, đi xuống bờ biển. Thi thoảng, những luồng gió ấm chở tới tôi hương thơm từ những khu vườn gần đấy. Đất ngát hương, biển róc rách cười, bầu trời xanh ánh lên như thép. Mùa đông làm teo tâm trí và thể xác con người, nhưng đây rồi hơi ấm đã đến làm phồng căng lồng ngực. Đang đi, tôi bỗng nghe thấy những tiếng quác quác trên không. Tôi ngược mắt lên và trông thấy một cảnh tượng tuyệt vời bao giờ cũng làm tôi xúc động sâu sắc kể từ thời thơ ấu: một đàn sếu dàn thành đội hình chiến đấu bay ngang trời, trở về sau thời gian trú đông ở một miền ấm áp, và như huyền thoại tương truyền, mang theo những con én trên cánh và trong những hõm sâu nơi thân thể khẳng khiu của chúng.

Nhịp điệu tuần hoàn không bao giờ sai của các mùa, bánh xe quay triền miên của sự sống, bốn mặt của trái đất được mặt trời lần lượt chiếu sáng, dòng đời trôi chảy – tất cả những cái đó lại một lần nữa khiến lòng tôi trĩu nặng một cảm giác nghèn nghẹn. Một lần nữa, cùng với tiếng đàn sếu bay ngang, lại vang lên trong tôi lời báo trước ghê gớm rằng ai cũng chỉ có một cuộc đời và không còn cuộc đời nào khác, rằng tất cả những gì có thể hưởng thụ cần được hưởng thụ ngay trên cõi trần này. Trong thời gian vô tận, chúng ta sẽ không còn dịp may nào khác nữa. Nghe lời báo trước phủ phàng ấy – đồng thời cũng đầy thương cảm – tâm trí ắt sẽ quyết định khắc phục sự yếu đuối, ti tiện, lười nhác cùng những hy vọng hão huyền của mình mà dồn hết sức níu chặt lấy từng giây đang biến biệt bay đi mãi mãi.

Những tấm gương lớn vụt đến trong đầu và ta thấy rõ ta là một linh hồn đọa lạc, cuộc đời ta đang bị phung phí vào những lạc thú hèn kém, những đau đớn vụn vặt và những chuyện phiếm. “Xấu hổ! Xấu hổ!” ta kêu lên và cắn môi.

Đàn sếu đã bay qua vòm trời và biến mất về phía bắc, nhưng trong đầu tôi, chúng vẫn tiếp tục bay từ thái dương bên này sang thái dương bên kia, vẫn kêu quang quác.

Tôi đến bờ biển. Tôi rảo bước dọc theo mép nước. Đi một mình ven biển thật chẳng yên tâm chút nào! Mỗi con sóng, mỗi cánh chim đều gọi ta, nhắc ta nhớ đến bốn phận. Khi có người đi cùng, ta cười nói và không nghe thấy sóng biển và chim trời nói gì. Tất nhiên, có thể là chúng chẳng nói gì. Chúng nhìn bọn ta đi qua trò chuyện râm ran và chúng ngừng tiếng.

Tôi nằm dài trên sỏi và nhắm mắt lại. “VẬY thì linh hồn là cái gì?” Tôi tự hỏi. “Và mối liên hệ thâm kín giữa linh hồn với biển, mây với hương thơm là như thế nào? Bản thân linh hồn dường như cũng là biển, mây và hương thơm...”

Tôi đứng dậy và lại bắt đầu bước như thể đã đi đến một quyết định. Quyết định như thế nào? Tôi cũng không biết.

Đột nhiên, tôi nghe thấy một giọng nói đằng sau lưng.

- Thưa ông, nhờ ân sủng Chúa, ông đi đâu vậy? Ông đến nữ tu viện?

Tôi quay lại. Một ông già bè bè chắc nịch tráng kiện với một chiếc khăn tay chít quanh mái tóc bạc, đang vẫy tay và mỉm cười với tôi. Một bà già đi sau ông và sau bà là cô con gái họ, một thiếu nữ da ngăm ngăm, cặp mắt dữ tợn, đầu chít một chiếc khăn trắng.

- Đến nữ tu viện? Ông già hỏi lại lần thứ hai. Và đột nhiên, tôi ý thức ra rằng mình đã quyết đi về hướng ấy. Từ mấy tháng nay, tôi đã muốn đến cái

tu viện nhỏ dành cho các nữ tu sĩ xây bên bờ biển, nhưng chưa lần nào đi được. Chiều nay, thân thể tôi bất chợt quyết định cho tôi.

- Vâng, tôi đáp. Tôi đến nữ tu viện để nghe hát mừng Đức Mẹ Đồng Trinh.

- Cầu Đức Mẹ ban phước cho ông.

Ông rảo bước theo kịp tôi.

- Có phải họ gọi ông là Công ty than không?

- Đúng thế.

- Ô, thế thì cầu Đức Mẹ Đồng Trinh ban cho ông nhiều lộc! Ông đã làm bao điều ích lợi cho làng, đem lại kế sinh nhai cho bao người bố nghèo phải nuôi cả gia đình. Cầu Chúa ban phước lành cho ông!

Và một vài phút sau, ông già tinh quái, hẳn biết chúng tôi đang gặp khó khăn, nói thêm mấy lời an ủi sau đây:

- Và dù không thu được lời lãi gì thì cũng chẳng đáng lo phiền, con ạ. Con sẽ không thua thiệt đâu. Linh hồn con sẽ lên thẳng Thiên đàng.

- Đó chính là điều con mong ước, nội ạ.

- Lão chẳng được học hành bao giờ, nhưng một hôm, ở nhà thờ, lão đã được nghe Chúa Cứu Thế phán một điều. Điều đó in vào trong đầu lão không bao giờ quên được. Người dạy: “Hãy bán tất cả những gì con sở hữu để đạt được Hạt Ngọc Trai vĩ đại”. Hạt Ngọc Trai vĩ đại đó là gì? Là sự cứu rỗi linh hồn. Con đang vững bước trên con đường đạt tới Hạt Ngọc Trai vĩ đại đấy, con ạ.

Hạt Ngọc Trai vĩ đại! Đã bao lần nó lấp lánh trong tâm trí tôi như một giọt lệ lớn!

Chúng tôi bước tiếp, hai người đàn ông đi trước, hai người đàn bà chấp tay theo sau. Thi thoảng, chúng tôi nêu một nhận xét hoa ô-liu có đậu được lâu trên cây không? Liệu trời có mưa cho lúa mạch căng nhựa không? Hẳn cả hai chúng tôi đều đói vì chúng tôi luôn luôn lái câu chuyện sang đề tài thức ăn.

- Nội thích món gì nhất, nội?
- Tất cả, con ạ. Khen món này ngon, chê món kia dở là một tội trọng.
- Tại sao? Chẳng lẽ chúng ta không có quyền lựa chọn?
- Dĩ nhiên là không.
- Tại sao lại không?
- Bởi vì có nhiều người còn đói khát.

Tôi lặng thinh, xấu hổ. Tâm tôi chưa bao giờ đạt tới độ cảm thương và cao quý nhường ấy.

Chuông tu viện reo vang, vui vẻ và nghịch ngợm như tiếng đàn bà cười.

Ông già làm dấu thánh giá.

- Cầu Đức Mẹ Đồng Trinh Khổ Nạn cứu giúp chúng tôi! Lão thì thầm. Mẹ bị dao chém vào cổ, chảy máu. Vào cái thời bọn cướp biển...

Và lão già bắt đầu thêu dệt những khổ đau của Đức Mẹ Đồng Trinh như thể đó là chuyện một người đàn bà có thật, một thiếu phụ bị hành hạ, nước mắt lã chã, bế con đi tị nạn từ phương Đông và bị bọn vô đạo dùng dao đâm. – Mỗi năm một lần, máu nóng thật chảy ra từ vết thương của Mẹ, ông già nói tiếp. Lão nhớ cách đây lâu lắm rồi – từ hồi rìa lão chưa mọc kia – vào ngày lễ Đức Mẹ Đồng Trinh, dân chúng từ tất cả các làng trên núi kéo xuống cúng bái Người. Đó là ngày mười lăm tháng Tám. Cánh đàn ông

chúng tôi ngủ ngoài sân, đàn bà ngủ trong nhà. Trong giấc ngủ, lão nghe thấy Mẹ Đồng Trinh kêu la, lão vội vàng trở dậy, chạy đến tượng Mẹ và đặt tay lên cổ Mẹ. Con có biết lão thấy gì không? Các ngón tay lão đỏ lôm máu...

Ông già làm dấu và quay lại nhìn hai người đàn bà. – Đi nhanh lên nào, các mẹ! Gần đến nơi rồi! lão kêu. Rồi hạ giọng.

- Đạo ấy, lão chưa lấy vợ. Lão quỳ trước Đức Mẹ và quyết định từ bỏ thế giới đầy dối trá này, đi tu... Lão cười.

- Tại sao nội lại cười?

- Thế chưa đủ làm con cười sao? Chính ngày hôm ấy, trong lễ hội, ác quỷ cải trang thành một phụ nữ đứng ngay trước mặt lão. Đó là mẹ!

Không quay đầu, ông hất ngược ngón tay cái chỉ bà già đằng sau ông đang lặng lẽ đi theo chúng tôi. – Bây giờ thì mẹ không bỏ nhìn, ông nói; mới nghĩ đến chuyện đụng vào người mẹ đã tởm rồi. Nhưng hồi đó mẹ quả là ngon lành, gợi tình, với sức sống quẫy động như một con cá. Người ta thường gọi mẹ là “Người đẹp mi dài” và mẹ xứng đáng với cái tên ấy, con mẹ lẳng lơ! Nhưng bây giờ thì... lạ Chúa độ hồn tôi, đâu rồi những hàng mi dài ấy! Biến đi với quỷ rồi! Chẳng còn lấy sợi nào?

Giữa lúc ấy, ngay sau lưng chúng tôi, bà già gừ một tiếng nghệt lại như một con chó cáo kinh bị xích. Nhưng bà không nói gì.

- Tu viện kia rồi, ông già nói.

Sát bờ biển, kẹp giữa hai khối đá lớn, là nhà tu kín trắng lấp lánh. Ở giữa, vòm mái giáo đường vừa mới quét vôi trắng, nhỏ và tròn như một bầu vú đàn bà. Quanh giáo đường, khoảng năm, sáu phòng nhỏ cửa màu xanh lơ, ba cây bách lớn trong sân và dọc theo tường, mấy cây lê gai lực lưỡng đang độ đơm hoa.

Chúng tôi bước nhanh hơn. Tiếng hát du dương văng xuống từ khung cửa mở của thánh đường, không khí nồng mặn ngát mùi cánh kiến trắng. Cửa chính giữa khung vòm mở rộng, dẫn vào mảnh sân sạch, thơm rải sỏi đen và trắng. Dọc những bức tường bên phải và bên trái là những dãy chậu trồng kinh giới ô, hương thảo và húng quế.

Thanh tinh xiết bao! Dịu dàng xiết bao! Mặt trời đang lặn và những bức tường quét vôi trắng chuyển sang màu hồng.

Ngôi giáo đường nhỏ, bên trong ấm áp và hơi tối, nồng mùi sáp. Thiên nam tín nữ đi đi lại lại trong mù mịt khói hương và năm, sáu nữ tu sĩ mình bó chặt trong áo dài đen, đang cất giọng ngọt ngào, lanh lảnh hát: “Ôi Chúa Toàn năng...” Họ luôn luôn quỳ trong khi hát và tiếng áo dài xột xoạt của họ nghe như chim vỗ cánh bay. Từ nhiều năm qua, tôi không nghe tụng ca Đức Mẹ Mary Đồng Trinh. Trong thời thanh niên nổi loạn, tôi thường đi qua mọi nhà thờ, với niềm phẫn nộ và khinh miệt trong lòng. Cùng với thời gian trôi, tôi bớt dữ dằn đi. Thực tế, thỉnh thoảng tôi còn đi dự những lễ hội tôn giáo nữa – Giáng sinh, Phục sinh, những tuần chay – và tôi sung sướng thấy đứa trẻ trong tôi sống lại. Nhiệt tình thần bí trong buổi thiếu thời của tôi đã thoái hóa thành một khoái cảm thẩm mỹ. Những người man rợ tin rằng một nhạc cụ, khi không được dùng cho những nghi thức tôn giáo, sẽ mất sức mạnh thần thánh và bắt đầu phát ra những âm thanh du dương thánh thót. Cũng như vậy, tôn giáo đã xuống cấp trong tôi: nó đã trở thành nghệ thuật. Tôi vào một góc, dựa lên thành ghế bóng loáng ở chỗ hát kinh mà những bàn tay tín đồ đã mài nhẵn như ngà, và ngậy ngất lắng nghe những bản tụng ca Byzance vọng về từ quá khứ xa xăm: “Xin chào những đỉnh cao tâm trí con người không thể đạt tới! Xin chào những chiều sâu mắt thiên thần không nhìn thấu! Xin chào tân giai nhân trinh bạch, ôi đóa hồng không bao giờ phai”. Một lần nữa, các nữ tu sĩ lại quỳ xuống, đầu cúi gục và áo xột xoạt như cánh chim.

Nhiều phút trôi qua – những thiên thần cánh ngát mùi an tức hương, tay cầm hoa loa kèn và miệng hát ngợi ca nhan sắc Đức Mẹ Mary. Mặt trời lặn, để chúng tôi lại trong ánh hoàng hôn tơ nhung, xanh biếc. Tôi không nhớ chúng tôi đã ra sân như thế nào, nhưng tôi thấy có mình tôi ở đó với Mẹ Nhất già và hai nữ tu sĩ trẻ dưới cây bách lớn nhất. Một thiếu nữ mới vào tu mang đến mời tôi một thìa mứt, nước mát và cà phê, và chúng tôi bắt đầu bình thản trò chuyện.

Chúng tôi nói về những phép lạ do Đức Mẹ Mary Đồng Trinh thực hiện, về than bùn linhít, về đàn gà mái bắt đầu đẻ trứng vì đã sang xuân, về bà xơ Endoxia bị chứng động kinh luôn luôn ngã trên sàn nhà thờ, giãy giụa như con cá, sùi bọt mép và xé quần xé áo. – Xơ ấy năm nay ba mươi lăm. Mẹ Nhất thở dài nói thêm. Một cái tuổi bất hạnh – rất khó khăn! Cầu Đức Mẹ Mary Khổ Nạn cứu giúp và chữa cho xơ ấy! Trong vòng mười, mười lăm năm, xơ ấy sẽ khỏi.

- Mười, mười lăm năm, tôi thất kinh lắm lắm.

- Mười, mười lăm năm thì nghĩa lý gì? Mẹ Nhất nghiêm nghị nói. Hãy nghĩ đến vĩnh cửu.

Tôi không trả lời. Tôi biết vĩnh cửu là mỗi phút giây đang trôi qua. Tôi hôn tay Mẹ Nhất – một bàn tay trắng muốt, mồm mĩm sức mùi trầm hương – rồi cáo từ.

Đêm đã xuống. Hai ba con quạ vội vã bay về tổ; cú mèo đang ra khỏi những hốc cây để săn mồi. Ốc sên, sâu bọ, chuột đồng từ đất chui lên để làm mồi cho cú. Cái con rắn huyền bí tự nhai nghiền đuôi mình quây tôi vào vòng của nó: trái đất sinh nở rồi ăn sống nuốt tươi con cái của chính mình, tiếp tục đẻ thêm và lại nuốt tươi lớp con cái mới.

Tôi nhìn quanh. Trời đã tối mịt. Dân làng đã về hết, không ai có thể thấy tôi. Tôi hoàn toàn một mình. Tôi cởi giày và nhúng chân xuống nước biển.

Tôi lăn mình trên cát. Tôi cảm thấy một thôi thúc muốn tiếp xúc với đá, nước và không khí bằng tấm thân trần của mình. Mẹ Nhất đã làm tôi tức điên với cái “vĩnh cửu” của bà và tôi cảm thấy cái từ đó chụp xuống tôi như một sợi dây thòng lọng quăng bắt ngựa hoang. Tôi nhảy bật lên để tránh. Tôi muốn áp thân thể trần truồng của mình thật chặt vào đất và biển để cảm thấy chắc chắn rằng những vật phù du thân yêu này là có thật.

“Người hiện hữu và chỉ mình người thôi!” Tôi kêu lên trong tận cùng bản ngã. “Ôi Trái Đất! Tôi là đứa con sinh sau rốt của người, tôi ngậm vú người, tôi bú và sẽ không chịu nhả ra. Người không để tôi sống quá một phút, song cái phút đó đã trở thành cái vú cho tôi bú! Tôi rùng mình như cảm thấy mình đang có nguy cơ bị ném vào làm mồi cho cái từ ăn thịt người “vĩnh cửu” kia. Tôi nhớ lại trước kia – bao giờ nhỉ? Mới cách đây một năm thôi – tôi đã náo nức suy nghĩ về nó, dang tay nhắm mắt muốn lao mình vào nó.

Hồi tôi học lớp một trường Nhà nước, có một truyện trong sách tập đọc dùng cho phần hai chương trình vỡ lòng. Truyện rằng:

Có một đứa bé ngã xuống giếng. Dưới đó, nó thấy một thành phố kỳ diệu với những vườn hoa, một con hồ toàn mật ong nguyên chất, một trái núi bằng bánh ngọt và đồ chơi đủ màu sắc. Khi tôi đánh vắn, dường như mỗi âm tiết lại đưa tôi đi sâu thêm vào cái thành phố thần tiên đó. Một buổi trưa, đi học về, tôi chạy vào vườn, bổ tới bờ giếng dưới giàn nho và đứng mê mẩn nhìn xuống mặt nước tối đen phẳng lì. Thoáng chốc, tôi tưởng như nhìn thấy thành phố kỳ diệu, nhà cửa và phố xá, trẻ con và giàn nho trĩu quả. Tôi không cưỡng được nữa. Tôi chúi đầu xuống, vươn tay ra và đập chân xuống đất để đẩy mình qua thành giếng. Nhưng vừa lúc ấy, mẹ tôi để ý thấy tôi. Bà hét lên, lao vút ra và kịp thời túm được thắt lưng tôi kéo lại...

Vậy là hồi nhỏ, tôi đã suýt ngã xuống giếng. Khi lớn lên, thiếu chút nữa, tôi ngã vào từ “vĩnh cửu”, cũng như vào một số từ khác nữa – “ái tình”, “hy

vọng”, “đất nước”, “Thượng đế”. Cứ mỗi lần dẹp được một từ, bỏ nó lại sau lưng, tôi có cảm giác như mình vừa thoát một nguy hiểm và tiến thêm được một chút. Nhưng không, tôi chỉ thay đổi từ và gọi thế là giải thoát. Và hai năm qua, tôi đã treo mình lủng lẳng ở miệng vực từ “Đức Phật”. Nhưng nay, tôi cảm thấy chắc chắn rằng – cảm ơn Zorba – Đức Phật sẽ là cái giếng cuối cùng, cái từ vực thẳm cuối cùng và sau đó, tôi sẽ mãi mãi được giải thoát. Mãi mãi? Đó là điều lần nào ta cũng nói.

Tôi chồm dậy. Tôi sung sướng từ đầu đến chân. Tôi cởi quần áo và lao ùm xuống biển; những con sóng hân hoan đùa giỡn với tôi và tôi đùa giỡn với chúng. Cuối cùng mệt nhoài, tôi lên bờ, để gió đêm làm khô người và lại sải căng bước những bước dài thoải mái, cảm thấy mình đã thoát một nguy hiểm lớn và càng bám chặt hơn vào bầu vú của Mẹ Đất Vĩ Đại.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 16

Vừa trông thấy bãi than bùn, tôi dừng phắt lại: trong lều có ánh sáng.
“Chắc Zorba đã về!” Tôi sung sướng nghĩ thầm.

V

Tôi cảm thấy muốn chạy nhanh tới, nhưng tự kiềm chế lại. Mình phải giấu nỗi vui mừng, tôi nghĩ thầm. Mình phải làm ra vẻ bức tức và mắng phủ đầu lão. Mình phải lão đến đó lo công chuyện khẩn cấp, mà lão vung phí hết tiền, bao một ả làm thuê ở tửu điểm nào đó và bây giờ trở về, trễ mất mười hai ngày. Mình phải làm như đang lơì đình thịnh nộ... Mình phải thế!

Tôi bước chậm lại để có thì giờ hâm nóng máu lên. Tôi ráng hết sức tỏ ra giận dữ, cau mày, nắm tay lại, làm mọi điều một người nổi khùng thường làm – nhưng vô hiệu. Trái lại, càng đến gần, tôi càng thấy vui sướng. Tôi len lén tới bên lều và nhìn qua khung cửa sổ nhỏ có ánh lửa. Zorba quỳ gối bên cái bếp lò nhỏ xíu lão vừa nhóm, và đang pha cà phê.

Tim se lại, tôi kêu lên: “Zorba!”

Thoắt cái, cánh cửa mở tung và Zorba, chân không, lao ra. Lão vươn cổ cò nhìn vào bóng tối; thấy tôi, lão dang tay ra định ôm, song lại dừng và buông thõng xuống hai bên sườn.

- Tôi lấy làm mừng được gặp lại sếp, lão ngập ngừng nói, đứng sững đối diện tôi, mặt chảy dài ra. Tôi cố lấy giọng giận dữ.

- Tôi lấy làm mừng thấy bác cất công trở lại, tôi mĩa. Đừng có lại gần – bác sức mùi xà phòng thơm.

- Ôi, giá sếp biết tôi đã kỳ cọ như thế nào, lão nói. Tôi đã tắm rửa sạch sẽ! Trước khi về gặp sếp, tôi đã cạo miết lớp da chết tiết của tôi đến rách toạc từng mảng đấy, sếp ạ! Tôi đã lấy đá kỳ kỳ suốt cả tiếng đồng hồ. Nhưng cái mùi quái quỷ ấy... Dù sao đi nữa, có sao đâu? Sớm muộn rồi nó cũng bay hết thôi. Đây đâu phải lần thứ nhất thế tất nó phải hết thôi.

- Ta vào trong đi, tôi nói, suýt cười phá lên.

Chúng tôi vào lều sức mùi nước hoa, phấn, xà phòng và đàn bà.

- Lạy Chúa, những của nợ gì kia? Tôi hỏi, tay chỉ vào một cái hòm đầy những túi xách, xà phòng thơm, bút-tất, một cái dù nhỏ màu đỏ và hai lọ nước hoa nhỏ xíu.

- Quà... Zorba lí nhí, đầu cúi gằm.

- Quà ư? Tôi nói, cố lấy giọng giận dữ. Quà hử?

- Sếp à, quà tặng Bouboulina thân mến. Xin đừng cáo sếp. Sắp đến lễ Phục Sinh, sếp biết đấy, mụ cũng là người...

Một lần nữa, tôi lại nín cười được.

- Bác không mang về cho bà ta cái quan trọng nhất, tôi nói.

- Cái gì?

- Vòng hoa tân hôn chứ còn gì nữa.

- Cái gì? Sếp định nói gì? Tôi không hiểu.

Tôi bèn kể cho lão nghe tôi đã bịa chuyện như thế nào để phỉnh mụ ngư nữ già tương tư. Zorba gãi đầu một giây, ngẫm nghĩ rồi nói:

- Đúng ra sếp không nên làm những trò như vậy, sếp ạ, nói thế sếp đừng chấp. Kiểu đùa ấy, sếp lạ gì, là... là đàn bà là giống yếu đuối, mỏng manh – tôi còn phải nói với sếp bao nhiêu lần nữa? Họ giống như những cái bình sứ, phải hết sức nương nhẹ họ, sếp ạ.

Tôi cảm thấy xấu hổ. Tôi cũng hơi tiếc, song đã quá muộn. Tôi lảng sang chuyện khác.

- Thế còn dây cáp? Tôi hỏi. Và các dụng cụ nữa?

- Tôi đã mang về đủ mọi thứ, sếp đừng có rối lên! Người ta nói: “được cái nọ thì phải mất cái kia”. Đằng này, hệ thống vận chuyển bằng cáp, Lola, Bouboulina, tất cả đều nắm chắc trong tay.

Lão nhắc briki ([48]) khỏi bếp, rót đầy tách tôi, đưa cho tôi mấy cái jumbal ([49]) vừng lão mang theo về và mấy cái halva ([50]) mật ong mà lão biết tôi rất thích.

- Tôi mang về làm quà cho sếp một hộp halva lớn! Lão trù mển nói. Tôi đâu có quên sếp, sếp thấy đấy. Này, tôi mang về một cái túi lạc cho con vẹt nữa. Tôi không quên ai hết. Sếp biết đấy, đầu óc tôi quá tải.

Zorba vừa nhắm nháp cà phê. hút thuốc, vừa nhìn tôi cặp mắt lão thoi miên tôi như mắt rắn.

- Bác đã giải được cái bài toán vẫn giày vò bác chưa hở lão côn đồ già? Tôi hỏi giọng dịu dàng hơn.

- Bài toán nào?

- Về chuyện đàn bà có phải là một con người hay không ấy.

-Ồ! Cái đó giải quyết xong rồi! Zorba vung tay đáp. Đàn bà cũng là người, một con người như chúng ta – có điều là xấu hơn thôi! Cứ thấy túi tiền của ta là họ tối mắt lại. Họ bám riết lấy ta, từ bỏ cả tự do và lấy làm sung sướng mà khước từ tự do, bởi vì trong đầu họ, túi tiền cứ lấp la lấp lánh. Nhưng chẳng bao lâu, họ... Chà, thầy kể mọi chuyện đó, sếp?

Lão đứng dậy, ném mẩu thuốc lá ra ngoài cửa sổ.

- Bây giờ, nói chuyện đàn ông với nhau, lão nói tiếp. Sắp đến tuần lễ Thánh, chúng ta đã có dây cáp, đã tới lúc chúng ta lên tu viện để thúc mấy cha béo ị như lợn kia ký các giấy tờ về việc thầu rừng cho xong đi... Trước khi họ thấy đường dây và quỳnh lên, sếp hiểu ý tôi chứ? Thời gian biên biệt trôi, sếp ạ, ta cứ nhu nhược thế thì chẳng đi đến đâu, ta phải làm tới, phải bắt đầu hốt bạc về, ta phải chất hàng lên tàu để bù lại những khoản ta đã chi... Chuyển đi Candia tốn khá của đấy. Sếp thấy đấy, ma quý...

Lão dừng lại. Tôi ái ngại cho lão. Lão giống như đứa trẻ đã làm một điều ngu xuẩn và không biết làm thế nào để sửa sai, đành chỉ run lên cầm cập.

“Xấu hổ cho mi!” Tôi tự mắng. “Sao mi nữ để một linh hồn như thế run lên vì sợ hãi? Mi kiếm đâu ra một Zorba khác? Nào, lấy bọt biển mà xóa tất đi!”.

- Zorba! Tôi kêu lên. Để mặc ma quý, ta không cần đến nó! Việc gì đã rồi là đã rồi... quên nó đi! Lấy cây santuri xuống!

Lão lại dang tay như muốn ôm tôi, song lại từ từ khép lại, vẫn ngần ngại.

Lão nhảy một bước tới bên vách, kiễng chân lấy cây santuri xuống. Khi lão trở lại dưới ánh đèn, tôi trông thấy tóc lão đen nhánh như hắc ín.

- Chà, đồ chó già, tôi kêu toáng lên, bác làm cái trò gì với bộ tóc bác thế? Làm cái trò nồm ấy ở đâu vậy?

Zorba phì cười.

- Tôi nhuộm đấy, sếp ạ. Đừng cuống lên... Tôi nhuộm vì nó không đem lại may mắn cho tôi...

- Vì sao?

- Ôi lạy Chúa, vì sĩ diện hão! Một hôm, tôi khoác tay Lola đi chơi. Thậm chí không phải khoác... đây, như thế này này, chỉ chạm hờ đầu ngón tay thôi! Thế rồi bỗng một thằng nhóc trời đánh không lớn hơn bàn tay tôi, chạy theo chúng tôi la rầm lên: “ê, lão khọm!” thằng con nhà dĩ bọm ấy hét. “Lão mẹ mìn bắt trẻ con kìa. Lão đem con nhỏ đi đâu vậy?” Lola xấu hổ quá, chắc sếp cũng có thể hình dung ra, và tôi cũng thế. Cho nên ngay đêm ấy, tôi đến hiệu thợ cạo và nhuộm đen mái tóc đi cho rồi.

Tôi bật cười. Zorba nghiêm trang nhìn tôi.

- Sếp thấy điều đó là hài hước, phải không, sếp? Được tuy nhiên, hãy khoan đã, sếp sẽ thấy con người là một giống vật kỳ lạ biết bao! Từ hôm nhuộm tóc, tôi trở thành một con người hoàn toàn khác. Cứ như thể tóc tôi đen thật vậy, chính bản thân tôi cũng bắt đầu tin là thế – con người ta dễ dàng quên cái gì không phù hợp với mình, sếp ạ gì – và tôi thề là tôi thấy khỏe ra. Lola cũng nhận thấy thế. Sếp có nhớ hồi nọ ở đây tôi thường mắc chứng đau lưng không? Ấy thế mà khỏi hẳn rồi đó! Từ bữa ấy đến nay không thấy đau nữa! Cố nhiên là sếp chả tin, sách vở của sếp có nói những điều như thế bao giờ đâu. Lão cười giễu, rồi lại hối hận.

- Sếp bỏ quá cho... cuốn sách duy nhất tôi được đọc trong đời là Sinbad nhà Hàng Hải và tất cả những gì hay ho nó mang lại cho tôi...

Lão từ từ và âu yếm lấy cây santuri ra khỏi bao. Ta ra ngoài đi, lão nói. Giữa bốn bức vách, cây santuri bị gò bó, không thoải mái. Nó vốn hoang dã và cần không gian thoáng đãng.

Chúng tôi ra ngoài. Sao lấp lánh. Dải Ngân Hà trôi từ bên này sang bên kia vòm trời. Biển sủi bọt. Chúng tôi ngồi trên sỏi và sóng biển liếm chân chúng tôi.

- Khi khốn quẫn, ta phải vui chơi xả láng, Zorba nói. Sao, tưởng ta bỏ cuộc ư? Nào, lại đây, santuri!

- Một ca khúc Macedonia quê hương của bác đi, Zorba, tôi đề nghị.

- Một ca khúc Crete quê hương sếp, Zorba nói. Tôi sẽ hát sếp nghe một bài tôi học được từ Candia; nó đã làm thay đổi đời tôi.

Lão ngẫm ngợi một lúc.

Không, thực ra nó không làm thay đổi gì, lão nói, có điều là bây giờ tôi biết là mình đúng.

Lão đặt những ngón tay chuối mẫn lên cây đàn và vờn cổ ra. Lão ta hát bằng một giọng man dại, thô nháp và đau đớn:

Khi chí đã quyết hãy tiến lên, đừng nao núng, tụt lại sau nào có ích gì.

Hãy để súc xuân tự do ngự trị, tuổi trẻ không trở lại, hãy táo bạo và đừng hối tiếc chi Những lo âu của chúng tôi bị xua tan, những phiền muộn vật vãnh biến mất, tâm hồn vươn tới tầm cao tột đỉnh. Lola, than bùn, đường dây cáp, “vĩnh cửu”, những bản khoản lớn, nhỏ, tất cả đều biến thành làn khói xanh nhạt nhòa đi trong không trung và chỉ còn lại một con chim thép là tâm hồn con người ca hát.

- Tôi tặng cho bác tất cả, Zorba! Tôi kêu lên khi bài ca đầy tự hào kết thúc. Tất cả những gì bác đã làm – người đàn bà nọ, mái tóc nhuộm, số tiền bác đã tiêu sài – tất cả những cái đó là của bác. Bác cứ hát tiếp đi!

Lão lại vươn cổ cò:

Can đảm lên! Dù thế nào cũng hãy cả gan!

Nếu không bại thì tất là phải thắng!

Một số công nhân ngủ ở gần mỏ nghe thấy tiếng hát, họ trở dậy, len lén mò xuống và ngồi xõm quanh chúng tôi. Họ lắng nghe những bài hát ưa thích của mình và thấy ngứa ngáy chân tay. Cuối cùng, không tự kiềm chế được nữa, họ hiện ra từ trong bóng tối, mình trần, tóc bù rối, quần rộng thùng thình. Họ quây thành một vòng tròn quanh Zorba cùng cây santuri và bắt đầu nhảy múa trên bãi biển đầy sỏi.

Lòng rạo rức, tôi im lặng ngắm nhìn họ.

“Đây chính là via quặng đích thực mà mình tìm kiếm”, tôi nghĩ thầm. “Mình không cần gì hơn nữa”.

Hôm sau, trước khi trời rạng, các đường hầm trong mỏ đã vang tiếng Zorba la hét và tiếng cuốc chí chát. Thợ thuyền làm việc như điên. Chỉ có Zorba mới có thể lôi cuốn được họ như vậy. Với lão, công việc trở thành rượu vang, đàn bà và ca hát làm đám thợ say sưa. Trong tay lão, đất sống động lên, đá, gỗ than và công nhân bắt theo nhịp điệu của lão, khắp các đường hầm, một thứ chiến tranh được tuyên bố trong ánh sáng trắng của đèn đất và trên hàng đầu là Zorba đánh giáp lá cà. Lão đặt tên cho từng đường hầm và từng via, lão cho những lực vô hình một gương mặt, và sau đó, chúng khó mà thoát khỏi tay lão.

- Khi mà tôi đã biết đó là đường hầm Canavaro, lão thường nói vậy về đường hầm đầu tiên được lão đặt tên, thì nó có trốn đằng trời với tôi! Tôi

biết tên nó, ắt nó chả dám chơi khăm tôi. Cũng như các đường hầm “Mẹ Nhất”, “Chân Vòng Kiềng”, hoặc “Đái Tồ Tồ”. Tôi biết tuốt tuốt cam đoan với sếp thế, thuộc từng tên một. Hôm ấy, tôi lên vào đường hầm không để cho lão thấy.

- Nào, dẫn lên! Năng nỗ lên một chút! Lão hò công nhân như lão vẫn làm thế khi phấn chấn. Dẫn lên! Chúng ta sẽ chén sạch cả trái núi. Chúng ta là những trang nam nhi, phải không nào? Là những kẻ không thể xem nhẹ được! Ngay cả Thượng đế thấy chúng ta cũng phải run sợ! Các bạn là dân Crete và tôi, một người Macedonia, chúng ta sẽ thắng trái núi này. Muốn đánh bại chúng ta, phải có hơn một trái núi. Chúng ta đã đánh bại bọn Thổ, phải không nào? Vậy thì một trái núi còn con như thế này ăn thua gì? Nào tiến lên!

Có người chạy tới chỗ Zorba. Trong ánh đèn đất, tôi nhận ra khuôn mặt gà của Mimiko.

- Zorba, gã nói bằng cái giọng lằm bằm, Zorba... Zorba quay lại và chỉ nhìn thoáng một cái là hiểu ngay ra chuyện gì. Lão giơ bàn tay hộ pháp lên.

- Xéo! Lão quát. Cút ngay khỏi đây!

- Bà ấy nhờ tôi đến... gã ngậy lấp bắp.

- Cút ngay, ta đã bảo kìa! Bọn ta đang bận việc.

Mimiko vắt chân lên cổ chạy thật nhanh. Zorba cúi tiết nhổ bọt.

- Ban ngày dành để làm việc, lão nói. Ban ngày là đàn ông. Ban đêm dành để hưởng lạc. Ban đêm là đàn bà. Không có được lẫn lộn!

Vừa lúc ấy, tôi tiến đến.

- Mười hai giờ trưa, tôi nói. Đã đến lúc nghỉ việc và dùng bữa.

Zorba quay lại, trông thấy tôi và cau mặt.

- Xin sếp để mặc chúng tôi. Sếp đi dùng bữa trưa đi, đừng có chờ bọn tôi. Xin nhớ là bọn tôi đã mất mất mười hai ngày, giờ phải làm bù lại. Chúc sếp ăn ngon miệng.

Tôi ra khỏi đường hầm và đi về phía biển. Tôi giữ cuốn sách mang theo. Tôi đói, nhưng tôi quên hẳn cái đói. Suy tưởng cũng là một cái mỏ, vậy hãy tiến lên, tôi tự nhủ. Và tôi lao vào những đường hầm lớn của trí não. Một cuốn sách làm ta xao xuyến: nó mô tả những ngọn núi phủ đầy tuyết ở Tây Tạng, những ngôi chùa bí ẩn, những nhà sư lặng lẽ trong áo cà sa màu vàng nghệ, tập trung ý lực và bất tỉnh không phải mang mọi dáng hình họ muốn.

Nhưng đỉnh núi cao, không trung đầy hồn ma.

Tiếng rì rầm nhân thế không bao giờ lên tới được tầng cao ấy. Đại thiên sư khổ hạnh nửa đêm dẫn chúng đệ tử, những thiếu niên từ mười sáu đến mười tám tuổi, lên một con hồ nước đóng băng ở trên núi. Họ cởi quần áo, đập vỡ băng, nhúng quần áo vào trong nước giá lạnh, lại mặc vào người lấy thân nhiệt làm cho khô, rồi lại nhúng xuống nước và hong khô trên thân mình. Cứ thế liên tiếp bấy lần rồi trở về chùa làm lễ buổi sáng.

Họ leo lên một đỉnh núi cao năm, sáu nghìn mét, ngồi im thở sâu và đều đặn. Họ để mình trần nhưng không hề cảm thấy lạnh. Họ cầm một cốc nước đóng băng, nhìn vào đó, tập trung toàn bộ nội lực vào đó, làm cho nước sôi. Rồi lấy nước đó pha trà. - Bất hạnh cho kẻ nào muốn làm vừa lòng người khác!

- Bất hạnh cho kẻ nào không cảm thấy kiếp này và kiếp sau chỉ là một!

*

Đêm đã xuống, tôi không còn nhìn rõ để đọc tiếp. Tôi gấp sách lại và nhìn ra biển. Mình phải tự giải phóng khỏi tất cả những bóng ma này mới được, tôi nghĩ thầm, những Đức Phật, những Thượng đế, những Tổ Quốc, những Ý Tưởng... Bất hạnh cho kẻ nào không đủ sức tự giải phóng khỏi những Đức Phật, những Thượng đế, những Tổ Quốc và những Ý Tưởng.

Biển bỗng chuyển màu đen. Trăng non mau chóng lặn. Trong những khu vườn đằng xa, chó hú buồn bã và cả khe suối hú dội lại.

Zorba hiện ra, lấm lem, áo sơ-mi tơi tả.

Lão ngồi xuống cạnh tôi.

- Hôm nay, tình hình rất tốt, làm được bao nhiêu việc, lão sung sướng nói.

Tôi nghe những lời của Zorba mà không hiểu ra sao. Tâm trí tôi còn ở tận đâu đâu, trên những triền dốc nguy hiểm.

- Sếp nghĩ gì vậy? Lão hỏi. Tâm trí sếp đang chơi vơi ngoài biển chẳng?

Tôi định thần lại, quay nhìn Zorba và lắc đầu.

- Zorba, tôi nói, bác tưởng mình là một Sinbad nhà Hàng Hải cừ khôi và bác huênh hoang vì đã chu du thiên hạ. Nhưng bác chẳng thấy được gì, chẳng thấy gì hết. Hoàn toàn không thấy gì, tội nghiệp bác, đồ ngốc ạ! Tôi cũng vậy, xin bác lưu ý. Thế giới rộng lớn hơn ta tưởng nhiều. Chúng ta đi du lịch, qua bao nước và bao biển, vậy mà có khác nào chúng ta chưa thò mũi ra khỏi cửa nhà.

Zorba bĩu môi, không nói gì. Lão chỉ gừ gừ như con chó trung thành bị chủ đánh.

- Trên thế giới có những trái núi đồ sộ, mênh mông, đầy những tu viện, tôi nói. Và trong những ngôi chùa ấy, có những nhà sư mặc áo cà sa màu vàng nghệ. Họ cứ ngồi xếp bằng một tháng, hai tháng, sáu tháng liền, chỉ nghĩ một điều, duy nhất một điều mà thôi. Đọc một điều thôi, bác nghe rõ chứ? Một thôi, không hai! Họ không nghĩ về đàn bà và than bùn hay về sách và than bùn như chúng ta, họ tập trung tâm trí vào mỗi một điều, trước sau vẫn một điều và họ làm nên phép lạ. Bác đã bao giờ thấy điều gì xảy ra khi bác giơ một cái thấu kính ra ngoài nắng và hội tụ tất cả các tia vào một điểm chưa, Zorba? Cái điểm ấy chẳng mấy chốc là bốc lửa, phải không nào? Tại sao? Vì năng lượng mặt trời không bị phân tán mà tập trung vào một điểm đó. Đối với tâm trí con người cũng vậy. Bác sẽ làm nên phép lạ nếu bác tập trung tâm trí vào một điều và chỉ một điều thôi. Hiểu không, Zorba? Zorba thở nặng nhọc. Trong giây lát, lão lúc lắc người như muốn vùng chạy, song nén lại được.

- Nói tiếp đi, lão lâu bà, giọng tắc nghẹn.

Rồi lão bật phắt ngay dậy.

- Im đi! Im đi! Lão quát. Tại sao sếp lại nói với tôi điều đó hả sếp? Tại sao sếp lại đầu độc tâm trí tôi? Tôi đang yên lành ở đây, sao sếp lại làm tôi xáo đảo lên? Tôi đói và Thượng đế hay ma quỷ (cả hai đều mắt sốt, trời đánh tôi nếu tôi phân biệt được!) ném cho tôi khúc xương và tôi gặm. Tôi vừa vẩy đuôi vừa kêu: “Cảm ơn! Cảm ơn!” Và bây giờ...

Lão giậm chân, quay lưng, làm một động tác như định đi về lều, nhưng vẫn còn sôi máu. Lão dừng lại.

- Hừ! Cái khúc xương lão ném cho tôi mới hay hớm chứ, cái lão Thượng đế ác quỷ ấy! Lão gặm lên. Một ả hát quán về già, bần thần. Một con thuyền nát không bỏ thả xuống nước.

Lão vớ một nắm sỏi, ném xuống biển.

- Nhưng y là ai? Kẻ ném những khúc xương ấy cho tôi là ai? Hử?

Lão đợi một lát, rồi khi cảm thấy tôi không muốn trả lời, lão đâm tức.

- Sếp không thể nói điều gì sao, sếp? Lão kêu lên. Nếu sếp biết thì hãy nói cho tôi nghe, để tôi biết tên y. Sau đó, sếp khỏi lo, tôi sẽ săn sóc y chu đáo. Nhưng nếu chỉ hú họa như thế này thì tôi nên đi ngả nào bây giờ? Tôi sẽ gặp tai họa mất!

- Tôi đang đói đây, tôi nói. Đi kiếm chút gì ăn đã. Dĩ thực vi tiên!

- Ta không thể nhịn ăn một buổi tối sao, sếp? Tôi có một ông chú đi tu, những ngày thường ông ấy chỉ dùng muối và nước lã, chủ nhật và ngày lễ, ông thêm vào chút cá. Ông đã sống đến một trăm hai mươi tuổi.

- Ông đã sống tới một trăm hai mươi tuổi vì ông có đức tin, Zorba ạ. Ông đã tìm được Thượng đế của mình và rũ sạch lo phiền. Còn chúng ta thì chẳng có Thượng đế nào để nuôi dưỡng chúng ta, Zorba ạ, cho nên xin bác hãy nhóm lửa lên, ta làm mấy con cá này. Nấu một món xúp đặc nóng sốt, thật nhiều hành và hạt tiêu, cái món chúng ta vẫn thích ấy! Rồi ta sẽ liệu sau.

- Liệu cái gì? Zorba điên tiết hỏi. Đầy bụng một cái là lấp mề quên tiệt những điều đó luôn!

- Đúng thế! Đó chính là tác dụng thực sự của đồ ăn, Zorba ạ. Vậy bây giờ bác hãy đi nấu một nồi xúp cá thật ngon cho đầu chúng ta khỏi nổ tung ra!

Nhưng Zorba không nhúc nhích. Lão vẫn đứng nguyên chỗ cũ, nhìn tôi.

- Sếp này, tôi muốn nói với sếp một điều. Tôi biết sếp định làm gì rồi. Vừa rồi, khi sếp nói, tôi chợt ngờ ngợ, tôi thấy điều đó lóe lên trong một ánh chớp.

- Tôi định làm gì, Zorba? Tôi thắc mắc hỏi.

- Sếp định xây một tu viện chứ còn gì nữa! Thay vì các tu sĩ sếp sẽ nhốt vào đó một số ngài cạo giấy như bản thân sếp tôn kính và họ sẽ viết ngày viết đêm. Rồi thì giống như các vị thánh trong tranh cổ, miệng các ngài sẽ tuôn ra những băng in chữ. Tôi đoán có trúng không nào?

Tôi buồn bã cúi đầu. Những ước mơ xưa hồi tôi còn trẻ, những đôi cánh mênh mông đã trụi hết lông; những rung động hồn nhiên, cao quý, quảng đại... Xây dựng một cộng đồng trí thức và ở lì trong đó: mười mười hai người bạn thân – nhạc sĩ, thi sĩ, họa sĩ... làm việc suốt ngày, chỉ gặp nhau ban đêm, ăn uống, đàn hát, đọc sách cùng nhau, bàn luận những vấn đề lớn của nhân loại, đập tan những giải đáp cổ truyền. Tôi đã dự thảo xong nội quy của cộng đồng, thậm chí đã tìm được chỗ làm trụ sở ở một quãng đèo trên núi Hymettus, vùng Thánh John Lạp Nhân.

- Tôi đã đoán khá trúng, Zorba thích thú nói khi thấy tôi nín lặng. Được lắm, kẻ hèn này sẽ xin đức tu viện trưởng chỉ thánh một ân huệ: mong ngài chỉ định tiện nhân làm chân gác cửa để tiện nhân có thể thỉnh thoảng mang lén vào thánh đường một vài cửa lạ: đàn bà, đàn măngđôlin, rượu raki, lợn sữa quay... Để ngài khỏi phung phí đời mình vào bao chuyện vô nghĩa!

Lão cười ha hả và đi nhanh về lều. Tôi chạy theo. Lão lảng lảng làm cá trong khi tôi kiểm củi và nhóm lò. Xúp vừa xong, chúng tôi lấy luôn thìa, ăn ngay từ trong nồi. Không ai nói câu nào, cả hai cùng ăn ngẫu nhiên; cả ngày chúng tôi chưa có miếng nào vào bụng. Chúng tôi uống chút rượu, tinh thần phấn chấn lên. Cuối cùng, Zorba mở miệng.

- Bây giờ mà thấy Bouboulina xuất hiện thì vui quá, sếp nhỉ. Mụ đến bây giờ thì thật là đúng lúc, nhưng cầu Chúa tránh cho chúng ta điều ấy! Mụ sẽ là giọt nước làm tràn cốc: Tuy nhiên, sếp biết đấy, tôi nhớ mụ quá, chết tiệt nhà mụ!

- Bác không hỏi tôi ai đã ném cho bác cái khúc xương đặc biệt đó nữa à?

- Xá gì sếp? Nó tựa như con bọ chết trong một đồng cỏ khô thôi... Cứ gặm xương và đừng thắc mắc là ai đã ném xuống cho mình. Nó có ngon không? Còn dính tí thịt nào trên đó không? Đó mới là những câu hỏi. Còn mọi chuyện khác thì...

- Đồ ăn thức uống đã hoàn thành phép màu kỳ diệu của nó! Tôi vừa nói vừa phát vào lưng lão. Thân xác đói mềm đã nguôi dịu... thế là phần hồn lục vấn cũng nguôi theo. Lấy cây santuri ra đi!

Nhưng đúng lúc Zorba đứng dậy, chúng tôi nghe thấy tiếng chân nặng nề hối hả trên sỏi. Hai lỗ mũi đầy lông của Zorba phập phồng.

- Vừa nhắc đến mụ... lão khẽ nói, tay vỗ đánh đét vào đùi. Mụ đến đây rồi! Con chó cái đánh hơi thấy mùi Zorba trong không trung và mò tới đó.

- Tôi đi đây, tôi đứng dậy nói. Tôi không muốn dính dáng gì đến chuyện này. Tôi ra đi dạo một lát. Mặc bác.

- Chúc sếp ngủ ngon.

- Và đừng quên nhé, Zorba. Bác đã hứa sẽ lấy mụ đấy. Đừng làm tôi mang tiếng nói dối.

Zorba thở dài.

- Lại lấy vợ nữa ư, sếp? Tôi ngán đến tận cổ rồi! Mùi xà phòng thơm gần thêm.

- Can đảm lên, Zorba!

Tôi vội vã tặc. Ra đến ngoài, tôi đã nghe thấy ngư nữ già thở hổn hển.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 17

Tình mơ sáng hôm sau, giọng Zorba đánh thức tôi dậy.

T

- Mới bảnh mắt ra, con ong nào đã đốt bác vậy? Làm gì mà la văng lên thế?

- Chúng ta phải nắm tình hình cho nghiêm chỉnh, sếp ạ, lão vừa đáp vừa nhét đầy thức ăn vào túi dết. Tôi đã mang về hai con la, sếp dậy đi, chúng ta đến tu viện để dứt điểm việc ký kết giấy tờ thỏa thuận làm đường dây cáp vận chuyển. Chỉ có một thứ làm sư tử sợ: đó là rận. Lũ rận sẽ hút kiệt máu chúng ta, sếp ạ.

- Tại sao lại gọi Bouboulina tội nghiệp là con rận? Tôi cười hỏi.

Nhưng Zorba vờ như không nghe thấy.

- Đi thôi, lão nói, trước khi mặt trời lên quá cao. Tôi rất vui thích được lên núi và ngửi mùi thông. Chúng tôi nhảy lên mình la, bắt đầu leo. Chúng tôi dừng lại ở chỗ một lúc để Zorba dặn dò công nhân cuốc than ở đường hầm “Mụ Nhất”, đào rãnh tháo nước ở đường hầm “Đái Tồ Tồ” và dọn sạch đường hầm “Canavaro”. Ngày rục rở như một viên kim cương nước sáng nhất.

Càng lên cao, tinh thần chúng tôi càng như được thanh lọc, càng hào hứng. Một lần nữa, tôi lại cảm thấy ảnh hưởng của không khí trong lành, dễ thở và chân trời bát ngát đối với tâm hồn. Tưởng như tâm hồn cũng là một con vật có phổi, có lỗ mũi. Nó cần dưỡng khí và có thể chết ngạt trong bụi bặm hoặc giữa những chỗ quá nhiều ứ khí.

Khi chúng tôi đi vào rừng thông thì mặt trời đã lên cao. Không khí ở đây sực mùi mật ong, gió thổi trên đầu chúng tôi, rì rào như sóng biển.

Trên đường đi, Zorba đã nghiên cứu độ dốc của sườn núi: Trong trí tưởng tượng, cứ cách mấy thước, lão lại trồng một cột và ngược mắt lên, lão đã có thể thấy đường dây cáp lấp lánh dưới ánh mặt trời và chạy thẳng xuống bờ biển. Gắn vào dây cáp, những thân cây đã đốn veo veo lao xuống như tên bắn.

Lão xoa tay.

- Số dách! Lão nói. Đây sẽ là một mỏ vàng! Chả bao lâu, chúng ta sẽ ngập lặn trong tiền bạc và có thể nói gì làm nấy được.

Tôi ngạc nhiên nhìn lão.

- Hừm! Đừng có nói với tôi là sếp đã quên rồi!

Trước khi xây cái tu viện của sếp, ta còn phải trèo lên cái ngọn núi lớn ấy. Tên nó là gì nhỉ?

- Tây Tạng, Zorba ạ, Tây Tạng. Nhưng chỉ hai chúng ta thôi. Bác không được mang đàn bà đến đó.

- Ai nói đến chuyện mang theo đàn bà? Dù sao, những sinh vật tội nghiệp ấy cũng rất có ích, cho nên sếp đừng có nói xấu gì họ; rất có ích khi một người đàn ông không có một công việc đàn ông nào để mà làm, tí như cuốc than, tiến công chiếm thành phố hay nói chuyện với Thượng đế! Vậy,

hắn còn biết làm gì khác để khỏi nổ tung ra vì phiền muộn? Hắn uống rượu, chơi xúc xắc hoặc ôm ấp một người đàn bà... và chờ đợi... chờ đợi thời cơ... nếu như thời cơ sẽ đến.

Lão im lặng một lát.

- Nếu như thời cơ sẽ đến, lão nhắc lại, giọng bức bối, bởi vì có thể nó sẽ không bao giờ đến cả. Và một lúc sau:

- Không thể cứ như thế này mãi được, sắp ạ; hoặc là thế giới sẽ phải bé đi, hoặc là tôi sẽ phải to ra. Nếu không thì tôi đi đút!

Một tu sĩ hiện ra giữa rừng thông, tóc đỏ hoe và nước da vàng bệch, tay áo xắn lên, đầu đội một chiếc mũ tròn bằng vải dệt lấy. Ông ta cầm một cây gậy sắt, vừa đi vừa đập xuống đất. Trông thấy chúng tôi, ông dừng lại và giơ cây gậy lên.

- Các ông đi đâu? ông ta hỏi.

- Đến tu viện, Zorba đáp, chúng tôi đến cầu nguyện.

- Quay lại đi, các tín đồ Cơ Đốc giáo, tu sĩ kêu lên, cặp mắt xanh trong dần dần bốc lửa. Quay về đi, tôi khuyên các ông như vậy. Các ông sẽ không tìm thấy vườn cây của Đức Mẹ Đồng Trinh ở đây đâu, mà chỉ có vườn của Xa tăng thôi! Nghèo khó, khiêm nhường, thanh sạch... mũ miện của người tu hành, như người ta nói! Rất có thể. Quay trở lại đi, tôi khuyên các ông. Tiền bạc, kiêu hãnh và trai trẻ! Đó là Đức Chúa Ba Ngôi của họ.

- Tay này ngộ đấy, Zorba khoái trí thì thầm.

Lão quay sang người kia.

- Tên đạo hữu là gì? Lão hỏi tu sĩ. Và đạo hữu từ đâu tới?

- Tôi tên là Zaharia. Tôi đã sẵn sàng khăn gói ra đi! Ngay lập tức. Tôi không chịu được nữa! Xin người đồng bào vui lòng cho tôi biết quý danh.

- Canavaro.

- Tôi không thể chịu đựng thêm ngày nào nữa, người anh em Canavaro ạ. Suốt đêm, Chúa Kitô rên rỉ, làm tôi không ngủ được. Và tôi cũng rên với Ngài luôn. Thế rồi, sáng sớm nay, tu viện trưởng – cầu sao lão bị thiêu trong lửa địa ngục đời đời – cho gọi tôi lên. “Này, Zaharia”, lão nói “Vậy là thầy không để các đạo hữu ngủ ư? Tôi sẽ tổng cổ thầy”

- “Tôi không để cho họ ngủ ấy à?, tôi nói. “Tôi hay Chúa Kitô? Chính Chúa cứ rên rỉ hoài đấy chứ”. Thế là lão giơ cây thánh giá lên, cái tên phản Chúa ấy và... người anh em xem đây!

Ông ta trật cái mũ thầy tu ra, để lộ một nạm máu đông trên tóc.

- Cho nên tôi rũ áo ra đi.

- Hãy quay lại tu viện với chúng tôi, Zorba nói. Tôi sẽ thuyết phục tu viện trưởng. Nào, cha có thể đi cùng với chúng tôi và dẫn đường cho chúng tôi. Quả là trời phái cha đến giúp chúng tôi.

Tu sĩ nghĩ một lát. Mắt ông ta long lanh.

- Các ông thuê tôi cái gì?

- Cha muốn gì?

- Hai “pao” cá thu muối và một chai brandi.

Zorba cúi người về phía trước nhìn ông ta.

- Phải chăng cha cũng đôi lúc có một thứ ma quỷ trong người, cha Zaharia?

Tu sĩ giật mình.

- Làm sao ông đoán được? ông ta ngạc nhiên hỏi.

- Tôi cũng gốc gác ở núi Athos nên cũng biết sơ sơ về điều đó, Zorba đáp.

Thầy tu cúi đầu. Phải cố gắng lắm chúng tôi mới nghe rõ câu trả lời của ông ta:

- Phải, trong tôi có một con quỷ.

- Và nó thích cá thu muối cùng rượu brandi, phải không?

- Phải, nó đáng ném vào hỏa ngục ba lần!

- Thôi được! Xong! Nó cũng hút thuốc lá nữa chứ? Zorba ném cho thầy tu một điếu thuốc và ông ta háo hức vồ lấy. - Nhân danh Chúa Jesu! ông ta nói.

Ông ta nhắc chiếc gậy sắt lên, quay đằng sau và cất bước.

- Con quỷ của thầy tên gì nhi? Zorba vừa hỏi vừa nháy mắt với tôi.

- Joseph! Zaharia trả lời, không quay đầu lại. Tôi chẳng thích đi cùng với lão thầy tu nửa điên nửa dại này chút nào. Một đầu óc bệnh hoạn cũng như một thân thể bệnh hoạn, khiến tôi thương hại, đồng thời cũng cảm thấy ghê tởm. Nhưng tôi không nói gì. Tôi để Zorba muốn làm gì thì làm.

Không khí trong lành làm chúng tôi mau đói và chúng tôi ngồi xuống dưới một cây thông khổng lồ, mở túi dết ra. Tay thầy tu cúi người và thềm thường ngó vào xem trong đó có gì.

- Từ từ nào! Zorba kêu. Đừng nhóp nhép miệng quá sớm vậy, Zaharia! Hôm nay là thứ Hai tuần lễ Thánh, chúng tôi là hội viên Hội Tam Điểm,

nên sẽ ăn chút thịt và gà giò. Chúa xá tội cho chúng tôi! Nhưng đây có chút halva và quả ô-liu dành cho cái dạ dày thánh của cha đó. Tu sẽ vượt bộ râu nhớt nhúa.

- Đành là tôi sẽ ăn quả ô-liu với bánh mì và nước lã, y nói, về hồi lỗi. Nhưng Joseph là một con quý, nó sẽ ăn thịt với các bạn, nó thích gà giò – ôi, nó là một linh hồn đọa lạc mà – và nó sẽ uống rượu trong bầu của các bạn. Y làm dấu thánh giá, ngốn bánh mì, ô-liu và halva, dùng mu bàn tay chùi mồm, uống nước, rồi lại làm dấu như thể đã ăn xong bữa.

- Nào, y nói, bây giờ đến lượt Joseph, cái linh hồn khốn khổ ba lần bị đầy địa ngục.

Và vồ lấy miếng gà giò.

- Ăn đi, hồi linh hồn đọa lạc! Y vừa lau bầu giận dữ vừa tọng những miếng tương vào mồm, ăn đi!

- U-ra! Cừ lắm, ông thầy tu! Zorba reo lên, phấn khởi. Tôi thấy là cha bắt cá cả hai tay.

Lão quay sang tôi.

- Sếp thấy y thế nào, sếp?

- Y rất giống bác, tôi cười đáp.

Zorba đưa bầu rượu cho tay thầy tu.

- Joseph! Làm một hớp nào!

- Uống đi, hồi linh hồn đọa lạc. Tu sẽ vừa nói vừa chộp lấy bầu rượu tấp lên miệng.

Mặt trời nóng dữ và chúng tôi lúi vào bóng râm. Tay thầy tu sực mùi mồ hôi chua loét và mùi trầm hương. Y gần như chảy nước dưới ánh nắng và Zorba phải kéo y vào chỗ râm mát nhất để bớt nặng mùi.

- Làm sao mà cha lại trở thành tu sĩ? Zorba hỏi, lão đã ăn uống no nê và muốn nói chuyện phiếm.

Tu sĩ nhe răng cười.

- Bộ ông bạn tưởng là vì mình rất thánh thiện? Chắc thế! Đó là do nghèo khó, ông bạn ạ, nghèo khó! Mình chẳng còn gì ăn, thế là mình tự nhủ: hay là vào bég một tu viện cho khỏi chết đói.

- Thế cha có mãn nguyện không?

- Đội ơn Chúa! Mình cũng hay thở dài và ca cẩm, nhưng xin đừng có để ý đến điều đó. Mình không khát khao những chuyện thế tục đâu; riêng phần mình thì mình đi... cần những cái đó... ấy xin lỗi... ngày nào mình cũng bảo thẳng là mình đi... cần. Thế nhưng mình khao khát Thiên đàng! Ở đây mình thường bông đùa, dú đờn làm cho đám tu sĩ chê cười. Tất cả bọn họ đều bảo là mình bị quỷ ám và lãng mạ mình. Nhưng mình tự bảo “Không đúng thế; Thượng đế chắc phải thích vui đùa cười cợt” Vào đây chú hề nhỏ của ta, vào trong này.” Một ngày kia Ngài sẽ bảo mình vậy, mình biết mà. “Lại đây làm trò mua vui cho ta! ’.” Đó, mình sẽ vào Thiên đàng bằng cách ấy, với tư cách là thằng hề!

- Đầu óc thầy nhắm đúng hướng đấy, không trệch đi đâu được bạn già ạ, Zorba đứng dậy nói: Nào, ta phải đi thôi kẻo tối mất.

Tu sĩ lại đi lên trước. Trong khi trèo núi, tôi có cảm giác như bọn tôi đang leo những cấp độ trí tuệ trong tôi, từ những lo lắng tầm mún, thấp hèn lên những ưu tâm cao cả hơn, từ những chân lý tiện lợi của đồng bằng lên những quan niệm cheo leo.

Đột nhiên tay thầy tu dừng lại.

- Đức Bà Báo Oán! Y kêu lên, chỉ tay vào một miếu đường nhỏ có mái vòm duyên dáng. Y quỳ xuống, làm dấu thánh giá. Tôi xuống la và bước vào nhà nguyện mát. Một thánh tượng cổ kính ám khói được đặt trong góc, đầy đồ lễ tạ: những lá bạc mỏng khắc thô sơ những bàn chân, tay, mắt, trái tim... Trước thánh tượng, một giá nến bằng bạc giữ liên tục một ngọn lửa thường trực. Tôi lặng lẽ lại gần: một thánh mẫu dữ dội, hiếu chiến, cổ lực lưỡng, với cái nhìn khắc khổ, thiếu thoải mái của một trinh nữ, tay không bông Chúa Hải Đồng, mà cầm một ngọn giáo dài thẳng băng.

- Tai họa cho kẻ nào dám xâm phạm tu viện. Tay thầy tu nói, vẻ kinh hãi. Đức Mẹ sẽ lao vào, đâm giáo xuyên qua người hấn. Ngày xưa, bọn Algérie đến đây đốt tu viện. Nhưng hãy coi lũ vô đạo ấy bị trừng phạt như thế nào về tội ấy. khi chúng qua miếu đường này, Đức Mẹ Đồng Trinh thành linh nhảy vọt từ thánh tượng, lao ra ngoài và bắt đầu vung giáo đâm bên nọ xia bên kia, khắp mọi phía... giết sạch, không còn một mống. Ông nội tôi nhớ là đã thấy hài cốt chúng la liệt khắp cánh rừng. Từ đó, chúng tôi gọi Người là Đức Bà Báo Oán. Trước kia người ta gọi là Đức Mẹ Từ Bi.

- Tại sao Người không thi thố phép lạ trước khi chúng đốt tu viện, thưa cha Zaharia? Zorba hỏi.

- Đó là ý của Đấng Tối Cao! Tu sĩ đáp và làm dấu ba lần.

- Đấng Tối Cao mới hay hóm làm sao! Zorba vừa lẩm bẫm vừa trở lại trèo lên yên. Ta đi tiếp thôi! Chẳng mấy chốc, hiện ra một cao nguyên trên đó in rõ nét tu viện Đức Mẹ Đồng Trinh giữa lớp lớp đá và thông. Thanh tĩnh, tươi tắn, tách biệt hẳn với thế giới trần tục. Năm lọt thỏm trong hõm xanh um của đèo cao này, kết hợp một cách hài hòa sâu sắc vẻ cao cả của ngọn núi với vẻ dịu dàng của đồng bằng, tu viện này hiện ra trước mắt tôi như một nơi ẩn dật tuyệt vời cho con người suy tưởng.

“Ở đây,, tôi nghĩ thầm, “một tâm hồn dịu dàng, mực thước có thể vun trồng nên một phần hững tôn giáo vừa tầm con người. Chẳng phải một đỉnh cao cheo leo, siêu phàm, cũng không phải một đồng bằng lười nhác, gợi dục, chỉ vền vẹn là cái gì cần thiết cho tâm hồn trở nên cao cả mà vẫn không mất đi tình thương yêu trìu mến của con người. Một nơi như thế này sẽ không tạo nên anh hùng, cũng chẳng sản sinh ra loài súc sinh. Nó sẽ tạo nên con người.”

Một ngôi đền cổ Hy Lạp duyên dáng hoặc một nhà thờ Hồi giáo tươi vui đặt ở nơi này ắt là hợp. Thượng đế nên mang nhân dạng bình dị, mà xuống đây, đi chân không qua bãi cỏ xuân và trầm tĩnh chuyện trò với con người.

“Thật huyền diệu! Thật cô tịch! Thật là cực lạc?” tôi thì thầm.

Chúng tôi xuống la, đi qua cửa giữa, lên nhà khách ở đó, người ta mời chúng tôi một khay rượu raki, mút và cà phê theo tục lệ cổ truyền. Cha tiếp tân ra gặp chúng tôi và một lúc sau các tu sĩ xúm quanh chúng tôi, bắt đầu nói chuyện. Những cặp mắt tinh quái, những đôi môi háo hức, những bộ râu, ria và mùi nồng nặc của biết bao con dê đực.

- Các ông có mang báo đến không? Một tu sĩ bồn chồn hỏi.

- Báo ư? Tôi ngạc nhiên nói. Ở đây, các cha cần báo làm gì?

- Ông bạn ạ, có báo chúng tôi mới biết được những gì đang xảy ra ở thế giới dưới kia! Hai ba giọng bất bình cất lên.

Tì vào thành bao lơn, họ quang quác như một lũ quạ Họ sôi nổi nói chuyện về nước Anh, nước Nga, về Venizelos ([51]), và đức vua. Thế giới đã trục xuất họ, nhưng họ vẫn gắn bó với thế giới. Mắt họ còn đầy hình ảnh những thành phố lớn, những cửa hiệu, phụ nữ, báo chí... Một tu sĩ to béo, lông lá đứng dậy, khịt khịt mũi.

- Tôi có cái này muốn đưa ông xem, ông ta nói với tôi. Ông có thể cho tôi biết ý kiến của ông về cái đó. Để tôi đi lấy!

Ông ta đi, hai bàn tay lông lá chắp lên bụng, đôi giày vải lệt sệt trên sàn và khuất dạng sau khi qua cửa. Tất cả các tu sĩ cười tai quái.

- Cha Demetrios lại đi kiểm cái tượng nàng nữ tu sĩ bằng đất sét, cha tiếp tân nói. Ma quỷ đã chôn nó xuống đất dành riêng cho cha Demetrios và một hôm, cha cuốc vườn tìm thấy. Cha mang về trai phòng, và từ đấy, đâm mất ngủ, thậm chí gần như mất trí nữa.

Zorba đứng lên. Lão thấy ngọt thờ.

- Chúng tôi đến gặp cha tu viện trưởng để ký một số giấy tờ, lão nói.

- Đức cha tu viện trưởng không có ở đây, cha tiếp tân nói: Sáng nay, cha xuống làng. Các ông chịu khó chờ.

Cha Demetrios trở lại. hai tay chắp vào nhau giơ ra như đang bưng bình rượu lễ.

- Đây này! ông ta nói, thận trọng hé tay.

Tôi đến bên ông. Từ những ngón tay béo múp của tu sĩ, một pho tượng Tanagra nhỏ xíu mình trần e lệ ngước lên mỉm cười với tôi. Nàng ôm đầu bằng bàn tay độc nhất còn lại.

- Cái cách nàng giữ đầu như vậy, Demetrios nói, có nghĩa là bên trong có một viên đá quý, có thể là một viên kim cương hay ngọc trai cũng nên. Ông nghĩ thế nào?

- Tôi nghĩ cô ả bị đau đầu, một tu sĩ bình luận chua cay. Nhưng Demetrios to con, môi thười như môi dê, nhìn tôi, nôn nóng chờ.

- Tôi nghĩ phải đập ra mà xem, ông ta nói. Ban đêm, tôi không ngủ được vì nó... Nếu bên trong có một viên kim cương...

Tôi nhìn hình cô gái duyên dáng với đôi vú nhỏ rắn chắc bị lưu đầy ở đây trong mùi trầm hương và giữa những vị thần bị đóng đinh câu rút nên nguyên rửa xác thịt, tiếng cười và những nụ hôn. Ôi! Giá tôi có thể cứu được nàng!

Zorba cầm lấy pho tượng đất nung, sờ nắn cái thân thể đàn bà mỏng manh và ngón tay lão dừng lại, run rẩy trên đôi vú nhọn rắn chắc.

- Nhưng tu sĩ phúc hậu của tôi, cha không thấy đây chính là quý ư? Lão nói. Đó đích thị là quý, không sai. Cha đừng băn khoăn, tôi biết nó khá rõ, đồ trời đánh. Thử nhìn đôi vú nó đây, cha Demetrios – mát rượi, tròn và chắc. Ngực ma quý hết như thế mà, điều đó tôi biết nhãn ra rồi.

Một tu sĩ trẻ hiện ra ở khung cửa. Năng lấp lánh trên mái tóc vàng óng và khuôn mặt tròn, mầng tở của gã.

Tay tu sĩ ác khẩu mới nói lúc nãy nháy cha tiếp tân. Cả hai tùm tùm cười tinh quái.

- Cha Demetrios, họ nói, Gavrili, chú tiểu của cha kìa.

Ông thầy tu lập tức chụp lấy tay cô nàng tí hon bằng đất sét của mình và lăn như cái thùng tônô về phía cửa ra vào Chàng tân tu đẹp trai lạng lẽ đi trước ông, chân bước nhún nhảy. Hai thầy trò biến mất trong dãy hành lang dài hư nát.

Tôi ra hiệu cho Zorba và chúng tôi ra sân. Bên ngoài nóng ẩm dễ chịu. Giữa sân, một cây cam nở hoa làm không khí thơm ngát. Ngay cạnh, nước róc rách chảy từ cái vòi rất cổ bằng cẩm thạch hình đầu cừu. Tôi ghé đầu dưới vòi cho nước xối mát rượi.

- Nhân danh Chúa, những người này thuộc loại gì? Zorba hỏi với đôi chút ghê tởm. Họ không phải là đàn ông cũng chẳng phải đàn bà, họ là những con la. Gớm! Đem mà treo cổ họ lên!

Lão cũng vục đầu vào làn nước mát và bỗng bật cười.

- Hừ! Đem mà treo cổ họ lên! Lão lại nói. Cả bọn đều có trong người một con quỷ nào đó. Cha này thèm đàn bà, cha kia thèm cá thu muối, cha nọ muốn tiền, lại có cha đòi báo... một lũ ngu xuẩn. Tại sao họ không xuống quách hạ giới, hưởng cho đầy tể mọi thứ đó và tẩy rửa đầu óc đi?

Lão châm một điếu thuốc lá và ngồi xuống chiếc ghế dài dưới cây cam đang trổ hoa.

- Khi tôi thèm khát một cái gì, lão nói, sếp có biết tôi làm thế nào không? Tôi nhồi nhét cho thật chán ngấy, thế là rũ bỏ được, không thiết nghĩ đến cái đó nữa. Hoặc giả có nghĩ đến thì chỉ muốn lộn mửa. Hồi còn bé – điều này sẽ chứng minh cho sếp thấy – tôi thích anh đào đến mê cuồng. Tôi không có tiền nên mỗi lần mua chẳng được mấy, ăn hết vẫn thòm thèm. Ngày đêm, tôi chỉ nghĩ đến anh đào, thèm nhỏ dãi. Thật là một cực hình. Nhưng một hôm, tôi phát rồ phát dại hay tôi xấu hổ, tôi cũng chẳng biết đúng ra là thế nào. Dù sao mặc lòng, tôi cũng cảm thấy rành là những trái anh đào có toàn quyền muốn làm gì tôi thì làm và như thế quả là nhớ nhãng. Cho nên tôi đã làm gì? Một đêm, tôi trở dậy lục túi cha tôi, thấy một đồng mejidie bạc và tôi xoáy liền. Sáng hôm sau, tôi dậy thật sớm, đến nhà một người chủ vườn và mua hẳn một rổ anh đào. Tôi chui xuống một cái hố và bắt đầu ăn. Tôi nhồi nhét, nhồi nhét đến khi bụng trương phềnh lên và bắt đầu đau. Tôi buồn nôn, phải, sếp ạ, tôi nôn mật xanh mật vàng. Từ hôm ấy trở đi, tôi không bao giờ thèm anh đào nữa, thậm chí nhìn cũng không chịu nổi. Tôi đã thoát. Tôi có thể nói với bất cứ trái anh đào nào: tao không cần chúng mày nữa. Và sau này, với rượu và thuốc lá tôi cũng làm thế. Tôi vẫn còn uống rượu và hút thuốc, nhưng bất cứ lúc nào tôi muốn, hấp! Một cái, tôi có thể bỏ liền. Tôi không bị đam mê thống trị. Đối với đất

nước xứ sở cũng vậy. Tôi nghĩ quá nhiều về đất nước xứ sở, cho nên tôi đem tọng vào cho ngấy đến cổ, nôn oẹ ra và từ đó, nó không quấy rầy tôi nữa.

- Còn đàn bà thì sao? Tôi hỏi.

- Rồi cũng đến lượt họ thôi, đồ trời đánh! Sẽ đến lượt họ! Khi nào tôi khoảng bảy mươi tuổi!

Lão nghĩ một lát và thấy là thời hạn đó quá gần. – Tám mươi, lão chữa lại. Tôi thấy là điều đó làm sếp buồn cười, nhưng sếp không nên cười sếp ạ. Con người ta tự giải thoát bằng cách ấy đó! Hãy nghe tôi đây: không có con đường nào khác ngoài cách nhồi nhét đến độ muốn nổ tung ra. Chứ đừng có biến thành nhà tu khổ hạnh. Làm sao sếp có thể hy vọng thắng được quỷ nếu bản thân sếp không biến thành một con quỷ rười, hả sếp?

Demetrios vào trong sân, thở hồng hộc, theo sau là gã tu sĩ trẻ tóc vàng.

- Ai cũng phải nghĩ rằng gã là một thiên thần nổi giận, Zorba lăm bằm, cảm thấy ngưỡng mộ vẻ rụt rè và duyên dáng thanh xuân của gã.

Họ đi về phía cầu thang đá dẫn lên những trai phòng trên gác. Demetrios quay lại nhìn tu sĩ trẻ, nói mấy câu. Gã này lắc đầu như từ chối. Nhưng ngay sau đó, gã gật đầu phục tùng, quàng tay ôm ngang thân ông thầy tu già và họ cùng nhau lên các bậc thang.

- Sếp hiểu chứ? Zorba hỏi. Sếp thấy chứ? Sodom và Gomorrah ([52])

Hai tu sĩ khác ngó ra, nháy mắt với nhau và cười rộ.

- Một lũ hần học! Zorba làu bàu. Chó sói cũng không cắn xé nhau, thế mà thử nhìn bọn thầy tu này xem! Sếp đã bao giờ thấy đàn bà chơi đùa nhau như thế này chưa?

- Họ là đàn ông cả, tôi cười nói.

- Thì đây cũng chả có gì khác lắm, sếp ạ, xin nói với sếp vậy! Tất cả bọn họ là giống la lừa hết. Sếp có thể gọi họ là Gavrilis hay Gavrila, Demetrios hay Demetria, tùy theo cảm xúc. Nào sếp, ta chuồn thôi. Ký giấy tờ thật mau rồi đi cho sớm chợ. Nếu còn ở lại đây, chẳng mấy chốc, chúng ta sẽ hoàn toàn ghê tởm cả đàn ông lẫn đàn bà. Lão hạ thấp giọng.

- Với lại tôi có một âm mưu...

- Lại một ý điên rồ nữa, tôi còn lạ gì. Bác không nghĩ là một đời bác làm ngân ấy trò ngu xuẩn là đủ rồi sao, hờ đồ dê già? Nào, nói tôi nghe thử âm mưu của bác như thế nào.

Zorba nhún vai.

- Làm sao tôi có thể cắt nghĩa cho sếp nghe một điều như vậy? Nói lỗi phép sếp, sếp là một thằng cha tử tế, hết lòng vì mọi người, bất kể họ như thế nào. Mùa đông, giá sếp thấy một con bọ chết ở bên trên chần lông của mình, chắc sếp sẽ cho nó vào trong chần để nó khỏi cảm lạnh. Làm sao sếp có thể hiểu nổi một thằng bọm già như tôi đây? Nếu tôi thấy một con bọ chết, tôi giẫm đánh bẹp một cái tức thì. Nếu tôi vớ được một con cừu, xoạt! Tôi cắt tiết liền, xiên thịt nướng chả mời bạn bè đến đánh chén! Hãn sếp sẽ bảo: con cừu đâu phải của bác! Phải, tôi công nhận thế. Nhưng thưa sếp, ta hãy ăn cho xong đã, sau đó, ta sẽ bình thản nói chuyện và bàn luận xem cái gì là của anh, cái gì là của tôi, bấy giờ tha hồ sếp muốn nói bao nhiêu thì nói, trong khi tôi xia răng bằng một que diêm.

Lão cười khanh khách, vang cả sân. Zaharia kinh hãi hiện ra. Y đặt một ngón tay lên môi và rón rén đến bên chúng tôi.

- Suyt! Y nói. Không được cười thế! Hãy nhìn cái cửa nhỏ trên kia... đức giám mục đang làm việc ở đấy. Chỗ ấy là thư viện. Con người thánh thiện đó đang viết. Ngài viết suốt ngày, cho nên đừng làm ồn!

- Ha, cha đúng là người tôi đang cần gặp! Zorba vừa nói vừa nắm lấy cánh tay ông thầy tu. Nào, đưa tôi đến trai phòng của cha, tôi muốn nói chuyện với cha một chút.

Rồi lão quay sang tôi:

- Trong khi bọn tôi ở trên đó, sếp hãy đi một vòng thăm thú nhà thờ và ngắm tất cả các thánh tượng cổ, lão nói. Tôi sẽ đợi cha tu viện trưởng, chắc ông ấy cũng sắp về. Nhưng sếp đừng có tự động làm bất cứ cái gì, kéo rồi hỏng hết đấy. Cứ để đấy cho tôi, tôi đã có ý đồ. Lão cúi xuống nói nhỏ vào tai tôi.

- Chúng ta sẽ lấy được cánh rừng ấy với nửa giá... Đừng có nói gì đấy.

Và lão khoác tay người tu sĩ, hồi hả bước đi

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 18

Tôi bước qua bậc cửa giáo đường, đi sâu vào bên trong mờ tối, mát dịu và thơm ngào ngạt.

T

Nhà thờ vắng ngắt. Những đài nến bằng đồng hun tỏa một ánh sáng yếu ớt. Một bức vách ngăn chạm trổ tinh vi hình thánh với một giàn nho vàng óng trĩu quả chiếm cả khoảng đầu đẳng kia giáo đường. Bốn bề tường, từ trên xuống dưới, phủ đầy bích họa hầu như bị xóa nhòa: hình ảnh hãi hùng của những thầy tu khổ hạnh, gày như bộ xương, các Đức Cha của Giáo Hội, những Khổ Hình kéo dài của Chúa Kitô, những thiên thần to lớn dữ tợn, tóc buộc bằng những dải băng rộng bản xanh xanh, hồng hồng đã phai màu vì âm thấp.

Tít trên vòm cao là Đức Mẹ Đồng Trinh, hai tay dang ra, cầu khẩn. Một ngọn đèn bạc lớn đặt phía trước tỏa quanh Người, một làn sáng dịu chập chờn ve vuốt khuôn mặt thon dài đau đớn. Tôi sẽ không bao giờ quên được đôi mắt đầy khổ đau, cái miệng chum chúm cau lại và cái cằm mạnh mẽ kiên nghị của Người. Đây là Người Mẹ hoàn toàn sung sướng và mãn nguyện, tôi nghĩ, ngay cả trong nỗi đau quặn quại nhất, vì Người cảm thấy từ chốn khả vong của lòng mình, một cái gì bất tử đã ra đời. Khi tôi ra khỏi cửa nhà thờ thì mặt trời đang lặn. Tôi ngồi xuống dưới cây cam trong một tâm thái hoan lạc. Vòm mái tròn của giáo đường ngả sang màu hồng như

vào lúc rạng đông. Các tu sĩ đã về trai phòng nghỉ ngơi. Họ không ngủ; họ còn phải tập trung toàn bộ sức lực. Đêm nay, Chúa Kitô sẽ bắt đầu trèo lên Golgotha ([53]) và họ phải đi theo Người. Hai con lợn nái vú hồng hồng đang nằm ngủ như chết dưới một cây minh quyết. Những con bò câu đang lạch bạch đi trên mái nhà và gù nhau.

“Mình sẽ còn sống bao lâu để hưởng cái dịu ngọt của trái đất, sự tịch lặng và hương thơm của cây cam trở hoa?” Tôi nghĩ thầm. Một bức tượng thánh Bacchus tôi vừa chiêm ngưỡng trong nhà thờ đã khiến lòng tôi tràn trề hạnh phúc. Những điều đã làm tôi xúc động sâu xa nhất – sự nhất quán cương quyết trong việc theo đuổi mục đích, kiên trì trong khát vọng – một lần nữa lại bày ra trước mắt tôi: Cảm tạ pho thánh tượng nhỏ bé đáng yêu này, thể hiện một thanh niên Cơ Đốc với mái tóc quấn xõa xuống trán như những chùm nho. Dionysus, vị thần tuần tú của rượu vang và đê mê ngây ngất, quyện với Thánh Bacchus trong trí tôi và mang cùng một gương mặt. Dưới những lá nho và bộ đồ tu sĩ, phật phòng sống động cùng một thân thể cháy rực nắng: Hy Lạp.

Zorba trở lại và vội vã thông báo:

- Tu viện trưởng đã đến. Chúng tôi đã nói chuyện một lát; phải dỡ lão ta mãi; lão bảo lão không bằng lòng bán rẻ cánh rừng; lão đòi hơn giá chúng ta đề nghị nhiều, cái đồ bợm già ấy, nhưng tôi chưa dứt điểm với lão.

- Tại sao lại cần phải dỡ? Tôi tưởng hai bên đã thỏa thuận rồi cơ mà?

- Lạy Chúa, sếp đừng có dính vào chuyện này, Zorba khẩn khoản. Sếp sẽ chỉ làm hỏng việc thôi. Đấy, sau bao chuyện, sếp còn nói đến thỏa thuận cũ; cái đó lỗi thời từ lâu rồi. Đừng có cau mày, lỗi thời rồi, thật đấy. Chúng ta sẽ mua được cánh rừng ấy với nửa giá!

- Bác định giờ ngón gì ra bây giờ, Zorba?

- Sếp không phải bận tâm. Đó là việc của tôi. Tôi nói sẽ tra dầu mỡ và máy sẽ chạy ro ro, sếp hiểu không?

- Nhưng tại sao? Tôi chẳng hiểu mô tê gì.

- Vì tôi đã tiêu sài quá đáng ở Candia. đấy là lý do! Vì Lola đã ngốn mất của tôi... có nghĩa là của sếp, một đồng tiền. Sếp tưởng tôi quên rồi ư? Trên đời còn có cái gọi là tự trọng chứ. Tôi không thể để cuốn sổ đời mình đầy vết mực! Tôi tiêu bao nhiêu, trả bấy nhiêu. Tôi đã tính rồi, Lola làm tôi tốn bảy ngàn drachma. Tôi sẽ xà xẻo khoản ấy ở giá khu rừng. Chính tu viện trưởng, tu viện và Đức Mẹ Đồng Trinh sẽ phải chi cho Lola. Đó là kế hoạch của tôi. Sếp có ưng không?

- Chả ưng chút nào. Tại sao Đức Mẹ Đồng Trinh lại phải chịu trách nhiệm về những thái quá của bác?

- Bà ấy phải chịu trách nhiệm và còn hơn cả chịu trách nhiệm nữa cơ. Này nhé, bà có con trai là Chúa. Chúa tạo ra thằng tôi, Zorba đây, và Chúa cho tôi mấy cái đồ nghề sếp hiểu tôi muốn nói gì chứ? Và mấy cái đồ nghề chết tiệt ấy cứ làm tôi điên đầu lên và mở túi tiền ở bất cứ nơi nào tôi gặp giống cái. Sếp thấy không? Do đó, Đức Mẹ Đồng Trinh phải chịu trách nhiệm và còn hơn cả chịu trách nhiệm nữa. Để bà ấy phải chi thôi.

- Tôi không thích thế, Zorba ạ.

- Đó là một vấn đề hoàn toàn khác. Ta hãy vớt vát bảy ngàn bạc trước đã, rồi sẽ tranh luận sau! “Ta hãy làm tình trước đã, cưng, sau đó, cô sẽ lại là cô của cháu...” Sếp biết người ta hát thế chứ?...

Cha tiếp tân béo mập hiện ra.

- Xin mời vào, ông nói bằng cái giọng ngọt ngào của giới tăng lữ. Bữa ăn đã dọn xong.

Chúng tôi đi xuống phòng ăn, một phòng rộng kê những ghế băng cùng những bàn dài hẹp. Mùi dầu ôi, khăn khăn tràn ngập. Đầu đằng kia là một bức họa cổ vẽ Bữa ăn Cuối Cùng. Mười một vị thánh tông đồ, xúm quanh Chúa Kitô như một bầy chiên và phía bên kia, đứng riêng hẳn một mình là Judas tóc đỏ, trán dô mũi khoằm, con chiên ghẻ. Và Chúa Kitô không thể rời mắt khỏi hắn.

Cha tiếp tân ngồi xuống; ông xếp tôi ngồi bên phải ông và Zorba bên trái.

- Đang tuần chay, ông nói, nên tôi mong nhị vị thứ lỗi không có dầu hoặc rượu, ngay cả đối với khách. Nhưng xin nhận cho thịnh tình của chúng tôi.

Chúng tôi làm dấu thánh giá, rồi lặng lẽ lấy ô-liu, hành xuân, đậu tươi và halva vào đĩa mình. Cả ba nhai chậm rãi, trệu trạo như thỏ.

- Cuộc đời dưới trần gian là như thế đó, cha tiếp tân nói. Khổ hình và chay tịnh. Nhưng hãy kiên nhẫn, các đạo hữu, hãy kiên nhẫn. Cuộc Phục Sinh, Chúa Jesus và Nước Thiên đàng sắp tới.

Tôi ho khụ khụ. Zorba giẫm lên chân tôi như muốn nói “Im ngay!”

- Tôi đã gặp cha Zaharia... Zorba nói để chuyển đầu đề câu chuyện.

Cha tiếp tân giật mình.

- Cái lão điên ấy đã nói những gì với nhị vị? Ông lo lắng hỏi: Y có cả bảy con quỷ trong người, các vị đừng có nghe một lời nào y nói ra. Linh hồn y vẫn đục và y thuần nhìn thấy những vẩn đục xung quanh y.

Chuông tập hợp các tu sĩ vang lên ảo não. Cha tiếp tân làm dấu và đứng dậy.

- Tôi phải đi thôi, ông nói. Khổ Hình của Chúa Jesus bắt đầu, chúng tôi phải cùng Người vác cây thập ác. Nhị vị có thể nghỉ ở đây đêm nay, các vị hẳn là mệt sau cuộc hành trình. Nhưng đến mai, vào lúc cầu kinh buổi sáng...

- Lũ lợn! Zorba lẩm bẩm qua kẽ răng khi ông thầy tu vừa đi khỏi. Đồ con lợn! Đồ dối trá? Đồ con lừa!

- Có chuyện gì không ổn, Zorba? Zaharia có nói gì với bác không?

- Sếp đừng bận tâm; thầy kệ nó! Nếu họ không muốn ký tôi sẽ cho họ biết tay!

Chúng tôi về căn phòng dành cho mình. Trong góc phòng, có một tượng thánh Đức Mẹ Đồng Trinh áp má vào má Chúa Hài Đồng, cặp mắt to đầy lệ.

Zorba lắc cái đầu kễch xù.

- Sếp có biết tại sao bà ấy khóc không?

- Không.

- Vì bà không thấy được những gì đang diễn biến. Nếu tôi là họa sĩ vẽ thánh tượng, tôi sẽ vẽ Đức Mẹ Đồng Trinh không có mắt, mũi, tai. Vì tôi thương hại bà.

Chúng tôi nằm dài trên hai cái giường cứng. Những xà gỗ thơm mùi trắc bá; qua cửa sổ để mở, phả vào hơi thở dịu dàng của mùa xuân ngọt ngào hương hoa. Thi thoảng, những điệu hát ai oán từ dưới sân thốc lên như những cơn gió. Một con chim họa mi cất tiếng hót ngay bên cửa sổ, rồi một con khác ở cách một quãng và một con khác nữa. Đêm dào dạt tình yêu.

Tôi không ngủ được. Tiếng chim họa mi quyện lẫn với tiếng than vãn của Chúa Cứu Thế và bản thân tôi cũng cố trèo lên Golgotha qua rặng cam nở hoa, lần theo những vết máu lớn chỉ đường. Trong đêm xuân biêng biếc, tôi có thể thấy mờ mờ lạnh bóng nhầy khắp thân hình xanh xao và loạng choạng của Chúa. Tôi có thể thấy hai tay Người giơ ra run rẩy như thể Người là một kẻ hành khất van vỉ khách qua đường ngoài cuộc lắng nghe. Dân chúng khốn khổ của thành Galilée hối hả chạy theo Người, hô: “Hosannah! Hosannah ([54])”. Họ cầm những tàu lá cọ trong tay và trải áo ngoài dưới chân Người. Chúa nhìn những kẻ Người yêu thương, mặc dù không ai đoán được nỗi tuyệt vọng sâu xa của Người. Chỉ riêng Người biết mình đang đi đến chỗ chết. Dưới màn sao, lặng lẽ khóc thầm, Chúa an ủi trái tim người tội nghiệp tràn đầy sợ hãi của mình.

“Trái tim ta hỡi, giống như hạt lúa mì, người cũng phải rụng xuống đất và chết. Đừng sợ. Nếu người không rụng xuống, làm sao cây kết trái được? Làm sao nuôi được những kẻ đang sắp chết đói?”

Nhưng trong lồng ngực, trái tim người của Chúa đang xui đi, đang run lên và không muốn chết...

Khu rừng quanh tu viện đầy tiếng họa mi hát. Tiếng hát dâng lên từ những vòm lá ẩm ướt, thuần nói về tình yêu và đam mê. Và cùng với nó, trái tim tội nghiệp của loài người run rẩy, căng phồng và khóc ròng.

Dần dần, cùng với Khổ Hình của Chúa Jesus và tiếng hát họa mi, tôi đi vào cõi mộng từ lúc nào không biết, tựa như linh hồn đi vào Thiên đàng.

Ngủ chưa đầy một tiếng đồng hồ, tôi bỗng giật mình tỉnh giấc, kinh hoàng.

- Zorba! Tôi kêu lên. Bác có nghe thấy không? Một phát súng lục!

Nhưng Zorba đang ngồi trên giường hút thuốc.

- Đừng hốt hoảng, sếp, lão nói, vẫn cố nén giận, cứ để họ tính sổ với nhau, lũ lợn!

Những tiếng kêu từ hành lang vắng tới cùng với tiếng dép lệt sệt nặng nề, tiếng cửa mở và đóng, và một tiếng rên ở đằng xa như có ai bị thương.

Tôi nhảy khỏi giường và mở cửa. Một ông già khô quắt hiện ra trước mặt tôi, dang tay chặn lối. Ông đội một cái mũ tròn đầu nhọn màu trắng và mặc một chiếc áo ngủ trắng dài đến gối.

- Cụ là ai?

- Giám mục... ông đáp, giọng run run.

Tôi suýt phì cười. Một đức giám mục đây à? Đâu rồi hung phục sức của ngài; áo tế dát vàng, mũ tế và thánh giá, những ngọc thạch giả nhiều màu sắc...? Đây là lần đầu tiên tôi trông thấy một giám mục mặc quần áo ngủ.

- Trình Đức Ngài, tiếng sủng lục ấy là thế nào ạ?

- Tôi không biết, tôi không biết... ông lấp bắp, khẽ đẩy tôi trở vào phòng.

Từ giường mình, Zorba phá lên cười.

- Sợ à, Cha thân mến? Lão nói. Vậy thì, bạn già, vào đây với chúng tôi. Chúng tôi không phải là tu sĩ, nên cha khỏi phải lo.

- Zorba, tôi nói nhỏ, bác không tỏ ra kính cẩn hơn được ư? Đức giám mục đấy.

- Hừm, trong một chiếc áo ngủ thì không ai là giám mục cả! Vào đây, ông bạn già.

Lão đứng dậy, nắm lấy cánh tay vị giám mục dẫn vào phòng, và đóng cửa lại sau lưng ông. Lão lấy trong túi dết ra một chai rượu rum và rót đầy một ly nhỏ.

- Uống đi, bạn, lão nói. Cái này sẽ làm bạn phấn chấn lên.

Ông già nhỏ bé uống cạn ly và chẳng mấy chốc trấn tĩnh lại. Ông ngồi xuống giường tôi và dựa vào tường.

- Trình Đức Cha chí tôn, tôi nói, chẳng hay phát súng lục ấy là thế nào ạ?

- Ta không biết, con ạ... Ta làm việc đến nửa đêm, sắp đi nằm thì nghe thấy trong phòng cha Demetrios ở bên cạnh...

- Ha? Ha! Zorba có nói. Vậy ra đằng ấy có lý, Zaharia! Lũ lợn bẩn thỉu!

Ông giám mục cúi đầu.

- Chắc là có một tên kẻ trộm nào đó, ông lầm bầm.

Trong hành lang, tiếng huyền não đã dứt và tu viện lại chìm vào im lặng. Ông giám mục nhìn tôi bằng cặp mắt hiền từ khiếp hãi như cầu khẩn.

- Con có buồn ngủ không? ông hỏi.

Tôi cảm thấy rõ là ông không muốn rời khỏi đây và trở về trợ trợ một mình trong phòng riêng, ông sợ.

- Thưa không, tôi trả lời, con không buồn ngủ, cha cứ ở lại đây một lát.

Chúng tôi bắt đầu trò chuyện. Zorba dựa lưng vào gối, quần một điều thuốc.

- Con có vẻ là một chàng trai có văn hóa, giám mục nói với tôi. Ở đây, cha không kiếm được ai để trò chuyện. Cha có ba lý thuyết góp phần làm cho cuộc sống của cha dễ chịu; cha muốn giảng giải cho con nghe, con ạ. Không đợi tôi trả lời, ông bắt đầu ngay:

- Lý thuyết thứ nhất của cha là thế này: hình dạng của hoa ảnh hưởng đến màu sắc của chúng, màu sắc lại ảnh hưởng đến đặc tính. Như thế, mỗi loại hoa tác động một khác đối với thân thể một người và do đó, đối với linh hồn anh ta. Vì vậy, ta phải hết sức thận trọng khi đi qua một cánh đồng đang nở hoa.

Ông dừng lại như để chờ nghe ý kiến tôi: Tôi có thể hình dung ông già nhỏ bé tha thẩn qua một cánh đồng, lòng náo nức thăm, rà soát mặt đất tìm các dạng hình và màu sắc hoa. Hẳn ông già tội nghiệp phải run lên vì một nỗi kinh hãi huyền bí; mùa xuân, chắc ông thấy ở các cánh đồng đầy những ma quỷ và thiên thần muôn màu nghìn sắc.

Đây là lý thuyết thứ hai của cha: mọi ý tưởng có một ảnh hưởng thật sự cũng đều có một tồn tại thật sự. Nó thực sự hiện hữu ở đây, nó không vật vờ vô hình trong khí quyển – nó có một thân thể thực sự – mắt, miệng, chân, bụng. Nó là đực hay là cái và do đó chạy theo đàn ông hay đàn bà, như có thể xảy ra. Vì thế kinh Phúc âm nói: “Ngôi Lời trở thành xác thịt...”.

Ông lại lo lắng nhìn tôi:

- Lý thuyết thứ ba của cha, ông vội vã nói tiếp, như thể không chịu nổi sự lặng im của tôi, là thế này: có một thứ Vĩnh Cửu nào đó ngay cả trong cuộc đời phù du của chúng ta, có điều chúng ta rất khó phát hiện thấy nó một mình. Những lo toan hằng ngày lái chúng ta đi lạc hướng. Chỉ một số ít người, tinh hoa của nhân loại, có thể sống vĩnh cửu cả trong cuộc đời thoáng qua của họ trên cõi trần ai này. Vì tất cả những người khác do vậy

sẽ tiêu vong, nên Thượng đế rủ lòng thương, gửi cho họ tôn giáo – như thế, đám đông cũng có thể sống trong vĩnh cửu.

Ông đã thuyết trình xong và rõ ràng là nhẹ nhõm hẳn đi vì đã nói ra được. Ông ngược cặp mắt nhỏ trụi hết lông mi nhìn tôi, mỉm cười. Như thế muốn nói: “Đó, ta đã cho con tất cả những gì ta có, hãy nhận lấy!” Tôi xúc động thấy ông già bé nhỏ này mới chỉ biết tôi sơ sơ đã tặng ngay kết quả công việc cả đời mình như vậy.

Mắt ông rưng rưng lệ.

- Con nghĩ thế nào về những lý thuyết của ta? Ông hỏi, đưa tay cầm tay tôi và nhìn vào mắt tôi. Tôi có cảm giác như ông chờ đợi câu trả lời của tôi vạch cho ông thấy cuộc đời ông có ích gì hay không.

Tôi biết bên trên và bao trùm chân lý còn có một bốn phận khác quan trọng hơn nhiều và giàu tính người hơn nhiều.

- Những lý thuyết ấy có thể cứu vớt nhiều linh hồn, tôi trả lời.

Mặt vị giám mục sáng lên. Như vậy có nghĩa cuộc đời ông là đáng sống.

- Cám ơn con, ông thì thầm, trùi mền siết chặt tay tôi.

Zorba bật dậy từ trong góc của mình.

- Tôi có một lý thuyết thứ tư, lão kêu.

Tôi lo ngại nhìn lão. Vị giám mục quay lại phía lão.

- Nói đi, con, và cầu Chúa ban phước cho lý thuyết của con? Như thế nào?

- Hai với hai là bốn? Zorba nghiêm trang nói.

Giám mục nhìn lão, ngó ra.

- Và lý thuyết thứ năm nữa, ông già ạ, Zorba nói tiếp: hai với hai không phải là bốn. Nào, ông bạn, thử xem! Chọn đi!

- Ta không hiểu, ông già lấp bắp, đưa mắt thăm hỏi tôi.

- Tôi cũng vậy, Zorba nói và cười phá lên.

Tôi quay sang ông già tội nghiệp đang ngượng ngập và chuyển sang chuyện khác.

- Cha đang nghiên cứu những vấn đề đặc biệt gì ở tu viện này, thưa Đức Cha chí tôn? Tôi hỏi.

- Cha đang sao lại những thư bản cổ của tu viện, con ạ, và gần đây, cha tiến hành sưu tầm tất cả những hình dung từ thiêng liêng do Giáo Hội dùng đối với Đức Mẹ Đồng Trinh.

Ông thở dài.

- Cha già rồi, ông nói, không thể làm được việc gì khác. Cha tìm thấy an ủi trong việc liệt kê tất cả những trang sức bằng ngôn từ cho Đức Mẹ Đồng Trinh và như vậy cha quên đi những khổ ải của trần ai.

Ông thì khụy tay lên gối, nhắm mắt lại và bắt đầu lầm rầm như nói mê: - Tay già này mê sáng rồi... Zorba khê nói. Để tôi đắp kín cho lão khỏi cảm lạnh.

Lão đứng dậy, phủ một tấm mền lên người vị giám mục và sửa lại gối cho ngay ngắn.

- Tôi nghe nói có ba mươi sáu ([55]) kiểu điên, lão nói. Đây chắc là kiểu thứ ba mươi sáu.

Trời rạng dần. Chúng tôi nghe thấy tiếng mõ. Tôi thò đầu ra ngoài cửa sổ. Trong những tia sáng đầu tiên của bình minh, tôi trông thấy một tu sĩ gày nhằng, đầu đội một chiếc mũ chụp dài màu đen, chậm rãi đi quanh sân, tay cầm chiếc búa nhỏ gõ vào một miếng gỗ dài có những đặc tính âm nhạc kỳ diệu. Tiếng mõ vang trong không khí ban mai, dịu dàng, du dương và quyến rũ. Họa mi đã ngừng hót và các loại chim khác bắt đầu líu lo trong những lùm cây.

Tôi lắng nghe, mê mẩn với những nốt ngọt ngào đầy sức gợi của chiếc mõ gỗ. Tôi nghĩ: ngay cả trong suy tàn, một nhịp điệu cao cả trong đời vẫn bảo toàn nguyên vẹn hình thức bên ngoài của nó, vẫn uy nghi và sang nhã biết bao. Tinh thần đã ra đi, còn để lại nơi trú ngụ mệnh mang mà nó đã phát triển dần, với nhiều góc ngách rắc rối như một cái vỏ ốc biển.

Những ngôi nhà thờ lớn mỹ miều ta thấy ở những thành phố ồn ào, vô thần, chính là những vỏ ốc rỗng ruột ấy tôi nghĩ tiếp. Những quái vật tiền sử chỉ còn sót lại một bộ xương bị mưa nắng xói mòn! Có tiếng gõ cửa phòng chúng tôi: Cái giọng ngọt xót của cha tiếp tân vọng đến tai chúng tôi.

- Nào, dậy thôi, các đạo hữu, đến giờ cầu kinh buổi sáng rồi.

Zorba bật dậy:

- Phát súng lục hồi đêm là thế nào vậy? Lão tức tối quá. Lão đợi một lát. Im lặng. Sau cánh cửa, ông thầy tu hẳn phải nghe thấy câu hỏi của lão vì chúng tôi có thể nghe thấy tiếng ông thở phì phò, Zorba nổi điên giậm chân.

- Phát súng lục ấy là thế nào? Lão lại hỏi trong một cơn cuồng nộ.

Chúng tôi nghe thấy tiếng chân vội vã lảng đi. Zorba nhảy một bước tới cửa, mở toang ra.

- Lũ vô lại bắn thiu! Quân dê tiện! Lão găm lên, nhổ bọt về phía ông thầy tu đang bỏ chạy. Linh mục, nữ tu, thầy dòng, bọn quản lý tài sản Giáo Hội và giữ đồ thánh, cả bọn các người thật đáng nguyên rủa!

Và lão lại nhổ.

- Ta đi thôi! tôi nói, không khí nơi đây có mùi máu.

- Đâu phải chỉ có máu, Zorba làu bàu. Sếp cứ đến chỗ cầu kinh buổi sáng, nếu sếp muốn. Tôi sẽ tìm quanh đây xem có phát hiện ra cái gì không.

- Ta đi thôi? Tôi nhắc lại, cảm thấy lợm giọng. Và xin bác đừng có thò mũi vào chuyện không dính dáng gì đến bác.

- Tôi lại thích thò mũi vào những chuyện đó cơ chứ? Zorba nói.

Lão ngẫm nghĩ một lúc, rồi mỉm cười ranh mãnh.

- Ma quỷ đang cho chúng ta một đặc ân, lão nói. Tôi nghĩ nó đang đẩy tình hình đến cao trào. Sếp có biết một phát súng lục như vậy có thể làm cho tu viện tốn bao nhiêu tiền không? Gọn bảy ngàn!

Lão đi xuống sân. Mùi hoa thơm ngào ngạt, buổi sớm mai êm đềm, diễm phúc thần tiên. Zaharia đang đợi chúng tôi. Y chạy đến nắm lấy cánh tay Zorba.

- Đạo hữu Canavaro, y thì thầmm. giọng run run. Này, chúng ta phải đi thôi?

- Phát súng ấy là thế nào? Có phải họ đã giết ai không? Nói đi kéo tôi vắn cổ bây giờ!

Tay lão thầy tu run lên. Y nhìn quanh. Sân vắng tanh, các trai phòng đóng kín; qua cửa giáo đường mở rộng vắng ra từng đợt sóng nhạc.

- Cả hai người hãy theo tôi, y lăm bằm. Sodom và Gomorrah!

Chúng tôi lên theo sát tường tới phía bên kia sân và ra khỏi vườn. Cách tu viện khoảng một trăm mét là một nghĩa địa. Chúng tôi vào đó.

Chúng tôi bước qua các ngôi mộ, Zaharia đẩy cánh cửa nhỏ phía sau giáo đường và chúng tôi vào theo y. Ở giữa, trên một cái chiếu bắc, nằm sòng soài một xác chết trên một phủ một bộ đồ tu sĩ. Trên đầu và dưới chân tử thi đều có một ngọn nến cháy.

Tôi cúi xuống nhìn.

Gã thầy tu trẻ! Tôi rùng mình lăm bằm. Chủ tiểu tóc vàng của cha Demetrios.

Trên cánh cửa hậu cung lấp lánh hình ảnh thượng đẳng thiên sứ Michael hai cánh xòe rộng, gươm tuốt trần, chân đi dép đỏ.

- Thượng đẳng thiên sứ Michael! Tay thầy tu kêu lên xin hãy giáng sấm sét xuống thiêu cháy tất cả bọn chúng. Thượng đẳng thiên sứ Michael xin hãy làm một cái gì đi! Hãy rời khỏi thánh tượng của ngài! Vung gươm lên chém chúng đi! Ngài không nghe thấy tiếng súng đó sao?

- Ai giết gã? Ai? Demetrios? Nói đi, lão dê già!

Tu sĩ vùng khỏi tay Zorba và gieo mình nằm sấp trên sân trước hình thượng đẳng thiên sứ. Y nằm yên không động đậy một lúc, mặt ngược lên, miệng há hốc, mắt trở ra đăm đăm quan sát thánh tượng.

Đột nhiên, y vui sướng nhảy cẫng lên.

- Tôi sẽ thiêu cháy chúng! Y tuyên bố, giọng kiên quyết, Thượng đẳng thiên sứ đã cử động, tôi thấy mà, ngài ra hiệu cho tôi!

Y lại sát bên thánh tượng và gắn cặp môi dày vào thanh gươm của thượng đẳng thiên sứ.

- Đội ơn Thượng đế! Y nói. Tôi nhẹ hẳn người!

Zorba lại túm lấy tu sĩ.

- Lại đây, Zaharia, lão nói. Bây giờ, thầy phải làm theo lời tôi. Rồi quay sang tôi.

- Đưa tiền cho tôi, sếp, tự tay tôi sẽ ký giấy tờ. Ở đây bọn chúng là chó sói tốt và sếp là con cừu non, chúng sẽ ăn thịt sếp. Hãy phó mặc cho tôi. Đừng lo gì, tôi đã lái lũ lợn béo này theo ý tôi: Đến trưa, chúng ta sẽ rời khỏi đây với khu rừng bỏ gợn trong túi. Đi nào, Zaharia!

Họ len lén lén về phía tu viện. Tôi đi dạo dưới rặng thông.

Mặt trời đã lên cao, sương long lanh trên lá. Một con sáo trước mặt tôi bay đến một cành lê dại, nguẩy đuôi, nhìn tôi và hé mỏ huýt đôi ba tiếng giễu cợt.

Qua rặng thông, tôi trông thấy mảnh sân và các tu sĩ đi ra thành một hàng dài, đầu cúi gằm và mũ chụp đen rủ trên vai. Buổi cầu nguyện đã kết thúc, họ đi đến phòng ăn.

“Thật đáng tiếc là vẻ cao nhã và khắc khổ như vậy lại chẳng có linh hồn”, tôi nghĩ thầm.

Tôi thấy mệt mỏi vì đêm qua không ngủ được mấy và tôi nằm dài trên cỏ. Những đám hoa dại viôlét, đậu chối, hương thảo và ngải đắng tỏa hương thơm lừng. Côn trùng đói cuồng không ngừng vo ve, lao vào những đóa hoa như lũ cướp biển và hút mật. Xa xa, núi lấp lánh, trong veo, thanh tĩnh như một màn sương di động trong ánh mặt trời thiêu đốt. Tôi nhắm mắt lại, ngơ ngác. Một khoái cảm trầm tĩnh, bí ẩn xâm chiếm tôi – như thế

toàn bộ cái phép lạ xanh tươi quanh tôi đây đích thị là Thiên đàng, như thể tất cả cái mát rượi, lâng lâng và niềm cực lạc tinh tảo tôi đang cảm thấy chính là Thượng đế vậy. Thượng đế thay đổi vẻ bề ngoài từng giây. Hạnh phúc thay kẻ nào có thể nhận ra Người dưới mọi dạng cải trang. Lúc thì Ngài là một ly nước mát, khi lại là đứa con trai nhún nhảy trên đùi ta, hoặc một phụ nữ đẹp mê hồn, hoặc có thể chỉ là một cuộc dạo chơi buổi sáng.

Dần dần mọi vật xung quanh tôi, không hề đổi dạng, trở thành một giấc mơ. Tôi sung sướng. Trần gian và Thiên đàng là một. Một bông hoa đồng nội chứa trong lòng một giọt mật lớn: cuộc đời hiện ra với tôi như thế đó. Và hồn tôi là một con ong rùng xăm xăm hút nhụy.

Tôi bị đánh thức một cách thô bạo khỏi trạng thái cực lạc này. Tôi nghe thấy tiếng bước chân đằng sau tôi cùng những tiếng thì thào. Đồng thời một giọng hân hoan cất lên.

- Sếp, ta đi thôi!

Zorba đứng ngay trước mặt tôi và cặp mắt nhỏ của lão lấp lánh một ánh ma quái.

- Đi à? Tôi nói, nhẹ hăn người. Giải quyết xong xuôi cả rồi chứ?

- Xong tất! Zorba nói, tay vỗ vỗ vào phần trên áo ngoài. Cánh rừng đây rồi. Tôi hy vọng nó sẽ mang lại may mắn cho chúng ta! Và đây là khoản bảy nghìn tổn phí với Lola.

Lão móc túi trong lấy ra một cuộn giấy bạc.

- Sếp cầm lấy! Lão nói. Tôi xin trả nợ, tôi có thể nhìn thẳng vào mặt sếp mà không xấu hổ nữa. Cả những bút tất, túi xách tay, nước hoa và dù cho madam Bouboulina cũng bao gồm trong đó luôn! Thậm chí cả hạt dẻ cho con vẹt nữa! Và cả halva tôi mang về tho sếp!

- Bác cứ giữ lấy, Zorba; đó là quà tôi tặng bác, tôi nói. Hãy thả một cây nến tạ tội với Đức Mẹ Đồng Trinh mà bác đã xúc phạm.

Zorba quay lại. Linh mục Zaharia đang tiến về phía chúng tôi trong chiếc áo thụng nhộp nhúa đã ngả sang màu lục, chân đi đôi giày vệt gót, tay dắt hai con la của chúng tôi.

Zorba giơ cho y tệp giấy bạc.

- Chúng mình chia đôi, cha Joseph, lão nói. Cha có thể mua hai tạ cá thu muối và nhồi nhét đến đau quận bụng. Đến khi nào cha ói hết ra và mãi mãi, mãi mãi tự giải thoát khỏi cơn thèm cá thu. Nào, chìa tay ra!

Tu sĩ cầm lấy mớ giấy bạc bấn và giấu biến đi.

- Tôi sẽ mua một ít dầu parafin! Lão nói.

Zorba hạ thấp giọng và nói thầm vào tai tay thầy tu già.

- Hãy hành động trong đêm tối, khi tất cả lũ dê già đã ngủ, và phải chờ lúc có gió, lão dặn dò. Hãy tưới dầu parafin khắp bốn mặt tường. Chỉ cần lấy mấy tấm giẻ hoặc bông vụn, bất cứ cái gì, tẩm đẫm dầu rồi châm lửa vào Hiếu chứ?

Tay thầy tu run lên.

- Đừng có run thế! Thượng đẳng thiên sứ đã ra lệnh cho cha làm thế phải không nào? Hãy tin tưởng vào dầu parafin và ân sủng của Thượng đế! Chúc cha may mắn!

Chúng tôi lên yên và tôi nhìn tu viện lần cuối.

- Bác có biết thêm điều gì không, Zorba? Tôi hỏi.

- Về phát súng ấy ư? Đừng có đau đầu về chuyện ấy, sếp ạ, già Zaharia có lý: Sodom và Gomorrah! Demetrios đã giết gã thầy tu trẻ đẹp đó. Cơ sự là như vậy.

- Demetrios? Tại sao?

- Sếp đừng mất công cố gắng truy nguyên làm gì, toàn chuyện nhơ bẩn, thối tha cả thôi.

Lão quay về phía tu viện. Đám tu sĩ đang ra khỏi phòng ăn, đầu cúi, tay chấp, trở về giam mình trong trai phòng.

- Cứ nguyên rửa tội đi, các thánh Cha! Lão kêu lên

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 19

Đêm ấy, khi từ trên lưng la nhảy xuống bãi biển, người đầu tiên chúng tôi gặp là Bouboulina đang ngồi thu lu trước lều. Khi thắp đèn lên và nhìn thấy mặt mù, tôi đâm hoảng.

Đ

- Có chuyện gì không ổn vậy, madam Hortense? Bà ốm à?

Từ lúc niềm hy vọng lớn – thành hôn với Zorba le lói trong tâm trí, người nữ già của chúng tôi đã mất hết mọi nét duyên mơ hồ và đáng ngờ của mình. Mụ cố xóa sạch quá khứ và vứt bỏ bộ mặt lòe loẹt mà mụ tự trang điểm cho mình nhờ những bong lộc do các tổng trấn, tổng đốc Thổ Nhĩ Kỳ và các thủy sư đô đốc cung phụng. Mụ không có khao khát nào lớn hơn là trở thành một người dân thường nghiêm túc và khả kính, một phụ nữ đôn hậu, đức hạnh. Mụ thôi không phấn sáp cũng chẳng mang đồ trang sức nữa, trời sinh thế nào tự phô bày thế ấy: một kẻ tội nghiệp muốn có tấm chồng.

Zorba không mở miệng. Lão cứ bần chồn xoắn bộ ria mới nhuộm. Lão cúi xuống, nhóm bếp lò và đun ít nước để pha cà phê.

- Anh thật độc ác? Mụ ca sĩ già đột ngột nói, giọng khàn đi.

Zorba ngẩng đầu lên nhìn mụ. Mắt lão dụi đi. Lão không bao giờ có thể nghe một người đàn bà nói với mình bằng một giọng đau đớn mà không bị

chính phục hoàn toàn. Một giọt nước mắt đàn bà đủ làm lão chết đuối. Lão không nói gì, cho cà phê và đường vào bình, khuấy lên.

- Tại sao anh cứ để tôi mòn mỏi đợi chờ mãi mà không cưới đi? Ngươi nữ già nói. Tôi không dám thò mặt ra với làng xóm nữa! Tôi thật nhục nhã! Nhục nhã! Tôi đến phải tự tử thôi!

Tôi đang nằm nghỉ trên giường. Chống khuỷu tay lên gối, tôi thường thức màn kịch bi hài này.

- Tại sao anh không mang vòng hoa cưới về!

Zorba cảm thấy bàn tay nhỏ mũm mĩm của Bouboulina run lên trên đầu gối lão. Cái đầu gối ấy là tắc đất liền cuối cùng khả dĩ làm chỗ bầu vú cho kẻ tội nghiệp đấm tà ngàn lẻ một lần này.

Zorba có vẻ thông cảm và lão động lòng trắc ẩn.

Nhưng một lần nữa, lão vẫn lặng thinh. Lão rót cà phê vào ba tách.

- Anh yêu quý, tại sao anh không mang vòng hoa cưới về? Mụ nhắc lại bằng một giọng run run.

- Ở Candia, không có lấy một vòng hoa đẹp, Zorba đáp cộc lốc.

Lão đưa cho mỗi người một tách và ngồi thu lu vào một góc.

- Anh đã viết thư nhờ bạn bè ở Athen gìn về mấy vòng, lão nói tiếp. Anh cũng đã đặt mua ít nến trắng, kẹo hạnh đào và sôcôla.

Trí tưởng tượng của lão bốc lên trong khi nói. Mắt lão lấp lánh và, như nhà thơ trong giây phút sáng tạo cuồng nhiệt, Zorba bay lên những tầng cao nơi hư cấu và thực tế hòa quyện và giống hệt nhau như chị em sinh đôi.

Lão ngồi xếp, và trong tư thế nghỉ ngơi như vậy, xì xụp uống cà phê. Lão châm một điếu thuốc thứ hai; hôm nay là ngày đại cát – lão đã có bản thỏa thuận về khu rừng trong túi, lão đã trả xong nợ, lão sung sướng. Cho nên lão tự buông thả.

- Đám cưới của chúng ta, Bouboulina yêu dấu ạ, lão nói, phải gây một chấn động. Em hãy chờ xem chiếc áo cưới anh đặt cho em. Chính vì vậy mà anh lưu lại Candia lâu thế, em yêu. Anh đã cho mời hai họa sĩ trứ danh chuyên vẽ mẫu thời trang từ Athens đến và bảo họ: “Này, người đàn bà tôi sắp cưới đây, thuộc loại có một không hai ở cả phương Đông lẫn phương Tây! Nàng đã từng là hoàng hậu được công nhận của bốn Đại Cường Quốc; bây giờ, Tứ Cường đã chết, nàng là quả phụ và nàng ưng thuận lấy tôi làm chồng. Cho nên tôi muốn áo cưới của nàng cũng độc nhất vô nhị: phải toàn bằng lụa, hạt trai và đính sao bằng vàng!” Hai tay họa sĩ phản đối: “Nhưng như thế thì quá đẹp! Tất cả các khách mời sẽ bị lóa mắt trước một vẻ lộng lẫy như vậy! – “Mặc kệ, không sao hết!” anh nói. “Cái đó thì quan trọng gì? Miễn là người tôi yêu hài lòng!” Madam Hortense dựa vào tường lắng nghe lão. Một nụ cười nung núc, rộng toác nở trên bộ mặt nhéo nhèo và đầy nếp nhăn của mẹ, khiến dải băng đỏ quanh cổ căng đến gần đứt.

- Em muốn nói thắm vào tai anh, mẹ vừa nói vừa liếc mắt đưa tình với Zorba.

Zorba nháy mắt với tôi và cúi về phía trước.

- Tối nay, em mang đến cho anh cái này, mẹ vợ tương lai của lão thì thào, cái lưỡi nhỏ gần như thọc vào lỗ tai lông lá.

Mẹ rút từ trong áo lót ra một chiếc khăn tay có thắt nút ở một góc và đưa cho Zorba.

Lão đỡ lấy chiếc khăn nhỏ bằng hai ngón tay, đặt lên đầu gối phải, rồi quay mặt về phía cửa, nhìn ra biển.

- Anh không cởi nút ra ư, Zorba? Mụ hỏi. Anh chẳng có vẻ gì là háo hức cả!

- Hãy để cho anh uống cà phê và hút nốt điều thuốc đã lão đáp. Anh không cần phải cởi nút, anh biết trong đó có gì rồi.

- Cởi nút đi, cởi nút đi! Ngươi nữ già van vì.

- Anh đã bảo để anh hút xong điều thuốc đã!

Và lão phóng về phía tôi một tia nhìn kết tội như muốn bảo: “Lỗi tại sếp đây?”

Lão nhăn nha hút, vừa thở khói ra đằng mũi vừa ngậm biển.

- Mai sẽ có gió xirôccô, lão nói. Thời tiết đang chuyển. Cây cối sẽ căng nhựa, vú các cô gái cũng vậy – đến độ sẽ bật ra khỏi coóc xê! Ôi! Mùa xuân thật xỏ lá! Một phát minh của quý sứ!

Lão ngừng bật. Một lát sau, lão nói thêm:

- Sếp có để ý thấy mọi cái tốt đẹp trên đời đều là phát minh của ma quỷ không? Đàn bà đẹp, mùa xuân, lợn sữa quay, rượu – đều do ma quỷ tạo ra hết! Thượng đế thì tạo ra tu sĩ, chay tịnh, trà cúc và đàn bà xấu... xí!

Vừa nói lão vừa ném một cái nhìn dữ tợn về phía mađam Hortense tội nghiệp đang thu mình trong góc lắng nghe lão.

- Zorba! Zorba! Mụ luôn miêng van lơn.

Nhưng lão lại châm một điều thuốc khác và tiếp tục ngậm biển.

- Mùa xuân, Xa tăng ngự trị hoàn toàn, lão nói. Thắt lưng nổi lông, khuy coóc xê mở bung, bà già thở dài... Buông tay ra, Bouboulina.

- Zorba! Zorba! Mụ đàn bà tội nghiệp lại năn nỉ. Mụ cúi xuống nhặt chiếc khăn lên và ấn vào tay lão.

Lão rút mẩu thuốc lá, túm cái nút và cởi ra. Lão mở xòe bàn tay và nhìn.

- Cái gì thế này, mađam Bouboulina? Lão ngán ngấm hỏi.

- Nhẫn, những chiếc nhẫn nhỏ, anh yêu quý. Nhẫn cưới mà, ngư nữ già run run thì ào. Đây có người làm chứng, đêm thật đẹp, trời chuyển gió xirôccô, Thượng đế nhìn xuống chúng ta, Zorba, chúng ta hãy đính hôn đi!

Zorba đưa mắt hết nhìn tôi, mađam Hortense, lại nhìn những chiếc nhẫn. Một bầu quý đang vật lộn trong lão và lúc này chưa có tên nào chiếm phần thắng. Người đàn bà khốn khổ khiếp hãi nhìn lão.

- Zorba! ... Zorba của em! Mụ thủ thi.

Tôi đã ngồi dậy trên giường mình và đang theo dõi, Zorba sẽ chọn con đường nào trong tất cả những hướng giải quyết mở ra trước mặt lão?

Đột nhiên lão lắc đầu. Lão đã quyết định. Mặt lão sáng lên, lão vỗ hai tay vào nhau đánh đét và đứng bật dậy.

- Chúng ta ra ngoài đi! Lão kêu lên. Dưới ánh sao, cho Chúa chứng giám! Sếp cầm lấy chiếc nhẫn, sếp có biết tụng thánh ca không?

- Không, tôi thích thú đáp. Nhưng cái đó không quan trọng!

Tôi nhảy xuống thường và đỡ mađam Hortense đứng dậy.

- Thôi được, tôi biết. Tôi quên chưa nói với sếp là trước kia tôi đã từng ở trong ban hát nhà thờ; tôi thường theo linh mục trong các buổi hôn lễ, rửa tội, tang lễ, vân vân; tôi thuộc lòng tất cả các bài hát nhà thờ. Nào.

- Bouboulina của anh, nào, giường buồm lên, chiến thuyền Pháp của anh, lại đứng bên phải anh đây!

Trong tất cả bầy quý của Zorba, tên quý hề tốt bụng đã thắng. Zorba đã thương tình ngư nữ già, tim lão đã đau như xé khi thấy đôi mắt lợt phai của mẹ trên trên nhìn lão lo âu khắc khoải đến thế.

- Ma quỷ bắt ta, lão lẩm bẩm khi hạ quyết định, ta vẫn còn có thể mang lại chút vui cho giống cái! Nào!

Lão lao ra bãi, khoác tay mađam Hortense, đưa nhẫn cho tôi, quay ra biển và bắt đầu tụng.

“Tạ ơn Chúa Lời trong thế giới chẳng cùng, Amen!” Lão quay sang tôi, nói.

- Làm nhiệm vụ của mình đi, sếp!

- Đêm nay, không có “sếp sủng” gì hết, tôi nói. Tôi là phù rể của bác.

- Được vậy thì hãy ứng xử kịp thời nhé. Khi nào tôi kêu “Bravo!” thì đeo nhẫn cho chúng tôi nhé.

Lão lại bắt đầu ê a bằng cái giọng như lừa kêu.

- Vì kẻ tôi tớ nam của Chúa là Alexis và kẻ tôi tớ nữ của Chúa là Hortense nay đính ước cùng nhau, chúng con cầu xin Người cứu rỗi, lạy Chúa!

- Kyric eleison! Kyric eleison! Tôi run run phụ họa, vất vả lắm mới nén được mình khỏi cười và khóc.

- Còn một lô mục nữa, Zorba nói, tôi chả làm sao nhớ hết nổi! Dù sao ta cũng cứ dứt điểm với cái phần lôi thôi nhất đi.

Lão nhảy lên như con cá chép và kêu.

- Bravô! Bravô? Đồng thời lão chìa bàn tay hộ pháp về phía tôi.

- Nào đưa bàn tay xinh của em ra, lão nói với vợ chưa cưới. Bàn tay béo mập nứt nẻ vì giặt giũ và công việc nội trợ run run chìa về phía tôi.

Tôi đeo nhẫn cho họ trong khi Zorba, quỳnh lên, gào như một thầy tu đạo Hồi.

- Kẻ tôi tớ nam của Chúa là Alexis nay đính hôn cùng kẻ tôi tớ nữ của Chúa là Hortense, nhân danh Cha, Con và Thánh thần, Amen! Kẻ tôi tớ nữ của Chúa là Hortense nay đính hôn với kẻ tôi tớ nam của Chúa là Alexis! ... xong. Giờ thế là ổn cho đến sang năm! Lại đây, em yêu, để anh hôn cái hôn đoan trang và hợp pháp đầu tiên trong đời em!

Nhưng mađam Hortense đã gục xuống đất, vừa ôm chân Zorba vừa khóc. Zorba lắc đầu thương cảm.

- Đàn bà thật tội nghiệp! Sao mà họ điên dại! Lão lẩm bầm.

Mađam Hortense đứng dậy, rũ váy và dang tay ra.

- Ê, khoan nào! Lão kêu. Hôm nay là ngày Thứ Ba xưng tội ([56]), buông tay ra! Đến tuần chay rồi?

- Zorba của em... mụ khê lấp bấp.

- Chịu khó một chút, em thân yêu. Hãy đợi đến lễ Phục Sinh, bấy giờ chúng ta sẽ ăn thịt và cùng nhau đập những quả trứng đỏ tươi. Bây giờ đến lúc em phải về nhà thôi. Dân làng sẽ nói sao khi họ thấy em còn quanh quẩn ở đây vào lúc đêm hôm khuya khoắt thế này?

Cái nhìn của Bouboulina đầy vẻ cầu khẩn.

- Không! Không? Bây giờ là tuần chay! Zorba nói. Đợi đến lễ Phục Sinh đã! Đi với chúng tôi nào!

Lão cúi xuống rỉ tai tôi.

- Vì lòng kính Chúa, đừng để chúng tôi một mình! Tôi chưa thấy hào hứng!

Chúng tôi theo con đường dẫn về làng. Trời trong sáng, mùi biển nồng bao bọc chúng tôi, những loài chim đêm rúc bốn bề. Ngư nữ già níu cánh tay Zorba lật sệt bước đi, sung sướng nhưng vẫn chưa thỏa mãn.

Cuối cùng, mẹ đã cập bến cảng khao khát bấy lâu nay. Cả đời, mẹ đã múa hát, đã chơi bời tung tẩy, đã nhạo báng những phụ nữ đoan trang... nhưng tim mẹ đã tan nát. Khi mẹ mặc quần áo lòn loẹt, sặc sỡ, mặt trát bột son phấn, người xúc đầy nước hoa, đi qua các phố của Alexandria, Beirut, Constantinople và trông thấy những người mẹ chừa vú cho con bú, ngực mẹ cũng rầm rứt và căng lên, núm vú dựng đứng, cũng thèm được một cái miệng trẻ thơ nhỏ xinh ngậm vào. “Lấy một người chồng, lấy một tấm chồng, có một mụn con...!”, điều đó là mơ ước suốt cả một cuộc đời dài dang dẳng của mẹ.

Nhưng mẹ không bao giờ bộc lộ những khao khát day dứt ấy với ai. Giờ đây, đội ơn Chúa, muộn một chút còn hơn không bao giờ, mẹ đã cập bến ước mơ, mặc dù bao phen bị sóng gió đập vùi tơi tả.

Thình thoảng mẹ lại ngược mắt ngó sang cái lão to lớn lóng ngóng đang sai bước đi bên mẹ. Anh ta không phải là một pasa giàu có đội mũ fez có ngù tua vàng”, mẹ nghĩ thầm. “Anh cũng chẳng phải con trai tuần tú của một thống đốc Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng đội ơn Chúa, thế còn hơn không có gì! Anh ta sẽ là chồng mình! Chồng mình mãi mãi, tạ ơn Chúa!”

Zorba cảm thấy mẹ đè nặng trên cánh tay, lão dẫn kéo mẹ cho mau tới làng để thoát khỏi mẹ. Và mẹ đàn bà tội nghiệp cứ vấp hoài vào những hòn

đá trên đường, móng chân gần như bật ra, những vết chai đau nhói, nhưng miệng không hé răng. Nói làm gì? Kêu ca làm gì? Mọi sự đều tuyệt vời rồi, tạ ơn Chúa!

Chúng tôi qua chỗ cây Vả Tình Nương và vườn nhà nàng góa. Khi những ngôi nhà đầu làng hiện ra, chúng tôi dừng lại.

- Chúc ngủ ngon, kho báu của em, ngư nữ già âu yếm nói, cố kiễng chân cho tới môi chồng chưa cưới.

Nhưng Zorba không cúi xuống.

- Cho em hôn chân anh vậy, anh yêu! Bouboulina nói, toan thụt xuống đất.

- Không! Không! Zorba phản đối, lão cảm động quàng tay ôm miệng. Em yêu, chính anh phải hôn chân em!

- Anh phải làm thế mới... nhưng anh cảm thấy không đủ sức Chúc em ngủ ngon!

Chúng tôi chia tay với miệng và lặng lẽ đi theo con đường, thở hít không khí ngào ngạt hương đêm. Bỗng nhiên, Zorba quay sang tôi.

- Chúng ta phải làm gì bây giờ, sếp? Cười hay khóc? Hãy khuyên tôi một điều gì đi.

Tôi không trả lời. Không hiểu tại sao cổ họng tôi cũng nghẹn lại – vì cười hay vì khóc?

- Sếp này, Zorba đột ngột nói, cái lão thần đều giả không bao giờ để cho một người đàn bà nào có duyên cơ để phàn nàn, lão ta tên là gì nhỉ? Tôi có nghe đôi điều về hắn, tôi biết. Hình như hắn cũng hay nhuộm râu, xăm những hình trái tim, mũi tên, tiên cá trên cánh tay; họ bảo hắn ta thường

hay cải dạng, biến thành bò mộng, thiên nga, cừu và, nói dối phép sẽ thành cả lừa nữa; thực tế hẳn cải dạng thành bất cứ cái gì các mợ, các ả thích. Tên hẳn là gì nhỉ?

- Chắc bác muốn nói đến thần Zeus. Cái gì làm bác nghĩ đến Zeus?

- Cầu Chúa bảo toàn linh hồn hẳn! Zorba giơ hai tay lên trời, nói. Quả là hẳn đã có những lúc gay go! Chắc hẳn đã phải nếm đủ mùi! Một kẻ tuấn đạo vĩ đại, xin sếp tin lời tôi! Sếp nuốt trôi mọi thứ mà những cuốn sách của sếp nói, nhưng sếp thử để một phút suy nghĩ xem những kẻ viết sách là hạng người nào! Xì! Một lũ thầy giáo. Họ biết cái quái gì về đàn bà hoặc về những gã đàn ông chạy theo đàn bà? Chẳng biết tí gì hết?

- Tại sao chính bác không viết một cuốn sách, Zorba? Để giảng giải cho chúng tôi rõ mọi bí ẩn của thế gian này? Tôi nói giễu.

- Tại sao ấy à? Vì lý do đơn giản là tôi bận sống tất cả những bí ẩn đó, theo các ông gọi, nên chẳng còn đâu thì giờ mà viết. Lúc nó là chiến tranh, lúc là đàn bà, khi là rượu, khi lại là cây đàn santuri; tôi lấy đâu ra thì giờ múa may một cây bút khốn khổ? Vì thế nên việc đó rơi vào tay bọn cạo giấy! Tất cả những kẻ thực sự sống những bí ẩn của cuộc đời đều không có thì giờ viết và tất cả những kẻ có thì giờ viết lại không sống trong những bí ẩn ấy! Sếp hiểu chưa?

- Ta quay lại đề tài của ta thôi! Zeus ra làm sao?

- À! Anh chàng tội nghiệp! Zorba thở dài. Chỉ có mình tôi biết hẳn đau khổ như thế nào. Cố nhiên, hẳn yêu đàn bà, song không phải theo cái cách đám cạo giấy các ông nghĩ đâu! Hoàn toàn không phải! Hẳn ái ngại cho họ! Hẳn hiểu những gì họ phải chịu đựng và hẳn hy sinh vì họ! Khi ở một nơi khi họ cò gáy nào đó, hẳn thấy một mụ gái già héo hon vì dục vọng và nuôi tiếc, hoặc một người vợ trẻ xinh đẹp – hoặc thậm chí chẳng xinh đẹp gì, thậm chí xấu như quỷ dạ xoa đi nữa – không ngủ được vì vắng chồng, hẳn

thường làm dấu thánh giá, cái anh chàng tốt bụng đó, hẳn thay quần áo, mang bất cứ hình thù gì người đàn bà đang mơ tưởng và đến phòng nàng.

Hắn không bao giờ bận tâm đến những cô ả chỉ muốn hôn hít suông. Không! Thậm chí, khá nhiều khi hẳn mệt lử cò bợ: sếp thừa hiểu. Ai mà có thể thỏa mãn được tất cả những con dê cái ấy? Ôi? Zeus! Con dê già tội nghiệp.

Hơn một lần, hẳn không làm sao được, hẳn cảm thấy hết hơi. Sếp đã bao giờ thấy một con dê đực sau khi phủ lên mấy con dê cái chưa? Nó sùi bọt mép, mắt mờ và đùn rú, nó ho khùng khục và đứng không vững. Thế, già Zeus tội nghiệp chắc hẳn luôn luôn ở trong tình trạng đáng buồn đó. Rạng sáng, hẳn trở về, bụng bảo dạ: “Ôi, lạy Chúa tôi! Bao giờ mình mới có thể nghỉ ngơi trọn một đêm? Mình mệt rũ ra rồi”. Và hẳn cứ luôn tay chùi bọt mép.

Nhưng hẳn chợt nghe thấy một tiếng thở dài: dưới trần một người đàn bà nào đó đã tung chăn nệm, ra ngoài bao lơn đứng, gần như trần truồng, và đang thở dài sườn sượt đến mức đủ làm quay cánh quạt một cối xay lúa! Và già Zeus của tôi lại động lòng trắc ẩn. “Ôi! ma quỷ! Mình lại phải xuống thôi!” hẳn rên rầm. “Kìa, một phụ nữ đang than thân trách phận. Mình phải xuống an ủi nàng!” Và cứ tiếp tục như thế đến độ đàn bà làm hẳn hoàn toàn kiệt lực, lưng không cử động được, hẳn bắt đầu nôn mửa, đâm liệt và chết. Đó là lúc người thừa kế hẳn là Chúa Kitô tới. Thấy tình trạng khốn khổ của lão già, Chúa bèn kêu lên: “Hãy để phòng đàn bà!”

Tôi thán phục trí tưởng tượng khỏe khoắn của Zorba và cười lăn cười bò.

- Sếp cứ tha hồ cười! Nhưng nếu ma quỷ thánh thần phù hộ cho công cuộc kinh doanh nhỏ bé của chúng ta ở đây thành công – tôi thấy điều đó dường như bất khả, nhưng biết đâu – sếp có biết tôi sẽ mở một loại cửa hàng gì không? Một văn phòng hôn nhân! Phải... đúng thế! “Hãng Hôn

Nhân Zeus!” Khi đó tất cả những phụ nữ đáng thương không kiếm nổi tấm chồng sẽ có một dịp cầu may nữa: gái già, phụ nữ xấu xí, đui què mẻ sứt, tôi sẽ tiếp tất cả trong một phòng khách nhỏ trên tường treo đầy ảnh những chàng trai tuấn tú và tôi sẽ nói với họ:

- Quý bà, quý cô hãy chọn đi, lựa lấy người nào mình ưa, rồi tôi sẽ tìm cách thu xếp cho họ thành phu quân của quý bà, quý cô”. Sau đó, tôi kiếm bất cứ thằng cha nào hao hao giống tấm ảnh, cho hẳn mặc đúng như thế, đưa hẳn ít tiền và dặn: “Đến phố ấy phố nọ, số nhà ấy, tìm bà ấy cô ấy và tán thật dữ vào. Đừng có ngán ngẫm; tôi sẽ chi hết. Hãy ngủ với mẹ ta. Nói với mẹ ta những điều đẹp để đàn ông thường nói với đàn bà; tội nghiệp mẹ chưa bao giờ được nghe những lời như vậy. Hãy thề là sẽ cưới mẹ. Hãy ban cho mẹ khôn khổ đó tí chút lạc thú, thứ lạc thú mà loài lục súc và ngay cả con sâu cái kiến cũng đều được hưởng”. Và nếu có một con dê cái già nào thuộc loại Bouboulina của chúng ta – cầu Chúa ban phước cho mẹ! – mà không ai chịu đến an ủi, bất kể trả công bao nhiêu, thì... thôi được, tôi sẽ làm dấu thánh giá và tôi, giám đốc hãng hôn nhân, sẽ đích thân làm việc đó! Bấy giờ, sắp sẽ nghe thấy cả lũ ngu xuẩn ở trong vùng nói:

“Xem kìa! Rõ là một lão già phóng đảng! Lão không có mắt để nhìn, cũng chẳng có mũi để ngửi sao?” – “Có chứ, đám lừa, tớ có mắt chứ? Có chứ, bọn ngòi lê đôi mách tim răn nhà đá, tớ có mũi chứ? Thế nhưng tớ còn có một trái tim biết ái ngại cho những người đàn bà xấu số! Và nếu đã có một trái tim thì tất cả những mắt mũi trên thế gian này đều vô dụng, đến lúc nào đó, chúng chẳng đáng kể gì hết!” ... Rồi khi nào tôi trở nên hoàn toàn bất lực vì chơi bời trác táng và về châu trời, Thánh Pie – gác cửa – Thiên đàng sẽ mở cổng cho tôi mà rằng: “Vào đi, Zorba tội nghiệp, vào đi, Zorba kẻ tuấn đạo. Vào mà nằm cạnh chiến hữu Zeus của người. Hãy nghỉ ngơi, anh bạn, người đã đóng góp phần mình dưới trần gian! Ta ban phước lành cho người!”

Zorba tiếp tục huyền thiên. Trí tưởng tượng của lão giăng bầy bắt lão và lão sa thẳng vào. Lão bắt đầu tin những chuyện do chính lão bịa ra. Khi chúng tôi đi qua cây Vả Tình Nương, lão thở dài. Rồi giơ tay như phát thệ, lão nói:

- Đừng buồn phiền, Bouboulina, con tàu cũ rữa nát và bị bạc đãi! Đừng buồn phiền! Tôi sẽ không để em thiếu niềm an ủi! Em có thể bị bốn Đại Cường Quốc, tuổi trẻ và cả Thượng đế bỏ rơi, nhưng tôi đây, Zorba sẽ không bao giờ bỏ rơi em!

Khi chúng tôi về đến bãi thì đã quá nửa đêm và gió đã nổi. Từ bên kia biển, từ châu Phi, ngọn gió nam ấm áp gọi là Notus thổi tới làm cây cối, nho và những vòng ngực đảo Crete căng phồng. Toàn bộ hòn đảo nằm bên bờ nước sống động lên dưới làn gió ấm thúc nhựa cây dâng lên. Zeus, Zorba và gió nam quyện lẫn vào nhau và trong đêm, tôi nhìn thấy rõ ràng một gương mặt lớn rất đàn ông, râu đen, tóc trơn bóng đang cúi xuống, áp cặp môi đỏ nóng bóng lên mađam Hortense – Trái Đất.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 20

Vừa về tới nơi, chúng tôi đi nằm ngay. Zorba xoa tay thỏa mãn.

V

- Hôm nay là một ngày đại cát, sếp ạ. Chắc sếp sẽ hỏi tôi nói “đại cát” với nghĩa gì? Tôi muốn nói là: trọn vẹn. Sếp nghĩ mà xem: sáng nay, chúng ta còn ở tu viện, cách đây hàng bao dặm, chúng ta cho lão tu viện trưởng vào xiếc – chắc lão nguyện rửa chúng ta? Sau đó, chúng ta về đến lều, gặp mađam Bouboulina và tôi với mụ đĩnh hôn. À này, sếp nhìn cái nhẫn xem. Vàng mười đấy... Mụ bảo mụ còn hai đồng xôvoren vàng của Anh, lão đô đốc Anh cho mụ vào hồi cuối thế kỷ trước. Mụ nói mụ để dành làm ma mình, nhưng bây giờ – cầu sao giờ khắc độ trì cho mụ an lành – mụ đem đến thuê thợ kim hoàn đánh thành nhẫn. Con người thật là bí ẩn kỳ quái!

- Ngủ đi Zorba! Tôi nói. Bình tĩnh lại nào! Một ngày chùng ấy chuyện là đủ rồi. Ngày mai, chúng ta phải cử hành một nghi lễ long trọng: dựng cây cột đầu tiên cho hệ thống dây cáp. Tôi đã mời cha Stephanos đến.

- Sếp làm thế là phải, sếp ạ; ý đó không đến nỗi dở. Cứ để lão linh mục râu dê ấy đến và tất cả kỳ mục trong làng nữa; thậm chí ta sẽ phân phát những cây nến nhỏ cho họ thắp lên. Đó là cách gây ấn tượng; điều đó sẽ có lợi cho công việc của ta. Đừng có để ý đến những việc tôi làm. Tôi có Thượng đế riêng và ma quỷ riêng của tôi. Nhưng những người khác...

Lão bật cười. Lão không ngủ được, đầu óc lão xáo động.

- Ôi, ông nội, cầu Chúa phong thánh cho năm xương tàn của ông! Sau một lát lão nói, ông cụ cũng là một tay chơi bời phóng đảng y như tôi đây. Ấy thế mà lão du đảng ấy đã tới Thánh Mộ và trở thành một hadji ([57]) đấy. Có trời biết tại sao! Khi ông trở về làng, một người bạn nối khố của ông, một lão chuyên ăn trộm dê chưa từng làm một điều gì tử tế trong đời, bảo ông: “Này anh bạn, anh có mang về cho tôi một mẫu Thánh Giá ở Thánh Mộ không?” – “Anh định nói gì vậy, tôi không mang gì về cho anh sao?” Ông nội ranh ma của tôi nói, “anh nghĩ là tôi quên anh sao? Tối nay anh đến nhà tôi, dẫn theo cả linh mục để ban phước, tôi sẽ đưa cái đó cho anh. Mang theo cả một con lợn sữa và ít rượu nữa nhé, cho may mắn!”

Tối hôm ấy, ông nội tôi về nhà, cắt một mẫu gỗ nhỏ bằng hạt gạo từ cái trụ cửa mọt, bọc trong bông ni, rắc một vài giọt dầu lên, rồi ngồi chờ. Lát sau, tay kia tới cùng với linh mục, con lợn sữa và rượu. Linh mục lấy khăn choàng ra và ban phước. Ông nội tôi tiến hành nghi thức trao mẫu gỗ quý, rồi ba người bắt đầu ngẫu nhiên đá con lợn sữa. Thế, xin sếp hãy tin lời tôi, lão kia khấu đầu quỳ mọp trước mẫu gỗ nhỏ này, buộc dây đeo vào cổ và từ hôm đó trở đi, thành một người khác hẳn. Lão thay đổi hoàn toàn. Lão lên núi, gia nhập hàng ngũ những người Armatole và Klepht; góp một tay phóng hỏa những làng Thổ Nhĩ Kỳ. Lão anh dũng băng qua những làn mưa đạn, không biết sợ là gì. Tại sao lão lại phải sợ? Lão mang trên mình một mẫu của Thánh Giá ở Thánh Mộ kia mà – đạn không thể trúng được lão.

Zorba phá lên cười.

- Tư tưởng là tất cả, lão nói. Đã có đức tin thì một mảnh vụn của một cánh cửa cũ nát cũng trở thành thánh tích. Bằng không thì cả cây Thánh Giá đích thực cũng thành cột mục.

Tôi thán phục con người này, đầu óc lão vận hành mới táo bạo và tự tin biết mấy, tâm hồn lão chạm vào đâu cũng tóe lửa.

- Bác đã bao giờ tham gia chiến tranh chưa, Zorba?

- Làm sao tôi biết được nhỉ? Lão cau mày hỏi. Tôi không nhớ nổi. Chiến tranh nào?

- Tôi muốn nói bác đã bao giờ chiến đấu cho tổ quốc chưa?

- Sếp không thể nói chuyện gì khác sao? Tất cả những chuyện tầm phào ấy đã chấm dứt, đã qua hẳn rồi, chẳng ai còn nhớ nữa.

- Bác gọi cái ấy là chuyện tầm phào ư, Zorba? Bác không xấu hổ à? Bác nói về tổ quốc mình như thế à?

Zorba ngẩng đầu lên nhìn tôi. Tôi cũng nằm trên giường với ngọn đèn dầu đang cháy trên đầu. Lão nghiêm nghị nhìn tôi một lát rồi, túm chặt ria, nói:

- Nói năng vậy thật là ngớ ngẩn, chả khác gì một anh thầy giáo. Lỗi phép sếp, nói chuyện với sếp như thế thì thà nói với đầu gối.

- Sao? Tôi phản đối. Tôi là người hiểu biết, Zorba, đừng có quên điều đó.

- Phải, sếp hiểu biết bằng đầu óc. Sếp bảo: “Cái này đúng, cái kia sai, cái này thật, cái kia giả; người này có lý, người kia sai lầm” ...Nhưng cách đó dẫn ta đến đâu? Trong khi sếp nói, tôi theo dõi tay và ngực sếp. Ở, tay và ngực sếp làm gì? Chúng lặng thinh, chẳng nói một lời. Như thế chúng không có lấy một giọt máu. Vậy, theo sếp sếp hiểu bằng cái gì? Bằng cái đầu sếp à? Hừ!

- Này trả lời tôi đi, Zorba, đừng có tìm cách né tránh! Tôi nói để khích lão. Tôi dám chắc bác không bận tâm gì mấy đến đất nước mình, phải không nào?

Lão giận dữ dấm vào bức vách làm bằng những can xăng rộng và kêu lên:

- Cái thằng sếp nhìn thấy trước mặt sếp đây đã từng lấy tóc trên đầu mình thêu hình nhà thờ Thánh Sophia đeo trước ngực làm bùa hộ mệnh. Phải, sếp ạ, tôi đã làm thế, tôi đã thêu bằng đôi bàn tay gấu vụng về này và bằng những sợi tóc này, dạo ấy còn đen như lông quạ. Tôi thường lang thang quanh vùng núi Macedonia với Pavlo Melas ([58]) – hồi đó tôi là một chàng trai lực lưỡng, cao hơn cái lều này, mặc váy kiểu lính Scotland, đội mũ fez đỏ, đeo bùa bằng bạc, yataghan ([59]), súng lục và bao đạn. Khắp người tôi toàn thép, bạc và đinh. Mỗi bước tôi đi đều phát ra tiếng loảng xoảng như cả một trung đoàn diễu qua phố! Này! Nhìn đây! Và đây nữa!

Lão phanh áo sơ-mi và tụt quần ngoài xuống.

- Mang đèn lại đây! Lão ra lệnh.

Tôi ghé đèn vào sát tấm thân gày gò rám nắng. Với những sẹo sâu hoắm, những vết đạn, những nhát gươm chém, thân thể lão giống như một cái chao lọc.

- Bây giờ hãy nhìn bên kia xem!

Lão quay lại và chìa lưng cho tôi xem.

- Không một vết xước trên lưng, sếp thấy đấy. Sếp có hiểu không? Bây giờ để đèn về chỗ cũ đi.

- Chuyện tâm phào! Lão phát khùng gầm lên. Thật ghê tởm! Đến bao giờ con người mới thực sự là con người, theo sếp? Chúng ta mặc quần áo,

cổ cồng, mũ măng, vậy mà vẫn là một lũ la lùa, sói, cáo và lợn. Chúng ta bảo chúng ta được tạo nên theo hình ảnh của Chúa! Ai, chúng ta ấy à? Tôi thì nhõ vào cái mồm ngu xuẩn của chúng ta!

Dường như những hồi ức khủng khiếp đang trở lại trong trí lão và mỗi lúc lão thêm phần nộ. Lão thốt ra những lời không ai hiểu nổi qua hai hàm răng hồng và lung lay.

Lão đứng dậy, nhắc bình nước, tu một hơi dài và có vẻ đỡ khát đồng thời dịu đi.

- Bất kể sếp chạm vào chỗ nào trên người tôi, tôi đều rống lên, lão nói. Khắp người tôi toàn sẹo, vết thương và cục u. Tất cả những điều vợ vẫn sếp nói về đàn bà nghĩa là cái gì? Khi tôi phát hiện ra mình thực sự là con người, tôi thậm chí không buồn quay lại nhìn họ nữa kia. Tôi chạm vào họ trong giây lát, qua loa đại khái thế thôi, như con gà trống, rồi tôi đi tiếp. “Giống chồn sương bắn thiu”, tôi tự nhủ “chúng muốn hút cạn sức lực của mình. Hừ! Ma quỷ bắt hết đàn bà đi!”. Rồi tôi vác súng ra đi!

Tôi lên núi làm một du kích comitadji. Một hôm, vào lúc sẩm tối tôi vào một làng Bulgari và trốn vào một chuồng bò. Đó chính là nhà một mục sư, một tên biệt động Bulgari hung tợn tàn nhẫn. Ban đêm hăn trút bỏ áo thầy tu, mặc quần áo mục đồng, xách súng và xâm nhập các làng Hy Lạp lân cận. Hăn thường trở về trước khi trời rạng, người rờn rờn bần và máu, nhưng chỉ lát sau, hăn đã hối hả đến nhà thờ chủ trì lễ Misa cho tín đồ.

Trước đó mấy hôm, hăn đã giết một giáo viên Hy Lạp đang ngủ trên giường. Cho nên tôi vào chuồng bò nhà tên mục sư, nằm đợi. Vào khoảng chập tối, tên mục sư vào cho bò ăn. Tôi nhảy xổ vào hăn, cắt cổ như cắt tiết cừu. Tôi cắt hai tai hăn, bỏ vào túi. Chả là tôi đang sưu tập tai người Bulgari, sếp hiểu không, cho nên tôi lấy tai tên mục sư và tôi chuồn. Mấy ngày sau, tôi lại đến làng đó. Bấy giờ là giữa trưa. Tôi giả làm người bán hàng rong. Tôi giấu vũ khí ở trong núi và xuống làng để mua bánh mì,

muối và ủng cho anh em. Thế rồi tôi bắt gặp năm đứa bé trước một ngôi nhà, tất cả đều vận đồ đen, đi đất, đứa nọ nắm tay đứa kia, dắt nhau đi ăn xin. Ba gái và hai trai. Đứa lớn nhất không quá mười tuổi, đứa nhỏ nhất còn phải ẵm ngửa. Đứa con gái lớn nhất bế em, vừa hôn vừa vuốt ve nựng nó cho nó khỏi khóc. Tôi không biết tại sao, chắc là thần phật xui khiến, tôi tiến lại chỗ chúng. “Các cháu con ai?” Tôi hỏi bằng tiếng Bulgari.

Thằng bé lớn nhất ngẩng đầu lên: “Con của mục sư. Hôm nọ, cha cháu bị cắt cổ trong chuồng bò”, nó trả lời. Tôi ứa nước mắt và trái đất bắt đầu quay như cái cối xay. Tôi dựa vào tường và nó ngừng lại. “Lại đây, các con”, tôi nói. “Lại gần ta đây.”. Tôi lấy túi tiền ra; trong đó đầy tiền Thổ Nhĩ Kỳ và những đồng mejidies. Tôi quỳ xuống và đổ hết xuống đất. “Này lấy đi!” Tôi kêu. “Lấy đi! Lấy đi!”.

Bọn trẻ thụp xuống đất và nhặt tiền. “Của các cháu đấy! Của các cháu đấy!” Tôi kêu lên. “Lấy hết đi!” Rồi tôi để lại cho chúng cái rổ đựng tất cả những thứ tôi đã mua. “Tất cả những cái này cũng của các cháu; lấy hết đi!” Và tôi chuồn thẳng. Tôi rời khỏi làng, phanh áo sơ-mi, nắm lấy cái hình nhà thờ Thánh Sophia tôi đã thêu, xé tan ra và tung hê, rồi cắm cổ chạy trốn... Và đến bây giờ, tôi vẫn chạy trốn...

Zorba dựa vào vách và quay về phía tôi.

- Ấy tôi đã được cứu thoát như thế đó, lão nói.
- Cứu thoát khỏi tổ quốc?
- Phải, khỏi tổ quốc, lão nói, giọng rần rỏi bình tĩnh.

Rồi một lát sau.

- Thoát khỏi tổ quốc, khỏi các thầy tu, khỏi tiền bạc. Tôi đã sàng lọc, ngày càng sàng lọc bỏ đi nhiều thứ. Bằng cách ấy, tôi làm nhẹ gánh nặng

của mình. Tôi đã, nói thế nào nhỉ? ... Tôi đã tìm thấy sự giải thoát tôi thành người.

Mắt Zorba long lanh, cái miệng rộng của lão có mẫn nguyện.

Sau khi im lặng một lát, lão lại mở máy. Tim lão cứ trào không kiềm chế nổi.

- Có một dạo, nói về con người, tôi thường phân biệt: đó hoặc là một tên Thổ Nhĩ Kỳ; hoặc một tên Bulgari, hoặc một người Hy Lạp. Vì tổ quốc, sếp ạ, tôi đã làm những điều khiến sếp dựng tóc gáy. Tôi đã cắt cổ nhiều người, đốt làng, cướp của, hãm hiếp phụ nữ và giết sạch hàng gia đình. Tại sao? Vì họ là Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Bulgari. “Chà! Quý bắt mày đi, đồ con lợn!” đôi khi tôi tự bảo vậy. “Quý bắt mày, đồ con lợn!” Bây giờ thì tôi nói người này là một gã tử tế, kẻ kia là một tên chó đẻ: Họ có thể là Hy Lạp hay Bulgari hay Thổ Nhĩ Kỳ, cái đó không quan trọng. Người ấy tốt hay xấu, bây giờ, đó là điều duy nhất tôi cần biết. Và mỗi tuổi một già – và điều này tôi xin thề trên mẫu bánh tôi vừa ăn – tôi cảm thấy thậm chí tôi cũng không đặt ra câu hỏi ấy nữa kia. Một người, dù tốt dù xấu, tôi cũng thương hại cho hẳn, cho tất cả mọi người. Trông thấy con người, lòng tôi đau như xé, mặc dầu tôi làm bộ tình bơ! Kìa khốn khổ cái thằng cha, tôi nghĩ thầm, hẳn cũng ăn uống, cũng làm tình và cũng sợ hãi, bất kể hẳn là người như thế nào; dù sao mặc lòng hẳn cũng vẫn có Chúa và quý của riêng hẳn và hẳn cũng sẽ ngoan và nằm cứng đờ như khúc gỗ dưới ba tấc đất làm mồi cho giun. Khốn khổ khốn nạn! Chúng mình là anh em cả! Rồi làm mồi cho giun tất!... Và nếu lại là một phụ nữ... thì ôi! tôi những muốn khóc đến lòi con mắt! Sếp tôn kính của tôi cứ nhạo tôi hoài, bảo tôi quá ai mộ phụ nữ. Tại sao tôi lại phải dẹp lòng thương yêu họ khi mà họ là những sinh vật yếu đuối không biết mình đang làm gì và đầu hàng tại chỗ khi ta vừa thộp lấy vú họ? ...

Một lần, tôi đi vào một làng Bulgari khác. Một lão già súc sinh phát hiện ra tôi – lão là một bộ làng – lão báo cho đồng bọn và chúng bao vây

ngôi nhà tôi trọ. Tôi luồn ra bao lơn và trèo sang mái nhà bên cạnh, trăng đã lên, tôi nhảy từ bao lơn này sang bao lơn kia thoăn thoắt như mèo. Nhưng chúng trông thấy bóng tôi, chúng trèo lên mái nhà và bắt đầu nổ súng. Làm thế nào đây? Tôi nhảy xuống sân và thấy một phụ nữ Bulgari đang nằm ngủ.

Nàng đứng dậy trong chiếc áo ngủ, trông thấy tôi và mở miệng định kêu, nhưng tôi giơ tay ra, thì thầm: “Làm ơn làm phúc, đừng kêu!” và túm luôn lấy vú nàng. Nàng tái đi suýt ngất xỉu. “Vào trong nhà”, nàng khẽ nói. “Vào nhà kéo họ trông thấy” ... Tôi vào nhà, nàng nắm chặt tay tôi. “Ông là người Hy Lạp?”, nàng hỏi – “Vâng, Hy Lạp. Xin đừng tố giác tôi.” Tôi ôm lấy eo nàng. Nàng không nói một lời. Tôi đưa nàng đến giường và tim tôi run lên vì khoái cảm. “Thế đấy, Zorba, đồ con chó”, tôi tự bảo, “vậy đó một người đàn bà cho mày, lòng nhân đạo nghĩa là thế đấy. Nàng là người gì? Bulgari? Hy Lạp? Papu? Cái đó hoàn toàn không quan trọng! Nàng là người, một con người có miệng, có đôi vú và nàng biết yêu thương. Mày không thấy xấu hổ về hành vi chém giết của mày sao? Hừ! Đồ con lợn?” Đó, tôi đã nghĩ vậy trong khi nằm bên nàng, chia sẻ hơi ấm của nàng. Thế nhưng, sếp thử nghĩ xem, cái con đĩ đại tổ quốc có để cho tôi yên vì chuyện đó không? Sáng hôm sau, tôi chuồn trong bộ quần áo nàng Bulgari cho tôi. Nàng là một quả phụ. Nàng lấy trong tủ ra bộ đồ của người chồng quá cố, đưa cho tôi, rồi ôm ghì lấy đầu gối tôi và van nài tôi trở lại với nàng. Phải, phải, tôi có trở lại... vào đêm hôm sau. Cố nhiên, hồi đó, tôi là một người ái quốc – một con đĩ thú; tôi trở lại với một can dầu parafin và tôi phóng hỏa đốt làng. Tội nghiệp, chắc nàng cũng bị thiêu cháy cùng với những người khác. Tên nàng là Ludmila.

Zorba thở dài. Lão châm một điếu thuốc lá, hút một vài hơi rồi quẳng đi.

- Tổ quốc ư? ... Sếp tin mọi thứ vớ vẩn trong những quyển sách của sếp ư? ... Đáng ra sếp phải tin tôi mới đúng. Chừng nào còn có các tổ quốc, con người còn giống như con thú, một con thú dữ... Nhưng tôi đã được giải

thoát khỏi mọi cái đó rồi, đội ơn Thượng đế! Đối với tôi, thế là dứt điểm rồi! Còn sếp thì sao?

Tôi không trả lời. Tôi thèm muốn được như lão. Lão đã sống bằng máu thịt, chiến đấu, chém giết, hôn hít – tất cả những thứ ấy tôi chỉ cố gắng học qua bút mực mà thôi. Tất cả những vấn đề ấy tôi đang cố giải đáp từng điểm một trong cô đơn và ngòi lì trên ghế, con người này đã giải quyết gọn giữa bát ngát núi non, bằng một thanh gươm.

Tôi nhắm mắt lại, chán ngán khôn khuây.

- Sếp ngủ à? Zorba phật ý hỏi. Thế mà tôi cứ ba hoa với sếp như một thằng hề?

Lão lâu lâu nằm xuống và loáng cái, tôi đã nghe thấy lão ngáy.

Suốt đêm tôi không tài nào ngủ được. Tiếng một con họa mi lạ lần đầu tôi nghe thấy hót đêm hôm đó, rót đầy cô đơn vào tôi một nỗi sầu không chịu nổi và tôi bỗng cảm thấy những giọt nước mắt lăn trên má.

Tôi ngột thở. Rạng sáng, tôi dậy và đứng ở cửa lều ngắm đất, ngắm biển. Tôi có cảm giác như mới qua một đêm, thế giới đã thay đổi: Trên bãi cát trước mặt tôi, một bụi gai nhỏ, mới hôm qua còn xám xịt tiêu tụy, giờ đã đầy những bông hoa trắng nhỏ li ti. Không khí phảng phất mùi hương ngọt ngào ám ảnh của cam chanh đang trổ hoa. Tôi bước ra ngoài mấy bước. Cái phép lạ vĩnh viễn luân hồi này, tôi ngắm không bao giờ biết chán.

Đột nhiên, tôi nghe thấy một tiếng reo vui ở sau lưng. Zorba đã dậy và, mình trần, nhào ra cửa. Lão cũng rạo rức trước cảnh xuân về.

- Cái gì thế này? Lão sừng sốt hỏi. Cái phép lạ đằng kia kìa, sếp à, cái màu xanh chuyển động ấy, người ta gọi nó là gì? Biển ư? Biển ư? Và cái gì mang tạp-dề xanh thêu hoa thế kia? Đất à? Nghệ sĩ nào đã làm ra như thế? Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy thế, xin thề với sếp!

Mắt lão trào lệ.

- Zorba! Tôi kêu. Bác mất trí rồi sao?

- Sếp cười cái gì? Sếp không trông thấy sao? Sếp không thấy sao? Phải có ma thuật đằng sau tất cả những cái này, sếp ạ. Lão bỏ ra ngoài, bắt đầu nhảy múa và lăn lộn trên bãi cỏ như chú ngựa con vào mùa xuân.

Mặt trời ló ra và tôi ngửa hai bàn tay đón nắng ấm. Nhựa dâng lên... vú căng phồng... và tâm hồn cũng đậm hoa như cây cối; ta cảm thấy thể xác và linh hồn được nhào nặn bằng cùng một chất liệu.

Zorba đã đứng dậy trở lại, tóc đầy đất và sương.

- Nhanh lên, sếp! lão la. Chúng ta sẽ diện thật bảnh! Hôm nay, chúng ta phải được ban phước lành. Chẳng mấy chốc linh mục và các kỳ mục trong làng sẽ đến đây. Nếu họ thấy chúng ta lăn lóc trong đám cỏ thì thật đẹp mặt cho công ty! Cho nên ta phải lên cổ còng cà vạt! Phô những bộ mặt nghiêm trang ra! Cần cộc gì có đầu óc, miễn là đội mũ cho hợp thời trang là ăn tiền... Cái thế giới này thật điên rồ!

Chúng tôi mặc quần áo, thợ thuyền tới và sau đó một lát là các vị hương mục.

- Hãy ráng nghiêm chỉnh, sếp à, hôm nay là không có đùa giỡn được đâu. Chúng ta không nên tự biến mình thành trò cười.

Đi đầu là cha Stephanos, mặc chiếc áo tu sĩ bản có túi sâu. Trong những buổi lễ tôn phong, ma chay, cưới xin, rửa tội, cha thường trút vào những cái túi hun hút như vựa thắm ấy mọi thứ được biếu: nho, bánh mì nhỏ, bánh patê, pho-mát, dưa chuột, thịt, kẹo bánh, tất tật... và đêm đến, bà Pappadia, vợ ông, giương mục kính lên, lôi cả ra vừa chọn vừa nhấm nháp luôn miệng.

Đằng sau cha Stephanos là các bô lão: Kondomanolio, chủ tiệm cà phê, người tưởng mình biết khắp thế giới vì đã đến tận Canea và đã tận mắt thấy chính Hoàng tử Geoge; bác Anagnosti điềm đạm và tươi cười, mặc chiếc áo sơ-mi trắng xóa ống rộng; ông giáo trang nghiêm và long trọng với chiếc gậy chống, và cuối cùng Mavradoni, bước chân nặng nề, chậm rãi. Lão chít một chiếc khăn đen trên đầu, bận áo sơ-mi đen và đi giày đen; lão chào chúng tôi với một vẻ gượng gạo. Lão chua chát và tách biệt. Lão đứng riêng một mình, quay lưng ra biển.

- Nhân danh Jesus Kirixitô Chúa chúng tôi! Zorba nói, giọng trang trọng. Lão đi lên đầu đám rước và tất cả đi theo lão với vẻ trầm tư mặc tưởng thành kính.

Những hồi ức từ xa xưa hàng thế kỷ về những nghi lễ thần diệu thức dậy trong lòng những người nông dân này. Tất cả đều dán mắt vào ông linh mục như thể chờ đợi ông đối đầu và yếm trừ những lực lượng vô hình. Hàng ngàn năm trước, thầy phù thủy đã giơ tay rẩy nước thánh lên không trung, lầm rầm những câu thần chú bí hiểm và toàn năng, thế là lũ quỷ ác trốn chạy trong khi những phúc thần từ nước, đất và không khí xuất hiện để phù trợ loài người.

Chúng tôi tới cái hố đào cạnh biển để chôn cây cột đầu tiên của đường dây cáp. Cánh thợ nâng một thân cây thông lên và dựng thẳng đứng trong hố. Cha Stephanos choàng khăn tế lên, cầm bình hương và, mắt không rời thân cây, bắt đầu niệm chú: “Cầu cho cột dựa trên đá tảng vững vàng, để gió bão cũng như sóng nước đều không lay chuyển nổi, Amen!”

- Amen. Zorba oang oang, tay làm dấu.

- Amen! Các bô lão lầm rầm.

- Amen! Đám thợ nói sau rớt.

- Cầu Thượng đế ban phước lành cho công trình của các con và phù hộ cho các con giàu có như Abraham và Isaac! Thầy tư tế làng tiếp tục và Zorba giúi tờ một trăm drachma vào tay ông ta.

- Ta ban phước cho con! Linh mục hài lòng nói.

Chúng tôi trở về lều; tại đây Zorba mời tất cả mọi người dùng rượu vang và những món đồ nguội tuần chay: mực nướng, bạch tuộc rán, đậu ngâm và ô-liu. Sau khi chén sạch, các quan chức ra về. Nghi lễ ban phép kết thúc.

- Chúng ta đã lo xong chuyện này tốt đẹp! Zorba xoa tay nói. Lão cởi quần áo đẹp, mặc đồ lao động vào và cầm lấy cuốc.

- Nào! Lão nói to với anh em thợ. Làm dấu đi và bắt tay vào việc. Từ lúc ấy cho đến hết ngày, Zorba không ngừng đầu lên nữa.

Cứ cách khoảng năm mươi mét, cánh thợ lại đào một hố, chôn một cột và tiếp tục thế, làm thành một đường thẳng tiến lên đỉnh đồi. Zorba đo đạc tính toán và ra lệnh.

Cả ngày, lão không ăn, không hút thuốc, không nghỉ ngơi lấy một phút. Lão hoàn toàn vui đầu vào công việc.

- Sở dĩ thế giới ngày nay rối bết như thế này, lão thường bảo tôi, là vì người ta cứ làm nửa vời, nói nửa vời, tốt xấu cũng nửa vời. Vì Chúa, hãy làm việc đâu ra đấy! Mỗi cái đinh, đóng một nhát chắc gọn, thế là thẳng! Thượng đế ghét một tên quý nửa vời gấp mười lần một tên đại ác quỷ!

Tối hôm ấy, đi làm về, lão nằm lăn trên cát, mệt lử.

- Tôi ngủ luôn đây thôi, lão nói. Tôi đợi đến rạng đông, rồi chúng tôi lại tiếp tục làm việc. Tôi sẽ bắt đầu bố trí làm ca đêm.

- Tại sao phải vội thế, Zorba?

Lão ngập ngừng một lát.

- Tại sao ư? À, tôi muốn xem thử độ dốc tôi đã tìm thấy có chính xác hay không. Nếu trật thì chúng ta đi đứt, sắp thấy không. Càng biết sớm chừng nào, càng hay cho chúng ta chừng ấy.

Lão ăn vội vàng, nghiêng ngấu và thoáng sau, bãi biển đã vang tiếng lão ngáy. Còn tôi thì cứ thức hoài, ngắm sao tuần du ngang bầu trời. Tôi thấy cả bầu trời chuyển vị trí – và hộp sọ tôi, như một đài quan sát, cũng chuyển vị trí theo, cùng với những chòm sao. “Hãy theo dõi sự chuyển động của tinh tú như thể bạn cùng quay với chúng...” Câu nói đó của Marcus Aurelius ([60]) dâng hài hòa ngập lòng tôi.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 21

Hôm nay là ngày lễ Phục Sinh. Zorba đã diện bánh bao. Lão đi một đôi tất len dày màu tía sẫm mà lão bảo là do một trong những mục bồ ở Macedonia đan cho. Lão bồn chồn chạy lên chạy xuống một gò cát nhỏ gần bãi biển của chúng tôi. Khum khum bàn tay bên trên hàng lông mày rậm, để che cho khỏi chói mắt, lão theo dõi con đường làng.

H

- Cái mục này đến muộn mất rồi, đồ hải cẩu già, cái mục này đến muộn mất rồi, đồ đĩ điếm, sao mà mục chậm trễ thế, cái lá cờ cũ kỹ tả tơi.

Một con bướm vừa ra khỏi kén bay lên và định đậu lên bộ ria Zorba, nhưng nó làm lão nhột và lão khịt mũi; con bướm thản nhiên bay đi và biến vào trong nắng lóa.

Hôm ấy, chúng tôi chờ mađam Hortense đến để mừng lễ Phục Sinh. Chúng tôi đã quay một con cừu tơ, trải một tấm khăn lên cát và tô màu mấy quả trứng. Nửa đùa nửa thật, chúng tôi đã quyết định chuẩn bị một đại tiệc chiêu đãi mục. Trên bãi biển quạnh hiu này, nàng tiên cá lùn mập, xúc nước hoa và hơi rửa ấy bao giờ cũng hấp dẫn chúng tôi một cách kỳ lạ. Khi mục không có mặt, chúng tôi thấy thiếu một cái gì, một mùi thơm như “ô- đờ- Côlônho”, một dáng đi lạch bạch như vịt bầu, một giọng hơi khàn khàn và một đôi mắt xanh nhờ nhờ.

Cho nên chúng tôi đã bẻ những cành mua và nguyệt quế kết thành một cổng chào cho mục đi qua. Và ngay trên cổng chào ấy, chúng tôi đã cắm bốn lá cờ Anh, Pháp, Ý, Nga và ở chính giữa, trên cao, là một vạt vải trắng dài có xọc xanh. Vì không phải là thủy sư đô đốc, chúng tôi không có đại bác, nhưng chúng tôi đã mượn hai cây súng trường và quyết định đứng trên gò chờ khi nào thấy mục hải cẩu của chúng tôi lạch bạch, te tái trên đường là nổ một loạt súng chào. Chúng tôi muốn làm sống lại trên bờ biển cô liêu này một cái gì thuộc quá khứ huy hoàng của mục, sao cho mục đàn bà bất hạnh đáng thương ấy cũng có thể được hưởng trong thoáng chốc cái ảo tưởng rằng mình lại là một cô gái môi hồng, ngực nở nang rắn chắc, chân đi tất lụa và giày ban bóng lộn. Sự Phục Sinh của Chúa phông có ích gì nếu đó không phải là dấu hiệu để thắp sáng lại niềm vui và thanh xuân trong chúng ta? Nếu nó không đủ phép màu làm cho một cocotre ([61]) về già cảm thấy mình lại đang thì mười tám đôi mươi?

- Mục đến muộn thế, đồ hải cẩu già, mục đến muộn thế, đồ dĩ điếm; mục đến muộn thế, cái lá cờ cũ kỹ tả tơi. Zorba lau bà luôn miệng, tay xốc lại đôi tất màu hoa cà cứ tụt xuống hoài.

- Lại ngồi đây, Zorba! Lại ngồi trong bóng râm này, hút điếu thuốc đã. Bà ta đến ngay bây giờ đấy mà!

Lão ném một cái nhìn cuối cùng về phía đường làng rồi đến ngồi dưới bóng cây mình quyết. Đã gần trưa, trời nóng gắt. Đắng xa, vắng tiếng chuông vui vẻ, náo nức của hội lễ Phục Sinh. Thịnh thoảng gió mang tới tiếng đàn “lia” đảo Crete ([62]). Cả làng rộn rã sức sống như một tổ ong lúc xuân về.

Zorba lắc đầu:

- Thế là hết. Mỗi dịp lễ Phục Sinh, tôi thường cảm thấy hồn tôi lại bay lên đồng thời với Chúa Jésus, nhưng tất cả chấm dứt rồi! Lão nói. Bây giờ, chỉ có thân thể tôi tái sinh – bởi vì vẫn có kẻ bao ta đánh chén, rồi một

người thứ hai, thứ ba nữa, và họ cứ mời: “ăn thêm một miếng và thêm một chút xíu này nữa thôi...”. Ở thì ta cứ nhồi đầy tể thêm hàng mớ thức ăn ngon lành mà không phải tất cả đều biến thành phân. Có một cái gì vẫn lưu tồn, một cái gì sót lại và biến thành tâm trạng vui vẻ, thành múa hát, thậm chí thành ấu đả – cái ấy, tôi gọi là Phục Sinh.

Lão đứng dậy, nhìn về phía chân trời và cau mày.

- Có một thằng nhỏ đang chạy về phía này, lão nói và vội vã ra đón đứa bé.

Thằng bé kiễng chân lên, nói thầm điều gì vào tai Zorba làm lão giật mình lùi lại, giận dữ.

- Ốm à? Lão quát lên, ốm à? Cút ngay kéo tao nện cho một trận bây giờ!

Rồi lão quay sang tôi:

- Sếp à, tôi chạy vào làng xem mục hải cầu già làm sao... Một phút thôi... Cho tôi xin hai quả trứng đỏ để tôi đập với mục. Tôi sẽ quay về ngay.

Lão bỏ hai quả trứng vào túi, xốc đôi tất màu hoa cà lên và chạy đi.

Tôi xuống khỏi gò và nằm trên lớp sỏi mát. Gió hây hây, mặt biển hơi gợn; hai con hải âu rập rờn trên những ngọn sóng nhỏ, cổ xù lông, sung sướng tận hưởng nhịp chuyển động của sóng nước.

Tôi có thể hình dung niềm khoái cảm của chúng khi dẫn bụng vào làn nước mát rượi. Nhìn đôi hải âu, tôi thầm nghĩ: “Đó là con đường nên chọn; tìm ra nhịp điệu tuyệt đối và hòa theo với niềm tin tưởng tuyệt đối.”.

Một giờ sau, Zorba trở lại, tay vuốt ria với vẻ thỏa mãn.

- Tội nghiệp, mục bị cảm lạnh, lão nói. Không có gì đáng ngại. Mấy ngày vừa qua – thực tế là cả Tuần Lễ Thánh mục đã đi lễ nửa đêm, mặc dù mục là

dân Châu u. Mụ đi lễ là vì tôi, mụ bảo thế. Thành thử mụ cảm lạnh. Bởi thế tôi đã giác cho mụ, lấy dầu ở trong đèn xoa bóp cho mụ và cho mụ uống một ly rum. Ngày mai, mụ sẽ lại khỏe mạnh như thường. Ha ha! Cái con ngựa già ấy, kể ra mụ cũng ngộ theo cách của mụ; sắp phải nghe thấy mụ ỏn ẻn như con bò câu mái khi tôi xoa bóp cho mụ – mụ bảo mụ nhột quá!

Chúng tôi ngồi vào ăn và Zorba rót rượu.

- Chúc sức khỏe mụ! Cầu sao ma quỷ hẵng khoan một thời gian dài nữa, đừng bắt mụ đi vội!

Chúng tôi lặng lẽ ăn uống một lúc. Gió mang đến chúng tôi những âm thanh say đắm của đàn lia từ xa, nghe như tiếng ong bay. Chúa Jesus đang tái sinh trên sân thượng các nhà trong làng. Con cừu và bánh Phục Sinh đang biến thành những bản tình ca.

Khi đã ăn uống no say, Zorba khum tay đưa lên cái tai voi lông lá làm ống nghe.

- Đàn lia... lão lắm bầm. Trong làng đang khiêu vũ.

Lão đứng phắt dậy. Rượu đã bốc lên đầu lão.

- Chúng ta làm gì ở đây, trơ trọi như đôi chim cu củ? Ta đi nhảy đi! Sếp không thương hại con cừu chúng ta vừa ăn sao? Lẽ nào sếp lại để nó tiêu tan hết chẳng còn gì? Nào! Hãy biến nó thành tiếng hát và điệu nhảy! Zorba đang hồi sinh đây!

- Đợi một tí, Zorba, đồ ngốc, bác điên rồi à!

- Thật tình, tôi bất cần, sếp ạ! Nhưng tôi thương hại con cừu, tôi thương hại những quả trứng đỏ, những cái bánh gatô Phục Sinh và kem pho-mát! Nếu tôi chỉ hốc có mấy mẫu bánh mì với chút ô-liu thì tôi sẽ nói: “Ờ, ta đi ngủ thôi; tôi chẳng cần đi hội”. Ô-liu và bánh mì thì chả là cái gì, phải

không? Trông chờ gì được ở chúng? Nhưng xin thưa với sếp, phí phạm những thức ăn thế này là có tội đấy! Nào, ta đi mừng lễ Phục Sinh thôi, sếp!

- Hôm nay, tôi không thấy hứng. Bác đi đi – bác có thể nhảy cả phần của tôi.

Zorba nắm cánh tay tôi, kéo lên.

- Chúa đã tái sinh, ông bạn! Ôi! Giá tôi còn trẻ như sếp? Tôi sẽ lao bạt tử vào mọi cuộc! Nhào vô công việc, rượu, ái tình – nhào vô tất thảy, không sợ cả Thượng đế lẫn ma quỷ. Tuổi trẻ là thế đó!

- Đấy là con cừu đang nói, Zorba à! Nó trở lại tính man dại bên trong bác, nó biến thành sói rồi!

- Con cừu đã biến thành Zorba, có thể thôi, và Zorba đang nói chuyện với sếp đấy! Hãy nghe đã, rồi sau sếp có rửa tôi cũng được! Tôi là một gã Sinbad nhà Hàng Hải... Tôi không muốn nói là tôi đã bôn ba khắp thế giới, hoàn toàn không phải thế! Nhưng tôi đã cướp của giết người, đã nói dối lừa lọc, đã ngủ với hàng tá đàn bà và làm trái mọi điều răn của Chúa. Có bao nhiêu điều răn nhỉ? Mười à? Tại sao không có hai mươi, năm mươi, một trăm điều để tôi có thể vi phạm suốt lượt? Phải, nếu có một Đức Chúa Trời, tôi sẽ không sợ phải trình diện Ngài khi đến lượt mình. Tôi không biết nên nói thế nào để sếp hiểu. Tôi cho rằng mọi điều đó đều không quan trọng, sếp thấy không? Chẳng lẽ Thượng đế lại bận tâm phán xử loài sâu đất và tính đến mọi việc chúng làm? Và nổi giận, lôi đình thịnh nộ và phiền muộn đến đại khờ vì nổi con sâu đất đực này làm lạc với con sâu đất cái bên hàng xóm, hoặc ăn một miếng thịt vào ngày thứ Sáu thiêng liêng? Hừ! Xin đủ các ông, tất cả các vị cha cố chuyên nốc xúp ừng ực! Hừ!

- Được thôi, Zorba, tôi nói để chọc tức lão, có thể Thượng đế không hỏi bác ăn những gì, nhưng chắc chắn Ngài sẽ hỏi bác đã làm những gì.

- Còn tôi thì cam đoan là cả điều đó Ngài cũng không hỏi đâu! Sếp sẽ hỏi: “Làm sao bác biết vậy, hử Zorba, đồ dốt đặc cán mai?”. Tôi biết chứ! Biết chắc là đặng khác! Nếu tôi có hai đứa con trai, một đứa điềm đạm, cẩn thận, ôn hòa và hiếu thảo, còn đứa kia xỏ lá ba que, tham lam, bất tuân pháp luật và chuyên ve gái, hẳn tôi sẽ yêu thằng con thứ hai hơn. Có lẽ vì nó giống tôi hơn chẳng? Nhưng ai có thể nói tôi không giống Thượng đế bằng cha Stephanos ngày đêm chỉ quỳ lạy và ki cốp từng đồng? Thượng đế hưởng lạc, giết chóc, làm điều bất công, yêu đương nhăng nhít, thích những điều quá quắt, chẳng khác gì tôi. Ngài thích lúc nào ăn lúc ấy, ửng ả nào là bắt liễn. Trông thấy một người đàn bà kiều diễm đi qua, trong mắt như nước suối, tim ta thót lên. Đột nhiên đất nứt ra và nàng biến mất. Nàng đi đâu? Ai bắt nàng?

Nếu là một phụ nữ đoan chính, người ta bảo: “Ma quỷ bắt nàng đi!” Nhưng, sếp ạ, trước tôi đã nói và bây giờ tôi lại nói lại: Thượng đế và ma quỷ chỉ là một!

Zorba nhặt chiếc can lên, kéo lệch cái mũ sang bên, ngược ngạo, nhìn tôi thương hại và môi mấp máy như định bổ sung thêm gì vào những điều vừa nói. Nhưng lão không nói gì và cất cao đầu đi về phía làng.

Trong ánh hoàng hôn, tôi thấy cái bóng hộ pháp của lão vung vẩy chiếc can. Cả bãi biển sinh động lên khi Zorba đi qua. Tôi lắng nghe một lúc thấy tiếng chân lão mỗi lúc một nhỏ dần. Tôi bỗng cảm thấy mình hoàn toàn cô đơn và lập tức chồm dậy. Tại sao? Đi đâu bây giờ? Tôi cũng chẳng biết. Tôi chưa có quyết định gì.

Đi lên! Thẳng tiến! Lý trí tôi ra lệnh.

Tôi quả quyết bước nhanh về phía làng, chốc chốc dừng lại để hưởng chút thơi thở đắm thắm mùa xuân. Đất thơm lừng mùi hoa cúc và khi đến gần những khu vườn, tôi ngập chìm hoài trong những làn sóng hương thơm

dồn dập của hoa chanh, hoa cam, hoa nguyệt quế. Ở mé tây, sao hôm bắt đầu nhấp nháy vui vẻ trên bầu trời.

“Biển, đàn bà, rượu và làm việc cật lực!” Tôi vừa bước vừa bắt giác lẩm nhẩm những lời của Zorba. “Biển, đàn bà, rượu và làm việc cật lực! Nhào vô công việc, rượu và ái tình, và không bao giờ sợ Thượng đế cũng như ma quỷ, tuổi trẻ là thế đó!” Tôi cứ tự nhủ vậy, nhắc đi nhắc lại không ngừng như để tăng thêm can đảm và tôi tiếp tục dẫn bước.

Bỗng nhiên, tôi đứng sững lại. Như thế đã đến đích.

Đây là đâu nhỉ? Tôi nhìn quanh: trước mặt là khu vườn nhà nàng góa. Đằng sau hàng rào sậy và lê gai, tôi nghe thấy một giọng nữ êm ái đang âm a hát. Tôi lại gần và rẽ đám sậy ngó vào. Dưới bóng cây cam, một người đàn bà vận đồ đen, ngực ngồn ngộn, vừa ngắt những cành hoa vừa hát. Trong ánh hoàng hôn, tôi thấy hai bầu vú trắng ngần lộ ra đến nửa.

Hình ảnh đó làm tôi ghen thờ. Nàng là một con dã thú, tôi nghĩ thầm, và nàng biết thế. Đối với nàng, đàn ông là những sinh vật yếu đuối phù phiếm, ngớ ngẩn, đáng thương biết bao? Giống như một số côn trùng cái béo tốt và phàm ăn – bọ ngựa, châu chấu, nhện – nàng cũng ăn sống nuốt tươi những con đực khi trời rạng sáng.

Phải chăng sương phụ biết tôi đang nhìn mình?

Nàng chợt ngừng hát và quay lại. Bốn mắt giao nhau. Tôi cảm thấy đầu gối bủn rủn như trông thấy một con hổ cái đằng sau hàng giậu.

- Ai đấy? Nàng hỏi, giọng ghen lại. Nàng kéo chiếc khăn quàng xuống che ngực. Mặt nàng sa sầm.

Tôi đã toan bỏ đi nhưng lời của Zorba bỗng dâng đầy trái tim tôi. Tôi thu hết nghị lực. “Biển, đàn bà, rượu...”

- Tôi, tôi đáp, tôi đây. Cho tôi vào với.

Vừa thốt ra những tiếng đó, một nỗi kinh hoàng bỗng bóp chặt tim tôi và tôi lại định bỏ chạy. Nhưng tôi tự kiềm chế, mặc dù rất xấu hổ.

- Tôi là ai?

Nàng chậm rãi bước lên một bước thận trọng, cúi mình về phía tôi. Nàng nheo mắt để nhìn cho rõ, tiến thêm bước nữa, đầu nhô về phía trước, cảnh giác. Bỗng nhiên, mặt nàng sáng lên. Nàng thè đầu lưỡi ra liếm môi.

- Ông chủ! Nàng nói, giọng dịu dàng hơn.

Nàng lại tiến lên, cúi mình như lấy đà để chồm tới vồ mồi.

- Có phải ông chủ không? Nàng hỏi, giọng khàn đi.

- Phải.

- Ông vào đi.

*

Rạng sáng. Zorba đã về và đang ngồi trên bãi cát trước lều hút thuốc, mắt nhìn ra biển. Có vẻ lão đang đợi tôi.

Vừa thấy tôi xuất hiện, lão liền ngẩng đầu lên nhìn tôi trân trân. Hai cánh mũi lão phập phồng như mũi chó săn. Lão vươn cổ, hít một hơi dài... lão đánh hơi tôi.

Thoắt cái, mặt lão sáng lên như mừng rỡ; lão đã ngửi thấy hơi nàng góa.

Lão chậm rãi đứng dậy, mỉm cười hết mình và dang rộng hai cánh tay đón tôi.

- Tôi xin ban phước cho sếp! Lão nói.

Tôi lên giường, nhắm mắt lại. Tôi nghe tiếng biển thở trầm tĩnh, nhịp nhàng và tôi cảm thấy mình rập rờn trên sóng nhẹ như một con hải âu. Cứ chao chao êm ái như vậy, tôi chìm vào giấc ngủ, vào cõi mộng: tôi trông thấy một người đàn bà da đen lom khom trên mặt đất và có cảm tưởng như nàng là một ngôi đền cổ đồ sộ bằng granite. Tôi cứ đi quanh nàng hoài, loay hoay tìm lối vào.

Tôi hầu như chỉ to bằng ngón chân út của nàng. Đột nhiên, khi đi vòng gót chân nàng, tôi nhìn thấy một lối vào tối om như cửa hang. Một giọng vang vang ra lệnh - Vào đi!

Và tôi bước vào.

Tôi thức giấc vào quãng giữa trưa. Năng rọi vào qua cửa sổ, chần mền tắm trong ánh sáng; những tia nắng xói vào chiếc gương treo trên vách mạnh mẽ đến nỗi tưởng như sắp đập nó tan tành thành muôn nghìn mảnh.

Giấc mơ về nàng da đen khổng lồ trở lại trong trí tôi. Tôi nghe thấy tiếng biển rì rầm, tôi lại nhắm nghiền mắt và tôi thấy sung sướng vô ngần. Thân thể tôi nhẹ lâng, thỏa mãn như con thú sau khi bắt được và ăn xong mồi, đang nằm dài phơi nắng, khoan khoái liếm mép.

Tâm trí tôi – cũng là một thân thể theo cách của nó – đang nghỉ ngơi, mãn nguyện. Dường như nó đã tìm được một giải đáp giản dị tuyệt vời cho những vấn đề sống còn, phức tạp đang giày vò nó.

Tất cả niềm vui của đêm hôm trước ào trở lại từ thẳm cùng tâm thức tôi, lan tỏa thành những dòng nước mát, tưới tràn trề chất đất tạo nên tôi. Trong khi tôi nằm, mắt nhắm nghiền, tôi như nghe thấy con người mình phá bung vỏ bọc và mỗi lúc một lớn. Đêm hôm ấy, lần đầu tiên, tôi cảm thấy linh hồn cũng là xác thịt, có lẽ linh hoạt hơn, trong suốt hơn, có lẽ tự do phóng khoáng hơn, nhưng vẫn là xác thịt. Và xác thịt là linh hồn có lẽ hơi khoa trương, phần nào kiệt lực vì những hành trình dài và trĩu xuống do gánh

nặng thừa kế. Tôi cảm thấy một cái bóng trên người mình và mở mắt ra. Zorba đang đứng ở cửa, sung sướng nhìn tôi.

- Đừng dậy, đừng dậy, ông bạn... lão dịu dàng nói, ân cần như một người mẹ. Hôm nay cũng là ngày lễ. Ngủ tiếp đi.

- Tôi ngủ thế đủ rồi, tôi vừa nói vừa ngồi dậy.

- Tôi sẽ đánh cho sếp một quả trứng, Zorba mỉm cười nói. Để bồi dưỡng mà!

Tôi không trả lời mà chạy luôn ra biển, nhảy tùm xuống rồi nằm phơi mình dưới nắng. Nhưng tôi vẫn còn cảm thấy một mùi thơm dịu, dai dẳng trong mũi, trên môi và trên đầu ngón tay. Mùi nước hoa cam và dầu thơm nguyệt quế mà phụ nữ đảo Crete thường xúc tóc.

Đêm qua, nàng đã hái cả một ôm hoa cam định tối nay đem dâng Chúa Cứu Thế, khi dân làng nhảy múa dưới những cây bạch dương ở công viên và lúc nhà thờ vắng bóng người. Cái giá để thánh tượng bên trên giường nàng chất đầy hoa chanh và qua những cánh hoa, thấp thoáng gương mặt sần nảo của Đức Mẹ Đồng Trinh với cặp mắt to hình hạnh đào.

Zorba mang tách trứng xuống bãi biển cho tôi cùng với quả cam và một chiếc bánh Phục Sinh. Lão lặng lẽ và vui sướng phục vụ tôi, như một người mẹ hầu con trai từ chiến trận trở về. Lão âu yếm nhìn tôi rồi đi khỏi.

- Tôi đi chôn mấy cây cột, lão nói.

Tôi bình thản ăn dưới ánh mặt trời và cảm thấy một niềm hạnh phúc vật thể sâu xa như thể tôi đang bồng bênh trên lớp sóng biển xanh mát. Tôi không cho phép tâm trí chiếm đoạt niềm vui xác thịt này, ấn nó vào khuôn và biến nó thành tư tưởng. Tôi để cho toàn thân tận hưởng niềm hoan lạc từ đầu đến chân, như một con thú. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, trong trạng thái

xuất thân, tôi vẫn nhìn quanh tôi, nhìn sâu vào trong tôi, nhìn cái phép thần kỳ của cuộc sống này: điều gì đang xảy ra vậy?

Tôi tự hỏi. Làm sao mà thế giới lại thích ứng với tay, chân và bụng chúng ta một cách hoàn hảo đến thế? Và một lần nữa, tôi lại nhắm mắt và im lặng.

Đột nhiên, tôi đứng dậy vào trong lều, lấy tập bản thảo Đức Phật và mở ra. Tôi đã hoàn thành tác phẩm.

Cuối cùng, Đức Phật nằm dưới gốc cây đang ra hoa. Ngài đã giơ tay ra lệnh cho năm yếu tố tạo thành mình – địa, thủy, hỏa, phong, không – tan biến.

Tôi không còn cần hình ảnh đó của nỗi đau khổ hành hạ tôi nữa, tôi đã vượt lên nó. Tôi đã hoàn tất công việc với Đức Phật – tôi cũng giơ tay ra lệnh cho Đức Phật trong tôi giải tán.

Vội vội vàng vàng, với sự hỗ trợ của ngôn từ và khả năng trừ tà lớn lao của nó, tôi đã hủy hoại thân thể, tâm tư và tinh thần ngài. Tôi tàn nhẫn viết nguệch ngoạc những chữ cuối cùng trên giấy, thốt lên tiếng kêu tối hậu và ghi tên tôi bằng bút chì đỏ. Thế là xong.

Tôi lấy một sợi dây buộc kỹ tập bản thảo. Tôi cảm thấy một nỗi thích thú kỳ lạ như thể tôi đang trói chân trói tay một kẻ thù đáng sợ, hoặc có lẽ như cảm giác của những người mông muội khi buộc chặt xác những người thân yêu để ngăn họ khỏi chui lên khỏi mộ và biến thành ma.

Thình lình, một con bé chân đất chạy tới tôi. Nó mặc một cái áo dài màu vàng, tay nắm chặt một quả trứng đỏ. Nó dừng lại nhìn tôi, kinh hãi.

- Thế nào, tôi hỏi và mỉm cười động viên nó, cháu muốn gì?

Nó khịt khịt rồi đáp bằng một giọng nhỏ nhẹ, hớn hển.

- Cái bà í bảo cháu đi mời ông đến. Bà í nằm bẹp trên giường. Có phải người ta kêu ông là Zorba không?

- Được ta sẽ đến.

Tôi giúi một quả trứng đỏ nữa vào bàn tay nhỏ xíu bên kia của nó và nó chạy biến.

Tôi đứng dậy và lên đường. Tiếng ồn ào trong làng tăng thêm: những âm thanh ngọt ngào của đàn lia, tiếng hò la, tiếng súng, những ca khúc vui nhộn. Khi tôi đến công viên, thanh niên nam nữ đã tụ tập dưới vòm lá xanh tươi của những cây bạch dương và sắp sửa nhảy múa.

Ngồi trên những chiếc ghế dài quanh đó, các ông già, tựa cằm trên gậy chống, ngắm mình. Các bà già đứng đằng sau. Fanurio, tay chơi đàn lia cừ khôi, một đóa hồng thắm Tư giặt mang tai, đang oai vệ ngự giữa đám những người khiêu vũ. Tay trái gã cầm cây đàn lia dựng thẳng đứng trên đầu gối, tay phải đang thử chiếc vĩ có gắn chùm lục lạc loảng xoảng.

- Chúa Cứu Thế đã tái sinh! Tôi hô lớn khi đi qua.

- Đúng thế, Chúa đã tái sinh! Tất cả râm ran, vui vẻ đáp lại. Tôi ngoái lại liếc nhanh. Những thanh niên lực lưỡng, bụng thon, mặc quần phồng, đầu chít khăn có diềm tua rủ xuống trán và thái dương như những lợn tóc quăn. Và những thiếu nữ, cổ đeo những đồng tiền vàng, đầu trùm khăn thêu trắng, mắt sụp xuống, run rẩy chờ đợi.

- Ông không thềm ở lại với chúng em sao? Một vài giọng cất lên hỏi.

Nhưng tôi đã đi qua.

*

Madam Hortense đang nằm trong chiếc giường lớn của mẹ, thứ đồ đạc duy nhất mà bao giờ mẹ cũng xoay sở giữ lại bằng được. Hai má mẹ sốt hầm hập và mẹ ho khù khụ.

Vừa trông thấy tôi, mẹ liền thở dài nãu ruột.

- Thế còn Zorba? Zorba đâu?

- Bác ấy không được khỏe. Từ hôm bà lâm bệnh, bác ấy cũng ốm luôn. Bác ấy cứ giữ riết tấm ảnh bà trong tay, vừa ngắm vừa thở dài.

- Kể nữa đi, kể thêm cho tôi nghe... ngư nữ già tội nghiệp thì thào, sung sướng nhắm mắt lại.

- Bác ấy cử tôi đến hỏi xem bà có cần gì không? Tối nay, bác ấy sẽ thân hành đến, bác ấy bảo vậy, mặc dầu chính bác ấy cũng chưa đỡ mấy. Bác ấy không chịu nổi cảnh xa cách bà lâu hơn nữa.

- Xin ông nói tiếp, nói tiếp đi.

- Bác ấy đã nhận được một bức điện tín từ Athens. Quần áo cưới đã xong, cả vòng hoa nữa. Mọi thứ đã đưa xuống tàu, chẳng bao lâu sẽ tới đây... cùng với những cây nến trắng và những dải băng hồng.

- Kể tiếp đi, kể tiếp đi...

*

Giấc ngủ đã thẳg, hơi thở mẹ thay đổi; mẹ bắt đầu nói mê. Căn phòng sực mùi nước thơm Cologne, hạnh đào và mồ hôi. Qua cửa sổ mở, phả vào hăng hắc mùi cứt gà, cứt thỏ ngoài sân.

Tôi đứng dậy và chuẩn ra khỏi phòng. Đến cửa, tôi đụng phải Mimiko. Gã mặc quần cộc mới, đi ủng và giắt một nhánh húng quế ở mang tai.

- Mimiko, tôi bảo gã, chú chịu khó chạy đến làng Kalo mời bác sĩ đến!

Tôi chưa nói xong Mimiko đã tháo ủng – gã không muốn làm hỏng đôi ủng trên đường đi, nên kẹp nó vào nách.

- Hãy tìm ông bác sĩ, chuyển lời chào của tôi và bảo ông nhảy lên con ngựa già của ông phóng đến đây ngay, thế nào cũng đến nhé. Nói là bà Hortense ốm nặng. Tội nghiệp, bà ấy bị cảm lạnh, bà ấy sốt và đang hấp hối. Nói với ông ta thế, đừng có quên. Thôi, đi đi!

- Xin đi ngay tập lự!

Gã nhõ vào hai bàn tay, hồ hởi vỗ vào nhau, nhưng vẫn đứng yên. Gã nhìn tôi, mắt lấp lánh vui tươi.

- Đi đi chứ, tôi đã bảo mà?

Gã vẫn không nhúc nhích. Gã nháy mắt với tôi và mỉm cười ranh mãnh.

- Thưa ông, gã nói, tôi đã mang đến chỗ ông một chai nước cam làm quà.

Gã dừng lại một giây, chờ tôi hỏi xem ai nhờ gã mang tới, song tôi lờ đi.

- Ông không muốn biết ai gửi cho ông à? Gã cười khục khục. Chị ta bảo là để ông xúc tóc cho thơm.

- Đi đi! Nhanh lên! Và ngậm miệng lại!

Gã cười to, một lần nữa lại nhõ vào tay.

- Xin đi ngay tập lự! Gã lại kêu. Chúa đã tái sinh. Và gã biến mất.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 22

Dưới những cây bạch dương, cuộc khiêu vũ mừng lễ Phục Sinh đang đến cao trào.

D

Điều khiến cuộc khiêu vũ là một thanh niên trạc hai mươi tuổi, ngăm đen, cao lớn, đẹp trai, đôi má phũ một lớp lông tơ dày chưa bao giờ biết tới lưỡi dao cạo. Cổ áo sơ mi của gã phanh ra để lộ một nạm lông đen loãn xoắn trên ngực. Đầu gã hất ra sau, hai chân giậm đất như đôi cánh; thỉnh thoảng, gã liếc nhìn một cô gái nào đó và trên khuôn mặt rám nắng, hai lòng trắng con người lập lòe liên tục, bồi hồi.

Tôi vừa vui thích vừa sợ hãi. Tôi vừa từ nhà mađam Hortense trở lại; tôi đã gọi một phụ nữ đến trông nom mụ. Yên tâm, tôi đến xem trai gái đảo Crete nhảy múa.

Tôi đến chỗ già Anagnosti và ngồi xuống chiếc ghế dài cạnh ông.

- Chàng trai dẫn đầu cuộc khiêu vũ là ai vậy? Tôi hỏi.

Bác Anagnosti cười.

- Thằng ranh, nó giống như thượng đẳng thiên sứ chở linh hồn ta đi vậy, ông nói với vẻ thán phục. Đó là gã chần cừ Sifakas. Nó trông nom đàn súc

vật trên núi quanh năm, đến lễ Phục Sinh mới xuống gặp bà con và khiêu vũ.

Ông thở dài.

- Ôi giá lão còn trai tráng như nó! Ông lắm bầm. Giá lão còn trẻ như nó, thì có Chúa, lão sẽ tấn công chiếm Constantinople!

Gã thanh niên lúc lắc đầu và rống lên một tiếng không chút giống tiếng người, như một con cừu động nứng.

- Đàn đi, đàn đi, Fanurio! Gã la lên. Đàn cho đến khi Thần Chết cũng chết luôn!

Từng giây từng phút, Thần Chết chết rồi lại tái sinh, hết như đời sống. Từ bao ngàn năm, gái trai đã nhảy múa đón xuân về dưới vòm lá non của cây cối – bạch dương, vả sồi, ngô đồng và cọ mảnh mai – và họ sẽ còn tiếp tục nhảy múa hàng ngàn năm nữa, khuôn mặt cháy ngời đục vọng. Những khuôn mặt thay đổi, nát vụn, trở về cát bụi, nhưng những khuôn mặt khác lại trỗi lên thay thế. Trước sau chỉ có độc một người nhảy mà thôi nhưng anh ta có cả ngàn mặt nạ. Bao giờ anh ta cũng ở tuổi 20. Anh ta bất tử.

Gã thanh niên đưa tay lên vuốt ria mặc dầu chẳng có - Đàn đi! Gã lại la. Đàn đi, Fanurio, kéo tôi nổ tung lên đây này! Người chơi đàn lia vung tay, cây đàn hưởng ứng, chùm lục lạc lạnh tanh nhịp nhàng và gã thanh niên nhảy vọt lên cao bằng đầu người đập chân vào nhau ba lần trên không dùng ủng giựt chiếc khăn trắng chít quanh đầu người bên cạnh, trương tuần Manolakas.

- Hoan hô Sifakas! Mọi người kêu lên, các cô gái run rẩy cặp mắt xuống.

Nhưng gã thanh niên không nói gì, cũng chẳng nhìn ai. Man dại mà vẫn tự khép mình vào kỷ luật, gã tì mu bàn tay trái lên cặp đùi thon khỏe trong

khi nhảy, mắt rụt rè nhìn xuống đất. Cuộc nhảy chấm dứt đột ngột khi Androulio, ông già cai quản nhà thờ, hốt hơ hốt hải chạy vào công viên, tay giơ lên trời.

- Mụ góa! Mụ góa! Lão hỗn hên kêu.

Trương tuần Manolakas là người đầu tiên chạy đến, lão phá vỡ cuộc khiêu vũ. Từ công viên có thể trông thấy nhà thờ vẫn còn trang hoàng bằng những cành mua và nguyệt quế. Những người đang nhảy dừng lại, máu bốc lên đầu và các ông già đứng dậy khỏi ghế. Fanurio đặt cây đàn vào lòng, rút bông hoa hồng tháng Tư khỏi mang tai ghé vào mũi người.

- Đâu thầy già Androulio? Họ kêu lên, sôi sục phẫn nộ. Mụ đâu?

- Trong nhà thờ, mụ khốn kiếp vừa mới vào đó, mụ mang một ôm hoa chanh!

- Đi nào! Bắt lấy nó! Gã trương tuần vừa thét vừa xông lên. Giữa lúc đó, quả phụ xuất hiện trên bậc cửa nhà thờ, đầu chít một chiếc khăn màu đen. Nàng làm dấu thánh.

- Đồ khốn! Con đi! Sát nhân! Những giọng la hét. Thế mà nó còn dám chường mặt ra đây! Nó đã làm nhục cả làng.

Một số theo gã trương tuần chạy tới nhà thờ, một số khác từ trên cao ném đá vào nàng. Một hòn đá trúng vào vai nàng, nàng thét lên, lấy tay che mặt và chạy bỏ về phía trước. Nhưng tốp thanh niên đã tới cửa nhà thờ và Manolakas đã rút dao ra.

Quả phụ lùi lại, miệng thốt lên những tiếng kêu khiếp sợ, gập người lại để che mặt và lật đật chạy trốn vào trong nhà thờ. Nhưng lão già Mavrandoni đã trấn trên bậc cửa, hai tay dang ra chặn đường.

Quả phụ chồm sang trái và bám lấy cây trắc bá lớn ở trong sân. Một hòn đá veo veo trúng đầu nàng, làm văng chiếc khăn choàng. Tóc nàng xổ ra, xõa xượi trên vai.

- Nhân danh Chúa! Nhân danh Chúa! Quả phụ thét lên, níu chặt lấy cây trắc bá.

Đứng thành một hàng ngay ở công viên, các cô gái làng nhăm nhăm đầu khăn choàng trắng, háo hức theo dõi màn kịch. Các bà già dựa vào tường, tru tréo: “Giết nó đi! Giết nó đi!”.

Hai gã thanh niên xông tới, túm lấy nàng. Chiếc áo ngoài màu đen của nàng bị xé toạc và cặp vú lấp lánh trắng như cẩm thạch. Máu từ trên đỉnh đầu nàng chảy xuống trán, hai má và cổ.

- Lạy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi! Nàng thờ hồng hộc.

Máu chảy ròng rọc và cặp vú lóa sáng càng kích thích bọn trai trẻ. Những con dao được rút ra khỏi thắt lưng.

- Dừng lại! Mavrandoni quát. Để nó cho tao!

Vẫn đứng trên bậc cửa nhà thờ, lão giơ tay lên. Tất cả dừng lại.

- Manokalas, lão nói giọng trầm trầm. Máu của em họ người đang kêu gào người đó! Hãy giải oan cho hồn nó.

Tôi nhảy xuống khỏi bờ tường tôi đã trèo lên và chạy về phía nhà thờ; tôi vấp phải một hòn đá và ngã sòng soài.

Đúng lúc ấy, Sifakas đi qua. Gã cúi xuống túm lấy gáy tôi như xách một con mèo và xốc tôi đứng lên.

- Đây không phải chỗ cho những người như ông! Gã nói.

- Chú không thương chị ta sao? Tôi hỏi. Hãy rủ lòng thương chị ta!

Gã miềm núi man rợ cười vào mặt tôi.

- Ông coi tôi là đàn bà sao? Yêu cầu tôi rủ lòng thương. Tôi là một kẻ nam nhi!

Và thoát cái, gã đã ở trong sân nhà thờ.

Tôi theo sát gã nhưng thở không ra hơi. Lúc này tất cả đã vây quanh nàng góa. Im lặng nặng nề. Chỉ nghe thấy hơi thở tắc nghẹn của nạn nhân.

Manolakas làm dấu, tiến một bước, giơ dao lên; các mục già đứng trên bờ tường, mừng rỡ kêu ăng ăng. Các thiếu nữ kéo khăn trùm đầu xuống che mặt.

Quả phụ ngược mắt, nhìn thấy lưỡi dao trên đầu mình và rống lên như con bê cái. Nàng gục xuống gốc cây trắc bá, đầu rụt lại giữa hai vai, tóc xõa trên mặt đất, cái cổ trắng phập phồng ánh lên trong ánh sáng nhấp nhোang.

- Con cầu xin lễ công bằng của Chúa! Lão già Mavrandoni kêu lên và làm dấu thánh giá.

Nhưng đúng lúc ấy, một giọng sang sảng cất lên đằng sau chúng tôi.

- Hạ dao xuống, quân sát nhân!

Tất cả sững sốt quay lại. Manolakas ngẩng đầu lên.

Zorba đã đứng trước mặt hắn, giận dữ khoa tay. Lão quát lớn:

- Các người không biết xấu hổ ư? Đạp mặt đàn ông nhi? Cả làng xúm lại để giết một người đàn bà đơn độc! Coi chừng kéo các người bôi nhọ thanh danh cả đảo Crete đấy.

- Không việc gì đến người, Zorba! Đừng thò mũi vào việc của chúng ta! Mavrandoni gầm lên.

Rồi quay sang gã cháu trai:

- Manolakas! Lão nói. Nhân danh Chúa Jesus và Đức Mẹ Đồng Trinh, xuống dao đi!

Manolakas chồm tới. Hắn túm lấy quả phụ, quật nàng xuống đất, tì đầu gối lên bụng nàng và giơ dao lên.

Nhưng nhanh như chớp, Zorba nắm lấy cánh tay hắn và bằng chiếc mùi soa lớn quấn quanh bàn tay, ráng sức giăng con dao ra.

Quả phụ nhồm dậy quỳ gối, nhìn quanh tìm đường tháo chân, nhưng dân làng đã chặn mọi lối. Họ vây quanh sân nhà thờ và đứng trên các ghế băng, trông thấy nàng định tìm lối thoát, họ bước lên khép chặt vòng vây.

Trong khi đó, Zorba, nhanh thoăn thoắt, kiên quyết và bình tĩnh, đang lạng lẽ chiến đấu. Từ chỗ đứng gần cửa nhà thờ, tôi lo lắng theo dõi. Manolakas đỏ mặt tía tai, tức điên lên. Sifakas và một gã hộ pháp nữa xông lại, định giúp sức hắn. Nhưng Manolakas phần nộ trắng mắt.

- Xê ra! Xê tất. Không được ai lại gần! Hắn quát.

Hắn lại hung hãn tấn công Zorba, lấy đầu húc như một con bò tót.

Zorba cắn môi, không nói một tiếng. Lão chụp cánh tay phải gã trường tuần, chắc như một cái kìm, né trái né phải tránh những cú húc đầu của hắn. Điên cuồng, Manolakas lao tới, ngoạm lấy tai Zorba, ra sức cắn xé.

Máu tóe ra.

- Zorba! Tôi khiếp hãi kêu lên và xông lên định cứu lão.

- Tránh ra, sếp! Lão hét. Đừng dây vào!

Lão nắm chặt tay, thoi một quả khủng khiếp vào bụng dưới Manolakas. Con dã thú lập tức buông ra. Răng hăn nhả cái tai gần rách toạc. Bộ mặt đỏ tía của hăn trắng bệch ra dễ sợ. Zorba giúi hăn xuống đất, giằng lấy con dao ném qua tường nhà thờ.

Lão lấy mùi soa hãm máu chảy xối xả từ tai, rồi lau bộ mặt rờn rờn mồ hôi, và mặt lão trở nên bê bết những máu là máu. Lão rướn thẳng người lên, đưa mắt nhìn quanh. Mắt lão sừng húp và đỏ ngầu. Lão quát nàng góa.

- Đứng dậy! Đi theo tôi!

Và lão bước về phía cửa sân nhà thờ.

Quả phụ đứng dậy, thu hết sức lực để nhào tới trước. Nhưng không kịp. Như một con diều hâu, lão già Mavrandoni bổ tới, quật nàng ngã ngửa, quấn mớ tóc đen dài của nàng ba vòng quanh cánh tay lão và bằng một nhát dao, cắt phăng đầu nàng.

- Tôi chịu trách nhiệm về tội lỗi này! Lão hét lớn và quẳng đầu nạn nhân lên bậc cửa nhà thờ. Đoạn lão làm dấu thánh giá.

Zorba quay lại trông thấy cảnh tượng khủng khiếp ấy. Lão kinh hoàng tím lầy ria mình, rứt ra một năm. Tôi tới bên, nắm lấy cánh tay lão. Lão cúi người về phía trước, nhìn tôi. Hai giọt nước mắt to tướng rưng rưng trên mi lão.

- Ta đi thôi, sếp, lão nói, giọng tắc nghẹn.

Tối hôm ấy, Zorba không chịu ăn uống gì cả. “Họng tôi tắc không cái gì lọt xuống được đâu”, lão nói. Lão rửa tai bằng nước lạnh, lấy một miếng bông nhúng vào lượn raki và băng lại. Lão ngồi trầm ngâm trên nệm, hai tay ôm đầu. Tôi cũng chống khuỷu tay nằm bệt dưới đất dọc bên vách và

tôi cảm thấy những giọt nước mắt nóng hổi từ từ lăn trên gò má. Đầu óc tôi không làm việc, tôi không nghĩ ngợi gì hết. Tôi khóc như một đứa bé dưới sức nặng quá lớn của sào tui.

Đột nhiên, Zorba ngẩng đầu lên và trút hết nỗi niềm. Theo đuổi những ý nghĩ man dại, lão bắt đầu la lớn:

- Tôi xin nói với sếp, mọi sự xảy ra trên thế gian này đều bất công, bất công, bất công! Tôi sẽ không tham gia vào cái gì hết! Tôi, Zorba này, một con bọ, một con sâu! Tại sao lớp trẻ lại phải chết và bọn già tàn phế thì vẫn cứ tiếp tục sống? Tại sao trẻ thơ phải chết? Trước kia, tôi có một đứa con trai – nó tên là Dimitri – và tôi đã mất nó khi nó mới lên ba. Hừ... Tôi không bao giờ, không bao giờ tha thứ cho Thượng đế điều đó, sếp nghe rõ chứ? Tôi xin nói với sếp khi nào tôi chết, nếu Ngài cả gan xuất đầu lộ diện trước mặt tôi, và nếu quả thực Ngài là một Thượng đế chân chính, Ngài sẽ phải xấu hổ! Phải, phải, Ngài sẽ phải xấu hổ khi triềng mặt ra trước Zorba – con- ốc-sên này!

Lão nhăn mặt như bị đau. Máu lại bắt đầu chảy ra từ vết thương. Lão cắn môi để khỏi bật kêu lên.

- Đợi chút, Zorba! Tôi nói. Tôi sẽ thay băng cho bác!

Tôi dùng rượu raki rửa tai cho lão lần nữa, rồi tôi lấy chai nước hoa cam nàng góa gửi tặng tôi mà tôi thấy ở trên giường mình, và nhúng bông vào đó.

- Nước hoa cam à? Zorba nói, hít lấy hít để. Nước hoa cam à? Xức lên tóc tôi một tí, thế thế. Tốt lắm! Xoa vào tay cho tôi luôn thế, đổ cả ra, nữa đi!

Lão đã sáng khoái trở lại. Tôi nhìn lão, kinh ngạc.

- Tôi có cảm tưởng như đang vào vườn nhà nàng góa, lão nói. Và lão bắt đầu than vãn.

- Phải mất bao nhiêu năm, lão lẩm bẫm, bao năm trường trái đất mới tạo nặn thành công một thân hình như thế! Người ta nhìn nàng mà lòng tự nhủ lòng: Ôi! Giá ta còn tuổi đôi mươi và toàn bộ giống đàn ông biến khỏi mặt đất còn lại một mình người đàn bà ấy để ta giúp nàng sinh ra những đứa trẻ! Không, không phải những đứa trẻ, mà sẽ là những thần thánh thực sự... Thế mà giờ đây...

Lão đứng bật dậy, mắt đầy lệ.

- Tôi không chịu nổi, sắp ả, lão nói. Tôi phải đi dạo đây. Đêm nay, tôi phải đi lên đi xuống sườn núi vài ba lần cho mệt lử đi, cho khuây khỏa một chút... ôi! Nàng góa ấy! Tôi cảm thấy tôi phải hát một khúc bi ca thay cho sắp!

Lão lao ra ngoài, đi về phía núi và biến vào đêm tối.

Tôi nằm xuống giường, tắt đèn và một lần nữa, theo cái cách khốn nạn, phi nhân của mình, cố gắng chuyển vị thực tại vứt bỏ máu, thịt, xương – và quy giản thành khái niệm trừu tượng, gắn nó với những quy luật phổ biến, kỳ tới khi tôi đi đến cái kết luận khủng khiếp rằng điều xảy ra là tất yếu. Hơn thế nữa, theo kết luận ấy, nó còn góp phần cho thế giới đại đồng. Tôi đi đến cái an ủi tối hậu và gớm ghiếc này: tất cả những gì đã xảy ra ắt phải xảy ra, thế là phải thôi.

Việc sát hại nàng góa đi vào óc tôi – cái bọng ong trong đó từ nhiều năm nay, mọi chất độc đều trở thành mật – và khiến nó xáo loạn. Nhưng cái triết lý của tôi lập tức chộp lấy lời cảnh cáo dễ sợ ấy, bủa vây nó bằng những hình ảnh, xảo thuật và mau chóng biến nó thành vô hại. Cũng bằng cách ấy, các cô ong thợ dùng sáp bọc kín thẳng ong đực đói rạc mò đến định ăn trộm mật.

Mấy giờ sau, nàng góa đã yên nghỉ trong ký ức tôi, bình tĩnh và thanh thản, chuyển thành một biểu tượng.

Nàng đã được bọc sáp trong tim tôi, nàng không còn khả năng làm lan rộng nỗi kinh hoàng trong tôi và làm tê liệt đầu óc tôi nữa. Những sự kiện khủng khiếp của riêng một ngày hôm ấy mở rộng triển khai trong thời gian và không gian, hòa làm một với những nền văn minh lớn đã qua; những nền văn minh hòa làm một với vận mệnh trái đất; trái đất hòa với vận mệnh vũ trụ – và cứ như thế, quay trở lại sương phụ, tôi thấy nàng phụ thuộc những quy luật lớn của tồn tại, hòa hợp với những kẻ giết nàng, im lìm và trầm lặng.

Với tôi thời gian đã tìm thấy ý nghĩa đích thực của nó: sương phụ đã chết từ mấy nghìn năm trước, vào thời kỳ của văn minh Eges ([63]) và những thiếu nữ Cnossos ([64]) tóc quăn mới chết ngay sáng nay thôi, trên bờ biển êm đềm này.

Giấc ngủ chụp lấy tôi, như một ngày kia, thần chết cũng sẽ làm thế – thật không có gì chắc chắn hơn – và tôi nhẹ nhàng trôi tuột vào bóng tối. Tôi không nghe thấy Zorba trở về, thậm chí cũng chẳng biết lão có về hay không nữa. Sáng hôm sau, tôi thấy lão trên sườn núi rửa xả và quát tháo công nhân.

Họ làm thế nào cũng không vừa ý lão. Lão đuổi ba người thợ bưng bình, tự tay cầm cuốc dọn đá và bụi rậm mở con đường lão đã vạch để trồng cột. Lão trèo lên núi, bắt gặp mấy gã tiều phu đốn thông và lão dùng dùng chửi bới âm ỉ. Thấy một gã cười rộ và lăm lăm điều gì, Zorba lao vào đánh.

Tối hôm ấy, lão trở về lều, mệt lử và quần áo rách bươm. Lão ngồi xuống cạnh tôi trên bãi biển. Lão hầu như không mở miệng nói; cuối cùng, khi lão cất lời là để nói về gỗ, dây cáp và than bùn; lão giống như một chủ

thầu tham lam chỉ hối hả phá phách nơi thầu cho nhanh, kiếm thật nhiều lợi rồi chuồn.

Ở giai đoạn tự an ủi tôi đã đạt tới, có lúc tôi đã toan nói về nàng góa; Zorba vươn cánh tay dài nghêu và xòe bàn tay hộ pháp bịt miệng tôi.

- Im đi! Lão nói, giọng nghẹn lại.

Tôi ngừng lại, xấu hổ. Một con người chân chính là như thế đấy, tôi nghĩ thầm, thềm được đau buồn như cách Zorba. Một con người có bầu máu nóng, xương cốt vững vàng, khi đau khổ thì để những giọt nước mắt đích thực giàn giụa trên má, và khi sung sướng không làm bợn niềm vui trong sáng của mình bằng cách lọc nó qua cái rây mắt nhỏ của siêu hình học.

Cứ như thế, ba bốn ngày trôi qua. Zorba làm việc liên miên, không ngừng lại để ăn uống hoặc nghỉ ngơi. Lão đang đặt nền móng. Một buổi tối, tôi nhắc rằng mađam Bouboulina vẫn còn đang liệt giường, thầy thuốc không tới và mụ luôn luôn gọi tên lão trong cơn mê sáng.

Lão nắm chặt tay lại.

- Được lão đáp Tờ mờ sáng hôm sau, lão vào làng và gần như ngay sau đó, trở về lều.

- Bác có gặp bà ta không? Tôi hỏi. Bà ta ra sao rồi?

- Mụ chẳng sao cả, lão đáp, chỉ sắp chết thôi..

Và lão rảo bước đi làm việc.

Tối hôm ấy, lão không ăn, vợ lấy chiếc can gộc và đi ra.

- Bác đi đâu thế? Tôi hỏi. Vào làng à?

- Không, Tôi đi dạo một lúc. Tôi về ngay thôi mà.

Lão sai bước nhanh và quả quyết, hướng về phía làng.

Tôi mệt, vào giường nằm. Tâm trí tôi lại bắt đầu duyệt lại toàn bộ thế giới; hồi ức trỗi dậy cùng với sầu đau, tư tưởng tôi vùn vụt xoay quanh những ý niệm xa vời nhất, nhưng rồi trở lại cố định trên Zorba.

Nếu trong khi đi dạo, lão đụng phải Manolakas – tôi nghĩ – gã khổng lồ đảo Crete ấy hẳn sẽ điên cuồng lao vào lão. Nghe nói mấy ngày gần đây, hẳn ru rú ở trong nhà.

Hắn xấu hổ không dám phô mặt ra với làng xóm và không ngừng đe rằng nếu hắn vớ được Zorba, hẳn sẽ “dùng răng xé lão ra từng mảnh như một con cá trích”.

Một công nhân nói anh ta đã trông thấy hắn mang vũ khí rình mò quanh lều vào lúc nửa đêm. Nếu đêm nay họ gặp nhau, ắt sẽ xảy ra án mạng.

Tôi vùng dậy, mặc quần áo và hối hả men theo con đường vào làng. Không khí êm dịu và ẩm ướt của ban đêm ngào ngạt mùi hoa tím dại. Một lúc sau tôi thấy Zorba bước chậm chạp, vẻ như rất mệt. Chốc chốc lão lại dừng, nhìn sao, lắng nghe, rồi lại tiếp tục đi, hơi nhanh hơn. Tôi nghe thấy tiếng can của lão lộp cộp trên đá.

Lão đang tiến lại gần vườn nhà nàng góa. Không khí tràn đầy mùi hoa chanh và hoa kim ngân. Vừa lúc đó, từ lùm cây cam trong vườn con họa mi bắt đầu tuôn ra khúc hát nào lòng, với những nốt trong ngần như nước suối.

Nó hát hoài hát mãi trong bóng tối. tiếng hát đẹp khiến người nghe phải nín thở. Zorba dừng lại, há hốc miệng, lắng nghe khúc nhạc ngọt ngào.

Chợt đám lau sậy hàng rào lay động, lá sắc cọ nhau như những lưỡi thép.

- Mi đây rồi! Một giọng hung dữ quát lớn. Lão già điên dại lắm bầm. Thế là cuối cùng ta đã tìm được mi!

Tôi lạnh cả máu. Tôi đã nhận ra giọng nói ấy.

Zorba bước tới, giơ can lên và dừng lại. Dưới ánh sao tôi nhìn rõ từng cử động của lão.

Một người to lớn từ hàng rào lau sậy nhẩy ra.

- Ai đấy! Zorba vờn cổ hỏi.

- Ta đây, Manolakas.

- Có đường có nẻo thì cút đi!

- Tại sao mi lại làm nhục ta?

- Ta đâu có làm nhục anh, Manolakas? Ta đã bảo cút đi! Anh là một gã khỏe mạnh, to con, phải, nhưng anh không gặp may... mà sự may rủi thì vốn mù, anh không biết sao?

- May hay rủi, mù hay không, thì ta cũng vẫn cứ phải rửa nhục.

Manolakas nói và tôi nghe hần nghiến răng. Ngay đêm nay. Mi có dao không?

- Không, Zorba đáp. Chỉ có cái gậy.

- Đi lấy dao đi. Ta sẽ đợi ở đây. Đi đi!

Zorba không nhúc nhích.

- Sợ à? Manolakas rít lên, với một nụ cười nhạt báng. Ta đã bảo, đi đi!

- Ta cần gì đến dao? Zorba hỏi, lão bắt đầu sôi tiết, ta cần gì đến dao kia chứ? Điều gì đã xảy ra ở nhà thờ? Ta nhớ hình như lúc ấy anh cầm dao, còn ta thì tay không... thế mà, kết cục ta đã thắng, phải không nào?

Manolakas gầm lên tức tối.

- Mi định khích ta hử? Mi đã chọn nhầm lúc để nhạo báng, đừng quên là ta đang có khí giới, còn mi thì không!

- Đi kiếm dao đi, tên Macedonia bẩn thỉu, rồi xem ai thắng.

Zorba giơ tay lên, ném chiếc can đi; tôi nghe thấy tiếng nó rơi trên đám sậy.

- Ném dao của mi đi! Lão kêu.

Tôi rón rén đi tới chỗ họ, vừa kịp thấy con dao lấp lánh dưới ánh sao khi nó cũng rơi vào đám sậy.

Zorba nhổ vào tay mình.

- Nào! Lão vừa hô vừa nhảy một miếng khai bộ.

Nhưng không để họ kịp túm lấy nhau, tôi đã lao vào can.

- Dừng lại? Tôi kêu. Này, Manolakas! Và bác nữa, Zorba. Thôi đi! Đẹp mặt cho các người nhỉ!

Hai đối thủ chậm rãi tiến lại phía tôi. Tôi nắm tay phải mỗi người.

- Bắt tay nhau đi! Tôi nói. Cả hai bạn đều là người tốt can trường, các bạn phải giảng hòa đi.

- Lão ta đã làm nhục tôi? Manolakas nói, cố rứt tay lại.

- Không ai có thể làm nhục bạn dễ dàng thế, tôi nói. Cả làng biết bạn là người dũng cảm. Hãy quên chuyện xảy ra ở nhà thờ hôm nọ đi. Đó là một giờ chẳng lành! Điều gì đã xảy ra là chuyện cũ, cho qua! Và chớ quên rằng Zorba là khách lạ, là người Macedonia và nếu dân Crete chúng ta giơ cao tay đánh một người khách đến xứ sở chúng ta, tức là tự chuốc lấy một mối nhục lớn nhất đó. Nào, đưa tay cho bác ấy, thế mới thật dũng cảm – và hãy đến lều tôi, Manolakas. Ta hãy cùng nhau uống và nướng một thức xúc xích để gắn kết tình bạn giữa chúng ta.

Tôi ôm ngang lưng Manolakas và kéo riêng hẳn ra.

- Nên nhớ là lão ta già rồi, tôi thì thâm. Một người trẻ cường tráng như bạn không nên đánh một người vào tuổi lão.

Manolakas dịu đi một chút.

- Thôi được, hẳn nói. Xin chiều ý ông.

Hẳn bước về phía Zorba và chìa bàn tay to lớn ra.

- Nào, ông bạn Zorba, hẳn nói. Xí xóa và cho qua mọi chuyện nhé, đưa tay cho tôi.

- Anh bạn đã nhai tai tôi, mong nó mang lại cho bạn nhiều điều tốt lành! Tay tôi đây.

Họ hắt tay nhau mạnh mẽ, mỗi lúc một siết chặt, mắt nhìn mắt. Tôi sợ họ lại sắp đánh nhau nữa.

- Bạn siết mạnh lắm, Manolakas, Zorba nói. Đúng là một người kiên cường và cứng cựa.

- Tay bạn cũng rất khỏe, để xem bạn có thể bóp chặt hơn không.

- Thôi đủ rồi. Tôi kêu lên. Ta đi thôi và hãy gắn kết tình bạn của chúng ta bằng một chén rượu.

Trên đường trở về bãi biển, tôi đi giữa hai người, Zorba bên phải tôi và Manolakas bên trái.

- Năm nay, mưa nhiều mùa màng sẽ rất tốt đây... tôi nói, để chuyển sang chuyện khác.

Cả hai đều không bắt chuyện. Họ vẫn còn ăm ức.

Tôi đặt hy vọng vào hơi men. Chúng tôi tới lều.

- Hoan nghênh bạn tới thăm tệt xá, tôi nói. Zorba, nướng xúc xích và kiểm chút gì uống đi!

Manolakas ngồi xuống một phiến đá trước lều, Zorba vớ một nắm cành khô, nướng xúc xích và rót đầy ba cốc rượu.

- Chúc sức khỏe! Tôi nâng cốc nói. Chúc sức khỏe Manolakas! Chúc sức khỏe Zorba! Chạm cốc nào!

Họ chạm cốc, và Manolakas đổ mấy giọt xuống đất.

- Nếu có bao giờ tôi giơ tay đánh ông Zorba, thì xin Chúa bắt máu tôi phải đổ như thế này, hẳn trịnh trọng nói.

Zorba cũng làm theo, đổ mấy giọt xuống đất.

- Nếu tôi còn để bụng chuyện anh đã nhai tai tôi thì cũng xin Chúa bắt máu tôi phải đổ như thế này.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 23

Trời vừa rạng, Zorba ngồi dậy trên giường và đánh thức tôi.

T

- Sếp còn ngủ à? Lão hỏi.

- Có chuyện gì vậy, Zorba?

- Tôi vừa nằm mơ. Một giấc mơ thật ngộ. Tôi ngỡ chúng ta sắp sửa làm một chuyến du lịch đâu đó. Sếp nghe nhé, sếp sẽ tha hồ mà cười. Có một con tàu to bằng cả một thành phố đậu ở hải cảng này. Nó kéo còi chuẩn bị rời bến. Thế rồi tôi từ trong làng chạy ra để kịp lên tàu và tôi mang một con vẹt trong tay. Tôi tới tàu và lên boong. Thuyền trưởng chạy đến. “Vé?” – hăn quát – “Bao nhiêu?” tôi hỏi, rút trong túi ra một tệp giấy bạc. – “Một ngàn drachma” – “Thôi nào, nhẹ nhẹ tay chứ, tám trăm có được không?” Tôi nói. “Không, một ngàn” – “Tôi chỉ có tám trăm; ông cầm lấy” – “Đúng một ngàn”, hăn nói, “không kém một xu. Nếu không đủ thì xuống khỏi tàu ngay?” Tôi đâm bực. “Này thuyền trưởng”, tôi nói, “vì lợi ích của bản thân ông, hãy cầm lấy tám trăm đồng tôi đưa ông đây, bởi vì nếu không, tôi tỉnh dậy bây giờ là ông mất toi đấy!”.

Zorba cười phá lên.

- Con người thật là một cỗ máy kỳ lạ! Lão ngỡ ngàng nói. Ta nạp đầy trong nó nào bánh mì, rượu, thịt cá rau quả, mà nó phát ra toàn những tiếng thở dài, tiếng cười và mộng寐. Y như một xí nghiệp vậy. Tôi dám chắc trong đầu chúng ta có một thứ rạp chiếu phim nói.

Đột nhiên lão nhảy ra khỏi giường.

- Nhưng tại sao lại có con vẹt nhỉ? Lão lo âu kêu lên. Tôi mang theo một con vẹt, thế nghĩa là thế nào? A! Tôi e rằng...

Lão không kịp nói hết câu. Một gã đưa tin lùn mập, tóc đỏ hoe, hết như quỷ sứ hiện hình, lao vào lều. Gã thở hồng hộc.

- Lạy Chúa tôi! Bà già tội nghiệp đang gào thày thuốc hết hơi! Bà bảo bà sắp chết đến nơi rồi, chắc chắn thế... và lương tâm các ông sẽ bị cắn rứt đấy, bà ấy nói vậy!

Tôi cảm thấy xấu hổ. Trong nỗi đau đớn vì nàng góa, chúng tôi đã quên bẵng người bạn già.

- Bà ấy đang chịu cực hình, tội nghiệp, gã tóc đỏ tiếp tục huyền thuyên. Bà ấy ho rung cả quán trọ. Phải, đúng kiểu ho của lừa! Khoạc! Khoạc! Rung chuyển cả làng xóm.

- Im nào! Tôi nói. Đừng có đùa cợt về chuyện ấy!

Tôi lấy một mảnh giấy và viết mấy dòng.

- Đem bức thư này đến bác sĩ và đừng có đi khỏi trước khi anh tận mắt thấy ông ta phóng ngựa đi, nhé. Hiểu chưa? Thôi đi ngay đi?

Gã cầm lấy thư, nhét vào thắt lưng và chạy đi.

Zorba đã đứng dậy. Lão lẳng lặng, vội vã mặc quần.

- Chờ một chút, tôi cùng đi với bác, tôi nói.

- Tôi vội lắm, lão đáp và lao ra.

Lát sau, tôi cũng lên đường vào làng. Khu vườn vắng teo của nàng góa tỏa hương thơm ngát. Mimiko đang ngồi thu lu trước nhà và nhìn trừng trừng như con chó bị đánh. Nom gã gày rộc, mắt đỏ ngầu và hõm sâu trong hốc mắt. Gã quay lại, trông thấy tôi và vợ một hòn đá.

- Chú làm gì ở đây, Mimiko? Tôi hỏi, đưa mắt nuối tiếc nhìn khu vườn. Tôi nhớ cái cảm giác nhiệm màu của hai cánh tay ấm áp quấn quanh cổ tôi... một mùi hoa chanh và dầu nguyệt quế. Chúng tôi không nói gì. Tôi hình dung thấy trong ánh chiều chạng vạng cặp mắt đen nòng cháy và hàm răng trắng lấp lánh, nhòn nhọn, đánh bằng lá hồ đào của nàng.

- Tại sao ông hỏi tôi thế? Gã gầm gừ. Đi đi. Đi mà lo việc của ông.

- Chú muốn hút một điếu thuốc lá không?

- Tôi không hút thuốc nữa. Các ông là một lũ lợn! Tất cả các ông! Tất cả bọn các ông.

Gã dừng lại, hốt hển, vẻ như định tìm một chữ mà nghĩ chưa ra.

- Đồ lợn nhơ bẩn... khốn kiếp... dối trá... sát nhân...

Dường như cuối cùng gã đã tìm ra chữ đúng ý mình và thấy ngơai ngoai. Gã vỗ tay.

- Sát nhân! Sát nhân! Sát nhân! Gã la lên, giọng the thé. Gã bật cười. Nhìn gã, lòng tôi quặn đau.

- Chú nói rất đúng. Mimiko, tôi nói. Chú nói đúng.

Và tôi vội vã lảng đi.

Vào tới làng, tôi nhìn thấy già Anagnosti chống gậy, mỉm cười nhìn hai con bướm vàng đuổi nhau trên đám cỏ xuân. Giờ đây, già rồi, không phải lo chuyện ruộng đồng và vợ con, ông có thì giờ nhìn ngắm thế giới xung quanh một cách vô tư. Ông thấy bóng tôi đổ trên mặt đất và ngược nhìn lên.

- Ngọn gió tốt lành nào mới sớm tinh mơ đã đưa con đến đây vậy? ông hỏi.

Nhưng chắc ông đọc thấy vẻ lo âu trên mặt tôi và ông nói tiếp, không đợi tôi trả lời.

- Mau đi, con, ông nói. Ta không dám chắc con đến có kịp thấy bà ta còn sống hay không... tội nghiệp!

Cái giường lớn đã dùng bao lâu nay, bạn đường trung thành nhất của mẹ, đã được đặt giữa căn phòng bé nhỏ, choán gần hết chỗ. Trên đầu người ca kỹ về già, con vệt, cổ vấn riêng tận tụy của mẹ, cúi xuống với chiếc mào xanh, mũ chụp tròn màu vàng, đôi mắt đục ác. Nó nhìn xuống bà chủ nó đang nằm rên và nghiêng cái đầu gần giống đầu người sang một bên, nghe ngóng.

Không, đó không phải những tiếng thở dài nghẹn ngào khoái lạc rất quen thuộc với nó mà mẹ thường thốt ra khi làm tình, cũng chẳng phải tiếng gù ghì âu yếm của con bồ câu mái hay những chuỗi cười ré lên. Những giọt mồ hôi lạnh giá chảy trên mặt bà chủ nó, mái tóc như xơ gai – không gội, không chải – dính bết vào thái dương, những cơn co giật trên giường, những cái đó con vệt mới thấy lần đầu và nó bối rối. Nó muốn kêu, “Canavaro! Canavaro!” song tiếng nó tắc lại trong cổ họng.

Bà chủ tội nghiệp của nó đang rên; bà không ngừng đưa cánh tay héo hon, rệu rã nhấc chần mền lên; bà ngọt thở. Mặt bà không son phấn, hai má sưng húp, người nùng nặc mùi mồ hôi chua và mùi thịt đã bắt đầu rữa.

Đôi giày cao gót méo mó, vệt đế của bà thò ra dưới gầm giường, trông mà nảo lòng. Đôi giày ấy còn khiến người ta xúc động hơn cả chính chủ nó.

Zorba ngồi bên giường, nhìn đôi giày, không sao rời mắt đi được. Lão cắn môi để ngăn nước mắt khỏi trào ra. Tôi bước vào và ngồi đằng sau Zorba, nhưng lão không nghe thấy.

Người đàn bà tội nghiệp thấy khó thở; bà bị nghẹn, Zorba với tay lấy một chiếc mũ trang hoàng bằng hoa hồng giả, quạt cho bà. Bàn tay hộ pháp của lão đưa lên đưa xuống rất nhanh và vụng về, như thể lão đang cố quạt cho một mớ than âm bùng cháy lên.

Bà kinh hãi mở mắt nhìn quanh. Căn phòng tối om, bà không nhìn thấy ai kể cả Zorba đang quạt cho bà bằng chiếc mũ cài hoa giả.

Xung quanh bà, mọi thứ đều tối tăm và nao lòng; những làn hơi nước xanh xanh bốc lên từ mặt đất, luôn thay đổi hình dạng, tạo thành những cái miệng cột nhạo, những bàn chân như móng vuốt, những đôi cánh đen.

Bà cầm ngấp móng tay vào chiếc gối hoen nước mắt, nước dãi và mồ hôi, kêu lên:

- Tôi không muốn chết! Tôi không muốn chết!

Nhưng hai người khóc mướn trong làng đã nghe phong thanh tình trạng của bà và vừa tới nơi. Họ lén vào phòng, ngồi xuống sàn, dựa lưng vào tường.

Con vệt trông thấy họ bằng cặp mắt tròn thao láo và nó nổi giận, vờn cổ kêu lên: “Canav...” nhưng Zorba hung dữ đập tay vào lồng, khiến nó im bật.

Tiếng kêu tuyệt vọng lại vang lên lần nữa.

- Tôi không muốn chết! Tôi không muốn chết!

Hai gã thanh niên chưa mọc râu, da rám nắng, thò đầu vào cửa, nhìn thật kỹ người đàn bà ốm. Thỏa mãn, hai cậu nháy mắt với nhau rồi biến mất.

Lát sau, chúng tôi nghe thấy tiếng cục tác hoảng hốt và vỗ cánh phành phạch ngoài sân: có ai đang đuổi bắt gà.

Người khóc mướn thứ nhất, bà già Malamatenia, quay sang đồng bạn.

- Thím đã thấy chúng chưa, thím Lenio, thím thấy chúng chưa? Cái đồ ma đói ma khát ấy, chúng vội vội vàng vàng, chúng sắp vụn cổ lũ gà để ăn thịt đấy. Tất cả bọn vô tích sự trong làng đã tụ tập ngoài sân, chả mấy chốc, chúng sẽ cướp nhỡ nơi này! Rồi quay sang giường người hấp hối:

- Có chết thì chết cho mau đi, bạn tôi ơi, bà sốt ruột lắm lắm, hãy từ trần thật nhanh đi cho chúng tôi cũng có cơ may như bọn kia.

- Nói cho đúng chân lý của Chúa, thím Lenio nói cái miệng nhỏ móm mém rúm lại, mẹ Malamatenia ạ, mấy thằng thanh niên nó làm thế cũng phải. “Nếu mày muốn ăn cái gì, hãy ăn trộm, nếu mày muốn có cái gì, hãy đánh cắp”. Bà mẹ già của tôi thường bảo tôi như vậy. Chúng ta chỉ cần gào bài lâm khốc cho thật nhanh, vớ lấy vài nắm gạo, ít đường và một cái xoong, thế là chúng ta có thể cầu phước cho hương hồn mẹ. Mẹ không có cha mẹ, cũng chẳng có con cái, vậy thì ai sẽ ăn lũ gà và thỏ của mẹ? Ai sẽ uống rượu vang của mẹ? Ai sẽ thừa hưởng tất cả những cuộn chỉ, lược, kẹo bánh và hàng hóa này? Ồ, mẹ còn chờ đợi cái gì mới được chứ mẹ Malamatenia?

- Xin Chúa tha thứ cho tôi, nhưng đời là thế đấy... và chính tôi cũng muốn nhạt nhẽo một chút đỉnh!

- Chờ chút xíu, đừng có vội vã quá như thế, mẹ Malamatenie vừa nói vừa nắm lấy tay bạn. Xin thú thật chính tôi cũng nghĩ vậy, nhưng hãy chờ cho mục nhắm mắt xuôi tay đã.

Trong khi đó, người đàn bà hấp hối lục tìm dưới gối như điên. Vừa cảm thấy mình lâm nguy, bà ta đã lấy từ trong hòm ra một cây thánh giá bằng xương trắng bóng và nhét dưới gối. Bao năm nay, bà đã bỏ quên nó giữa những chiếc áo ngủ rách tả, những mảnh nhung và giẻ vụn dưới đáy hòm. Như thế Chúa Jesus là một phương thuốc chỉ dùng vào lúc ốm nặng, ngoài ra thường vô dụng chừng nào ta còn vui chơi đú đờn, ăn nhậu và làm tình được.

Cuối cùng, bàn tay mò mẫm của bà tìm được cây thánh giá và bà áp nó vào bộ ngực đầm mồ hôi.

- Jesus thân yêu, Jesus thân yêu của tôi... bà say đắm thốt lên, ghì chặt người tình cuối cùng vào ngực.

Những lời của bà, lẫn lộn tiếng Pháp và tiếng Hy Lạp, rất mông lung nhưng đầy âu yếm và đam mê. Con vẹt nghe thấy tiếng bà. Nó cảm thấy giọng nói đã đổi khác nhớ lại những đêm dài không ngủ trước kia và lập tức sôi nổi lên.

- Canavaro! Canavaro! Nó kêu khàn khàn như con gà trống gáy khi thấy mặt trời lên.

Lần này, Zorba không tìm cách bắt nó im tiếng. Lão nhìn người đàn bà vừa khóc vừa hôn hình ảnh Chúa bị đóng đinh câu rút, trong khi một vẻ dịu dàng bất ngờ lan khắp bộ mặt tàn rữa của bà.

Cửa mở, già Anagnosti lặng lẽ bước vào, mũ cầm tay. Ông đến chỗ người ốm, cúi đầu và quỳ xuống.

- Tha thứ cho tôi, bà thân mến, ông nói, tha thứ cho tôi và cầu Chúa tha thứ cho bà. Nếu đôi khi, tôi đã quá lời thì tại chúng tôi chỉ là lũ đàn ông thô lỗ... Tha thứ cho tôi.

Nhưng con người thân thương ấy giờ đang nằm im đằm trong một niềm an lạc khôn tả và bà không nghe thấy già Anagnosti nói gì. Mọi khổ đau của bà đã qua rồi, tuổi già bất hạnh, mọi nhạo báng và điều tiếng nghiệt ngã bà đã phải chịu đựng, những chiều buồn, cô đơn ngời trơ khắc trên ngưỡng cửa, đan hoà những chiếc bút- tất len dày. Người phụ nữ Paris thanh lịch này, người đàn bà với nét khêu gợi huyền ảo khiến đàn ông không sao cưỡng nổi, mà, trong thời xuân sắc, đã từng tung hứng Tứ Cường trên lòng và được bốn hạm đội bắn súng chào!

Biển xanh biếc màu thiên thanh, sóng lổm đổm bọt trắng, những pháo đài viễn dương nhún nhảy nơi bến cảng, cờ xí đủ màu sắc phấp phới trên mọi cột buồm. Có thể ngửi thấy mùi gà gô quay, mùi cá phèn trên vỉ nướng; hoa quả ướp lạnh đựng trong bát pha-lê được mang tới bàn tiệc và nút sâm-banh bật lên tới trần nhà.

Những bộ râu đen, vàng rơm, hung đỏ và hoa râm, bốn loại nước hoa: viôlét, “ô-đờ côlônơ”, xạ hương, hoắc hương; cánh cửa ca-bin kim loại khép chặt, rèm kéo kín, đèn bật sáng, mađam Hortense nhắm mắt lại. Tất cả cuộc đời tình ái, tất cả cuộc đời đau khổ của bà, ôi lạy Chúa Toàn năng! Tất cả kéo dài không quá một tích tắc...

Từ lòng người này chuyển sang lòng người khác, bà ghì trong vòng tay những bộ đồng phục thêu chỉ vàng, luồn ngón tay vào những bộ râu thơm phức. Tên tuổi họ, bà chẳng nhớ gì hơn con vệt của bà. Bà chỉ nhớ có Canavaro vì y là người trẻ nhất trong bọn và đó là cái tên duy nhất con vệt có thể phát âm. Những tên khác phức tạp và khó phát âm, do đó, bà quên hẳn.

Madam Hortense thở dài nảo nuột và say đắm ghì cây thánh giá vào mình.

- Canavaro của em, Canavaro yêu dấu của em, bà thì thầm trong cơn mê sáng, áp cây thánh giá vào bộ ngực nhẽo.

- Mụ bắt đầu không biết mình nói gì nữa rồi, thím Lenio thì thầm. Chắc mụ vừa thấy thiên thần hộ mệnh và mụ thất kinh... Chúng mình hãy nói lỏng khăn quàng và lại gần đi.

- Sao? Thế thím không sợ Chúa nữa sao? Mẹ Malamatenia nói. Thím muốn chúng mình hờ ngay khi mụ đang còn sống à?

- Hừ, mẹ Malamatenia, thím Lenio khẽ làu bàu, đáng lẽ phải nghĩ tới cái hòm và quần áo của mụ, tới mọi thứ mụ có ở ngoài cửa tiệm, tới gà quế và thỏ trong sân, thì mẹ lại bảo tôi phải chờ cho đến khi mụ thở hơi cuối cùng! Không! ăn cỗ đi trước, tục ngữ bảo thế mà!

Vừa nói mụ vừa đứng dậy và mụ kia hậm hực làm theo. Họ cởi khăn quàng đen, xõa mái tóc bạc lưa thưa và nằm lấy thành giường.

Thím Lenio ra hiệu bằng cách thốt ra một tiếng hú chát chúa đến lạnh xương sống.

- Úúúúú!

Zorba nhảy chồm lên, túm tóc hai bà già và kéo họ lùi lại.

- Ngậm miệng lại, đồ quạ già! Lão quát. Các người không thấy bà ấy còn sống à? Quỷ tha ma bắt các người!

- Lão già ngu ngốc! Mẹ Malamatenia làu bàu chít khăn lại. Không biết lão ở đâu nhảy ra phá đám, đồ điên!

Madam Hortense, ngư nữ già lắm nổi truân chuyên, nghe thấy tiếng kêu chói tai bên cạnh giường, ảo tưởng ngọt ngào của bà tan vỡ; đồ đốc hạm chìm, trĩ quay, sâm- banh và những bộ râu xúc nước hoa biến mất, bà rơi trở lại giường lâm chung hôi hám, nơi tận cùng thế giới. Bà cố nhồm dậy như định chạy trốn, nhưng lại ngã vật ra và khê kêu ai oán.

- Tôi không muốn chết! Tôi không muốn...

Zorba cúi về phía trước và đưa bàn tay to lớn đầy chai sạn khê đặt lên trán bà, gạt những sợi tóc bết trên mặt, cặp mắt chim của lão đầy lệ.

- Bình tĩnh, em thân yêu, bình tĩnh, lão thì thầm. Anh đây, anh là Zorba đây. Đừng sợ.

Và thế là ảo tượng vụt trở lại như một con bướm không lông màu xanh nước biển xòe cánh phủ khắp giường. Người đàn bà hấp hối nắm lấy bàn tay hộ pháp của Zorba, từ từ dang cánh tay quàng lấy cổ lão khi lão cúi xuống. Mối bà mấp máy.

- Canavaro của em, Canavaro yêu dấu của em...

Cây thánh giá tuột khỏi gổ, rơi xuống sàn và vỡ thành nhiều mảnh nhỏ. Một giọng đàn ông vang lên ngoài sân.

- Nào! Bỏ gà vào nồi đi, nước sôi rồi!

Tôi ngồi trong góc phòng và thỉnh thoảng lại trào nước mắt. Đời là thế, tôi nghĩ – nhiều màu, nhiều vẻ, tạp nham, hờ hững, đời bại... tàn nhẫn. Đám nông dân Crete thô sơ này vây quanh người ca kỹ về già từ đâu kia thế giới trôi giạt sang và nhìn bà ta chết với một niềm hoan lạc phi nhân, như thể bà không phải là một con người vậy. Như thể một con chim xứ lạ to đùng bỗng rơi từ trên trời xuống, gãy cánh và mọi người đã tụ tập trên bờ biển cạnh làng để xem nó chết. Một con công già, một con mèo angora già, một con hải cẩu già ốm...

Zorba khẽ khàng gỡ tay mađam Hortense ra khỏi cổ mình và đứng dậy, mắt trắng bệch. Lão lấy mu bàn tay lau nước mắt, nhìn người bệnh, nhưng chẳng trông thấy gì. Lão lại giụi mắt và kịp nhìn thấy đôi chân sưng phù bất lực của bà ngộ nguậy trên giường và cái miệng méo xệch đi vì kinh hãi. Bà vật mình một lần, hai lần, chần mèn tuột xuống sàn để lộ cả người bà, mình trần đầy mồ hôi, sưng phù, xanh xao vàng vọt. Bà thét lên một tiếng the thé chói tai như con gà bị cắt tiết, rồi nằm bất động, mắt mở thao láo, kinh hoàng và đờ đẫn không hồn.

Con vẹt nhảy xuống đáy cùng, búa lấy nan lồng, nhìn Zorba đưa bàn tay to lớn ra vuốt mắt cho bà chủ nó một cách dịu dàng âu yếm khôn tả xiết.

- Nhanh lên, tất cả các người! Mụ ấy đi rồi! Hai bà khóc mướn vừa kêu eo éo vừa nhào tới giường. Họ hú lên một tiếng dài, lắc lư người tới lui, nắm tay lại đấm ngực thùm thụp. Dần dà, động tác chao đảo sâu thẳm, đơn điệu này tạo nên nơi họ một trạng thái thôi miên nhẹ, những đau buồn xưa của chính họ tràn ngập tâm trí như thuốc độc, trái tim mở rộng và bài điệu ca trào tuôn.

“Lòng đất không phải chỗ nằm thích hợp với người...”

Zorba ra ngoài sân. Lão muốn khóc nhưng lại xấu hổ trước mặt phụ nữ. Tôi nhớ có lần lão đã nói với tôi:

“Khóc trước mặt đàn ông thì tôi chả xấu hổ. Giữa đàn ông với nhau, có một sự thống nhất nào đó, phải không? Đó không phải là điều gì nhục nhã. Nhưng trước mặt phụ nữ, một anh đàn ông bao giờ cũng phải chứng tỏ là mình can trường. Bởi vì nếu ta cũng khóc sụt mướt thì những kẻ tội nghiệp kia sẽ ra sao? Sẽ đi đứt thôi!”

Họ lấy rượu vang tắm cho mađam Hortense: bà già khâm liệt mở hòm lấy quần áo sạch thay cho bà, giội lên người bà một chai nước thơm

Cologne. Từ những khu vườn gần đó, ruồi nhặng bay tới đẻ trứng vào lỗ mũi, quanh mắt và trên mép bà.

Hoàng hôn xuống. Bầu trời phía tây đượm một vẻ đẹp thanh bình. Những áng mây hồng, xấp nhẹ với đường viền vàng óng, từ từ trôi ngang vòm trời chiều tím sẫm, lúc trông như những con tàu, khi giống đàn thiên nga, lát sau lừa tựa một bày quái vật huyền hoặc làm bằng bông mộc và lụa xơ. Qua hàng lau sậy trong sân, ánh lên thấp thoáng những lớp sóng biển rập rờn.

Hai con quạ béo từ một cây vả gần đấy bay xuống và đi tới đi lui trong sân. Zorba cúi tiết nhật một hòn sỏi, đuổi chúng bay đi. Góc sân đằng kia, bọn đầu trộm đuôi cướp đang chuẩn bị một bữa tiệc linh đình. Chúng đã mang cái bàn lớn trong bếp ra, sục sạo tìm bánh mì, bát đũa và dao dĩa. Chúng đã lôi ở dưới hầm lên một hũ rượu, luộc mấy con gà trong nồi. Giờ đây, đói meo và vui sướng, chúng chạm cốc và ăn uống rất ngon lành.

- Cầu chúa cứu rỗi linh hồn mẹ! Và tha thứ cho mẹ, bất kể mọi việc mẹ đã làm.

- Cầu cho tất cả các tình nhân của mẹ trở thành thiên thần và chở linh hồn mẹ về trời!

- Thử nhìn lão già Zorba mà coi, Manolakas nói. Lão đang ném đá đuổi quạ! Giờ đây lão trở thành ông góa; ta hãy đề nghị lão nâng cốc tưởng nhớ mẹ mái của lão! Ê, Zorba! Lại tham gia với bọn này đi, đồng bào!

Zorba quay lại. Lão trông thấy bàn tiệc đầy, những con gà bốc hơi nghi ngút trên đĩa, rượu lóng lánh trong cốc, những gã lực lưỡng da rám nắng ngồi vui vẻ, khăn quàng cổ chít lên đầu, tràn đầy sức thanh xuân.

“Zorba, Zorba?” lão lẩm bẩm. “Hãy vững vàng! Đây là lúc mi phải chứng tỏ cốt cách của mình”.

Lão đến chỗ họ, cầm ly uống một hơi, rồi ly thứ hai, thứ ba và ăn một chiếc cẳng gà. Họ hỏi chuyện lão, nhưng lão không trả lời. Lão ăn uống nhanh, nhồm nhoàm ngẫu nhiên từng miếng to tướng, từng hộp dài, và lặng lẽ. Lão không ngừng liếc nhìn về phía căn phòng nơi Bouboulina nằm và lắng nghe khúc điệu ca vọng ra qua cửa sổ mở rộng. Thi thoảng, bản lâm khốc dừng lại và người ta nghe thấy tiếng quát tháo như thể nổ ra một cuộc cãi lộn, tiếng mở, đóng tủ buýp-phê và rương hòm rầm rầm và tiếng chân giậm nhanh, nặng nề như đang đánh nhau. Rồi khúc điệu ca lại tiếp tục, đơn điệu, gieo nổi tuyệt vọng – một âm thanh lao xao nhẹ nhàng như tiếng ong bay.

Hai mục già chạy đi chạy lại trong phòng để thi hài vừa hát vừa ráo riết lục lọi mọi xó xỉnh. Họ mở một tủ buýp-phê thấy mấy chiếc thìa nhỏ, chút đường, một hộp cà phê và một hộp loukoum ([65]). Thím Lenio vồ lấy và xí phần cà phê và loukoum. Mẹ Malamatenia giành phần đường và thìa. Tuy nhiên mẹ cũng nhón lấy hai chiếc loukoum bỏ tọt vào mồm và trong một lúc, bài điệu ca đậm nghệt tiếng âm ư qua thỏi kẹo mềm.

“Cầu cho hoa mưa xuống người và táo rơi vào lòng người...”

Hai mục già khác lên vào phòng, nhào tới cái hòm, thực tay vào vợ mấy chiếc mùi soa nhỏ, vài ba chiếc khăn bông, ba đôi tất lụa, một cái nịt tất và nhét vào trong áo lót, rồi quay về phía tử thi làm dấu thánh giá.

Trông thấy hai mục kia ăn cắp đồ trong hòm, mẹ Malamatenia nổi tam bành.

- Thím cứ tiếp tục, cứ hát tiếp đi, tôi trở lại ngay thôi!

Mẹ hét to với thím Lenio và cũng vục đầu vào hòm đồ.

Những mẫu xa-tanh cũ, một cái áo dài kiểu cũ màu hoa cà, những thiếc dép xăng-đan cổ lỗ sĩ, một cái quạt giấy, một chiếc dù mới màu đỏ thắm và tạt dưới đáy, một cái mũ thủy sư đỏ đốc ba ngành. Một món quà do ai đó

tặng Bouboulina từ lâu. Ở nhà một mình, đôi khi bà thường đem ra đội và trang trọng ngắm mình trong gương. Có ai lại gần cửa. Mấy cụ già chuồn ra, trong khi thím Lenio một lần nữa búi lấy giường người chết, đoạn vừa dấm ngực vừa ê a.

” và những đóa hoa cắm chướng đỏ thắm quanh cổ người...”

Zorba vào, nhìn người đàn bà vừa từ trần, lúc này nằm im, bình yên, vàng khè và phủ đầy ruồi, hai tay khoanh lại, cổ đeo một dải băng nhưng nhỏ.

“Một năm đất”, lão nghĩ thầm, “một năm đất biết đói biết cười nói, biết hôn hít. Một cục bùn khóc bằng nước mắt người. Và bây giờ ra sao? ... Ma quỷ nào mang chúng ta tới trần gian và ma quỷ nào bắt chúng ta đi?” Lão nhổ nước miếng và ngồi xuống.

Ngoài sân, thanh niên đang vào vị trí để khiêu vũ.

Gã chơi đàn lia cừ khôi, Fanurio, cuối cùng đã đến. Họ dọn bàn sang bên, dọn sạch các can dầu parafm, chậu tắm, rổ quần áo, lấy chỗ nhảy.

Các hương mục xuất hiện: bác Anagnosti với cây can dài đầu uốn cong, áo sơ-mi trắng thụng. Kondomanolio béo ục ịch và nhớp bần; vị hương sư với một ống đồng đựng mực dặt ở thắt lưng và một quần bút màu xanh cài mang tai. Mavrandoni không có mặt, lão đã vào trong núi sống như một kẻ ngoài vòng pháp luật.

- Rất vui mừng được gặp các con! Bác Anagnosti nói, giơ tay lên chào. Rất mừng thấy các con vui vẻ! Cầu Chúa ban phước lành cho tất cả các con! Nhưng đừng có la... các con không nên la. Người chết có thể nghe, nên nhớ vậy, người chết có thể nghe thấy đó.

Kondomanolio giải thích.

- Chúng ta đến liệt kê tài sản của người chết để chia cho người nghèo. Các con đã ăn uống no say, thế là đủ rồi. Đừng có vơ vét sạch trơn! Liệu đấy! – Lão vung gậy lên không, đe dọa.

Đằng sau ba bà lão, hiện ra một tá phụ nữ rách rưới, đầu tóc xõa xược, chân đất. Mỗi người cắp một cái bị không và đeo một cái giỏ trên lưng. Họ len lén đi vào, từng bước một, lặng lẽ.

Bác Anagnosti quay lại, trông thấy họ và dùng dùng nổi giận.

- Quay lui ngay, lũ Di gan thối thây! Sao? Định càn quét hử? Chúng ta sẽ liệt kê tất cả, từng thứ một, rồi sẽ đem chia thật công bằng hợp lý cho người nghèo. Có quay lui không thì bảo!

Vị hương sư rút ống mực dài khỏi thắt lưng, giở một tờ giấy khổ lớn và tiến đến chỗ cửa hàng, bắt đầu cuộc liệt kê.

Nhưng đúng lúc ấy, một tiếng động đinh tai vang lên như có ai nện vào thùng sắt tây, như thể những hòm cuộn bông đang rơi và cốc tách chạm nhau vỡ loảng xoảng. Và trong bếp, rầm rầm tiếng xoảng chảo, bát đĩa và dao dĩa.

Lão Kondomanolio lao tới, tay vung gậy. Nhưng lão làm gì được? Bà già, đàn ông, trẻ con ào ào qua cửa ra vào, phốc qua cửa sổ, hàng rào, nhảy từ ban công xuống, chộp được cái gì lấy cái ấy – xoong, chảo, nệm, thỏ... Một số tháo cả cửa lớn hoặc cửa sổ khỏi bản lề và vác trên lưng. Mimiko lấy đôi giày cao gót, buộc vào nhau bằng một sợi dây đeo cổ – như thể madam Hortense cười lên vai gã mà ra đi, nhưng chỉ trông thấy đôi giày của bà.

Ông hương sư cau mày, dặt ống mực trở lại thắt lưng, gấp tờ giấy trắng vẫn trinh nguyên, rồi không một lời và với cái vẻ bị xúc phạm sâu sắc đến phẩm giá, bước qua ngưỡng cửa, đi thẳng.

Bác già Anagnosti tội nghiệp chạy lảng xảng, vừa quát tháo, vừa van xin mọi người dừng tay, vừa vung gậy dọa họ.

- Thật nhục nhã! Thật nhục nhã! Người chết có thể nghe thấy các người đấy, nên nhớ vậy!

- Cháu có phải đi gọi linh mục đến không? Mimiko hỏi.

- Linh mục nào, đồ ngu! Kondomanolio giận dữ nói. Mụ là dân Phú-lãng-xa, mà không bao giờ để ý thấy mụ làm dấu như thế nào ư? Bằng bốn ngón tay... như thế này này... quân vô đạo? Thôi, đem chôn mụ đi, cho mụ khỏi xông mùi hôi thối nhức óc chúng ta và làm nhiễm độc cả làng!

- Bà ấy đã bắt đầu đầy đòi, xin thề trước thánh giá!

Mimiko vừa nói vừa làm dấu.

Bác Anagnosti, tiên chỉ trong làng, lắc cái đầu tao nhã.

- Thế thì có gì là lạ, đồ ngốc? Sự thực là con người từ khi ra đời đã đầy đòi bọ mà ta không trông thấy đấy thôi. Khi chúng thấy người ta bắt đầu bốc mùi hôi thối, chúng mới từ trong lỗ bò ra – con nào con nấy trắng hếu, trắng hếu như bọ phó-mát ấy!

Những ngôi sao đầu tiên xuất hiện, lơ lửng trên không, rung rinh như những cái chuông bạc nhỏ, khắp trời đêm đầy chuông ngân.

Zorba hạ con vẹt cùng chiếc lồng của nó treo trên đầu người chết xuống. Con chim mờ côi thu mình trong một góc, khiếp đảm; nó trở mắt nhìn nhưng chẳng hiểu gì hết. Nó rúc đầu vào cánh và co rúm vì sợ hãi.

Lúc Zorba gỡ lồng xuống, con vẹt rướn mình lên, định nói, nhưng Zorba giơ tay chặn lại.

- Im! Lão thì thầm, giọng dỗ dành, im nhé! Đi với ta.

Zorba cúi nhìn mặt người đàn bà quá cổ hời lâu, cổ họng khô se và nghẹn lại.

Lão rập mình xuống như định hôn bà, nhưng kìm lại.

Đi thôi, lạ Chúa! Lão lăm bằm. Lão xách lồng vẹt ra sân. Trông thấy tôi, lão tiến lại.

- Ta đi luôn thôi... lão nắm cánh tay tôi nói nhỏ.

Lão có vẻ bình tĩnh, nhưng môi lão run lên.

- Tất cả chúng ta rồi cũng sẽ đi con đường ấy... tôi nói với lão.

- Thật là một điều an ủi lớn lao! Lão nói, giọng mỉa mai. Ta về đi.

- Khoan một lát, tôi nói. Họ sắp đem bà ấy đi. Chúng ta phải chờ và liệu xem... Bác không thể nán lại một phút sao?

- Thôi được... lão đáp, giọng nghẹn ngào. Lão đặt lồng xuống và khoanh tay lại.

Từ phòng người chết, bác Anagnosti và Kondomanolio, đầu trần, bước ra và làm dấu. Theo sau họ là bốn trong số những người khiêu vũ, với những bông hồng thắm Tư còn cài ở mang tai, hoan hỉ, ngà ngà say, mỗi người một góc khiêng tấm cánh cửa trên đó đặt thi hài người đàn bà quá cổ. Tiếp đến gã chơi đàn lia, khoảng chục người đàn ông chệnh choáng hơi men và năm sáu phụ nữ, mỗi mục cầm một cái xoong hoặc một cái ghế.

Mimiko đi sau cùng với đôi giày cao gót vẹt để đeo ở cổ.

- Sát nhân! Sát nhân! Sát nhân! Gã vui vẻ kêu.

Một ngọn gió nóng, ấm nổi lên và sóng biển đập dồn. Gã chơi đàn lia nâng vĩ – giọng gã tươi mát vang lên vừa hân hoan vừa châm biếm trong

đêm nồng ấm.

” Ôi vàng dương, sao vội vã lặn về tây...

- Đi thôi, Zorba nói, thế là xong

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 24

Chúng tôi lặng lẽ đi qua những đường làng nhỏ hẹp. Các nhà không đèn lửa đổ bóng sẫm đen trong đêm. Đâu đây, một con chó sủa hoang và một con bò thở dài. Từ đằng xa, vẳng theo gió đến chúng tôi tiếng lanh tanh vui nhộn của những cái lục lạc đàn lia, nhún nhảy những tia nước nghịch ngợm của vòi phun.

C

- Zorba, tôi nói để phá vỡ im lặng nặng nề, có phải gió nam không nhỉ?

Nhưng Zorba vẫn bước tiếp ở đằng trước, không trả lời, tay xách lồng vệt như cây đèn lồng. Đến bãi biển, lão quay lại hỏi:

- Sếp có đói không?

- Không, Zorba ạ.

- Sếp có buồn ngủ không?

- Không.

- Tôi cũng thế. Ta ngồi trên bãi sỏi một lát chẳng? Tôi có điều muốn hỏi sếp.

Cả hai chúng tôi đều mệt nhưng không ai muốn ngủ. Chúng tôi không đành lòng để mất nỗi chua xót của những giờ qua và ngủ lúc này, đối với chúng tôi tựa như chạy trốn trong giờ phút hiểm nghèo. Cho nên chúng tôi xấu hổ không dám đi nằm.

Chúng tôi ngồi bên bờ biển. Zorba đặt lồng vệt giữa hai đầu gối và im lặng một lúc. Một chòm sao dễ sợ từ sau trái núi ló ra trên bầu trời, một con quái vật vô số mắt, đuôi xoắn tròn ốc. Thình thoảng một vì sao tách ra và rụng xuống.

Zorba nhìn trời, miệng há hốc trong một trạng thái ngây ngất như thể lần đầu tiên nhìn thấy vậy.

- Không biết trên ấy ra thế nào nhỉ? Lão lẩm bẩm.

Một lát sau lão quyết định nói:

- Sếp có thể nói cho tôi biết mọi sự này nghĩa là gì không? Giọng lão nghe sâu thẳm và khẩn thiết trong đêm nồng. Ai đã tạo ra chúng? Tại sao? Và nhất là – đến đây giọng Zorba run lên vì giận dữ và sợ hãi – tại sao người ta phải chết?

- Tôi không biết Zorba ạ, tôi trả lời, lòng những xấu hổ như thể có người hỏi điều đơn giản nhất, điều chủ yếu nhất mà mình cũng không giải thích được.

- Sếp không biết? Zorba tròn mắt ngạc nhiên giống hệt vẻ mặt lão vào cái đêm tôi thú thật là mình không biết nhảy.

Lão im lặng một lát rồi đột nhiên la toáng lên:

- Vậy thì tất cả những quyển sách chết tiệt ông đã đọc ích lợi gì? Tại sao ông lại đọc những thứ ấy? Nếu chúng không nói về cái điều ấy thì còn nói cái gì?

- Về sự lúng túng của loài người không giải đáp được câu hỏi bác vừa đặt ra với tôi, Zorba ạ.

- Ô, trời phạt sự lúng túng của họ. Lão kêu lên, tức tối giậm chân xuống đất.

Những tiếng động đó làm con vẹt giật mình.

- Canavaro. Canavaro. Nó kêu như cầu cứu.

- Câm. Mày nữa. Zorba quát, nắm tay đấm vào cái lồng.

Lão quay lại phía tôi.

- Tôi muốn sếp nói cho tôi hay chúng ta từ đâu tới và rồi chúng ta đi đâu. Suốt bao năm ròng rã tiêu hao sức lực vì những cuốn hắc thư ma thuật, chắc sếp đã phải ngốn tới năm chục tấn giấy chứ không ít. Mà ông đã rút ra được cái gì?

Giọng lão khỗ não xót xa đến nỗi lòng tôi quặn đau.

Ôi tôi biết bao muốn có thể trả lời lão.

Trong thâm tâm, tôi cảm thấy rằng đỉnh cao nhất con người có thể đạt tới không phải là kiến thức, hay đức hạnh, cũng chẳng phải Thiện Tâm hay Chiến Thắng, mà là một cái gì còn vĩ đại hơn, anh hùng hơn và tuyệt vọng hơn: nỗi kinh sợ Thiên Liêng.

- Sếp không trả lời được ư? Zorba lo âu hỏi.

Tôi cố nói cho người bạn đồng hành của mình hiểu ý nghĩa của nỗi “Kinh Sợ Thiên Liêng” như tôi quan niệm.

- Chúng ta là những ấu trùng nhỏ bé, những ấu trùng bé tí tẹo trên chiếc lá nhỏ nhoi của một cái cây cực lớn.

Chiếc lá nhỏ ấy là trái đất. Các lá khác là những vì sao bác vẫn thấy chuyển vờn trong đêm. Chúng ta dò dẫm đi trên chiếc lá nhỏ ấy, lo lắng xem xét nó thật kỹ lưỡng. Chúng ta nghĩ nó xem nó thơm tho hay hôi thối. Chúng ta nếm thử nó và thấy ăn được. Chúng ta nện lên nó và nó kêu như một vật sống. Một số – những người dũng cảm nhất – ra tới tận mép lá. Từ điểm ấy, chúng ta vươn mình ra, nhìn chăm chăm vào cảnh hỗn mang. Chúng ta run sợ. Chúng ta đoán có một vực thẳm hãi hùng nằm mé dưới chúng ta. Xa xa, vắng tới chúng ta tiếng lao xao những chiếc lá khác của cái cây vĩ đại, chúng ta cảm thấy nhựa từ rễ dâng lên tới chiếc lá của chúng ta và tim chúng ta nở nang lên. Cúi mình như vậy trên cái vực thẳm khủng khiếp với tất cả thể xác và tâm hồn, chúng ta run lên kinh hoàng. Từ lúc đó khởi đầu...

Tôi dừng lại. Tôi định nói: Từ lúc đó, khởi đầu thi ca, song chắc Zorba không hiểu. Tôi dừng bật.

- Khởi đầu cái gì? Zorba hỏi, giọng lo âu. Tại sao, sếp dừng lại?

- Khởi đầu nguy cơ lớn, Zorba ạ. Người choáng váng, mê sảng, kẻ hoảng sợ, họ cố tìm một lời giải đáp để trấn an lòng mình và thốt lên: Thượng đế. Lại có những kẻ khác, từ mép lá, bình tĩnh và dũng cảm nhìn xuống vực mà rằng: Tôi thích thế.

Zorba suy nghĩ hồi lâu. Lão căng óc cố hiểu cho ra.

- Sếp biết đây, cuối cùng lão nói, tôi luôn nghĩ đến cái chết từng giây từng phút. Tôi nhìn thẳng vào nó mà không hề sợ hãi. Nhưng không bao giờ, không bao giờ tôi nói tôi thích nó. Không, tôi không thích nó ít nào cả. Tôi không ưng.

Lão im lặng, nhưng chỉ một thoáng lại bùng lên.

- Không, tôi không thuộc loại chìa cổ ra cho Thần Chết như một con cừu mà rằng: Xin ngài làm ơn cắt cổ tôi đi Thần Chết, tôi muốn lên thẳng

Thiên đàng.

Tôi nghe Zorba nói mà lòng bối rối. Bậc hiền nhân nào đã dạy môn đồ sẵn sàng làm những gì luật pháp ra lệnh phải làm. Và phải tuân theo sự cần thiết, biến cái tất yếu thành một điều được thực hiện một cách tự nguyện? Đó có lẽ là cách duy nhất để đưa con người đi đến giải thoát. Một cách thảm bại, nhưng không có con đường nào khác.

Nhưng còn sự nổi loạn thì sao? Đó phải chăng là phản ứng kiêu hãnh mang tính chất Đông Ki sốt của loài người phù hợp với quy luật bên trong của tâm hồn, để phủ nhận tất cả những gì đang hiện hữu và tạo ra một thế giới mới theo quy luật của trái tim mình, ngược với quy luật phi nhân của tự nhiên – một thế giới trong sáng hơn, tốt hơn và đạo đức hơn thế giới hiện tại?

Zorba nhìn tôi, thấy tôi không còn gì để nói với lão nữa, cầm cái lồng thật khê khàng để khỏi làm con vẹt thức giấc, đặt nó cạnh đầu mình và nằm duỗi dài trên lớp sỏi:

- Chúc sắp ngủ ngon, lão nói. Thế là đủ.

Một cơn gió nam mạnh từ Châu Phi thổi đến. làm rau quả cùng những bộ ngực người Crete căng mọng và lớn lên. Tôi cảm thấy cơn gió ấy trên trán, môi và cổ, và như một trái cây, óc tôi cũng nở rãnh rãnh. Tôi không ngủ được và cũng không muốn ngủ. Tôi chẳng nghĩ ngợi gì hết. Chỉ cảm thấy một cái gì, một người nào đó đang trưởng thành trong tôi giữa đêm nồng. Tôi tỉnh táo sống qua một kinh nghiệm rất đỗi kỳ lạ: tôi trông thấy bản thân mình thay đổi. Một điều vốn chỉ thường xảy ra ở nơi sâu thẳm tối tăm nhất trong lòng ta, lần này đang diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật ngay trước mắt tôi. Thu mình bên bờ biển, tôi quan sát diễn biến của phép lạ ấy.

Sao mờ dần, trời sáng dần và trên nền sáng ấy, núi non, cây cối và chim hải âu hiện ra như những nét phác họa thanh nhã bằng mực.

Rạng đông.

Mấy ngày trôi qua. Lúa đã chín và những bông nặng oằn xuống dưới trọng lượng của hạt. Trên rặng ô-liu, ve sầu cựa vào không khí và côn trùng lấp lánh bay vo vo trong ánh nắng thiêu đốt. Hơi nước từ biển bốc lên.

Sáng sáng, Zorba lặng lẽ đi vào núi từ tình mơ. Công việc đặt dây cáp sắp kết thúc. Các cột đã đầu vào đấy, cáp đã căng xong và các ròng rọc đã gắn chắc. Sẩm tối Zorba đi làm về, mệt lử. Lão nhóm lửa, làm bữa và chúng tôi ăn tối. Chúng tôi thận trọng tránh đánh thức những con quỷ đang ngủ trong chúng tôi – cái chết và nỗi sợ. Chúng tôi tuyệt đối không nói chuyện về nàng góa, hoặc madam Hortense, hoặc Thượng đế. Chỉ lặng lẽ nhìn ra biển đăm đăm. Một hôm, tôi trở dậy, tắm rửa và dường như đất cũng vừa mới dậy và tẩy trần. Nó rục rờ tựa hồ mới được tạo sinh. Tôi đi vào làng. Bên trái tôi, biển màu xanh chàm lặng tờ, bên phải xa xa, lấp lánh những cánh đồng lúa mì như một đạo quân vùng hàng ngàn lưỡi giáo óng vàng. Tôi đi ngang Cây Vả Tình Nương phủ đầy lá xanh rờn và những quả vả bé xiu, hối hả vượt qua khu vườn nhà nàng góa thật nhanh, thậm chí không quay đầu lại và vào làng. Lũ quán nhỏ giờ đây vắng ngắt, hoang phế. Cửa ra vào và cửa sổ mất tiêu, chó tha hồ ra vào sân thoải mái, các buồng trống không. Trong phòng lâm chung của người quá cố, giường, hòm, bàn ghế bị cướp sạch, còn sót độc một chiếc giày muyn rách tả, vệt gót với một búp tua đỏ, nằm ở góc phòng. Nó vẫn một mực trung thành giữ nguyên hình dạng bàn chân bà chủ. Chiếc giày muyn khốn khổ ấy, giàu tình thương hơn lòng dạ con người, vẫn chưa quên bàn chân thân yêu bị bạc đãi.

Tôi về muộn, Zorba đã nhóm lửa và chuẩn bị nấu ăn. Vừa ngược mắt lên chào tôi, lão biết ngay tôi đã ở đâu. Lão cau mày. Sau nhiều ngày nín lặng, tối nay lão mở lòng và lên tiếng.

- Mỗi lần tôi có chuyện đau khổ, sếp ạ, lão nói như để thanh minh, tim tôi vỡ toác ra làm đôi. Nhưng nó đã đầy sẹo và chẳng chịt vết thương, nên

thoắt cái nó lại tự hàn lại và chẳng thấy vết thương đâu nữa. Khắp người tôi là những vết thương đã thành sẹo, chính vì thế mà tôi gan lì như vậy.

- Bác đã sớm quên Bouboulina tội nghiệp, Zorba, tôi nói bằng một giọng có phần thô bạo đối với tính cách tôi.

Zorba chạm nọc, cất cao giọng:

- Đường mới, kế hoạch mới, lão nói to. Tôi đã thôi hẳn không nghĩ đến những gì đã xảy ra hôm qua và thôi tự hỏi mình những gì sẽ xảy đến ngày mai. Điều tôi quan tâm là cái gì đang xảy ra hôm nay, giờ phút này. Tôi nói: – Mà đang làm gì đó, Zorba? – Tao ngủ – Được, ngủ cho ngon đi. – Mà đang làm gì đó Zorba? – Tao làm việc. – Ờ, hãy làm cho ra trò nhé. – Mà đang làm gì đó, Zorba? – Tao đang hôn một người đàn bà. – Ờ, hãy hôn cho say đắm, Zorba. Và quên hết mọi thứ ngoài cái điều mà đang làm, không có gì khác trên đời ngoài mà và nàng.

Cứ tiếp tục đi.

Lát sau, lão nói tiếp:

- Khi Bouboulina còn sống, sếp biết đấy, không một thứ Canavaro nào đem lại cho mục nhiều khoái lạc bằng tôi, lão Zorba bán giẻ rách này. Sếp có muốn biết tại sao không? Vì tất cả các Canavaro trên thế giới, trong khi hôn hít mục, vẫn nghĩ đến hạm đội của họ, đến đức vua, đến đảo Crete, đến quân hàm cùng huân chương, hoặc đến vợ con họ. Nhưng tôi thường quên hết mọi thứ khác và mục biết thế. Và tôi xin nói với sếp, người bạn uyên bác của tôi, đối với một người đàn bà, không có gì sung sướng hơn thế. Một người đàn bà đích thực – sếp nghe kỹ nhé, tôi hy vọng điều này sẽ giúp ích cho sếp – sung sướng vì lạc thú mình ban phát hơn là vì lạc thú nàng nhận được từ người đàn ông.

Lão cúi xuống bỏ thêm củi vào bếp và im lặng.

Tôi nhìn lão lòng rất sung sướng. Tôi cảm thấy những giây phút trên bờ biển hoang vắng này thật giản dị nhưng giàu giá trị nhân bản sâu sắc. Và bữa ăn mỗi buổi tối của chúng tôi giống như cái món ninh mà cánh thủy thủ thường làm khi tạt vào một bãi biển vắng nào đó – gồm cá, sò huyết, hành và rất nhiều hạt tiêu, nó ngon hơn bất cứ món nào và bổ dưỡng tinh thần con người không gì sánh kịp. Tại đây, nơi cuối đất cùng trời này, chúng tôi giống như hai kẻ bị nạn đắm tàu.

- Ngày kia, đường dây của chúng ta bắt đầu hoạt động, Zorba nói, theo đuổi dòng suy nghĩ. Tôi không đi trên mặt đất nữa, tôi là một sinh vật trên không. Tôi như cảm thấy những con rồng rọc trên vai tôi.

- Bác có nhớ cái mời bác thả ở tiệm ăn Piracus để cho tôi cắn câu không? Tôi hỏi. Bác bảo bác biết nấu những món xúp tuyệt vời – và đó lại là món ăn tôi thích nhất. Làm sao bác biết?

Zorba lắc đầu, hơi có vẻ giễu cợt.

- Tôi biết nói sao đây sếp? Tự nhiên điều đó nảy ra trong óc tôi như vậy. Cái cách sếp ngồi trong góc tiệm cà phê trầm lặng, dè dặt, cầm cúi trên cuốn sách mép vàng ấy tôi không hiểu tại sao tôi cảm thấy sếp thích xúp, có thể thôi. Tự nhiên điều đó đến trong óc tôi, không hiểu được. Lão đột ngột dừng lại và chúi đầu về phía trước lắng nghe.

- Im nhé. Lão nói. Có ai đang đến.

Chúng tôi nghe thấy những tiếng chân bước nhanh và tiếng thở nặng nề của một người đang chạy. Đột nhiên, trong ánh lửa chập chờn hiện ra một tu sĩ mặc chiếc áo dài rách, đầu trần, râu đỏ hoe với một bộ ria nhỏ, người sực mùi dầu parafin.

- A, chào cha Zaharia. Zorba kêu lên. Có chuyện gì mà cha hớt hơ hớt hải như vậy?

Tu sĩ quỳ xuống sàn gần đồng lửa. Cảm ông ta run lên.

Zorba cúi xuống ông ta và nháy mắt.

- Phải, tu sĩ trả lời.

- Hoan hô ông thầy tu! Zorba kêu lên. Bây giờ thì chắc chắn cha sẽ được lên Thiên đàng không trật đi đâu được. Và cha sẽ có một can dầu parafin trong tay khi cha bước vào.

- A men, tu sĩ khẽ nói, tay làm dấu thánh giá.

- Sự thể diễn biến ra sao? Lúc nào? Nào, kể cho chúng tôi nghe.

- Tôi thấy thượng đẳng thiên sứ Michael, đạo hữu Canavaro ạ. Ngài đã ra lệnh cho tôi. Đầu đuôi thế này, tôi đang tước xơ đậu ở trong bếp. Các tu sĩ đi đọc kinh chiều cả, còn trợ trợ một mình tôi. Cửa đóng chặt. Tịch lặng hoàn toàn. Tôi nghe tiếng chim hót bên ngoài, nghe như tiếng thiên thần. Tôi đã sửa soạn xong mọi thứ chỉ còn có việc chờ. Tôi đã mua một can dầu parafin, giấu trong miếu đường ở nghĩa địa, ngay dưới bàn thờ để thượng đẳng thiên sứ Michael ban phước cho. Thế, chiều hôm qua, tôi ngồi tước xơ đậu, lan man nghĩ đến Thiên đàng. Tôi tự nhủ: Lạy Đức Chúa Jesus, con cũng xứng đáng ở nước Thiên đàng và con sẵn sàng ngồi tước xơ đậu đời đời trong bếp của Thiên đàng. Tôi nghĩ thế và nước mắt chảy giàn giụa trên mặt. Thình lình tôi nghe thấy tiếng đập cánh trên đầu. Tôi hiểu ra và cúi đầu, sợ run lên. Thế rồi tôi nghe thấy một tiếng nói: “Zaharia ngẩng đầu lên đừng sợ, Nhưng tôi run quá, đến nỗi ngã lăn ra đất. “Ngẩng lên, Zaharia.” Cái giọng đó lại nói. Tôi ngẩng đầu lên và trông thấy. Cửa mở toang và đứng trên ngưỡng cửa là thượng đẳng thiên sứ đúng như hình vẽ trên các cánh cửa thánh đường của tu viện, y chang, cánh đen, dép đỏ và hào quang vàng óng quanh đầu, có điều thay vì thanh gươm, tay ngài cầm một ngọn đuốc đang cháy. “Chào Zaharia”, ngài nói – “Con là tôi tớ của Chúa”, tôi đáp. “Ngài sai bảo gì ạ?” – “Hãy cầm lấy cây đuốc rục lửa này và có thể

Thượng đế sẽ phù trợ người đó”. Tôi giơ tay ra và cảm thấy bóng rập cả hai lòng bàn tay. Nhưng thượng đẳng thiên sứ đã biến mất. Tôi chỉ trông thấy một vệt lửa trên bầu trời như một vì sao sa.

Tu sĩ lau mồ hôi trên mặt. Sắc diện ông ta nhợt nhạt, răng va vào nhau lập cập như lên cơn sốt.

- Sao thế? Zorba nói. Trấn tĩnh lại, Zaharia. Rồi sao nữa?

Đúng lúc ấy các tu sĩ đọc kinh chiều xong, giải tán đi vào phòng ăn. Trong khi đi qua, lão tu viện trưởng đá tôi như một con chó, làm tất cả các tu sĩ cười rộ. Tôi chẳng nói gì. Sau khi thượng đẳng thiên sứ giáng, không khí vẫn còn phảng phất mùi lưu huỳnh nhưng chẳng ai để ý thấy. “Zaharia”, Cha thu ngân nói, “không ăn ư?” Tôi vẫn ngậm miệng. “Y dùng thức ăn của thiên thần là đủ rồi”, lão kê dâm Demetrios nói. Cả lũ tu sĩ lại cười âm lên. Thế là tôi bèn đứng dậy đi ra nghĩa địa. Tôi phủ phục trước thượng đẳng thiên sứ... Hàng giờ liền tôi cảm thấy chân ngài đè nặng trên cổ tôi. Thời gian qua nhanh như chớp, ắt hẳn giờ khắc và thế kỷ sẽ trôi qua như vậy trên Thiên đàng. Đã nửa đêm. Vạn vật im lìm. Các tu sĩ đã đi ngủ. Tôi đứng dậy, làm dấu và hôn chân thượng đẳng thiên sứ. “Ý ngài sẽ được thực hiện”, tôi nói. Tôi nhắc chiếc can dầu parafin, mở nắp và đi khỏi. Trước đó, tôi đã độn đầy giẻ trong áo tu sĩ tôi đang mặc.

“Đêm tối đen như mực. Trăng chưa lên. Tu viện tối mịt, mịt mùng như địa ngục. Tôi vào trong sân, leo các bậc thềm vào đến khu của tu viện trưởng. Tôi tưới dầu lên cửa ra vào, các cửa sổ và tường. Tôi chạy đến phòng Demetrios. Ở đây, tôi tưới dầu lên khắp các phòng và dọc theo cái hành lang gỗ rộng lớn – đúng như ông dặn tôi.

Rồi tôi vào trong giáo đường thả một cây nến từ cây đèn trước tượng Chúa Cứu Thế và bắt đầu khai hỏa.”

Lúc này, tu sĩ hôn hển thở không ra hơi và dừng lại.

Mắt ông ta rục lên một ánh lửa bên trong.

- Tạ ơn Chúa. Ông ta gào lên, tay làm dấu thánh giá. Tạ ơn Chúa. Trong phút chốc, cả tu viện cháy bùng bùng. Lửa địa ngục. Tôi hét hết cơ giọng rồi cầm đầu cầm cổ chạy. Tôi chạy hoài chạy hủi và nghe thấy chuông rung cùng lũ tu sĩ la hét... và tôi chạy miết, chạy miết... Sáng ra, tôi trốn trong rừng. Tôi run cầm cập. Mặt trời lên và tôi nghe thấy bọn tu sĩ xục xạo khắp rừng tìm tôi. Nhưng Thượng đế giăng xuống một màn sương để che cho tôi nên chúng không nhìn thấy tôi. Vào khoảng chập tối, tôi nghe thấy một tiếng nói: “Hãy xuống mé biển. Đi đi.” – “Xin thượng đẳng thiên sứ hãy dắt dẫn con, xin hãy dắt dẫn con”. Tôi kêu lên và cất bước đi. Tôi chẳng biết mình đi lối nào nhưng đã có thượng đẳng thiên sứ dẫn đường, lúc bằng một ánh chớp, khi bằng một con chim đen trong hàng cây hoặc một vệt đường xuống núi. Và tôi dốc hết sức chạy theo ngài, đặt tất cả lòng tin vào ngài. Và ngài thật quảng đại biết bao, như ông thấy đấy. Tôi đã tìm thấy ông, Canavaro. Tôi đã thoát.

Zorba không nói một lời, nhưng mặt lão ngoác ra một nụ cười rộng đầy nhục cảm, từ khóe miệng đến mang tai lừa lông lá.

Bữa ăn tối đã chuẩn bị xong và lão nhắc nôi xuống khỏi hấp.

- Zaharia, lão hỏi, thức ăn của thiên thần là gì?

- Là tinh thần, tu sĩ vừa trả lời vừa làm dấu.

- Tinh thần à? Nói cách khác tức là rỗng tuếch chẳng có gì? Cái đó đâu có nuôi sống được người, lại đây ăn chút bánh mì với chút ít xúp cá và vài miếng thịt, rồi cha sẽ cảm thấy mình lại là mình. Cha đã làm một việc tốt. Ăn đi.

- Tôi không đói, tu sĩ nói.

- Zaharia không đói. nhưng còn Joseph thì sao? Hẳn cũng không đói ư?

Tu sĩ nói khẽ như thể bộc lộ một điều tuyệt mật.

- Joseph bị thiêu cháy rồi, phi thui cái linh hồn hẳn, cháy thui rồi. Đội ơn Chúa.

- Cháy thui? Zorba kêu lên với một tiếng cười. Như thế nào? Bao giờ? Cha có trông thấy hẳn cháy không?

- Đạo hữu Canavaro, hẳn cháy ngay cái lúc tôi thả nến bằng lửa cây đèn trước tượng Chúa Jesus. Tôi thấy tận mắt hẳn tòi ra khỏi miệng tôi như một dải băng đen với những chữ lửa. Ngọn lửa nến ngoạm lấy hẳn và hẳn quẩn quại như một con rắn, nhưng rồi bị thiêu cháy ra tro. Thật nhẹ cả người. Tôi cảm thấy như mình đã vào Thiên đàng rồi.

Ông ta đứng dậy khỏi bếp lửa, nơi ông ra ngồi co ro từ nãy đến giờ.

- Tôi sẽ ra ngủ bên bờ biển, tôi được lệnh phải làm thế.

Ông ta bước đi dọc theo mé nước và biến vào trong đêm đen.

- Bác phải chịu trách nhiệm về ông ta đó, Zorba, tôi nói. Nếu cánh tu sĩ tìm thấy ông ta thì ông ta đi đời.

- Họ sẽ không tìm thấy hẳn đâu, sếp đừng lo. Cái loại trò chơi này, tôi biết quá đi rồi: sáng sớm mai, tôi sẽ cạo râu cho hẳn ta, biểu hẳn mặc bộ quần áo ra dáng con người thật sự và đưa hẳn xuống một con tàu. Sếp khỏi phải lo cho hẳn, chả bố. Món ninh có ngon không? Hãy ăn bánh mì cho khoái cái lỗ miệng và đừng bận óc về mọi cái khác.

Zorba ăn uống rất ngon lành và lau rìa mép. Lúc này lão đang muốn trò chuyện.

- Sếp có để ý thấy không? Lão nói. Con quỷ trong hẳn đã chết. Và bây giờ, hẳn đâm rỗng ruột, tội nghiệp thằng cha, trống rỗng hoàn toàn, đi đứt.

Từ nay trở đi hẳn sẽ giống như tất cả mọi người khác thôi.

Lão ngẫm nghĩ một lát.

- Sếp này, sếp có nghĩ là con quý trong hẳn đã...?

- Dĩ nhiên, tôi đáp. Cái ý đốt tu viện đã ám ảnh ông ta. Bây giờ đốt rồi, ông ta thấy nguôi dịu. Cái ý ấy nó muốn ăn thịt, uống rượu, chín muối và chuyển qua hành động. Còn ông Zaharia kia thì không có nhu cầu rượu thịt, ông ta trưởng thành bằng chay tịnh.

Zorba xoay đi xoay lại nhận xét đó trong đầu.

- Ờ, tôi nghĩ sếp có lý đấy, sếp ạ. Tôi nghĩ tôi có đến năm, sáu con quý trong người cũng nên.

- Tất cả chúng ta, ai cũng có một vài con quý trong bản thân. Zorba ạ, bác đừng băn khoăn. Và càng có nhiều càng tốt. Điều chủ yếu là sao cho chúng đều nhằm cùng một mục đích, ngay cả nếu chúng đi theo những con đường khác nhau để đạt tới đó.

Vẻ như những lời đó làm Zorba xúc động sâu sắc.

Lão gục cái đầu to tướng giữa hai đầu gối, ngẫm ngợi.

- Mục đích gì? Cuối cùng lão nói, ngược mắt lên nhìn tôi.

- Làm sao tôi biết được Zorba? Bác chỉ hỏi những câu hóc búa. Làm sao tôi cắt nghĩa được điều đó?

- Sếp cứ nói thật đơn giản cho tôi hiểu. Cho đến nay, bao giờ tôi cũng để những con quý của tôi tha hồ muốn làm gì thì làm, muốn đi đường nào thì đi – và chính vì thế mà người gọi tôi là bất lương, kẻ cho tôi là lương thiện, một số nghĩ tôi điên, số khác lại nói tôi khôn ngoan như Solomon. Tôi có

tất cả ngàn nẩy thứ và còn hơn nữa – một món nộm hồ lớn chính cống. Cho nên, hãy giúp tôi làm sáng tỏ thêm đi, sếp... mục đích gì?

- Tôi nghĩ, Zorba ạ – nhưng có thể là tôi sai – tôi cho rằng có ba loại người: những kẻ lấy việc sống cuộc đời mình, ăn uống, làm tình, trở nên giàu và nổi danh làm mục đích, như họ nói ra mồm; rồi đến những kẻ không sống cuộc đời của chính mình mà lấy việc quan tâm đến cuộc đời những người khác làm mục đích – họ cảm thấy tất cả mọi người là một và họ cố gắng khai sáng đồng loại, hết lòng thương yêu đồng loại và mang lại lợi ích cho đồng loại, cuối cùng, có những kẻ nhằm sống cuộc sống của toàn thể vũ trụ – tất cả con người, thú vật, cây cối tinh tú, chúng ta đều là một, chúng ta đều là một tổ chất tham gia vào cuộc đấu tranh chung ghê gớm. Cuộc đấu tranh gì? ... Biến vật chất thành tinh thần.

Zorba gãi đầu:

- Cái sọ tôi nó đặc sệt, sếp ạ, tôi không dễ gì mà nắm được những điều này... ôi, giá mà sếp có thể nhảy múa để diễn đạt tất cả những điều vừa nói, thế thì tôi hiểu được.

Tôi cắn môi, sừng sốt. Giá tôi có thể nhảy múa để diễn đạt tất cả những ý nghĩ tuyệt vọng đó. Nhưng tôi không có khả năng ấy, đời tôi lờ rờ.

- Hoặc nếu sếp có thể nói tất cả những điều đó trong một câu chuyện, sếp à. Như Hussein Aga đã làm. Đó là một lão già Thổ Nhĩ Kỳ, hàng xóm của chúng tôi. Già lụ khụ, nghèo rớt mồng tơi, không vợ không con, cô đơn hoàn toàn. Quần áo lão rách rưới nhưng sạch bóng. Lão tự giặt lấy quần áo, tự nấu ăn lấy, cọ rửa sàn bóng lộn và ban đêm thường sang chơi nhà chúng tôi. Lão thường ngồi ngoài sân với bà tôi cùng với một số bà già khác và đan bít tất. Thế, như tôi đã nói, lão Hussein Aga ấy là một con người thánh thiện. Một hôm lão bế tôi lên lòng và đặt tay lên đầu tôi như thể ban phước lành cho tôi. “Alexis”, lão nói, “ông kể cho cháu nghe một điều bí mật nhé. Bây giờ cháu còn bé quá chưa hiểu được, nhưng khi nào lớn lên, cháu sẽ

hiếu. Nghe đây, cháu bé, cả bầy truyện về trời lẫn bầy truyện về đất đều không đủ sức chứa Thượng đế, nhưng một trái tim người thì đủ. Cho nên, cháu phải rất thận trọng – và mong sao ông có thể ban phước lành cho cháu – đừng bao giờ gây tổn thương cho một trái tim người.

Tôi im lặng nghe Zorba. Tôi nghĩ thầm: giá mình có thể ngâm miệng cho đến khi ý niệm trừu tượng đạt tới tột đỉnh và trở thành một câu chuyện! Nhưng chỉ có những nhà thơ lớn mới đạt tới mức như thế được, hoặc cả một dân tộc sau hàng mấy thế kỷ cố gắng thâm lặng.

Zorba đứng dậy:

- Để tôi đi xem tên phóng hỏa của chúng ta ra sao và đập cho hẳn tấm mền để hẳn khỏi cảm lạnh. Tôi cũng sẽ mang theo chiếc kéo nữa, chắc không phải là một công việc thượng đẳng gì cho lắm.

Lão cười khanh khách men theo bờ nước, tay cầm kéo và mền. Trăng vừa lên và tãi một ánh sáng nhọt nhọt, bệnh hoạn trên mặt đất.

Còn lại một mình bên đống lửa đang tàn, tôi cân nhắc đánh giá lời lẽ của Zorba – nó giàu ý nghĩa và có một mùi trần thế nồng ấm. Ta cảm thấy nó dâng lên từ đáy sâu bản thể lão và vẫn giữ một hơi ấm con người. Lời của tôi thì bằng giấy. Nó từ đầu óc giội xuống, họa hoằn mới hoen một đốm máu. Nếu nó có chút giá trị nào thì chính là nhờ đốm máu ấy.

Nằm sắp bụng xuống, tôi đang bới lớp than tàn còn ấm thì Zorba trở về, hai cánh tay thông bên sườn và một vẻ kinh ngạc trên nét mặt.

- Sếp xin đừng xem đây là chuyện quá nghiêm trọng...

Tôi bật dậy.

- Lão tu sĩ chết rồi, Zorba nói.

- Chết rồi?

- Tôi thấy hăn nằm trên một tảng đá, dưới ánh trăng vắng vặc. Tôi quỳ xuống bắt đầu cắt râu và tàn tích của bộ ria. Tôi cắt hoài, cắt mãi mà hăn vẫn không động cựa chi hết. Tôi bốc lên, bắt đầu gọt nhẵn cả mái tóc lờm xờm của hăn, chắc tôi đã cắt đi ít nhất là nửa ký râu tóc khỏi mặt hăn. Rồi khi thấy hăn như vậy, trụi thui lủi như con cừu bị xén lông, tôi cười như nắc nẻ: “Này, Signor Zaharia! Tôi kêu lên vừa cười vừa lay hăn. Dậy đi mà xem phép lạ Đức Mẹ Đồng Trinh vừa hoàn thành!”. Dậy cái cóc khô! Hăn không động dậy. Tôi lại lay hăn. Chẳng thấy gì! Tội nghiệp thằng cha, lẽ nào hăn đã tịch nhanh thế được, tôi tự nhủ. Tôi cởi chiếc áo dài của hăn, phanh ngực hăn ra và đặt tay lên mé trái tim hăn. Thành thật, thành thật? Chẳng thấy gì hết! Máy đã ngừng chạy.

Trong khi nói, Zorba trấn tĩnh lại. Trước cái chết lão đã lặng người không nói được mất một lúc, nhưng chẳng mấy chốc lão đã ổn định lại đầu vào đấy.

- Bây giờ ta phải làm gì đây, sếp? Theo tôi, ta phải thiêu hăn. Kẻ nào giết người khác bằng dầu parafin, chính hăn sẽ chết bằng dầu parafin. Trong kinh Phúc âm, có câu nào tương tự như thế không? Quần áo hăn nhóp bần cứng quèo, dầu parafin sẵn đây, hăn sẽ cháy bùng lên như chính Judas trong Ngày thứ Năm Thánh.

- Bác muốn làm thế nào thì làm, tôi nói, lòng bối.

Zorba trở nên dăm chiêu suy nghĩ sâu xa.

- Thật là rầy rà, cuối cùng lão nói, rầy rà quá. Nếu châm lửa vào hăn, quần áo hăn sẽ cháy đùng đùng như bó đuốc, nhưng tội nghiệp hăn chỉ còn da bọc xương. Gày đét như hăn tất sẽ phải mất rất nhiều thì giờ mới cháy ra tro hết. Người hăn chẳng có lấy một phân mỡ nào để gia tăng ngọn lửa.

Lão lắc đầu nói thêm:

- Nếu có Chúa Trời, theo sếp, liệu Người có biết trước mọi sự việc này mà cho hẳn có tí mỡ tí thịt để giúp cho chúng ta nhẹ việc không? Sếp nghĩ thế nào?

- Đừng có ngoéo tôi vào chuyện này. Bác muốn làm gì thì cứ làm, nhưng làm nhanh nhanh lên.

- Tốt nhất là có một thứ phép lạ nào đó xảy ra. Bọn tu sĩ kia sẽ phải tin rằng đích thân Chúa đã biến thành thợ cạo xuống cạo râu cho hẳn, rồi kết liễu đời hẳn để phạt về cái tội phá tu viện.

Lão gãi đầu.

- Nhưng phép lạ nào? Phép lạ nào mới được kia chứ? Đó chính là chỗ mi bết tặc, Zorba.

Mảnh trăng lưỡi liềm đã sắp lặn xuống chân trời và chuyển sang màu đồng được đánh bóng.

Mệt mỏi, tôi đi ngủ. Rạng sáng thức dậy, tôi thấy Zorba đang pha cà phê bên cạnh. Mặt lão trắng bệch, mắt đỏ ngầu và sưng húp vì mất ngủ. Nhưng đôi môi dê của lão tùm tùm cười ranh mãnh:

- Đêm qua tôi không ngủ, sếp ạ, tôi có chút việc phải làm.

- Việc gì, lão xỏ lá?

Lão cười to và đặt ngón tay chặn ngang môi.

- Tôi không nói cho ông biết vội! Mai là ngày làm lễ khánh thành hệ thống dây cáp vận chuyển của chúng ta. Tất cả lũ lợn béo ấy sẽ có mặt ở đây để ban phước, rồi chúng sẽ được biết về phép lạ mới do Đức Mẹ Báo Oán vừa ra tay thực hiện – vĩ đại thay quyền lực của Ngài!

Lão dọn cà phê ra:

- Sếp biết không, tôi nghĩ mình có thể làm một tu viện trưởng cừ khôi, lão nói. Nếu tôi khai trương một tu viện, tôi cuộc với sếp là tất cả các tu viện khác sẽ phải đóng cửa mất hết khách với tôi. Các ngài thích nước mắt ư? Một miếng bọt biển ướt bé xíu đặt đằng sau các thánh tượng, thế là các vị thánh sẽ tha hồ mà khóc. Thích sấm sét đùng đùng? Tôi sẽ để một cái máy dưới bàn thờ cho nó chạy rầm rầm đến điếc tai. Thích ma? Cho hai tu sĩ tin cần nhất choàng “dra” trắng ban đêm lượn lờ trên mái tu viện. Và mỗi năm, tôi tập hợp một đám mù lòa, què cụt và bán thân bắt toại nhân ngày hội Đức Mẹ và lo liệu sao cho chúng lại nhìn thấy ánh mặt trời, hoặc đứng thẳng dậy được, để nhảy múa ngợi ca sáng danh Mẹ! Có gì đáng cười hả sếp? Tôi có ông chú, một hôm thấy một con la già sắp chết. Người ta đem bỏ cho nó chết trong núi. Chú tôi đem nó về nhà. Sáng sáng chú tôi dắt nó ra bãi chăn và tối lại dẫn nó về. Này Haralavnbos! Dân làng thường gọi lớn khi thấy ông đi qua. “Ông cho rằng ông có thể làm gì với cái con la già ấy?” – “Nó là nhà máy sản xuất phân bón của tôi.” Chú tôi trả lời. Vậy đó, sếp ạ, trong tay tôi, tu viện sẽ là một nhà máy làm ra phép lạ.

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 25

Chừng nào còn sống, tôi sẽ không bao giờ quên hôm trước ngày mồng một tháng Năm.

C

Đường dây cáp vận chuyển đã xong, các cột trụ, dây cáp và ròng rọc lắp lách trong nắng sớm mai.

Những thân cây thông kích sù chất đống trên đỉnh núi và công nhân đang túc trực đợi hiệu lệnh cột chúng vào dây cáp để thả xuôi xuống bờ biển.

Một lá cờ Hy Lạp lớn phần phật trên đỉnh cột ở điểm xuất phát trên sườn núi và một lá tương tự ở phía dưới bên bờ biển. Trước lều chúng tôi, Zorba đã đặt một thùng rượu vang. Cạnh đó, một công nhân đang dùng xiên quay một con cừu béo. Sau lễ ban phước và khánh thành, các quan khách sẽ dùng rượu và chúc chúng tôi thành công.

Zorba cũng đã lấy cái lồng vẹt ra, đặt trên một tảng đá cao gần cột trụ đầu tiên.

- Như thế là tôi có thể nhìn thấy chủ nó vậy, lão thì thầm, âu yếm nhìn con chim. Lão móc trong túi một nắm lạc cho nó ăn.

Zorba mặc bộ đồ óách nhất của mình: sơ mi trắng không cài khuy, áo vét xanh lá cây, quần xám và giày đế cao su loại tốt. Ngoài ra, lão còn lấy sáp đánh bóng bộ ria đã bắt đầu phai màu.

Như một nhà đại quý tộc nghênh tiếp quan khách ngang hàng với mình, lão sẵn sàng chào đón các vị hương mục khi họ tới, giải thích cho họ hiểu một hệ thống dây cáp vận chuyển là thế nào, nó sẽ đem lại những lợi ích gì cho nông thôn và Đức Mẹ Đồng Trinh đã ra ân sủng vô biên, đem sự thông tuệ sáng láng giúp lão thực hiện hoàn hảo dự án này như thế nào.

- Đây là một công trình kỹ thuật lớn, lão nói. Phải tìm cho ra độ dốc chuẩn xác, muốn thế phải mất công nghiên cứu. Tôi đã vất óc bao tháng ròng mà không ăn thua. Hiển nhiên là với những công trình vĩ đại như thế này, trí óc con người không đủ, cần có sự phù trợ của Thượng đế... Thế, Đức Mẹ Đồng Trinh thấy tôi xoay sở vất vả quá bèn động lòng thương. “Tội nghiệp Zorba.” Mẹ nói. “Nó không phải là kẻ xấu, nó làm việc này vì lợi ích của làng, có lẽ ta nên giúp nó một tay.” Thế rồi, ôi phép màu của Chúa!

Zorba dừng lại và làm dấu ba lần liền.

Ôi, phép màu. Một đêm, tôi mơ thấy một người đàn bà vận đồ đen đến bên tôi – đó chính là Đức Mẹ Đồng Trinh. Tay mẹ cầm một mô hình đường dây cáp nhỏ bằng từng này này. “Zorba,” Mẹ nói, “ta mang cho con, cách thức từ trên trời. Đây là độ dốc con đang cần và đây phước lành ta ban.” Và Mẹ biến mất. Tôi giật mình tỉnh dậy và chạy ra chỗ thí nghiệm và tôi trông thấy gì. Đường dây tự nó đã dựng theo đúng góc độ. Và nó ngào ngạt mùi an tức hương nữa chứ, chứng tỏ bàn tay Đức Mẹ Đồng Trinh đã chạm đến.

Kondomanolio đang mở miệng định hỏi thì năm tu sĩ cười la hiện ra trên con đường núi lởm chởm đá. Người thứ sáu, vai vác một cây thánh giá lớn bằng gỗ vừa chạy đằng trước họ vừa la. Chúng tôi ráng nghe xem y la những gì, nhưng không rõ.

Tiếng hát thánh ca vang lên. Các tu sĩ vung tay lên trên không, làm dấu và móng la nện vào đá tóe lửa.

Người tu sĩ chạy bộ đến bên chúng tôi, mặt nhể nhại mồ hôi. Y giơ cao cây thánh giá.

- Hỡi các tín đồ Cơ Đốc giáo. Một phép lạ, y kêu. Hỡi các tín đồ Cơ Đốc giáo! Phép lạ! Các cha đang mang Đức Mẹ Đồng Trinh tới. Hãy quỳ xuống thờ phụng Người.

Dân làng, các hương mục và thợ thuyền náo nức chạy tới vây quanh tu sĩ và làm dấu. Tôi đứng tách riêng ra. Zorba liếc nhìn tôi, mắt long lanh.

- Sếp cũng lại gần đi. lão nói. Lại mà nghe kể về phép lạ của Đức Mẹ Đồng Trinh Tối Linh.

Hồn hển và vội vàng, tu sĩ bắt đầu kể:

“- Hãy quỳ xuống, các tín đồ Cơ Đốc và hãy nghe phép Thần Linh. Nghe đây, các tín đồ Cơ Đốc. Ma quỷ đã bắt hồn tên Zaharia đáng nguyên rủa, và cách đây hai hôm, đã xúi hấn tưới dầu khắp tu viện chí thánh. Nửa đêm các cha thấy lửa cháy. Các cha vội vàng trở dậy ra khỏi giường, tu viện, các hành lang và các trai phòng đều ngùn ngụt lửa. Các cha kéo chuông và kêu lớn: Cứu nạn. Cứu nạn. Lạy Đức Mẹ Đồng Trinh Báo Oán! Và các cha xách bình và xô đầy nước nhào tới đám cháy. Đội ơn Đức Mẹ, đến sáng sớm, lửa tắt. Các cha tới miếu đường, quỳ xuống trước thánh tượng nhiệm màu của Đức Mẹ, kêu lớn: Lạy Đức Mẹ Đồng Trinh Báo Oán. Xin Mẹ cầm giáo giáng xuống thủ phạm. Rồi các cha tập hợp trong sân và nhận thấy vắng mặt Zaharia, tên Judas phản chúa. Hẳn là kẻ châm lửa đốt chúng ta. Chắc chắn là hẳn, không sai.

Các cha kêu lên và bỏ nhào đuổi theo hẳn. Các cha lùng sục suốt ngày mà không thấy gì, rồi suốt đêm, vẫn thẳng thấy. Nhưng rạng sáng hôm nay, một lần nữa, các cha đến miếu đường và các đạo hữu có biết các cha thấy

gì không? Một phép lạ ghê gớm! Zaharia nằm chết ngay dưới chân thánh tượng thiêng liêng và mũi giáo của Đức Mẹ Đồng Trinh có một vết máu lớn.”

- Kyrie eleison! Kyrie eleison! Dân làng khiếp hãi rì rầm.

- Chưa hết, tu sĩ vừa nói thêm vừa nuốt nước bọt. Khi các cha cúi xuống để nhắc tên Zaharia đáng nguyên rủa lên, các cha sững ra, thất kinh: Đức mẹ Đồng Trinh đã cạo sạch tóc tai, râu ria hăn – như một linh mục Thiên Chúa giáo.

Vất vả lắm mới nhìn được cười, tôi quay sang Zorba.

- Đồ xỏ lá! Tôi nói khề.

Nhưng lão đang nhìn tu sĩ, trợn tròn mắt kinh ngạc và không ngừng làm dấu với vẻ xúc động sâu sắc để chứng tỏ sự sững sốt tột độ của mình.

- Lạy Chúa, Người vĩ đại biết bao! Lạy Chúa, Người vĩ đại biết bao. Tuyệt diệu thay công việc của Người! Lão lầm rầm.

Giữa lúc đó, các tu sĩ khác tới và xuống ngựa. Cha tiếp tân ôm tượng thánh mẫu, trèo lên một tảng đá và tất cả lao tới chen lấn nhau phủ phục trước Đức Mẹ Đồng Trinh thần diệu. Đi sau cùng là cha Demetrios béo ị, bưng một cái đĩa quỳên tiền và vẩy nước hồng lên những cái đầu nông dân rần rần. Ba tu sĩ đứng quanh ông tụng thánh ca, tay khoanh trước bụng, mặt lấm tấm những giọt mồ hôi lớn.

- Chúng ta sẽ rước Mẹ quanh các làng của đảo Crete, cha Demetrios béo ị nói, để các tín đồ có thể quỳ trước Người và dâng lễ vật. Chúng ta cần tiền, rất nhiều tiền để trùng tu tu viện...

- Một lũ lợn béo. Zorba làu bàu. Cả đến chuyện này chúng cũng lợi dụng để kiếm chác.

Lão tiến lại chỗ tu viện trưởng.

- Trình Đức cha chí thánh mọi sự đã sẵn sàng cho buổi lễ. Cầu Đức Mẹ Đồng Trinh ban phước lành cho công trình của chúng tôi.

Mặt trời đã lên cao, nóng nung người, không một hơi gió. Các tu sĩ đứng quanh cột cờ. Họ lấy ống tay áo thụng lau mồ hôi trán và bắt đầu tụng bài kinh cầu cho nền móng các công trình.

- Lạy Chúa, ôi lạy Chúa, xin Người đặt cái khí cụ này trên nền đá tảng vững vàng để cả gió bão lẫn sóng nước đều không lay chuyển nổi...

Họ nhúng cây ngù rẫy nước thánh vào chiếc bát đồng và rẫy lên tất cả mọi thứ, vật và người – cột trụ, dây cáp, ròng rọc, Zorba và tôi, rồi cuối cùng, dân làng, thợ thuyền và biển nữa.

Đoạn rất thận trọng, như thể nâng giấc một nữ bệnh nhân, họ nhắc tượng thánh mẫu đặt sát cạnh con vệt và đứng vây quanh. Phía bên kia là các lão làng với Zorba ở giữa. Còn tôi lúc này đã hơi lù một chút về mé biển chờ đợi. Đường dây cần được vận hành thử với ba cái cây tượng trưng Đức Chúa Ba Ngôi. Tuy nhiên, để tỏ lòng biết ơn Đức Bà Đồng Trinh Báo Oán, người ta thêm vào một cây thứ tư.

Tu sĩ, dân làng và thợ thuyền, tất cả đều làm dấu.

- Nhân danh Đức Chúa Ba Ngôi và Đức Mẹ Đồng Trinh! Họ lầm rầm.

Phốc một cái, Zorba nhảy tới bên cột trụ thứ nhất kéo dây hạ cờ. Đó là dấu hiệu mà đám thợ trên đỉnh núi vẫn chờ từ nãy đến giờ. Toàn thể khán giả lù lại và nhìn lên đỉnh núi.

- Nhân danh Cha! Tu viện trưởng kêu.

Không thể nào tả được điều xảy ra lúc bấy giờ. Tai họa giáng xuống chúng tôi như tiếng sét. Chúng tôi chỉ vừa đủ thì giờ để chạy té ra. Toàn bộ cấu trúc chao đảo.

Cây thông do đám thợ móc vào dây cáp lao xuống với tốc độ quỷ khốc thần sầu. Những tia lửa tung tóe, những mảnh gỗ lớn vèo vèo trong không trung và mấy phút sau, khi thân cây thông xuống tới bờ biển, nó chỉ còn là một khúc gỗ cháy thành than.

Zorba nhìn tôi, hổ thẹn. Đám tu sĩ và dân làng thận trọng rút lui. Những con la bị cột bắt đầu chồm lên. Cha Demetrios to béo gục xuống, hốt hển.

- Lạy Chúa thương xót con. Y khiếp đảm lằm rằm khấn.

Zorba giơ tay lên.

- Không sao cả, lão nói với vẻ tự tin. Thân cây đầu tiên bao giờ cũng vậy. Bây giờ máy trơn rồi... Nhìn đây.

Lão kéo cờ lên, ra hiệu lệnh lần nữa rồi chạy giạt sang.

- Nhân danh Đức Chúa con! Tu viện trưởng hô, giọng run run.

Người ta thả thân cây thứ hai. Các cột trụ rung lên, thân cây tăng tốc, nhảy loạn như con chơi chơi và lao sầm sầm xuống phía chúng tôi. Nhưng nó không đi được xa, mà tan tành giữa lưng chừng dốc.

- Quỷ bắt nó đi! Zorba lằm bằm, cắn vào ria. Cái độ dốc chết tiệt này chưa chuẩn xác! Giận dữ, lão nhảy chồm đến cột trụ và lại kéo cờ lên, hạ cờ xuống làm hiệu lệnh cho thứ lần thứ ba. Lúc này đám tu sĩ đứng nấp sau những con la của họ, làm dấu. Các hương mục nhấp nhòm chờ đợi, chân trước chân sau sẵn sàng chạy.

- Và Đức Chúa Thánh Thần! Tu viện trưởng lấp bắp, tay vén vạt áo chuẩn bị.

Thân cây thứ ba to đùng vừa được thả xuống khỏi đỉnh núi thì một tiếng ầm ầm kinh khủng nổi lên.

- Lạy Chúa, nằm rạp xuống! Zorba vừa thét vừa chạy thật nhanh.

Đám tu sĩ gieo mình xuống đất, còn dân làng thì ba chân bốn cẳng ù té.

Thân cây chồm lên rồi lại rơi xuống trên dây cáp làm tóa ra một chùm tia lửa và trước khi chúng tôi kịp nhận thấy điều gì xảy ra, vun vút lướt trên triền núi, bãi biển và đâm thẳng xuống mặt biển, làm bắn tung bọt sóng lên như cột nước. Các cột trụ rung chuyển một cách dễ sợ, nhiều cái đã nghiêng hẳn. La giựt đứt dây buộc chạy trốn.

- Không sao! Không việc gì phải lo! Zorba quỳnh lên kêu lớn. Bây giờ, máy đã trơn thật sự, ta có thể khởi đầu lại đúng quy cách.

Lão lại kéo cờ lên một lần nữa. Chúng tôi cảm thấy lão xiết bao tuyệt vọng và khắc khoải muốn cho mọi sự kết thúc đi cho rồi.

- Và nhân danh Đức Mẹ Đồng Trinh Báo Oán! Tu viện trưởng vừa lấp bắp nói vừa cầm cổ chạy tới chỗ mấy tảng đá.

Thân cây thứ tư được thả. Một tiếng vỡ toác kinh khủng vang lên, lặp lại lần thứ hai trong không trung và tất cả các cột trụ theo nhau đổ sập xuống như những lá bài tây.

- Kyrie eleison! Kyrie eleison! Dân làng, thợ thuyền và tu sĩ vừa tru tréo vừa chạy tán loạn.

Một mảnh gỗ làm Demetrios bị thương ở đùi và một mảnh khác chỉ thiếu một li nữa thì khoét bay mắt tu viện trưởng. Dân làng biến sạch. Một

mình Đức Mẹ Đồng Trinh đứng thẳng trên tảng đá, tay cầm giáo, nhìn đám người bên dưới bằng con mắt lạnh lùng và nghiêm nghị.

Bên cạnh Người, con vẹt run bần bật, bảy phần chết ba phần sống, những chiếc lông xanh dựng đứng.

Các thầy tu ôm lấy tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, đỡ Demetrios đang rên la dậy, tập hợp la lại, lên yên và rút lui. Sợ chết khiếp, mấy công nhân được phân công quay cừ vứt tất cả bỏ chạy và thịt đã bắt đầu cháy khét.

- Con cừ cháy thành than mất. Zorba lo lắng kêu và chạy đến cái xiên quay thịt.

Tôi ngồi xuống cạnh lão. Không còn ai trên bãi biển, chúng tôi hoàn toàn một mình. Lão quay sang nhìn tôi một cái nhìn nghi hoặc, ngại ngùng. Lão không biết tôi sẽ nhận định ra sao về tai họa này, hoặc cuộc phiêu lưu này sẽ kết thúc như thế nào.

Lão lấy một con dao, cúi xuống con cừ một lần nữa, ném thử và lập tức nhấc nó ra khỏi bếp lửa và dựng cả con vật cùng thanh xiên lên dựa vào một thân cây.

- Chín tới, lão nói, vừa chín tới, sếp ạ. Sếp có muốn ăn một miếng không?

- Mang luôn cả bánh và rượu lại đây, tôi nói. Tôi đang đói đây.

Zorba vội chạy tới thùng rượu vang, lăn nó lại cạnh con cừ, mang một ổ bánh mì trắng và hai cái ly tới.

Chúng tôi mỗi người một con dao, xẻo hai miếng thịt cừ, cắt chút bánh và bắt đầu ăn.

- Ngon tuyệt, phải không sếp? Cứ là tan ra trong miệng. Ở đây không có những bãi cỏ tươi, súc vật ăn cỏ khô quanh năm, vì vậy thịt nó ngon thế. Tôi nhớ là chỉ có một lần trong đời, tôi được ăn thứ thịt ngon như thế này. Đó là hồi tôi lấy tóc mình thêu hình nhà thờ nữ thánh Sophia để đeo làm bùa hộ mệnh... chuyện xưa rồi...

- Kể tôi nghe nào.

- Chuyện cổ lỗ sĩ, thật đấy sếp ạ! Một ý điên rồ kiểu Hy Lạp ấy mà.

- Cứ kể đi, Zorba, tôi thích nghe bác kể chuyện.

- Vậy thì thế này. Chiều hôm ấy, chúng tôi bị bọn Bulgari bao vây, chúng tôi thấy chúng đốt lửa khắp bốn bề trên các triền núi. Để nhát chúng tôi, bọn chúng lấy thanh la não bạt đánh ầm lên và hú như một bầy sói. Chắc phải tới ba trăm tên có lẽ. Chúng tôi có hai mươi tám người, đứng đầu là Rouvas – Cầu Chúa cứu rỗi linh hồn gã, nếu gã chết rồi, đó là một anh chàng rất hay: “Này, Zorba”, gã bảo, “lấy xiên quay con cừu đi” – “Thưa đại úy đào lỗ nướng ngon hơn nhiều”, tôi nói – “Tùy cậu, muốn làm thế nào thì làm, nhưng giải quyết đi, anh em đói lắm rồi”, gã nói. Thế là chúng tôi đào một cái hố ẩn con cừu xuống đó, chất lên một lớp than và nhóm lửa.

Đoạn chúng tôi lấy bánh mì trong bọc ra và ngồi quanh đống lửa. “Đây có thể là con cừu cuối cùng chúng ta được ăn, sếp của bọn tôi nói, “Anh em ta có sợ không?” Tất cả chúng tôi cười ồ. không ai thèm trả lời gã. Chúng tôi ai cầm bầu rượu của người nấy và nói: “Chúc sức khỏe sếp. Đứa nào muốn bắn trúng cánh ta thì phải là thiện xạ!” Chúng tôi uống hết đợt này đến đợt khác, đoạn tôi lôi con cừu ra khỏi hố. “Ôi, sếp, thịt cừu chi mà tuyệt”. Bây giờ nghĩ đến, tôi còn chảy nước miếng. Nó tan trong miệng như kẹo loukoum ấy. Tất cả bọn tôi ngấu nghiến tấp lự. “Cả đời mình chưa bao giờ được ăn thứ thịt nào ngon hơn thế này.” Sếp của bọn tôi nói, “Lạy Chúa cứu vớt chúng con”. Và mặc dầu trước đó chưa bao giờ uống rượu, gã tợp một hơi hết ly vang. “Anh em hát một ca khúc Klepht đi!” gã ra lệnh. “Cái

bọn đang kia hú như chó sói, chúng ta hãy hát như những con người. Ta hãy bắt đầu bằng bài Lão Dimos.” Bọn tôi uống thật nhanh, rót thêm và lại uống nữa. Rồi bọn tôi bắt đầu hát, mỗi lúc một to hơn, tiếng ca vang vang, dư âm vọng lại qua các khe suối... Ta là đạo tặc Klepht đã bốn mươi năm... Chúng tôi hát vang lên, say sưa. “Đấy, Thượng đế phù trợ chúng ta!” đại úy nói. “Phấn chấn tinh thần! Này, Alexis, nhìn thử lưng con cừu xem... Có thấy báo hiệu gì không?” Tôi cúi trên bếp lửa và lấy dao bắt đầu cạo lưng con vật. “Tôi chẳng thấy có nấm mộ nào, thưa đại úy, tôi kêu lên. “Cũng chẳng thấy ai chết. Chúng ta sẽ lại thoát hiểm một lần nữa, anh em ạ.” – “Cầu sao Thượng đế nghe thấy lời cậu!”. Sếp của chúng tôi nói, gã mới lấy vợ chưa được bao lâu. “Mong Người để cho tôi có được một đứa con trai! Sau đó muốn ra sao thì ra!”

Zorba cắt một miếng thịt lớn quanh trái cật.

- Cái con cừu ấy thật tuyệt vời, lão nói, nhưng con này cũng chẳng kém tí nào. Một thứ cao lương mỹ vị!

- Rót rượu ra, Zorba, tôi nói. Rót đầy đến miệng ly và chúng ta sẽ uống cạn.

Chúng tôi cụng ly và thưởng thức thứ rượu vang Crete tuyệt hảo màu đỏ thắm như máu thỏ rừng. Uống thứ rượu này, ta cảm thấy như đang hòa đồng với máu của trái đất và ta trở thành một con yêu tinh. Huyết quản ta tràn trề sức mạnh, tim ta sáng khoái! Từ một con cừu, ta bỗng trở thành sư tử. Ta quên sự nhỏ nhen ti tiện của đời sống, mọi cưỡng chế tiêu tan. Hợp nhất với người, thú vật và Thượng đế, ta cảm thấy hòa làm một với vũ trụ.

- Hãy nhìn lưng con cừu và đọc xem nó báo điều gì, tôi kêu. Nào, Zorba.

Lão róc rất cẩn thận từng miếng thịt lưng, lấy dao nạo sạch, giơ lên ánh lửa và chăm chú nhìn.

- Mọi sự đều tốt đẹp, lão nói. Chúng ta sẽ sống ngàn năm, sếp ạ. Tim chúng ta bằng thép.

Lão cúi xuống xem xét lưng cừu lần nữa trong ánh lửa bếp.

- Tôi thấy một hành trình, lão nói, một hành trình dài. Ở cuối đường đi là một ngôi nhà lớn rất nhiều cửa... Chắc đó phải là kinh đô của một vương quốc nào đó, sếp ạ hoặc cái tu viện ở đó tôi sẽ giữ chân gác cổng và buôn lậu như chúng ta nói.

- Rót rượu, Zorba, và dẹp những lời tiên tri của bác đi. Tôi sẽ nói cho bác biết ngôi nhà lớn với tất cả các cửa nọ, thực ra là cái gì, đó là trái đất với tất cả những năm mờ của nó, Zorba ạ. Đó là kết thúc của hành trình. Chúc sức khỏe bác, đồ ông mãnh.

- Chúc sức khỏe sếp! Người ta nói vận may thường mù lòa. Nó không thấy đường và cứ đâm phải người hoài... và chúng ta gọi những ai bị nó va phải là may mắn!

- Chà, nếu may mắn là như thế thì để cho ma quỷ bắt nó đi! Chúng ta không cần thứ may mắn đó, phải không sếp?

- Đúng thế, Zorba! Chúc sức khỏe.

Chúng tôi uống, chúng tôi ăn nốt con cừu và thế giới có phần khinh khoái hơn, biển nom hoan hỉ, đất trồng thành như boong tàu, hai con hải âu đi ngang bãi sỏi, ríu rít trò chuyện như người.

Tôi đứng dậy.

- Đây, Zorba, tôi kêu lên. Dạy tôi nhảy đi!

Zorba bật đứng lên, mặt ngời sáng.

- Nhảy hả sếp? Nhảy hả? Tuyệt! Nào!

- Vậy thì ta bắt đầu đi, Zorba! Đời tôi đã thay đổi!

- Để bắt đầu, tôi sẽ dạy sếp điệu Zêimbêkikô. Đó là một điệu nhảy quân sự cuồng khấu. Hồi ở trong hàng ngũ Comitadji trước khi xung trận, bọn tôi bao giờ cũng nhảy điệu này.

Lão tụt giày cùng đôi tất màu tía, chỉ giữ lại áo sơ mi. Nhưng rồi vẫn cảm thấy quá nóng, lão cởi hết luôn.

- Quan sát chân tôi, sếp nhé, lão ra lệnh cho tôi. Nhìn kỹ nhé!

Lão đưa một chân ra, đầu ngón khê chạm mặt đất, rồi giơ nốt chân kia, các bước quyện lẫn vào nhau, mạnh mẽ, vui vẻ, mặt đất rợn lên như trống thúc.

Lão lắc vai tôi.

- Nào, chú mình, lão nói. Cả hai ta cùng nhảy.

Chúng tôi lao vào điệu vũ. Zorba chỉ bảo uốn nắn cho tôi nghiêm trang, kiên nhẫn và hết sức dịu dàng. Tôi mạnh bạo lên và cảm thấy tim mình tung cánh như chim trời.

- Hoan hô! Chú mình thật tuyệt vời! Zorba kêu lên, vỗ tay giữ nhịp. Hoan hô bạn trẻ! Vứt giấy, mực đi! Tung hê hàng hóa và lời lẽ đi! Cho quý bắt hằm mỏ, thợ thuyền và tu viện đi! Và bây giờ khi mà chú mình cũng biết nhảy và đã học được ngôn ngữ của tôi, còn có gì mà chúng ta không nói được với nhau!

Lão giậm đôi chân trần trên sỏi và vỗ tay.

- Sếp ạ, lão nói, tôi có hàng chục điều cần nói với sếp. Trước đây, tôi chưa hề yêu ai như yêu sếp. Tôi có hàng trăm điều cần nói, nhưng lưỡi tôi bất lực. Cho nên tôi sẽ nhảy múa để diễn đạt. Này đây!

Lão nhảy phốc lên không, tay chân như mọc cánh.

Khi vút thẳng lên không trên nền biển và trời, nom lão giống như một thượng đẳng thiên sứ già nổi loạn. Vì điệu nhảy của Zorba đầy thách thức và ngang ngạnh.

Dường như lão đang quát lên với bầu trời: “Thượng đế, Người có thể làm gì được ta? Người chẳng thể làm gì khác ngoài cách giết ta. Thế thì giết ta đi, ta đâu có cần. Ta đã trút nỗi buồn của ta, ta đã nói tất cả những điều ta muốn nói, ta đã có thì giờ để nhảy múa... và ta không cần Người nữa”.

Nhìn Zorba nhảy múa, lần đầu tiên tôi hiểu những cố gắng huyền hoặc của con người để chế ngự trọng lượng của mình. Tôi khâm phục sức chịu đựng, động tác khéo léo và tư thế kiêu hãnh của Zorba. Những bước thông minh và vũ bão của lão đang viết trên cát lịch sử quý quái của nhân loại.

Lão dừng lại, ngắt đường dây cáp tan tành cùng cả loạt đồng hồ nát. Mặt trời đang xế bóng đỏ dài thêm.

Zorba quay sang tôi và với một cử chỉ thông thường đối với lão, áp tay lên miệng.

- Này sếp, lão nói, sếp có thấy những chùm tia lửa cái của nợ ấy làm bắn tóe ra không?

Chúng tôi phá lên cười.

Zorba nhảy bổ lại ôm chầm lấy tôi hôn.

- Cái đó cũng làm cho sếp bật cười ư? Lão âu yếm nói. Sếp cũng cười ư? Hả sếp? Thế thì tốt!

Cười ngả cười nghiêng, chúng tôi đùa giỡn vật nhau một lúc. Rồi, gieo mình xuống đất, chúng tôi nằm duỗi dài trên lớp sỏi và ôm nhau ngủ.

*

Tôi trở dậy vào lúc rạng đông và rảo bước dọc theo bãi biển về phía làng, tìm tôi nháy nhót trong lồng ngực. Đời tôi hiếm khi vui tràn trề như thế này. Đó không phải là cái vui bình thường, mà là một niềm hân hoan siêu tuyệt, phi lý và vô cố. Chẳng những vô cố mà còn ngược hẳn với mọi cố có thể viện ra. Lần này, tôi mất hết – tiền bạc, thợ thuyền, đường dây cáp, xe ôm vận tải, chúng tôi đã xây dựng một cảng nhỏ và bây giờ chúng tôi chẳng có gì để xuất cảng. Mất sạch sành sanh.

Thế đó, vào đúng cái lúc ấy, tôi lại thấy tràn ngập một cảm giác được giải thoát bất ngờ. Như thể trong cái mê cung ngoắt ngoéo, tối tăm của tai ách, tôi đã phát hiện thấy chính nàng tự do đang sung sướng chơi đùa trong một góc. Và tôi bèn chơi đùa với nàng.

Khi mọi sự đều hồng hét, thật vui mừng xiết bao nếu ta trải nghiệm tâm hồn mình, thấy nó có dư sức chịu đựng và can đảm. Một kẻ thù toàn năng và vô hình – kẻ gọi đó là Thượng đế, người kêu đó là Ma Quỷ – dường như xông tới để tiêu diệt chúng ta, song chúng ta không bị tiêu diệt.

Mỗi lần chúng ta là kẻ thiếu thặng bên trong bản thân mình, mặc dầu bên ngoài thì thất bại hoàn toàn, chúng ta, những con người, cảm thấy tự hào, vui sướng khôn xiết tả. Tai họa bên ngoài biến thành một điểm phúc tối thượng, không gì lay chuyển nổi.

Tôi nhớ lại một chuyện Zorba đã có lần kể tôi nghe:

“Một đêm, trên một ngọn núi phủ đầy tuyết ở Macedonia nổi lên một cơn gió khủng khiếp. Gió lay túp lều nhỏ nơi tôi nướng náu, toan lật nhào nó. Nhưng tôi đã chèn chống, củng cố nó. Tôi ngồi một mình bên bếp lửa, cười nhạo trêu chọc gió. Cậu đừng hòng vào được trong lều tớ, người anh

em. Tớ không mở cửa cho cậu đâu. “Cậu đừng hòng dập tắt được bếp lửa của tớ, đừng hòng lật nhào được lều tớ”. Qua mấy lời đó của Zorba, tôi đã hiểu con người phải ứng xử ra sao và phải dùng giọng điệu nào khi nói với tai ách đầy cường lực nhưng mù lòa.

Tôi bước nhanh dọc theo bãi biển, vừa đi vừa nói với kẻ thù vô hình. Tôi kêu lớn: “Mi đừng hòng vào được tâm hồn ta. Ta không mở cửa cho mi đâu. Mi đừng hòng dập tắt được ngọn lửa trong ta,” đừng hòng quật ngã ta.”

Mặt trời chưa ló lên khỏi đỉnh núi. Bên trên mặt nước bầu trời lung linh màu sắc – xanh lơ, xanh lục, hồng và lóng lánh hạt trai, trong đất liền, giữa những lùm cây ô-liu, chim chóc thức dậy đang ríu rít, say sưa với ánh ban mai.

Tôi bước dọc theo mé nước để chào từ biệt bãi biển cô liêu này, để khắc sâu nó vào tâm trí và mang theo.

Tôi đã trải bao niềm vui, bao khoái cảm trên bãi biển này. Sống với Zorba, lòng tôi mở rộng ra, một số lời lẽ của lão đã làm tâm hồn tôi nguội đi. Con người này, với bản năng không thể lầm lẫn và đôi mắt nguyên sơ như mắt đại bàng đã chọn những con đường tắt đáng tin cậy và không hề hụt hơi, đã đạt tới tột đỉnh cố gắng, thậm chí còn đi xa hơn nữa.

Một tốp vừa nam vừa nữ đi ngang qua, tay xách những làn đầy thức ăn và những chai rượu vang lớn. Họ đi đến các vườn để mừng ngày đầu tháng Năm. Một thiếu nữ hát vang, giọng trong như nước suối. Một cô bé, ngực non đã nhú, chạy qua tôi, thở hổn hển và leo lên một tảng đá cao. Một người đàn ông râu đen mặt tái đi vì giận dữ đuổi theo cô.

- Xuống, xuống đi... y kêu, giọng khàn khàn.

Nhưng cô bé, má đỏ rực, giơ tay lên chấp sau đầu và vừa nhẹ nhàng lắc lư thân hình đắm mồ hôi vừa hát:

Hãy nói với tôi, dù cười dù khóc Rằng anh chẳng yêu tôi. Nào tôi có cần chi?

- Xuống, xuống đi... người đàn ông để râu la lớn, cái giọng khàn khàn vừa van xin vừa dọa dẫm. Bất chợt, gã nhảy phốc lên nắm được chân cô bé, riết thật dữ. Cô bé òa khóc như thể chỉ đợi cử chỉ thô bạo ấy để trút vơi nỗi niềm theo dòng nước mắt. Tôi khiếp hãi lắc đầu. Đôi khi trái đất trở nên trong suốt và chúng ta trông thấy kẻ thống trị tối hậu của mình, con dòi, làm việc ngày đêm trong những xường ngầm dưới đất của nó. Nhưng ta vội vàng quay mắt đi, bởi lẽ con người có thể chịu đựng được mọi thứ trừ cái hình ảnh của con sâu nhỏ màu trắng ấy.

Vào đến làng, tôi gặp bác đưa thư đang sắp sửa thổi hiệu kèn trompette của mình.

- Ông chủ có thư, bác ta vừa nói vừa giơ một chiếc phong bì màu xanh.

Tôi mừng quýnh khi nhận ra nét chữ thanh thanh.

Tôi phăng phăng băng qua vòm lá ra khỏi rặng cây ô-liu và nôn nóng bóc thư. Thư ngắn và viết vội: Tôi đọc thẳng một mạch.

“Chúng mình đã tới biên giới Georgia, đã thoát khỏi bọn Kurd và mọi sự đều ổn. Cuối cùng mình đã hiểu thế nào là hạnh phúc thật sự. Vì mãi đến bây giờ mình mới thật sự nghiệm sinh câu phương ngôn cổ: “Hạnh phúc là làm tròn bốn phận và bốn phận càng khó khăn, hạnh phúc càng lớn”.

“Trong vòng mấy ngày nữa, những con người bị săn đuổi dờ sống dờ chết này sẽ tới Batum và mình vừa nhận được một bức điện tín như sau: Những con tàu đầu tiên đã xuất hiện.

“Mấy nghìn người Hy Lạp cần cù, thông minh này cùng với những cô vợ mộng to và những đứa con mắt cháy rục của họ chẳng bao lâu sẽ được

chở tới Macedonia và Thrace. Chúng mình sắp truyền một dòng máu mới
dũng cảm vào huyết quản cũ của Hy Lạp.

“Mình đã phần nào kiệt lực, mình thừa nhận thế, song điều đó có gì là
quan trọng? Chúng mình đã chiến đấu, kính thưa ngài và đã thắng. Mình
lấy thế làm hạnh phúc.”

*

Tôi giấu bức thư và vội vã đi tiếp. Tôi cũng sung sướng. Tôi rẽ vào con
đường mòn lên sườn núi dốc đứng, tay vịn vào một nhánh bách lý hương
thơm ngát. Đã gần trưa và bóng tôi thu gọn lại dưới chân. Một con chim cắt
rập rờn, cánh đập nhanh đến nỗi trông như không động đậy. Một chú gà gô
nghe thấy bước chân tôi, lao ra khỏi bụi rậm và vút lên không, bay biến như
máy.

Tôi sung sướng. Nếu có thể thì tôi đã hát vang lên cho hả, nhưng tôi chỉ
thốt ra được những tiếng la không cấu âm. “Chuyện gì xảy đến với mày
thế?” Tôi tự hỏi giễu: “Phải chăng mày giàu lòng ái quốc đến thế mà trước
nay mày không tự biết? Hay tại mày quá yêu bạn mày? Thật đáng xấu hổ!
Hãy tự kiểm chế và bình tĩnh lại đi.”

Nhưng tôi cứ vui ngây ngất và tiếp tục vừa đi theo con đường núi vừa la
hét. Tôi nghe lanh tanh tiếng lục lạc đeo ở cổ dê. Một đàn dê đen, nâu và
xám xuất hiện trên những mỏm đá, dưới nắng chói lòa. Con dê đực dẫn đầu
vươn cái cổ cứng ngắc. Không khí nồng nặc mùi hôi của nó.

- Chào người anh em! Người anh em đi đâu vậy? Săn gì?

Một gã chăn dê nhảy lên một tảng đá, thọc ngón tay vào miệng huýt còi
theo tôi.

- Tôi đang có công việc gấp! Tôi đáp và tiếp tục trèo.

- Dừng lại một phút đã. Lại đây uống chút sữa để giải khát nào, gã chăn dê hét lớn, thoăn thoắt nhảy từ tảng đá này sang tảng đá khác.

- Tôi đã bảo tôi đang có công chuyện khẩn cấp mà!

Tôi thét lại. Tôi không muốn ngắt đứt niềm vui bằng cách dừng lại để chuyện gẫu.

- Có nghĩa là người anh em khinh sữa của tôi! Giọng gã mục đồng có vẻ tự ái. Vậy thì cứ đi tiếp đi và chúc may mắn.

Gã lại thọc ngón tay vào miệng huýt còi và tất cả, dê, chó và mục đồng, khuất dạng sau những tảng đá.

Chẳng mấy chốc tôi đã lên tới đỉnh núi. Lập tức, như thể đó là mục tiêu đã định, tôi trở nên bình tĩnh. Tôi nằm duỗi dài trên một phiến đá trong bóng râm, đưa mắt nhìn đồng bằng và biển đằng xa. Tôi hít vào thật sâu không khí ngát mùi ngải đắng và bách lý hương.

Tôi đứng dậy, vơ một ít ngải đắng làm gối và lại nằm xuống. Tôi thấm mệt, nhắm mắt lại.

Trong một lúc, tâm trí tôi bay tới những cao nguyên xa xôi phủ đầy tuyết nọ. Tôi cố hình dung đoàn người, đàn ông, đàn bà và gia súc, hì hụi tiến về phương bắc, với bạn tôi đi tiên phong như con cừu đực đầu đàn. Nhưng rất mau chóng tâm trí tôi đắm lẩn lộn và tôi cảm thấy buồn ngủ díp mắt lại.

Tôi muốn cưỡng lại. Tôi không muốn nhượng bộ cái ngủ, tôi cố mở mắt ra. Một con quạ chân đỏ, loài quạ núi, đã đậu yên vị trên một tảng đá ngay trước mặt tôi, trên đỉnh núi, bộ lông màu xanh đen lấp lánh trong nắng.

Tôi nhìn rất rõ cái mỏ to cong cong màu vàng của nó. Tôi bực mình, giống chim này hình như là một điềm gở. Tôi nhặt một hòn đá ném về phía

nó. Con quạ chân đỏ bình tĩnh từ từ xòe cánh.

Tôi nhắm mắt lại một lần nữa, không thể cầm cự lâu hơn nữa và giấc ngủ lập tức xâm chiếm tôi.

Tôi ngủ chắc chưa quá mấy giây thì đã kêu thét lên và giật mình ngồi dậy. Chính lúc đó con quạ núi bay qua trên đầu tôi. Tôi dựa người vào tảng đá, run toàn thân. Một giấc mơ dữ đã cắt ngang tâm tư tôi như một lưỡi gươm.

Tôi thấy mình đang ở Athens, đi dọc theo phố Hermes một mình. Mặt trời đỏ lửa, phố vắng tanh, các cửa hàng đều đóng, cô tịch hoàn toàn. Khi đi ngang qua nhà thờ Kapniakarea tôi trông thấy bạn tôi, xanh xao vàng vọt và hồn hển chạy từ mé Quảng trường Hiến Pháp về phía tôi.

Anh ráng theo một người đàn ông gầy nhẳng rất cao đang bước những bước khổng lồ. Bạn tôi vận đồng phục ngoại giao. Nhận ra tôi, anh gào từ đằng xa giọng hỗn hển.

- Chào cậu, dạo này cậu làm gì? Hàng thế kỷ rồi mình không gặp cậu. Tối nay, cậu đến chỗ mình hàn huyên một chút nhé.

- Ở đâu? Đến lượt tôi gào rất lớn như thể bạn tôi ở rất xa và tôi phải mở hết cỡ giọng mới tới được tai anh.

- Quảng trường Hòa Hợp ([66]), sáu giờ tối nay. Vòi phun nước cửa tiệm cà phê Thiên Thai.

- Được tôi đáp Mình sẽ tới đó.

- Cậu nói là cậu sẽ tới, anh nói, giọng trách móc, nhưng cậu sẽ không tới.

- Nhất định mình sẽ tới mà. Tôi kêu. Đây, tay mình đây, ta giao ước nào.

- Mình đang vội.

- Tại sao cậu vội thế? Đưa tay cho mình nào.

Anh chìa tay ra và đột nhiên cánh tay rời khỏi vai bay vèo đến bắt tay tôi.

Tôi thất kinh thấy tay anh giá băng và giật mình tỉnh dậy với một tiếng thét.

Đó là lúc tôi phát hiện thấy con quạ núi lượn trên đầu mình. Mối tôi như rỉ ra chất thuốc độc.

Tôi quay mặt về phía đông, dăm dăm nhìn chân trời muốn xuyên thấu chốn xa xăm và thấy... Tôi tin chắc bạn tôi đang lâm nguy. Tôi gào tên anh ba lần!

- Stavridaki! Stavridaki! Stavridaki!

Như thế tôi muốn tiếp thêm can đảm cho anh.

Nhưng tiếng tôi không vượt quá mấy mét trước mặt và tan đi trong thinh không. Tôi cắm cổ lao xuống con đường núi, cố làm mình mệt để quên sầu. Đầu óc tôi hoài công loay hoay chấp lại những mẩu thông điệp bí ẩn thi thoảng xuyên qua được cơ thể để tới tâm hồn. Tận đáy bản thể tôi, một xác tín kỳ lạ, sâu sắc hơn lý trí hoàn toàn thú vật về mặt tính chất, khiến tôi tràn đầy kinh hoàng – chính cái xác tín mà một số loài vật, như cừu và chuột, cảm thấy trước khi động đất. Trong tôi đang thức dậy cái linh hồn của những người đầu tiên trên trái đất y nguyên như trước khi nó trở nên hoàn toàn tách rời khỏi vũ trụ, khi mà nó còn trực cảm thấy sự thật, không cần đến ảnh hưởng bóp méo của lý trí.

“Hắn đang lâm nguy. Hắn đang lâm nguy. Tôi thì thảm. Hắn sắp chết. Có lẽ chính hắn chưa ý thức được điều ấy, nhưng mình biết, mình biết

chắc...”

Tôi chạy xuống con đường núi, vấp phải một đồng đá và ngã xuống đất, làm đá bắn tung tóe. Tôi lại vùng dậy, tay chân trầy da tướp máu.

“Hắn sắp chết. Hắn sắp chết.” Tôi nói và cảm thấy một cục gì dâng lên trong cổ họng.

Con người không may dựng lên cái mà hắn cho là một hàng rào quanh cuộc sống nhỏ nhoi tội nghiệp của mình. Hắn nường nấu ở đó và cố đưa vào cuộc đời mình một chút trật tự và an toàn. Một chút xiu hạnh phúc. Mọi sự phải đi theo con đường mòn, cái lễ thói chí thánh và tuân thủ những quy tắc đơn giản và an toàn. Bên trong hàng rào đó, ẩn sau công sự phòng chống những cuộc tấn công ác liệt của cái chưa biết, những xác tín tũn mủn của hắn lổm ngổm bò như loài rết, không có gì ngăn trở. Chỉ có một kẻ thù ghê gớm mà người ta ghét cay ghét đắng và sợ muốn chết: điều Tất Yếu Lớn. Giờ đây, điều Tất Yếu Lớn đó đã xuyên qua những bức tường ngoài bao quanh cuộc sinh tồn của tôi và sắp sửa chụp lấy hồn tôi.

Khi tới bãi biển nơi chúng tôi ở, tôi dừng lại lấy hơi một lúc. Y như thể tôi đã tới tuyến phòng thủ thứ hai của mình và tôi trấn tĩnh lại. Tất cả những thông điệp ấy, tôi nghĩ, đều phát sinh từ nỗi khắc khoải nội tâm của chính chúng ta, rồi, trong khi chúng ta ngủ, liền khoác bộ y phục rực rỡ của một biểu tượng. Nhưng chính chúng ta là những người tạo ra chúng... Tôi trở nên bình tĩnh hơn.

Lý trí đang trấn an con tim tôi, xén cánh con dơi kỳ lạ loạng quạng ấy, xén hoài xén mãi kỳ đến khi nó không bay được nữa.

Về đến lều, tôi tũn tũn cười nhạo sự ngây ngô của chính mình. Tôi lấy làm xấu hổ về nỗi đã để tâm trí mau hốt hoảng thế. Tôi rơi trở về thực tế hằng ngày. Tôi đói và khát. Tôi cảm thấy mệt lử và những vết do đá cửa toạc ở tay chân buốt nhói. Tôi an tâm trở lại: tên kẻ thù ghê gớm đã xuyên

qua lớp tường ngoài giờ đây bị tuyến phòng thủ thứ hai quanh hồn tôi chặn
đứng lại

ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI HOAN LẠC

Nikos Kazantzaki
www.dtv-ebook.com

Chương 26

Mọi sự đã kết thúc. Zorba thu thập dây cáp, dụng cụ vận tải, sắt vụn và gỗ, chất thành một đồng chờ thuyền đến chở đi.

M

- Tôi biếu bác những thứ ấy đó, Zorba, tôi nói, tất cả là của bác. Chúc may mắn.

Zorba nuốt đánh ực như cố nén một tiếng nấc.

- Chúng ta chia tay nhau ư? Lão thì thăm. Sếp đi đâu?

- Tôi ra nước ngoài, Zorba ạ. Cái con dê già trong tôi còn phải nhai hàng lô giấy nữa.

- Sếp chưa học được điều gì hay hơn sao?

- Có chứ, Zorba, nhờ bác đấy. Nhưng tôi sẽ áp dụng cái hệ thống của bác, tôi sẽ ứng dụng với sách vở của tôi cái điều bác đã làm với món anh đào. Tôi sẽ ăn thật nhiều giấy cho đến khi nào nó khiến tôi buồn nôn. Tôi sẽ ọe hết ra và bấy giờ sẽ rút bỏ được nó mãi mãi.

- Không được bầu bạn với sếp nữa, tôi sẽ ra sao, sếp?

- Đừng băn khoăn, Zorba, chúng ta sẽ gặp lại nhau và biết đâu, sức mạnh con người là kinh khủng, một ngày kia, chúng ta sẽ thực hiện kế hoạch vĩ đại, chúng ta sẽ xây dựng tu viện riêng của chúng ta. Không có Thượng đế cũng chẳng có ma quỷ, mà chỉ toàn những con người tự do, và bác sẽ là người gác cổng, Zorba, bác sẽ giữ chùm chìa khóa lớn để mở cổng, đóng cổng... như ông Thánh Pie vậy...

Ngồi dưới đất, dựa lưng vào thành lều, Zorba liên tục rót rượu uống hết ly này đến ly khác, chẳng nói chẳng rằng.

Đêm đã xuống, chúng tôi đã ăn xong bữa và đang nhắm nháp rượu vang, trò chuyện với nhau lần cuối.

Sáng sớm mai, chúng tôi sẽ chia tay.

- Phải, phải... Zorba nói, vừa bứt ria mép vừa uống. Phải, phải...

Trên đầu chúng tôi, trời đầy sao sáng, bên trong chúng tôi, con tim khát khao trút vội nỗi niềm, song vẫn nén lại.

"Từ biệt lão mãi mãi", tôi nghĩ thầm. "Hãy nhìn lão thật kỹ, chẳng bao giờ, chẳng bao giờ nữa mắt ta sẽ thấy lại Zorba." Thiếu chút nữa tôi đã gục đầu vào bộ ngực già của lão mà khóc, nhưng tôi ngượng. Tôi cố gượng cười để giấu nỗi xúc động mà không được, một cục gì chẹn ngang cổ họng tôi.

Tôi nhìn Zorba vươn cái cổ chim săn mồi, lặng lẽ uống. Tôi quan sát lão và ngẫm nghĩ: cái cuộc đời này của chúng ta quả là một bí ẩn thật sự đáng ngán. Người ta hội ngộ rồi lại ly tán như những chiếc lá cuốn bay theo gió, mắt ta hoài công lưu giữ hình ảnh khuôn mặt, thân hình hay dáng điệu của người mà ta yêu thương, trong vòng mấy năm, thậm chí ta không còn nhớ mặt người đó xanh hay đen nữa.

"Tâm hồn con người lẽ ra phải bằng đồng, bằng thép thay vì chỉ thuần là hư vô". - Tôi la thầm trong lòng.

Zorba vẫn đang uống, cái đầu to sù rướn thẳng, không động đậy, dường như lão đang lắng nghe những bước chân tiến lại gần trong đêm hay rút sâu vào thăm cùng bản thể lão.

- Bác nghĩ gì vậy, Zorba?

- Tôi nghĩ gì ấy à, sếp? Chẳng nghĩ gì, chẳng nghĩ gì sất, thật đấy. Tôi chẳng nghĩ ngợi điều chi.

Sau một lát, rót thêm ly nữa, lão nói:

- Chúc sức khỏe sếp.

Chúng tôi cụng ly. Cả hai chúng tôi đều biết rằng một cảm giác sâu nào xót xa như thế này không thể kéo dài thêm nhiều nữa. Chúng tôi ắt phải òa khóc, hoặc uống cho say mềm hoặc bắt đầu nhảy như những thằng điên.

- Đàn đi, Zorba. Tôi đề nghị.

- Tôi đã chẳng nói với sếp rồi đó sao? Muốn chơi đàn santuri, cần có một tâm trạng hoan lạc. Một tháng nữa, có khi là hai tháng nữa, tôi sẽ chơi và lúc đó tôi sẽ hát về chuyện hai người chia xa mãi mãi.

- Mãi mãi! Tôi kêu lên, hoảng hốt. Tôi đã nói với lòng mình cái từ khôn bề cứu vãn ấy, song không ngờ lại phải nghe nó được thốt lên thành tiếng.

- Mãi mãi! Zorba nhắc lại, nuốt nước bọt một cách khó khăn. Có nghĩa là... mãi mãi. Những điều sếp vừa nói, nào là sẽ gặp lại, nào là xây dựng tu viện riêng của chúng ta, đều là lời động viên một người ốm nhằm vực hẳn đứng dậy. Tôi không chấp nhận cái đó. Tôi không cần thế. Chẳng lẽ chúng

ta lại yếu đuối như đàn bà để đến nỗi cần được an ủi như vậy? Dĩ nhiên chúng ta đâu có thể. Phải, mãi mãi.

- Có thể tôi sẽ ở lại đây với bác... tôi nói, thất kinh vì tình thương mến đến mức tuyệt vọng Zorba dành cho tôi. Có thể tôi sẽ đi cùng với bác. Tôi tự do mà.

Zorba lắc đầu:

- Không, sếp đâu có tự do, lão nói. Sợi dây ràng buộc sếp có lẽ cũng chẳng dài hơn sợi dây ràng buộc người khác ([67]). Có thể thôi. Sếp bị buộc bằng một sợi dây dài, sếp ạ, sếp đi đi lại lại thoải mái nên tưởng là mình tự do, nhưng sếp chưa bao giờ cắt rời sợi dây đó. Và khi người ta không cắt dây. . .

- Một ngày kia, tôi sẽ cắt. Tôi nói với vẻ thách thức vì những lời của Zorba đã chạm vào một vết thương chưa kín miệng trong tôi.

- Khó đấy, sếp ạ, khó lắm đấy. Muốn làm thế, sếp cần có tí máu điên, tí máu điên, sếp hiểu không? Sếp cần phải liều mọi thứ. Song le, sếp lại có cái đầu tỉnh quá, nó luôn luôn thuyết phục được sếp. Cái đầu của một người giống như anh chủ tiệm tạp hóa, nó luôn tính toán: ta đã mua vào hết ngần này và bán được ngần này, có nghĩa là lãi ngần này hoặc thua lỗ ngần này. Cái đầu là một gã chủ hiệu nhỏ thận trọng, nó không bao giờ liều ném vào cuộc tất cả những thứ nó có, bao giờ cũng giữ lại một cái gì dự trữ. Nó không bao giờ ngắt đứt dây. À không! Nó bám chặt lắm cái đồ năm cha ba mẹ. Nếu để tuột dây, thì cái đầu khốn khổ hồng kiêu, đi đứt. Nhưng nếu con người ta không bung dây thì xin hỏi sếp, cuộc đời còn có hương vị gì nữa? Vị trà hoa cúc nhạt thếch. Khác hẳn với rượu rum, khiến ta thấy được mặt trái cuộc đời.

Lão nín lặng, tự rót cho mình chút rượu nữa, nhưng rồi lại bắt đầu nói tiếp:

- Sếp phải bỏ quá cho tôi, sếp à, lão nói. Tôi chỉ là một kẻ quê kệch vụng ăn vụng nói, lời chữ cứ dính vào răng lưỡi như bùn dính vào giày. Tôi không biết nói những câu hoa mỹ, những lời ca ngợi. Quả là tôi không có khả năng ấy. Nhưng tôi biết rằng sếp thông cảm.

Lão nốc cạn ly và nhìn tôi.

- Sếp hiểu! Lão kêu lên như thể đột nhiên nổi giận. Sếp hiểu và chính vì thế mà sếp sẽ chẳng bao giờ được an lòng. Nếu sếp không hiểu thì sếp đã sung sướng. Sếp còn thiếu cái gì? Sếp còn trẻ, sếp có tiền, có sức khỏe, sếp là người nhân hậu, sếp chẳng thiết gì sắt. chẳng thiếu gì, cam đoan thế. trừ mỗi một điều. . . ! Và khi đã thiếu cái đó sếp ạ thì... Lão lắc cái đầu to đùng và lại im lặng.

Tôi suýt bật khóc. Tất cả những điều Zorba nói đều đúng. Hồi còn nhỏ, tôi đầy những xung động điên cuồng, những khát vọng siêu phàm. Tôi không bằng lòng với thế giới. Dần dà, qua thời gian, tôi trở nên bình tĩnh hơn, tôi định ra những giới hạn, phân biệt cái khả thể với cái bất khả, cái thuộc về con người với cái thuộc về thần linh, tôi giữ chắc con điều của mình cho nó khỏi bay mất.

Một vì sao đổi ngôi lớn xoẹt ngang trời. Zorba giật mình và trở mắt như thể lần đầu tiên trong đời được thấy một vì sao đổi ngôi.

- Sếp có thấy ngôi sao ấy không? lão hỏi.

- Có.

Chúng tôi im lặng.

Đột nhiên, Zorba vươn cái cổ gày nhẵn, ưỡn ngực và kêu lên một tiếng man dại, náo nùng. Và lập tức, tiếng kêu chuyển thành ngôn ngữ con người và từ đáy bản thể Zorba dâng lên một giai điệu cũ đều đều, đầy sâu muện và cô đơn. Bản thân lòng đất nứt đôi và tuôn ra cái chất độc ngọt ngào,

thấm thía của Phương Đông. Tôi cảm thấy trong tôi mọi dây dợ còn nối kết tôi với can đảm và hy vọng từ từ rửa nát:

iki kiklik bir tépendé ctiyor Otme dé, kiklik, bemin dertim yetiyor,
aman, aman.

Sa mạc, cát mịn trải dài đến tận cuối tầm mắt. Không khí chập chờn, hồng, xanh, vàng, thái dương như muốn nổ tung. Tâm hồn gào lên man dại và hân hoan vì không có tiếng gào nào đáp lại. Mắt tôi đầy lệ.

Trên đỉnh đồi, đôi gà gô chân đỏ nỉ non Đùng hót nữa, sầu riêng này đã đủ làm ta đứt ruột aman, aman.

Zorba lặng thinh. Lão đưa phất tay lên lau mồ hôi trán. Lão cúi người về phía trước, trân trân nhìn xuống đất.

- Cái bài hát Thổ Nhĩ Kỳ ấy là bài gì vậy, Zorba? Một lát sau tôi hỏi.

- Bài hát của người chăn đất lạc đà. Thường được hát trong sa mạc. Hàng bao năm nay, tôi không hát thậm chí cũng chẳng nhớ đến nó nữa. Thế mà bây giờ. . .

Lão ngẩng đầu lên, giọng gay gắt, cổ họng se lại.

- Sếp à lão nói, đã đến lúc sếp phải đi nằm rồi đó. Mai sếp phải dậy từ sáng tinh mơ để kịp đáp chuyến tàu tại Candia. Chúc ngủ ngon.

- Tôi không buồn ngủ, tôi nói. Tôi sẽ thức với bác. Đây là đêm cuối cùng chúng ta ở bên nhau.

- Chính vì thế mà chúng ta phải kết thúc nó cho nhanh. Lão kêu lên, úp cái ly không xuống, ra ý không muốn uống nữa. Ngay lập tức, như thế đó. Như những người đàn ông bỏ phất thuốc lá, rượu và cờ bài. Như một anh hùng Hy Lạp, một palikari. Cha tôi là một palikari đích thực. Đừng có nhìn

tôi. Bên cạnh ông, tôi chỉ là một hơi gió thoảng. Tôi không bén gót ông. Ông ở trong số những người Hy Lạp bao giờ cũng được người ta nhắc đến. Ông bắt tay ai là cơ hồ muốn bóp nát xương người ta ra. Tôi thỉnh thoảng còn nói năng bình thường, chứ cha tôi thì chỉ có gầm, hí và hát hò. Xuân thu nhị kỳ mới thấy một từ ngữ của con người thốt ra từ miệng ông. Chà ông có đủ mọi tật xấu, nhưng ông cắt phăng chúng như chém bằng kiếm vậy. Chẳng hạn, ông hút thuốc lá như cái ống khói. Một buổi sáng ông trở dậy ra đồng cày. Tới nơi, ông đứng dựa vào hàng rào thọc tay vào thắt lưng tìm cái túi đựng thuốc sợi để vấn một điếu trước khi làm việc. Nhưng túi thuốc rỗng không, ông đã quên không bỏ thuốc vào trước khi ra khỏi nhà. Ông tức sùi bọt mép, gầm lên một tiếng rồi chồm lên lao về phía làng. Cơ nghiệp thuốc làm lý trí ông mất thăng bằng hoàn toàn, sếp thấy đấy. Nhưng thành linh - tôi vẫn bảo tôi nghĩ con người là một bí ẩn mà - ông dừng lại, xấu hổ chín cả người, rút túi thuốc ra lấy răng xé tan ra từng mảnh rồi vứt xuống đất di chân lên và nhổ toẹt vào. "Nhớ nhớ! - Nhớ nhớ - ông rống lên - Đồ đĩ bẩn thỉu". Và từ giờ phút ấy cho đến lúc từ giã cuộc đời, môi ông không bao giờ ngậm một điếu thuốc lá nữa. Ấy là cách ứng xử của những đàn ông thân chính, sếp ạ. Chúc ngủ ngon.

Lão đứng dậy và sỏi bước băng qua bãi biển. Lão không ngoái nhìn lại lấy một lần. Lão ra tới tận mép biển và nằm dài trên lớp sỏi.

o O o Tôi không bao giờ gặp lại Zorba nữa. Người giữ la đến trước khi gà gáy sáng. Tôi lên yên và ra đi. Có thể tôi lầm, nhưng tôi ngờ rằng Zorba đang nấp ở một chỗ nào đó quanh đây nhìn tôi ra đi mặc dầu lão không chạy đến nói những lời từ biệt thông thường để cùng buồn bã rưng rưng nước mắt, bắt tay, vẫy khăn và trao đổi những lời nguyện ước.

Cuộc chia ly của chúng tôi gọn như một nhát gươm.

Ở Candia, người ta đưa cho tôi một bức điện tín. Tôi run run đỡ lấy nó nhìn một lúc trước khi mở ra. Tôi biết trong đó nói gì. Tôi có thể thấy với một sự xác thực dễ sợ số từ, thêm số chữ cái chứa đựng trong bức điện.

Tôi bỗng muốn xé nó thành từng mảnh mà không cần mở ra đọc. Việc gì phải đọc khi mà tôi đã biết nội dung? Nhưng than ôi, chúng ta không còn tin ở tâm linh mình nữa rồi. Lý trí, tên chủ tiệm tạp hóa muôn đời, cười nhạo tâm linh, cũng như chính chúng ta cười nhạo những phù thủy và những mù già làm bùa yểm. Hoặc cười những bà lão lẩm cẩm. Cho nên tôi mở bức điện. Nó được gửi từ Tbilissi. Trong một lúc, các chữ cái nhảy múa trước mặt tôi. Tôi không nhìn ra một từ nào. Nhưng rồi chúng đứng yên và tôi đọc thấy.

CHIỀU QUA STAVRIDAKI CHẾT VÌ SƯNG PHỐI.

Năm năm trôi qua, năm năm dài khủng khiếp trong đó thời gian tăng tốc dần và những biên giới địa lý hòa vào cuộc nhảy, những bờ cõi quốc gia mở rộng rồi lại thu hẹp lại như những nếp phong cầm. Zorba và tôi bị cuốn theo cơn lốc, mặc dù trong ba năm đầu, thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được một lá thư thiệp ngắn gọn của lão.

Một lá thư gửi từ núi Athos - một tấm hình Đức Mẹ Đồng Trinh canh cửa Thiên đàng với cặp mắt to buồn và cái cằm kiên quyết đầy nghị lực. Dưới hình Đức Mẹ Đồng Trinh, Zorba viết bằng cây bút gộc nặng nề bao giờ cũng làm toạc giấy.

"Chẳng hy vọng gì làm ăn ở đây được, sếp ạ. Bọn tu sĩ ở đây toàn đồ vất cổ chà ra nước. Tôi chuẩn thôi. "

Mấy ngày hôm sau lại một tấm bưu thiệp nữa.

"Tôi không thể xách con vẹt đi quanh tất cả những tu viện này như một tên làm trò lưu động. Tôi đã tặng nó cho một tay thầy tu ngộ nghĩnh đã dạy được một con sáo hát câu Kyrie Eleison rất hay Cái con quý ấy hát như một tay thầy tu thật sự, nghe mà sững sốt. Y sắp sửa dạy cả con vẹt tội nghiệp của chúng ta hát thế nữa. Ôi, cái con du đặng này đã trải đủ vành đủ

vẻ trong đời. Và giây giờ nó lại trở thành một vị cha cố, con vẹt của chúng ta ấy.

Thân ái. Cha Alexios, án sĩ thánh."

Sau bảy tháng sau, tôi nhận được một tấm thiệp từ Rumani với hình một người phụ nữ đầy đà mặc chiếc áo dài lộ ngực.

"Tôi vẫn còn sống. Tôi ăn mamaliga ([68]) và uống vodka. Tôi làm việc ở mỏ dầu, bán thiu và hôi hám như một con chuột cống. Nhưng xá gì? Ở đây người ta có thể tìm thấy vô khối những thứ mà tâm hồn và dạ dày khao khát. Một Thiên đàng thực sự cho những tên lưu manh già như tôi. Sếp có hiểu không, sếp? Một cuộc sống tuyệt thú... thịt ngon rượu nồng lại thêm cả tình nương. Đợi ơn Thượng đế Thân ái.

ALEXIS ZORBA. Chuột Cống."

Hai năm trôi qua. Tôi lại nhận được một tấm thiệp nữa, lần này Serbia.

"Tôi vẫn còn sống. Rét kinh khủng nên tôi buộc phải lấy vợ. Sếp hãy lật mặt sau sẽ thấy mặt nàng - một giếng cái ngon lành. Phần giữa nàng hơi phình ra vì nàng đang đúc cho tôi một Zorba con. Tôi đang bên cạnh nàng, mặc bộ com lê sếp cho tôi và chiếc nhẫn cưới sếp thấy trên tay tôi là của Bouboulina tội nghiệp - không có gì là bất khả. Cầu Chúa ban phước lành cho mục được siêu độ. Nàng này tên là Lyuba. Chiếc áo ngoài có cổ lông thú tôi đang mặc là một phần hồi môn của vợ tôi. Nàng còn mang đến cho tôi một con ngựa cái và bảy con lợn – cái lũ này thật đến ngộ. Và hai đứa con đời chồng trước. Tôi quên chưa nói với sếp nàng là một quả phụ. Tôi đã tìm thấy một mỏ đồng trong núi ngay gần đây Tôi đã phình được một tay tư bản khác và tôi hiện đang sống đàng hoàng như một vị pasa. Thân ái ".

ALEXIS ZORBA. Nguyên góa ông."

Mặt sau lá thiếp là một tấm ảnh chụp Zorba rất tráng kiện trong y phục chú rể, mũ lông thú và áo khoác dài mới cứng, tay cầm can sang trọng. Lão khoác tay một phụ nữ Xlavơ xinh đẹp không quá hai mươi lăm tuổi, một con ngựa cái hoang hông háng phì nhiêu, nom hấp dẫn và ngổ ngáo, đi ủng cao và ngồn ngộn một bộ ngực mênh mông. Dưới tấm hình có thêm mấy chữ gà bới của Zorba:

Tôi, Zorba và cái mục bất tận, đàn bà. Lần này tên nàng là Lyuba.

Suốt những năm ấy, tôi phiêu du ở nước ngoài. Tôi cũng có cái mục bất tận của tôi, nhưng nó không có bộ ngực mênh mông, không có áo khoác mới và lợn để cho tôi. Một hôm đang ở Berlin, tôi nhận được một bức điện.

"TÌM THẤY MỘT VIÊN ĐÁ XANH TUYỆT VỜI.

ĐẾN NGAY. ZORBA"

Đó là thời kỳ ở Đức đang có nạn đói lớn. Đồng mức xuống giá đến mức muốn mua vật tầm thường nhất, tí như con tem, cũng phải mang hàng triệu đồng trong vali. Đói rét, quần áo rách rưới, giày thủng lỗ chỗ, đầu đầu cũng thấy - những gò má Đức hồng hào đã trở nên xanh xao. Hơi nổi gió một chút là người gục ngã trên đường phố như lá rụng trước cơn lốc. Mẹ cho con nhai cao su để chúng nín khóc. Đêm đêm, cảnh sát phải canh gác các cầu bắc qua sông để ngăn các bà mẹ khỏi ôm con lao xuống dòng nước cho dứt nợ trần.

Bấy giờ là mùa đông. Tuyết rơi. Cạnh phòng tôi, một giáo sư Đức dạy ngôn ngữ phương đông cố tự sưởi ấm bằng cách cầm lấy một cây bút lông dài, hí hục chép mấy bài cổ thi Trung Quốc hay một câu danh ngôn của Khổng Tử. Theo cái tập tục vất vả của Viễn Đông, đầu nhọn của cây bút lông, khuỷu tay nhấc cao và tìm người viết phải làm thành một hình tam giác.

Sau mấy phút, ông ta thường nói với tôi ra chiều đặc ý mờ hôi bắt đầu vã ra. Tôi sười ẩm như thế đó.

Chính giữa những ngày cơ cực đó, tôi nhận được tấm thiệp nói trên của Zorba. Mới đầu, tôi phần nộ. Hàng triệu người đang chìm vào cảnh sa sút, không có lấy một mẫu bánh mì để duy trì thể xác và linh hồn, vậy mà lão lại gửi đến một bức điện nhắn tôi vượt hàng ngàn dặm đường tới xem một viên đá xanh đẹp. Thây kệ cái đẹp, ma quỷ bắt nó đi! Cái đẹp vô tình chẳng mấy may đoái hoài đến nỗi đau khổ của con người. Nhưng chẳng bao lâu, tôi đâm khiếp hãi: cơn giận của tôi đã bốc hơi và tôi bắt đầu nhận ra rằng lòng mình đang hưởng ứng tiếng gọi phi nhân của Zorba. Trong tôi, một con đà điểu nào đó đang đập cánh đòi bay đi.

Tuy nhiên, tôi không đi. Một lần nữa, tôi lại không dám. Tôi không tuân theo tiếng kêu gào vừa man rợ vừa thần thánh trong tôi, tôi không làm một hành động rồ dại - cao quý nào, mà nghe theo tiếng nói đúng mực, lạnh lùng và mang tính người của lôgich. Bởi thế, tôi cầm bút viết thư, phân trần với Zorba.

Và lão trả lời như sau:

"Cho phép tôi nói thế này: sếp là đồ cạo giấy sếp ạ. Cả sếp nữa, sếp cũng có thể gặp được một viên đá xanh đẹp chí ít là một lần trong đời, hồi linh hồn đáng thương kia, vậy mà sếp không thấy. Lạy Chúa, đôi khi không có việc gì làm, tôi tự hỏi: có hay không có địa ngục? Nhưng hôm qua, khi thư sếp tới, tôi bèn nói: "Chắc chắn phải có một cái địa ngục dành cho mấy tên cạo giấy như sếp."

Từ đó Zorba không viết cho tôi nữa. Chúng tôi lại bị những sự kiện kinh khủng hơn nữa chia cách thêm.

Thế giới tiếp tục chao đảo, tròn trành như một gã say rượu. Đất nứt ra, nứt chừng tình bằng hữu và những lo âu cá nhân.

Tôi thường nói chuyện với bạn bè về tâm hồn lớn ấy Chúng tôi khâm phục phong độ tự hào và tự tin, cao sâu hơn lý trí, của con người thất học ấy. Những đỉnh cao trí tuệ mà chúng tôi phải mất bao năm cố gắng gian khổ mới đạt tới, Zorba chỉ nhảy phốc một cái là tới. Và chúng tôi nói: Zorba là một tâm hồn lớn. Hoặc giả, lão nhảy quá những đỉnh cao đó khi ấy chúng tôi nói: Zorba điên.

Cứ thế, thời gian trôi, thấm đẫm cái chất độc ngọt ngào của kỷ niệm. Một cái bóng khác, bóng của bạn tôi cũng đổ dài trên hồn tôi. Nó không bao giờ rời tôi - bởi vì chính tôi cũng không muốn rời nó.

Nhưng tôi không bao giờ nói với ai về cái bóng này.

Tôi trò chuyện thầm với nó, và nhờ vậy, tôi trở nên giao hòa với cái chết. Tôi có cái cầu bí mật của tôi bắc sang bờ bên kia. Khi linh hồn bạn tôi qua cầu, tôi cảm thấy nó mệt mỏi và xanh xao, nó quá yếu không đủ sức để bắt tay tôi.

Đôi khi tôi sợ hãi nghĩ rằng có lẽ bạn tôi đã không đủ thì giờ trên cõi trần để biến sự nô lệ của thể xác thành tự do, hoặc phát triển và tăng cường linh hồn mình cho nó khỏi hoảng loạn và bị hủy diệt vào cái khoảnh khắc tối trọng của cái chết. Có lẽ, tôi nghĩ, anh đã không có thì giờ để bất diệt hóa những gì cần biến thành bất diệt trong anh.

Nhưng thỉnh thoảng anh mạnh lên - có đúng thế không hay đó chỉ do tôi nhớ anh mãnh liệt hơn mà thôi? - và vào những lúc ấy, anh thật trẻ và nghiêm khắc. Thậm chí tôi tưởng như nghe thấy tiếng chân anh bước trên cầu thang.

Một mùa đông, tôi làm một cuộc hành hương đơn độc vào dãy núi Engadine, nơi cách đây nhiều năm, bạn tôi và tôi đã qua những giờ phút tuyệt vời bên một người đàn bà mà cả hai chúng tôi cùng yêu.

Tôi ngủ lại chính cái khách sạn anh đã trọ. Trăng trào tuôn qua khung cửa sổ mở rộng và tôi cảm thấy hồn của núi, của rừng thông tuyết phủ và đêm xanh yên tĩnh ngấm vào tâm trí.

Tôi cảm thấy một điểm phúc khôn tả, như thể giấc ngủ là một vùng biển sâu thanh bình, trong suốt và tôi sung sướng nằm bất động dưới đáy nôi đại dương, nhưng giác quan tôi được phối chỉnh nhạy bén đến nỗi chỉ cần một con thuyền lướt qua trên mặt nước hàng ngàn sải bên trên tôi, cũng có thể gây một vết cứa trên thân thể tôi.

Đột nhiên, một cái bóng đổ dài trên người tôi. Tôi biết đó là ai, giọng anh đầy trách móc.

- Cậu ngủ đấy à?

Tôi trả lời cũng bằng giọng giận dỗi như vậy.

- Cậu bắt mình chờ đợi hoài. Hàng bao tháng nay, mình không nghe thấy tiếng cậu. Cậu lang thang ở những đâu?

- Mình luôn luôn ở bên cậu, song cậu đã quên mình rồi, đâu phải bao giờ mình cũng có sức để gọi, còn cậu thì cố tìm cách bỏ rơi mình. Ánh trăng thật diễm lệ, cả cây cối phủ đầy tuyết và cuộc sống trên trần cũng vậy. Nhưng hãy rủ lòng thương, đừng quên mình.

- Mình đâu có quên cậu, cậu thừa biết điều đó. Những ngày đầu cậu bỏ mình ra đi, mình băng qua những rừng núi hoang dã để làm một nhòai thân xác và thức trắng bao đêm nghĩ đến cậu. Thậm chí mình còn viết hàng loạt bài thơ cho vợ nỗi niềm... nhưng đó là những bài thơ khốn khổ không thể làm mình bớt đau. Có một bài bắt đầu như thế này.

Và khi cùng Tử Thần, trên lối mòn gập ghềnh anh bước.

Tôi chiêm ngưỡng đôi thân hình mềm mại cùng đôi vóc dáng.

Tựa đôi vệt trên trở dậy bao đi lúc rạng đông...

Và trong một bài khác cũng bỏ dở, mình kêu lên:

Nghiến răng lại bạn thân yêu, đừng để hồn bay mất.

Anh mỉm cười chua chát, cúi mặt xuống phía tôi và tôi rùng mình khi thấy vẻ xanh xao của anh.

Anh nhìn tôi hồi lâu bằng hai hốc trống hoắm trước kia là đôi mắt, giờ đây chỉ còn hai thỏi đất nhỏ.

- Cậu nghĩ gì vậy? tôi thì thăm. Sao không nói gì đi.

Giọng anh lại vang lên như một tiếng thở dài xa xăm:

- Ôi một linh hồn coi thế giới là quá nhỏ, thì phỏng còn sót lại chút gì? Một vài câu thơ người khác, rải rác và què quặt - thậm chí không trọn một bài tứ tuyệt. Mình lai vãng trên trần, thăm những người thân yêu nhưng tim họ đã khép chặt. Mình còn biết vào đâu? Làm sao mình có thể sống lại được? Mình loay hoay như một con chó chạy quẩn chạy quanh một ngôi nhà cửa đóng then cài. Ôi, giá mình có thể sống tự do, không phải bám vào thân thể ấm nóng đầy sức sống của mọi người như một kẻ sắp chết đuối.

Những giọt lệ trào ra từ hai hốc mắt, hai viên đất nhão thành bùn.

Nhưng thoát cái, giọng anh rần rỏi lên.

- Niềm vui lớn nhất cậu đã đem lại cho mình là vào cái lần dự một cuộc liên hoan ở Zurich, anh nói! Cậu còn nhớ không? Cậu nâng cốc chúc sức khỏe mình. Cậu chưa quên chứ? Còn một người nữa với chúng ta...

- Mình nhớ, tôi đáp. Chúng ta gọi nàng là tiểu thư kiều diễm của hai ta...

Chúng tôi im bật. Dường như từ bấy đến nay, biết bao thế kỷ đã trôi qua. Zurich. Ngoài trời tuyết rơi rơi, trên bàn, có hoa, quanh có ba chúng tôi.

- Thầy nghĩ gì vậy, thưa thầy? Bóng ma hỏi, thoáng chút giễu cợt.

- Nghĩ về nhiều điều, về tất thầy...

- Mình thì đang nghĩ về những lời cuối cùng của cậu. Cậu nâng cốc và run run nói: "Bạn thân mến, hồi cậu còn bé tí, ông nội cậu bế cậu trên đùi và bên đùi kia đặt một cây đàn lia Crete, chơi mấy điệu Palikaria. Tối nay mình uống mừng sức khỏe cậu. Cầu sao định mệnh lo liệu cho cậu luôn ngồi trong lòng Thượng đế như vậy". Chao ôi, Thượng đế đã mau chóng chuẩn y lời cầu nguyện của cậu.

- Có gì là quan trọng? Tôi kêu lên. Tình yêu mạnh hơn cái chết mà.

Anh lại mỉm cười chua chát nhưng không nói gì. Tôi cảm thấy thân xác anh tan ra trong đêm tối, trở thành đơn thuần một tiếng nước nở, một tiếng thở dài, một câu đùa.

Hàng mấy ngày liền, vị cái chết còn tồn đọng trên môi tôi. Nhưng lòng tôi nguôi dịu. Cái chết đã đi vào đời tôi như một gương mặt thân thuộc và yêu dấu, như một người bạn đến thăm ta và kiên nhẫn ngồi trong một góc phòng chờ ta xong xuôi công việc.

Nhưng bóng Zorba thì luôn luôn lớn vờn quanh tôi không buông rơi.

Một đêm, tôi nằm một mình trong nhà riêng bên bờ biển trên đảo Aegina. Tôi đang sung sướng. Cửa sổ tôi mở ra biển, ánh trăng ủa vào, biển cũng sung sướng và khẽ thở dài. Người tôi mệt mỏi một cách khoan khoái vì bơi nhiều và tôi ngủ lịm say sưa.

Bỗng nhiên đứng trước lúc rạng đông, giữa lúc tràn trề hạnh phúc đó, Zorba hiện lên trong giấc mơ tôi. Tôi không còn nhớ lão đã nói gì hoặc vì sao lão đến. Nhưng khi tỉnh giấc, tim tôi như sắp tan nát. Không hiểu sao, mắt tôi đầy lệ, lòng tôi tràn đầy một ước ao khôn cưỡng nổi muốn chấp dưng lại quãng đời chúng tôi đã sống bên nhau trên bờ biển Crete, muốn bắt trí nhớ làm việc và thu thập tất cả những gì Zorba đã để vương vãi rải rác trong tâm trí tôi - lời nói, tiếng la hét, cử chỉ điệu bộ, khóc cười, vũ điệu - để bảo toàn chúng.

Ước muốn này mãnh liệt đến nỗi tôi đâm sợ. Tôi thấy nó như một báo hiệu rằng, đâu đó trên trái đất, Zorba đang hấp hối. Vì tôi cảm thấy tâm hồn hai chúng tôi gắn kết với nhau đến độ dường như không thể nào người này chết mà người kia lại không xao xuyên kêu lên đau đớn.

Trong một thời gian, tôi do dự không muốn tập hợp mọi hồi ức về Zorba để biểu đạt thành lời. Một nỗi kinh hoàng trẻ con xâm chiếm tôi. Tôi tự nhủ: nếu mình làm thế, có nghĩa là Zorba lâm tử nạn thật sự. Mình phải đấu tranh chống lại cái bàn tay huyền bí đang xúi giục mình làm thế.

Tôi cưỡng lại hai ngày, ba ngày, một tuần. Tôi lao vào viết những đề tài khác, đi chơi suốt ngày và đọc rất nhiều. Đó là những mẹo tôi giở ra để tránh né sự hiện diện vô hình nọ. Nhưng đầu óc tôi hoàn toàn bị choán bởi một cảm giác bồn chồn mãnh liệt lo lắng cho Zorba.

Một hôm tôi ngồi trên sân thượng ngôi nhà riêng bên bờ biển. Giữa trưa, nắng như thiêu và tôi đang nhìn những sườn núi trần trụi mà duyên dáng của đảo Salamis trước mặt. Đột nhiên, dưới sự thúc đẩy của bàn tay thần thánh nọ, tôi lấy giấy bút nằm dài trên những phiến đá lát nóng bỏng của sân thượng và bắt đầu ghi lại những lời nói và việc làm của Zorba.

Tôi hăm hở viết, hồi hải làm sống lại quá khứ, ráng hồi nhớ và tái hiện Zorba chính xác như trong thực tế. Tôi có cảm giác nếu lão mất đi, nó hoàn

toàn do lỗi tại tôi và tôi làm việc ngày đêm để vẽ lên trọn vẹn nhất hình ảnh người bạn già của mình.

Tôi làm việc như những thầy mo của các bộ lạc man rí ở Châu Phi khi họ vẽ lên vách hang động các Tổ Tiên họ thấy trong mơ, cố gắng làm sao cho hết sức giống đến mức tối đa có thể để hồn của Tổ Tiên nhận ra đó là xác mình và nhập vào đó.

Trong mấy tuần, tập sử biên của tôi về Zorba đã hoàn thành.

Ngày cuối cùng, tôi lại ngồi trên sân thượng trong chiều tà và nhìn ra biển, tập bản thảo hoàn tất đặt trên lòng. Tôi sung sướng và nhẹ nhõm như thể vừa cất được một gánh nặng. Tôi giống như người đàn bà bồng trên tay đứa con vừa lọt lòng.

Đằng sau rặng núi Pelopennesus, mặt trời đỏ ối đang lặn. Vừa lúc đó, Soula, cô thôn nữ nhỏ bé thường mang thư từ, giấy má trên tỉnh gửi về cho tôi, bước lên sân thượng. Cô chìa ra cho tôi một phong thư rồi bỏ chạy. Tôi hiểu. Chỉ ít tôi cũng có cảm giác là mình hiểu bởi vì khi giở thư ra đọc, tôi không hề giật thót người và kêu lên. Tôi không kinh hoàng. Tôi đã biết chắc. Tôi biết rằng đúng vào cái lúc tôi cầm tập bản thảo đặt trên lòng và ngấm mặt trời lặn, tôi sẽ nhận được bức thư này." Tôi là thầy giáo làng này và tôi viết để báo tin buồn cho ông rằng Zorba, chủ nhân một mỏ đồng ở đây đã chết vào sáu giờ chiều chủ nhật tuần trước. Trên giường lâm chung, ông ta đã mời tôi tới.

" Lại đây, ông hương sư, ông ta nói - Tôi có một người bạn ở Hy Lạp. Khi nào tôi chết xin ông viết hộ cho ông ấy rằng cho đến phút cuối cùng, tôi vẫn hoàn toàn tỉnh táo và nghĩ đến ông ấy. Và nói với ông ấy rằng, bất kể tôi đã làm gì, tôi vẫn không hối tiếc. Bảo ông ấy rằng tôi mong ông ấy khỏe mạnh và đã đến lúc ông ấy phải tỏ ra khôn ngoan một chút. Nghe thêm một phút nữa thôi.

Nếu có tay linh mục nào đó đến bảo tôi xưng tội và làm phép bí tích cho tôi thì bảo hẳn cuốn xéo cho mau và rửa nguyên tôi thì mới hợp lý. Tôi đã làm vô số, vô số việc trong đời mà vẫn thấy chưa đủ. Những người như tôi lẽ ra phải sống ngàn năm. Chúc ông ngủ ngon.

"Đó là những lời cuối cùng của ông ta. Nói rồi, ông ta ngồi phắt dậy trên giường tung hết chăn mền và cố đứng lên. Chúng tôi chạy đến ngăn ông ta - Lyuba vợ ông ta và tôi cùng với mấy người hàng xóm lực lưỡng. Nhưng ông ta thô bạo gạt tất cả bọn tôi sang bên, nháy khỏi giường và ra chỗ cửa sổ. Ở đó, ông ta nắm chắc lấy khung cửa, nhìn ra tận dãy núi xa, giương to mắt và cất tiếng cười, đoạn hí vang như ngựa, ông đã chết trong tư thế đứng như vậy, móng tay cắm ngập vào thành của sổ.

"Bà vợ Lyuba của ông ta nhờ tôi viết thư cho ông và gửi ông lời chào kính trọng. Người quá cố thường nói chuyện về ông luôn, bà ta nói. Và dặn lại rằng sau khi ông ta chết phải dành tặng ông một cây đàn santuri để nhắc ông nhớ đến ông ta. Vì vậy, bà quả phụ xin ông nếu có qua làng chúng tôi, thì quá bộ tới nghỉ đêm tại nhà bà để bà được đón tiếp và sáng hôm sau, khi ra đi, mang theo cây đàn santuri."